Tác-giả : *LÃN-ÔNG LÊ-HỮU-TRÁC*
Dịch-giả : *ĐÌNH-THỤ HOÀNG-VĂN-HÒE*
với sự cộng tác của HOÀNG-ĐÌNH-KHOA

Sách thuốc Việt-Nam

海上醫宗心領

HẢI THƯỢNG Y TỔN TÂM LĨNH

QUYỂN NĂM

Từ tập 21 đến tập 25

Phụ-đạo xán nhiên — Tọa-thảo lương-mô
Ấu-ấu tu tri — Vận-khí bi-điển — Tập Vĩ

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

Tìm sách

TìmSách

SÁCH THUỐC VIỆT-NAM

HẢI-THƯỢNG

Y-TÔN TÂM-LĨNH

★ ★ ★ ★ ★

TìmSách

TìmSách

Tác-giả : *LÃN-ÔNG LÊ-HỮU-TRÁC*
Dịch-giả : *ĐÌNH-THỤ HOÀNG-VĂN-HÒE*
với sự cộng tác của HOÀNG-ĐÌNH-KHOA

Sách thuốc Việt-Nam

HẢI-THƯỢNG
Y-TÔN TÂM-LĨNH

海上醫宗心領

QUYỂN NĂM

Từ tập 21 đến tập 25

Phụ-đạo xán nhiên — Tọa-thảo lương-mô
Ấu-ấu tu tri — Vận-khí bí-điển — Tập VĨ

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

TìmSách

TìmSách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập PHỤ-ĐẠO XÁN NHIÊN

TìmSách

Lời dịch giả

Cổ ngữ có câu : « thà chữa bệnh cho mười người đàn ông không khó bằng chữa cho một người đàn bà » (Linh trị thập nam tử, bất như trị nhất phụ nhân) là vì đàn bà nhiều chứng bệnh khác biệt với đàn ông mà điều trị không phải là dễ.

Vì thế bộ sách thuốc nào cũng có một tập **Phụ khoa,** *lại có người soạn riêng một quyển :*

Tập này là Lê-tiên-Sinh theo mình đã kinh nghiệm và tham khảo mọi sách, xếp làm từng mục phân ra tập tiền và tập hậu.

Theo như mọi tập tôi cố gắng dịch cho sáng tỏ không những để đỡ công cho mọi độc giả, mà về giới phụ nữ. Trong khi nhàn rỗi, nếu muốn tìm hiểu về những điểm điều kinh, cầu tự, thai tiền và sản hậu thì tập sách này cũng giúp ích phần nào.

Những bài thuốc dưới đây bản chữ Hán ghi là xem số mấy ở tập **Nhật,** *nhưng tôi coi tập* **Nhật,** *cũng có ít bài không đúng số hoặc giả bản in chữ hán khắc lầm. Hơn nữa những bài thuốc ở tập* **Nhật** *nay tôi lại xếp theo thứ tự vần quốc ngữ mà chua số khác, nên những bài thuốc ở trong tập này, tôi chỉ chua là ở tập* **Nhật.**

Viết tại Sài-gòn, tháng Giêng năm 1971
Đinh thụ HOÀNG-VĂN-HÒE

TìmSách

Bài tiểu-dẫn của tác giả

Có người hỏi : sao sách thuốc lại chia ra « phụ-khoa » ?

Tôi đáp : theo Nội-kinh nói : « con trai 64 tuổi mà thiên-quý là chân thủy (tức là âm huyết) suy, con gái 49 tuổi mà thiên-quý đã kiệt », hai bên đã khác nhau, hơn nữa những chứng về nguyệt-kinh và thai tiền, sản hậu lại là gánh nặng của đàn bà, cho nên sách thuốc có câu « chữa 10 người con trai không khó bằng chữa 1 người đàn bà » nên nhà làm thuốc không dám coi thường mà chia làm chuyên khoa.

Tôi soạn ra tập này là lựa chọn ở sách của người đời xưa và mình đã kinh nghiệm, không ngại phiền phức mà đề là quyển **« Phụ-đạo xán-nhiên »** là để giúp một phần cho những người học thuốc, chứ không phải là lập dị. (những bài thuốc ghi ở các mục, bài nào hợp với bệnh thì lựa chọn mà dùng).

LÊ-HỮU-TRÁC biệt hiệu LÃN-ÔNG
làm bài tiểu dẫn trên đây

TìmSách

THỂ LỆ ĐỌC CUỐN SÁCH NÀY

1.— Trong cuốn sách này, mỗi mục lại phân ra căn bệnh, tạp chứng, hư hay thực, phép chữa, bài thuốc, và những vị thuốc dùng đến.

2.— Căn cứ vào bộ sách : **Phùng-thị cẩm-nang.**

3.— Tham khảo những bộ sách : **Cảnh-nhạc, y-học nhập-môn, Tế-âm cương-mục, Phu-nhân lương-phương giản-dị, Sở-tài Tiết-thị y-án, Cổ-kim y-giám chuẩn-thằng v.v...**

Tìm sách

PHỤ ĐẠO XÁN NHIÊN GỒM 2 TẬP: TẬP « TIỀN » VÀ TẬP « HẬU »

Mục lục tập « Tiền »

Nguyệt kinh (gồm 5 điều).

1.— Căn bệnh.
2.— Phân biệt chứng bệnh.
3.— Phép chữa.
4.— Những phương thuốc thường dùng.
5.— Những vị thuốc thường dùng.

Chứng băng huyết và lậu huyết (gồm 13 điều)

1.— Căn bệnh.
2.— Phân biệt chứng bệnh.
3.— Những phương thuốc thường dùng về chứng băng-huyết và lậu-huyết.

Chứng đái-hạ (gồm 4 điều)

1.— Căn bệnh.
2.— Phép chữa.
3.— Những phương thuốc thường dùng về chứng đái-hạ.
4.— Những vị thuốc thường dùng về chứng đái-hạ.

Tạp chứng (gồm 18 điều)

1.— Nhiệt vào trong huyết.
2.— Chứng huyết-phận và khí-phận.

Tìm sách

3.— Chứng chích-nhục mai-hạch.
4.— Chứng trưng hà, huyễn tích.
5.— Chứng chỗ kín sưng lên.
6.— Chứng chỗ kín ngứa hay là mọc nhọt.
7.— Chứng chỗ kín lạnh.
8.— Chứng chỗ kín lòi ra.
9.— Chứng chỗ kín mọc thịt.
10.— Chứng mới lấy chồng mà cửa-mình đau.
11.— Chứng giao hợp với đàn ông mà ra huyết.
12.— Chứng chỗ kín như có tiếng thổi.
13.— Chứng bụng dưới sưng và đau (do-hiền).
14.— Chứng gót chân sưng đau.
15.— Chứng gót chân nóng.
16.— Chứng trên đùi có nhọt.
17.— Chứng huyết-phong-sang.
18.— Chứng giao hợp với ma quỷ.

Mục cầu tự (gồm 6 điều).

1.— Căn bệnh.
2.— Lý do không có con.
3.— Những phương thuốc cầu tự.
4.— Bàn về thụ thai.
5.— Mạch như thế nào là có thai.
6.— Phân biệt trai hay gái.

Mục-lục tập « Hậu »

Lúc có thai (thai tiền) (gồm 5 điều).

1.— Căn bệnh.
2.— Phân biệt chứng bệnh.

Tìm sách

3.— Phép chữa.
4.— Những phương thuốc thường dùng trong khi có thai.
5.— Những vị thuốc thường dùng trong khi có thai.

Những chứng bệnh trong khi có thai (gồm 31 điều)

1.— Nôn ọe.
2.— Buồn phiền (tử-phiền)
3.— Phiền táo.
4.— Tử huyền.
4 bis.— Tử mãn, tử sũng tử khí.
5.— Đau bụng.
6.— Đau ngang lưng.
7.— Lậu thai ra huyết.
8.— Đi cầu ra huyết.
9.— Đái rắt (tử lâm).
10.— Chuyển dạ con.
11.— Không nói được (cấm khẩu).
12.— Đi đái són ra.
13.— Trúng phong.
14.— Sốt thương hàn.
15.— Sốt rét (tử ngược)
16.— Đi lỵ.
17.— Đau bụng (hoắc-loạn).
18.— Đi tả.
19.— Thương thực.
20.— Thổ huyết.
21.— Suyễn xúc.
22.— Lo thương.
23.— Thai khóc trong bụng.
24.— Động thai, lậu thai.

TimSách

25.— Thai chết trong bụng.
26.— Trụy thai.
27.— Thai không lớn lên được.
28.— Quỷ thai.
29.— Chứng tràng đàm (bệnh về ruột tựa như có thai).
30.— Huyết tích tựa như có thai.
31.— Có thai khác thường.

Sản-hậu (gồm 4 điều).

1.— Căn bệnh.
2.— Những chứng về sản hậu.
3.— Phép chữa.
4.— Những vị thuốc thường dùng về chứng sản hậu.

Tạp chứng về sản hậu (gồm 45 điều)

1.— Huyết vận.
2.— Huyết xấu không ra hết.
3.— Huyết xấu ra mãi.
4.— Nhức đầu.
5.— Đau ngực.
6.— Đau bụng.
7.— Đau bụng dưới.
8.— Đau ngang lưng.
9.— Đau cạnh-sườn.
10.— Chứng tích-tụ (trưng, hà)
11.— Nôn, ọe.
12.— Đi tả.
13.— Đi lỵ.
14.— Nấc.
15.— Thở suyễn.
16.— Phù-nề.

Tìm sách

17.— Đau mình và tay chân.
18.— Phát sốt.
19.— Thương thực mà phát sốt.
20.— Ra mồ-hôi vì hư yếu.
21.— Mồ-hôi ra ở đầu mà người uất và mụ đi.
22.— Trúng phong.
23.— Người ngay ra.
24.— Cấm khẩu.
25.— Uốn ván.
26.— Gân co vào hay là thượt ra.
27.— Kinh sợ.
28.— Phát cuồng.
29.— Mũi ra máu.
30.— Ho đàm.
31.— Sốt rét.
32.— Lao mòn.
33.— Băng huyết.
34.— Đại tiện khó.
35.— Đái rắt.
36.— Đại tiểu-tiện đều không thông.
37.— Tiểu-tiện đi nhiều.
38.— Đại tiểu-tiện ra huyết.
39.— Ung nhọt.
40.— Kinh nguyệt không thông.
41.— Không có sữa.
42.— Sữa tự nhiên ra.
43.— Chỗ kín lòi ra.
44.— Cửa mình không lẹp lại.
45.— Nhũ ung và nhũ nham.

TimSách

TìmSách

PHỤ ĐẠO XÁN NHIÊN

Tập Tiền

NGUYỆT-KINH

Nội-Kinh nói : « đàn bà mạch « sung » là nơi chứa huyết, mạch « nhâm » chủ về bào thai, hai mạch có lưu thông thi nguyệt kinh hàng tháng đi xuống, kinh đã ra thi huyết mạch vơi đi sau mấy hôm lại đầy dần ».

Lại nói : « huyết ấy, đàn ông thi vận hành mà không tích lại, đàn bà thi tích lại mới đầy đủ mà rào ra ».

Tuy thế, muốn cho huyết mạch đầy đủ lại bởi cả 12 kinh lạc và cả tạng phủ khác.

Sách cổ nói : « sữa và nguyệt kinh cũng là loại thủy, vi *nhâm* và *quý* là tên riêng của thủy, nên mới gọi huyết là « thiên-quý-thủy » mà hàng tháng thấy một lần nên mới gọi là nguyệt-kinh.

Cổ-thư nói khí vị của thức ăn uống biến ra sắc đỏ đi vào hai mạch sung và nhâm mà thành nguyệt-kinh, lúc chữa thi dưỡng thai, lúc đã sanh thi một phần biến ra trắng mà thành nước sữa. Vì thế, người nào không cho con bú thi huyết chóng vượng.

Nội-Kinh còn nói : « sở dĩ ngoài 14 tuổi mới có nguyệt kinh, vì thời kỳ ấy mạch sung mới đầy đủ mà mạch nhâm mới thông ».

TimSách

I.— CĂN BỆNH

13 tuổi đã hành kinh là người khỏe. Người chậm thấy kinh là bẩm sinh yếu hay là âm huyết hư yếu, người nào chậm thấy quá nên bồi bổ và chậm lấy chồng. Đàn ông lấy vợ sớm quá thường thành chứng gầy yếu khiếp sợ, đàn bà lấy chồng sớm quá thì kinh không điều, mà lấy chồng muộn quá cũng không điều mà thường sinh bệnh, người nào tình dục quá nhiều thời chân huyết khô mà sinh dục nhiều quá cũng khô chân huyết.

Lại có người vì khó nhọc quá mà không điều, có người vì ăn uống thiếu mà không điều, có người vì phong hàn vào huyết mạch mà không điều, cho nên lúc hành kinh phải rất cẩn thận.

Đàn bà hay có chứng uất, đã uất thì động hỏa mà hại đến tạng tâm, tạng tỳ rồi sang các tạng khác, âm huyết còn nhờ về thủy ở tạng thận, một khi tạng thận yếu thì huyết khô, những chứng trên khiến nguyệt kinh thấy trước kỳ hạn hay sau kỳ hạn, (kỳ hạn trong khi vô bệnh), hay là lậu huyết không chữa mà có ngày sẽ thành chứng lao mòn.

Dương khí thái quá thì thấy sớm, dương khí bất cập thì thấy muộn, cũng có người có tháng thấy nhiều, có tháng thấy ít, hay là không thấy mà thành ra băng huyết hay lậu huyết, đều bởi âm và dương thịnh hay suy, thấy trước mà nhiều là khí dương lấn khí âm mà huyết tản đi, thấy sau mà ít là huyết khô hay lạnh.

Thấy sắc đen hay tía có người vì hỏa vượng mà cũng có người vì hư hàn, còn như đỏ nhờ hay trắng

TimSách

thì đúng là kém chân hỏa mà cũng có người vì đàm, thấy vàng mà đục là vì đàm, nhưng còn phải xem hình sắc người và hỏi nguyên ủy, nhất là căn cứ vào mạch.

Đàn bà có người tình dục còn nhiều hơn đàn ông, cho nên bệnh tật nhiều hơn, muốn điều kinh cần nhất là phải bớt tình dục.

2.– PHÂN BIỆT BỆNH CHỨNG

Lúc hành kinh nên cẩn thận cũng như lúc sanh nở, trong khi hành kinh mà chợt gặp tà khí cảm vào hay tắm rửa lạnh quá, hoặc ăn nhiều thức sống thức lạnh, hoặc uất giận quá, cũng có khi ngừng lại mà thành chứng huyết trệ, kinh đã sạch mà phòng dục nhiều hay là khó nhọc quá thì động hỏa mà thành chứng huyết khô.

Không cứ là vì bệnh, có khi vì kinh sợ quá mà kinh ra đàng mũi hay đàng miệng. Có khi kinh nguyệt va chạm với thủy khí trong người mà thành chứng phù nề, va chạm với thấp nhiệt mà thành chứng băng huyết, kết ở trong mà thành ra chứng huyết tích (trưng hà huyết khối) kinh khô thì thành ra chứng lao mòn, sốt nóng tận xương, kinh khí không điều mà thành chứng xích bạch đái-hạ, kinh không hành rồi truyền vào phổi mà thành chứng thổ-suyễn. Bệnh về nguyệt kinh đều vì kém bổ dưỡng và thiếu cẩn thận.

Chữa bệnh cho đàn bà là phải hỏi nguyệt kinh trước, kinh ra mà sắc đỏ nhờ là người yếu, sắc tía là nhiệt mà sắc đen là nhiệt nhiều, nhưng cũng có người tạng hàn

TimSách

mà kinh cũng tím và đen, thì lại phải xem về mạnh, nếu mạch chậm là hàn mà mạch đi nhanh là nhiệt.

Gọi là nguyệt kinh là mỗi tháng 1 lần nhưng cũng có người ba tháng thấy 1 lần, có người 1 năm thấy 1 lần, có người khi thụ thai mới thấy 1 lần (*ám kinh*). Còn người nào đến tháng là huyết ra đằng miệng, đằng mũi hay khóe mắt, lỗ tai là *đảo-kinh*. Con gái chậm lấy chồng có người khí âm khí dương bất điều mà lúc nóng lúc lạnh như chứng sốt rét, rồi nguyệt kinh bế lại mà sinh ra nhiều bệnh, đàn bà góa cũng vậy.

Về chứng không hành kinh, có người vì quá gầy yếu, có người vì béo quá nhiều mỡ, có người vì đàm thấp, có người vì hàn ngưng, cũng không ngoài bốn chữ hư, thực, hàn, nhiệt, mà về mạch thì đi nhanh mà hữu lực là nhiệt, đi chậm mà vô lực là hàn.

Hành kinh mà sốt từng cơn (trào-nhiệt) đau bụng hơn nữa ho, ọe, ra mồ hôi, hay là đi cầu lỏng là phải điều trị ngay mới khỏi sanh ra bách bệnh.

Đương khi hành kinh cấm không nên giao hợp với đàn ông, nếu không kiêng thì huyết và tinh sẽ tích lại mà thành chứng *hòn-khối* hay là chứng *kinh-lậu* (kinh đầm đìa không sạch).

Chưa đến kỳ hạn mà đã hành kinh là tạng thực (mạnh) mà nhiệt, quá kỳ hạn mới thấy là tạng hư yếu mà hàn, còn một lẽ, thấy trước là huyết hữu dư, mà thấy sau là huyết bất túc.

Tìm sách

3.– PHÉP CHỮA

Lúc hành kinh đau bụng như dùi đâm, vừa sốt, vừa rét, kinh ra như nước đậu đen, hai bộ xích « trầm, sắc » ngoài ra đều « huyền, cấp » là bởi hạ-tiêu hàn thấp, mới ra như nước đậu đen, phải chữa bằng thuốc về huyết những vị cay đắng và ôn. Có người vì huyết thiếu mà bế sáp nên dưỡng huyết mà thuận khí. Có người vì khí trệ mà huyết bế sáp lại, phải bổ cả tỳ, phế và thận.

Kinh không thông phần nhiều có đau và sốt, thấy trước kỳ hạn là nhiệt, thấy sau kỳ hạn là hư yếu. Kinh không thấy có người vì huyết trệ, có người vì huyết khô. Hành kinh mà đau bụng thường xuyên và đau trước khi hành kinh là huyết-tích, đau sau khi hành kinh là hư yếu. Hành kinh mà phát sốt, có người vì huyết thiếu mà có tích thì thường thường phát sốt, có người vì huyết thiếu mà nhiệt thì lúc hành kinh là phát sốt, đó là nguyên do nguyệt kinh không điều và đau bụng hay phát sốt.

Vậy phép chữa phải điều khí, hành huyết, khai uất, bổ hư, và mát cho chân huyết. Chữa chứng huyết phải hành khí cho nên dùng đến vị hương-phụ. Chữa chứng huyết phải giúp sức bằng vị thuốc nhiệt, cho nên thường dùng đến vị nhục-quế. Còn có người đại bệnh rồi mà kinh bế thì lúc khí huyết như thường là kinh lại hành. Nếu huyết trệ kinh bế mà cần phải phá huyết sẽ dùng vị đại-hoàng hay lá sơn-khô (can-tất), mà cũng không nên mạnh quá.

Cũng có người đã hành kinh, rồi lại ngừng 2, 3 năm hay là chỉ hành kinh vào những tháng cuối mùa (tức là 3 tháng mới thấy 1 lần) đều là khí huyết suy yếu, phép

Tìm Sách

chữa phải bổ huyết thuận khí, khí đã hành thì huyết cũng hành mà chớ có công phạt. Cả những chứng nguyệt kinh dây rớt không sạch, chứng nóng rét có hòn khối đau sói lên trên, xuống dưới, thổ ngược lên mà thân thể gầy mòn, dù phải chữa về huyết nhưng cũng phải thuận khí.

Huyết tức là thủy, lúc có thai thì ngừng lại, lúc đã sanh thì ra sữa để nuôi con, cho nên thuốc điều kinh có khi dùng đến bài « lục-vị » hay bài « bát-vị ».

Lại có người có bệnh mà kinh nguyệt không điều, thì phải chữa về bệnh trước. Có người vì không điều kinh mà sinh ra bệnh thì phải điều kinh trước.

Chứng bệnh về giao hợp với đàn ông trong khi đương hành kinh thì gọi là chứng « tích-tinh », họ phần nhiều giấu đi cho nên phải chẩn mạch và vấn chứng kỹ càng mới hiểu được, nhất là con nhà phú quý ở kín chỗ màn the, thì trông hình sắc, hỏi chứng bệnh và nghe tiếng nói lại không được rõ ràng.

4.– NHỮNG PHƯƠNG THUỐC PHẢI DÙNG ĐẾN

Chưa đến kỳ hạn mà đã hành kinh là có nhiệt nên dùng bài *lục-vị* (số 2 quyển Huyền-tẫn) cũng chứng ấy mà lại thấy ra nhiều cũng dùng bài *lục-vị* thêm những vị hải-phiêu-tiêu, bạch-chỉ, sài-hồ, bạch-thược, ngũ-vị.

Nếu nửa tháng hay 10 ngày đã hành kinh là khí hư yếu, nên uống bài *bổ-trung-thang* (số 2 quyển Khôn-hoá).

Tìm sách

Nếu quá kỳ hạn mới hành là chân hỏa kém mà hàn, là uất, là đàm cũng dùng bài *bổ-trung* mà thêm những vị hương-phụ-chế, bán-hạ-chế và lá ngải-cứu sao, nếu sắc thấy đỏ nhợt cũng dùng bài thuốc ấy mà thêm vị nhục-quế.

Hành kinh rồi mà đau bụng là khí huyết đều hư yếu, nên uống bài *bát-chân* (số 4 quyển Khôn-hóa). Nếu là hư nhiệt nên uống bài « *tiêu-giao* » (quyển Nhật).

Nếu vì khí trệ mà kinh ra không hết nên uống bài *tứ-vật* (số 4 quyển Khôn-hóa) thêm vị mộc-hương.

Nếu hành kinh rồi lại phát sốt mà mỏi mệt mắt không trông rõ là vì khí âm của tạng tỳ hư yếu, nên uống bài *quy-tỳ* (số 50 quyển Khôn-hóa) và thêm bài *bổ-trung* (số 2 quyển Khôn-hóa) mà không nên uống thuốc mát.

Người sắp hành kinh mà đau mình, người đương hành kinh hay là hành kinh rồi mà đau mình, đều là chân khí kém.

Có người đi cầu lỏng hai ba ngày rồi mới hành kinh là tạng tỳ và tạng thận đều hư yếu, nên uống bài *quy-tỳ-thang* mà thêm bớt một hai vị.

Có người kinh ra nhiều quá rồi lại rớt trắng ra (bạch đới), ngày nhẹ đêm nặng, đi cầu vô độ là dương hư yếu mà hàn trở xuống (dương thoát), nên uống bài *thập-toàn* (số 43 quyển Khôn-hóa), mà huyết dược ít hơn khi dược, hay là bài *bổ-trung-thang*.

Có thuyết nói : « thuốc điều kinh nên bổ chân huyết mà dẹp chân khí đi », là không rõ khi có hành thì huyết

Tìm sách

mới hành. Nếu quả là vì hỏa uất mà khí thịnh hơn huyết mới nên dùng bài *đan-hương-phụ-tán* (một vị hương-phụ-chế mà tán ra) mà thêm những vị mộc-hương, binh-lang, chỉ-xác để khai uất hành khí, ngoài ra không thể bổ huyết để lại háo chân khí.

Sở dĩ gọi vị hương-phụ là tiên dược để chữa cho đàn bà, là vì đàn bà hay có chứng uất mà vị ấy khai được uất, chứ không phải là bệnh gì cũng nên dùng đến hương-phụ.

Người đương hành kinh mà ở trong ăn thức sống lạnh ở ngoài cảm hàn thấp để ứ huyết ngừng lại nên dùng bài *ngũ-tích-tán* (quyển Nhật), bỏ vị ma-hoàng, thêm vị mẫu-đơn và hồng-hoa.

Người đương hành kinh mà ngoài cảm gió lạnh mà kinh lạc tê trệ nên uống bài *ôn-kinh-thang* là những vị: khung, quy, thược, đan-sâm, ngưu-tất để nhuận chân huyết, vị nhân-sâm và chích-thảo để thêm chân khí, vị quế-tâm để trục hàn khí và thông kinh.

Người nội thương mà tạng tâm uất kết, kinh nguyệt không hành, nên uống bài *phân-tâm-khí-ẩm* bỏ vị bán-hạ, khương-hoạt, thanh-bì, tang-bạch-bì, thêm xuyên-khung, hương-phụ, nga-truật, huyền-hồ, có hỏa thêm vị hoàng-cầm, hay là bài *tiểu-điều-kinh thang* hoặc bài *đan hương phụ-hoàn* (quyển Nhật).

Nếu khí huyết lúc mạnh lúc yếu, kinh lạc lúc bế lúc thông lại kèm có đàm, nên uống *đan đại-hoàng cao*

Tìm sách

(quyển Nhật) hay lấy vị *mã tiên thảo* (nôm gọi là cỏ vọt ngựa) sắc lấy nước rồi đun đặc cho thành cao mà làm thuốc hoàn, hay là đốt vị mã-tiên (đừng để thành than) rồi tán bột, lại sắc vị hồng-hoa và dương-quy sắc nước mà uống.

Nếu vì tỳ vị yếu phát sốt đau bụng sôi bụng, ăn ít mà không sinh được huyết, nên uống bài *bổ-trung-thang* (số 2 quyển Khôn-hóa) thêm xuyên-khung, hồng-hoa và sinh-địa sao.

Nếu chỉ thấy sôi bụng mà không hành kinh là bởi dạ-dầy yếu, nên dùng 5 chỉ hậu-phác sắc lấy nước uống vào lúc đói, hay mấy lạng thương-truật ngâm nước gạo một đêm rồi thái thành phiến sắc lấy nước đun đặc lại thành cao, gọi là *đan thương-truật-cao* mà uống, nếu lại đi cầu lỏng mà kém ăn nên uống bài *thăng-dương ích-vị thang* (số 4 quyển Khôn-hóa), nếu không đi cầu mà chỉ kém ăn, nên uống bài *nhị-trần thang* thêm hoàng-kỳ, bạch-truật, hương-phụ (tẩm nước đái chế sao), và khung, quy, thược, mẫu-đơn-bì, mạch-môn, sơn-tra, mạch-nha, lại vì thực-tích (thức ăn đình tích) lại thêm nga-truật, chỉ-xác.

Nếu vì thấp đàm mà kinh bế nên uống bài *đạo đàm thang* (quyển Nhật) thêm vị xuyên-khung và hoàng-liên.

Nếu người vốn gầy yếu miệng khô hay ăn mỹ vị rồi thành đàm hỏa mà có sốt từng cơn, nên uống bài *tiêu-dao-tán* (quyển Nhật) bỏ vị bạc-hà, thêm vị hoàng-cầm, hay là bài *gia vị dưỡng vinh thang* hay là bài *tứ-quân thang* thêm vị hoàng-cầm để bồi bổ khí huyết.

Tìm sách

Như trên là vì lẽ người béo phần nhiều là bởi đàm mà người gầy đều phần nhiều bởi hỏa.

Người nào khí huyết đều suy yếu mà không hành kinh, nếu lần thấy trước, lần thấy sau, lần thấy nhiều, lần thấy ít, có lần mấy tháng mới thấy, có lần 1 tháng 2 lần thấy cũng nên thêm bớt bài *thập-toàn* hay là bài *đương-quy-tán* (quyển Nhật), bài *điều-kinh-tán* (quyển Nhật) hay là bài *đan đan-sâm-tán* (quyển Nhật).

Kinh nguyệt tháng thấy tháng không mà đầm đìa không sạch, hẳn trong bụng đau như cắm dùi, nếu khí ở rốn ngược lên ở ngực ngăn cách mà muốn oẹ, nên uống bài *đào-nhân-tán* (quyển Nhật) hay là dùng 4 chỉ xuyên-quy, 3 chỉ lá sơn-khô tán hoàn với mật mà uống. Nếu bệnh chứng như trên mà lưng rốn và bụng lại đau, nên uống bài *ngưu-tất-tán* (quyển Nhật).

Nếu tháng hành tháng không mà đau bụng, nên uống bài *thất-tiêu-tán* (quyển Nhật).

Nếu nguyệt kinh lúc thấy lúc ngừng mà người thì nóng lạnh trở đi trở lại, nên uống trước bài *tiểu-sài-hồ* thang (quyển Nhật) thêm vị sinh-địa sao rồi uống bài *tứ-vật*.

Nếu nguyệt kinh thấy luôn nên uống bài *tứ-vật* với nhiều vị bạch-thược, và thêm vị hoàng-cầm đều sao. Nếu hành kinh không ngừng cũng bài ấy thêm vị địa-du và a-dao đều sao, và vị kinh-giới sao đen, có nhiệt thêm vị hoàng-cầm hay là uống bài *cố-kinh-hoàn* (quyển Nhật).

Tìm sách

Kinh ra thấy tím là phong nên uống bài *tứ-vật* thêm vị phòng-phong, bạch-chỉ, hoa kinh-giới sao.

Kinh ra thấy đen là nhiệt nên uống bài *tứ-vật* thêm hoàng-cầm, hương-phụ, hoàng-liên (ít và tẩm rượu sao).

Kinh ra mà đỏ nhờ là người yếu mà hàn, nên uống bài *cổ khung-quy thang* (quyển Nhật) thêm sâm-kỳ thược và hương-phụ. Nếu thêm có đàm mà thủy ngừng lại nên uống bài *nhị-trần thang* (quyển Nhật) thêm xuyên-khung, xuyên-quy.

Nếu thấy như mầu tro bụi, nên uống bài *nhị-trần* thêm tần-bòng, phòng-phong, thương-truật.

Nếu thấy như nước đậu nên uống bài *tứ-vật* thêm hoàng-cầm và hoàng-liên đều sao.

Nếu thấy thành từng khối là khí-trệ, nên uống bài *tứ-vật* thêm vị hương-phụ, huyền-hồ, trần-bì, chỉ-xác.

Đàn bà nóng âm từng lúc là nội thương mà ở trong hư yếu nên uống bài *đại ôn-kinh-thang* (quyển Nhật).

Nếu nóng từng cơn không cứ lúc nào là ngoại cảm nên uống bài *tứ-vật* thêm sài-hồ, hoàng-cầm.

Kinh sắp thấy mà rốn và bụng đau như vặn ra là huyết-trệ, nên uống bài *tứ-vật* thêm khổ-luyện, binh-lang, mộc-qua đều 1 chỉ, nếu đau lắm nên uống bài *vạn-ứng hoàn* (quyển Nhật).

Hành kinh rồi mà đau bụng là chân huyết kém nên uống bài *bát vật thang* (số 42 quyển Khôn-hóa) hay là bài *tiêu-ô-kê-hoàn* (quyển Nhật).

Tìm sách

Nếu ăn nhiều thức chua lạnh hay là thức nóng mà huyết không thông nên uống bài *hồng-hoa dương-quy-tán* (quyển Nhật) hay là bài *tử-qui-tán* (quyển Nhật).

Nếu ngoài 20 tuổi chưa lấy chồng, có khi lo nghĩ hay là chưa lớn đã nghĩ đến việc lấy chồng mà không được toại nguyện, cũng có người gặp vào 2 trường hợp ấy mà kinh bế cũng là khó chữa, nên uống bài *tứ-vật* thêm sài-hồ, hoàng cầm hay là bài *tiêu-giao-tán* (quyển Nhật) thêm sơn-chi, hoàng-cầm, hoàng-liên sao.

Đàn bà góa vì uất kết lo nghĩ mà lúc nóng, lúc lạnh mặt đỏ, bụng phiền, tự ra mồ-hôi, nên uống bài sài-hồ *ức can thang* (quyển Nhật) hay là bài *ức âm địa hoàng-hoàn* (quyển Huyền) hay là bài *việt-khúc hoàn* (quyển Nhật).

5.– NHỮNG VỊ THUỐC DÙNG VỀ CHỨNG NGUYỆT KINH

1.– Để bổ huyết kinh như : quy, thục, thược, tỏa-dương, ngưu-tất, kỷ-tử, quy-bản, nhục-thung-dung, nhung và cao của hươu hay nai.

2.– Để ôn cho chân huyết như : quế tâm, nhục-quế, phụ-tử, gừng sao đen.

3.– Để nhuận cho chân huyết như : thiên-môn, mạch-môn, nhục-thung-dung, tỏa-dương, a-giao.

4.– Để mát cho chân huyết như hoàng-cầm, hoàng-liên, mẫu-đơn-bì, sơn-chi, khổ-sâm, sinh-địa, nước ngó sen, nước rễ cỏ tranh.

TimSách

5.— Để phá huyết như đào-nhân, hồng-hoa, tô-mộc, huyết-kiệt, nước lá-hẹ, nước đồng-tiện, lá sơn-khô, tam-lăng, nga-truật, bồ-hoàng, ngũ-linh-chi, thỉ-thực, xuyên-khung, quy-vĩ.

***

CHỨNG BĂNG-HUYẾT LẬU-HUYẾT

1.— CĂN BỆNH

Huyết ra mạnh mà nhiều như núi lở thì gọi là « băng », *băng-huyết* là chứng cần cấp. Huyết nhỏ giọt ra như nhà bị dột thì gọi là « lậu », *lậu huyết* là chứng trì-hoãn.

Theo như Nội-kinh thì chứng này hoặc vì kinh lạc về huyết có bị tổn thương, hoặc vì tỳ-vị suy yếu, hay là vì lo thương hại đến dây ở tạng tâm, vì giận dữ động hỏa ở tạng can, hoặc vì khó nhọc quá độ, nhưng phần nhiều vì dương khí trong người yếu quá không giữ được âm huyết mà có thể cho là ngũ tạng đều bị hư tổn, mà nhất là tâm và thận.

2.— PHÂN BIỆT BỆNH CHỨNG

Vì nhiệt thì sắc đỏ gọi là *dương-băng*, vì hàn thì sắc trắng gọi là *âm-băng*, cũng có người huyết ra đủ cả ngũ sắc gọi là *ngũ-băng*.

Chứng băng cũng có người nhiệt, còn chứng lậu đa số

TimSách

là hàn, lại xem người vốn mạnh hay vốn yếu, mạch trầm mà vô lực là yếu mà hàn, mạch nhanh mà hữu lực là bệnh mạnh mà nhiệt, (mạnh là thực, yếu là hư). Nếu hình thể và mạch đều hư yếu thì dù có nóng cũng là giả nhiệt.

Chứng băng vì khó nhọc thương tổn phải đại bổ khí huyết, và đem khí của tỳ-vị trở lên, lại thêm ít vị để trấn tạng tâm, không nên dùng nhiều thuốc mát để ngừng chân huyết, cổ nhân có dùng đến vị can-khương sao gần cháy và vị quế-tâm, không những để ôn chân huyết mà còn có nghĩa để tản chân huyết.

Dương nhờ dựa vào âm, âm nhờ dựa vào dương, nếu dương khí hữu dư thì âm huyết đi ra các khiếu ở trên, dương khí bất túc thì âm huyết đi ra khiếu ở dưới, (khiếu là lỗ hổng) vì âm và dương phải cân đều với nhau.

Nhiều người cho huyết ra tím hay đen là nhiệt, nhưng không biết huyết ở trong kinh lạc thì tươi đỏ, đã ra ngoài phần nhiều đọng lại mà đen tím. Còn chứng băng mà đau bụng; là bởi huyết đã không vận hành mà đi ra tất nhiên phải đau, một khi lại vận hành ở kinh lạc mà không còn băng thì đâu còn đau bụng, chỉ uống những vị như khung và quy, thêm khương sao đen và phụ-tử để ôn mà vận hành là ngừng đau mà thôi.

Chữa chứng băng nên bổ khí, nên đem trở lên, nên thêm những vị sao đen hay là đốt thành than, vì huyết thấy đen thì cầm lại, thấy ra mạnh mà có nhiệt nên dùng những vị mát gọi là thanh bổ như những vị sinh-địa sao, a-giao sao, bạch-thược đều sao, mạch-môn, lá dâu và

TimSách

mộc-nhĩ đều đốt thành than, chớ nên dùng những vị lạnh để ngừng lại.

Những người trước phú quý mà sau bần tiện, nếu có chứng này, thì vừa bổ tỳ-vị lại thêm thuốc để trấn tĩnh trạng tâm.

Ông Đông-Viên có dùng những vị thuốc để đem huyết về mọi kinh lạc, ông cho rằng nếu chỉ dùng thuốc để cầm huyết mà không có thuốc để đem về kinh lạc là không được. Người nào vì lo nghĩ quá cũng nên bổ huyết trước và an thần sau.

Tuy nhiên, cần cấp thì chữa về ngọn mà thong thả thì chữa từ gốc, vậy phải cầm huyết trước rồi mới bổ huyết và mát chân huyết, ngoại trừ những người phải bổ gấp ngay mới có thể cầm được huyết.

3.— PHƯƠNG THUỐC DÙNG VỀ CHỨNG BĂNG VÀ LẬU

Tuy tạng tâm chủ về huyết, tạng tỳ để tóm giữ chân huyết, nhưng cũng gốc ở tạng thận.

Chứng lậu huyết xét ra là vì thấp khí, nên uống bài *thăng-dương trừ-thấp thang* (quyển Nhật) bệnh khỏi nên bổ như sâm, quy, cam-thảo v.v...

Ông **Lập-Trai** nói: « có người bị chứng băng, uống nhiều thuốc hàn-lương (lạnh), rồi phiền khát uống nhiều nước, người mụ đi mà không ăn, mạch « hồng-đại » mà ấn tay mạnh lại « vi-nhược » thế là trong thật hàn mà

TìmSách

ngoài giả nhiệt, sau uống bài *thập toàn đại bổ thang* (số 43 quyển Khôn-hóa) thêm phụ-tử, rồi uống đến bài *bát-vị hoàn* mà khỏi ».

Có người băng huyết uống thuốc mát chân huyết thì đỡ rồi lại phát bệnh, uống thuốc giáng hỏa thì đau bụng, thế là tỳ-vị hư yếu, sau uống bài *lý-trung* (quyển Nhật) kế tiếp đến bài *tế sinh quy-tỳ* (quyển Nhật) và bài *bổ trung thang* (số 1 quyển Khôn-hóa).

Nếu vừa băng huyết vừa đi cầu những nước là tiểu-âm (cửa mình) và hậu-môn (chỗ đi cầu) đều thoát, nên uống những vị sâm, kỳ, linh, truật, thăng-ma, sài-hồ để vừa bồ vừa thăng.

Nếu bệnh nhân cảm thấy người lạnh như ngồi trong nước mà muốn ấm, huyết rỉ ra như nước mái nhà lợp tranh, hay là rớt trắng (bạch-đái), mạch tuy « hồng-khẩu » mà vô lực, hay là « trầm-phục », thế là mạch sung, mạch nhâm uất trệ, nên dùng những vị như hoàng-bá, thương-truật, hương-phụ, xuyên-khung, bán-hạ, trần-bì, thanh-bì, bạch-chỉ; sài-hồ, nhục-quế, bào-khương, vừa dẹp tạng can vừa khai uất mà đem trở lên.

Chưng băng huyết mà đau ở ngực là vì tạng tâm chủ về huyết, huyết ra nhiều thì đau, nên uống bài *thập-toàn* (số 43 quyển Khôn), bội nhiều sâm, truật.

Chứng lậu mà vì tỳ-vị hư yếu, nên uống bài *lục-quân thang* (số 12 quyển Khôn-hóa), nếu khí hàn trở xuống thời uống bài *bổ-trung* (số 1 quyển Khôn-hóa) thêm bạch-thược.

Nếu tạng can có uất nhiệt nên uống bài *tứ-vật* (số 42

Tìm sách

quyển Khôn-hóa), thêm sài-hồ, sơn-chi, tạng can có phong nhiệt nên uống bài *gia-vị tiêu-giao-tán* (quyển Nhật).

Nếu vì tạng tỳ có uất hỏa, nên uống bài *quy-tỳ* (số 50 quyển Khôn-hóa) thêm sơn-chi, sài-hồ, mẫu-đơn.

Đại khái lúc mới cũng có người nhiệt, nhưng để lâu cũng hóa ra hàn, vì huyết ra nhiều là chân âm hư tổn mà là giả nhiệt.

Ông Đông-Viên nói : « chữa chứng huyết ra ở dưới phần nhiều thành công về bài *tứ-quân* (số 10 quyển Khôn).

Ông còn nói : người ra huyết nhiều, không hỏi đến mạch, mà sắc ngay *1 vị nhân-sâm* cho uống nhiều để cứu vãn, dù có sốt, ho, mà mạch « sác » cũng là giả nhiệt, mà cần dùng đến sâm, rồi chữa đến tạng tỳ, tạng thận.

Người nào vì khó nhọc mà kinh nguyệt ra nhiều rồi đầm đìa không sạch, hay là có thai mà lậu huyết, nên uống bài *giao-ngải thang* (số 36 quyển Khôn). Nếu gầy yếu mà chân huyết nóng có những chứng băng-huyết, lậu-huyết, xích-bạch-đái hoặc sốt nóng tận xương mà không có thai, nên uống bài *ô-kê-hoàn* (quyển Nhật).

Đàn bà ngoài 40 tuổi mà hàng tháng vẫn thấy kinh hay là kinh ra nhiều nên uống bài *đan-cầm tám-hoàn* (quyển Nhật). Nếu băng huyết rồi lại ra huyết không ngưng nên uống bài *thập-hội-hoàn* hay bài *bị kim tán* hoặc bài *liên-hồng-tán* (đều quyển Nhật).

Người lậu-huyết vì chân khí kém nên uống bài *bát vị vật thang* (số 2 quyển Khôn-hóa) thêm ký. Người nào vì

TìmSách

chân huyết kém nên uống bài *tứ-vật* thêm a-giao, lá ngải sao và gừng sao đen. Nếu lâu không chỉ, nên uống bài *bách-tử phụ quy-hoàn* (quyển Nhật). Nếu rốn và bụng đau vì lạnh nên uống bài *phục-long-can-tán* (quyển Nhật). Nếu khí và huyết đều kém nên uống bài *đại-ôn-kinh-tán* (quyển Nhật).

Người nào ăn nhiều cao lương mỹ vị để thấp nhiệt bức xuống thành ra chứng lậu, ra tím hay đen mà hôi thối, nên uống bài *giải độc tứ-vật thang* (quyển Nhật).

Cũng có người đã nhiều tuổi mà băng huyết, nên uống bài *phục-long-can-tán* (đã kể ở trên).

Nếu vì nóng mà băng lậu, nên uống bài *đan-cầm tán tán* (quyển Nhật), hay là bài *ích-nguyên-tán* (quyển Nhật), thêm muội nồi (đun bằng rơm cỏ). Nếu thêm thấp uống bài *thăng-dương trừ thấp thang* (quyển Nhật).

Chữa chứng băng huyết thường dùng những vị tóc, bồ-hoàng, lá sen khô và tê-giác đều đốt thành than hòa với nước hay hòa với thuốc mà uống.

∴

MỤC ĐÁI-HẠ

Chỗ cửa mình ra vật trắng như thể tinh-khí của đàn ông mà đầm đìa lôi thôi không sạch thì gọi là *bạch-dâm* mà tức là đái-hạ.

Tìm sách

1.— CĂN BỆNH

Chứng này bởi ở mạch « đái », mạch ấy là một trong 8 mạch *kỳ-kinh*, vòng quanh thân người, cho nên gọi là « đái » mạch ấy thuộc về tạng thận, nếu tạng thận suy yếu thì mạch đái rỉ ra mà thành chứng kể ở trên.

Chứng này ở đàn ông thì gọi là *di-tinh bạch-trọc*, mà ở đàn bà thì gọi là *đái-hạ bạch-dâm.*

Chứng này ra vừa đỏ vừa trắng nên mới gọi là *xích bạch đái*, nhưng phần nhiều là trắng, người có chứng này thì mặt không quang nhuận, tinh thần đoản thiểu, lưng gối đau mỏi mà khó sanh dục.

Rỉ ra mà không đặc mấy là bởi kinh túc-thái-âm và kinh túc-thiếu-dương, nếu đặc mà dính là bởi kinh thủ-quyết-âm và kinh thủ-thiếu-dương.

Chứng này phần nhiều bởi tạng thận hư yếu, ngoại trừ những người hình thể béo tốt mà vẫn có chứng thấp nhiệt.

2.— PHÉP CHỮA

Ông Vương-thúc-Hòa nói : « chứng băng huyết lậu huyết mà người không được mạnh sẽ thành ra chứng đái-bạch, chứng lậu-huyết lâu ngày thì thủy ở tạng thận khô ráo ». Lại nói : « chữa chứng bạch-dâm nên mát cho tạng phế, chữa chứng đái-hạ nên bổ-huyết ».

Nhưng theo tôi thì người nào vẫn có thấp nhiệt mà lại dùng thuốc ôn bổ thì lại trợ dương hỏa mà âm huyết

TimSách

càng khô, là vì dù hạ-tiêu có bàn mà trung-tiêu lại có thấp nhiệt, hỏa thăng thủy giáng thì vật bẩn vẫn ra rồi thành ra tanh hôi.

Phép chữa nên mát cho thượng-tiêu mà bổ cho hạ-tiêu thì thanh trọc mới phân. Cho nên ông Đan-Khê có nói: « ra đỏ là huyết, ra trắng là khí là đàm ». Như vậy người béo phần nhiều có đàm thấp, nên dùng những vị như nam-tinh, bán-hạ đều chế và sao kỹ, và vị bải-thạch, vị hoàng-bá sao, và thanh-đại, xuyên-khung, thung-thụ-bì v.v...

Như trên là cùng một chứng thấp, ông Đan-Khê chữa bằng những vị đắng mà lạnh, thế mà cổ nhân vẫn chữa khỏi bằng những vị cay mà ôn, vì ông Đan-Khê là chữa trái đi mà theo về đường lối thẳng. Cổ nhân là lựa với bệnh mà chữa. Chứng xích-bạch-đới bởi thấp nhiệt mà rốn và bụng có đau, không dùng vị thuốc cay mà ôn thì không tan đi được, còn người nào rốn và bụng không đau là còn nhẹ, mà tạm dùng những vị đắng mà hàn là đúng.

3.– NHỮNG PHƯƠNG THUỐC ĐỂ CHỮA VỀ CHỨNG ĐÁI HẠ

Thấy đỏ là có hỏa, phải bổ cho tạng thận. Trắng nhiều mà đỏ ít, nếu là tạng tỳ hư yếu nên uống bài *lục-quán* (số 11 quyển Khôn-hóa) thêm vị thăng-ma, xuyên-quy. Nếu tạng cạn yếu nên uống bài *tiêu-giao-tán* (quyển Nhật), gồm bài *lục-vị* (số 2 quyển Huyền). Nếu vì tạng can uất hại đến tạng tỳ, nên uống bài *bổ-trung thang* (số 2 quyển Khôn-

Tìm sách

hóa) thêm tảo-nhân phục-linh hoài-sơn hoàng-bá sao, xương truật và mạch môn v.v... lại uống kèm bài *lục-vị-hoàn* thêm mẫu-lê, hải-phiêu-tiêu, đỗ-trọng, ngưu-tất hoàn với mật, uống vào lúc đói.

Chứng bạch-đái vốn là chân khí hư yếu, cố nhiên là phải bổ tỳ và đem khí trở lên, nhưng hôi thối lắm là thấp nhiệt nhiều, nên có những vị như : thương-truật, bạch-truật, hoàng-bá, phục-linh, thung-thộ-bì mà thêm những vị để đem khí trở lên.

Nếu trắng trong như lòng trắng trứng gà là tỳ và thận yếu quá, mặt hẳn không quang nhuận, ống chân hẳn nề, lưng gối hẳn đau, nên uống bài *ngũ-vị-tử-hoàn* quyển Nhật) mà uống xen với bài *quy-tỳ thang* (quyển 15 Khôn-hóa).

Nếu chân âm hư yếu mà có hỏa, nên uống bài *bát-vị hoàn* thêm những vị ngũ-vị, thổ-ti, xa-tiền, hoàng-bá.

Nếu trắng mà dính đặc, nên uống bài *lục-long cổ-bản hoàn* (quyển Nhật) hay là bài *thập-lục-vị bảo-nguyên thang* (quyển Nhật).

Chứng xích-bạch-đái mà đau bụng không muốn ăn, mỗi ngày một gầy nên uống bài *dương-quy tiên* (quyển Nhật).

Chứng bạch-đái, bạch-dâm, bạch trọc ra như nước gạo nên uống bài *uy-hỉ-hoàn.*

Bài thuốc *đại-hiệu cung-hoàn* (quyển Nhật) để chữa chứng đàn bà huyết lạnh bạch-đái mà rốn và bụng đau

Tìm sách

như cầm dùi, không những khỏi bệnh mà có thể sanh nhiều và tràng thọ.

Nếu chứng bạch-đái đã lâu người gầy kém sức, mỏi lưng đau đùi kém ăn, mặt vàng mà nề, đái ít, nếu uống bài *nhân-sâm hoàng-kỳ tán* (quyển Nhật).

Nếu người gầy mạch đi nhanh (sác) buồn phiền từng cơn là chứng âm hư yếu mà hỏa mạnh (thịnh) nên uống bài *linh-bá tiên-bì hoàn* (quyển Nhật).

Nếu vì kinh nguyệt đầm đìa không sạch hay là băng huyết ra nhiều hay là sản hậu ra huyết nhiều quá, đến nỗi âm dương đều kiệt, vinh-khí (khí ở trong) không thang mà huyết ngừng lại, vệ-khí (khí ở ngoài biểu) không giáng mà tinh khí trệ lại ở hạ-tiêu, tích lại là thành trắng nhờn như nước mũi mà tanh hôi, nên uống bài *hoàng-kỳ kiên-trung thang* (quyển Nhật), bỏ vị quế thêm xuyên-quy mà uống thuốc viên *khổ-luyện hoàn* (quyển Nhật). Lâu không chỉ là rốn, bụng đau sang cả chỗ cửa mình, đầu có vẻ lạnh, nên uống *đông-viên cố-chân hoàn* (quyển Nhật).

Dù hư yếu mà có hỏa nên uống bài *bổ kinh cố chân hoàn* (quyển Nhật) hay là bài *đại-ô-kê hoàn*.

Con gái chưa chồng mới hành kinh một lần, vì kinh sợ hay là vì tắm gội nước lạnh, hoặc hóng gió mát đến nỗi ngừng kinh mà thành chứng đới-hạ, nên uống bài *hổ-phách châu-sa hoàn* (quyển Nhật).

Có thai mà có chứng đái-hạ đều bởi thấp nhiệt, nên

uống bài *phục-linh tiêu-bi hoàn* (quyển Nhật) thêm vị hương-phụ chế sao.

Phòng dục quá nhiều hay là người sản-hậu ra huyết nhiều quá, ở hạ-bộ hư yếu, gió xấu lấn vào bào-lạc, nên uống bài *noãn-kinh hoàn* (quyển Khôn), thêm can-khương, phụ-tử, ngô-thù, hay là bài *hoàng-kỳ kiến trung thang* bỏ vị quế, thêm vị quy-đầu (đầu của củ quy) sắc lấy nước để uống bài *khổ-luyện hoàn.*

4.— NHỮNG VỊ THUỐC DÙNG VỀ CHỨNG ĐÁI-HẠ

1.— Để bổ khí như : sâm, kỳ, truật và chích-thảo.

2.— Để bổ huyết như : nhung, quy, sinh-địa, thục-địa, bạch-thược, a-giao, đan-sâm, địa-du, ban-long cao.

3.— Để ôn huyết như : quế, phụ, can-khương, ngô-thù, tiểu-hồi.

4.— Để mát chân huyết như: hoàng-cầm, hoàng-bá, mẫu-đơn, địa-cốt, hoạt-thạch, tri-mẫu, huyền-sâm, hoàng-liên, thanh-đại, chi-tử.

5.— Để thấm thấp khí như: những vị phục-linh, chạch-tả, thương-truật, chư linh, xa-tiền.

6.— Để vít lại như : mẫu-lệ, long-cốt, bạch-chỉ, thung-cầm-lù, hu-bì, bách-tử-nhân, trắc-bách-diệp, hải-thạch, bạch-quy-hoa, hồng-quỳ, xích-thạch-chi, phá-cố-chỉ, hải-phiêu-tiêu.

∴

Tìm sách

TẠP CHỨNG

(gồm 18 điều)

1.— Nhiệt vào trong huyết (nhiệt nhập huyết thất)

Đàn bà đương sốt thương hàn mà chợt hành kinh, ngày yên tĩnh mà đêm nói mê như thấy ma quỷ, thế là nhiệt vào trong huyết, phép chữa chỉ hòa giải tà-khí ở ngoài biển và mát cho chân huyết là đủ, không được phạm đến tỳ vị và thượng tiêu. Chứng này bởi mạch xung là nơi chứa huyết mà đàn ông cũng có chứng ấy.

2.— Chứng huyết-phận và chứng thủy-phận.

Đương lúc hành kinh mà gặp hàn thấp hại đến mạch *sung*, mạch *nhâm*, ủng trệ không vận hành rồi ra bì phu, va chạm với tà khí mà thành ra phù-sũng thì gọi là chứng *huyết phận*, là chứng khó chữa.

Thủy-khí dàn ra bì-phu, tản ra tay chân, rồi thành nề mà tắt kinh, thì gọi là *thủy phận*.

Nếu là chứng huyết-phận chữa theo lối thủy-phận (thông cho tiểu tiện) thì có hại không ít, chỉ uống bài *điều-kinh tán* (quyển Nhật).

3.— Chứng chích-nhục mai-hạch.

Trong yết-hầu dính dáp như có miếng thịt vướng, thổ không ra nuốt không xuống, mà ăn uống đi đái đi cầu không hề gì, thế là chứng *chích-nhục mai-hạch*.

Chứng này vì hơi khí gặp lạnh, huyết ở trong khí

Tìm sách

dềnh lên yết-hầu mà ngưng kết lại, (đàn ông cũng có người như thế), nên uống bài *nhị trần* bỏ vị trần-bì và cam-thảo thêm hậu-phác, tử-tô, gừng sống, vì vị bán-hạ và hậu-phác để giáng nghịch khí và tản kết, vị phục-linh và gừng lên trên cao để hạ thấp-khí, vị tử-tô cay mà ôn vào âm phận để hòa khí với huyết cho khỏi bốc trở lên.

Bài thuốc trên chữa cả những chứng đàn bà vì uất mà đàm dãi kết lại như hạt quả mơ ở yết-hầu, hay là chứng vì nhiều đàm (đàm ẩm) trệ ở trong mà nôn ọe hay là lợm lòng.

4.— Chứng trưng, hà, huyễn-tích.

Chứng trưng là rắn lại, mà không chuyển động, có phân ra vì thương-thực thì gọi là *thực-trưng*, vì ứ huyết thì gọi là *huyết-trưng*.

Chứng hà là giả hình đầy đi đầy lại được.

Chứng huyễn là bên trái hay bên phải rốn như cánh tay nhỏ, hay là như ngón tay, hay là cong như cái cung làm đau đến cân mạch.

Chứng tích là hai bên cạnh-sườn có lúc thấy đau.

Còn chứng sán là bệnh ở bụng dưới sang ngang lưng và bụng.

Chứng huyễn, chứng tích và chứng sán thì lúc hiện ra mới đau.

Đàn bà có chứng này là vì người vốn yếu mà lúc hành kinh không kiêng ăn thức sống thức lạnh, đàm huyết

Tìm sách

với thức ăn tụ lại mà thành ra, gặp lạnh thì bệnh phát ra có khi đau lắm muốn chết.

Phép chữa phải điều bổ tỳ-vị và thêm những vị thuốc để tiêu đi. Nếu người còn mạnh, thì tùy chứng mà điều khí, phá huyết, tiêu thực, nhẹ đàm, nhưng nhẹ được quá nửa thì thôi, vì đã chữa bằng thuốc tiêu đi thì hại đến khí huyết, lại không nên công phạt mạnh để hại người.

Nếu chỉ để ý về tiêu mà đợi tiêu rồi mới bổ, thì khí của dạ-dầy (vị-khí) kém đi, mà cũng khó khỏi. Những chứng trên, mạch « huyền-cấp » là sống, mạch hư, nhược, vi tế là chết.

5.-- Chứng chỗ kín sưng lên (âm-sũng)

Chứng này, có người vì kinh lạc của bào-thai tổn hại, gặp gió lạnh mà sưng lên, có người vì uất hận, có người vì tình dục quá nhiều, có người vì tình dục nhiều mà nóng lên rồi sinh trùng sưng lên và ngứa.

Chứng ấy phải xa đàn ông mà chữa gấp, nếu chậm thì âm-hộ lở ra mà không chữa được.

Người nào khí huyết hư yếu nên uống bài *Bổ-trung* (số 1 quyển Khôn).

Nếu vì tạng can thấp nhiệt nên uống bài *long-đảm tả can thang* (quyển Nhật).

Nếu vì tạng can, tạng tỳ uất giận, nguyên khí hãm xuống mà thất nhiệt ủng trệ, thì buổi sáng nên uống bài *quy-tỳ* (số 1 quyển Khôn-hỏa) thêm thăng-ma sài-hồ để giải

Tìm sách

uất, buổi chiều nên uống bài *gia-vị tiêu-giao tán* để nhẹ cho tạng can.

Chỗ kín của đàn bà có 2 mạch đi qua, là mạch can và mạch đốc, *mạch can* đi qua chỗ kín và lông ở trên đó rồi lên bụng dưới. *Mạch đốc* đi từ giữa xương ở dưới bụng dưới đến giáp với chỗ kín.

6.— Chứng chỗ kín ngứa và mọc nhọt.

Chứng này cũng vì thấp nhiệt mà sinh trùng, chỗ kín vừa ngứa vừa đau, hay là chỉ ngứa và không đau, hoặc lở ra, hoặc mọc sưng nhọt, con gái chưa chồng hoặc đàn bà góa hoặc sư ni bà vãi hay mắc phải, là vì sở nguyện không được thỏa, tinh huyết ngừng lại rồi thấp nhiệt, sinh ra trùng ngứa không chịu nổi, phát sốt ghê rét, trùng ấy ăn vào trong là chết.

Cũng có người vì tình dục nhiều quá, có nhiệt mà sưng ngứa đó là tổn hại đến tạng can, tạng thận, nên dùng bài *long-đảm tả-can thang*, hay là bài *tiêu-giao tán* (đều ở quyển Nhật), lại sắc *nước hột sả-sàng* mà rửa, lại lấy hột đào-nhân nghiền thành cao thêm với bột của vị hùng-hoàng chấm vào miếng gan gà mà luồn vào trong chỗ kín để sát trùng.

Nếu thấy thân thể tay chân mỏi mệt, trong chỗ kín buồn ngứa đi đái đỏ mà ít, nên uống bài *quy-tỳ thang* (số 15 quyển Khôn) thêm những vị sơn-chi, bạch-truật, cam-thảo, mẫu-đan-bì.

7.— Chứng chỗ kín lạnh (âm-lãnh):

Chứng này bởi gió lạnh lấn vào. Nếu đi đái ít mà trệ, bụng dưới bị đầy, nên uống bài *lang-đảm tả can thang*. Nếu đi đái nước trong, ăn ít, đi cầu lỏng, nên uống bài

Tìm sách

bát vị hoàn (số 1 quyển Huyền-tẫn) bài bát-vị chữa chứng huyết kém tân dịch khô mà chỗ kín lạnh rất nghiệm.

8.— Chứng chỗ kín lòi ra (âm-đĩnh):

Chứng này đau lên ngang lưng, bụng to lên mà đau. Có người vì dây của bào-thai thụ thương, có người vì tử-cung lạnh, có người vì lúc sanh cố sức, đầu nên bỏ khí mà đem lên.

Nếu vì tạng can tạng tỳ uất kết, khí lực yếu mà hãm trở xuống, nên uống bài *bổ-trung thang* (số 1 quyển Khôn). Nếu vì tạng can thấp nhiệt đi đái đỏ mà ít, nên uống bài *long-đảm tả-can thang* (quyển Nhật).

9.— Chỗ kín mọc thịt đột ra.

Trong chỗ kín mọc ra như cái nấm, bốn bên sưng mà đau, tiểu-tiện đi luôn về buổi chiều là sốt, tựa như ngứa, tựa như đau, lúc đi đái thì trụy xuống, chứng ấy bởi tạng can có thấp nhiệt mà tạng tỳ yếu, khí ở trong hãm xuống, nên uống bài *bổ-trung* (số 1 quyển Khôn-hóa) thêm những vị sơn-chi, phục-linh, thanh-bì để mát tạng can thăng khí nóng cho tạng tỳ, lại uống thêm bài *gia-vị quy-tỳ thang* (quyển Nhật). Ở ngoài lấy mỡ lợn sống hòa với bột của vị lê-lô tán ra mà bôi vào.

10.— Con gái mới lấy chồng mà cửa mình đau.

Chữa chứng này phải điều hòa chân huyết mà nhẹ chứng uất như bài *tứ-vật* (số 21 quyển Khôn-hóa) thêm hương-phụ, hồng-hoa.

11.— Chứng giao-hợp với đàn ông mà ra huyết.

Khi giao hợp với đàn ông mà ra huyết là vì tạng can

Tìm sách

vợi nhẹ ra quá mà hỏa mạnh, lại tạng can yếu không chứa được huyết, tạng tỳ yếu không giữ được huyết, nên uống bài *bổ-trung thang* (số 1 quyền Khôn-hóa) và bài *quy-tỳ* (số 15 quyền Khôn-hóa). Nếu 6 bộ mạch đều hòa là tạng thận kém nên uống bài *lục-vị* thêm mạch-môn, ngũ-vị.

12.— Chứng chỗ kín như có tiếng thổi (âm-suy).

Chứng này bởi khí trong sạch (thanh-khí) của thức ăn không đem lên, lại không theo kinh lạc mà đi xuống chỗ đi cầu, (tựa như chứng đại-tràng và tiểu-tràng tương giao mà không phân biệt), hơn nữa còn phào tiếng ra như chỗ đi cầu đánh rắm, vì thế gọi là *âm-xuy* (chỗ kín có tiếng thổi) nên uống bài *bổ-trung thang* thêm ngũ-vị.

13.— Chứng do-hiền 痃痃

Chứng này là bụng dưới sưng đau hay là chỗ cửa mình hơi sưng mà đau, nóng lạnh, tiểu-tiện khó đi mà ít, trong bụng đau dữ dội, hay là bụng dưới bí tắc mà buồn, công lên 2 bên sườn, vì đình lưu ở bụng dưới cho nên gọi là *do-hiền*.

Chứng này nếu vì tạng can có thấp nhiệt, mà đem trở xuống, nên uống bài *long-đảm tả can thang* (quyền Nhật).

Nếu chỗ kín (tức cửa mình) sưng chướng lên, hỏa ở tạng can hư yếu, nên uống bài *gia-vị tiêu-dao tán* (quyền Nhật) nếu dùng thuốc tản huyết tiêu độc thì lầm.

14.— Chứng gót chân sưng đau.

Đàn bà gót chân hay ngón chân sưng đau rồi lòng bàn chân phát sốt, là bởi kinh túc-tam-âm hư-nhiệt, (vì yếu mà phát nóng gọi là hư-nhiệt).

Tìm sách

Nếu sưng đau hoặc ra mủ, nên uống bài *lục-vị thang* (số 1 quyển Huyền-tẫn) và kèm theo bài *bát chân thang* (số 42 quyển Khôn-hóa), nếu kém ăn uống thêm bài *lục-quân-tử thang*. Nếu có nóng lạnh mà nóng ở trong uống bài *tiêu-giao tán* (quyển Nhật). Về chiều sốt nhiều mà đầu mặt không được nhẹ, nên uống bài *bổ-trung-thang* (số 1 quyển Khôn).

Những chứng sốt về chiều tự ra mồ-hôi hay là ra mồ-hôi trộm đều là chân âm hư yếu mà nóng giả (giả nhiệt). Ông Đan-Khê nói: « nóng bốc từ dưới lên là âm hư lắm », mạch « đốc » khởi từ gót chân là chỗ kinh lạc của tạng thận đi qua, lại đề gánh vác mọi xương cốt thì ta rất phải chú trọng.

15.— Chứng ngón chân nóng.

Đàn bà mà gót chận và mười ngón chân nóng như dầu đun, là vì khí ở vinh vị hư yếu thấp độc ngừng ở kinh lạc, công lên trên thì ngực nóng, công xuống dưới thì gót chân và ngón chân nóng, tựa như chứng cước-khí, Nội-kinh gọi là *nhiệt-quyết* (nóng 2 bàn chân).

16.— Chứng liêm-sang 臁疮 (đùi có nhọt).

Chứng này bởi lúc có thai và lúc sanh tổn hại đến tỳ-vị, hay là vì lo nghĩ uất giận tổn hại đến tạng can, tạng tỳ, rồi thấp nhiệt ngừng lại mà thành ra, nhọt ở ngoại-liêm là thuộc kinh túc-tam-dương thì dễ chữa, nếu mọc ở nội-liêm thì khó chữa, lại sắc đỏ dễ chữa, sắc mờ khó chữa (nội-liêm: bắp đùi mé trong, ngoại liêm: bắp đùi mé ngoài).

Tìm sách

Nếu lúc mới sưng đỏ và đau là bởi thấp độc, nên uống bài *nhân-sâm loại độc* (quyển Nhật). Nếu sưng không doi hẳn lên, hay là không sưng không đau là bởi tạng tỳ yếu mà thấp nhiệt, nên uống bài *bổ-trung thang* hay là bài *bát chân thang* (số 41 quyển Khôn-hóa) thêm vị tỳ-giải và kim-ngân-hoa (bài *bổ-trung* số 1 quyển Khôn-hóa).

Nếu nước đầm đìa, người mệt ăn ít, trong nóng miệng ráo, là khí của tạng tỳ yếu, nên uống bài *bổ-trung thang* (số 1 quyển Khôn-hóa) thêm vị phục-linh và bạch-thược sao với rượu. Nếu quá trưa phát sốt, người mệt là chân huyết kém, nên uống bài trước mà thêm xuyên-khung, thục-địa hay là bài *lục-vị hoàn* (số 1 quyển Huyền-tẫn). Nếu ghê rét ăn ít là vì tỳ và vị yếu mà hàn, nên uống bài *thập-toàn đại-bổ thang* (số 43 quyển Khôn-hóa) hay là bài *bát-vị hoàn* (số 1 quyển Huyền-tẫn).

17.— Chứng huyết-phong-sang.

Chứng này trong mình mọc mụn, lúc đau lúc ngứa, gãi vỡ ra thì nước đặc đầm đìa, ở trong thì kinh nguyệt thất thường, tiểu-tiện không điều, sốt về đêm, sợ cả nóng, sợ cả rét, tự ra mồ-hôi, mệt kém ăn, nên uống trước bài *gia-vị tiêu-giao tán* (quyển Nhật), hay là bài *tiêu sài-hồ* (số 21 quyển Khôn-hóa) hợp với bài *tứ-vật* thêm nhiều vị hồ-ma-tử, sau uống bài *quy-tỳ thang* mà thêm vị thục-địa.

Chứng này bởi hai tạng can và tỳ có phong nhiệt uất hỏa, rồi chân huyết ráo mà thành ra.

18.— Chứng chiêm bao giao-hợp với ma quỷ.

Tìm sách

Chứng này vì khí huyết kém, tư tưởng nhiều rồi tinh thần hao tán mà thành ra. Hiện chứng, lúc khóc, lúc cười, không muốn trông thấy người, như thể sợ sệt, chiêm bao thấy ma tà. Mạch thời trầm mà dẹp xuống tận xương, hay là như con chim mồ, lúc đại, lúc tiểu, lúc đoản, lúc trường, tóm lại chỉ vì tâm thần không nương dựa được vào đâu.

Phép chữa, nên uống những vị thuốc an thần định chí, vì huyết ở trạng tâm kém thì tinh thần không có chỗ dựa, huyết của tạng can kém thì hồn tản đi, khí của tạng phế kém thì phách không có chỗ tựa. Tạng tỳ và tạng thận yếu thì ý chí hoảng hốt, ông Lập-Trai cho là bệnh bởi thần chí thật là chí lý.

Có thuyết cho là bệnh về huyết tích, nhưng theo mạch ở đoạn trên đã nói thì không phải là huyết tích.

Còn thuyết cho vì bệnh bởi ma làm thời không đáng tin.

∴

MỤC CẦU TỰ

1.— CĂN BỆNH

Con gái 2 lần 7 là 14 tuổi thì hành kinh, con trai 2 lần 8 là 16 tuổi thì có tinh khí.

Tuy thế, con trai nên 30 tuổi, con gái nên 20 sẽ lấy nhau, thì khí huyết vượng chóng sanh mà dễ nuôi.

TimSách

Người nào muộn có con, không phải vì tạng thận mà còn bởi tạng tâm. Mỗi khi giao-hợp, quản-hỏa ở tạng tâm động lên thì tướng-hỏa ở tạng thận cũng động theo. Một khi tình dục nhiều thì tinh khí tiết ra luôn, mà không đầy đủ để vào mạnh tử-cung, vì thế mà nhà phú quý phần nhiều ít con, như vậy thì sự cầu tự cần nhất là tình dục có tiết độ.

Sách cổ có nói : « cha ít tuổi mà mẹ nhiều tuổi thì sanh con gái mà yếu, cha nhiều tuổi mà mẹ ít tuổi thì sanh con trai yếu », điều đó cũng không chắc hẳn.

Đàn bà có người khỏe mạnh ăn uống nhiều mà sanh con ít, có người khí huyết ăn uống đều kém mà đông con và dễ nuôi là lẽ làm sao ?

Thiết nghĩ ngoài lẽ thừa trừ, thì người khỏe mà béo, nào là vì khí trệ, nào là vì huyết trệ, nào là đàm mỡ bế ở tử-cung, còn nhiều bệnh hơn người gầy yếu.

Vậy muốn cầu tự, cần phải điều kinh để tránh sự bất điều như ở mục nguyệt-kinh đã phân tách.

Sách cổ có bài thơ thất ngôn bát cú nói về sự cầu tự, đại ý nói đàn bà sạch kinh trong một hai ngày mà giao hợp với đàn ông thì chóng có thai.

Sách thuốc nói đàn ông cần ở tạng thận mà đàn bà cần ở nguyệt-kinh, nhưng còn phải căn cứ vào mạch, để phân biệt là hư hay thực hàn hay nhiệt. Mạch sáo (nhanh) là nhiệt, mạch trì (chậm) là hàn, hai mạch như trên là có bệnh. Mạch hữu lực lắm là chính khí yếu mà tà-khí

TimSách

mạnh tức là « thực », mạch thực thì phải tán uất rồi mới dùng thuốc bổ. Mạch vô lực lắm là chính-khí kém tức là khí huyết hư, hư thời phải bổ. Đàn bà còn có người về khí nhiều mà huyết kém, cũng có người về huyết nhiều mà khí lại kém, lại cần cho khí và huyết được quân bình với nhau.

Ngoài điểm chính là phải bớt tình dục, ta còn phải bớt khó nhọc, bớt lo nghĩ, tránh uất giận, cần uống rượu mới dễ sanh và sanh mới dễ nuôi.

2.– VỀ ĐIỂM KHÔNG CON

Đàn ông hoặc vì tiên-thiên kém, hoặc vì tạng thận yếu khí huyết kém, hoặc vì tửu sắc vô độ, hoặc vì tinh khí lạnh. Đàn bà hoặc vì tử cung lạnh, hoặc vì mạch sung và mạch nhâm có thương tổn, hoặc vì người béo nhiều mỡ và đàm, hoặc vì khí huyết không cân nhau, hoặc vì trong huyết có nóng ngầm (phục nhiệt).

Cả đàn ông, đàn bà, mạch bộ xích bên phải « tế » hay là « hư-đại » mà vô lực, nên uống bài *bát-vị hoàn* (số 2 quyển Huyền tẫn), nếu bộ xích trái « hồng-đại » mà ấn tay mạnh lại vô lực, nên uống bài *lục-vị hoàn* (số 1 quyển Huyền-tẫn). Nếu 2 bộ xích đều « vi-tế » hay là « phù-đậu », nên uống bài *thập bổ hoàn* (số 25 quyển Huyền-tẫn).

Đàn bà người béo nên uống bài *đạo đàm hoàn* (số 91 quyển Nhật) hay là phương thuốc ráo thấp khí thêm nam-tinh, bán-hạ, chỉ-sắc, xuyên-khung, hương-phụ, trần bì.

Người gầy tinh vội kinh không điều và tử cung ráo,

Tìm sách

nên uống bài *tứ vật* thêm hoàng-cầm, hương-phụ hay là bài *lục-vị hoàn.*

Đàn ông người béo mạch trầm, nếu còn ít tuổi nên uống bài *nhân-sâm cao* (số 140 quyển Nhật), nếu đã nhiều tuổi (trung-niên) mà nhiều vợ nên uống bài *bổ trung ích-khí* (số 1 quyển Khôn-hóa) thêm những vị lộc-dao, khởi-tử, nhục-thông-dung, tỏa-dương, lại bổ thêm cả tướng-hỏa (bài bát-vị số 2 quyển Huyền.) Nếu ăn ít người mệt nên uống bài *bổ-trung* và thuốc bổ tỳ-vị. Nếu người gầy đen, mạch « huyền sác » mà nóng nhiều là chân âm kém, nên uống bài *lục-vị* (số 1 quyển Huyền-tẫn) thêm những vị tri-mẫu, hoàng bá, quy-thân, kỷ-tử làm thành thuốc viên mà uống, nhất định phải dùng thuốc ôn và nhiệt.

Đàn bà nếu vì phong hàn vào tử-cung là tuyệt sản, nên uống những vị cay và ôn, lại thêm thuốc bổ khí huyết, (chỉ dùng riêng thuốc tân-ôn thì không được). Sở dĩ không dùng riêng được thuốc nóng vì có thai là nhờ ở âm huyết.

3.– NHỮNG VỊ THUỐC CẦU TỰ

1) Chân thủy kém dùng bài lục-vị.
2) Chân hỏa kém dùng bài bát-vị.
3) Chân khí kém dùng những vị sâm-kỳ-linh-truật, gừng sao đen và vị ngũ-vị.
4) Chân huyết kém dùng những vi quy, thục, thược, gà xương đen và lá mền-tưới (trạch-tam).
5) Chân âm kém dùng những vị cao mai rùa (quy-giao) a-giao, và sữa người.

TìmSách

6) Chân dương kém dùng những vị kỷ-tử, thung-dung, phụ-tử, quan-quế, sà-sàng-tử, ba-kích.

7) Bổ tinh huyết như những vị cao và nhung của hươu, hay của nai.

8) Đề nhẹ đàm như những vị bán-hạ và nam-tinh (chế và sao), quất-hồng, hương-phụ.

4.— BÀN VỀ THỤ THAI

Theo các nhà làm thuốc bàn luận họ Chữ nói : « trong khi giao hợp tinh đến trước thì sinh con trai, huyết đến trước thì sanh con gái » nhưng ông Đông-Viên đã bác lời nói ấy.

Ông Mã-Huyền-Đài nói : « dương-khí hơn lên thì sanh con trai, âm-khí hơn lên thì sanh con gái ».

Ông Đông-Viên nói : « kinh mới sạch mà giao hợp thì sanh con gái, kinh sạch đã lâu mà giao hợp thì sanh con trai ».

Có thuyết nói : « có thai về ngày lẻ thì sanh con trai, có thai về ngày chẵn thì sanh con gái ? »

Còn về lẽ đẻ sanh đôi, theo sách Nhân-Kính nói : « tinh thịnh hơn huyết là sanh 2 trai, huyết thịnh hơn tinh thì sanh 2 gái, tinh và huyết đều thịnh thì sanh 1 trai, 1 gái, còn tinh huyết hỗn tạp thì sanh ra quái thai mà không phải là người ».

Tóm lại, thuyết nào cũng có điểm đáng ngờ mà không dám tin hẳn. Kinh dịch chỉ nói : « đạo của *quẻ*

TimSách

kiền là dương thì thành con trai, đạo của *quẻ khôn* là âm thì thành con gái », ngoài ra cũng không nói rõ.

Theo ý tôi (tác giả), thì trong khi giao hợp bách mạch của đàn ông (khí) cùng đến thì thành con trai, bách mạch của đàn bà (huyết) cùng đến thì thành con gái, cùng đến nghĩa là khoái hoạt cực độ.

Tiên sinh họ Phùng nói : « việc cầu tự còn chủ ở đàn ông mà không nên chuyên trách ở đàn bà, thường thấy đàn ông 6 bộ mạch đều « hồng đại » mà bộ xích hữu lực thì sanh con trai nhiều hơn, còn người 6 bộ mạch « trầm-tế » mà 2 bộ xích « trầm vi » thì sanh con gái nhiều hơn, mà sinh con trai cũng chết trẻ, điều trên là đã kinh nghiệm, như vậy thì sanh trai hay sanh gái là bởi ở đàn ông.

5.– MẠCH NHƯ THẾ NÀO LÀ CÓ THAI ?

Sách mạch nói : « mạch của đàn bà hoạt, tật mà không tản đi là có thai đã 3 tháng, chỉ thấy tật mà không tản đi là có thai đã 5 tháng, từ tháng thứ 6 trở đi thì mạch không « tật » nữa. Nhưng cũng có người trước sau chỉ một mực « hồng sắc » là khí huyết đều mạnh (thịnh) mà không nhất thiết như kể ở trên.

Chú giải của tác giả.

— *Kinh tức-thiếu-âm là mạch của tạng thận, động là rung động, tử-cung bám vào tạng thận, nay thấy luồn luột động lên là trong đó có chứa một vật gì.*

TimSách

— *Mạch thủ-thiếu-âm là tạng tâm, nay thấy rung động lại thêm mạch bộ xích là tạng thận, đi lại không ngừng có vẻ lưu lợi, thế là có thai, vì bào-thai liên hệ với tạng thận.*

⁂

Đức Hoàng-đế hỏi : « Đàn bà ba bộ mạch (cả 2 tay thành 6 bộ), phù trầm như nhau mà không thấy kinh nguyệt là lẽ làm sao » ? (1)

Ông Kỳ-Bá thưa : « mạch bộ xích (mạch của tạng thận) vượng là có thai. Kinh-nguyệt ngừng là có bệnh mà 6 bộ mạch không thấy có bệnh cũng là có con, vì khí huyết để nuôi thai ».

Chú giải của tác giả :

(1) phù trầm như nhau nghĩa là đặt tay vào không thấy ngừng là mạch người có thai, theo như mạch-kinh (tức nội kinh nói về mạch) thì mạch của người có thai tất nhiên là không ngừng, thì không cứ là « hồng-hoạt » vì người nào yếu thì mạch bộ xích không ngừng là có thai cho nên không cứ là « hồng-hoạt ».

6.— PHÂN BIỆT LÀ TRAI HAY LÀ GÁI TRONG KHI CÓ THAI

Nội kinh nói : « mạch bên phải đi nhanh (tật) là thai con trai, mạch bên tay trái đi nhanh là thai con gái, mạch cả hai tay đều vội là sanh đôi » (1).

Lại nói : « Mạch bên trái, bên phải đều vội là sanh 2 con gái ! ». Lại nói : « mạch bộ xích bên trái « đại »

Tìm sách

hơn là thai con trai, mạch bộ xích bên phải « đại » hơn là sanh con gái, bên trái bên phải đều « đại » là sanh đôi (2).

Chú giải của tác giả.

(1) *Dương khi mạnh về bên tay trái, âm khi mạnh về bên tay phải.*

(2) *Đại nghĩa là có hình trạng chắc nịch.*

***

Ông Trương-cảnh-Nhạc nói : « bên tay trái là dương mà bên tay phải là âm. Mạch bộ thốn là dương mà mạch bộ xích là âm. Lấy mạch mà phân biệt, thì mạch nâng tay mạnh lên mà trầm và thực là dương, hư và nhược là âm. Cho nên mạch thấy về dương mà « thực » là thai con trai, thấy về âm và « hư » là thai con gái, đó là nhất định ». Ngoài ra, con trai dương khí tụ ở mặt nhiều hơn cho nên thai con trai thì mặt nặng mà nằm sấp (mặt ngảnh vào sau lưng người mẹ), con gái âm khí tụ ở lưng nhiều, cho nên thai con gái lưng nặng hơn mà nằm ngửa (ngảnh mặt về đằng trước người mẹ) xem người chết đuối là con trai cũng nằm sấp, là con gái cũng nằm ngửa đủ rõ. »

Tóm lại, mạch thấy « trầm, thực » là thai con trai, « trầm, tế » là thai con gái, bụng chửa thấy như cái hũ (tròn) là con trai, thấy như cái gầu (thon thon mà hơi dài) là con gái, (con trai ngảnh mặt vào lưng mẹ thì co người lại, cho nên hơi tròn, con gái ngảnh mặt về bụng mẹ thì chân và gối hơi buông xuống, cho nên như cái gầu mà hơi dài).

TimSách

Ông Cảnh-Nhạc còn nói: « thai con trai 3 tháng đã thấy động vì tính của dương sớm, thai con gái đến 5 tháng mới động là tính của âm chậm ». Lại nói: « động về tháng lẻ phần nhiều là con trai, động về tháng chẵn phần nhiều là con gái » (lẻ là tháng 3 và 5, chẵn là 4 và 6).

TìmSách

PHỤ ĐẠO XÁN NHIÊN

Tập Hậu

∴

MỤC THAI-TIỀN

I.— CĂN BỆNH

Đàn bà có thai thời kinh nguyệt ngừng mà phần nhiều ăn uống khác trước như: ăn vào thì ngăn cách mà nôn oẹ, hay là ưa ăn một thứ gì, đủ rõ là tạng phủ có khác. Chứng ấy gọi là « *ố-trở* », người béo phần nhiều bởi đờm, người gầy phần nhiều bởi nhiệt. Người mẹ lạnh thì người con lạnh, người mẹ nóng thì người con nóng, người mẹ no hay đói thời người con cũng no hay đói, khi ấy người mẹ rất dễ cảm.

Có người thụ thai thời phát chứng kinh-giản, cấm khẩu, lác mắt, đờm dãi ra nhiều gọi là chứng « *tử-giản* ».

Có thai mà mặt, mắt hơi nặng, chân tay nề ra, gọi là chứng « *tử-sũng* ».

Có thai mà đi đái rắt thời gọi là chứng « *tử-lâm* » (có người chuyển dạ con cũng đi đái cũng ít).

Tìm sách

Có thai mà khí không thuận xuống đau lên bụng trên thời gọi là « *tử-huyền* ».

Có thai mà huyết rỉ ra thời gọi là « *lậu thai* ».

Có thai mà trong bụng không yên và đau thời gọi là *động-thai*.

Có thai mà người buồn bực thời gọi là « *tử-phiền* ».

Chứng tử-giản là người mẹ gặp phong tà. Chứng tử-phiền và tử-lâm phần nhiều là nhiệt. Chứng tử-sũng (cũng gọi là tử-khí) phần nhiều là thấp, còn chứng tử-huyền là bởi khí không được thuận.

2.— PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Người mẹ hình thể đậm đà, ăn được, người vốn có bệnh mà mạch hữu lực, thời là *chứng thực*, còn người mẹ hình thể yếu, mạch yếu, vốn nhiều bệnh hay đã nhiều tuổi hoặc ăn ít thời là *chứng hư*. Đại khái những người vất vả mà ăn uống kham khổ phần nhiều là thực chứng, những người nhàn rỗi ăn cao lương mỹ vị phần nhiều là hư chứng.

Chứng *tiểu-sản* (đẻ non) phần nhiều ở về tháng lẻ, nghĩa là đã chửa được 3 tháng, 5 tháng hay 7 tháng.

Về phép an thai, nếu vì người mẹ ốm mà thai động thời chữa bệnh cho mẹ là thai tự yên. Nếu vì khí ở trong không được vững thời bổ khí huyết để an thai, chữa cho người có thai cấm dùng thuốc hạ, thuốc lợi tiểu-tiện, thuốc

TimSách

ra mồ-hôi, ngoại trừ những chứng vì lẽ gì mà phải uống thuốc phạm đến thai thời cũng không trụy, nhưng khỏi được quá nửa là phải thôi, hay là người mẹ ốm nặng không thể giữ được thai, thời có khi cũng phải cho thai ra để cứu lấy mẹ.

Nhiều sách nói vị bạch-truật và vị hoàng-cầm là thánh dược để an thai, vì rằng vị bạch-truật giữ vững được nguyên-khí, mà vị hoàng-cầm thanh được nhiệt (vì đàn bà chửa hay nhiệt). Nhưng cũng không nhất định như thế, vì tạng phủ có khác nhau, có người nhiệt nhiều không ưa được vị bạch-truật, có người tạng hàn không ưa được vị hoàng-cầm. Như vậy, nếu vì nhiệt thời dùng thuốc mát, vì hàn thời dùng thuốc ôn, mà còn phải mạnh cho tỳ-vị thêm cho thủy-hỏa, lại giúp thêm những vị để vững cho thai như : đỗ-trọng, tục-đoạn, a-giao, ngải-diệp sao đen, đương-quy sao v.v...

Sách Phùng-thị cho rằng: « Đàn bà hàn, nhiệt không giống nhau, có người vì tạng hàn mà không có con, phải uống bài *bát-vị* hay bài *thập-bổ* có quế và phụ mới thụ thai được, thế mà lúc có thai lại cho uống vị hoàng-cầm để thanh nhiệt thời không ra thai cũng hại thai. Còn vị bạch-truật cố nhiên là giữ được thai, nhưng người gầy mà huyết nhiệt thời phải mát chân huyết mà cũng không dùng được vị bạch-truật. Tóm lại phải theo về tạng phủ của từng người mà nuôi dưỡng chân khí hay chân huyết thời thai sẽ yên.

Tuy nhiên, dùng thuốc để bổ khí thời không nên lẫn vào những vị để háo chân khí, dùng thuốc để bổ huyết thời không nên lẫn vào những vị để hành huyết.

TimSách

3.— PHÉP CHỮA

Muốn an thai còn phải kiêng tinh dục, ít lo uất, không nên ăn thức lạnh quá hay nóng quá hoặc bổ dưỡng quá độ, không nên xông pha lúc gió, lúc mưa, lúc nắng, lúc rét để tà khí khỏi cảm vào. Sở dĩ nên kiêng tinh dục là sợ động đến tâm hỏa. Ngoài ra, theo cổ truyền, thời kiêng ăn thịt chó, thịt thỏ, thịt các thứ cá độc, hay các giống thú độc, nhất là những loài cầm thú đã chết cùng các thứ rượu làm bằng men, đừng nên trèo cao, đừng nên lội sâu, đừng mang đồ nặng quá, mà khi có bệnh đừng dùng thuốc loạn xạ, đừng nên chích bậy.

Muốn cho dễ sanh, thời phải nên cử động làm việc. mà ăn uống cho điều hòa. Thuốc để cho gầy thai đi mà dễ sinh, cũng bất đắc dĩ mới nên dùng.

Người mẹ đã vô bệnh thời sinh con ra dễ nuôi. Muốn cho người con hiền đức thời lúc có thai lời nói và cử-chỉ phải cho đứng đắn, nhất là có lúc nên xem sách vở về cương thường đạo lý. Cổ nhân còn cẩn thận là tai không nghe tiếng hát dâm đãng, mắt không trông những vật quái dị, cũng là e sinh con bất lương, ta cũng nên bắt chước lấy phần nào.

Còn như đàn bà không sanh dục được, ngoại trừ những người dạ-con (tử-cung) có bệnh riêng như không đúng chỗ hay lạnh quá, mà còn có người không có tử-cung để sinh dục.

TìmSách

4.– NHỮNG PHƯƠNG THUỐC THƯỜNG DÙNG

Lúc mới sanh nên bồi dưỡng khí huyết và mát chân huyết, còn những vị thơm mà ráo như mộc-hương, sa-nhân chỉ nên dùng cho những người khí uất hay khí trệ, thuốc an thai mà mọi người hay dùng những vị hương-phụ, ngải-diệp và sa-nhân là có hại không ít, chỉ nên dùng những bài như : *tâm-bổ-hoàn* (quyển Nhật) hay là bài *tứ-vật địa-hoàng* mà thêm bớt năm ba vị là đủ.

Tiên sinh họ Phùng chữa chứng ố-trở (hôi-cơm) thổ lâu không ngừng, mạch « vi » mà chân lạnh, lại dùng bài *phụ-tử lý trung thang* (quyển Nhật) thêm vị ngũ-vị, có ba ngày là khỏi, trong bài thuốc ấy, vị sâm và truật nhiều thì vị phụ-tử và can-khương chỉ giúp sức để ôn bổ, và chứng bệnh nên dùng thì không phạm đến thai (2 vị phụ và khương nguyên là kỵ thai).

Người nào vì cảm phong hàn mà thai không được yên, thì nên dùng bài *hương-tô tán* thêm hành củ làm thang thuốc. Nếu bất đắc dĩ phải dùng đến thuốc hạ cũng cấm dùng vị mang-tiêu.

Người khó sanh phần nhiều là những người nhàn rỗi phú quý. Trước kia Hồ-Dương Công-chúa, người béo khó sanh, một đạo-sĩ dâng bài *sấu-thai-tán* (quyển Lương-mô) Ông Đan-Khê cho rằng người dương khí mạnh mới nên dùng những vị như chỉ-xác để giáng khí và gầy thai đi, cho nên Ôn-ần-cư đã thêm vào vị xuyên-quy cho được thấm nhuần ở trong bài sấu-thai-tán. Ông Đan-Khê

TimSách

còn cho rằng người béo thì khí không vận hành cũng phải bổ khí cho dễ sanh, rồi đến bài *đại-toàn*, bài *tử-tô-ẩm* ông cũng thêm cả sâm và truật để bổ khí lực, lại tùy hình sắc và bẩm tính của người có thai mà gia giảm gọi là bài *thất-sinh-tán* (quyển Lương-mô) là những vị sâm, truật, quy, thược, trần-bì, tử-tô, phúc-bì, cam-thảo, chỉ-xác, sa-nhân thì công hiệu lại hơn *sấu-thai-tán* và bài *đại-hoàn thang* (quyển Nhật) bài *tử-tô ẩm* (quyển Lương-mô).

Ông Đan-Khê còn nói : « những người khó sanh phần nhiều là nhà phú quý. Thời trước Hồ-Dương Công-chúa muốn cho dễ sanh mà dùng đến vị chỉ-xác, vị phúc-bì là một lẽ, còn một lẽ nữa là phải bổ khí cho người mẹ để con mạnh mà dễ sanh như những bài thuốc vừa kể ở đoạn trên.

Lúc có thai nên dưỡng chân huyết nhưng cũng phải bổ tỳ, để giữ lấy khí ở trung-tiêu mà thêm đỗ-trọng, tục-đoạn, còn như người hay trụy thai mà ăn ít thời bất tất phải dưỡng chân huyết, chỉ bổ cho tỳ-vị rồi uống thêm bài *bổ-trung ích-khí thang* (số 4 quyển Khôn).

Có thai hai, ba tháng mà đau bụng không yên, nên uống bài *đương-quy-ẩm* là những vị đương-quy, a-giao, chích-thảo và mấy củ hành. Nếu thấy tắt kinh mà không biết có thai hay không, thời tán bột 1 chỉ xuyên-hung rồi sắc nước ngải-cứu mà uống vào đầu trống canh năm, nếu trong bụng yên thời là bệnh về kinh-nguyệt, mà trong bụng thấy máy động là có thai (đó là phép nghiệm thai).

Người hay tiểu sản mà thai không được yên, bụng, rốn thấy đau thì phép nghiệm thai nên khác đi, là cũng

Tìm sách

lấy xuyên-khung và thêm đương-quy, 2 vị cùng tán bột uống với chút rượu, nếu thai không yên và đau ngang lưng không chịu nổi thời uống bài *cổ-lục-đoạn-hoàn* (quyển Nhật).

Nếu vì hàn vì trệ thời chỉ dùng vị sa-nhân tán bột uống với nước gạo sắc lên là rất chóng, nhưng không nên uống nhiều vì vị sa-nhân là nhiệt.

Người cảm phong và ho, váng đầu phát sốt nên uống bài *sâm-tô-ẩm* bỏ vị bán-hạ, nếu phong nhiệt thời uống bài *song-giải-tán* (quyển Nhật) bỏ mang-tiêu, thạch-cao (2 vị ấy kỵ thai).

Cảm hàn mà đầy bụng, đau bụng đi cầu, nên uống bài *đại-chính-khí tán* (quyển Nhật) bỏ bán-hạ, thêm ngô thù, a-giao.

Người cảm thử mà phiền khát đi cầu ra đỏ, nôn ọe, sợ sệt, nên uống bài *hương-nhu-tán* (quyển Nhật) hợp với bài *linh-truật-thang* (quyển Nhật).

Cảm thấp mà đầy bụng, nặng mình, nên uống bài *bình-vị-tán*, nếu đi cầu uống bài *tam-bạch thang* (số 19 quyển Khôn) thêm sa-nhân, hậu-phác, nóng ở trong thêm chút hoàng-cầm sao.

Nếu nội thương vì khó nhọc mà hay tiểu tiện, uống bài *bổ-trung ích-khí thang*.

Nếu vì tình dục mà thai không yên, nên uống bài *bát-vị-thang* (số 42 quyển Khôn) thêm hoàng-kỳ tẩm rượu sao nhiều hơn, và phòng-phong, thăng-ma.

TìmSách

Nếu nội thương vì ăn uống mà ngực, cạnh-sườn đau và đầy, thì uống bài *bình-vị-tán* (quyển Nhật) mà bỏ vị bạch-truật, thêm vị sơn-tra, mạch-môn.

Nếu nội thương vì ăn thức nóng, thức tanh, hay là uống rượu mà mờ mắt, nhức đầu, ngay cổ, thời uống bài *tiêu-phong tán* (quyển Nhật).

Nếu nội thương vì ăn thức sống thức lạnh, hay cảm hàn mà thai lạnh không chuyển động, rốn bụng đau như vặn ra, sôi bụng đi cầu, nên uống bài *lý-trung thang* (quyển Nhật), đi cầu nhiều thêm mộc-hương, kha-tử, trần-bì, bạch-thược sao, gạo sao vàng, nhưng trúng bệnh là thôi, vì vị can-khương kỵ thai.

Nếu vì cảm mà thai cũng hư hàn, nên uống bài *bát-vật*, bỏ sinh-địa thêm ngô-thù, a-giao.

5.— NHỮNG VỊ THUỐC DÙNG TRONG KHI CÓ THAI

Giữ *vững cho thai* như vị đỗ-trọng, tục-đoạn, *bổ tỳ-vị* như vị bạch-truật, *chữa thai hàn* như vị sa-nhân, *bổ khí* như sâm, truật, linh, kỳ, thảo ; *bổ huyết* như khung, quy, thục, thược, đan-sâm, sa-nhân ; *thuận khí* như những vị chỉ-xác, tô-ngạnh, hương-phụ, trần-bì, hậu-phác ; *thanh nhiệt* như những vị hoàng-cầm, hoàng-bá, sơn-chi ; *chữa chứng hàn* như những vị can-khương, ổi-khương, ngô-thù, nhục-quế, phụ-tử. (nhưng 3 vị khương, quế, phụ trúng bệnh là thôi ngay).

∴

Tìm sách

NHỮNG CHỨNG BỆNH TRONG KHI CÓ THAI

1.— Ố-trở (nôn ọe hôi cơm)

Đàn bà có thai 2 tháng phần nhiều có chứng này, đói mà không muốn ăn mà ăn vào lại nôn, có khi ngửi hơi cơm đã nôn, lại chọn ăn một thứ gì khác, ngủ nhiều, hay ăn của chua (tạng can và tạng thận thiếu, muốn dùng của chua để bù vào), chứng ấy có khi không chữa cũng khỏi.

Nếu muốn uống thuốc thời nên dùng bài *nhị-trần* gia giảm là những vị trần-bì, bán-hạ, phục-linh, cam-thảo, nhưng vị bán-hạ, cay ráo mà tản là một vị kỵ thai. Vậy khi dùng phải tẩm nước gừng sao thật vàng sẫm (nếu không dùng đến càng hay).

Nếu ố-trở mà thêm đau ngang lưng, thời sợ thai trụy xuống, cũng dùng bài thuốc kể trên mà thêm bạch-truật, đương-quy và chút hoàng-cầm sao. Chứng này không thể cắt thuốc để đem trở lên, vì đã ọe ngược rồi, mà thuốc để thổ ra hay hạ xuống cũng phải cấm chỉ.

Dưới đây là những chứng người mẹ vì có thai mà phát ra, nên bệnh ở mẹ mà đều dùng chữ tử là con.

2.— Chứng tử-phiền (phiền buồn)

Người có thai mà ố-trở thường có chứng này, nghĩa là trong bụng phiền buồn hay nhổ nước dãi. Nếu vì tạng tâm, tạng phế có hư nhiệt, thời nên uống bài *châu-sa an-*

Tìm sách

thần hoàn (quyển Nhật). Nếu gặp mùa hè mà phiền táo thai động không yên, thời nên chữa theo về thời tiết như bài *sinh-mạch-tán* (quyển Nhật) rất hay, hay là dùng vị tri-mẫu sao vàng sắm tán bột hòa với mật bằng bột ngô mỗi lần uống 3 viên với rượu. Chứng này khác với chứng « hư-phiền » là ngũ tạng hư yếu mà khí lấn lên tạng tâm.

3.— Chứng phiền-táo miệng khát.

Chứng này tựa như chứng tử-phiền, vì tạng phế, tạng thận có hỏa cho nên ráo khát, nên uống bài *tri-mẫu hoàn* (quyển Nhật). Nếu vì tạng can hỏa động thì nên uống bài *gia-vị tiêu-giao tán* (quyển Nhật).

4.— Chứng tử-huyền.

Chứng này là khí của thai không được thuận, phải dùng những vị tử-tô, đại-phúc-bì, trần-bì, để thuận khí. và đương-quy, bạch-thược để dưỡng huyết, nên dùng bài *tử-tô* (số 6 quyển Lương-mô). Tuy nhiên, nếu chính khí hư yếu nên thêm nhân-sâm, chích-thảo. Nếu trong bụng vốn lạnh, nước uống ngừng lại cùng với khí tương tranh nhau mà bụng trên bụng dưới no đầy, thời nên uống bài *cỗ-linh truật thang*, nếu hỏa vượng quá đến nỗi phiền muộn muốn chết thời nên uống bài *tử-tô ẩm* kề trên mới cứu vãn được.

4bis.— Chứng tử-mãn, tử-sung, tử-khí.

Đàn bà có thai được 5 tháng mà bụng trên bụng dưới đầy trướng, mặt và tay chân phù nề, tiểu-tiện không thông, nếu không chữa ngay thời thai sẽ chết, hay dù có sanh được đứa trẻ cũng chân tay mềm yếu, nên uống bài *thiên-*

Tìm sách

kim lý-ngư thang (quyển Nhật). Nếu vì tạng tỳ hư yếu mà không vận hóa được thì uống thêm bài *tứ-quân-tử thang* (số 10 quyển Khôn). Nếu chân tay lạnh như giá, nên uống bài *toàn-sinh bạch-truật tán* (quyển Nhật). Nếu tạng tỳ bị thấp mà nóng bốc lên rồi hạ-bộ nề ra nên uống bài *bổ-trung thang* (số 1 quyển Khôn) thêm phục-linh. Nếu vì ăn uống không tiết độ mà nôn oẹ đi cầu nên uống bài *tứ-quân* thêm trần-bì, sa-nhân. Nếu nề mà thở suyễn hay là khe móng tay chảy nước ra, nên uống bài *thiên-tiên-đang tán* (quyển Nhật). Nếu tạng tỳ, tạng phế trệ khí, nên uống bài *gia-vị quy-tỳ* (quyển Nhật) kèm với bài *gia-vị tiêu tán* (quyển Nhật).

Nhưng khắp người phù nề mà bụng đầy trướng thời gọi là *tử-mãn*. Nếu chỉ có mặt và chân phù nề hay là khe móng chân có nước vàng chảy ra, thời gọi là *tử-khí*, chứng tử-khí đến lúc sanh rồi thì khỏi, vì thế mà người nào thấy ống chân nề ra, trong khoảng có thai đã 8, 9 tháng thời không nên chữa. Người có thai phải chứng ấy thời dễ sanh, vì lúc sanh thai không khô ráo.

Còn như mới có thai mà nề ngay là thủy khí nhiều, đứa trẻ chưa thành hình thời thai tắt trụy.

Tuy chứng tử-sũng và tử-khí tựa như nhau, nhưng chứng tử-khí thời ở hạ bộ, chứng tử-sũng ở cả đầu, mặt. Còn chứng tử-mãn thời có thai đã 5, 6 tháng mới phát bệnh, lại khác với 2 chứng trên.

5.— Chứng đau bụng (đau thai).

Sách Kim-Quỹ nói: đàn bà có thai đã 6, 7 tháng mà

phát sốt, ghê rét, đau bụng, bụng dưới như người quạt vào thời nên uống bài *phụ-tử thang* (quyển Nhật).

Ông Trừ-Trung-Khả nói: có thai 6, 7 tháng mà hàn khí ngưng trệ, đã hàn thời đau bụng ghê rét, như vậy là hàn ở trong, bụng dưới lạnh từng cơn như người quạt là vì tử cung gặp lạnh, chỉ có vị phụ-tử là đi đến tạng thận, cho dùng bài *phụ-tử* thang là khỏi.

Có động thai mà đau thời dùng *vị sa-nhân để cả vỏ sao qua tán bột* uống với rượu hàm nóng hay là nước gạo dun lên khi trong bụng thấy nóng là khỏi.

Cũng có người vì cảm phong hàn, tạng phủ yếu mà đau bụng, hàn khí xông lên trên thời đau cả ngực, nếu không khỏi thời hại cả thai. Ông Khiết-Cổ cho dùng bài *địa-hoàng đương-quy thang* (quyển Nhật) để chữa chứng đau thai. Ông Đan-Khê cũng cho là huyết hư mà trệ.

Cũng có người có thai mà thốt nhiên đau bụng trên hay đau bụng dưới cũng gọi là chứng đau thai, nên dùng vị đương-quy, lại thêm nhân-sâm, bạch-truật, trần-bì.

Có người khí ở trong hư yếu mà đau và trụy thai, nên uống bài *bổ-trung ích-khí thang*.

6.— Đau ngang lưng.

1) Nếu vì lao lực hay gánh nặng mà đau thời phải phòng ngay sự tiểu-sản, nên dùng thuốc an thai và cố thai (tiểu sản là đẻ non, cố thai là giữ vững cho thai).

2) Nếu vô cớ mà đau lưng là vì tình dục hại đến

Tìm sách

bảo-thai. Nếu vì gặp râm mưa mà đau ngang lưng là thấp nhiệt. Đau ngang lưng mà lạnh lại như đeo vật gì nặng là hàn thấp. Mạch « đại », là tạng thận hư yếu. Mạch « sắc » và ngày nhẹ đêm nặng là khí huyết ngưng trệ. Mạch « phù » là phong tà. Đến tháng sinh mà đau ngang lưng là sắp sanh, đều phải tùy chứng mà chữa và thêm những vị để giữ thai lại.

7.— Lậu thai ra huyết.

Có sách nói : « có thai mà vẫn thấy kinh mà thai không tổn hại là huyết thịnh mà chân khí suy, thời bệnh nhân chắc là béo, không được chữa bằng chứng lậu-thai », câu nói ấy tựa như có ý nghĩa.

Nhưng họ Sào lại nói : « có thai thời kinh nguyệt ngừng để dưỡng thai, thế mà vẫn hành kinh, đâu có lẽ là huyết thịnh, chỉ vì kinh nguyệt gặp gió thời động lên, nếu bồ dưỡng cho thai thời thai đâu có tổn hại.

Nếu biết là vinh huyết có phong thời chỉ dùng một chút thuốc chữa phong là kinh phải ngừng hay không uống thuốc cũng được.

Tiên sư họ Phùng chữa chứng ấy bằng bài *bảo-thai thần hiệu hoàn*. Trong phương thuốc có vị hồng-hoa và một-dược rất có ý nghĩa.

Nếu nước của thai không được vững vì dâm dục quá độ, lại phải chữa về chứng *lậu thai*. Bài *thiên-kim phương* cho là nếu huyết ra nhiều là thai chết, mà cho dùng vị sinh-địa ngâm rượu giã vắt lấy nước mà uống.

Tìm sách

Ngoài ra còn một lẽ vì mạch « xung », mạch « nhâm » hư yếu không giữ được kinh nguyệt, cho nên hàng tháng phải ra thời gọi là chứng *bào-lậu*, vì huyết ấy còn ở trong bào-thai rỉ ra mà có thể chết.

Cũng có người vì vất vả quá độ hay là ăn uống thức sống, thức lạnh, bởi cảm phong hàn cũng có thể ra huyết, chứng ấy nếu uống thuốc mát, thời huyết càng ra, vậy nếu xét thấy ăn ít người mệt là tạng tỳ hư yếu không giữ được chân huyết, phải xem mạch để quyết định.

Tóm lại, ra huyết mà đau bụng là thai động, không đau bụng là thai lậu. Ra huyết nhiều mà khát đa số là nhiệt, nên uống bài *tứ-vật thang* (số 51 quyển Khôn), thêm hoàng-cầm, bạch-truật hay là bài *kim-quy đương-quy tán* (quyển Nhật) hay bài *gia-vị dưỡng-vinh thang* (quyển Nhật). Huyết đen thành từng phiến uống bài *tam-bổ-hoàn* (quyển Nhật) thêm hương-phụ, bạch-truật sao. Nếu vì huyết hư mà ra ít, nên uống bài *cổ-giao-ngải thang* (quyển Nhật) có khi hợp với bài *trưởng thai bạch-truật-hoàn* (quyển Nhật). Nếu vì chân khí hư nên uống bài *tứ-quân thang* (số 10 quyển Khôn) thêm hoàng-cầm, a-giao. Nếu vì khó nhọc cảm hàn mà khí hãm trở xuống nên uống bài *khung-quy bổ-trung thang* (quyển Nhật). Nếu hàng tháng ra huyết như lúc chưa có thai, thời dạ con sẽ khô ráo, chỉ dùng vị thục-địa nhiều hơn và vị can-khương (sao còn lõi), 2 chỉ, cũng tán bột uống với nước gạo sắc lên.

Tuy thế, người có thai vẫn khỏe mạnh, 6 bộ mạch hòa bình ăn uống như thường, không có gì là khó chịu mà kinh hàng tháng vẫn ra là khí huyết vượng, không

Tìm sách

nên uống thuốc cho ngừng lại, mà cũng không dùng thuốc cho hành kinh, chỉ mạnh cho tỳ vị và hòa chân huyết là đủ, như bài *phật-thủ-tán* (số 39 quyển Khôn) thêm vị hoàng-cầm, bạch-truật, a-dao (đều sao) hay là bài *bát-chân thang* (số 42 quyển Khôn) thêm a-giao và lá ngải (sao đen).

8.— Đi cầu ra huyết.

Đàn bà chửa vì khó nhọc, hại đến kinh lạc, huyết bị nóng mà thấm ra, cho nên đi cầu ra huyết (thai-lậu là huyết ra chỗ đi đái, còn chứng này là ra chỗ đi cầu), nên uống bài *tứ-vật-thang* gia sơn-chi sao và tóc đốt thành than, hay những vị a-giao, thục-địa, mạch-môn.

Nếu vì trúng thử; nên uống bài *ích-nguyên tán* (quyển Nhật) mà uống bằng nước của vị thăng-ma sắc lên. Nếu người yếu uống bài *giao-ngải tứ-vật thang* (quyển Nhật). Có người bị chứng ấy đã lâu chỉ dùng 1 chỉ long-cốt, 5 chỉ bồ-hoàng (sao đen) tán bột uống với rượu là khỏi.

9.— Chứng tử-lâm (đái rắt).

Chứng này là tiểu-tiện đi ít mà lại són ra, và khí huyết đã dưỡng thai thời bàng quang uất nhiệt, nên dùng những vị quy và thược để điều huyết, nhân-sâm để bổ khí, mạch-môn để thanh tạng-phế, hoạt-thạch, cam-thảo để thanh uất trệ và lợi tiểu-tiện, bài trên gọi là *an-vinh tán*.

Phương thuốc đời xưa chữa chứng ấy có dùng vị hoạt-thạch, nhưng tính của vị ấy đem trở xuống thời sợ trụy thai, vậy có gần đến tháng sanh mới dùng được. Ngoài ra nên bỏ vị ấy mà thêm vị thạch-hộc và sơn-chi.

Tìm sách

Nếu lâu ngày người mệt, mạch bên tay phải « vi » và « nhược », thời chỉ uống nhiều sâm để vận hành là tiểu-tiện dễ đi.

Nếu vì ăn uống những vị nóng mà bàng-quang nhiệt, nên dùng bài *cổ-khung-quy thang* (quyển Nhật) thêm mộc-thông, mạch-môn, sa-nhân, cam-thảo và bắc thắp đèn thời cổ.

Nếu nhiệt nhiều nên uống bài *ngũ-lâm-tán* (quyển Nhật).

Nếu vì tinh dục, nên uống bài *tứ-vật* hợp với bài *lục-quân* (đều ở quyển Khôn) hay là bài *thận-khí hoàn* (số 5 quyển Huyền-tẫn) mà gia giảm.

10.— Chứng chuyển bào (chuyển dạ-con).

Chứng này là bởi dạ-con đè xuống bàng-quang, đến nỗi tiểu-tiện không thông. Tiểu-tiện đi luôn chỉ ra giọt một mà đau, gọi là *tử-lâm*, còn chứng *chuyển-bào* này là đi luôn chỉ có ít một mà lại không đau, dù có đau cũng rất ít, nhưng ở dưới rốn lại đau nhiều.

Những người phải đi tiểu-tiện mà còn gượng mà để chậm lại, để khí của thủy ngược lên, rồi thành quen mà đi đái không được dễ dàng, chứ không phải tiểu-tràng hay bàng-quang thụ bệnh, mà thuốc thông tiểu-tiện có thể chữa được vì khí bức trở xuống đến bào-thai thời để lâu có thể ra thai. (Đàn bà chửa mà người yếu hay là tính nết vội vàng hay là lo buồn nhiều hoặc ăn nhiều thức nùng hậu phần nhiều mắc chứng này).

Chữa chứng này nên nâng thai lên để nước ở bàng-quang được thông đi, như bài *bổ-trung ích-khí thang*

Tìm sách

(số 1 quyển Khôn), rồi uống một chút nước muối loãng để thổ ra là tiểu-tiện tự thông, sau dùng thêm những vị như sâm, kỳ thời thai không truỵ, hay là bài *tứ-vật* hợp với bài *tứ-quân* mà bỏ vị phục-linh, chứ không nên dùng những vị thấm thấp để lợi tiểu-tiện.

Người nào 2 bộ xích mạch yếu là âm hư, nên dùng bài *thận-khí hoàn* (số 5 quyển Huyền), mà thêm những vị quì-tử, xích-phục-lịch, xích-thược cùng một chút tóc rối đốt thành than. Người nhiệt nên dùng bài *cổ cầm-truật thang* (quyển Nhật).

Ông Đan-Khê chữa một người đã có thai 9 tháng và tiểu-tiện không đi được, lúc đái lại vội vàng, ống chân nề và khó đi lại, xem mạch thời bên phải « sắc » mà bên trái hơi hòa, ông cho là vì ăn no mà dây của bào-thai truỵ xuống, đè vào bàng-quang lệch sang một bên, nên dùng những vị sâm, truật, trần-bì, chích-thảo, quy, thược, gừng sống để bổ khí huyết thời thai đem lên, xong rồi móc ở cổ-họng cho thổ ra, uống như thế 4 thang thời tiểu-tiện đi ra toàn nước đen mà khỏi.

Lại một người cũng bệnh ấy mà mạch lại « tế-nhược », ông cho uống bài *bổ-trung* thêm những vị để đem thai lên thời lại chướng lên mà đau, ông mới sai bà đỡ xoa dầu vào tay luồn vào cửa mình để đẩy thai trở lên, thời đi đái ra như rót nước mà khỏi.

11.— Chứng tử-câm (không nói được).

Đàn bà có thai mà thốt nhiên không nói được gọi là *tử-câm*. Nội-kinh nói : « có thai đã 9 tháng mà câm là lạc-mạch ở bào-thai tuyệt không phải chữa ». Câm là nói

Tìm sách

mà không rõ, còn đây là không nói được. Chứng này cổ nhân có chia ra từng kinh để điều trị, nhưng mạch của 12 kinh cùng để dưỡng thai, thời không có lý chữa bằng cách phân ra từng kinh. Chửa đã 9 tháng mà câm là thai đã lớn lạc-mạch của tử-cung vẫn liên hệ với tạng thận, mà nay ngăn trở không thông, cho nên không nói được, vì thế lúc sinh rồi là nói được mà không phải chữa như Nội-kinh đã nói. Nếu muốn chữa chỉ nên bổ cho tạng tâm, tạng thận. Nội-kinh nói là chữ « tuyệt » chỉ có nghĩa là trở cách mà thôi.

12.— Chứng đi đái són ra.

Phương thuốc thời cổ dùng vị bạch-thược và bạch-vi 2 thức bằng nhau, tán bột mỗi lần uống 3 chỉ với rượu. Nhưng cũng có người vì yếu, có người vì nhiệt, nếu thấy đỏ là huyết nhiệt, nên uống bài *cổ-cầm-truật thang* (quyển Nhật) thêm một chút vị sơn-thù. Nếu trắng là hư hàn, nên uống bài *an-thai* (số 10 quyển Lương-mô) hay là bài *kê-hĩnh-tán*, vì chứng này chỉ là trong bàng-quang có nhiệt hay là tạng tỳ, tạng phế hư yếu.

13.— Chứng trúng-phong.

Chứng này cũng gọi là *tử-giản*. Đàn bà có thai mà chợt ngã ra co giật không biết gì mà đờm dãi nhiều, thế là chân huyết hư yếu mà âm hỏa bốc lên, mạch bên trái hơi « xác », mạch bên phải « hoạt » mà « đại », thời nên uống bài *tứ-vật* thêm hoàng-cầm sao với rượu, hay là xen với bài nhị-trần để nhẹ đờm (bán-hạ phải sao đen).

Sách Cổ-yếu có nói : « chữa chứng này nếu dùng thuốc

Tìm Sách

phong thời lại động lên, chỉ cần ở dưỡng huyết an thai, vì huyết thiếu thời nhiệt, nhiệt thời sinh phong đó là phong ở trong ra ».

Người nào tạng tâm, tạng can có phong nhiệt nên uống bài *cổn đàm thang* (quyển Nhật).

Nếu vì tạng can, tạng tỳ, huyết yếu thời dùng bài *gia-vị tiêu-giao thang* (quyển Nhật).

Nếu vì tạng can, tạng tỳ uất giận, nên uống bài *gia-vị quy-tỳ thang* (quyển Nhật).

Nếu vì khí nghịch đờm trệ, nên uống bài *tử-tô-ẩm* (số 6 quyển Lương-mô).

Nếu vì tạng tỳ uất mà đàm trệ, nên uống bài *nhị-trần thang* (quyển Nhật) thêm nước trúc-lịch và nước giếng (vị bán-hạ tẩm nước gừng sao gần đen).

Ngoài ra cũng có người lúc kinh-giản lúc khỏi mà còn thêm uốn ván, nên uống bài *tiểu-tục-mệnh* (quyển Nhật) bệnh nhẹ thời uống bài *tứ-vật*, thêm cát-căn, tần-giao, tế-tân, phòng-phong, nước trúc-lịch, có đờm thêm vị bối-mẫu, trần-bì, phục-linh, cam-thảo hay là bài *khung-hoạt-tán* (quyển Nhật) bệnh nặng thời uống bài *hắc-dương giác thang* (quyển Nhật).

14.— Chứng thương-hàn.

Chứng này nếu nên cho ra mồ-hôi thời dùng bài *khương-hoạt xung-hòa thang* (quyển Nhật) thêm sài-hồ, đương-quy, bạch-thược, lá tử-tô và hành. Nếu nhiệt vào trong lỵ, đại tiện bí mà táo khát, đó là thực chứng,

Tìm sách

bất đắc dĩ cũng phải dùng vị đại-hoàng nhưng tẩm rượu mà sao. Nếu thật là hàn, mạch thấy « phục » và lạnh, tay chân, bất đắc dĩ phải dùng vị nhục-quế, phụ-tử và can-khương nhưng nên thêm chút hoàng-liên, cam-thảo để bớt tính nóng của những vị ấy đi.

Sở dĩ phải dùng những vị ky thai là vì phải dùng đến mới dùng thời cũng không trụy thai. Xét về biểu chứng, lý chứng và phải căn cứ vào mạch.

15.— Chứng sốt rét.

Theo Nội-kinh nói : « khí dương kém thời ghê rét, khí âm kém thời phát sốt », nay vừa rét vừa sốt là âm dương đều kém, nếu vì tà khí cảm vào cũng phải bổ khí huyết mà thêm vị tán tà.

Vậy người nóng nhiều nên uống bài *thanh-ly ẩm* (quyển Nhật) mà bỏ vị bán-hạ. Người rét nhiều uống bài *nhân-sâm dương-vị* (số 181 quyển Nhật) cũng bỏ vị bán-hạ. Nếu đã lâu không khỏi nên dùng bài *thắng-kim đan* (quyển Nhật). Nếu nhân chứng thương hàn vừa sốt rét vừa đi ly, nên uống bài *tỉnh-tỳ ẩm-tử* (quyển Nhật).

Cũng có người hễ có thai là sốt rét, là vì tạng can vẫn nhiều hỏa, nay âm thủy đã dưỡng thai thời huyết ráo, tạng can cũng yếu, đó là tựa sốt rét mà không phải sốt rét, nên uống bài *tiêu-giao-tán*, vừa thanh hỏa vừa dưỡng huyết cho tạng can, kèm với bài *lục-vị hoàn* (vị mẫu-đơn dùng ít).

16.— Chứng ly.

Chứng này phần nhiều bởi khí ở trong hư yếu mà

TimSách

không đem lên, khí ở tạng tỳ yếu mà không thấm được thấp, khí của tạng thận yếu mà không giữ lại được, như vậy tựa đi ỵ mà không phải đi ỵ, phép chữa phải để ý vào tỳ và thận.

Cũng có người vì ăn thức sống thức lạnh, tạng tỳ yếu rồi đau bụng mà đi ỵ, đến nỗi thai trụy trở xuống, thời nên dùng bài *bổ-trung thang*, chớ theo phép chữa thường mà thuận khí hành khí.

17.— Chứng đau hoán-loạn.

Chứng này có người vì ăn uống, có người vì uất kết, chợt cảm tà khí ở ngoài rồi tà khí và chính khí giao tranh, cho nên đau bụng như vặn ra vừa thổ vừa đi cầu, tà khí ở trên thời dạ dày đau mà thổ nhiều, tà khí ở dưới thời đau ở rốn mà đi cầu nhiều, tà khí ở giữa thời đau ở trên rốn mà vừa thổ vừa đi cầu, chứng nay rất nguy, nên uống bài *hương-tô tán* (quyển Nhật) thêm vị hoắc-hương rồi uống nước muối loãng để thổ ra.

18.— Chứng tiết-tả (đi cầu lỏng).

Đàn bà có thai mà đi cầu lỏng, là bởi tạng tỳ và tạng thận hư yếu, tạng tỳ yếu thời không vận-hóa được, tạng thận yếu thời không giữ lại được, hỏa ở mệnh-môn đã kém thời lấy gì nung nấu cho tạng tỳ.

Tuy thế, cũng có người vì nội thương là ăn thức lạnh, thức sống, hay vì ngoại cảm là bị phong, hàn, thử, thấp, nên phân biệt mà chữa.

Tìm sách

19.— Chứng thương thực.

Tỳ-vị yếu thời không vận hóa được, nếu tạng tỳ không vững thời thai cũng không yên, phép chữa nên bổ tỳ-vị, nếu chỉ dùng thuốc để tiêu đi thời có hại đến thai.

20.— Chứng thổ huyết.

Chứng này bởi khí huyết đã dưỡng thai, chợt có ngoại cảm thời khí ngược lên mà đem huyết ra, nhưng phải phân ra hư thực, về chứng thực hỏa thời thanh nhiệt để dưỡng huyết, về chứng hư hỏa thời giúp chân âm để bổ thủy, như bài *lục-vị* (số 2 quyển Huyền) hay bài *quy-tỳ* (số 15 quyển Khôn) thời huyết về chỗ mà thai được vững. Cấm không được dùng những vị hành huyết.

21.— Chứng tử-suyễn (suyễn xúc).

Người có thai mà thở suyễn thời gọi là *tử-suyễn*. Nếu thấy chân tay vô lực là tạng tỳ hư yếu, thấy sợ gió, sợ lạnh là tạng phế hư yếu, thấy đau lưng, đoản khí là tạng thận hư yếu, mà khí không về chỗ, nên chọn những bài : *sinh-mạch-tán* (quyển Nhật), nếu ngoại cảm nhiều thời uống bài *tâm-tô ẩm* (quyển Nhật). Ông Đan-Khê còn nói : « Người có thai dễ động hỏa cho nên nhiều người phát suyễn ».

Trước có một người vợ lẽ có thai, người vợ cả vì ghen mà cho uống thuốc độc để ra thai. Thầy thuốc xem mạch, thấy mạch khí-khẩu mạnh gấp hai mạch nhân-nghinh, mạch bộ quan « huyền mà tật », hai bộ xích

TìmSách

đều « đoản » mà lìa với kinh-mạch (ly kinh) biết là vì thuốc độc thai đã chết mà khí dềnh lên trên, cho uống bài *khung-quy thang* thêm những vị thôi sinh quả nhiên thai chết ra mà khỏi suyễn.

22.— Chứng lo thương.

Có thai mà lo thương chỉ muốn khóc như thể thần linh hay ma tà, lại hay vươn vai, ông Trọng-Cảnh cho là khí huyết đã dưỡng thai thời tạng phế ráo, cho uống những vị cam-thảo, tiểu-mạch, đại-táo để bổ tỳ mà khỏi.

Ông Lập-Trai chữa một người có thai phiền táo mà thường khóc, cũng dùng phương thuốc của ông Trọng-Cảnh và bài *đạm-đậu-nhự thang* (quyển Nhật), uống xen với bài *bát-trân* (số 42 quyển Kiền) mà bệnh nhân được khỏi.

Một người có thai lúc cười, lúc khóc, chỉ uống vị hồng-táo sao gần cháy tán ra uống với nước gạo sắc lên mà khỏi.

23.— Chứng thai khóc trong bụng.

Có người nói vì người đàn bà trèo cao giơ tay mà miệng đứa trẻ rời cuống nhau ra, thời nên bảo người ấy cúi xuống như người nhặt vật gì ở dưới đất, thời đứa trẻ lại ngậm vào cuống nhau mà ngừng khóc.

Có sách nói sắc vị hoàng-liên lấy nước đặc mà uống hay là vị thanh đại cũng được.

24.— Chứng động-thai, lậu-thai (nên tham khảo với mục lậu thai ở trên).

Chứng này có người vì uống rượu, có người vì tình

Tìm sách

dục, có người vì giận dữ uất kết, có người vì vấp ngã, có người vì uống lầm thuốc nóng hay thuốc kỵ thai, có người vì yếu quá, những lý do trên đều khiến cho động thai.

Chứng động-thai này, nếu người có thai mặt đỏ mà lưỡi lại xanh là con đã chết ; mặt xanh mà lưỡi đỏ là mẹ sẽ chết ; môi, miệng, lưỡi, đều xanh mà thổ ra nước bọt là mẹ con đều chết. Động thai và lậu thai đều ra huyết, nhưng động thai thời đau bụng mà lậu thai thời không. Chứng này phải uống ngay bài *đỗ-trọng hoàn* (quyển Nhật).

Vì ngã hay vì bị đè phải mà động thai đau bụng, thời chỉ lấy vị sa-nhân đề cả vỏ sao gần cháy rồi tán bột uống với nước muối và rượu hâm nóng, hay là với nước ngải-cứu cũng được, hễ trong bụng thấy nóng là thai yên.

Vì phạm-phòng mà ra huyết thời thật là lậu thai, nên uống bài *bát-trân* (số 42 quyển Khôn) thêm a-giao và chút lá ngải sao đen để cứu vãn.

Những người tỳ-vị hư yếu mà mạch lại « trầm-trì », thời chứng động thai và lậu thai nên dùng thêm những vị như bạch-truật, hoàng-cầm.

25.— Thai chết trong bụng.

Thai đã chết mà chưa ra được, bài thuốc cổ hay dùng những vị tiêu-thạch, thủy-ngân, lỗ-sa. Ta phải nghi vấn về chỗ thai đã chết mà huyết ngưng khí tụ mà sao lại cho uống những vị rất hàn.

Vì rằng có người vì lậu thai huyết ra nhiều mà con

Tìm sách

chết, có người vì ngã hay bị đè mà con chết, có người vì ốm lâu thai gầy mà con chết, những chứng ấy nên dùng bài *phụ-tử thang* (quyển Nhật) uống gấp để bảo-thai nóng lên thời huyết sẽ lưu động, (vì vị phụ-tử phá được hàn khí và truy thai) như thế thời nên dùng thuốc ôn.

Còn những chứng vì thương-hàn, vì ôn-ngược, thai ở trong bụng chịu nhiều tà độc, mà chết trong dạ-con, tất nhiên là đầy chướng, cho nên mới dùng tiêu-thạch, thủy-ngân và lỏ-sa là để thai chết ấy tiêu chướng lên mà còn mòn đi, rồi uống thêm những thuốc bành huyết, thuận khí, thời thai gì mà không ra.

Có khi cho uống móng chân con cua để đem thai chết trở ra, rồi lại cho uống kèm vị a-giao để cầm huyết mà giữ cho người mẹ, thêm vị cam-thảo chích để điều hòa.

26.— Truy thai.

Có thai mới một tháng nếu không cẩn thận thời dễ truy thai mà vẫn không biết, có thể quên đi mà lần nào cũng vậy, rồi hiểu làm người ấy không có sinh dục. Còn người truy thai cứ về tháng lẻ là tháng 3, tháng 5, tháng 7, vì rằng tháng lẻ là dương hỏa, mà hỏa thời động, vậy phải uống thuốc trước những tháng ấy, nghĩa là tháng 2, tháng 4 hay tháng 6, mà uống những vị sâm,

Tìm Sách

truật, quy, thực, thược, đỗ-trọng, tục-đoạn, a-giao, hoàng-cầm tẩm rượu sao (có thể tùy tạng người mà thêm bớt).

Chứng truy thai có nhiều nguyên nhân:

1) Vì uất hỏa.

2) Vì lao lực.

3) Vì trèo cao, giơ tay, hay bị vật gì đè phải.

4) Vì không kiêng dâm-dục, vậy phải tùy chứng mà chữa.

Nếu bị vấp ngã hay vì trèo cao hoặc vì bị đè mà có đau bụng, thời uống bài *phật-thủ tán*, chỉ dùng ít xuyên-khung, mà thêm vị ích-mẫu sao, nếu thai đã ra thời thêm hương-phụ tẩm đồng-tiện sao và trần-bì. Nếu vì ngã mà ra huyết thời thêm sinh-địa, hoàng-kỳ hay là thêm sâm, truật, trần-bi, phục-linh, chích-thảo, sa-nhân. Nếu thai đã ra huyết nhiều, mạch « đại » không có lực, thời sắc 1 vị nhân-sâm lấy nước thật đặc hòa với đồng tiện mà uống.

Còn tiểu sản là chưa đến tháng mà đã sanh thời khí huyết rất hư yếu, hơn là người sản hậu, vậy càng phải bồi bổ.

Một phương thuốc giản dị để chữa người hay truy thai: Lấy 8 lạng đỗ-trọng sắc nước gạo nếp mà tẩm rồi sao khô, 2 lạng tục-đoạn cũng tẩm rượu sao khô, với 6 lạng hoài-sơn sao qua, cũng tán bột hoàn với hồ bằng bột ngô, mỗi lần uống 50 viên với nước gạo sắc lên vào lúc đói.

Tìm sách

Phương thuốc dưới đây là hợp bài *hội-bộ hoàn* bài *đỗ-trọng hoàn* và bài *bạch-truật tán.*

Thục-địa, đương-quy, bạch-truật, hoàng-cầm, tục-đoạn, đỗ-trọng vị nào nhiều hay ít là tùy tạng của người có thai, rồi tán hoàn với mật uống vào sáng hay chặp tối, để chữa cho người hay trụy thai và tiểu sản.

Thai mới thành hình mà ra gọi là *trụy-thai*, đã 5, 6 tháng mà ra thời gọi là *tiểu-sản* hay *bán sản*, đều là khí huyết hư yếu, dùng bài *thiên-kim-bảo thai hoàn* (quyển Nhật) rất hay. Ông Triệu-dưỡng-Quỳ còn cho dùng bài *lục-vị thang*, thêm đỗ-trọng, ngũ-vị, tục-đoạn, a-giao, nên tùy người mà dùng. Chứng ấy không thể dùng phương pháp trục ứ huyết để sinh huyết mới như người sanh đủ tháng.

Chỉ có một giống ngựa, con cái khi có chửa mà con đực đến gần thời đá không cho đến, cho nên ít có tiểu-sản, người ta lại không nên bớt tình-dục để tránh về chứng bệnh ấy hay sao ?

Tuy nhiên, chứng tiểu-sản cũng nên phân biệt là bệnh nhân chân âm hư nhiều thời dùng ít những vị lá-ngải, phụ-tử, bạch-truật, sa nhân mà thêm ít những vị quy, thược, hoàng-cầm.

27.— Thai không lớn.

Có người đến ngoài 10 tháng mới sinh, lại còn chậm đến mười mấy tháng đều là khí huyết không đủ mà đứa trẻ chậm lớn. Nếu thấy chậm sanh thời phải bồi bổ khí huyết, ngoài ra cũng có người vì lậu thai ra huyết, thời cũng phải bồi bổ.

Tìm sách

28.— Quỷ-thai.

Đàn bà chửa đẻ ra một vật gì không phải là người, thời gọi là *quỷ-thai*. Người yếu mà tinh dâm, hay có chứng bạch-dâm hay bạch-trọc lưu ở trong dạ-con, huyết và tinh tụ lại thành khối, bụng to như người chửa, như thế là giả thai, chứ không phải giao hợp với quỷ thần.

Ông Hoàng-bá-Nhân chữa một người vì gần tối đi chơi một tòa miếu, trông thấy một vị thần áo vàng, đêm ấy chiêm bao giao hợp với vị thần ấy, rồi bụng to dần. Ông Bá-Nhân chẩn mạch và hỏi nguyên do, cho uống thuốc phá-huyết trụy-thai, ra rất nhiều những chất như nòng nọc và óc cá, rồi khỏi, nhưng dù có việc ấy cũng là vì có chứng bệnh mà gặp vào lúc đi chơi chỗ đền miếu, chứ không có lẽ ma quỷ giao hợp được với người.

Lại một người tắt kinh 8 tháng mà bụng to, mặt xanh, uống thuốc an thai không thấy ứng nghiệm. Một vị thầy thuốc chẩn mạch cho là bệnh ở tạng can và tạng tỳ, rồi cho uống bài *gia-vị quy-tỳ* và bài *gia-vị tiêu giao* là khỏi.

29.— Chứng tràng-dàm tựa như có thai.

Theo Nội-Kinh : Hàn khí ở ngoài đại-tràng, cùng vệ khí va chạm rồi trong bụng mọc ra miếng thịt như cái trứng gà mà lớn dần lên, xoa vào thấy rắn mà đẩy đi thời di-chuyển. Hàng tháng vẫn thấy kinh. Chứng này là bệnh về khí mà không phải bệnh vì huyết, cho nên kinh

Tìm Sách

nguyệt vẫn thấy, nên uống bài *mộc-hương thông khi tán* (quyển Nhật) là những vị thuốc cay mà nóng thời miếng thịt ấy sẽ ra.

30.— Huyết tích tựa như có thai.

Sách Chiết-Quang-Lục có chép: « một người đàn bà hay có tính uất giận, rồi không thấy kinh mà bụng lớn ra, hơn 10 tháng chưa đẻ, thày thuốc cho là tích huyết cho uống những vị hành huyết thì bệnh nhân mệt thêm, rồi bỏ không chịu chữa. Sau nghe truyện một người cung-phi tắt kinh đã hơn 10 tháng, uống thuốc an thai lại chướng lên, một vị thày thuốc chẩn mạch cho uống thuốc phá huyết thì ra huyết nhiều mà khỏi. Người thày thuốc kia mới hối hận là mình không bạo gan mà cho uống thêm thuốc phá huyết. Thế là chứng tích huyết tựa như người có thai.

31.— Chứng có thai khác thường.

Theo sách Chử-kỳ chép, thời có người con gái mới 13 tuổi đã sanh. Lại có người con gái của ông Tô-đạt-Khanh 12 tuổi đã có thai, thế là ít tuổi mà có thai.

Vì thế ông Lý-thời-Chân nói: « Theo Nội-kinh thời con gái 14 tuổi chân huyết mới đủ, đến 49 tuổi, chân huyết đã tuyệt », chỉ là lẽ thường mà thôi.

∴

Tìm sách

MỤC SẢN HẬU

1.— CĂN BỆNH

Lúc sanh rồi nếu uống 1 chén đồng-tiện cho thông huyết (ngoại trừ những người bản tạng vẫn hàn sợ uống sinh đẩy), một lát hãy đi nằm, mà nên nằm ngửa, nên co chân mà không nên duỗi thẳng chân, bụng nên đắp kín cho ấm, nên đốt than mà vầy chút giấm thanh hay là đốt lá sơn khô để phòng chứng vận huyết. Nếu là mùa hè trong phòng đừng để nóng quá, nên ăn cháo trước mà ăn cơm sau, trong vòng 3 tháng không nên cầm kim hay làm khó nhọc, cần nhất là đừng để tức giận mà uất lên, vì chứng ấy có thể chết ngay.

Lại kiêng ăn thức lạnh, kiêng nằm ngồi chỗ gió, đừng ăn muối sống cho kém sữa, ngoài 3 tháng mới được gần đàn ông.

Người mới sanh không nên vận động mạnh vội, lại ăn thức ngon để chóng lại sức khoẻ.

2.— NHỮNG BỆNH VỀ SẢN HẬU

Người mới sanh cần nhất là đừng để huyết xấu còn lại, mà sợ nhất là có những chứng nôn oẹ, chứng đi cầu lỏng và chứng nhiều mồ-hôi.

Người sản hậu âm dương đều kém, dương kém thời

Tìm sách

hay rét, âm kém thời hay sốt, ra huyết nhiều thời phiền táo mà phát sốt, huyết xấu còn lưu lại thời nhức đầu, đau bụng cho nên dù dùng thuốc để sạch huyết xấu sinh huyết mới, mà cũng không thể dùng quá được. Trục ứ huyết quá thời hại người, mà bổ ngay thời huyết xấu ngừng lại, vậy người chữa phải cân nhắc về chỗ đó, mà khiến cho sản phụ phải ăn được.

Lúc sanh, khó nhọc sợ sệt, lại thêm huyết ra nhiều, cho nên phải bồi bổ về chỗ hư yếu. Nhưng cũng có người khỏe mạnh đẻ dễ, ăn được, huyết xấu ra hết thời cũng không nên cho uống nhiều thuốc. Người ấy dù có ngoại cảm cũng nên chữa khác những người suy yếu.

Sản hậu dễ phiền táo mà phát sốt. Sản hậu hỏa đem trở lên dễ váng đầu và đau bụng. Sản hậu tỳ vị yếu, nếu ăn uống quá, dễ bị đầy và thổ tả.

Mạch người sản hậu cần ở hư yếu, nghĩa là hòa hoãn và hoạt. Hoãn là thong thả, hoạt là đi đều. Trái lại mạch thấy *thực*, *đại*, *huyền*, *lao*, thời không hợp. Ông Vương-thúc-Hòa nói: « người sản hậu mà mạch thốn, *hồng* và *tật* là chết, *trầm* và *vi* nhưng ấn đầu ngón tay sát đến xương mà mạch vẫn không tuyệt là sống ». Lại nói: « mạch *trầm*, *tiểu*, *hoạt* là sống, *thực*, *đại*, *kiên*, *huyền*, *cấp* là chết ». Nói về chứng thời mặt xanh, ra mồ-hôi như tắm, chân tay giá lạnh thở suyễn, phát ách, người mát mà phiền táo nói mê, tinh thần mụ đi đều không chữa được.

3.— PHÉP CHỮA

Lúc sanh rồi, người đỡ nên lấy tay vuốt nhẹ từ ngực

Tìm sách

đến rốn thời huyết xấu theo ra, trong 3 ngày nên uống nước đồng-tiện hòa với rượu mỗi ngày vài ba lần, nhưng là người vẫn khỏe mới dùng được, còn người tỳ vị yếu vẫn không có hỏa thời không dùng được nước đồng-tiện.

Mọi chứng về sản hậu vẫn phải đại bổ khí huyết, nhưng bổ mà phải thêm vị hành huyết, ngoại trừ những người yếu quá mà âm dương chực thoát.

Trong bài tứ-vật, ông Đan-Khê cho vị bạch-thược là chua và lạnh không nên dùng. Vì rằng người mới sanh tất kỵ vị thuốc lạnh mà ưa vị thuốc ôn. Vậy có dùng thời phải tẩm rượu mà sao vàng, lại thêm vị can-khương sao đen mới không có hại, còn vị sinh-địa nên thay bằng vị thục-địa, mà phải sao khô và thơm.

Lúc mới sanh phải tiêu huyết xấu để sinh huyết mới, rồi mới uống được thuốc bổ, nhưng nếu sản-phụ hư yếu quá mà cần phải bổ gấp thời trong đó thêm vào những vị ôn để hành đi. Từ trước vẫn dùng bài *sinh-hóa thang* (số 64 quyển Lương-mô) là vừa bổ vừa hành, ôn mà không trệ lại không hại đến khí của tỳ-vị, thật là bất dịch.

Người mới sanh dù có những chứng nhức đầu, phát sốt, lợm lòng, lo buồn, cũng đều là hư yếu mà sinh ra thời vẫn phải bổ về khí huyết mà thêm những vị chữa bệnh.

Người sản hậu có 3 phương thuốc không nên dùng:

1) bài *phật-thủ tán* vì có vị xuyên-khung hành tán.

2) bài *tứ-vật thang* vì có vị sinh-địa và bạch-thược là hàn.

Tìm sách

3) bài *tiểu-sài-hồ* vì có vị hoàng-cầm là lạnh.

Ngoài ra, lại cấm không được dùng thuốc để phát hãn, không được dùng thuốc hạ và không được dùng thuốc để lợi tiểu tiện.

Chữa chứng này có người vừa dùng thuốc tiêu vừa dùng thuốc bổ, nhưng không rõ về phần bổ phải nhiều hơn phần tiêu. Sở dĩ dùng bài « sinh hóa » là trong đó có vị khung, quy, đào-nhân là để sinh huyết mới mà hóa huyết cũ đi, thêm vị can-khương sao đen và cam thảo chích là để ôn và vận hành, thật là thánh dược. Tiên-sư họ Phùng thêm vào bài thuốc ấy những vị nhân-sâm, nhục-quế, ngưu-tất, hồng-hoa thời là thánh dược để thôi sinh.

4.— NHỮNG VỊ THUỐC THƯỜNG DÙNG VỀ CHỨNG SẢN HẬU

1) Để bồi bổ như : nhân-sâm, hoàng-kỳ, bạch-truật, thục-địa, bạch-thược, đương-quy, phục-linh, lộc-nhung, đại-táo, chích-thảo, long-nhỡn.

2) Để ôn mà tản đi như : quan-quế, quế-tâm, phụ-tử, can-khương, trần-bì.

3) Để tiêu ứ huyết như : hồng-hoa, đào-nhân, xuyên-khung, tô-mộc, huyền-hồ, ngũ-linh-chi, bồ-hoàng.

4) Để phá tích như : mẫu-đơn, tam-lăng, nga-truật, lá sơn khô và huyết-kiệt.

Tìm sách

TẠP CHỨNG VỀ SẢN-HẬU

1.— Huyết vậng.

Chứng này là vì lúc sanh ra huyết nhiều mà hỏa bốc trở lên, phải bổ huyết thì tinh thần được yên.

Nhưng bệnh nặng thời phải thêm thuốc bổ khí là khí có thể sinh được huyết và khi bệnh cần sợ bổ âm không kịp... Chứng này nặng quá cũng gọi là huyết thoát, nên uống nhân sâm để hồi dương. Nếu ra huyết ít mà vậng thời chỉ nên bổ huyết mà thêm thuốc ôn để hành huyết.

Ngoài ra, trong phòng nên đốt lá sen khô hay là đốt than mà vẩy giấm vào thời bệnh nhân có thể tỉnh ra.

Chứng này tiên sinh họ Phùng cho là người mới sanh ra huyết quá nhiều mà sinh ra. Tiên sinh bác bỏ về thuyết cho là huyết xấu chưa ra hết chỉ uống nước đồng tiện là khỏi. Tiên sinh nói : « nước đồng-tiện chỉ dùng về chứng bệnh nhẹ, còn chứng nặng đâu có thể cứu nổi. » Theo ý tôi, thì có người nặng, có người nhẹ mà hai thuyết nên để.

Chữa chứng này dùng hai chỉ đương-quy, 2 chỉ nhân-sâm, 1 chỉ lá ích-mẫu sao, 6 phân hồng-hoa, 8 phân gừng sao đen, sắc lấy nước rồi hòa với đồng-tiện mà uống, như thế là lưỡng toàn.

Tìm sách

Tiền sinh họ Phùng gặp một người mỗi khi sanh rồi là có huyết vận thời mấy hôm trước lúc sanh cho uống bài *thập-toàn* (số 42 quyền Khôn) bài *quy-tỳ* (số 15 quyền Khôn) bài *dưỡng-vinh* (số 52 quyền Khôn), mà lúc sắp sanh lại uống 2, 3 lạng nhân-sâm, thời lúc sanh rồi không còn chứng huyết vận.

Nếu vì ra huyết nhiều mà mắt hoa đầu váng, hôn-muộn, phiền táo, hay là trên đầu ra mồ-hôi, thời uống bài *cồ-khung quy-thang* (quyền Nhật) và thêm chút đồng-tiện, cần ra thời thêm vị nhân-sâm và gừng sao đen, mồ-hôi ra nhiều thêm hoàng-kỳ, hay là bài *bát-vị hắc thần tán* (số 66 quyền Lương-mô) bài *đan ngũ-linh-chi tán*, bài *phản-hồn-hoàng* (số 18 quyền Lương-mô). Nếu vì khí hư mà thành vận, thời dùng 1 lạng nhân-sâm sao, 5 chỉ tô-mộc, sắc lấy nước thêm chút đồng-tiện mà uống.

2.— Chứng huyết xấu không ra hết.

Chứng này vì bào-thai gặp lạnh mà ngừng lại không ra hết, nên dùng thuốc ôn để hoạt huyết, thời huyết tự thông.

3.— Chứng huyết hôi ra không ngừng.

Chứng này vì người yếu không giữ lại được, hay là vì chân âm hư nóng ở trong, lại phải tham khảo về mạch, nếu vì người yếu quá thời ôn bổ để sinh huyết mới thời huyết xấu hóa đi mà không ra nữa, nếu yếu vừa thời uống thuốc để sinh huyết mới mà chỉ thêm một chút để ra ứ huyết.

Nếu vì tạng can nóng, nên uống bài *lục-vị hoàn*. Nếu

Tìm sách

vì khí ở gan yếu mà không giữ được huyết, nên uống bài *tiêu-giao tán* (quyển Nhật). Nếu vì tạng tỳ yếu không giữ được huyết nên uống bài *lục-quân-tử thang* (số 12 quyển Khôn). Nếu vì khí hãm trở xuống, nên uống bài *bổ-trung thang* (số 1 quyển Khôn). Nếu vì tạng tỳ uất nhiệt nên uống bài *gia-vị quy tỳ thang* (số 72 quyển Khôn).

Nếu vì tạng can có hỏa nên uống bài *gia-vị tứ-vật thang* (quyển Nhật).

Nếu vì khí huyết đều yếu, nên uống bài *thập-toàn đại bổ thang* (số 42 quyển Khôn).

Nếu vì phong tà nên uống bài *gia-vị phòng phong thang* (quyển Nhật).

Nếu vì dâm dục sớm quá nên uống bài *lục-vị địa-hoàng thang* (số 2 quyển Huyền) thêm a-giao, mạch-môn, ngũ-vị.

4.— Chứng nhức đầu.

Có người vì huyết ra nhiều mà hư dương bốc lên. Có người vì huyết xấu còn lại, chỉ nên uống bài *sinh-hóa thang* mà thêm bớt một đôi vị chứ không nên dùng những vị khương-hoạt, độc-hoạt như người thường.

Có người vì chân dương yếu mà khí xấu phạm trở lên, chứ không phải là bệnh ngoại cảm mà dùng được thuốc để giải ngoài biểu.

5.— Chứng đau ngực.

Chứng này vì chân huyết kém, hỏa xông lên tâm bào-

Tìm sách

lạc, nên uống bài *quy-tỳ thang* (số 15 quyển Khôn) mà gia giảm.

Người sản hậu hàn khí đem lên thời đau ngực, đem xuống thời đau bụng, đều nên uống bài *sinh-hóa thang* (số 84 quyển Lương-mô) thêm quế.

Nếu chỉ dùng thuốc nhiệt để chữa hàn thời dù đỡ đau mà huyết lại háo, cho nên phải thêm thuốc bổ âm huyết (nên rõ đau ngực là đau ở bào-lạc ngoài quả tim, chứ không phải đau ở quả tim).

Nếu vì ứ huyết còn lại, nên uống bài *bát-vị hắc-thần thủ* (số 66 quyển Lương-mô) hay là bài *tứ-vị tán* (quyển Nhật), hay là bài *thất-tiếu tán* (quyển Nhật).

Nếu có nóng lạnh uống bài *đương-quy tụ* (quyển Nhật).

Nếu vì hư hàn uống bài *quế-tâm thang* (quyển Nhật).

Nếu vì cảm hàn uống bài *lý-trung thang* (quyển Nhật).

6.— Chứng đau bụng.

Chứng này phần nhiều bởi huyết xấu không ra hết. Cũng có người trong mấy hôm ăn uống đã như thường, rồi thốt nhiên lại đau bụng, 6 bộ mạch « trầm-phục », 4 chân tay giá lạnh, thế là huyết xấu chưa ra hết, vì thương thực mà ngừng lại. Phép chữa cũng phải hành huyết, đừng cho là khí huyết đều hư mà dùng cả thuốc bổ.

Sách yếu-lược có nói: « người sản hậu trong bụng đau râm rỉ, nên uống bài *đương-quy sinh-khương dương-nhục thang* là dùng quy để thông huyết, dùng gừng sống để tản hàn, dùng thịt dê để bổ khí.

TìmSách

Họ Khấu có nói : Đàn bà sanh về tháng rét thời hàn khí vào cửa mình, mà dưới rốn đầy lên không ưa xoa, nên uống bài *Trọng-Cảnh dương-nhục thang* (quyển Nhật).

Nếu rốn và bụng thốt nhiên đau cũng là bởi khí lạnh lấn vào, nên uống bài *đương-quy kiên-trung thang* (Quyển Nhật) hay là bài *Tứ-thuận lý trung hoàn* (Quyển Nhật).

Có người huyết hôi đã sạch mà vẫn đau, nên uống bài *tứ-thần tán* (quyển Nhật), uống như vậy cũng không khỏi thời uống bài *bát trân thang* (số 42 quyển Khôn).

Nếu đau mà lợm lòng muốn oẹ, uống bài *lục-quân-tử* thang (số 12 quyển Khôn). Đau mà đi cầu cũng uống bài *lục-quân-tử* mà uống thêm bài *tứ-thần-hoàn* (quyển Nhật).

Nếu ở ngực cách lên mà lo buồn hay là không muốn ăn mà nuốt nước chua, bụng đau không muốn xoa, thì là chứng thương thực, nên uống bài *nhị-trần* thêm bạch-truật, sơn-tra. Nếu ăn đã tiêu mà vẫn còn đau, xoa thời nhẹ đi, lại thêm nhức đầu, phiền sốt, ghê rết, khát nước, nôn oẹ, thời phải ôn bổ tỳ vị. Nếu đau bụng mà sốt, xoa vào lại đau nhiều, nuốt nước chua nhưng không ghét thức ăn, (vẫn ăn được) thế là còn có ứ huyết, nên uống bài *thất-tiếu tán*. Nếu chỉ phát sốt, nhức đầu, đau bụng mà xoa vào lại thôi, thời là chứng huyết hư, nên uống bài *tứ-vật thang* (số 21 quyển Khôn), thêm sâm, truật và gừng nướng.

Nếu vì thức ăn trệ mà nóng lạnh, đau cả bụng trên, bụng dưới, nên uống bài *ngũ-tích tán* (quyển Nhật), thêm nga-truật. Nếu chỉ đau bụng dưới thời là đau dạ con (nhi-trâm thống) thời uống bài *đan ngũ linh-chi tán* hoặc

Tìm sách

thêm vị đào-nhân, rồi lấy giấm nấu hồ làm thuốc viên mà uống, chân khí hư yếu thời sắc bài *tứ-quân* (số 10 quyển Khôn), chân huyết hư yếu thời sắc bài *tứ-vật* (số 21 quyển Khôn) để lấy nước uống thuốc viên vừa kể ở trên.

7.— Chứng đau bụng dưới.

Chứng này vì huyết hôi chưa sạch lại gặp lạnh ở ngoài, nếu không chữa có thể thành ra chứng huyết hà. Chứng đau như thế gọi là đau dạ-con (nhi-trầm thống) nên uống những vị xuyên-khung, đương-quy, ích-mẫu, sơn-tra, hương-phụ, trần-bì, sắc nước uống, đau nhiều lấy vị ngũ-linh-chi tẩm giấm sao mà uống hoặc thêm vị ích-mẫu sao vàng và gừng sao đen thời càng hay.

Một người mới sanh đau ở bụng dưới, uống thuốc để trục ứ huyết không có công hiệu mà mạch lại hồng sắc, rồi ứ huyết vỡ ra mà thành mủ, vì thế chứng ấy cũng nên chữa ngay, nếu không thời thành mủ tản đi các xương đốt mà thành chứng ung thư ở xương, căn cứ vào mạch thời « trì và khẩn » là ứ huyết, mà « sác và hồng » là đã thành mủ, khi thành mủ phải hạ mới khỏi, nếu bụng to chướng, trở mình thì như tiếng có nước, nên uống bài *lạp-phàn hoàn* (quyển Nhật) để đem mủ ra mới khỏi.

Bụng dưới đau mà không có gì thời uống bài *dưỡng-dục thang* (quyển Nhật) thông dụng bài *nữ-kim-đan* (quyển Nhật) và bài *gia-vị ích-mẫu* (quyển Nhật).

8.— Chứng đau ngang lưng.

Chứng này là sanh rồi huyết hôi đang ra mà thốt

Tìm sách

nhiên ngừng lại, thời ngang lưng nặng mà đau, hai đùi vế đau như dùi đâm vào xương, thế mà huyết trệ, kinh lạc không thông, tất nhiên thành ra ung nhọt, nên uống bài *đào-nhân thang* (quyển Nhật) hay bài *nhũ-hương liên-kiều thang* (quyển Nhật).

Cũng có người vì lúc sinh hại đến khí của tạng thận, mà lại gặp gió lạnh, vì bào-thai bám và lưng mà thuộc về tạng thận.

9.— Chứng đau cạnh sườn.

Chứng này phần nhiều bởi tạng can, nếu vì huyết ở tạng can kém vận hành, nên uống bài *huyền-hồ sách-tán* (quyển Nhật). Nếu vì khí ở tạng can yếu, nên uống bài *tứ-quân thang* (số 10 quyển Khôn) thêm sài-hồ và quế-mỏng (bạc quế). Nếu vì tạng can huyết hư yếu, nên uống bài *tứ-vật thang* (số 21 quyển Khôn) thêm sâm, truật, sài-hồ. Nếu vì thận thủy kém, nên uống bài *lục-vị hoàn* (số 2 quyển Huyền). Nếu vì tạng phế lấn sang tạng can, nên uống bài *tả-bạch tán* (quyển Nhật).

Nhưng chứng này nếu không dùng can-khương, nhục-quế là những vị tân ôn để đem sức thuốc đi thời vô hiệu.

10.— Chứng trưng-hà tích-tụ.

Chứng tích bởi âm khí phát ra từ ngũ tạng, đau nhất định một chỗ mà gọi là *Trưng*. Chứng tụ bởi dương-khí đau không nhất định chỗ nào lúc tụ lúc tán mà gọi là *Hà*. Hai chứng ấy đều bởi sản hậu hư yếu, gió lạnh lấn vào cùng với khí huyết kết lại mà thành ra.

Tìm sách

Lại có người sản hậu trong bụng có vật gì đau luôn không ngừng, cho là chứng huyết hà, dùng thuốc phá khí hành huyết thời đau hơn lên mà xương đốt mọc nhiều hạch đỏ, như thế là tạng can hư yếu hại đến gân rồi khô mà kết lại, chỉ dùng những vị thuốc dưỡng tạng tỳ, bổ tạng thận để giúp cho tạng can như bài *bát-trân thang* (số 44 quyển Khôn), bài *tiêu-giao tán* (quyển Nhật), bài *quy-tỳ thang* (số 50 quyển Khôn) gia giảm để chữa mà khỏi, như thế là giả tưởng chứ không phải là hữu hình.

11.— Chứng nôn ọe.

Chứng này nếu vì ăn uống nhiều quá, nên uống bài *lục-quân-tử thang* (số 12 quyển Khôn).

Nếu vì ăn uống đình lại, nên uống bài *nhân-sâm-dưỡng vị thang* (Quyển Nhật).

Nếu vì tỳ-vị yếu, nên uống bài *lục-quân-tử thang* có hàn thêm gừng nướng và mộc-hương nướng.

Nếu vì hàn thủy lấn vào tạng tỳ, nên uống bài *tích-hoàng tán* (quyển Nhật).

Nếu vì tạng can là hành mộc lấn tạng tỳ là hành thổ nên uống bài *lục-quân-tử* thêm thăng-ma, sài-hồ.

Nếu vì hỏa ở mệnh-môn suy kém nên uống bài *bát-vị hoàn* (số 1 Quyển Huyền).

Nếu nôn ọe thêm đi cầu lỏng mà chân tay lạnh, rốn bụng đau là dương khí hàn lắm, phải dùng ngay bài *phụ-tử lý-trung thang*.

Tìm sách

12.— Chứng đi tả.

Chứng này nếu vì thức ăn trệ lại mà đau, nên uống bài *thục-liệu ngũ-tích tán* (quyển Nhật) thêm gừng sao và phụ-tử, có oẹ thêm sa-nhân.

Nếu đau cả rốn và bụng, uống bài *lý-trung thang* (quyển Nhật) thêm nhục-đậu-khấu.

Nếu đau bụng, sôi bụng mà khát, nên uống bài *tứ-quân-thang* hợp với bài *ngũ-linh tán* (quyển Nhật) thêm vị nhục-đậu-khấu và bạch-thược sao.

Nếu có nhiệt mà tiểu-tiện xẻn, mỗi lần đi cầu là một lần đau mà miệng khát, thời uống bài *tứ-quân-tử* thang (số 10 quyển Khôn) hợp với bài *tứ-linh tán* (quyển Nhật) thêm mộc-thông và một chút hoàng-liên sao với rượu hay là bài *ích-nguyên tán* (quyển Nhật).

Nếu đau hắc-loạn vừa thổ vừa tả, phiền khát chân tay lạnh, thời uống bài *lý-trung thang* (quyển Nhật) thêm trần-bì, mạch-môn, gừng sống làm thang, hơn nữa thêm phụ-tử, khát nhiều uống bài *ngũ-linh tán* (quyển Nhật), có chuột rút thêm vị mộc-qua.

13.— Chứng lỵ.

Người sản hậu tràng vị yếu, dễ cảm tà khí ở ngoài, cho nên đau bụng như cắm dùi, thức ăn không tiêu, sôi bụng mà đi cầu tuột ra, hay là đi ra vừa đỏ vừa trắng phải uống gấp bài *lý-trung thang* (quyển Nhật) là khỏi ngay.

Tìm sách

Nếu vì khí của tạng thận yếu, không sinh được tỳ-thổ và không bế vít được, thời phải dùng bài *tứ-thần hoàn* (quyển Nhật) hay là bài *bát-vị hoàn* mà không nên dùng thuốc để lợi tiểu-tiện.

14.— Chứng nấc ngược lên.

Chứng này bởi tỳ-vị đều lạnh cho nên khí không thuận xuống mà động đến tạng phế. Theo Nội-kinh nói thời chứng nấc là dạ-dày lạnh. Nhưng có người vì khí ở trong hư yếu lắm mà âm hỏa bốc lên, đều nên dùng những vị quế, phụ và can-khương.

15. - Chứng thở suyễn

Người sản hậu vì ra huyết nhiều, vệ khí không có gì để chủ trương mà đem lên phổi, chứng ấy gọi là *cô-dưỡng tuyệt-âm*, chỉ uống ngay bài *sâm-phụ* (quyển Nhật) mới cứu sống được.

Chứng này rất nguy cho người sản hậu, nếu dùng thuốc để chữa đàm hỏa thời chết, phải uống ngay bài *nhân-sâm sinh-hóa thang* (quyển Nhật) mà gia giảm. Có người ngờ vị nhân-sâm giúp cho chứng suyễn, nhưng vị này thêm sức cho người hư yếu, dù phải dùng đến sâm mà trong bài thuốc ấy còn có những vị khung-quy và gừng sao đen thời đâu có tăng bệnh. Người sản hậu chỉ vì yếu mà thành chứng ấy thời không thể thôi được. Một phương nữa uống bài *đan-nhân-sâm thang* mà gia một chút tô-mộc.

Nếu vì huyết xấu mà phát bệnh thời dùng những vị huyết-kiệt, trần-bì, một dược, đều bằng nhau tán bột,

Tìm sách

uống với nước sôi và dùng xen với bài *đoạt-mệnh đan* (số 63 quyển Lương-mô).

16.— Chứng phù-nề

Chứng này vì người hư yếu, khí huyết kém vận hành mà ngừng lại ở chân tay, cho nên mặt vàng mà chân tay nề, không nên chữa bằng cách chữa thủy-sũng cho những người thường, nên uống bài *tiểu-điều-kinh tán* (quyển Nhật) huyết hành thời nhẹ đi mà khỏi.

Nếu vì khí hư yếu nên bổ cho tỳ-vị.

Nếu vì thủy khí nên uống bài *bổ-trung thang.*

Nếu thêm suyễn ho mà mạch « trầm-tế » vô lực là hỏa ở mạn'ı-môn suy yếu, mà tỳ-thổ hư hàn, nên uống bài *bát-vị-hoàn* (số 1 quyển Huyền).

Nếu bụng đầy là khí hư mà không phải vì huyết, nên uống bài *bổ-trung thang*, kèm với bài *bát-vị hoàn*, một bài để thăng cho khí dương, một bài để liễm trở xuống thời chứng nề tự khỏi.

Nếu người khí hư uống bài *tứ-quân thang* thêm xương truật hay là bài *nữ-kim-đan* (quyển Nhật).

Nếu người huyết hư nên uống bài *bổ-hư thang* (quyển Nhật) thêm bạch-truật, phục-linh.

17.— Chứng đau mình và chân tay.

Chứng này mà chân tay đau chỗ này sang chỗ khác là khí huyết không đủ nuôi dưỡng, khí xấu lưu lại mà

Tìm sách

thành ra nề, âm hỏa đi ngầm thời thành ra đau, chỉ nên uống bài *dưỡng-vinh thang* (số 52 quyển Khôn) thêm gừng sao đen.

18.— Chứng phát sốt.

Sản hậu có người vì khó nhọc mà phát sốt, có người vì ăn uống đình trệ, có người vì vú sữa đầy.

Người mới sanh thì huyết ra nhiều. Nhẹ thời máy thịt động gân, nặng thì hôn mê co giật thật đủ trăm chứng. Chứng này là huyết thiếu mà dương không dựa vào đâu được, bốc ra ngoài mà thành sốt, nên uống bài *tứ-vật* bỏ xuyên-khung, vị sinh-địa thay bằng thục-địa, lại thêm vị sài-hồ (thứ lá mềm), và nhân-sâm, gừng sao đen là rất hay.

Ông Dưỡng-Quỳ nói : « Người nào lúc trước vẫn có chứng âm hư hỏa động mà mới sanh lại ra huyết nhiều, thời tất nhiên thành những chứng phát sốt, phiền táo, ra mồ hôi. Vậy không thể chỉ bổ khí huyết mà nên uống bài *tiêu-giao tán* (quyển Nhật) để nhẹ hỏa cho tạng can và dưỡng huyết cho tạng can ».

Ông Lập-trai nói : « nếu uống bài *tứ-vật* dùng ít xuyên-khung và sinh-địa thay bằng thục-địa, lại thêm gừng sao đen bổ âm để cân với dương-khí ».

Nếu vì uống thuốc lạnh mà khí dương đem lên trên, lại nếu uống bài *tứ-quân* (số 10 quyển Khôn) thêm khương, quế, không khỏi lại thêm phụ-tử. Nếu mặt đỏ khát nhiều uống nhiều là chứng *huyết thoát phát táo* nên uống bài *đương-quy bổ huyết thang* (quyển Nhật).

Tìm sách

Ông Lập-Trai lại nói : « chứng sản hậu mà buồn phiền phát sốt là dương tản đi, khí huyết đều yếu, nếu uống thuốc hàn lương thời chết ». Vậy nếu vì ngoài cảm mà nóng lạnh, nhức đầu, nên uống bài *cổ-khung-quy thang* (quyển Nhật) thêm sa-sâm và tử-tô, khí huyết đều hư yếu dùng bài *bổ-hư thang* (quyển Nhật) thêm chút trần-bì và can-khương. Nóng nhiều dùng bài *thục-liệu ngưtích tán* (quyển Nhật), nếu không đỡ uống bài *hoànglong thang* (quyển Nhật).

19.— Chứng thương thực phát sốt.

Ông Tiết-Trai có nói : « sản hậu mà phát sốt cũng nhiều người bởi ăn uống ngừng trệ mà đừng cho cả là huyết hư. Vậy nên hỏi ăn uống và đi cầu như thế nào ? Nếu ăn uống vẫn đều thời mới bổ chân huyết ».

Ông Lập-Trai nói : « Sản hậu phát sốt mà có triệu chứng là vì ăn uống, nên uống bài *tứ-quân thang* (số 10 quyển Khôn-hóa) hay là bài *tứ-quân* thêm gừng nướng.

20.— Chứng hư hãn (mồ hôi ra vì yếu).

Người mới sanh đã ra huyết mà lại thêm mồ-hôi là âm và dương đều hư, mà có thể nguy khốn vì chứng vong dương, nếu nhẹ thời dùng những vị sâm, kỳ, quy, truật, rễ ma-hoàng, phòng-phong, quế-chi. Nặng thời uống bài *sâm-phụ* (quyển Nhật).

Nếu phát sốt mà ra mồ-hôi thời uống bài *cổ-quy kỳ thang* (quyển Nhật), mồ-hôi nhiều thêm bạch-truật, phòng-phong, mẫu-lệ, mạch-môn, thục địa sao và phục-linh, cam-thảo hay là bài *hoàng-kỳ kiên-trung thang* (quyển Nhật).

Tìm sách

Nếu tự ra mồ-hôi mà bụng đầy, uống bài *đại-ôn-kinh tán*. Tự ra mồ-hôi mà thân thể, chân tay đau nhức, uống bài *đương-quy dương-nhựthang*, Nếu ra mồ-hôi trộm thời dùng một cái thịt-thăn-lưng lợn và nửa chén gạo nếp, 2 củ hành, đun kỹ lấy nước trong rồi cho sâm và quy mỗi thứ 2 chỉ, đun lại lên mà uống.

21.— Chứng ra mồ-hôi ở đầu, người uất và mụ đi.

Người mới sanh thốt nhiên uất mà mờ đi, mạch « vi và nhược », trên đầu có mồ-hôi, là vì chân huyết hư yếu mà dưới lạnh, lạnh thời trên mờ đi, dương chơ-vơ bốc lên cho nên ở đầu ra mồ-hôi, chứng ấy lại phải cho ra mồ hôi thời âm dương mới hòa, chứng ấy vì hư yếu nhiều mà vì tà khí có ít, xem mạch « vi và nhược », đủ rõ khí ở trung hư yếu. Sở dĩ phải cho ra mồ hôi mới khỏi là vì người sản hậu âm huyết kém, đem so sánh thời dương mạnh hơn, cho nên phải cho ra mồ-hôi để dẹp chân dương đi cho cân bằng với chân âm.

22.— Chứng trúng phong.

Người khí huyết hư yếu mà gặp gió độc, gió ấy ở bì phu, kinh lạc thời đau và tê, ở gần thời co quắp hay méo mồm, thêm thấp khí thời đờ thượt ra, vào tạng phủ thời hoảng hốt kinh sợ.

Nhưng sách Đại-Toàn có nói : « Đàn bà chủ về huyết sanh rồi thời ra huyết nhiều, dương khí không dựa được vào đâu, cho nên môi xanh, người lạnh mồ-hôi nhiều, mắt mờ và mụ ra, tinh mệnh chỉ ở chốc lát, thế là hư

Tìm sách

yếu lắm mà thành ra phong, thì không chữa được bằng thuốc phong gió, chỉ nên dùng bài *thập-toàn đại bổ thang* (số 42 quyển Khôn) thêm phụ-tử rồi cậy miệng đổ thuốc cho, hễ lọt thuốc xuống thời có thể khỏi. »

Nếu thật là chứng trúng phong mà cấm khẩu nghiến răng, chân tay ngay ra, lác mắt, thổ và đi cầu mà chực chết, thời uống bài *đan-kinh-giới tán* (quyển Nhật) hay bài *cổ-kinh-quy thang* (quyển Nhật).

23.— Chứng người ngay ra (Hành-bệnh).

Người sản hậu âm hư thì nóng ở trong, nóng lắm thời sinh ra phong, hiện ra những chứng uốn ván mà cứng người ra, đó là giả chứng trúng phong. Thực ra bởi chân huyết kém không dưỡng được gân, mà là chứng quá hư yếu nên bổ cho âm huyết, chứng này mà ra mồ-hôi nhiều là khó chữa.

24.— Chứng cấm khẩu.

Càn lạc của kinh thủ-tam-dương đi ra đến cằm, người mới sanh, khí huyết yếu mà phong vào kinh ấy cho nên cấm khẩu. Cũng có người vì khí ở tạng tâm yếu quá mà không nói được, chỉ nên bồi bổ mạnh mà thêm thuốc để điều hòa khí của tạng tâm.

25.— Chứng uốn-ván (giốc-cung phản-trương).

Chứng này bởi khí huyết hao tổn, gân cốt không có gì nuôi dưỡng, nên dùng sâm, quy, thục, kỷ, truật, nếu chậm khỏi thêm phụ-tử, bội nhiều nhân-sâm gọi là bài *sâm-phụ thang*, dù chậm khỏi vẫn chữa theo phương pháp ấy.

TimSách

26.— Chứng gân co vào hay là thượt ra (Khế-túng).

Khế là gân co vào, túng là gân thượt ra, theo Nội-kinh thời tạng **can chủ** về gân, nay ra huyết nhiều thời gân không được mềm nhuận mà thành chứng ấy, nên dùng bài *bát-trân thang* (quyển Nhật), thêm mẫu-đơn, câu đằng. Nếu không khỏi uống bài *tứ-quân* thêm khung, quy, câu-đằng, vì khi có thể sinh ra huyết. (Trẻ em sau khi thổ tả cũng có chứng này) đó là vì hư yếu chứ không phải vì phong. Nếu sợ sệt, mạch « vi » và « tế », đúng là chứng hư. Nếu mạch « phù, đại », phát sốt, phiền khát, cũng chỉ là giả tượng, chỉ nên giữ về căn bản. Chứng này mà co giật, lác mắt, uốn ván, mồ-hôi ra như cúc áo là không chữa được.

27.— Chứng kinh sợ.

Người sanh rồi mà kinh sợ là tạng tâm hư yếu. Bệnh nhân sợ sệt chuyển động không yên, mắt trông trừng trừng, mạch động và yếu, thời là chứng kinh sợ, chỉ nên bổ huyết mà thêm những vị thuốc để an thần.

28.— Chứng phát cuồng.

Sanh rồi mà phát cuồng là huyết ra rồi mà hỏa bốc lên, nên uống những vị xuyên-quy, thục-địa, phục-thần, viễn-chí, tảo-nhân, ngưu-tất, lá mền-tươi và chút đồng tiện. Nếu vì huyết xấu đình trệ dùng bài *điều-kinh tán* (quyển Nhật). Nếu vì huyết ở tạng tâm yếu, dùng bài *bách-tử-nhân tán* (quyển Nhật). Nếu vì tạng thận yếu mà âm hỏa bốc lên thời uống bài *bát-vị thang* (số 1 quyển Huyền) mà thêm bớt.

TìmSách

29.— Miệng mũi đen mà mửa ra máu.

Sách Cổ cho rằng người mới sanh mà miệng mũi có khí sắc đen và máu ra đàng mũi là không chữa được. Vì rằng chứng ấy là âm hàn mà chân khí tuyệt. Hơn nữa, miệng mũi là bộ phận nhiều huyết mà khí sắc thấy đen là khí của dạ-dày đã bại, lại thêm lục-huyết thời khí âm đã mất mà khí dương cũng thoát, cho nên không chữa được.

30.— Chứng ho đàm.

Người mới sanh mà ho đàm là khí của dạ-dày không đầy đủ, tỳ-vị yếu thời hành thổ không sinh được tạng phế là hành kim, thời âm hỏa bốc lên.

Phép chữa phải bổ tỳ-vị là hành thổ để sinh ra phế là hành kim, và giúp tạng thận là hành thủy để dẹp hỏa, vì tạng thận để nạp khí trở xuống.

31.— Chứng sốt rét.

Người mới sanh trong nửa tháng mà lúc nóng lúc lạnh, hay là sốt về chiều và đêm hay là một ngày 2, 3 cơn sốt, nếu sốt đúng thời gian mà giống như sốt rét thì bởi khí âm và khí dương đều hư yếu, đừng chữa theo chứng sốt rét, mà chỉ bổ khí huyết là khỏi.

32.— Chứng lao mòn (lậu-lao).

Đàn bà sinh nở nhiều, khí huyết kém, lại thêm khó nhọc, mà hình thể tiều tụy, kém ăn, nhạt miệng, ho đờm, váng đầu, hoa mắt, xương đốt đau mỏi, có lúc ra

Tìm sách

mồ-hôi trộm hay là nóng lạnh như sốt rét, chân tay ngại cử động, nặng mình, muốn nằm đều là triệu chứng lao-mòn.

Chứng ấy chú trọng về bổ tỳ và thêm những vị điều hòa khí huyết. Ngoài ra còn phải nghỉ ngơi mà kiêng sự vất vả.

Chứng này nên uống bài *thập toàn đại bổ* (số 42 quyển Khôn) bỏ vị xuyên-khung, thêm tục-đoạn, mai ba-ba sao vàng, lá tang ký-sinh, đào-nhân, các vị cùng tán bột, lại lấy 2 quả cật của lợn (bỏ màng), một nhát gừng, 3 quả táo, nửa quả ô-mai, 5 hoa kinh-giới cùng sắc lấy nước để uống thuốc bột ở trên vào lúc đói. Nếu thêm đau bụng và nóng lạnh thời uống bài *đương-quy dương-nhục thang* (quyển Nhật) hay bài *yên-tử thang* (quyển Nhật).

33.— Chứng băng-huyết.

Người mới sanh chưa được bình phục, vì vất vả hay vì kinh sợ mà băng huyết, thời nên bổ gấp tạng tỳ hay tạng tâm.

Nếu băng huyết mà bụng dưới đầy và đau không ngừng, mạch thời « thực, đại, khẩn, xác » là khí của tạng can đã bại mà khó chữa.

Nếu bụng dưới đầy chướng mà xoa vào lại đau, là trong còn ứ huyết mà không nên uống ngay thuốc cầm huyết.

TimSách

34.— Chứng đại-tiện khó.

Mới sanh thì đại-tràng thiếu chân huyết cho nên đi cầu khó, trong đó còn vì dạ-dày khô ráo mà không đem xuống được, chỉ nên nuôi chân huyết và điều hòa trung-châu, mà không nên dùng những vị chỉ-sác, ma-nhân để thông đi.

35.— Chứng đái rắt.

Trước khi sanh mà đái rắt là chân khí yếu không vận hóa được, sau khi sanh mà đái rắt là có huyết xấu ngừng trệ.

Nếu chân huyết kém mà nhiệt uất lên, thời dùng bài *lục-vị hoàn* (số 2 quyển Huyền) hay bài *tiêu-giao tán* (quyển Nhật) để bổ chân âm dưỡng chân huyết.

Cũng có người vì bà đỡ không cẩn thận để hại đến bào-thai. Ông Đan-Khê có nói : « một người đàn bà nhiều tuổi phải chứng ấy, ông cho rằng nếu bị thương ở trong còn khó chữa hơn bị thương ở ngoài ». Khi xem mạch thấy hư yếu lắm mới bổ gấp bằng bài *sâm-truật cao* (quyển Nhật), và cho uống bài *chư-dương bào-thai* (quyển Nhật) vào lúc đói lắm, như thế chỉ một thang là khỏi. Mới biết rằng thuốc bổ khí huyết có thể làm liền được vết thương ở trong.

36.— Chứng đại-tiểu-tiện đều không thông.

Người mới sanh mà đại-tiểu-tiện không thông là vì nước tân-dịch háo kiệt, tràng vị khô ráo, không gì bằng bổ tạng thận, nếu uống thêm nước sữa càng hay.

Tìm sách

37.— Chứng tiểu-tiện đi nhiều.

Chứng này vì khí của tạng thận không vít lại được, nên uống bài *ngũ-vị-tử hoàn* (quyển Nhật).

Nếu tỳ-vị yếu, nên uống bài *bổ-trung thang* (số 1 quyển Khôn) để tiêu thuốc viên của bài *hoàn-thiếu đan.*

Nếu tạng tỳ tạng thận đều hàn, uống bài *bát-vị hoàn* (số 1 quyển Huyền) hợp với bài *tứ-thần hoàn* (quyển Nhật).

38.— Chứng đại-tiểu-tiện ra huyết.

Người mới sanh mà tiểu tiện đi ra huyết là vì khí huyết yếu mà nhiệt lấn đi. Có người đi ra huyết mà mặt vàng, cạnh sườn đầy chướng, ăn ít, là tạng can lấn sang tạng tỳ, uống bài *gia-vị tiêu giao tán* (quyển Nhật) xen với bài *bổ-trung thang* (quyển Nhật) là khỏi.

Người mới sanh mà đi cầu ra huyết hoặc vì nội thương, hoặc vì ngoại cảm, nếu vì ăn cao lương mỹ vị quá nhiều, thời nên uống thuốc cho mát đi. Nếu vì giận dữ động đến tạng can hay là lo nghĩ hại đến tạng tỳ, thời nên điều hòa tạng can và tạng tâm, tạng tỳ. Nếu vì đại tràng có phong nhiệt thì nên mát chân huyết và trừ phong. Nếu vì nguyên khí hãm trở xuống, nên đại bổ mà đem lên.

Chứng này cần về bổ tỳ để giữ chân huyết lại.

39.— Chứng ung nhọt.

Sanh rồi mới nửa tháng, chân tay và ngực hay bụng, thấy mọc ung-nhọt mà sưng lên thời không vì huyết xấu

Tìm sách

làm trệ ở kinh lạc, thời vì khí huyết yếu không vận hành ra thở thịt.

Nếu vì huyết xấu còn trệ, thời ung nhọt sưng đỏ mà đau, mạch thời « hồng, huyền », hữu lực, phép chữa nên bổ huyết, hành huyết, lại thêm những vị để thông khí huyết.

Nếu vì khí huyết yếu, thời ung nhọt ấy không đỏ lắm, không thấy gọn lại và không mọc cao lên mà mạch « hư-vi » vô lực, nên đại bổ khí huyết như những bài *thập-toàn* (số 42 quyển Khôn) và bài *bát trân* (số 43 quyển Khôn) thời nhọt tự khỏi. Chứng này nếu dùng thuốc thanh-lương để giải độc, thời không nung không vỡ được mà thành ra hoại chứng.

40.— Chứng kinh-nguyệt không thông.

Đàn bà sanh rồi hàng nửa năm mới thấy kinh là người mạnh, vì lúc sanh ra huyết nhiều lại phải cho con bú, nên hàng năm mới thấy kinh cũng là lẽ thường.

Nếu một, hai năm cũng không thấy mà không có chứng bệnh gì thời là khí huyết suy kém, chỉ nên bồi bổ tỳ vị thời tự nhiên hành kinh mà không phải uống thuốc để thông kinh.

41.— Chứng không có sữa.

Người sản hậu ăn uống ít mạch *sung* và mạch *nhân* kém, thời sữa ít mà đứa con cũng hay yếu. Còn người không thấy sữa có 2 nguyên nhân :

1.— vì khí huyết mạnh mà bế tắc lại không ri ra.

2.— vì khí huyết kém, khô ráo mà không có.

Tìm sách

Người yếu thì nên bổ, như những bài *thập-toàn* và *bát-trân*. Người bế tắc thời nên thông ra như những vị : mạch-môn, qua-lâu-nhân, thiên-hoa-phấn, nhân-sâm, quy-tử, mộc-thông, lậu-lô và nấu chân giò lợn mà ăn.

42.— Chứng sữa tự nhiên ra.

Có người không sanh mà sữa tự nhiên ra, là khí của dạ-dày yếu không liễm lại được, nên bồi bổ cho tỳ-vị.

Nếu khí huyết hư yếu lắm, khí không giữ được ở ngoài mà ra nhiều, nên điều bổ nguyên khí để ngăn lại.

Nếu chưa sanh mà nước sữa tự nhiên ra gọi là *nhũ-khấp*, người ấy sinh con khó nuôi.

Nếu người sanh rồi vì khó nhọc mà sữa ra nhiều quá là dương khí hư yếu, nên uống bài *độc-sâm thang* (sắc một vị sâm mà uống).

43.— Chứng chỗ kín thoát ra.

Chứng này bởi đàn bà lúc sanh dùng sức quá độ, rồi âm hộ vừa thoát ra vừa sưng đau. Cũng có người sinh sản rồi vì phòng dục hay là vì mang đồ nặng, cũng thành ra chứng ấy rồi nước đái rỉ ra, nên uống thuốc bổ mà đem lên, lại lấy những vị lưu-hoàng, ô-tắc-cốt, và ngũ-vị tử tán bột mà chấm vào.

44.— Chứng cửa mình không hợp lại.

Chứng này bởi nguyên khí yếu cho nên không thu hẹp lại được, nên dùng bài *thập-toàn đại bổ thang*.

Tìm Sách

Nếu sanh rồi âm-hộ sưng đau mà không hẹp lại là tạng can có hư nhiệt, nên uống bài *gia-vị tiêu-giao tán* (quyển Nhật). Nếu chỉ thấy sưng và không hẹp lại nên uống bài *bổ-trung thang* (số 1 quyển Khôn), thêm ngũ-vị.

Chứng này dù thấy sưng nóng cũng phải kiêng những vị thuốc mát, vì người sanh rồi thời khí huyết yếu, huống chi chứng chỗ kín thoát ra, hay là không thu hẹp lại, đều bởi khí hư huyết thoát đâu có dùng được vị mát.

Ông Đan-Khê, ông Lập-Trai chữa chứng này đều dùng những vị : sâm, kỳ, quy, thục và thêm những vị để đem lên hay những vị để thu vít lại. Lại có người tử-cung sưng lớn lên đã 2 ngày mới đẩy vào được, rụng ra một miếng như gan lợn, sắc mặt vàng, sốt từng cơn mà tự ra mồ-hôi, kém ăn, người mệt, chỉ uống 30 thang bài *thập-toàn đại bổ* (số 42 quyển Khôn) mà khỏi.

45.— Chứng nhũ-ung (vú mọc nhọt).

Đàn bà nhiều huyệt ở trên vú, thời vú là quan trọng. Nếu vì mạch *xung*, mạch *nhâm* tổn hại hoặc vì tức giận, hoặc vì ăn nhiều thứ nùng-hậu để kinh-dương-minh nóng nhiều mà khí ở kinh-quyết-âm không vận hành, hay vì gió độc cảm vào mà khí ngừng trệ không tản đi, đều khiến cho vú thành ung nhọt.

Chứng này ở vú vừa rắn vừa sưng đau, có nhân, sữa không ra được, rồi ngoài da sưng đỏ lên mà lúc sốt, lúc rét, gọi là *nhũ-ung*, vì phong nhiều thời sưng rắn mà trắng, vì nhiệt nhiều thời sưng mà đỏ, chứng này còn gọi là *suy-nhũ*, lâu ngày không tan thời có mủ và vỡ ra.

Tìm sách

Người nào thốt nhiên vú sưng đỏ mà có nhân, mấy hôm thời vỡ ra, là bởi khí huyết ở mật và dạ-dày ủng trệ lại.

Có người vì đứa con vừa ngậm vú vừa ngủ, khí nóng ngấm vào mà không tản ra, nếu chịu xoa thời có thể tản đi.

Có người vì con thôi bú mà không uống thuốc để đem sữa lên.

Có người vì sữa nhiều mà con không bú hết, rồi kết lại mà thành.

Có người vì tà khí uất ở trong mà thanh.

Ngoài ra, cũng có người vì ưc-uất, lo, giận, khí của tạng can đi ra mà uất trệ thanh ra nhân, nhưng không đỏ không đau, rồi lâu ngày mọi lớn, thối ở trong nhiều mủ mà thối, gọi là chứng *nhũ-nham*.

PHÉP CHỮA :

Lúc mới mà phát sốt đau nhức thời nên tán tà và nên vợi nhẹ cho tạng can. Nếu đương nuôi con thời cho sữa xuống nhiều là khỏi.

Nếu không tan mà không thấy thành mủ thời phải dùng thuốc bổ để đẩy ở trong ra.

Nếu nhọt vỡ rồi, mà cơ-nhục không sinh ra, nước mủ chảy ra loãng, thời nên bổ tỳ-vị.

Nếu mủ đã ra mà vẫn đau, vừa rét vừa sốt thời phải bổ cả khí huyết.

TimSách

Nếu sốt về chiều mà sưng đau, nên bổ âm huyết nhiều hơn.

Nếu ăn ít mà oẹ nên bổ khí cho dạ-dày.

Chữa chứng nhũ-ung không phải là khó, chỉ dùng vị thanh-bì để nhẹ cho kinh-quyết-âm, vị thạch-cao để mát cho kinh-dương-minh, đốt của cây cam-thảo để giải độc, vị kinh-giới, vị phòng-phong để tán phong và đặt ra ngoài biểu, vị qua-lâu, vị một-dược, lá quýt, gai bồ-kết, kim-ngân-hoa, thổ-bối-mẫu, sắc lấy nước và chế thêm ít rượu mà uống.

MỘT PHÉP NỮA: lấy nhiều phiến tỏi để vào chỗ đau, rồi xe lá ngải-cứu khô thành cái mồi đốt lên thổi ở trên miếng tỏi thời rất công hiệu. Chứng này rất kiêng chữa bằng dao hay kim để hại đến kinh lạc của vú.

Nên nhớ chữa chứng này rất kiêng thuốc mát, chỉ lúc đã vỡ mủ mà dùng thêm thuốc mát mới được. Lúc mới phát bệnh, nên dùng vị nam-tinh, vị thảo-ô và nước gừng mà bôi, để tiêu đi hay là chóng vỡ.

Còn thuốc uống có thêm nhũ-hương, một-dược cho đỡ đau hay là dùng bài *qua-lâu-nhân thập-tuyến tán* (quyển Nhật) uống xen với bài *thông-khí tán* (quyển Nhật). Nhưng người 40 tuổi trở xuống thời chóng khỏi, còn người 50 tuổi trở lên thời thiên-quý-thủy đã kiệt, phép chữa lại phải bổ cho khí huyết mà khác với phương thuốc kể ở trên.

Chứng *nhũ-nham* càng phải cẩn thận, lúc mới thời tán tà khí để nhẹ cho tạng can, rồi thêm thuốc để điều

Tìm sách

dưỡng khí huyết, như bài *ích khí-dưỡng-vinh* (quyển Nhật) hay bài *gia-vị tiêu-giao tán* (quyển Nhật), nghĩa là vừa có thuốc để trừ phong, vừa có thuốc để hành trệ khí, vừa bổ khí huyết như : sâm, kỷ, quy, truật, mà thông ứ trệ như ô-dược, mộc-thông, vừa tán tà ở ngoài biểu như : sài-hồ, phòng-phong, tô-diệp, vừa tiêu mủ như : vị bạch-chỉ, lại hành huyết và hòa mạch như : vị quan-quế.

Người bệnh nhẹ uống nhiều tự khỏi mà người bệnh nặng cũng có thể sống được thêm tuổi (1). Nếu dùng thuốc thanh-lương thời chóng chết.

CHÚ GIẢI :

(1) sống được thêm tuổi thì có lẽ là không khỏi hẳn.

TìmSách

PHỤ CHÚ

Dưới đây là dịch giả phụ chú những vị thuốc kỵ thai :

1.— Những vị *nóng quá* như phụ-tử, ô đâu, can khương, ba đậu.

2.— Những vị thuốc có *tính chất chạy mạnh* như các thứ quế, sạ-hương.

3.— Những vị *có chất độc* như ban miêu, hùng-hoàng.

4.— Những vị *tản đi* như bán-hạ.

5.— Những vị *đem trở xuống* như ngưu tất, thạch hộc.

6.— Những vị *phá huyết* như đào-nhân, hồng-hoa, mẫu-đan-bì.

7.— Những vị *lợi tiểu-tiện* như mộc-thông, xa-tiền.

Tìm sách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập TỌA-THẢO LƯƠNG-MÔ

(Khuôn phép cho người sanh)

TìmSách

TìmSách

Lời dịch giả

TimSách

TìmSách

TẬP TỌA-THẢO LƯƠNG-MÔ

gồm có 10 mục :

— Lời dặn về lúc sanh.

— Nói về nguyên nhân khó sanh.

— Những điểm cần cho người khó sanh.

— Gần đến tháng sanh.

— Những bài thuốc để thôi sanh.

— Những bài thuốc ít vị để thôi sanh.

— Nói về chứng sanh ngang đẻ ngược.

— Chứng thai chết trong bụng và bài thuốc chữa.

— Chứng nhau không ra và bài thuốc chữa.

— Các chứng hiểm sau khi sanh.

— Những bài thuốc để dự-bị.

TìmSách

LỜI DẶN VỀ LÚC SANH

1.— Thai ở trong bụng là nhờ nước ở cuống nhau, khi đủ chín tháng thời tinh thần và hình hài hoàn bị là tìm đường trở ra.

Người khỏe thời khi đã vỡ nước bào-thai là trẻ em theo ra. Nếu người mẹ yếu thời đứa trẻ quay đầu chậm, có khi nước bào-thai đã ra mà vẫn chưa sanh.

Vậy phép chữa phải bồ cả khí huyết cho sản-phụ để mẹ con đều đủ sức, cần nhất là đừng cố sức rặn ngay để xảy việc sinh ngang đẻ ngược, như bài « Bảo-sản vạn-toàn » sau đây, vừa bồ khí huyết cho sản-phụ mà mở đường cho đứa trẻ chóng sanh.

2.— Sau khi đau bụng nhiều hay là nước bào-thai đã ra, dù chậm một hai ngày hay bốn năm ngày cũng không ngại gì, người sản-phụ nên ăn uống cho đều mà nhịn đau, đi lại như thường, vì đến khi đứa trẻ quay đầu xuống mà đau không thể chịu được mới thật là sanh.

3.— Người sản-phụ, mạch phải « ly-kinh » nghĩa là người xem mạch một lần thở ra hít vào mà mạch của người sản-phụ tới 6 lần bồng lên dẹp xuống (nhất tức lục chí), thời mới là thật sanh. Hay là mạch « trầm hoạt » và đau không chịu được mà ngang lưng đau lắm, trong

Tìm sách

mắt nóng như lửa là đứa trẻ sắp ra. Vậy trước khi ấy mà cố sức cho chóng sanh thời có khi lầm việc.

4.— Lúc sắp sanh nên nằm thẳng người ra, dù đau bụng lắm cũng gượng đứng thẳng người, mà không được nằm thu người vào, để đứa trẻ dễ quay đầu xuống.

5.— Lúc sanh nên để tự nhiên và yên tâm thần, vì đứa trẻ đã đủ tháng thời đương nhiên phải ra, như là quả đã chín thời tự nhiên rụng núm.

6.— Không được để người đỡ luồn tay vào cửa-mình tìm cách cho đứa trẻ chóng ra, mà có khi nguy hiểm.

7.— Đến tháng sinh chợt thấy đau bụng nhưng lúc đau lúc ngừng, thời dù một hai ngày hay ba, bốn ngày, nước bào-thai có ra ít nhiều, cũng chưa phải là thật sanh.

Cũng có người trước một tháng hay trước nửa tháng, chợt thấy đau bụng như là muốn sanh, nhưng phải biết khi thật sanh thời phải đau lắm và đau liên tiếp, như vậy nước bào-thai có ra hay không ra cũng không đáng kể.

8.— Về tháng sanh, người sản-phụ không nên làm việc vất vả quá nhưng cũng nên cử động.

9.— Có thai mà sanh là việc đương nhiên. Vậy không nên nghe những người cúng lễ để sanh được dễ dàng là vô ích.

10.— Lúc sắp sanh nên ăn cháo loãng mà không nên để đói, không nên ăn thức nặng nề cho khó tiêu.

Tìm sách

NÓI VỀ NGUYÊN NHÂN KHÓ SANH

1.— Thời trước người đàn bà có thai thời ở nhà riêng, như vậy muốn cho dễ sanh và đứa trẻ sau này dễ nuôi thì phải kiêng tình dục, vì phạm đến tình dục thời hỏa quấy nhiễu ở trong tử-cung.

2.— Người rỗi rãi quá, trong khi có thai không làm việc gì thời thai trệ và khó sanh. Ta thường thấy người vất vả dễ sanh mà người phú quí khó sanh là lẽ ấy.

3.— Thai phụ hằng ngày ăn nhiều thức cao lương mỹ vị, thời thai lớn quá cũng có khi khó sanh.

4.— Khi có thai mà lo nghĩ nhiều hay uất giận nhiều, cũng khiến cho khó sanh.

5.— Người mới sanh lần đầu thời cửa mình còn hẹp. Người đã sanh nở nhiều thời khí huyết kém.

6.— Người đỡ ;không biết phân biệt thế nào mới là thật đẻ, hễ thấy người có thai đau bụng mà hấp tấp bảo rặn, rồi đến sinh ngang đẻ ngược.

7.— Lúc chưa sanh đã cố sức thời lúc thật sanh lại yếu sức, lại thêm nước bào-thai đã ra thời khô mà khó sanh.

Về chứng khó sanh nên dùng bài *Bảo-sản vạn-toàn* sau đây và bài *bổ-huyết thôi-sanh* (ở quyển Nhật) là thần diệu.

Tìm sách

NHỮNG ĐIỀM CẦN CHO NGƯỜI KHÓ SANH

Đứa trẻ đã quay đầu xuống mới uống được thuốc thôi-sanh, còn lúc trước chỉ uống được thuốc bổ khí huyết mà thôi, nhất là nước bảo-thai đã vỡ mà vẫn chưa sanh là huyết khô khí trệ thời phải bổ huyết để vận hành. Nếu đã lâu người mệt thời nên cho uống nhân-sâm, mà thuốc thôi sanh vẫn chưa được dùng.

Ta nên rõ có huyết đầy đủ thời nhuận mà dễ sanh, nếu huyết kém thời khô mà khó sanh, cho nên lúc chưa sanh nếu uống được thuốc để bồi bổ khí huyết thời cang hay, nhưng không được dùng những vị để thông hoạt, lại xét người không có hỏa thời không nên dùng những vị quá mát.

Những bài thuốc để bồi bổ như bài *Ngũ-phúc* (quyển Nhật), bài *Tiểu-Doanh* (quyển Nhật), bài *Tứ-vật*, bài *Bát-trân* (đều ở quyển Khôn-Hỏa).

Muốn cho gọn thai để dễ sanh, như bài *Chỉ-sác-tán* hay bài *Tử-tô-ẩm* sau đây, hay là bài *Bảo-sản vô-ưu* (quyển Nhật).

GẦN ĐẾN THÁNG SANH

Gần đến tháng sanh người có thai nên nằm duỗi chân mà đừng co chân vào, là để đứa trẻ dễ xoay chuyển. Chỗ nằm không nên để có hơi lửa.

Những bài sau này lúc sắp sanh nên uống một vài thang vừa bổ vừa hành được khí huyết.

Tìm sách

Bài thát-sinh tán.

Sâm, linh, truật, quy, khung, thược, trần-bì, đại-phúc-bì, tô-ngạnh, hương-phụ, trích-thảo. Các vị tùy nhiều ít, nếu không làm thuốc tán thời sắc với 3 phiến gừng sống mà uống.

Bài này, theo sách « Cẩm-nang » thời không có vị Phục-linh, Hương-phụ mà thêm vị Chỉ-xác và Sa-nhân là rất đúng. Theo sách « Tế-âm » thời người chân khí hư, bội nhiều Sâm, Truật, chân huyết hư bội nhiều Quy và thêm Thục, người nhiệt thời thêm Hoàng-cầm, ăn rồi chóng đói thời thêm vị Hoàng-dương-lão, đau bụng thêm chút Mộc-hương.

Tôi xét về lẽ sinh sản, người mẹ mạnh thì thai được khỏe mà dễ sanh, nếu không xét người mẹ yếu hay khỏe mà chỉ nống thuốc cho gọn thai và gầy thai đi, như vị Chỉ-xác thời hành khí phá khí, có thể làm cho thai yếu đi thời lại thêm khó sanh.

Thời trước bà Hồ-Dương Công-Chúa vì được phụng dưỡng quá hậu, nên thai lớn mà khó sanh, người đạo-sĩ mới cho uống bài *Xấu-thai* để gầy thai đi, ngoài ra không nên thường dùng.

Còn bài *Thúc-thai-tán* ở sách Cẩm-nang thời tôi cũng ít dùng.

Dưới đây là những cổ phương cho sản phụ dùng :

Bài Bảo-sản vạn-toàn ở sách Cẩm-nang thời vừa bổ vừa ôn lại giáng xuống mà không có hại.

Tìm sách

Sâm 3 chỉ, quy 3 chỉ, khung 1 chỉ, gừng sao gần đen 1 chỉ, đào-nhân bỏ màng 12 hột, trích-thảo 5 phân, ngưu-tất 1 chỉ, hồng-hoa (tâm rượu sao) 3 phân, nhục-quế (gọt vỏ đi) 5 phân. Nếu người khỏe bỏ sâm. (Bài này lúc sắp sanh mà cho uống thời công hiệu còn hơn bài *Phật-Thủ-Tán*).

Bài này không những để thôi sanh mà sanh rồi uống một vài thang thời ứ huyết cũng không ngừng trệ.

Sách « Y-học » có nói : Theo lẽ thiên nhiên thời thai đã đủ tháng là phải sanh. Vậy đến khi đau bụng hết trận nọ đến trận kia nước bào thai đã vỡ, ngang lưng đau lắm, mắt nóng như lửa châm, mà đứa trẻ đã quay đầu xuống thời người mẹ mới nên rặn, cũng có khi thai-thủy đã vỡ nhưng không đau bụng lắm, mà mạch chửa thấy ly-kinh, nghĩa là người xem mạch thở ra hút vào một lần mà người sản-phụ mạch vẫn bồng lên dẹp xuống có 4, 5 lần mà chưa đến 6, 7 lần, thời là chưa ly kinh, như thế vẫn chưa phải là thật sanh, thời phải đứng hay ỉ thong thả, hay là nằm duỗi chân ra để thai dễ quay đầu xuống mà thôi. Còn thuốc uống thời dùng bài *Thát-sinh-tán* đã kể ở trên.

Những bài dưới đây ở bộ Y-Học :

1) Tử-tô-ẩm.

Sâm, trích-thảo, xuyên-khung, trần-bì, tô-ngạnh, đại-phúc-bì, thêm gừng sống và hành, sắc uống.

2) Chỉ-cam-tán.

Cũng như bài *Xấu thai chỉ xác tán* kể ở trên, hoặc thêm vị Hương-phụ tán bột uống với nước đun sôi.

Tìm sách

3) Thất-sinh-tán

Sâm, Truật, Chích-thảo, Hoàng-cầm, Đại-phúc-bì, Tử-tô (cả cành và lá), và một cái Hoàng-dương-lão, 5 củ hành sắc nước uống, nếu người chân khí hư yếu nhiều thời Sâm, Truật nhiều hơn lên. Huyết hư lắm thời Quy nhiều hơn.

Sách *Y-Học* còn nói thêm : nếu đau bụng mà nước bào-thai chưa vỡ, chỉ nên dùng bài *Cổ-khung-qui* sau đây để hoạt chân huyết.

4) Cổ-khung-qui thang : cũng gọi là bài *Phật-thủ-tán.*

Xuyên-khung, Đương-qui, 2 vị bằng nhau sắc nước, chế thêm rượu mà uống, có khi xuyên-khung chỉ bằng 1 nửa đương-qui.

Những bài dưới đây ở sách Bảo Sản :

1) An-thai-ẩm

Sâm, Truật, Qui, Thược, Khung, Sinh-địa, Trần-bì, Tô-ngạnh, Sa-nhân, Trích-thảo, gừng sống. Sắc uống.

2) Độc-sâm-thang

Dùng một vị sâm sắc nước đặc cho uống để giúp khí lực cho sản-phụ.

Sách *Cảnh-Nhạc* nói : nước bào-thai đã vỡ mà chưa sanh thời nên uống những bài sau :

1) Thoát-hoa-tiên

Khung 1 chỉ, Qui 7 chỉ, Nhục-quế, 2 chỉ, Ngưu-tất

Tìm sách

Hồng-hoa đều 1 chỉ, Sa-tiền 1 chỉ 5, sắc nước thêm chút rượu mà uống, người chân khí hư yếu thời thêm Nhân-sâm, chân âm hư yếu thời thêm Thục-địa, thai đã chết trong bụng thời thêm vị Phác-tiêu, bài này uống khi trẻ em đã quay đầu xuống mà chưa sanh.

2) Hoạt-thai-ẩm

Xuyên-khung 7 phân, Đương-qui 5 chỉ, Thục-địa 2 chỉ, Hoài-sơn 2 chỉ, Đỗ-trọng 2 chỉ, Chỉ-xác 7 phân. Nếu người yếu thêm sâm, truật, bài này uống vào tháng sắp sanh.

Sách *Y-Học* còn nói: nếu nước bào thai đã vỡ ra mà vẫn khó sanh là vì lẽ khô ráo nên cho uống bài:

Cổ-hác thần tán

Muội nồi uống một ít và Bạch-chỉ cùng tán bột, mỗi lần uống 2 chỉ với nước sôi để nguội và thêm nước dãi trẻ em.

Nếu là chân khí yếu thời hợp với bài *Tứ-Quân.*

Nếu là chân huyết kém thời hợp với bài *Cổ-khung-qui* đã kể trên.

Sách *Cảnh-Nhạc* còn nói: thai chưa quay đầu xuống mà nước bào-thai đã vỡ là người mẹ yếu quá, hay là đứa trẻ chuyển động chạm vào bào-thai mà vỡ ra. Cũng có khi vì đứa trẻ chưa quay đầu xuống mà người mẹ đã cố sức rặn, lúc ấy phải bồi bổ thật mạnh như những bài *Tứ-Vật* ở quyển *Khôn-hóa*, bài *Ngũ-vật* ở quyển Nhật, bài *Hoạt-thai-tán* hay bài *Thoát-hoa* đã kể ở trên, hoặc bài *Ngũ-phúc* ở quyển Nhật, bài *Bát-trân* ở quyển Khôn-hóa v.v...

Tìm sách

Sách *Cẩm-nang* còn nói : nước bào-thai ra nhiều mà khó ráo không sanh được, thời nên uống bài *Bảo-sản vạn-toàn* ở trên, hay là bài :

Vô-ưu-tán

Khung, Qui, Thược (đều 1 chỉ), Mộc-hương, Cam-thảo (đều 2 phân), Chỉ-xác 5 phân. Sắc lấy nước rồi hòa với Nhũ-hương đã tán bột và tóc đốt thành than đều 3 phân, cho uống luôn luôn.

Sách *Y-học* còn nói : đầu đứa trẻ đã quay xuống (trông rõ) mà còn chậm sanh thời nên tùy chứng mà cho uống những bài sau đây :

1) Ngũ-linh-tán

Chư-linh, Trạch-tả, Phục-linh, Bạch-truật, Nhục-quế, Qui-Tử (bột vông vang sao vàng). Cùng sắc nước uống.

2) Tam-thoái lục-nhất tán.

Hoạt-thạch 6 chỉ, Cam-thảo (tán bột) 1 chỉ, tóc của đàn ông 1 búi, (đun với dầu thơm cho tan ra).

Xác rắn một đoạn, xác ve-sầu 5 con, cùng một vảy Xuyên-sơn-giáp, 3 vị cùng đốt cháy nghiền ra, đun với nước hành củ cho sôi lên rồi hòa với dầu có tóc cùng Hoạt-thạch, Cam-thảo kể ở trên cho uống thời thai ra ngay.

Sách *Giản-dị* có nói : nước bào-thai ra rồi mà mấy hôm không sanh, nên dùng 2 bài sau đây :

1) Sâm-nhũ thang

Nhân-sâm và Nhũ-hương đều 2 chỉ, Thần-sa 5 phân.

Tìm sách

Tán bột hòa với lòng trắng trứng gà và nước gừng sống mà cho uống.

2) Sâm-qui thang

Đảng-sâm 1 lạng, Xuyên-khung 3 chỉ. Đương-qui 5 chỉ. Sắc nước cho uống, bài này rất là ổn đáng.

Sách *Bảo-sản* có nói : sản-phụ mấy hôm không sanh được sắp nguy, hay là chỗ xương ở cửa mình không mở ra thời dùng bài :

Qui-xác-tán.

Một cái mai rùa đốt thành than, một búi tóc rối cũng đốt thành than, và Xuyên-khung, Đương-qui đều 1 lạng, tán bột hòa với nước cho uống.

Sách *Giản-dị* gọi bài này là *Thiên-kim-đan* vì quí như ngàn lạng vàng.

Còn ông *Trọng-Cảnh* chữa chứng này thời cho uống bài *Gia vị khung-qui thang* (ở quyển Nhật) nghĩa là bổ chân huyết để mở chỗ xương ở cửa-mình ra rất là kỳ diệu.

Sách *Bảo-sản* chữa cho sản-phụ mệt nhọc đầu mắt choáng váng, cấm khẩu lưỡi xanh sắp chết thời dùng bài :

Lai-tỉnh-tán.

Mộc-hương, Thần-khúc, Mạch-nha sao, Hoàng-kỳ, Bạch-thược, Trần-bì, A-giao, Gạo-nếp, Rễ cây đay sao, thêm gừng sống sắc đặc cậy miệng ra mà cho uống.

Sách *Kinh-sớ* có nói : sản-phụ xương ở cửa mình không

TìmSách

mở ra được, thời lấy gỗ the-mốc sắc nước cho uống là hiệu ngay.

Sách Cẩm-nang chữa chứng này thời cho uống bài *sinh-hóa* thêm mai rùa tẩm giấm sao vàng sắc uống.

∴

NHỮNG BÀI THUỐC THÔI SANH

(lúc cần đến lựa chọn mà dùng)

1) Tam-thoái tán.

Một đoạn xác rắn, 14 xác ve sầu, 1 búi tóc rối của đàn ông to bằng quả trứng gà, ba vị cùng đốt cháy tán bột uống với rượu làm 2 lần.

Bài này chữa cả sinh ngang đẻ ngược và thai chết trong bụng.

2) Bách-hoa cao.

Dầu vừng một chén nhỏ đun nhỏ lửa cho sôi lên rồi hòa một chỉ Hoạt-thạch đã tán bột, xong cho thêm rượu và nước đái trẻ em quấy đều và uống nóng, thời thai thuận mà ra được (mùa đông rét thời bỏ vị Hoạt-thạch).

Hai bài trên ở sách *Tế-Âm*.

3) Qui-giáp tán.

1 mai rùa đốt cháy nhưng chưa cháy thật hết, rồi đổ xuống đất úp kín lại cho tắt đi song tán mạt uống với rượu là thai ra ngay.

Bài này ở sách *Bảo-Sản*.

TìmSách

4) Ngũ-công tán.

Đương-qui, Chỉ-xác, Mộc-thông, Hoạt-thạch đều 2 chỉ, sắc nước hòa với rượu mà uống, nếu thai đã ra quay đầu xuống cho uống bài này thời ra ngay, bài này ở sách *Lương-phương.*

5.— Nhu-thánh tán.

Hột vông-vang không cứ nhiều hay ít sao tán bột, mỗi lần uống 2 chỉ với rượu hâm nóng.

(Đã kinh nghiệm thời dùng 30 hột hay 7 x 7 = 49 hột rất thần hiệu).

Bài này ở sách *Cẩm-nang.*

6) Du-bì tán.

Bạch-du-bì, Cam-thảo đều 5 chỉ, Hột vông-vang sao 1 lạng cùng tán bột mỗi lần uống 2 chỉ với nước đã đun sôi, để khi thai đã quay xuống thời dễ sanh. Bài này ở sách *Tế-Âm.*

7) Nhu-thánh tán.

Cành và lá tử-tô và Đương-qui, hai vị bằng nhau sắc nước uống để chữa chứng khó sanh. Bài này ở sách *Giản-dị.*

8) Lập-ứng tán.

Chữa chứng khó đẻ và đẻ ngược :

Sa-tiền sao, Đương-qui, Hột vông-vang, đều 1 lạng, Bạch-chỉ, Ngưu-tất, Đại-phúc-bì, Chỉ-xác, Xuyên-khung,

Tìm Sách

Bạch-thược, đều 1 chỉ. Sắc nước hậu với rượu mà uống là sanh ngay.

Bài này ở sách *Tế-âm*.

9) Thôi-sanh tán.

Tức là bài *Khung-qui* thêm Phúc-bi, Chỉ-xác, Bạch-chỉ, tán bột mà uống, có khi bỏ vị Phúc-bi thêm vị ích-mẫu và Ma-nhân. Bài này ở sách *Tế-Âm*.

10) Một bài nữa.

Đào-nhân, Xích-thược, Quan-quế, Mẫu-đơn, Phục-linh, các vị đều 1 chỉ. Khi đau ngang lưng mà nước bào-thai đã vỡ ra mới uống được.

11) Nhị-hương tán.

Châu-xa, xạ-hương, nhũ-hương, 3 vị bằng nhau tán bột uống với rượu là thai ra ngay.

12) Hoàng-kim tán.

Một ly vàng tốt để vào bát cho chút nước vào, rồi mài cho tan ta. Xong thêm nước đun lên cho sản-phụ uống lúc còn ấm, là thai ra ngay.

13) Hoạt-thủy tán.

Lá ích-mẫu, cấp-tính-tử, đương-qui đều 2 lạng chỉ-xác 5 chỉ, sinh-địa, tô-diệp, xích-thược, nhục-quế, xuyên-khung, trần-bì đều 1 chỉ, cá chép 1 con.

Trước hết, đem cá bỏ vào nước hơi ấm rồi bỏ cá ra, xong cho những vị thuốc kể trên vào đun còn một nửa, thời hòa thêm chút rượu cho uống, nếu mài thêm Ô-

Tìm sách

kim-hoàn thời càng hay, như vậy chỉ uống 2 lần thời ra ngay. Nhớ đừng để con cá nóng quá mà chết.

14) Ô-kim-hoàn.

Cũng gọi là bài *Thất-bảo-đan* hay là bài *Thất-tán-đan*:

Huyền-hồ, đương-qui, bạch-chỉ, bạch-phàn, khương-hoàng, một-dược, quế-tâm 7 vị đều bằng nhau tán bột, mỗi lần uống 1 hay 2 chỉ với rượu hâm nóng.

Những bài trên đều ở sách *Tế-âm*.

15) A-giao-tán.

A-giao 1 lạng, đậu đỏ 1 cân. Trước hết, đun đậu đỏ với nước cho nhừ ra, rồi bỏ bã cho phiến a-giao vào để tan ra, mỗi lần uống năm, ba chén trà thời chỉ 2, 3 lần uống là sanh.

16) Thôi-sanh vạn-toàn-đan.

Hột thầu-dầu ghè bỏ vỏ 40 hột, châu-xa, hùng-hoàng đều 1 chỉ rưỡi. Xác rắn 1 chỉ đốt cháy. Các vị cùng tán bột nghiền với cơm làm thành thuốc viên, to bằng viên đạn.

Trước hết, sắc nước xuyên-tiêu lau ở dưới rốn, rồi để 1 viên thuốc ấy vào trong rốn lấy giấy đắp lên rồi lấy vải buộc lại, chỉ một chốc là sanh, đã sanh rồi thời bỏ thuốc đi.

Hai bài trên ở sách *Giản-dị*.

⁂

Tìm sách

NHỮNG BÀI THUỐC ÍT VỊ DÙNG ĐỂ THÔI SANH

(Của mọi nhà truyền lại)

1.— Bài *cỏ-khung-qui* thêm hột vông-vang và cấp-tính-tử đều sao cùng sắc nước cho uống, bài này là bí phương gia truyền.

2.— Lá cây ích-mẫu giã vắt lấy nước rồi đun lên, thương cho uống là thai ra ngay, nếu không có lá tươi thời lấy lá khô sắc lên cũng được.

3.— Cho người sản-phụ cầm mỗi tay một con thạch-yếu một chốc là sanh được.

4.— Lá và cành non của cây ích-mẫu sắc lấy nước hòa với rượu cho uống là sanh ngay.

5.— Quế-tâm tán bột hòa một chỉ với rượu và nước đái trẻ em cho uống rất thần hiệu. (Bài này gọi là *cứu khổ tán*).

6.— Lấy đất ở giữa chỗ đun bếp, mà bếp đun bằng rơm rạ hay củi, tán bột mỗi lần uống một chỉ với rượu.

7.— Xương đầu con thỏ nung thành than rồi tán bột sắc nước bành củ ma uống, mỗi lần 2 chỉ.

8.— Nung đồng tiền đồng cho đỏ bỏ vào trong chén rượu, rồi lấy rượu mà uống.

9.— Lấy mỡ cá 1 phiến để lên trên mảnh ngói mà đốt

Tìm Sách

ở dưới cho thanh than, rồi hòa với giấm-thanh mà cho uống (không rõ mỡ của cá gì).

10.— Lấy dây ở cái nỏ, buộc vào ngang lưng người đàn bà, lại lấy cái núm để gài dây ở trên cái nỏ, nung cho đỏ ra bỏ vào chén rượu rồi chắt rượu ấy mà uống.

11.— Lấy vị chính-thần-khúc tán bột hòa với nước rồi cho uống.

12.— Lấy vị đương-qui tán bột hòa với rượu mà cho uống mỗi lần một chỉ, một lúc lại uống lần nữa.

13.— Lấy đậu đỏ tán bột hòa với nước trảng lưu thủy mà cho uống (có lẽ phải sao).

14.— Lấy lá rau dền đỏ và lá rau sam cùng sắc lấy nước cho uống lúc sắp sanh.

15.— Lấy hột xa-tiền sao rồi tán bột uống 2 chỉ với rượu.

16.— Lấy thắt lưng của người chồng dài độ 5 tấc đốt cháy thành than hòa với rượu mà cho uống.

17.— Lấy 14 hột hòe cho người sản-phụ nuốt đi là sanh ngay.

18.— Lấy kềnh và lá tử-tô sắc lấy nước hòa với hoạt-thạch, cam-thảo mà cho uống rất thần hiệu.

19.— Lấy gừng sống và sinh-địa sắc lấy nước cho uống 2 thứ bằng nhau.

20.— Mai rùa đốt thành than hòa với rượu mà cho uống.

Tìm sách

21.— Lấy xác con rắn đủ từ đầu đến đuôi đốt thanh than, với một lai xạ hòa với rượu mà cho uống.

22.— Gai tật-lê và xuyên-bối-mẫu cùng tán bột mà cho uống, bài này chữa chứng nhau không ra được.

23.— 14 hột hòe và một ít bồ-hoàng sắc với rượu cho uống lúc còn ấm.

Tôi xét thuốc thôi sanh thì bất đắc dĩ mới dùng đến. Nếu lúc sanh, mạch chưa ly-kinh, bụng chưa đau liên-tiếp, ngang lưng chưa thấy đau như gãy ra, mắt chưa thấy như lửa chàm, thời cứ bình-tĩnh mà uống thuốc bổ tiếp khi huyết thời tự nhiên dễ sanh.

Nếu thai đã chết ở trong bụng mà sản-phụ tính mạng chỉ ở chốc lát mới dùng thuốc công và hạ.

Ta còn phải hiểu du khi uống thuốc thôi sanh cũng phải để ý về khí huyết.

Tôi chữa một sản-phụ đau ngang lưng đã 3 ngày đêm, bụng đau lắm mà liên-tiếp, nhưng mạch chưa ly-kinh, tôi cho là người ấy vì ăn nằng-hậu mà trệ, cho uống bài *That-sinh-tan* thêm chút hương-phụ, mộc-hương uống xen với bài *khung-qui-thang* thêm hột vông-vang. Nhà thị thấy chậm sanh đi tìm vị thầy thuốc khác, nhưng người đi tìm mới đi một quãng đường thời sản-phụ đã sanh.

— Một sản-phụ đau bụng nửa ngày, nước bào-thai đã ra một ít, tôi chỉ cho uống bài *Bat-trân* (ở quyển Khôn) thêm vị ích mẫu sắc đặc cho uống luôn, qua mấy hôm vẫn không sanh. Người nhà tìm thầy thuốc khác cho uống thuốc Thôi sanh thật mạnh, rồi thai chết ở trong bụng.

Tìm Sách

— Một sản-phụ sau khi ốm nặng, rồi đau bụng đã 2 ngày đêm, nước bào-thai đã vỡ ra mà thai vẫn không thấy động. Tôi cho là ốm rồi khí huyết kém thời nên chữa ở gốc của khí huyết. Tôi mới cho uống bài *Bát vị-thang* sắc đặc thêm nước sâm bá-chính. Uống hết một thang to thời tinh-thần bội lên, hết 2 thang thời thai chuyển động mà sanh được, đó lại là lẽ lấy thuốc bổ âm-dương để thời sanh khác với mọi chứng chỉ dùng thuốc bổ khí-huyết.

•°•

NÓI VỀ CHỨNG SANH NGANG ĐẺ NGƯỢC

Chứng sanh ra cỏ ruột, chứng thai vướng không ra được, chứng sanh nghiêng.

Sách *Cảnh-Nhạc* nói chứng khó sanh đã mấy ngày chỉ uống bài Thoát-hoa-tiên (ở dưới) là rất hay.

Sách *Y-Học* nói chứng sanh ngang là lúc đau bụng đứa trẻ chưa kịp quay xuống mà người sản-phụ đã cố rặn, cho nên tay ra trước, thời bảo người sản-phụ phải nằm ngửa lấy nước muối loãng xoa vào tay đứa trẻ, lại xoa thêm dầu thơm rồi người đỡ nhẹ tay đẩy vào mà thuốc uống thời dùng bài *Khung quy hồi-thần tán* sau đây

Xuyên-khung, Đương-quy đều 2 chỉ, Muối-nõi, Bạch-chỉ, đều 1 chỉ. Sắc Khung và Quy cho thêm ít rượu với đồng-tiện, quấy đều, rồi đem hai vị dưới tán bột hòa vào 2 chỉ mà cho uống.

Tìm sách

Hay là dùng bài *hoạt-sinh-tán :*

A-giao nướng phồng lên, Hột vông-vang sao và Hoạt-thạch. Cùng tán bột hòa vào rượu hâm nóng, và cho ít mật mà cho uống.

Chứng sanh ngược mà đứa trẻ thò chân ra trước, cũng để sản-phụ nằm ngửa mà người đỡ bôi dầu thơm đẩy chân trở lên, cũng uống nhiều bài *Khung-qui Hắc-thần tán*, khi đứa trẻ đã quay đầu xuống thời uống tiếp bài *Tam-thoái-tán* kể ở trên.

Sách *Cẩm-nang* nói : Những chứng sanh ngang đẻ ngược, sản-phụ phải yên tâm ăn uống, không được sợ hãi để tản khí đi.

Sách *Giản-dị* nói : Nếu chân tay đứa trẻ đã thò ra ngoài, càng để lâu càng khó cho vào mà thuốc thôi sanh lại không dùng được, còn lúc sanh ra cả ruột và tiểu-tràng ra trước, khi sanh rồi mà tiểu-tràng vẫn không đem lên đều lấy dầu thơm hòa thêm nước nóng xoa vào tay đứa trẻ hay là tiểu-tràng, lại lấy *Cao-thánh-tán* dán ở đỉnh đầu người mẹ và ở ngực, mà uống những vị : Khung, Qui, Sâm, Kỷ thêm Thăng-ma, Sài-hồ, Phòng-phong để mang lên.

Còn sách *Cẩm-nang* thời cho dùng quả Bồ-kết đốt cháy tán bột thổi vào mũi thời tiểu-tràng sẽ đem lên rồi dùng *Nhu-thánh-cao* ở bộ *Y-học* và bộ *Tế-âm*, ngoài ra còn có những phương pháp :

1) Lấy 7 hạt thầu-dầu nghiền ra dịt trên đỉnh đầu.

Tìm sách

2) Lấy 60 hột ba-đậu, 49 hột thầu-dầu bỏ vỏ nghiền ra điều một lai sạ-hương vào đắp trên đỉnh đầu.

3) Lấy phèn chua đun tán ra rồi rửa chỗ ruột ấy lúc nước còn ấm là lên ngay.

4) Lấy 2 lạng chỉ-xác sắc nước rửa lúc còn ấm.

5) Lấy vị Bán-hạ tán bột thổi vào mũi, bài này ở sách *Cảnh-Nhạc.*

6) Lấy giấy tầm dầu vừng xe tròn lại, châm lửa rồi tắt đi để gần mũi ngửi khói ấy thời ruột lên ngay. Bài này ở sách *Giản-dị.*

Về chứng sanh mà thai vướng không ra được, sách *Y-Học* cho uống bài *Khung-quy hắc-thần tán* kể ở trên, đợi đứa trẻ ngay ngắn thuận chiều thì sản-phụ mới được rặn mà người đỡ phải xoa đầu vào tay lựa cho đứa trẻ được cân (những đoạn trên ở sách *Y-Học).*

Còn như lúc sắp sanh mà chợt thấy cấm khẩu là vì uống nhầm thuốc thôi sanh mạnh thì phải dùng ngay bài *An-thai-ẩm* kể ở trên.

Nếu vừa cấm khẩu vừa lác mắt, lại mặt xạm, môi xanh, trong miệng rản nước bọt, mà ngờ là thai đã chết thời nên uống bài *Tích-lịch-đan* dưới đây, hoặc bài *Lai-tỉnh-tán* hay là bài *Hoạt-thủy-tán* đã kể ở trên rất là kỳ hiệu.

Tích-lịch-đan.

Xác rắn (một đoạn), Con tằm đã chết (cương-tàm) 2 chỉ, Tóc đàn ông 1 chỉ, các vị đều đốt cháy. Chỉ 3 chỉ,

Tìm Sách

Nhũ-hương 5 phân, Thủy-ngân 3 phân, ba vị cùng tán bột. Lấy máu ở trong tim con heo hòa với thuốc để viên lại to bằng hột ngô-đồng, lấy kim-bạc hay ngân-bạc để làm áo, mỗi lần uống 2 viên với nước sông, hay là lấy đất ở giữa chỗ đun bếp đun bằng rơm rạ hay củi (Phúc long can), tán hòa với nước rồi chắt lấy nước ấy mà uống viên thuốc nói ở trên.

Mấy đoạn trên ở sách *Y-Học*. Ngoài ra, còn mấy phương kê sau:

1) Lúc cần, lấy nước lã mài mực tầu (hạng thật tốt) mà cho uống.

2) Cho uống thuốc bằng những vị: Khung, Qui, Ích-mẫu, và hột Vông-vang sao.

Hai bài dưới đây cùng để chữa chứng khó sanh ở các sách hợp lại:

1) Lập thánh tán.

Hàn-thủy-thạch 4 lạng, một nửa để sống, một nửa nung cho chín, cùng tán ra với ít Châu-sa nghiền mượt, mỗi lần dùng 3 phân hòa với một chút nước giếng, rồi phết lên tờ giấy dán lên rốn người sản-phụ, lúc khô lại thay miếng khác, chỉ 3 lần là công hiệu.

(Bài này ở sách *Tế-Âm* để chữa chứng khó sanh hoặc sanh ngang đẻ ngược, hay là thai chết trong bụng mà không ra được, đều được thần hiệu).

2) Thắng-kim đan.

Lấy ngòi bút bằng lông con thỏ đốt cháy ra, rồi

TìmSách

nghiền thành bột hòa với nước ngó sen mà cho uống, nếu sản-phụ tạng hàn thời đun nước ấy cho nóng lên.

Bài này ở sách *Giản-dị* cũng để chữa chứng khó sanh thần hiệu.

Dưới đây là phương thuốc đơn giản cũng để chữa chứng khó sanh :

1) Lấy 1 chỉ Quế-tâm tán bột hòa với nước đồng-tiện và rượu mà cho uống (thần hiệu).

2) Lấy xương đầu con thỏ đốt cháy, tán bột sắc nước hành củ mà cho uống.

3) Nhân-sâm, Nhũ-hương, Đan-sa, cùng tán bột hòa với lòng trắng trứng gà và nước gừng mà cho uống.

4) Lá Ích-mẫu giã vắt lấy nước hay là sắc nước lá Ích-mẫu khô mà cho uống.

5) Hột trong miếng Sơn-tra, Đào-nhân, Đại-táo, Chỉ-thực đều tán bột viên lại mà cho uống là ra ngay.

6) Lấy mật ong hòa với dầu vừng (mỗi thứ một nửa) mà cho uống.

7) Sắc 2 chỉ bồ-hoàng lấy nước mà cho uống, (bài này chữa chứng nhau không ra rất thần hiệu).

8) Lấy muội nồi mài với nước, bôi ở lòng bàn chân.

9) Lấy cành và lá Tử-tô sắc lấy nước mà rửa ở cửa mình rất hiệu, (bài này ở sách *Cảnh-Nhạc* để chữa chứng mùa rét khí trệ lại mà khó sanh và chữa chứng nhau không ra được).

Tìm sách

10) Nếu sanh ngang mà chân tay đứa trẻ thò ra trước, thời lấy nước muối bôi vào lòng bàn tay bàn chân của đứa trẻ và bụng người sản phụ.

11) Lấy vị Hắc-sửu tán bột hòa với rượu mà cho uống. (bài này không cứ lúc sanh khó khăn chữa được công hiệu, mà gần đến tháng sanh uống vài thang thời lúc sanh cũng dễ dàng).

12) Lấy hột thầu-dầu bỏ vỏ nghiền nhừ ra để dịt vào lòng bàn tay, bàn chân.

∴

THAI CHẾT TRONG BỤNG

Sách *Y-Học* nói : Chứng này phần nhiều vì nước bào-thai đã vỡ ra mà thai khô ráo.

Hiện chứng ngón tay xanh, móng tay đen, là mẹ con đều bị hại.

Nếu lưỡi của người mẹ đen là thai chết rồi thời dùng ngay bài *Hoạt-mệnh-Đan.*

Sách *Tế-âm* nói : Chữa chứng này, nếu thai-phụ tạng hàn thời phải dùng thuốc nhiệt, nếu nhiệt phải dùng thuốc mát, nếu khô ráo phải dùng thuốc thông-hoạt, bệnh đã nguy cấp thời phải hạ bằng thuốc có chất độc.

Hoạt-mệnh đan.

Đào-nhân (bỏ màng và đầu nhọn), Mẫu-đơn-bì, Phục-

Tìm sách

linh, xích-thược, quế-tâm. Các vị bằng nhau tán bột hoàn với mật, mỗi viên nặng 3 chỉ, mỗi lần uống 1 viên với nước lã đun sôi, và thêm chút giấm thanh nóng. Nếu thai chưa ra thời uống lần thứ hai (bài này công hiệu mà không hại người, nếu thai chưa chết cũng không phạm đến).

Sách « *Y-học* » còn nói: Bài thuốc trên nên uống 2 viên với nước hành củ sắc lên, thời thai sẽ mềm mà ra ngay. Một khi sản-phụ móng tay xanh và đen, bụng chướng lên không ăn được, hơi thở ra hôi thối, thời dùng bài *bình-vị-tán* thêm phác-tiêu thời thai sẽ hóa ra nước máu loãng mà ra.

Bình-vị-tán.

Trần-bì 1 chỉ rưỡi, hậu-phác, xương-truật đều 1 chỉ, chích cam-thảo 8 phân. Các vị đều để sống sắc với nước và rượu mà thêm 5 chỉ phác-tiêu cho uống (bài này ở sách *Y-học*, theo sách *Bảo-Sản* nói, thời bài này là do người lạ truyền bá). Theo sách *Cảnh-Nhạc* thời bài này bỏ vị cam-thảo mà có vị đương-qui. Nếu sản-phụ đại-tiện bế mà mạch mạnh thời dùng bài *Đại-hoàng bị-cấp hoàn* hay là bài *lộc-giác-tán* sau đây:

Đại-hoàng bị-cấp hoàn.

Đại-hoàng, ba-đậu, can-khương 3 vị tùy nhiều ít, viên lại mà uống, bài này ở sách « *Y-học* ».

Đan-lộc-giác tán.

Sừng hươu hay nai, tán bột ra lấy hành củ sắc nước mà uống. (Bài này ở sách *Bảo-sản*).

TimSách

Nếu là sinh đôi thời dùng bài *giải-chảo-tán* sau đây :

Giải-chảo-tán.

Móng cua một ít và trích-thảo 1 lạng, sắc với nước Tràng-lưu-thủy rồi bỏ bã, cho 3 lạng Chính-a-giao vào mà uống làm 3 lần, như vậy thời thai chết sẽ ra mà thai còn sống cũng được yên ổn (bài này ở sách *Cẩm-nang*).

Sách « *Cảnh-Nhạc* » có nói : chứng thai chết có nhiều nguyên nhân : một là vì thai yếu, hai là vì sản-phụ ốm rồi lại sanh, chưa đến tháng sanh mà trong bụng thấy lạnh và trụy xuống, hoặc nôn-ọe hoặc mùi hôi xông lên mà lưỡi xanh hay đen đều là thai đã chết. Nếu môi lưỡi và mặt đều xanh là mẹ con đều nguy.

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC DÙNG ĐẾN :

1) Hồi-sinh đan (xem mục dự bị ở cuối quyển) để chữa chứng thai chết mà khí huyết xông ngược lên, và mọi chứng sản-hậu mà huyết hôi chưa sạch đau bụng mà người còn được mạnh.

2) Quế-hương tán.

Theo sách *Cẩm-nang* thời uống bài thuốc dưới này chỉ chốc lát là thai ra.

Quế-tâm 3 chỉ, Xạ-hương 5 phân.

Tán bột uống 1 lần với rượu, cũng có sách thêm vị Bạch-chỉ, bài này còn gọi là *Cứu-khổ tán*.

Tìm Sách

3) Hổ-phách hoàn.

Hổ-phách, Châu-sa, 2 vị tán riêng.

Trầm-hương, A-giao, Phụ-tử, Xuyên-khung, Nhục-quế, Ngũ-vị, Thạch-hộc, 9 vị trên đều 5 chỉ.

Ngưu-tất, Đương-qui, Thung-dung, Nhân-sâm, Thục-địa, Tục-đoạn, Mộc-hương, Một dược, tám vị trên đều 1 lạng.

Cùng tán bột rồi hợp 2 thứ lại luyện với mật làm thuốc viên, to bằng viên đậu. Mỗi lần uống một viên với rượu vào trước bữa cơm trưa.

Có sách nói, bài thuốc này thêm vị Ngưu-hoàng, Chân-châu, Nhũ-hương, Huyền-hồ, uống được 10 viên thời ăn uống hơn lên, lúc sanh dễ mà đỡ đau.

Ngoài ra, còn mấy phương kê sau đây của mọi nhà đã kinh nghiệm.

1) Tích-lịch đan.

2) Thôi-sinh-ngũ-tích-tán.

3) Qui-xác-tán.

4) Hắc-thần-tán.

5) Tam-thoái-tán.

6) Như-thánh-cao. (Cao này dán trên rốn một lúc hay là dán vào lòng bàn chân, mà uống thuốc thôi sanh lại lấy quả bồ-kết đốt lên mà ngửi).

Sáu bài thuốc kể trên có những vị gì đã kể ở mục thôi-sanh rồi.

Tìm sách

Nếu là sinh đòi thời dùng bài *giải-chảo-tán* sau đây :

Giải-chảo-tán.

Móng cua một ít và trích-thảo 1 lạng, sắc với nước Tràng-lưu-thủy rồi bỏ bã, cho 3 lạng Chính-a-giao vào mà uống làm 3 lần, như vậy thời thai chết sẽ ra mà thai còn sống cũng được yên ổn (bài này ở sách *Cầm-nang*).

Sách « *Cảnh-Nhạc* » có nói : chứng thai chết có nhiều nguyên nhân : một là vì thai yếu, hai là vì sản-phụ ốm rồi lại sanh, chưa đến tháng sanh mà trong bụng thấy lạnh và trụy xuống, hoặc nôn-ọe hoặc mùi hôi xông lên mà lưỡi xanh hay đen đều là thai đã chết. Nếu môi lưỡi và mặt đều xanh là mẹ con đều nguy.

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC DÙNG ĐẾN :

1) Hồi-sinh đan (xem mục dự bị ở cuối quyển) để chữa chứng thai chết mà khí huyết xông ngược lên, và mọi chứng sản-hậu mà huyết hôi chưa sạch đau bụng mà người còn được mạnh.

2) Quế-hương tán.

Theo sách *Cầm-nang* thời uống bài thuốc dưới này chỉ chốc lát là thai ra.

Quế-tâm 3 chỉ, Xạ-hương 5 phân.

Tán bột uống 1 lần với rượu, cũng có sách thêm vị Bạch-chỉ, bài này còn gọi là *Cứu-khổ tán*.

TìmSách

3) Hổ-phách hoàn.

Hổ-phách, Châu-sa, 2 vị tán riêng.

Trầm-hương, A-giao, Phụ-tử, Xuyên-khung, Nhục-quế, Ngũ-vị, Thạch-hộc, 9 vị trên đều 5 chỉ.

Ngưu-tất, Đương-qui, Thung-dung, Nhân-sâm, Thục-địa, Tục-đoạn, Mộc-hương, Một dược, tám vị trên đều 1 lạng.

Cùng tán bột rồi hợp 2 thứ lại luyện với mật làm thuốc viên, to bằng viên đậu. Mỗi lần uống một viên với rượu vào trước bữa cơm trưa.

Có sách nói, bài thuốc này thêm vị Ngưu-hoàng, Chân-châu, Nhũ-hương, Huyền-hồ, uống được 10 viên thời ăn uống hơn lên, lúc sanh dễ mà đỡ đau.

Ngoài ra, còn mấy phương kê sau đây của mọi nhà đã kinh nghiệm.

1) Tích-lịch đan.

2) Thôi-sinh-ngũ-tích-tán.

3) Qui-xác-tán.

4) Hắc-thần-tán.

5) Tam-thoái-tán.

6) Như-thánh-cao. (Cao này dán trên rốn một lúc hay là dán vào lòng bàn chân, mà uống thuốc thôi sanh lại lấy quả bồ-kết đốt lên mà ngửi).

Sáu bài thuốc kể trên có những vị gì đã kể ở mục thôi-sanh rồi.

TìmSách

7) Khung-qui thang

Khung, Qui đều 2 chỉ.

Lấy đậu đen sao chín sắc với nước lã và nước đái trẻ em mà uống (ở sách *Y-Học*).

8) Ổ-kim-tán.

Thục-địa sao khô, Bồ-hoàng (tẩm rượu sao), Đương-qui, Nhục-quế, Bạch-thược, Quân-khương (bỏ vỏ), Trích-cam-thảo, 7 vị đều 1 lạng.

Đỗ đen sao 4 lạng, Muội-nồi 5 chỉ.

Đều tán bột, mỗi lần uống 2 chỉ rưỡi với nước giấm-thanh làm bằng gạo.

Bài này để chữa chứng khó sanh hay là thai chết ở trong bụng mà sản-phụ lưỡi mà mặt xanh, đen hay là sinh đôi mà một thai chết, một thai sống. Nếu còn ngờ thai sống hay chết thời uống trước bài *Phật thủ-tán*, nếu thai chưa chết thời yên, nếu thai đã chết thời trong bụng không yên sẽ uống liên tiếp thuốc bột kể trên, hay là bài *Quế-hương-tán* ở đoạn trên, thời một lát là ra ngay.

9) Phương thuốc tôi đã kinh nghiệm :

Hoạt-thạch (nửa lạng), Hột Vông-vang (sao 50 hột) cùng tán bột. Gỗ the-mốc (hoàng-tộc-mộc. 7 phân), Hành 3 củ, sắc nước trắng lưu thủy mà uống thuốc bột.

10) Như-thần-ẩm.

Đại-phúc-bì, Xích-thược, Du-bạch-bì, 3 vị đều 3 lạng. Đương-qui 1 lạng, Hoạt-thạch 7 chỉ, Cỏ mạch, Hột vông-vang sao, Phục-linh, Hoàng-cầm (tẩm rượu sao), Trích-

Tìm sách

thảo, đều nửa tạng, cùng tán bột, mỗi lần 3 chỉ để chữa chứng có thai đã 4, 5 tháng mà thai bị chết trong bụng.

(Bài này ở sách *Tế-Âm*).

11) Quì-giao thang.

Hột Vông-vang sao nửa cân, A-giao 1 lạng. Sắc nước uống liên tiếp để chữa chứng vì trong bụng khô ráo mà thai chết.

(Bài này ở trong sách *Giản-dị*).

12) Đan-quế-tán.

Nhục-quế, Đan-bì, Xuyên-khung, Hột vông-vang sao. Bốn vị đeu 2 chỉ, cùng tán bột, mỗi lần uống 2 chỉ với nước hành củ.

(Bài này ở sách *Giản-dị*).

13) Hạ-thai hoàn.

Bán-hạ (để sống), Bạch-liễm, đều nửa lạng. Tán bột hoàn với nước hồ loãng to bằng hột ngô-đồng, lại sắc nước Bán-hạ (đã sao) mà uống, để chữa chứng sanh ngang đẻ ngược hay thai chết trong bụng, và nhau không ra mà người mẹ sắp chết, thời mỗi lần uống từ 3 đến 7 viên.

(Bài này ở sách *Lương-Phương*).

14) Ngưu-tất hoàn.

Ngưu-tất 3 lạng, Đương-qui 4 chỉ, Nhục-quế 2 chỉ, Xạ-hương 3 phân, Tử-kim-đằng, Thục-qui căn, hai vị đều 7 chỉ.

TìmSách

Cùng tán bột hoàn với hồ to bằng hột ngô-đồng, lấy Châu-sa làm áo, mỗi lần uống 5 viên với nước Nhũ-hương để chữa chứng thai đã chết.

(Bài này ở sách *Tế-âm*).

15) Cương-sa tán.

Cương-sa, Đương-qui, đều 1 lạng, tán bột chia làm 2 lần, uống với rượu hâm nóng, để chữa chứng thai đã chết.

(Bài này ở sách *Tế-âm*).

16) Cồ-mạch ẩm.

Thông-thảo, Quế-tâm, đều 3 lạng, Ngưu-tất, Du-bì, đều 4 lạng, Cồ-mạch 6 lạng. Các vị sắc nước uống làm 3 lần. Để chữa chứng thai đã chết mà mẹ sắp tắt thở.

(Bài này ở sách *Lương-Phương*).

17) Nhất-tự tán.

Quỉ-cữu không cứ nhiều ít, chọn lấy miếng sắc vàng, bỏ lông đi, tán bột, lại lấy tay mài đi cho thật mượt, mỗi lần uống 3 chỉ với rượu hâm nóng, để chữa chứng thai chết hay là nước bào-thai đã vỡ mà không sanh cùng chứng nhau không ra được.

(Bài này ở sách *Giản-dị*).

Những bài thuốc đơn giản để dùng khi cần cấp:

1) Lấy vị Phác-tiêu tán bột uống với nước đồng-tiện hâm nóng, thời thai ra mà mẹ vẫn sống. Lại chữa chứng

Tìm sách

nhau không ra (sách Cầm-nang nói : Người mẹ mặt, lưỡi, móng tay đều xanh mà mồm hôi thối là thai chết rồi nên dùng bài này).

2) Đốt cỏ giấy lên cho người mẹ ngửi hơi, (không rõ cỏ gì).

3) Lấy vị Trân-châu tán bột hòa với rượu mà uống là ra ngay.

4) Lấy 1 lạng Thần-sa đun sôi lên lấy nước hòa với rượu mà uống là ra ngay.

5) Hột Vông-vang tán bột hòa với rượu mà uống, nếu cấm khẩu thời cậy mồm đổ vào, (lọt nước là sống).

6) Sừng hươu hay nai chẻ vụn ra 1 lạng, 5 củ hành, nửa chén đậu-kỹ. Sắc nước mà uống.

7) Một lạng lộc-giác hay mi-giác đốt cháy tán bột, mỗi lần uống 3 chỉ với rượu hâm nóng.

8) Cạo thiếc thành bột và Thủy-ngân đều 1 chỉ, hoàn với cùi quả táo-tầu to bằng hạt đậu, uống với nước là ra ngay.

9) Lòng đỏ trứng 1 cái, hòa với nước gừng sống mà uống.

10) Hai lạng Cỏ-mạch giã dập ra sắc với nước mà uống.

11) Lấy Hồng-hoa sắc nước mà uống.

12) Cạo muội nồi hòa với rượu mà uống.

13) Gạo và Xích-tiểu-đậu cùng đun lấy nước đặc mà uống là ra ngay, (bản chữ Hán có 2 chữ Mễ — Mạch không rõ là cả gạo và ngô hay là chỉ có gạo).

Tìm sách

14) Đất ở lòng bếp đun rơm, dạ, hay củi, tán ra hòa với rượu rồi chắt lấy rượu mà uống.

15) Lấy búa sắt nung đỏ ngâm vào trong rượu, rồi lấy rượu ấy uống thời ra ngay.

16) Du-bạch-bì sắc lấy nước mà uống.

17) Máu của con khỉ (Quảng-hầu-huyết) 1 chỉ rưỡi, đun với rượu cho tan ra mà uống. (bài này Bí-phương ở sách *Cẩm-Nang*) Tôi chữa chứng thai đã chết và xương cửa mình rất thần hiệu.

18) Lấy vỏ bưởi khô đốt lên tán bột hòa với rượu mà uông.

19) Rễ cây gấc, Hồng-hoa, Tô-mộc và Hạc-sắc-thảo, 4 vị bằng nhau sắc nước mà uống.

20) Vỏ cây ngô-đồng và Ngưu-tất-nam sắc với nước và nước đồng-tiện mà cho uống.

21) Thai chết trong bụng chưa đủ tháng mà người mẹ sắp tắt hơi, thời lấy Đại-đậu độ 2 cân sắc với giấm-thanh, lấy nước đặc mà uống liên-tiếp.

22) Vị Qua-lâu-căn, bồi khô tán bột mỗi lần uống 2 chỉ với nước Tràng-lưu-thủy.

∴

CHỨNG NHAU KHÔNG RA

Sách *Cảnh-Nhạc* nói : Chứng này bởi người yếu mà không đẩy ra được thì chỉ bổ khí huyết như bài *Quyết-tân-*

TìmSách

tiên hay bài *Hoạt-thai-ẩm* hay bài *Vô-ưu-tán* hoặc bài *Hắc-thần-tán* đã ghi ở mục thôi sanh. Còn bài **Quyết-tân-tiên** như sau :

Đương-qui (3 chỉ), Trạch-tả (1 chỉ rưỡi), Ngưu-tất (2 chỉ), Nhục-quế (3 chỉ), Thục-địa (3 chỉ, nếu không dùng cũng được), Ô-dược (1 chỉ). Sắc nước cho uống. Nếu chân khí ngừng trệ thêm Mộc-hương. Nếu chân huyết ngừng trệ thêm Hồng-hoa sao với rượu.

Sách *Cẩm-nang* nói : nhau không ra có 2 nguyên nhân :

a) vì huyết xấu bám vào nhau rồi chướng lên mà không ra được.

b) vì nguyên khí yếu mà không ra được, nếu về khí yếu thời chỉ uống bài *Bảo-sản Vạn-toàn* (ở mục thôi sanh) mà bỏ Sâm là yên ổn hơn.

Sách *Bảo-Sản* nói : Trong bụng đau mà chướng lên không muốn cho người ngoài xoa là ứ huyết chứ không phải là nhau sót lại.

Sách *Cảnh-Nhạc* lại nói : Vì huyết xấu vào trong nhau ngừng trệ mà không ra được, là bởi trẻ em đã nhả cuống nhau mà sanh rồi thời cuống nhau phải theo ra, cuống nhau vẫn ngửa lên, nay huyết tụ lại thời vướng mà không ra. Nếu để lâu thời đầy chướng mà đau thành ra thở xuyễn, phép chữa phải trục ứ huyết ra thời nhau cũng theo ra, như bài *Đoạt-mệnh-đan* hay bài *Thất-tiến-tán*. Nếu khí huyết đều kém thời nên uống bài *Quyết-tân* đã kể ở trên, còn *Đoạt-mệnh-đan* đã ghi ở mục Thai-chết trong bụng, mà thêm một lạng Qui, 5 chỉ Phụ-tử và lá sơn khô (đem sao

TimSách

cho hết khói) với **Mẫu-đơn** đều 1 lạng, cùng tán bột lại thêm *Đại-hoàng* 1 lạng, sắc với rượu và giấm cho thành cao, rồi hòa với thuốc Đoạt-mệnh-đan viên (to bằng hạt ngô-đồng) uống với rượu hâm nóng, mỗi lần 7 viên.

Thất-tiếu-tán.

Bồ-hoàng, Ngũ-linh-chi 2 vị bằng nhau. Tán bột mỗi lần uống 2, 3 chỉ với rượu hâm nóng.

Sách *Y-học* nói: Chứng này là chưa đến lúc sanh đã cố sức, cho nên lúc sanh không đủ sức để tống cả nhau ra, lại gặp gió lạnh thời huyết ngừng mà bào-thai dềnh lên mà nhau không ra được, đầy chương đến tận ngực, thở suyễn đau gấp mà là chứng nguy cấp.

Vậy lúc sanh, nên lấy lụa hay vải mềm giữ lấy nhau mà đừng để co lên. Thuốc uống thời dùng bài *Ngưu-tất thang*, bài *Ngũ-tích tán*, bài *Đoạt-mệnh-đan*, lại lấy *Cao Như-thánh* dán vào lòng bàn chân, nhau đã ra thời rửa Cao đi, nếu để chậm rửa thời ruột cũng đem ra, mà ruột đem ra thì lại lấy Cao ấy rịt lên đỉnh đầu.

Những bài trên đã ghi ở mục *Thôi-sanh*.

Ngưu-tất-thang.

Đương-qui, Mộc-hương đều 3 chỉ, Hoạt-thạch 6 cân, Hột Vông-vang sao 4 phân. Sắc nước uống.

Nếu người mụ đi, choáng váng nguy cấp, thời uống bài *Bát-vị hắc-thần-tán* sau đây, hay là bài *Hắc-long-đan* ở mục Dự-bị cuối quyển này.

Tìm sách

Nếu suyễn **súc thời lấy đế giày da rửa sạch hơ nóng chườm ở bụng dưới, và cho uống bài** *Đoạt-mệnh-đan* **vừa kể ở trên.**

Bát-vị hắc-thần tán.

Xích-thược, Can-khương, Quế-tâm, Trích-thảo, Bồ-hoàng, Thục-địa, (sáu vị đều 2 lạng). Đậu-đen sao chín 4 lạng.

Cùng tán bột mỗi lần uống 2 chỉ với rượu hâm nóng và nước đồng-tiện. (Bài này ở sách *Y-học*).

Sách *Cẩm-nang* nói : theo phương thuốc đời xưa, cho uống bài *Hoa-nhị-thạch-tán.* Nhưng theo ý tôi, thời thuốc về loại thạch người yếu không nên dùng, vậy không gì bằng bài *Sinh-hóa* hay bài *Bảo-sản vạn-toàn* hoặc bài *Phật-thủ-tán* thêm Hồng-hoa, Ích-mẫu, Hương-phụ, Sơn-tra, Trần-bì, Ngưu-tất, sắc nước rồi chế thêm nước đồng-tiện mà uống.

Dưới đây là những bài chữa chứng nhau không ra của mọi nhà đã kinh nghiệm

1) Thôi-sinh tán.

Bạch-chỉ, Hoạt-thạch, Muội-nồi, Đất ở giữa chỗ đun bếp bằng rơm hay củi, (bốn vị đều 1 chỉ), Trích-thảo 5 phân. Cùng tán bột, sắc nước Khung và Qui mà uống là hiệu ngay.

(Bài này chữa cả chứng khó sanh).

Tìm sách

2) Như-thánh cao.

100 hột thầu-dầu và 1 chỉ Hồng-hoàng, nghiền ra rịt vào lòng bàn chân, nhau đã ra thời rửa di (bài này ở sách *Tế-âm*).

3) Nhất-thoái tán.

Xác rắn nguyên cả con đốt trên ngọn đèu dầu ta cho thành than nghiền với một chút xạ-hương rồi uống với rượu và nước đồng-tiện.

4) Gia-vị ích-mẫu hoàn.

Đậu đen 1 lạng sao khô rồi ngâm vào rượu, lại lấy cán cân bằng sắt nung đỏ lên bỏ vào trong rượu ấy, rồi lấy rượu mà uống bài *ích-mẫu hoàn* thời nhau ra.

(Hai bài trên ở sách *Bảo-sản*, để chữa chứng đàn bà huyết xấu vào bào-thai mà nhau không ra, mặt đỏ, lòng bàn chân bàn tay nóng. Bài *ích-mẫu* ở mục Thôi sanh).

5) Ngưu-tất-thang.

Xuyên-khung, Ngưu-tất, Phác-tiêu, Bồ-hoàng, (bốn vị đều 7 chỉ), Đương-qui 1 lạng rưỡi, Quế-tâm 5 phân. Mỗi lần uống 2 chỉ với nước gừng sống và sinh-địa sắc lên. (Ở sách *Tế-âm*).

6) Gia-quế khung-qui thang.

Xuyên-khung, Dương-qui đều 3 chỉ, Quan-quế 4 chỉ, sắc nước uống để chữa chứng nhau không ra mà sản-phụ người yếu. (Bài này ở sách *Tế-âm*).

TimSách

7) Hoa-nhị-thạch tán.

Hoa-nhị-thạch 1 lạng, Lưu-hoàng hạng tốt) 4 lạng. Đều tán bột lấy giấy gói lại bỏ vào nồi đất, ngoài lấy bùn chát kín rồi phơi khô, nung vào than cho thật đỏ, rồi đem ra để nguội, đến hôm sau lấy vị thuốc ở trong tán lại, mỗi lần uống 2 chỉ với rượu hâm nóng và nước đồng tiện (bài này là phương thuốc cổ truyền).

(Họ Hồ nói : chữa chứng nhau không ra chỉ có bài Hoa-nhị-thạch-tán là chóng hơn).

8) Tất-quỳ-thang.

Ngưu-tất 1 lạng, hột Vòng-vang 1 chén. Sao, sắc với nước rồi uống làm 2 lần. (ở sách *Giản-dị*).

9) Thiên-kim bị-cấp hoàn.

Đại-hoàng 1 lạng, đun với giấm cho đặc lại thành cao, viên to bằng hột ngô-đồng mà uống bằng giấm đun sôi 5 hay 7 viên, chỉ một chốc là nhau ra, để chữa chứng huyết hôi xông lên ngực, nhau không ra được mà trong bụng huyết thành hòn khối (ở sách *Tế-âm*).

10) Hắc-thần tán.

Đậu đen rửa sạch 3 lạng, sao chín rồi đun với giấm-thanh, lấy nước uống làm 3 lần. Công hiệu như thần (ở sách *Y-Học*).

11) Độc-thánh tán.

Mang-tiêu 3 chỉ, sắc với rượu và nước rồi chế thêm nước đái trẻ em mà uống nóng.

TìmSách

Dưới đây là những phương đơn giản của mọi nhà đã kinh-nghiệm cũng để chữa chứng nhau không ra được:

1) Con gián bỏ chân và cánh sao thơm lên, rồi tán bột hòa với nước mà uống.

Sách *Y-học* cho phương thuốc này là rất thần hiệu.

2) Hồng-hoa 1 lạng sắc với rượu mà cho uống.

3) Gót giầy của người sản-phụ ấy rửa sạch hơ nóng chườm vào rốn là nhau ra ngay.

4) Vị Ngũ-linh-chi tán bột uống 2 chỉ với rượu.

5) Xác con rắn đốt cháy tán bột uống 3 chỉ với rượu.

6) Một đoạn mực tầu (viết cuữ Hán) tán bột uống với rượu.

7) Tiểu-mạch và Tiểu-đậu sắc lấy nước đặc mà cho uống là hiệu ngay.

8) Phân trâu đen đem sao lấy vải gói lại rồi buộc lên trên bụng là hiệu ngay. (Sách *Cẩm-Nang* nói bài này hay như thần).

9) Quả Bồ-kết đốt ra tán bột, mỗi lần uống 1 chỉ với rượu hâm nóng.

10) Đất ở giữa chỗ đun bếp lấy một khối nghiền ra hòa với giấm, buộc vào giữa rốn, lại sắc nước cam-thảo mà uống là nhau ra ngay.

11) Một quả trứng gà hòa rượu mà uống.

TimSách

12) Sanh con trai thời cho sản-phụ nuốt 7 hột Tiểu-đậu, đẻ con gái thời cho nuốt 14 hột, là nhau ra ngay.

13) Lấy áo đơn của người sản-phụ đậy lên trên giếng nước là nhau ra ngay.

14) Chẻ sừng hươu hay nai rồi tán bột, mỗi lần uống 3 chỉ với nước hành củ sắc lên.

15) Đất giữa chỗ đun bếp bằng rơm hay củi, và muội nồi cùng xác rắn đốt ra, 3 thứ tán bột hòa với rượu nóng chắt nước mà uống.

16) Lá cây khế giã vắt lấy nước hòa với đất rồi đề trong mà cho uống.

⁂

CÁC CHỨNG HIỂM SAU KHI SANH

1.— Đẻ rồi nhau đã ra mà mắt sản-phụ đen, đầu choáng váng, tinh thần mụ đi, cấm khẩu không biết gì, nhiều người cho là khí huyết xấu công trở lên, nhưng không biết là có 2 nguyên nhân : hoặc vì huyết vọng lên, hoặc vì nguyên khí sắp thoát mất. Nếu là chứng khí-thoát mà hiểu lầm là chứng huyết-vọng, dùng thuốc đề trục ứ huyết ra thời chết ngay.

2.— Chứng khí thoát là vì lúc sanh ra huyết nhiều quá, người yếu vừa thời 1 chốc lại tỉnh, còn người yếu lắm thời huyết ra nhiều mà khí cũng thoát, vậy phải xét xem nếu thấy mắt nhắm, mặt nhợt, há miệng, lạnh

TimSách

tay, 6 bộ mạch « Vi và Tế » thời tức là chứng khí-thoát, phải dùng ngay 1, 2 lạng nhân-sâm sắc đặc cho uống dần, nếu lọt được là sống, đừng chấp nệ là 7 hôm mới uống được sâm mà chết oan.

Sách *Cẩm-Nang* có 1 phương để chữa chứng như trên : Nhân-sâm, Đương-quy, đều 2 chỉ, lá Ích-mẫu khô 1 chỉ, Hồng-hoa 6 phân Gừng sao đen 8 phân. Sắc với nước rồi hòa thêm nước đồng-tiện mà uống nóng.

3.— Còn chứng Huyết-vậng cũng là nguyên khí hư yếu, nhưng chỉ [illegible] tức là tỉnh, xét thấy khí, mạch đều đầy đủ mà bụng đau và đầy là chứng huyết nghịch lên, uống bài *Thất-tiếu-tán* đã kể ở trên. Nếu thở ồ-ồ mà có cả đàm lên thì uống bài *Nhị-trần* (ở quyển Nhất). Nếu không có trạng thái như vừa kể ở trên thời uống bài *Khung-qui thang* hay bài *bát-trân thang*.

4.— Sản-phụ chợt ngã ra chưa kịp cho uống thuốc thời lấy quả cân hay cán cân bằng sắt, nung đỏ lên để vào cái chậu chỗ bên giường nằm rồi lấy giấm-thanh tưới vào miếng sắt đỏ cho ngửi hơi, hay là đốt lá-sơn-khô mà cho ngửi rồi uống thuốc đại bổ.

5.— Sản-hậu, tử-cung không đem lên thời nên uống bài *Bổ-trung Ích-khí* (ở quyển Khôn-hóa).

6.— Sản hậu, tử-cung không vít lại, thời lấy kinh-giới, Hoắc-hương, Thung-căn-bạch-bì sắc uống, lại lấy nước mà rửa rất thần hiệu.

7.— Sản hậu ra cả ruột thời lấy :

Tìm Sách

Chỉ-xác, Kha-tử, Ngũ-bội-tử, Phèn-chua. Sắc nước vừa uống vừa rửa, và lấy ngải-cứu sao nóng đắp lên đỉnh đầu.

8) Sản hậu ra cả tử-cung thời lấy 14 hột Thầu-dầu nghiền ra rịt lên đỉnh đầu.

Nếu tử-cung đã lên thời rửa chỗ rịt đi.

9) Sản hậu cửa mình lòi ra, thời lấy hột Xà-xàng sao nóng đựng trong cái túi mà chườm hay là lấy :

5 lạng hột Xà-xàng, 14 quả ô-mai, sắc nước hàng ngày rửa năm, sáu lần.

Sách *Cẩm-Nang* thời dậy đem vị :

Ngưu-hoàng, Ô-tạc cốt, Ngũ-bội-tử, cùng tán bột mà chấm vào.

Nếu gặp những chứng như đã kể ở quyển này thời không có thuốc không xong. Thời trước cho dùng bài *Khung-qui* thêm đồng-tiện và dặn rằng, người sản-phụ sanh rồi phải nằm ngửa co đầu gối lên, phải kiêng gió, kiêng lạnh, mà khi ngủ người ở bên thường gọi đề phòng chứng huyết-vựng mùa hè không nên để nóng quá, mùa lạnh phải sưởi than mà kiêng khói. Ngoài ra, lại đốt gạch hay ngói mà rưới giấm-thanh vào cũng là tránh chứng huyết-vựng Lại không nên ăn no, không nên tắm rửa sớm, không nên đi lại nhiều qua, một trăm ngày mới có thể gần được đàn ông, (đoạn trên ở sách *Y-Học*).

Sách *Cẩm-Nang* có dậy : sanh rồi người chưa được như thường thời cấm không được uống rượu, và dừng

TimSách

ăn muối trắng vì sợ ngừng huyết, và không được tức giận, không được chải đầu v.v...

Sách *Bảo-Sản* nói: sản-phụ đã sanh thời uống ngay bài *Sinh-hóa* chế một chút đồng-tiện, ngoài 7 hôm cũng còn uống được.

Nếu vì khó nhọc, người sút thịt đi mà thở suyễn thời thêm 3 chỉ Nhân-sâm. Chữa chứng đau dạ-con (*Nghi-trầm-thống*) cũng uống bài *Sinh-hóa* hợp với bài *Bất-hoán kim-chinh-khí* (bài *Sinh-hóa* ở mục Dự-bị dưới đây, bài *Chinh-Khí* ở quyển Nhật).

Về chứng đau dạ-con, sách *Tế-âm* cho dùng bài *Khởi-trầm-tán*:

Khung 2 chỉ, Qui, Thược đều 3 chỉ, Nhục-quế, Huyền-hồ, Mẫu-đơn, Bồ-hoàng sao, Ngũ-linh-chi sao, Một-dược đều 3 chỉ, Bạch-chỉ 1 chỉ. Sắc lấy nước thêm chút đồng-tiện mà uống vào lúc đói.

Một phương thần-bí, của nhà tôi lưu-truyền:

Lấy lá non cây Xuyên-luyên cho thêm chút muối giã ra, hòa với nước rồi chắt nước trong mà uống, (chữa chứng đau dạ-con).

∴

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC ĐỂ DỰ BỊ

Theo sách *Cẩm-nang* thời cho bài dưới đây, chữa cả thai chết hay nhau không ra, hoặc sinh ngang đẻ ngược, mà lúc sản hậu cũng uống được.

Tìm sách

Ngày 5 tháng 5 hay ngày 6 tháng 6 (âm-lịch), lấy hoa lá và cành non cây *Ích-mẫu* phơi khô tán bột, hoàn với mật, mỗi lần uống 2 chỉ, gặp chứng nguy thời uống liên tiếp là có công hiệu ngay, tùy chứng dùng thuốc nước để uống viên *ích-mẫu* ấy như sau :

1) Thôi sanh thời uống với rượu và nước đồng-tiện.

2) Có thai mà đau bụng thời uống với nước sa-nhân.

3) Sinh ngang đẻ ngược hay nhau không ra, uống với rượu và nước đồng-tiện hay là rượu và nước muối.

4) Động thai mà ra huyết lấy qui-đầu và sa-nhân sắc nước mà uống.

5) Sản hậu uống với rượu và nước đồng-tiện độ vài lần, thời ra huyết xấu sanh huyết mới.

6) Thai chết trong bụng mà nguy cấp cũng uống với rượu và đồng-tiện.

7) Sản hậu huyết hôi không sạch được mà rốn bụng đau như cắm dùi cũng uống với rượu và đồng-tiện.

8) Sản hậu xương cốt đau nhức, uống với nước cơm.

9) Sản hậu người mệt, mắt hoa, miệng khát, nói mê, thấy ma tà, uống với rượu, đồng-tiện và nước bạc-hà.

10) Sản hậu phiền, khát, kém ăn, chân tay nhức hay tê, uống với nước cơm.

11) Sản hậu phù nề, thở suyễn, ho đàm, lợm lòng, nuốt nước chua, đau cạnh-sườn, tiểu-tiện ít, uống với rượu hâm nóng.

TimSách

12) Sản hậu băng lậu, huyết ra tím như gan gà, lưng và xương sống mỏi, lấy quế-chi, gạo nếp sắc nước mà uống.

13) Sản hậu chưa đầy tháng ăn phải thức lạnh, rồi đình trệ đi ỵ hay đi tả, uống với nước hồng-hoa.

14) Sản hậu trúng phong, cắn răng, không nói, bán thân bất toại, uống với nước đồng-tiện nóng.

15) Sản hậu lục huyết, lưỡi đen uống với nước đồng tiện.

16) Sản hậu xích-bạch-đái, lấy một-dược và A-giao sắc nước mà uống, hay là lấy Tần-bông, gạo nếp sắc uống cũng được.

17) Sản-hậu ăn phải thức nóng kết thành hòn khối, kinh nguyệt không đều, mỏi mệt, mồ-hôi trộm, hay là đại-tiện bế mà phiền khát, đều uống với rượu và đồng-tiện.

18) Sản-hậu nóng lạnh như sốt rét, rốn và bụng đau, uống với nước quế-chi.

Hắc-long đan (ở sách *Cẩm-Nang*).

Ngũ-linh-chi, Đương-qui, Sinh-địa, Xuyên-khung, Lương-khương, 5 vị trên đều 2 lạng. Cho vào nồi đất mới, lấy bùn trộn chút muối trét ở ngoài, rồi nung đỏ, bắc ra lấy thuốc ấy, lại thêm những vị : Muội-nồi, Nhũ-hương, Lưu-hoàng, Hồ-phách, Hoa-nhị-thạch, năm vị đều 2 chỉ, tán bột trộn lẫn với thuốc bột ở trên, rồi lấy giấm và hồ viên lại bằng hòn đạn. Lúc dùng đến hơ viên thuốc trên than cho nóng, rồi mài với nước gừng lại chế thêm rượu và đồng-tiện mà uống, thần hiệu không kể hết được.

Tìm Sách

Hồi-sanh đan (ở sách *Giản-dị*) để chữa chứng thai tiền và sản hậu rất nghiệm.

Cầm-vân đại-hoàng 1 cân tán bột, Gỗ Vang (Tô-mộc) 3 lạng chẻ nhỏ, sắc với nước tràng lưu thủy lấy độ 3 chén. Giấm-thanh làm bằng gạo 9 cân (càng lâu càng tốt). Đậu đen 3 cân ngâm nước hồi lâu, rồi vớt hột đậu bỏ vào cái túi cùng đun với nước ấy. Khi hột đậu chín nhừ thời nhấc túi ra, đem phơi khô còn nước thời để lại. Hồng-hoa 3 lạng sao nhẹ lửa cho vàng ra, rồi đun với rượu cho kỹ xong bỏ bã lấy nước.

Bắt đầu đem bột của vị Đại-hoàng cho vào nồi mới rồi đổ vào 3 cân giấm-thanh đun lên quấy không ngừng tay cho thành cao, lại đổ 3 cân giấm đun lần nữa, rồi đổ nốt 3 cân còn lại đun lần nữa, xong cho nước đậu đen vào đun lên, lại cho nước vông-vang và nước hồng-hoa đun đặc cho thành cao, đựng vào đồ sành rồi lại hợp những vị thuốc sau đây:

Nhân-sâm 2 lạng, Đương-qui, Xuyên-khung, 2 vị rửa bằng rượu; Hương-phụ, Huyền-hồ, 2 vị đều tẩm rượu sao; Bồ-hoàng, lót giấy lên trên nồi rang mà sao; Xương-truật, tẩm nước gạo sao; Phục-linh, Đào-nhân, bỏ màng đi; Tám (8) vị trên đều 1 lạng.

Ngưu-tất, Địa-du, hai vị đều rửa bằng rượu; Bạch-thược, tẩm rượu sao; Cam-thảo chích, Khương-hoạt, Quất-bì, Mã-tiên-thảo, Mộc-qua, Thanh-bì, Bạch-truật, 8 vị tẩm nước gạo sao vàng. Mười (10) vị trên đều 3 lạng.

Ô-dược 3 lạng rưỡi, Ích-mẫu 2 lạng, Lương-hương, Mộc-hương hai vị đều 4 chỉ. Hột vông-vang 3 chỉ. Nhũ-

Tìm sách

hương, Một-dược hai vị đều 2 chỉ; Thục-địa chưng với rượu; Tam-lăng tẩm giấm sao; Ngũ-linh-chi chưng với rượu rồi bồi khô, Sơn-thù chưng với rượu, 4 vị đều 5 chỉ.

Ba mươi vị kể trên và bột đậu đen phơi khô cùng đem tán bột, xong cho vào cối đá giã với Cao-đại-hoàng kể ở trên cho thật đều, lại lấy 1 cân mật ong đun chín cho thêm vào để làm thuốc viên, mỗi viên 2 chỉ rưỡi, phơi trong râm cho khô mà không được sấy lửa, khô rồi mỗi viên chỉ còn 2 chỉ, lấy sáp ong bọc ở ngoài, cách dùng kê sau :

1) Lúc sắp sanh sắc nước sâm uống một viên, nếu không có sâm thời dùng nước muối loãng, sản-phụ khí huyết kém thời dùng nhiều sâm.

2) Nếu thai chết trong bụng thời lấy 1 chỉ hột sa-tiền sắc lấy nước mà uống 1 viên thời thai ra ngay.

Nếu huyết ra nhiều quá mà thai chết, thời dùng cả sâm và sa-tiền đều 1 chỉ sắc nước mà uống.

3) Nếu nhau không ra, thời dùng muối ăn sao lên hòa với nước nóng mà uống một viên.

4) Sản-phụ huyết vận lên mà váng đầu, thời dùng Kinh-giới cả cành và hoa sắc nước mà uống một viên.

5) Sản-hậu trong 3 hòm mà huyết vận lên hoa mắt, thời hòa với nước đun sôi mà uống.

6) Sản-hậu trong 7 ngày kém ăn huyết tụ ở ngực mà bĩ buồn phiền, táo khát, thời lấy nước sôi mà uống một viên.

Tìm sách

7) Sản-hậu người yếu, phổi nóng lây vào tỳ-vị mà nóng lạnh như người sốt rét, thời uống 2, 3 viên với nước đun sôi.

8) Sản-hậu huyết xấu mà thành phù thũng, khát nước, chân tay lạnh, là chứng nề vì huyết chứ không phải vì nước, thời sắc nước bấc đèn thời cỏ mà uống.

9) Sản-hậu vì huyết nhiệt mà phiền táo điên cuồng, thời uống thuốc bằng nước lã đun sôi.

10) Sản-hậu vì huyết xấu mà mất tiếng, thời sắc nước hoa-cúc khô và cát-cánh mỗi thứ 5 phân mà uống 2 viên.

11) Sản-hậu trong một tháng, vì ăn uống không cẩn thận, lại thêm tức giận để huyết vào tiểu-tràng, làm cho tiểu-tiện đi ít mà đi ra như mầu gan gà, thời sắc nước mộc-thông mà uống.

12) Sản-hậu huyết vào kinh-lạc, đã lâu ngày mà đau bụng, đầy hơi, không phải là chứng thấp, thời sắc 1 chỉ cành Tử-tô sắc lấy nước mà uống.

13) Sản-hậu huyết xấu chưa sạch, rồi thành chứng băng-lậu, huyết ra như mầu gan gà, nóng từng cơn mà phiền muộn, lưng và ngang lưng co quắp, thời sắc nửa chỉ Trần-bì, một chỉ Bạch-truật lấy nước mà uống.

14) Sản-hậu huyết ngừng ở tỳ-vị, nôn ọe đầy chướng, mà không phải là chứng phiên-vị, thời sắc nước Trần-bì mà uống.

15) Sản-hậu huyết xấu ngừng ở da thịt chân tay mà mặt vàng, huyết ra đằng mũi, miệng khô, khắp người

TimSách

có ban điểm đỏ, là chứng nguy, thời sắc nước Trần-bì mà uống.

16) Sản-hậu huyết xấu vào đại-tràng, đại-tiện khó đi mà đi ra huyết thành khối như gan gà, thời sắc nước Trần-bì mà uống.

17) Sản-hậu tiểu-tiện đi ít, đại-tiện bế, lúc nóng, lúc lạnh như người say, như người ngây, thời uống với nước sôi.

Mấy chứng kể trên về sản-hậu đều do huyết xấu, thời uống thuốc này thần hiệu. Hơn nữa, những chứng lạ về sản hậu, thày thuốc chưa từng biết, mà uống thuốc này không chứng gì không khỏi ngay. Nếu 1 viên chưa khỏi thời uống tiếp mấy viên. Lúc có thai uống thuốc này thời khí huyết mạnh, thai được mạnh và dễ sanh.

Đàn bà chưa lấy chồng mà kinh nguyệt bế hay là kinh-nguyệt bất điều, đều được thần hiệu.

Sinh-hóa thang.

Đương-qui 8 chỉ, Xuyên-kkung 3 chỉ, Đào-nhân 13 hột đề sống, Can-khương 5 chỉ sao đen, Trích-thảo 5 phân, sắc với 2 chén nước còn 1 phần 3, thời thêm 1 chút rượu và nước đái trẻ em mà uống nóng.

Bài này là bài *Phật-thủ-tán* gia giảm, để hóa huyết xấu sanh huyết mới, cho nên gọi là bài Sinh-hóa. Khi sanh rồi uống ngay, dù người khỏe cũng nên uống mấy thang để phòng ngừa. Phép gia-giảm như sau :

Tìm Sách

1) Nếu sanh rồi mà băng huyết, thời thêm 3 chỉ Nhân-sâm. Mồ-hôi nhiều thì thêm Hoàng-kỳ. Phiền táo thời thêm Trúc-nhự. Khát thêm Mạch-môn, Ngũ-vị. Suyễn thêm Cát-cánh, Hạnh-nhân.

2) Đại tiện không thông là vì huyết thiếu thời thêm vị Ma-nhân, Trung-dung hay là bội thêm Qui. Người yếu thời thêm Nhân-sâm, chớ dùng thuốc hạ. (Sâm là bất đắc dĩ mà dùng trong khi cần cấp, vì rằng trong 7 hôm thời huyết hôi chưa sạch mà dùng Sâm, Kỳ, Truật thời huyết ngừng lại có khi công lên tạng-tâm mà chết).

3) Trong 7 hôm cảm hàn huyết hôi ngừng lại mà đau bụng lắm, thời thêm 5 phân Quế.

Người béo có đàm, giận dữ mà chợt trúng ngoại-tà, thời thêm vị Thiên-hoa-phấn, Trúc-lịch và nước gừng sống.

Người yếu không có mồ-hôi thêm sừng hươu hay nai đốt thành than 2 chỉ để uống với thuốc, lại đun nước giấm thanh thêm nước đái trẻ em để xông vào mũi cho tỉnh ra.

Nếu người không sút thịt đi, thì không nên thêm Sâm.

4) Huyết vậng lên mà quay đảo không biết gì, là vì khí lực kiệt hay là vì huyết ra nhiều quá, hoặc vì đàm hỏa bốc lên, thời uống bài thuốc này lại nung phiến ngói cho đỏ lên tưới giấm-thanh cho bốc hơi lên mà ngửi, mà phương thuốc ấy thêm Kinh-giới, Quất-hồng, đau bụng thời thêm Quế, có đàm thời thêm nước Trúc-lịch và nước gừng sống, mạch tuyệt thời thêm Sâm, Mạch-môn, Ngũ-vị.

TimSách

Nên nhớ rằng huyết hôi chưa sạch thời bất đắc dĩ mới dùng Sâm. Trong bụng có khối mà đau lắm thời lấy sừng hươu hay nai đốt cháy tán bột, mỗi lần 2 chỉ uống với bài thuốc này.

5) Huyết hôi chưa ra là vì khí huyết đã kém lại gặp phong hàn ngừng trệ, thời cũng uống bài thuốc này.

Trái lại, huyết không ra là vì kinh-lạc có tổn hại, thời trong 7 hôm, bài thuốc này thêm Hoa Kinh-giới và dùng ít vị Đào-nhân, ngoài 7 ngày thời uống bài « Tứ-Vật » gia giảm, để bổ huyết mà ngừng lại.

6) Chứng lạnh chân (Quyết) là khó nhọc hại đến tạng tỳ, dương khí ở dưới suy yếu, phải thêm nhiều Sâm và Phụ-tử để bồi-dưỡng. Bệnh khỏi thời bỏ Sâm, hết đau bụng lại dùng Sâm.

Đại đề, chữa chứng váng đầu và chứng lạnh chân nếu còn huyết xấu thời Sâm, Truật không nên dùng ngay. Nếu không còn huyết xấu, thời Sâm, Truật và Thục mới nên uống.

7) Huyết băng mà hình thể sút đi, thở vội nhiều mồ-hôi thời bỏ vị Can-khương thêm : 4 phân Kinh-giới, 5 phân Nhục-quế — 2 quả táo sắc uống, nhưng chỉ uống 2 thang là thôi.

Mồ-hôi nhiều thêm Sâm, Kỳ, Truật.

Khát thêm Mạch-môn.

Đi tả thêm Phục-linh.

Có đàm thêm Trúc-lịch và nước gừng.

Tìm sách

Suyễn thêm Hạnh-nhân, Bối-mẫu, Cát-cánh.

Kinh sợ thêm Tảo-nhân sao, Bách-tử-nhân sao.

Băng huyết mà máu tươi nhiều thêm Bạch-chỉ, Thăng-ma. Nếu mạch trầm xuống mà không thấy, thêm Mạch-môn, ngũ-vị.

8) Sản-hậu phát sốt, nhức đầu cũng uống bài *Sinh-hóa* thêm : Trần-bì và Đại-táo sắc uống.

Nếu có cảm mạo thời thêm : 2 chỉ Khương-hoạt, một ít tua sen và 4 củ hành.

Có nôn oẹ thêm 3 phân Hoắc-hương, 3 phiến gừng.

Mồ-hôi nhiều hơi suyễn thêm 2 chỉ sâm.

Ráo khát thêm Sa-sâm, Mạch môn.

Lúc rét, lúc nóng mà sốt đúng thời hạn thời thêm 3 chỉ Sài-hồ.

Có đàm thêm Thiên-hoa-phấn và Cát-cánh đều 4 chỉ.

9) Trúng phong mà co giật giống như hứng « chí », hơi thở muốn tuyệt, thời dù hư hỏa bốc lên thành đàm, nhưng phải chữa về căn-bản mà không nên dùng thuốc chữa phong đàm để hại chân huyết.

Như vậy chỉ uống bài *Sinh-hóa* mà thêm : Mạch-môn, Trúc-lịch, Nước gừng, để chữa đàm hỏa mà thôi.

Còn những vị : Hoàng-cầm, Hoàng-liên, Tri-mẫu, Hoàng-bá, nhất thiết không dùng được.

Tìm sách

Nếu mồ-hôi nhiều, cấm khẩu, có giật hay là mồ-hôi trộm, thời bài này bỏ đào-nhân, thêm chút Sâm và Kỳ, Ma-hoàng-căn, Thiên-ma 8 phân, Kinh-giới, Phòng-phong đều 5 phân và gừng, táo. Sắc uống.

Có đàm thêm Trúc-lịch, nước gừng.

Tinh thần thoát thêm Nhân-sâm, Phụ-tử.

Đại-tiện bí thêm Ma-nhân.

10) Tức giận mà khí ngược lên, bụng đầy, huyết ngừng lại mà đau bụng nhiều thêm : 3 chỉ Mộc-hương hòa với thuốc mà uống.

11) Trong vòng 10 hôm mà cảm phong-hàn, ho đàm nặng tiếng, thời bỏ : Can-khương, Đào-nhân, thêm : Sa-sâm Bối-mẫu, Tang-bạch-bì, Hạnh-nhân, Quất-bì, Bán-hạ, nếu ráo thời lấy Thiên-hoa-phấn thay Bán-hạ, có đờm nhiều thêm Trúc-lịch, nước gừng.

12) Sản hậu thương thực đình trệ nên xét thương thực về thứ gì. Nếu là cơm thời : bỏ Đào-nhân, thêm 2 chỉ Hoài-sơn sao, 1 quả Nhục-đậu-khấu.

— Nếu vì ăn thịt thời : thêm Sơn-trà, Sa-nhân.

— Nếu vì ăn thức lạnh mà đau thời : thêm Quế-chi, Ngô-thù.

— Nếu thương thực về ngũ cốc thời : thêm Thần-khúc, Mạch-nha.

13) Đau ở dạ-dày và vì phong hàn mà đau bụng thời bài này thêm : Nhục-quế, Ngô thù đều 7 phân và

Tìm sách

3 phiến gừng sắc uống. Xét có thương-thực thời thêm thuốc để tiêu đi.

14) Huyết hôi chưa sạch mà có chứng tả thêm :

Hạt-sen (sao vàng), Kha-tử (nướng chín bỏ vỏ) và 3 phiến gừng. Sắc uống.

15) Nếu sản-hậu đi lỵ thời bài này bỏ : Can-khương thêm : Phục-linh, Mộc-hương.

16) Sản-hậu huyết hôi chưa sạch mà đau bụng hoắc-loạn thời : bỏ vị Đào-nhân, thêm vị Phục-linh, Sa-nhân, Hoắc-hương, Trần-bì. Chân tay lạnh : thêm Phụ-tử và 3 phiến gừng (có mồ-hôi thôi gừng).

17) Huyết hôi chưa sạch mà nôn oẹ : thêm Sa-nhân, Hoắc-hương và gừng sống.

18) Sản-hậu đau bụng dưới thêm : Quế 5 phân, Huyền-hồ sao 3 phân.

Nếu khỏi đau bụng thời thôi. Huyết đã sạch không đau bụng mà chỉ đau ở dưới rốn thêm : Thục-địa 3 chỉ.

19) Sản-hậu nửa người trên ra mồ hôi nhiều thời thêm vị Ma-hoàng-căn, nửa người dưới nhiều mồ-hôi nếu cần mới thêm Hoàng-kỳ. Người chân dương hư yếu mà lạnh chân thời thêm Quế và Phụ. Phiền mà nóng sốt thêm : Mẫu-đơn, Địa-cốt-bì.

20) Sản-hậu mà cảm hàn-thấp thêm : xương-truật, Bạch-chỉ.

Sản-hậu cấm khẩu như hình trạng người trúng phong, người uốn ván mà chân tay thượt ra, thêm : Kinh-giới, Phòng-phong đều 3, 4 chỉ.

TimSách

21) Sản-hậu huyết ra không ngừng, huyết sắc như nước mái tranh lợp lá, lúc ra nước, lúc thành khối, lúc ngừng, lúc lại ra, thế là khí huyết suy yếu, mạch « phù mà chực thoát », thêm: Phụ-tử mà phải bổ ngay dương khí, nếu cho uống thuốc hàn thời không cứu được.

22) Sản-hậu mà huyết tích lại hay là thức ăn tích lại mà đi cầu khô ráo, rốn và bụng đầy và đau, thời thêm: 3 chỉ Đại-hoàng.

TìmSách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập ẤU-ẤU TU-TRI

(Môn chữa trẻ em)

TìmSách

TìmSách

Lời dịch giả

Trẻ em rất nhiều bệnh hoạn mà khác với người lớn, người chữa không khéo thời dễ biến chứng mà dễ chết.

Vì thế mà bộ sách thuốc nào cũng có riêng tập **« Nhi khoa »** *(tức là ấu khoa).*

Bộ **Hải-thượng Y-tôn** *này, tác giả Lê tiên-sinh cũng xếp riêng quyển ấu-khoa mà chia làm 5 tập (kim, mộc, thổ, thủy, hỏa) mà gọi là quyển* **Ấu-ấu tu-tri** *nghĩa là người chữa trẻ em nên biết. Nhưng từ trước vẫn thất lạc tập* **« Hỏa »**, *trong đó chép một thiên* **« Lạc sinh »** *do tiên-sinh suy nghĩ bàn luận và mọi phương thuốc của tiên-sinh.*

Bốn tập còn lại này, tiên sinh phân tách các chứng bệnh và phép chữa rất là kỹ càng. Còn trong một bệnh mà ghi nhiều bài thuốc cổ truyền là để nhà làm thuốc lựa chọn.

Tôi cũng dịch riêng từng tập và mỗi tập có mục lục riêng cho người xem dễ tìm, nếu ở tập này không thấy thì tìm ở tập kia.

Viết tại Saigon, ngày 15 tháng 7 năm 1971

Dịch-giả

Đình-Thụ HOÀNG-VĂN-HÒE

TìmSách

Bài tiểu-dẫn của tác giả

Thành ngữ có câu : « chữa mười người con trai không khó bằng chữa một người đàn bà ; chữa mười người đàn bà không khó bằng chữa một người tuổi già, chữa mười người tuổi già không khó bằng chữa một trẻ em ». Cho nên người đời xưa có chia riêng môn chữa trẻ em gọi là *nhi-khoa* hay là *á-khoa* (vì còn nói ngọng cho nên gọi là *á*).

Sở dĩ bệnh của trẻ em khó chữa, là vì không biết kể bệnh mà có ốm chỉ kêu khóc.

Thế mà Cảnh-Nhạc tiên-sinh lại nói : « chữa trẻ em dễ hơn người lớn, vì không có bệnh bởi thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) và không có những bệnh bởi ngoại cảm, ngoài những chứng kinh-sợ và chứng cam, thời bệnh hoạn phần nhiều bởi ăn uống, nếu biết được nguyên nhân thời điều trị không khó gì ».

Câu nói ấy thật là khác hẳn với người đời xưa mà rất có lý lẽ.

Tôi muộn có con, vì uống nhiều thuốc bổ âm, bổ dương mà sinh được tám chín đứa, chỉ có hai ba đứa chết non. Tôi bẩm sinh đã yếu nên sanh con cũng yếu, những đứa trẻ từ lúc mới sanh không lúc nào ngơi thuốc. Cho nên về nhi-khoa tôi khổ tâm nghiên cứu.

Tìm sách

Nhiều người chữa trẻ em không hiểu ý của người đời xưa, vẫn nói « trẻ em nhiều chân dương thiếu chân âm » (thuần dương vô âm), họ thấy trẻ em phát sốt là dùng ngay thuốc mát và lạnh, thế là trẻ em đã thiếu chân âm mà lại dùng thuốc phạt cả chân dương, để âm và dương đều không có mà đi đến chỗ chết. Họ không biết bổ chân âm để cân đối với chân dương thời tự nhiên khỏi bệnh.

Vì thế, tôi chọn những lời bàn và phương thuốc của người đời xưa, về chứng bệnh và căn bệnh của trẻ em, xếp thành tập này mà gọi tên là tập *ấu-ấu tu tri* chia làm ngũ hành là *kim*, *mộc*, *thổ*, *thủy*, *hỏa*, mà ở dưới tập *Hỏa* có một thiên « Lạc-sinh » do tôi suy nghĩ ra và đã kinh trị để giúp đời sống cho trẻ em.

LÊ-HỮU-TRÁC
Biệt hiệu HẢI-THƯỢNG LÃN-ÔNG
Làm bài tiểu-dẫn trên đây.

∴

Hội ý-kiến khi khắc bản in : Nguyễn-Tao đậu giải-nguyên khoa Đinh-mão nguyên Tri-phủ phủ Lạng-giang người xã Cách-pha huyện Quế-dương.

Xếp đặt việc khắc bản in : Sa-môn, trụ-trì chùa Đồng-nhân xã Đại-tráng huyện Võ-giàng tỉnh Bắc-ninh.

Bản in quyển này khắc vào ngày tết tháng giêng năm thứ 33 niên hiệu Tự-Đức triều Nguyễn (năm Canh-thin).

Tìm sách

THỂ-LỆ XEM CUỐN SÁCH NÀY

1.— Cuốn sách này căn cứ nhiều ở bộ sách *Cầm-nang*, rồi đến bộ sách *Cảnh-Nhạc*, xong đến bộ *Y-học nhập-môn* và tham khảo cả các bộ sách khác, chọn lấy những điểm thiết yếu và cả các môn gia-truyền.

2.— Quyển *Ấu-khoa* này chia làm 5 tập theo *kim*, *mộc*, *thổ*, *thủy*, *hỏa*. Về tập *Thủy*, từ mục « phát sốt » đến mục « sang nhọt » nên tham khảo với bệnh của người lớn.

3.— Những điều ở trong 5 tập này đều chia làm từng đoạn :

a) Căn bệnh,

b) Chứng bệnh khác nhau,

c) Cách chữa.

Nhưng cũng có điều vì quá ít mà không phân biệt như vậy.

4.— Tập Hỏa có thiên « Lạc-sinh » là tôi nghĩ ngợi mà lãnh hội được, để học giả có thể tóm tắt mà khỏi mơ màng.

Tìm sách

Tập Kim

(Gồm 49 mục)

1.— Bốn điều thiết yếu
2.— Hình đồ mặt người
3.— Trông hình sắc
4.— Xem tổng quát về mặt
5.— Nghe tiếng nói
6.— Hỏi chứng bệnh
7.— Xem mạch
8.— Tưởng thọ hay yểu
9.— Những chứng chết
10.— Nghịch chứng và tuyệt-chứng
11.— Hư chứng hay thực-chứng
12.— Tóm lược về gốc bệnh
13.— Điều trị lúc mới sanh
14.— Phép nuôi trẻ em
15.— Sơ sanh không khóc được
16.— Ngọc-hành to lêu
17.— Mụn mọc những nước
18.— Sơ sanh không có da
19.— Chứng huyền-ung
20.— Chỗ đi cầu không có lỗ
21.— Sơ sanh không đi đái
22.— Sơ sanh gầy quá
23.— Sơ sanh béo quá

Tìm sách

24.— Sơ sanh tạng hàn
25.— Sơ sanh tạng nhiệt
26.— Sơ sanh người vàng
27.— Sơ sanh nhắm mắt
28.— Nháy mắt (đảo lia con ngươi)
29.— Chỗ đi cầu vít lại
30.— Khóc không ra tiếng
31.— Cắn vú
32.— Quỷ-thai
33.— Chứng Bạch-hổ
34.— Bệnh chú
35.— Trúng phải ác khí
36.— Vì thất vọng mà thành bệnh
37.— Chứng khóc đêm
38.— Sơ sanh kinh sợ
39.— Sơ sanh mà kinh giản
40.— Sơ sanh trúng phong
41.— Sơ sanh gió vào rốn
42.— Sơ sanh chúm miệng
43.— Cấm khẩu
44.— Chứng Thiên-Điếu
45.— Chứng Nội-điếu
46.— Chứng Bàn-tràng
47.— Chứng Đẹn
48.— Thốt nhiên kinh sợ
49.— Đêm ngủ hay giật mình và khóc.

Tìm sách

Tập Kim

1.– BỐN ĐIỀU THIẾT YẾU CUA NHÀ LÀM THUỐC

1) Trông hình sắc (Vọng).

2) Nghe tiếng nói và tiếng khóc (Văn).

3) Hỏi căn do (Vấn).

4) Xem mạch vào hổ-khẩu (Thiết).

Như trên là Vọng, Văn, Vấn, Thiết cũng theo như phương pháp chữa cho người lớn.

2.– HÌNH ĐỒ BỘ MẶT

(đính theo ở cuối tập)

3.– TRÔNG HÌNH SẮC

Thóp (thông-môn)

Trũng xuống mà sưng đỏ là nhiệt lắm, đen là chết.

Giữa trán (chính ngạch)

Đỏ là tạng tâm có phong nhiệt nằm ngủ không được yên, kinh giật phiền táo. Nếu thấy xanh hay đen là trong tạng tâm có phong tà mà thành chưng kinh-phong hay đau bụng tay thượt ra mà kêu khóc. Nếu thấy xanh và đen là

TimSách

bụng trên và dưới đau lắm. Nếu thấy hơi vàng mà da lại khô ráo là có mồ-hôi trộm.

Thái-dương bên trái

— Thấy sắc xanh là có kinh sợ mà nhẹ.

— Thấy sắc đỏ là sốt thương-hàn ngạt mũi, biến chứng, sốt dữ dội.

— Thấy sắc xanh hay đen là sữa bú tích lại.

Thái-dương bên phải

— Thấy sắc xanh là có chứng kinh mà nặng.

— Thấy sắc đỏ là có phong-tà bốc lên mắt.

— Thấy sắc đen là chết.

Thái-âm bên trái và bên phải

— Thấy sắc đỏ là trong và ngoài đều có nhiệt. Đỏ đến cả văn-đài (ngoài lông mày) là nóng lắm. Đỏ cả đến võ-đài (ngoài đuôi mắt đến tai) là sắp biến chứng.

Phượng-trì (trên lông mày trở vào ấn-đường)

— Thấy sắc đỏ là phong đàm mà sẽ co giật.

Ấn-đường (khe giữa hai lông mày)

— Thấy có sắc xanh là có kinh sợ.

— Thấy xanh tía đen là gặp vía người lạ (khách-ngỡ) hay ma tà.

— Nếu xanh mà đen là đau bụng và khóc nhiều.

— Thêm sắc đỏ là sốt và kinh sợ.

Tìm sách

— Nếu sắc trắng là vô bệnh.

(có sách nói từ ấn-đường đến đầu mũi đều đỏ là tam-tiêu có nóng).

— Nếu đỏ đến Sơn-căn (chỗ trũng ở sống mũi khe giữa 2 mắt) là tạng tâm và tiểu-tràng có nóng đi đái đỏ và ít. (Có sách nói ấn-đường thấy đen là chứng chết).

Sơn-căn (chỗ trũng khe 2 mắt)

— Thấy sắc xanh là chứng kinh sợ.

— Thấy sắc tía là thụ thương về bú hay ăn.

— Thấy xanh và đen là chứng nguy. (Có sách nói : tự Sơn-căn đến đầu mũi mà thấy đỏ là bụng và dạ-dầy nóng đi cầu đi đái ít.)

— Thấy sắc vàng là đau hắc-loạn.

— Thấy sắc đỏ là khóc về đêm.

— Thấy sắc tía là thụ thương về bú hay ăn.

Trên mũi.

— Thấy đỏ là có nóng mà không thiết ăn uống.

— Thấy vàng sẫm là đi đái không thông.

— Nếu lỗ mũi khô ráo mà thở ồ ồ là có huyết ra đàng mũi.

— Nếu thấy sắc xanh là bỏ vú.

— Nết thấy sắc trắng nhợt là đi cầu lỏng và không ăn.

— Nếu trong mũi khô là đi cầu, đi đái đều không lợi.

TìmSách

— Nếu mũi đen và khô mà hay nằm ngửa là tạng phế tuyệt. Trong môi không có ngấn vết mà chân tay không thấy vẫn đều không chữa được.

— Nếu trong mũi ngửa là khí ở tạng phế mạnh mà sẽ thành 5 chứng cam.

— Nếu dưới mũi đỏ hoen ra là cam ở tạng phế mà khí ở tạng can mạnh.

— Nếu mũi đen cáu như trong xe điếu là hành hỏa làm ráo tạng phế (hành kim) mà là chứng nguy.

— Đầu mũi thấy sắc trắng hay là mặt như xương khô là tạng phế tuyệt mà chết.

— Có sách nói : đầu mũi như phấn xoa mỡ hay như hoa mai trắng là có những chứng trúng hàn mà ho đàm hay là thổ suyễn.

— Có sách nói đầu mũi sắc vàng mà người khô ráo là khí của tạng tỳ đã tuyệt. Có sách nói như hoa cây quế là tạng tỳ thụ thương, ăn uống không biết ngon, chân tay mỏi mệt, nôn oẹ hay là đi cầu lỏng.

Phương quảng (nửa ngoài ở trên mi mắt)

Quảng nhuận là tốt, mà tối là xấu.

Phong-môn (chỗ má giáp trái tai)

— Thấy sắc đen là đau về sán khí.

— Thấy sắc xanh là có chứng kinh.

— Thấy sắc đỏ là thổ hay đi cầu lỏng.

Tìm Sách

Khí trì (dưới mắt giáp mũi)

— Thấy sắc đỏ là cảm phong mà tốt.

— Thấy sắc xanh là bệnh đã vào trong lý.

Hai má ở bên trong gò má.

— Thấy sắc xanh như chàm là đẹn (gặp vía người lạ).

— Thấy sắc vàng là có đàm.

— Thấy đỏ là kinh phong.

Hai mép.

— Thấy đỏ là hay khóc, nóng mà kinh sợ.

— Thêm sắc vàng là có chứng thổ.

Có sách nói : nếu như trên là tạng phế nóng. Có sách nói nếu dưới mép đỏ là tạng thận nóng (còn 2 chữ lộng sắc không rõ nghĩa).

Bên trái :

— Thấy đỏ là tạng can có phong nhiệt mà người sốt co quắp.

— Nếu thấy xanh đen là kinh sợ hay đau bụng. — Nếu đỏ nhợt là nóng từng cơn.

Bên phải :

— Thấy đỏ là chứng thương phong mà sốt. Thấy đỏ nhờ là sốt từng cơn hay là đi cầu dắn. Hơi thở to mà vướng đàm. Nếu thấy xanh trắng là ho đàm hay là lợm lòng. Thấy xanh đen là kinh phong hay là những chứng đau bàn tràng, chứng nội điếu và đau bụng.

Tìm sách

— Có sách nói thấy sắc xanh là khóc nhiều mà oẹ.

— Có sách nói : bên phải thấy sắc xanh là oẹ ngược mà nhiều đàm.

— Có sách nói : cả hai bên đều sắc đỏ là bị phong nhiệt.

— Có sách nói : cả 2 bên trông như mầu đất là trong 7 ngày sẽ chết.

— Có sách nói : cả 2 bên đỏ từng phiến như hạt đậu to, là thai-nhiệt trong 1 tháng là chết.

Hai lông mi

— Thấy đỏ là khóc đêm.

— Nếu giữa lông mi mà trắng nhợt là đi cầu phân trắng thức ăn không tiêu, nhưng ốm lâu mà lông mi thấy đỏ là chết.

Có sách nói : thấy sắc tía là sốt vì phong.

Thấy vàng là nhiệt đã lâu mà bốc lên.

Thấy đỏ là cảm phong nhức đầu.

Thấy xanh là kinh giật.

Thấy đen là chết đến nơi.

Hai tai

— Đằng trước tai hơi đỏ là tai điếc.

— Thấy hơi vàng là lúc ngủ nghiến răng. Vành tai khô và đen là nóng tận xương.

Tìm sách

Có sách nói : đuôi tai đen hay là xương ở sau tai đen, trong lỗ tai đen, lỗ mũi trông như tro tàn, móng tay đen, lật ngón tay thời kêu gào mấy tiếng hay là khóc như tiếng ngan, đều không chữa được.

Có sách nói : tai thấy sắc đen hay là vành tai và chỗ phong-môn (má giáp dái tai) mà mầu sắc như nước bần hay là như than tro, là tạng thận tuyệt sẽ chết.

Hai mắt

— Thấy đỏ là tạng tâm tạng can nóng, phong nhiệt mà phiền táo.

— Thấy vàng là tạng tỳ có tích tụ mà mồm hôi không ăn.

— Thấy xanh là phong nhiệt mà kinh sợ.

— Thấy quầng mắt nặng lên là ho lâu, lợm lòng hay là cam tích.

— Thấy con ngươi vàng hay đỏ là sốt về sáng hay chiều.

— Thấy đuôi mắt có vằn đỏ là chứng kinh-phong nội-điếu, hay giụi mi hay mắt cùng là kinh-phong. Mắt thấy lờ mờ là tạng can nóng rồi sẽ như mắt chim sẻ. Nếu quầng mắt sưng mà sáng và chiều mặt nặng ra là tạng tỳ có tích tụ.

— Có sách nói : các chứng bệnh mà 2 mắt mở tối như mắt cá, không chuyển động được là chết.

— Có sách nói : hai mắt nặng ra là đầy và suyễn.

— Có sách nói : trẻ em *không* lòng đen nhiều mà

TimSách

con ngươi tỏ là ít bệnh. Nếu lòng trắng nhiều hoặc vàng là nhiều bệnh.

— Có sách nói. trong mắt đỏ là tạng tâm nóng, đỏ nhờ là tạng tâm hư nhiệt. Thấy xanh là tạng can nóng, thấy vàng là tạng tỳ nóng. Con ngươi không được sáng là tạng thận nóng.

— Có sách nói : mắt trông thấy biếc mà con ngươi như thể mắt con cá là chết về đêm. Con ngươi không chuyển động là tạng thận kiệt mà chết về ngày.

Niên thọ

Đỏ và bóng sáng là hay đi cầu ra huyết.

Miệng

— Miệng thường đỏ là vô bệnh.

— Nếu khô ráo là tạng tỳ nóng.

— Nếu trắng là người yếu.

— Có sách nói : miệng trắng là chứng thất huyết như thổ huyết hay đi cầu ra huyết, v.v...

Miệng xanh mà vàng là chứng kinh và tích tụ.

Miệng xanh mà đen là chết. Nếu miệng hay ra nước dãi là bệnh giun.

— Có sách nói : miệng và môi mà đỏ hay là trên dưới chỗ tam-âm, tam-dương mà mầu sắc như gan con ngựa, hay là trông như màu tím là khí tạng tâm tuyệt mà chết.

TimSách

— Có sách nói : thổ ra nước bọt trắng mà mặt đen là chết. Chung quanh miệng như tro tàn là chết.

— Có sách nói : miệng như mầu quả quất-hồng là bệnh ở tạng tâm, mà có những chứng kinh sợ hay qnèn, giật mình khó ngủ.

Môi

— Môi đỏ và mặt đỏ là thương hàn.

— Nếu trắng là thổ nước dãi hay oẹ ngược, hoặc thổ huyết, lục-huyết, tiện-huyết.

— Nếu đỏ mà khô ráo là khát.

— Nếu đỏ mà không nhăn lại là miệng hôi, đi cầu khó, ít ngủ hay kêu.

— Nếu môi vàng mà mồm hôi là tạng tỳ có tích tụ.

— Nếu đỏ cũng là lục huyết.

— Nếu môi miệng sắc tía mà nhiều nước dãi là đau về giun.

— Nếu môi xanh là tạng tỳ lạnh đau bụng kém ăn.

— Có sách nói : nếu môi thấy sắc tía, là trùn giun hoặc đau hoắc-loạn.

Môi đỏ xẫm là tạng phế hư nhiệt.

Môi nhợt là tạng phế hư yếu (trắng mà mềm nhuận là chữa được, trắng mà như xương khô và ốm rồi chợt thấp thổ xuyễn môi trắng là chết).

Có sách nói : môi trắng nhợt là thương thực và tạng tỳ có nhiệt sôi bụng, to bụng.

TìmSách

Lưỡi

— Lưỡi nứt ra mà trên lưỡi thấy ráp như gai là dương-độc.

— Lưỡi mọc mụn là tạng tâm tạng tỳ nóng.

— Lưỡi rụt vào là kinh sợ.

— Lưỡi khô, lưỡi trắng, lưỡi đen, lưỡi ráo, lưỡi tưa, lưỡi vàng, lưỡi đỏ mà sưng đều là đi cầu không được thông. Đi ỉy đã lâu mà lưỡi đen là chết.

— Có sách nói : lưỡi vàng là tạng tỳ thụ thương.

— Lưỡi tưa trắng là khát. Tía mà dầy như quả vải là nóng tụ ở tam-tiêu.

— Lưỡi nứt ra và chảy máu là tạng tâm nóng. Hơn nữa đã nứt ra mà lại có cấn xanh hay cấn trắng là không chữa được.

— Có sách nói : lưỡi hay thè ra là tạng tỳ nóng. Ốm nặng rồi mà lưỡi thè ra là xấu.

Nhân-trung : (vệt trũng ở môi trên dưới mũi)

Nhân-trung đen là đau bụng có giun quấy. Nếu lấm chấm đen là thổ và đi ỉy. Nếu 2 bên vàng là thương thực. Nếu xanh là bú và ăn không tiêu và đi cầu cũng xanh.

— Có sách nói : nhân-trung trũng và dài là tốt, phẳng mà dầy là xấu.

— Có sách nói : nhân-trung ứng với tiểu-tràng, vậy đen là tả hay ỉy mà chết. Đã đen thời trong 9 ngày là chết.

TimSách

Thừa-tương (dưới nhân-trung mà về môi dưới)

Thừa-tương sắc xanh là vì ấm mà kinh sợ hay là phiền táo khóc đêm.

Gò má

Sắc đỏ là bàng-quang nóng mà tiểu-tiện không thông.

4.– XEM TỔNG QUÁT VỀ MẶT

Trong bộ mặt, mũi ứng với tạng phế, mắt ứng với tạng can, lưỡi ứng với tạng tâm, môi ứng với tạng tỳ, tai ứng với tạng thận.

Nếu trên mặt chợt thấy xanh hay đen là có chứng đau, chợt thấy đỏ là nhiệt, chợt thấy trắng là lạnh, chợt thấy vàng là có tích tụ.

Cả mũi, mắt, môi, tai mà đều xanh là có chứng kinh, hay trong bụng tích lại không tản đi được mà sắp thành chứng kinh-phong. Đều thấy đỏ là có đàm tích hay kinh sợ không yên (hoảng-hốt). Đều thấy vàng là thức ăn tích lại hay là tích-tụ, ăn uống không đều, mệt ngủ, ọe ra hôi, tả hay ly. Đều thấy trắng là khí của tạng phế không thông mà đi cầu lỏng hoặc ra cả nước, hoặc thổ hay ly. Đều thấy đen là sắp có bệnh nguy cấp. Người hôn trầm mà mắt chợt thấy như màu áo lam xanh từ chân tóc đến ấn-đường, thời trong 60 ngày là chết. Nếu xuống cả sống mũi thì 30 ngày là chết. Nếu xuống cả nhân-trung thì 10 ngày là chết, màu sắc ấy khắp cả mặt là chết ngay.

Các chứng bệnh dù khỏi, mà thấy hai gò má đỏ lên lớn như ngón chân cái là triệu chứng chết ngay. Màu

Tìm sách

sắc đen ở chỗ thiên-đình (trên trán) lớn như ngón chân cái dù không ấm cũng chết ngay.

Mặt xanh mà môi đen là chết ngay trong hôm ấy.

— Nếu mặt vàng mà mắt lại xanh hay đỏ hay trắng hay đen đều không chết.

— Nếu mặt xanh mà mắt đỏ, mặt đỏ mà mắt trắng, mặt đỏ mà mắt xanh, mặt xanh mà mắt đen đều chết, (vì khí của dạ-dầy đã tuyệt).

— Nếu chỗ Thái-âm, Thái-dương và chỗ Ngũ-vỹ (đuôi mắt) mà thấy sắc xanh, mắt và xung quanh miệng như mầu lá chàm hay là hình dạng quái ác là tạng can đã tuyệt.

— Nếu như màu cánh chả hay vỏ hoàng-bá là tạng can có tà khí mà có những chứng phong, chứng kinh, chứng đau mắt.

Trẻ em mới sanh trên mặt thường biến sắc đi, nghĩa là lúc thấy màu sắc nầy lúc thấy màu sắc kia, thì trong một tháng là chết. Mặt đều tía đen là chứng mạn-kinh, trong 7 ngày là chết.

Nếu thấy sắc xanh từ lông mày vào mắt hay là sắc xanh ở mắt vào tai, hoặc sắc xanh vào miệng hay mũi, hoặc sắc đen xung quanh miệng, mũi, sắc xanh từ lông mày quanh ra tai, tai mắt mũi miệng nổi lên sắc đen, chỗ chân tóc có gân xanh, hay là gân tía chằng chịt nhau, quầng mắt trên dưới có vằn xanh hay tía chằng chịt, hoặc đuôi mắt có gân xanh đen thẳng vào mái tóc, hoặc trên mặt như gan gà tía, hay là môi, miệng, mũi thường nổi sắc xanh đen, những triệu chứng trên đều không chữa được.

Tìm Sách

5.– NGHE TIẾNG NÓI

Tạng phế và tạng thận là gốc cho tiếng nói, người mạnh thời tiếng nói mạnh mà du dương, người yếu thời tiếng nói nhẹ mà không liên-tục. Vì thế tiếng nói nặng là cảm phong, tiếng nói to là ở trong nóng, tiếng nói vội là hoảng hốt, nặng tiếng là đàm, tiếng nói run sợ là hàn, tiếng nói nghẹn lời là khí không được thuận, lúc sanh không khóc được to rồi tiếng nói vẫn nhỏ là chết non.

6.– HỎI CHỨNG BỆNH

1) Hỏi đứa trẻ ấy sanh vào lúc bố mẹ còn khỏe hay bố mẹ đã nhiều tuổi?

2) Hỏi cha mẹ khỏe hay yếu?

3) Hỏi lúc có thai người mẹ có ốm hay không?

4) Hỏi đẻ thiếu tháng hay đủ tháng?

5) Hỏi bú và ăn được nhiều hay ít?

6) Hỏi đi đái nhiều hay không? Đi cầu thực dạ hay không?

7) Hỏi chậm mọc răng hay chóng mọc răng?

8) Hỏi chóng kín thóp hay lâu kín thóp?

9) Hỏi có chóng biết đứng, biết ngồi, biết đi hay không?

10) Nằm ngủ có yên hay là thường kinh sợ?

7.– XEM MẠCH

Trẻ em mới sanh độ 6 tháng trở lại thời xem mạch

TìmSách

ở trán ; ngoài 6 tháng thời xêm mạch hổ-khẩu, con trai con gái ngoài 6 tuổi xem mạch ở thốn-khẩu.

Mạch ở trán.

Ta để 3 ngón tay vào dưới chân tóc trên lông mày của đứa trẻ, ngón tay trỏ để sát chân tóc, ngón tay giữa ở giữa trán, ngón tay không có tên ở gần lông mày, để xem dưới từng ngón tay lạnh hay nóng thế nào?

— Dưới 3 ngón tay đều thấy lạnh là tạng hàn.

— Dưới ngón tay trỏ thấy nóng là ngực đứa trẻ nóng.

— Dưới ngón tay không có tên thấy nóng là thụ thương bởi bú hay ăn.

— Dưới ngón tay trỏ nóng mà dưới ngón tay giữa và ngón tay vô danh lại thấy lạnh là trên nóng dưới lạnh.

— Dưới ngón tay giữa và ngón tay không có tên nóng là chứng kinh-phong.

— Dưới ba ngón tay đều thấy nóng là cảm làn tất nhiên ngạt mũi nặng tiếng.

Mạch hổ-khẩu

Mạch hổ-khẩu ở mé ngoài ngón tay trỏ của đứa trẻ, mỗi đốt ngón tay là 1 « quan », ở trong là phong-quan, đốt giữa là khí-quan, đốt ngoài là mệnh-quan, ở đấy có tia gân nhỏ như sợi tơ ở trong thịt, bệnh nhân là con trai thời xem bên tay trái, là con gái thời xem bên tay phải.

Có sách nói : xem cả hai bên thì ngón tay bên trái ứng vào tạng tâm, tạng can, ngón tay bên phải ứng vào tạng-tỳ, tạng-phế.

Tìm sách

1) *Hình như chuỗi hột trai hai đầu vòng lại.* (Tia đỏ là tam-tiêu nóng và đau hoắc-loạn, (thổ) hay đi cầu phiền táo kêu khóc).

2) *Hình như chuỗi hột trai dài nguyên cả chuỗi.* (Nóng lạnh đau bụng hay là trong bụng có tích tụ).

3) *Hình cái vần vòng đi vòng lại.* (Là thức ăn tích lại, tia nhỏ là đau bụng, sữa hay thức ăn tích lại, tia nhiều là khí không được hòa, tia rối loạn là ốm đã lâu, tia cong là phong-nhiệt lắm).

4) *Hình cái vần vòng ngửa trở ra.* (Đen mà thẳng lên móng tay là chứng thương-phong mà nguy hiểm, đen như mực là khó chữa).

5) *Hình như con rắn bò đến.* (Chủ về oẹ khan, tạng phủ có tích mà trệ khí, thấy ở ngón tay trái là bệnh ở gan).

6) *Hình như con rắn bò đi.* (Chủ về bệnh ở tạng tỳ, đi cầu lỏng, ngủ lịm đi mà mệt mỏi).

7) *Hình một cái vần ôm vào trong một cái vần ôm ra ngoài.* (Tia ôm vào trong là chứng phong, tia ôm ra ngoài là chứng cảm).

8) *Hình cái vần có trạc ra.* (Tia trạc về bên trái là chứng thương-phong, tia trạc về bên phải là chứng thương hàn).

9) *Hình như 2 lưỡi câu ôm vào nhau.* (Ăn phải thức lạnh, tạng tỳ yếu mà khí trệ).

10) *Hình 3 khúc.* (Ăn thức rắn hay thức sống mà tích lại).

TimSách

11) Hình như nhiều con giun rối rít. (Chủ về chứng cam-giun).

12) Hình như cái giáo thẳng. (Đàm nóng, kinh phong, co giật).

13) Hình như 2 chữ song chồng lên nhau. (Ăn phải thức độc tích lại mà phát kinh).

14) Hình như cái kim trỏ vào trong. (Thấy ở phong quan là chứng kinh về nước, thấy ở khí-quan là chứng cam, thấy ở mệnh-quan là chứng kinh sợ về người lạ, sắp thành chứng mạn-tỳ đều là điềm xấu).

15) Hình như xương gai của con cá. (Tia sắc xanh ở phong-quan là chứng kinh sợ, ở khí-quan là chứng hư-lao).

16) Hình như chữ thủy. (Thấy ở phong-quan là ho đàm, chứng kinh-phong, chứng cam, chứng đàm ngăn cách, chứng tích-tụ).

17) Hình như chữ Ất. (Thấy ở phong-quan hay khí-quan là tạng can động mà thành chứng kinh phong).

18) Hình như con sâu cuộn khúc. (Thấy ở phong-quan là bệnh ở tạng can mà có chứng cam tích, thấy ở khi-quan là đại-tràng có cam-tích).

19) Hình như cái vòng tròn. (Thấy ở phong-quan là chứng cam-tích, thấy ở khí-quan là hay thổ).

20) Hình như cái cung đầu trở vào. (Chủ về nóng lạnh, đầu mắt mờ kinh sợ, đi đái đỏ).

21) Hình như cái cung đầu trở ra. (Chủ chứng kinh

Tìm sách

vì ăn, chứng kinh-giản vì phong, nếu tia máu cong vào là bệnh nặng cũng chữa được, vòng ra ngoài thẳng ra ngón tay thì không chữa được).

Tóm lại, những gân nhỏ ở trong thịt như đã kể ở trên, thấy sắc tía là cảm phong, sắc đỏ là cảm hàn, sắc xanh là kinh giật, sắc trắng là cảm, sắc vàng là tạng tỳ yếu, xanh mà đen là chứng mạn-kinh. Vòng ấy qua cả 3 đốt là bệnh rất nặng.

Tay bên trái vằn đỏ như sợi tơ là vừa sốt mà thêm chứng kinh, tay bên phải tia đỏ như sợi tơ là tạng-tỳ tích lại thêm chứng kinh. Phong-quan không có vằn là vô bệnh, có vằn là bệnh nhẹ, vằn lên đến khí-quan là bệnh nặng, dù vằn lên mệnh-quan nhưng ngắn và nhỏ mà sắc đỏ và vàng bệnh chứng cũng nhẹ mà không việc gì. Nếu vằn suốt cả tam quan xanh mà đen, hiện chứng lại nặng là chết.

Nếu sắc đỏ chỗ lớn, chỗ nhỏ, và cong là kinh sợ về người lạ. Sắc xanh thêm vàng là kinh sợ về tiếng to. Vừa đỏ vừa xanh mà thẳng như sợi tơ là thương thực. Chỗ như sợi tơ mầu tía, chỗ như sợi tơ mầu xanh, hay là như sợi tơ vừa xanh vừa đen lẫn lộn nhau mà không được rõ là chứng mạn-tỳ-phong. Đỏ xẫm là thương hàn hay đậu sởi. Đỏ vừa là di cầu. Đen là gặp phải khí độc.

Chú giải của dịch giả :

Hai mươi mốt hình về tia máu Hổ-khẩu kể ở trên, nếu độc giả khó nhớ và khó phân-biệt, thì chỉ xem từ chỗ tóm lại trở xuống cũng đủ.

Tìm Sách

Mạch thốn-khẩu

Trẻ em tay còn ngắn và nhỏ nên không phân ra bộ thốn, bộ quan, bộ xích.

Ta đặt ngón tay vào chỗ thốn-khẩu của đứa trẻ, mỗi lần ta thở ra hít vào mà thấy mạch của đứa trẻ 7, 8 lần bổng lên dẹp xuống là bình thường, 5, 6 lần bổng lên dẹp xuống là chậm, 9, 10 lần bổng lên dẹp xuống là vội (xác).

Ngoài ra, thấy mạch phù và hoãn là cảm-phong, trầm và khẩn là thương-hàn, trầm và trì là lạnh, vội vàng là kinh sợ. Tế và thực là trong bụng có tích tụ.

— Khẩn mà huyền là chứng kinh-giản về gió,

— Trầm mà hoãn là chứng bú và ăn không tiêu mà trong bụng đầy và đau,

— Khẩn, huyền, lao, thực là đại-tiện bí,

— Trầm và sác là trong bụng ngưng hàn,

— Khẩn và sác là kinh-phong bốn chân tay co giật,

— Phù và hồng là dạ-dầy nóng,

— Mạch tế là cam-tích hay lao tổn,

— Mạch hồng là có trùng giun mà đau bụng,

— Mạch hư hay nhu là khí ngược lên mà sợ hãi thất thần,

— Mạch huyền mà trảng là sợ vía người lạ.

— Mạch hoạt là cảm hàn thấp.

— Mạch trầm-tế là trong bụng có đau.

TimSách

— Mạch hồng mà trì là phiền đầy.

— Mạch phục mà trì là oẹ thổ vì hàn, và nóng từng cơn.

— Mạch hống là huyết ly.

Ta một lần thở ra hút vào mà mạch của trẻ em 5 lần bồng lên dẹp xuống là hư yếu, chỉ có 4 lần là bị bệnh, chỉ có 3 lần là âm dương sắp thoát, 7 hay 8 lần là bệnh rất nhẹ, 9 đến 10 lần là bệnh kịch, 11, 12 lần là chết.

Mạch phù-sác mà người ấm là thuận, mạch trầm-tế mà người lạnh là nghịch chứng, khóc về đêm mà mạch vi là thuận chứng, nếu hồng đại là nghịch chứng. Bỏ vú mà mạch phù-đại, người ôn hòa là thuận chứng, nếu trầm-tế mà người lạnh là nghịch chứng. Chứng cam-lao mà mạch khẩn-sác đi cầu thực là thuận chứng, nếu đi cầu lỏng mà trầm-tế là nghịch chứng. Chứng đau bụng giun mà mạch khẩn-hoạt người ôn hòa là thuận chứng, nếu phù-đại mà môi xanh là nghịch chứng. Ngoài ra giống như người lớn.

8.— TƯỚNG THỌ HAY YỂU

Trẻ em đủ 10 tháng mới sanh thời khí huyết hữu dư, nếu 7, 8 tháng đã sanh là khí huyết kém. Ta nên xem xương sọ và thóp, nếu chưa đầy năm đã dẫn mà liền lại, con ngươi đen, tinh thần nhẹ, mồm vuông lưng dầy, mông đít dầy, rốn trũng, hậu-môn mềm mại, ngọc-hành nhỏ, hòn dái lớn mà săn, răng nhỏ, tóc mềm, tiếng to, ngủ yên, người gầm chặt, hơi thở mạnh mẽ là được thọ.

TìmSách

Trái lại, đã 2, 3 tuổi mà thóp chưa kín, chân tay co quắp, răng tóc chậm mọc, đầu gối to lên, hay là 5 tuổi chưa biết đi, xương sống yếu, cánh tay nhỏ, người gầy, da nhợt, hay sôi bụng, hay bỏ vú mà phân xanh thời khó nuôi mà không được thọ.

9.— NHỮNG CHỨNG SỐNG HAY CHẾT

Những chứng bệnh chữa được như :

— Mặt mắt đều vàng mà mơ màng hay là mặt vàng mắt đỏ mà con ngươi sáng tỏ.

— Các chứng nóng sốt mà tinh-thần nhẹ nhàng yên tĩnh,

— Các chứng hư yếu mà uống thuốc bổ thấy chịu và ăn được.

— Các chứng bệnh tuy nặng mà có mạch thái-khê và xung-dương, thần khí vẫn còn, thóp không trũng xuống, nét mặt không mờ tối, móng tay vẫn có huyết sắc.

Những chứng không chữa được như :

— Con ngươi không được sáng, đồng-tử không chuyển động, móng tay, môi, đều đen, khóc không có nước mắt hay là không khóc mà chảy nước mắt, hay cắn vú, lưỡi thè ra ngoài, mồ hôi đọng lại không chảy đi, môi không kín răng, miệng không có nước bọt, bốn chân tay giá lạnh, đi cầu ra máu đen, tiếng khàn khàn như tiếng ngan, miệng mũi khô đen, miệng mũi tay chân đều lạnh, mặt đen, mũi đen, hay cắn người, người nóng và thở suyễn.

— Những chứng con ngươi tối tăm, lỗ mũi đen như

Tìm sách

tro, quầng mắt xanh, rốn to mà có gân xanh, ống chân ngay ra, vành tai đen, môi xanh hay đen, hay là như màu sắc xương khô, tia đỏ đi ngang con ngươi, thóp lồi lên hay lún xuống, miệng há ra như miệng cá, lưỡi thượt ra không khóc được, ngực đột lên hay lún xuống, thổ ra trùng giun, người mọc ban xanh hay đen, hay thở dài, sốt thương-hàn uống thuốc không ra mồ-hôi.

— Những chứng xương cổ ngoẹo đi, sanh rồi trong vòng 100 ngày mà thấy co giật đã khỏi lại co giật, mặt đen, tinh thần mụ đi, mắt trắng hay là mặt mắt đều đỏ, thốt nhiên kêu lên, mặt xanh môi đen hay là mặt đen mà mắt trực thị, lòng bàn tay không có vằn, miệng môi méo xệch đi, nhân-trung phẳng lỳ, hay sờ áo, sờ tà áo, lưỡi rụt vào, hay hoảng hốt, đi đái đi cầu không biết, răng đen cáu lại, nói cản dòng, người thốt nhiên nề ra, mặt có mụn nhọt mà đen, móng tay đen lại, đi cầu như nước giọt tranh lợp lá, ngọc-hành hay âm môn đều sưng lên, mặt mắt trắng nhợt, mặt không có bóng sáng, không muốn ăn, người thốt nhiên có mùi hôi thối, mặt và mắt đen hay là mặt đỏ mắt đen, rên rỉ không ngừng.

— Những chứng ốm đã lâu mà người có ban điểm như ở ngoài in vào, tóc dựng lên, lưỡi sưng, kinh sợ, khắp người không thấy huyết sắc, mắt lác, môi miệng mấp máy, khắp người không biết đau ngứa, miệng chúm lại, đi cầu ra phân đỏ hay đen, đầu ra mồ-hôi mà tay chân lạnh, lưỡi xanh hay đen, uống thuốc hay nước lọt cổ họng là trong bụng nghe có tiếng nước tiểu xuống ngay, đã lâu không ăn mà thốt nhiên ăn gấp bội.

— Các bệnh thịt tự nhiên sút đi, lòng trắng của mắt đỏ lắm, sau gáy sưng đỏ như quả trứng gà.

Tìm sách

10.— NGHỊCH-CHỨNG VÀ TUYỆT-CHỨNG

5 nghịch chứng chết ngay:

1) bụng đầy chướng mà chân tay sút thịt hay là người sút thịt đi.

2) bụng đầy chướng đi cầu ra huyết mà mạch đại.

3) ho ra huyết, đi đái ra huyết mà thịt sút đi.

4) oẹ ra huyết, ngực đầy lên mà mạch tiểu và vội.

5) ho oẹ đầy chướng thêm đi cầu ra cả cơm mà mạch tuyệt.

Những chứng trên chỉ trong một ngày là chết.

5 nghịch chứng chậm chết:

1) bụng đầy chướng người sốt mà mạch đại.

2) đầy bụng, sôi bụng, chân tay sút thịt đi mà mạch đại.

3) lục huyết không ngừng mà mạch đại.

4) lúc ho thời đi đái ra huyết, người sút đi mà mạch tiểu, hay là ho đàm sút thịt đi, người nóng mạch tiểu và vội.

5) ốm đã lâu, mạch thái-khê, mạch sung-dương đặt tay vào không thấy mà thần khí lại kém.

Những chứng trên chỉ trong nửa tháng là chết.

Những chứng dưới đây là ngũ-tạng đã tuyệt:

— Mũi khô ráo mà đen, miệng há hốc ra mà thở vội, khóc không ra tiếng, là tạng phế đã tuyệt.

Tìm sách

— Thóp sưng lên hay lún xuống, lưỡi thè ra, là tạng tâm đã tuyệt.

— Bụng nổi gân xanh là tạng tỳ đã tuyệt.

— Trông không chuyển-động con người, móng tay đen lại là tạng can đã tuyệt.

— Mắt trực thị là ngũ tạng đều tuyệt.

— Tóc đựng ngược lên, hơi thở ra lạnh, lông bàn tay lạnh, chân tay thượt ra, mình nằm như gò lại, cũng là ngũ tạng đã tuyệt.

Những chứng trên đều là chứng chết.

II.— HƯ CHỨNG HAY THỰC CHỨNG

(Người yếu là hư, bệnh mạnh là thực)

Dưới đây là những hư chứng :

— người mát mà mạch nhỏ,

— đi đái đi cầu như thường,

— ốm rồi ra mồ hôi mà kém ăn,

— nét mặt trắng bóng (khí huyết kém),

— đi cầu phân xanh (dạ-dầy và đại-tràng lạnh),

— nhả vú không bú và không ăn (dạ-dầy lạnh),

— bú và ăn không tiêu được (tạng tỳ yếu),

— mùa đông sợ lạnh, mùa hạ sợ nóng (âm-dương đều hư yếu),

Tìm sách

— những bệnh từ trong ra (nội thương),

— các chứng đau ở trong hay ngoài mà xoa vào thấy dễ chịu hay ngừng lại,

— những chứng ống chân nề mà lạnh, bụng vì yếu mà đầy chướng, phân xanh, bỏ vú, trong mắt hơi xanh, mạch « trầm mà vi », đều kiêng thuốc lạnh hay mát.

Dưới đây đều là thực chứng.

— người sốt mà mạch đại,

— đi đái đi cầu không dễ-dàng,

— ăn được mà phiền-táo, khát lắm,

— mắt đỏ như hoa đào (trong ngoài đều mạnh),

— đại-tiện vàng mà tiểu-tiện trong,

— mùa hè không sợ nóng, mùa đông không sợ lạnh,

— tay chân ôn-hòa (trong ngoài đều mạnh),

— những bệnh từ ngoài đến,

— những chứng đau xoa vào lại đau thêm,

— những chứng thốt nhiên.

Tóm lại :

— ngoài bì phu hư yếu thời nóng,

— mạch hư yếu thời kinh sợ,

— thịt hư yếu thời nặng mình,

— gân hư yếu thời co vào,

— xương hư yếu thời đau,

Tìm sách

— tỷ hư yếu thời người rời rạc ra,

— đại-tràng hư yếu thời đi cầu lỏng.

Những chứng :

— ống chân nông,

— hai tai đỏ,

— đi cầu khó,

— đi đái đỏ,

— khát không ngừng,

— khí vận ngược lên,

— mạch khẩn và xác.

Như vậy đều là thực chứng, kiêng uống thuốc nóng.

12.— TÓM LƯỢC VỀ GỐC BỆNH

Bệnh của trẻ em phần nhiều bởi thai-độc, (độc từ lúc thụ thai), ngoài ra là vì bú và ăn, còn ngoại cảm phong hàn thời ít.

Tóm lại :

— vì bú và ăn thời hại đạ-dầy mà nôn oẹ, hại tạng tỳ thời đi cầu lỏng,

— thổ hay tả đã lâu thời thành chứng mạn-kinh hay là chứng cam,

— bú hay ăn đình tích lại thời thành thấp đàm mà sinh hỏa,

— đàm hỏa sinh ra chứng cấp-kinh hay là tê cuồng họng,

Tìm sách

— đàm hỏa trệ lại thời thành chứng kinh-giản hay là ho suyễn.

— Nóng hay lạnh từ lúc thụ thai là bệnh từ lúc bẩm sinh, chứng tề-phong và chứng chúm miệng lại cũng là độc khi từ lúc thụ thai rồi thêm cảm khí độc.

— Tưa miệng hay lở miệng là trong dạ-dầy có thấp-nhiệt.

— Dưới lưỡi mọc thêm tầng lưỡi nữa hay là lưỡi cứng ra là tạng tỳ có hỏa.

— Kinh giật khóc đêm là tạng tâm nóng.

— Biến chủng là độc từ lúc thụ thai. Phát ban, phát đơn là hỏa ra ngoài.

— Trúng phải khí xấu là tà ở ngoài lấn vào.

— Lúc ngủ kinh sợ là hỏa ở trong động lên.

— đi ỉy là thức ăn tích lại,

— sốt rét là đờm kết ở trên cách-mô,

— ngạt mũi, nặng tiếng là sốt ngoại cảm,

— sốt về nội thương thời miệng đắng lưỡi khô,

— đau ở bụng trên là trùng giun,

— đau sán thống là hàn,

— chứng tích thời nhất định một chỗ là huyết hữu hình,

— chứng tụ thời không nhất định chỗ nào là bởi khí vô hình,

Tuy thế, tỳ-vị được mạnh thời thân thể yên; tỳ-vị

Tìm sách

yếu thời các chứng bệnh phát ra, vậy chữa cho trẻ em trước sau cần để ý đến tỳ-vị.

13.– ĐIỀU TRỊ LÚC MỚI SANH

Lúc sơ sanh lấy ngay lụa mềm chấm vào nước cam-thảo loãng lau trong miệng để trừ huyết xấu đi và dễ đi cầu. rồi nghiền vị Hồ-đào-nhục gói một chút vào lụa mỏng để trong mồm đứa trẻ cho nuốt dần đi.

Đứa trẻ sanh mà yếu thời lấy lụa chấm vào nước muối loãng lau vào mồm thời sau đỡ chứng thổ tả.

Một phép nữa : lấy một lai Châu-sa tẩm với mật ngoáy vào mồm.

Sở dĩ, phải rửa ngay miệng bằng nước cam-thảo là để huyết xấu không nuốt trở vào, nếu để đứa trẻ đã khóc thời huyết xấu ấy vào trong bụng.

Cắt tóc

Lúc cắt tóc, phải ngồi chỗ ấm, cắt xong lấy lá bạc-hà và 3 hột hạnh-nhân (bỏ vỏ và đầu nhọn) cùng nghiền nhừ ra hòa với mấy giọt dầu vừng và chút nhị-phấn bôi lên trên đầu đứa trẻ thời đầu đỡ lở ngứa.

Phép tắm

Tắm cho trẻ phải lấy nước hơi ấm mà tắm dần từng bộ phận, đừng tắm cả người ngay một lúc cho khỏi kinh sợ và không nên tắm lâu.

TimSách

Nước tắm nên đun thêm mạch-môn, kinh-giới hay chút hoàng-liên, hoặc kim-ngân, đan-sa tùy ý lựa chọn.

— Trẻ em còn non, cho uống thuốc có tính hơi mát hay hơi nóng là thấy khác ngay, đứa trẻ dù lạnh cũng đừng dùng thuốc nóng quá, dù nóng cũng không dùng thuốc lạnh quá.

Bệnh của trẻ em phần nhiều là tạng can dư ra mà tạng tỳ không đầy đủ, làm thế nào dẹp tạng can mà không hại tạng tỳ, bồ tạng tỳ mà không giúp cho tạng can.

— Trẻ em mới sanh đương khóc đã cho bú ngay là rất hại. Vậy nên để bọt rãi nhả ra rồi sẽ cho bú.

Trẻ em sốt biến chứng, môi sưng đầu nóng, nếu cho lầm là thương thực mà dùng thuốc tiêu, cho lầm là kinh-sợ mà cho uống thuốc mát, đều hại cho tỳ-vị, e thành chứng co giật, bấy giờ còn cho là nóng lắm sinh ra phong, lại dùng thuốc mát thời không thể lấy lại được.

Phép cắt rốn

Nên ươm cái rốn để lại đến đầu gối đứa trẻ, lấy lụa sạch thắt chặt lại rồi sẽ cắt, khi rốn rụng thời để lên trên phiến ngói mới đốt than ở dưới cho cái rốn ấy cháy đi nhưng chưa thật thành than, cân lấy ước 5 phân, cho thêm vào 2 phân thần-sa (tán bột hòa với nước rồi chắt nước trong đi). 2 thứ cùng nghiền bột rồi lấy sinh-địa và đương-quy sắc lấy nước hòa với bột ấy bôi lên lợi của đứa trẻ và đầu vú người mẹ, xong cho đứa trẻ bú hết trong một hôm thời những uế độc trong bụng sẽ đi cầu ra mà không mọc đậu nữa. Bài trên gọi là *Duyên-Thanh ẩm*.

Tìm Sách

Trẻ em ngày thường vô bệnh, không nên cho uống thuốc thời tránh khỏi uống thuốc nhầm mà lúc gặp bệnh uống thuốc mới chóng công hiệu.

Gối đầu của trẻ em nên nhồi bằng hoa cúc để nhẹ đầu và khỏi đau mắt.

14.– PHÉP NUÔI TRẺ EM

Trẻ em ngoài hai tháng đã biết quen và lạ, thời kiêng dùng để người lạ bồng bế, hay là không cho trông vật lạ. Ngoài nửa năm xương đít mới dần sẽ cho học ngồi, ngoài tám tháng mới cho học bò, ngoài mười tháng mới đỡ cho đứng lên, ngoài một năm xương đầu gối mới dần sẽ cho học đi. Không nên bế ẵm luôn tay và mặc đắp nhiều chăn áo. Không nên chỉ cho ở chỗ kín mà cũng có lúc cho dẫn xuống đất, như vậy gân cốt mới dần mà chóng biết đi.

Khi biết chơi đùa không nên cho chơi đồ sắc nhọn, không nên cho gần những thú vật lạ, không nên cho ăn thức lâu tiêu hay thức ngọt, thức béo, dầu mỡ, gừng, tỏi, rau sống, quả xanh, thức chua, thức lạnh hay đắng quá, mặn quá, cay quá. Ngoài ra nên kiêng tôm, cua, ốc, hến, gà, vịt, và ngan. Trẻ em nên cho ăn thức nhẹ nhàng thời tỳ-vị mới mạnh.

Bệnh về tạng tâm kiêng ăn thức mặn nhiều, về tạng phế nên kiêng ăn thức khô nướng, về tạng tỳ kiêng ăn thức chua, về tạng thận kiêng ăn thức ngọt.

Lại nghiệm xem bệnh ở tạng gì :

TimSách

— nếu ở tạng can thời ưa thức chua,

— nếu ở tạng tâm thời ưa thức đắng,

— nếu ở tạng tỳ thời ưa thức ngọt,

— nếu ở tạng phế thời ưa thức cay,

— nếu ở tạng thận thời ưa thức ngọt,

— nếu ở trong nóng thời ưa thức mát,

— nếu ở trong lạnh thời ưa thức nóng,

— nếu lúc ưa thức lạnh lúc ưa thức nóng là có hư hỏa thăng giáng.

Người lạ đừng để vào phòng đứa trẻ, sợ thành chứng đẹn hay phát sốt. Kiêng đừng cho vào đền miếu để khỏi sợ hãi.

Ngày thường nên cho đeo cái túi đựng Chân-giáng-hương để tránh hơi độc.

Trong một năm, sự tắm gội rất nên cẩn thận, đừng tắm rửa ở chỗ có gió hay chỗ có khí nóng, mới tránh được những ban đơn nặng, tắm rồi nên lau khô và quỳn kỹ.

Người mẹ hằng ngày nên rờ chỗ sau gáy của đứa trẻ, nếu thấy nóng thời dùng ngay chút thuốc cho ra mồ-hôi là không sốt lên nữa.

Trẻ em bú và ăn nên có điều độ, vì tỳ-vị đã yếu thời nhiều bệnh phát ra, lại không nên cho nằm dưới đất để thành chứng đau bụng đi cầu. Người mẹ mới tắm không nên cho con bú để dạ dày bị thương mà thành chứng ly, hay là khí thấp nhiệt vào tạng tàm tạng tỳ

Tìm sách

mà thành nhọt sởi. Trẻ em mới khóc đừng cho bú ngay, là sợ khí không thuận mà thành chứng kinh phong, đừng thấy khóc mà cho bú luôn, bú rồi không nên cho ăn ngay, là sợ không tiêu kịp mà thành ra chứng tích, chứng cam.

Người mẹ lúc đương giận dữ mà cho con bú ngay, thời con trai sẽ thành chứng sán-khí, con gái sẽ thành chứng đầy bụng, người mẹ lúc đau yếu nhất thiết không nên cho con bú, vì sữa ấy nếu lạnh hay nóng đều khiến đứa trẻ sinh bệnh, nhất là người mẹ uống rượu say hay là mới tình dục mà cho con bú thời di hại không ít.

Trẻ em mới sanh mà không bú có 3 nguyên nhân :

1) Vì ở trong thai gặp lạnh.

2) Vì trong nước bào thai có nhiệt độc (thai nhiệt).

3) Vì lúc sanh huyết xấu vào trong bụng ngoại trừ những đứa vì tiên thiên không đầy đủ.

Trẻ em để lạnh quá thời huyết ngừng, để nóng quá thời thớ thịt nhão ra, vậy cần cho nóng lạnh vừa phải. Cố nhiên phải kiêng gió những chỗ không có gió mà nhiều ánh sáng, thường cho chơi ở đó để gân cốt chóng mạnh.

Trẻ em mới sanh nên bế ngã ra và đừng bế cho ngay người, ngoài 6 tháng mới cho ăn cháo loãng, ăn thức mềm, và ăn thức ôn, mà cho ăn ít, thời ít bệnh, ăn thức lạnh, ăn thức dẫn lâu tiêu, hay là ăn nhiều đều sinh bệnh.

Cổ-nhân có 10 phép nuôi trẻ em :

Tìm sách

1) để cho lưng được ấm,

2) để cho rốn được ấm,

3) để cho chân được ấm,

4) để cho đầu được mát,

5) để cho ngực được mát,

6) đừng để trông thấy vật gì quái lạ,

7) cần để tỳ vị được ôn hòa,

8) mới khóc không được cho bú ngay,

9) đừng cho uống Khinh-phấn và Châu-sa,

10) đừng tắm rửa luôn.

15.– SƠ SANH KHÔNG KHÓC ĐƯỢC

Mới sanh mà không khóc được phần nhiều là người mẹ khó đẻ, thời phải quỳn ẵm ngay mà không cắt rốn vội, hơ cao ở trên chỗ có than nóng để hơi lửa vào rốn của đứa trẻ, lại lấy nước rửa ở chỗ rốn sắp cắt, thời một lát dương khí hồi mà khóc được, mới được tắm và cắt rốn.

16.– NGỌC HÀNH CO LÊN

Chứng này là sơ sanh gặp khí lạnh, nên dùng vị Lưu-hoàng, vị Ngô-thủ đều 5 chỉ, tán bột điều với nước hạnh gói lại dịt lên trên rốn.

Lại lấy vị Sà-sàng-tử đốt lấy khói và xông.

Tìm sách

17.— MỌC MỤN NHỮNG NƯỚC (ngư-bào)

Trẻ em mới sanh mà trong mình mọc mụn có những nước trong vỡ ra, là vì lúc thụ thai người mẹ gặp hàn thấp, nên dùng vị Mật-xà-tăng tán bột chấm vào những mụn ấy, mà uống bài *Tô-Hợp-Hương-Hoàn* (quyển Nhật).

Nếu khắp người vàng, nề, nhắm mắt, rên rỉ, bụng dầy chướng lên, là bởi người mẹ lúc có thai uống nhiều thuốc công phạt.

18.— SƠ SANH KHÔNG CÓ DA

Sơ sinh khắp người không có da mà chỉ có thịt đỏ, là khí của tạng tỳ không đầy đủ, thì dùng ngay gạo tán ra lấy bột mà xoa cho đến lúc có da, mà trong nên uống *thuốc bổ tỳ*.

19.— CHỨNG HUYỀN-UNG (nhọt lủng-lẳng)

Sơ sinh mà chết ngay, có đứa vì chứng này. Vậy xem ngay trong miệng nếu ở lợi trên có cái bọc thời khêu vỡ cho chảy máu, mà lấy bông chùi sạch đi là khỏi, đừng để máu ấy vào cổ họng cũng chết.

Cũng có đứa trên lợi mọc nanh rồi kêu khỏe bỏ vú, thời xem trên lợi nếu có cái nanh cứng là cắt đi, thì bú ngay được.

20.— CHỖ ĐI CẦU KHÔNG CÓ LỖ

Sơ sanh mà chỗ đi cầu không có lỗ, là bởi tạng

Tìm sách

phế nóng, thời dùng ngay kim bạc chọc thủng ra, nhưng đừng đâm vào sâu quá.

Đâm xong, lấy mật thông khoan, mà cho uống bài *Tứ-nhuận thanh-lương* là những vị quy, thược, đại-hoàng, cam-thảo, bốn thứ bằng nhau sắc cho uống, thời chỗ ấy không liền lại nữa.

21.— SƠ SANH KHÔNG ĐI ĐÁI

Chứng này là bởi người mẹ lúc có thai uống nhiều rượu và ăn thức nóng, cho nên đứa trẻ sơ sanh dưới bụng chướng lên.

Nếu thấy xung quanh rốn xanh hay đen và chúm miệng là chết.

Có đứa đi đái và đi cầu đều không được thông, bụng chướng lên chực chết, thời người mẹ nên ngậm chút nước ấm hút vào ngực và dưới rốn cùng lòng bàn tay bàn chân đứa trẻ cho đỏ lên thời một lát là đi đái được.

22.— SƠ SANH GẦY QUÁ

Sơ sanh mà gầy quá mặt vàng, con ngươi trắng, lúc mừng lúc khóc, người mát, thịt nhão, đi cầu trắng là bởi tạng phế.

Chứng này vì đàn bà sanh nhiều hay vì cha mẹ đã có tuổi mới sanh, cho nên đứa trẻ nét mặt không sáng sủa, người không có huyết sắc, dù khéo điều-trị mười đứa chỉ sống một hai đứa, nên cho uống hai bài thuốc sau đây:

Tìm sách

1) Tràng-sinh hoàn :

Binh-lang, Chỉ-thục đều 1 lạng, Bán-hạ tẩm nước gừng sao vàng xẫm, Mộc-hương đều 5 chỉ ; Sa-nhân sao 2 chỉ, Nhục-đậu-khấu nướng chín bỏ vỏ 2 chỉ, con gián 10 con bỏ đầu, ruột, chân, cánh rồi sao, Đinh-hương 2 chỉ.

Các vị tán bột hoàn với cơm to bằng hột gạo, mỗi lần uống mấy viên với nước sữa.

Bài trên nhẹ được trên dưới, bổ tạng tỳ, tiêu đàm, ngừng đi cầu lỏng.

2) Điều-nguyên tán :

Nhân-sâm, Bạch-truật sao, Hoài-sơn, Phục-linh, Trích-thảo, Khởi-tử, Quất-hồng-bì sao, các vị đều 2 chỉ, gạo lâu năm 3 chén sao.

Các vị tán bột uống với nước Long-nhãn.

23.— SƠ SANH BÉO QUÁ

Sơ sanh mà người béo, huyết đỏ, mặt đỏ, con ngươi đen, thường thấy có đàm, nhưng ở ngực và lòng bàn tay bàn chân nóng, đi cầu khó, nước dãi nhiều, mắt trắng, con ngươi đỏ, là bởi người mẹ lúc có thai ăn nhiều thức ngọt thức béo mà thấp nhiệt nhiều quá, nên cho uống bài *Đại-kiều-Liên-ẩm* gia giảm mà ngoài dùng phép tắm cho nhẹ đi.

Đại-kiều-liên-ẩm.

Liên-kiều, Ngưu-bàng-tử sao, Mộc-thông sao, Cỏ-mạch-tuệ, Sa-tiền-tử sao, Phòng-phong, Hoạt-thạch (nung cho

Tìm sách

chín đi), Sơn-chi (sao đen), Hoàng-cầm (tẩm rượu sao), Hoa-kinh-giới, Đương-quy, Sài-hồ, Xích-thược, Thuyền-thoái.

Các vị tùy nhiều ít, thêm 10 cái lá tre, 10 sợi bấc thắp dầu lạc. Sắc uống.

Phép tắm :

Thiên-ma 2 chỉ, con gián bỏ đầu, ruột, chân, cánh và châu-sa đều 5 phân, thanh-đại và thịt rắn, thần-lần (tẩm rượu sao) đều 3 phân, phèn 1 phân, xạ 1 lai.

Các vị tán bột lấy nước lã cho vào 2 chỉ thuốc bột ấy với 1 chút cành đào đun sôi kỹ đợi ấm cho tắm.

24.— SƠ SANH TẠNG HÀN

Sơ sanh mà sôi bụng, đau bụng, đi cầu phân xanh, người hay rét thường nắm bàn tay lại, đó là tạng hàn. Nếu không chữa thời thành những chứng cấm-khẩu, mạn-kinh.

— Nếu tạng hàn mà đau về khí không ngừng, thời mài chút mộc-hương hòa thêm nhũ-hương, một-dược cho uống.

— Nếu sanh ra mà thấy mặt xanh, tay chân lạnh, đi đái luôn cùng cả các chứng đã kể trên, thời phải uống thuốc ôn nhiệt mà dùng chén to để người mẹ cũng uống. Chứng trên là bởi người mẹ lúc có thai gặp hàn tà hay là ăn nhiều thứ lạnh ; nên chọn dùng những bài thuốc sau đây :

Tìm sách

1) Bạch-thược thang.

Bạch thược 1 chỉ, trạch-tả 8 phân đều sao ; quế mỏng (bạc quế) 3 phân, thang gừng sống. Sắc uống.

— Nếu vì uống lầm thuốc phát hãn hay thuốc hạ mà thành những chứng kể ở trên thời thêm nhân-sâm, mộc-hương.

— Nếu có kinh giật thêm vị Câu-đằng.

Bài trên để chữa chứng trẻ em vì hàn mà đau bụng.

2) Trợ-vị-cao.

Nhục-đậu khấu (nắm vào bột nướng chín rồi gói vào vải), (đập cho bỏ bớt dầu đi), nhân-sâm, mộc-hương, các vị đều 5 chỉ ; đinh-hương 2 chỉ, lá hoắc-hương, phục-linh, bạch-truật sao, sa-sâm sao, quế, các vị đều 1 lạng, trích-thảo 5 chỉ, trần-bì sao 1 lạng, trầm-hương 2 chỉ, hoài-sơn sao 2 lạng.

Các vị đều tán bột hoàn với mật to bằng củ súng, mỗi lần uống 1 viên với nước gạo rang sắc lên.

Bài trên để chữa chứng khí của dạ-dầy hư yếu ; Bụng và cạnh-sườn vì yếu mà đầy chướng, cắn vú, đi cầu xanh.

3) Mộc-hương quân-khí tán.

Mộc-hương, quan-quế, trần-bi sao, binh-lang sao, cam-thảo trích, bạch-khương (?) ; các vị bằng nhau.

Nếu ọe thêm mộc-qua, đinh-hương, mặt xanh chân tay

TimSách

lạnh bỏ binh-lang thêm xuyên-khung, đương-quy, tùy đứa trẻ lớn hay bé mà dùng thuốc nhiều hay ít mà sắc cho uống.

Bài trên để chữa chứng hơi thở lạnh, đi tả hay lỵ xanh hay đen, trong bụng đau lắm mà không nói ra được.

Chú-giải.

Vị bạch-khương không được rõ, có lẽ thay bằng vị Can-khương sao.

25.— SƠ SANH TẠNG NHIỆT

Triệu chứng.

Trẻ sơ sanh mà mặt đỏ nhắm mắt, ngực và lòng bàn chân bàn tay đều nóng, miệng nóng như hơi nước nóng, bú vội vàng, đi cầu vàng hay đỏ, mắt đỏ, người gầy hay nhiều đờm vận lên, lúc kêu lúc khóc, nóng nhiều mà người đều vàng, đầy suyễn, mắt nhiều rỉ và nước mắt, hay ngáp, đi đái đi cầu không được nhiều, hay là đi cầu ra máu loãng, hơn nữa, tay nắm chặt, chân co lên, mắt trông ngang, người co giật, nếu không chữa ngay, bệnh nặng thời biến chứng kinh phong, bệnh nhẹ thời tưa mồm hay hai tầng lưỡi đỏ tía hay đơn đỏ.

Căn bệnh:

Chứng này bởi người mẹ lúc có thai ăn nhiều thức nóng, uống nhiều thuốc nóng hoặc vì người mẹ nghiện rượu hoặc vì tình dục quá nhiều, cho nên người con sinh ra đã mắc bệnh như trên.

Tìm sách

PHÉP CHỮA :

1) Chư-linh thang.

Chư-linh, Nhân-trần, Xích-phục-linh, Sơn-chi (sao đen), Thiên-hoa-phấn, Cam-thảo, Trạch-tả, Sinh-địa. Các vị lấy nước sắc rồi mẹ con cùng uống.

2) Cam-thảo thang.

Cam-thảo 1 chỉ, đậu đen đồ chín 2 chỉ, lá tre 10 cái, 7 sợi bấc. Các vị trên sắc uống để chữa những chứng như trên.

3) Châu-sa tán.

Châu-sa, Thiên-trúc-hoàng (phấn trong cây nứa), Ngưu-hoàng, phấn của sắt đều 1 phân, Xạ-hương 1 lai. Tán bột uống với nước trúc-lịch.

Bài này để chữa chứng như trên mà có đàm.

26.— SƠ SANH NGƯỜI VÀNG

Triệu chứng và căn bệnh.

Sơ sanh mà người vàng ra, phát sốt, khó đi cầu, đái như nước sơn-chi, không bú không ăn, kêu khóc không ngừng.

— Cũng có đứa mặt, mắt, thân thể đều vàng, đau mình ngay lưng, đi đái và đi cầu khó, móng tay cũng vàng, đi đái như nước giọt tranh lợp lá, đó là chứng hoàng-đảm, nếu thêm khát thời khó chữa.

(Chứng vừa kể ở trên phần nhiều là ốm rồi mà phát bệnh như vậy).

TimSách

— Cũng có đứa mới sanh 3, 4 tháng hay nửa năm mà người thấy hơi vàng, đó là chứng dạ dầy nóng. (Chứng trên là bởi lúc thụ thai bị nhiệt độc của người mẹ).

— Cũng có đứa mặt vàng mà bụng to hay ăn đất mà khát, đó là cam về tạng tỳ.

— Cũng có đứa đẻ ra mà vàng ngay.

Tóm lại, mọi chứng hoàng-đảm đều vàng xẫm mà có sốt. Nếu vàng nhờ mà thêm trắng thời là dạ dầy không được điều hòa.

PHƯƠNG THUỐC :

1) Sinh-địa-hoàng thang.

Sinh-địa, Xích-thược, Thiên-hoa, Xuyên-khung, Quy-thân, Chủ-linh, Trạch-tả, Xích-linh, Cam-thảo, Nhân-trần.

Các vị trên đều bằng nhau sắc lấy nước uống.

2) Tê-giác-tán.

Tê-giác, Qua-lâu-căn, Long-đảm, Sinh-địa, Nhân-trần, Thăng-ma, Cam-thảo, Hàn-thủy-thạch (nung cho chín).

Các vị trên sắc cho uống, để chữa chứng trẻ em hoàng-đảm khắp người.

— Cũng có đứa mới sanh, trong người chỗ trắng chỗ đỏ rồi sau vàng cả ra, tiểu-tiện cũng vàng, đại-tiện khó, gọi là *huyết-đảm*, nên uống bài *Tứ-vật* thêm thiên-hoa, lại sắc nước hoàng-bá mà tắm.

Tìm sách

Phụ thêm chứng: Sơ sanh mình đỏ như son

Sơ sinh mà mình đỏ như son, là vì người mẹ có thai mà ăn nhiều thức nóng, nên dùng bài *Uất-kim-tán* kê sau : Uất-kim, Cát-cánh, Cam-thảo, Thiên-hoa, Cát-căn.

Các vị bằng nhau tán bột, uống với nước bạc-hà và thêm chút mật, mỗi lần 5 phân. Lại dùng lá chàm nghiền ra vắt lấy nước thêm chút phác-tiêu mà xoa.

27.— SƠ SANH NHẮM MẮT

(*Phụ thêm mắt đỏ và mắt có tia máu*)

Sơ sinh mà nhắm mắt là đứa trẻ ngũ tạng đều nóng, cho nên sợ ánh sáng, lại thêm tinh hoa của mắt không đủ.

Sơ sinh mà mắt đỏ là vì mắt gặp bẩn mà có trùng, lớn lên cũng không khỏi.

Sơ sinh mà mắt có tia máu, có khi che lấp mà không thấy con ngươi, là vì lúc sanh nước bào-thai và huyết thấm vào.

Chữa chứng mắt đỏ thời kiêng ăn thức độc, trong uống thuốc thanh giải mà rửa bằng nước sát trùng.

Chữa chứng mắt có tia máu, không nên dùng thuốc lạnh quá, mà chỉ cho khí huyết vận hành.

CÁC PHƯƠNG THUỐC.

1) Nhân-trần thang.

Lá nhân-trần, Qua-lâu-căn, Cam-thảo, Trạch-tả, Chủ-linh, Sinh-địa.

Tìm sách

Các vị trên sắc nước cho người mẹ uống một hai chén, đến chén thứ ba mẹ con cùng uống để chữa chứng nhắm mắt.

2) Chân-kim-tán.

Hoàng-liên, Hoàng-bá, Đương-quy, Xích-thược, Hạnh-nhân.

Các vị đều ngâm nước sữa một đêm xong phơi khô tán bột thật mượt, hòa với nước sinh-địa để lấy nước rỏ luôn vào mắt, lại dùng hoa kinh-giới sắc nước mà rửa.

Bài trên để chữa chứng sơ sanh mà mắt đỏ.

3) Sinh-địa-hoàng thang.

Sinh-địa, Xuyên-khung, Qua-lâu-căn, Xích-thược, Đương-quy, Cam-thảo.

Các vị đều 1 chỉ, tán thật mượt uống với nước bấc đèn thắp dầu lạc.

Bài trên để chữa chứng sơ sinh nhắm mắt hay mắt có tia máu.

4) Tỵ-trần cao.

Lấy muội đèn dầu ta, mực viết chữ Hán mài với nước lã rồi cho vào nửa chỉ huyền-minh-phấn, hòa đều rỏ 1 chút vào trong mắt ngày 4, 5 lần, kiêng thức nóng và rượu.

Bài trên chữa chứng bụi vào mắt, sưng nóng đau khóc.

Tìm sách

28.— ĐẢO LỘN CON NGƯƠI (đấu tinh)

Chứng này vì đầu, mặt hay trán chạm mạnh vào cái gì, hay là bị ngã mà tạng can gặp kinh sợ, rồi 2 con ngươi đảo lộn.

Cũng có đứa vì kinh thái-dương gặp lạnh, gân lạnh thì co vào, cho nên 2 mí mắt gân vội mà máy luôn.

PHƯƠNG THUỐC

Ngưu-hoàng cao.

Ngưu-hoàng 5 ly, Hoắc hương, Bạch-phụ-tử sao, Bạch chỉ, Nhục-quế (bỏ vỏ), Thần-sa (nghiền ra hòa với nước rồi chắt lấy nước trong) con dấn (bỏ đầu, ruột, chân, cánh, rồi sao vàng).

Các vị đều 1 phân với 1 chút xạ, cùng tán bột hoàn với mật to bằng củ súng, mà uống với nước bạc-hà sau bữa ăn.

Bài này để chữa những chứng vì kinh sợ mà máy mắt.

29.— CHỖ ĐI CẦU VÍT LẠI

Có đứa sanh rồi hai ba hôm không đi cầu được, thời người mẹ phải xúc miệng bằng nước nóng rồi hút ở dưới ngực và dưới rốn, dưới lòng bàn tay bàn chân của đứa trẻ cho đỏ lên, nếu vẫn không đi cầu thời là chỗ đi cầu liền lại phải lấy kim bằng vàng lau sạch dùi vào chỗ ấy độ 2 tấc (hai tấc thôi cỡ chỉ vào 2 phân tây bây giờ) rồi đem thuốc hoàn *Tô-hợp-hương* luồn vào lỗ dùi ấy và dùng mật điều với một vài phân Kinh-phấn hòa với nước nóng cho uống thời phân sẽ ra.

TìmSách

Nếu chậm đến 7 ngày mà bụng rốn chướng lên, không bú được mà rên rỉ là chết.

30.— KHÓC KHÔNG RA TIẾNG

Chứng này bởi nguyên khí lúc thụ thai không đầy đủ, dù uống thuốc cũng vô ích.

Nếu vì phong nhiệt mà ngọng không bởi lúc thụ thai, thời cũng phải chữa ngay mà để ý vào tạng phế, tạng thận.

31.— CẤN VÚ

Chứng này bởi ở ngực, ở chỗ cách-mô, có đờm tụ lại.

— Cũng có đứa vì no quá hay lạnh quá.

— Cũng có đứa vì thức ăn tích lại.

Những chứng này lâu ngày thời tinh thần mỏi mệt sẽ thành ra kinh-giản, phải phân hàn nhiệt hư thực mà chữa.

Phụ thêm : Chứng nuốt phải huyết hôi

Chứng này 4 chân tay run, lạnh, khóc không thành tiếng, lưỡi trắng, nghiến răng, mặt xanh, tay chân co quắp mà oẹ luôn.

Căn bệnh.

Bởi người mẹ lúc sanh khó nhọc mà đứa trẻ nuốt

Tìm sách

phải huyết hôi, nên dùng vị **Đạm-đậu-kỹ** và hành củ, sắc nước nhỏ cho uống để giải đi.

Nếu để lâu thời không bú được là chết.

32.— CHỨNG QUỈ-THAI

Chứng này vì thai yếu quá mà gầy, bé, phần nhiều không nuôi được.

Cũng có đứa hình thể không đầy đủ nhưng gân cốt khoẻ mạnh mà khéo nuôi cũng có thể sống.

Căn bệnh.

Bởi cha mẹ tinh khí suy yếu, hoặc vì chưa đủ tháng đã sanh.

Tuy gọi là quỉ-thai nhưng không phải là thai của ma quỉ.

33.— CHỨNG BẠCH-HỔ

Chứng này người hơi nóng sốt mà có lúc lại lạnh, cong ngón tay như người chực đếm mà chân tay không duỗi thẳng được.

Nên cho uống bài **Tập hương-tán** sau đây:

Châu-giang-hương, Đàn-hương, Phục-thần, Trầm-hương, Nhân-sâm, Cam-thảo, Nhũ-hương, An-tức-hương, Tảo-nhân (sao đen).

Các vị sắc lấy nước cho vào một lai Xạ-hương mà

Tìm Sách

cho uống. Còn bã thuốc phơi khô đốt ở trong phòng của đứa trẻ.

Sở dĩ gọi là chứng *Bạch-hổ* là vì đứa trẻ phạm giờ sinh vào sao bạch-hổ.

34.— BỆNH CHÚ

Chứng này đờm trào lên, cổ nghẹo đi, má xanh như chàm, miệng nhiều nước bọt, nói mê, giống như chứng trúng-phong hay kinh-phong.

Căn bệnh

Bởi lúc thụ thai hay là sanh rồi bú và ăn thiếu tiết độ mà thành ra.

Nếu thấy mặt sạm lại, trán xanh, co giật nửa người, mắt và môi nề ra đầu sưng đỏ là không chữa được. (Không nói thuốc chữa).

35.— TRÚNG PHẢI ÁC KHÍ (khí độc)

Chứng này, chân tay thốt nhiên giá lạnh, mặt xanh, nói mê, sợ nhiều như thấy ma, cấm khẩu, nghiến răng, bụng trên bụng dưới đau sói lên mà phiền buồn muốn chết.

Về mạch nếu « khẩn tế và vi » là chữa được, « khẩn đại mà phù » là chết.

Chứng này là mất tinh-thần mà tà khí lấn vào, khiến cho âm khí kiệt ở trong, dương khí cách ra ngoài, nếu

Tìm sách

khí không trở lại thời chết ngay, nên cho uống bài **Chi-bảo-đan** sau đây:

An-tức-hương 1 lạng rưỡi, tán bột hòa với rượu rồi chắt nước đi, còn chừng 1 lạng đun nhẹ lửa cho thành cao rồi cho vào những vị:

Hồ-phách (nghiền bột), Đồi-mồi, Châu-sa, Hùng-hoàng (tán bột hòa với nước rồi chắt nước đi), đều 1 lạng.

Ngân-bạc 50 tờ, Xạ-hương một lai, Long-não 2 chỉ, Tê-giác đen (tán bột 1 lạng), Ngưu-hoàng 5 chỉ, Kim-bạc 50 tờ (1 nửa tán để làm áo, 1 nửa cho vào thuốc).

Trước hết lấy sừng tê-giác và đồi-mồi tán bột, rồi hòa với những vị thuốc kia, lại điều với cao của An-tức-hương đã kể ở trên, và thêm ít mật ong cùng đun cho tan ra, viên lại to bằng củ súng lấy kim-bạc làm áo, uống với nước sâm.

Bài trên để chữa chứng gặp phải khí độc hay chứng đẹn, mọi chứng kinh-giản và chứng cấp-kinh.

36.– VÌ THẤT VỌNG MÀ THÀNH BỆNH

Trẻ em vì tức giận hay là vì đồ vật đương chơi mà có người lấy mất thì tinh-thần tản đi, không bú, không nói, tinh thần mụ mà chân tay thượt ra, không ai biết vì lẽ gì.

Vậy vừa cho uống thuốc vừa cho thỏa ý muốn thời tinh thần tự yên.

TimSách

Bài Trầm-hương thuận khí tán :

Trầm-hương, Phục-thần, Tô-diệp, Nhân-sâm, Trích-thảo. Các vị bằng nhau, tán thật mượt, uống bằng nước cành *Tử-tô.*

37.— CHỨNG KHÓC ĐÊM (dạ đề)

Phân biệt chứng bệnh.

1) Trẻ em khóc đêm mà mặt xanh, chân tay lạnh, không bú như thế là chứng lạnh, vì đêm là âm phận thời tạng tỳ lại lạnh hơn, đã lạnh thời trong bụng không yên mà khóc, nên uống bài « *Câu-đằng-ẩm* », hàn lắm uống bài « *Lý-trung-hoàn* » (đều ở quyển Nhật).

2) Có sách nói vì tạng tâm nóng thì hư hỏa bốc lên vì thế không yên mà khóc nhiều (chứng này rất ít).

3) Có đứa vì dương khí kém, về đêm thời khí âm thịnh va chạm với khí dương, cho nên không yên mà khóc. Chứng này môi đỏ, mặt đỏ, đi đái đỏ, chân tay lay động sốt nhiều, hay thè lưỡi, buồn táo, đầu ngoẹo đi, ngực cao lên.

4) Có đứa vì kinh sợ thời khóc lên mà chết lặng đi.

— Nếu mặt tía, tay chân lạnh, lúc khóc lúc tỉnh, người ôn hòa, hay là mát, đi cầu xanh biếc, đó là *âm chứng.*

— Nếu phát sốt lúc ngủ sợ mà khóc, đi đái đi cầu đều vàng là *dương chứng.*

— Nếu phát sốt mà đi cầu xanh hay trắng, người mát, đi đái đỏ hay vàng là chứng *bán âm, bán dương.*

TimSách

Ngoài ra :

— Có đứa lúc khóc có nhiều dãi bọt, lưng cong lại, mặt xanh, đi cầu xanh, là hàn mà có đàm.

— Có đứa lúc khóc co giật ôm chặt lấy người bế, trông gì cũng sợ là phải vía người lạ hay trông phải vật quái lạ.

— Có đứa trông thấy vật gì là kinh sợ kêu lên như có ma làm. Hiện chứng hồ-khẩu không có vẩn, nét mặt thay đổi bất thường, như thế là người yếu mà ở trong hàn. Hai chữ « đề-khốc » nghĩa là kêu khóc, kêu mà không khóc là thân thể có chỗ đau, khóc mà không kêu là kinh sợ, thời không dứt tiếng mà nhiều nước mắt. Có đờm nhiệt thời phần nhiều khóc từ nửa đêm về trước. Nằm ngửa có mồ hôi mà kêu lên, mặt đỏ, đi đái đỏ và ít, miệng và bụng lưng đều nóng, « từ nửa đêm đến sáng cong lưng hay kêu là hư hàn.

Phương thuốc.

— Nếu cong lưng kêu khóc mà không có nước mắt là đau bụng, nên uống bài *Mộc-hương quân-khí tán* hay bài *Ôn-vị-ẩm* thêm mộc-hương, nếu hàn lắm mà thêm trệ và đau, thời uống bài *Thập-nhị-vị di-công tán.*

— Nếu bú hay ăn nhiều mà đau khóc, nên uống bài *Bảo-hòa thang* hay bài Hoà-vị-ẩm, hơn nữa uống bài *Tiêu-thực hoàn* (đều ở quyển Nhật).

— Nếu khí âm thịnh, khí dương suy, đến đêm không yên mà kêu khóc, nên uống bài *Tứ-quân-tử thang* hay bài *Ngũ-vị dị-công-tán*, bài *Thất-phúc-ẩm*, bài *Bi-chi an thần hoàn* (đều ở quyển Nhật).

Tìm sách

— Nếu mặt xanh, tay lạnh, khí dương kém mà hàn, kinh sợ mà kêu khóc, nên uống bài *Ngũ-quân-tử tiên*, bài *Lục-vị dị-công-tiên*, hơn nữa uống bài *Thất-phúc-ẩm* thêm can-khương, nhục-quế, có đi cầu lỏng mà tạng tỳ yếu nên uống bài *Lục-thần tán*, hơn nữa bài *Dưỡng-trung-tiên*, bài *Vị-quan-tiên*, có cả thổ tả kém ăn mà tỳ-vị hàn, nên uống bài *Ngũ-quân tử tiên*, bài *Ôn-vị-ẩm*, hay là bài *Lục-vị dị-công tiên* thêm Mộc-hương.

— Nếu mặt trắng, lòng đen ít mà khóc đêm, là tạng can tạng thận đều kém, nên uống bài *Lục-vị hoàn* hay bài *Bát-vị hoàn* hoặc bài *Lý âm tiên* (Quyển Huyền-lẫn hay quyển Nhật).

— Nếu trông thấy đèn lửa mà kêu khóc, là tạng tâm nóng cho nên nằm ngửa mà kêu. Hiện chứng mặt đỏ, tay và bụng đều ấm, hơi thở ra thấy nóng, hỏa nhẹ thời uống bài *Sinh-mạch tán*. Hỏa mạnh thì uống bài *Châu-sa an-thần hoàn* hay bài *Nhân-sâm hoàng-liên tán*. Nếu vì gan, mật nóng nên uống bài *Sài-hồ thanh-can tán* (đều ở quyển Nhật).

— Nếu vì thổ hay tả mà thận thủy yếu không nuôi được can mộc, hay là người mẹ tức giận động đến tạng can mà cho con bú, đều uống bài *Lục-quân-tử* bổ tạng tỳ để sinh tạng phế, hay là bài *Địa-hoàng hoàn* giúp thận thủy để sinh ra can mộc.

— Nếu sợ kinh trong 1 tháng mà khóc đêm kinh sợ co giật, nên uống bài *Chư-nhũ cao* dưới đây, hay bài *Bảo mệnh-đan*, bài *Kim bạc trấn an hoàn*, (ở mục chữa 5 chứng giản).

— Nếu vì thức ăn không tiêu, bụng đầy, tạng tỳ yếu,

Tìm Sách

nên uống bài *Ngũ-vị di-công tán*, hay bài *Ngũ-quân-tiên* thêm Mộc-hương (đều ở quyển Nhật).

— Nếu vì ngoại cảm mà khóc về đêm, chỉ dùng 2 cái hoa đèn (thắp dầu lạc thời trước), tán bột rồi sắc nước bấc đèn (thắp dầu thời trước) hòa với nhau, bôi vào miệng đứa trẻ rồi cho bú để tiêu xuống.

— Nếu vì chân khí hư yếu, nên uống bài *Tứ-quân-tử* thêm Hoài-sơn, Biển-đậu đều sao vàng. Chân khí kém mà thêm tạng tâm nóng thêm Hoàng-liên, Lá tre.

— Nếu vì huyết hư thời tán bột vị đương-quy sắc với nước cho uống.

— Nếu vì khí huyết đều kém, đau bụng khóc đêm, thời dùng những vị Hoàng-kỳ, Đương-quy, Xích-thược, Mộc-hương, Cam-thảo đều bằng nhau, tán bột bôi vào đầu vú mà cho bú.

— Nếu muốn bú nhưng ngậm vú là khóc, người và trán đều nóng, thì ta xem trong miệng nếu không mọc cái gì, thời là lưỡi hay cuống họng sưng đau, nên uống bài « *truật-mai-hoàn* » bằng nước bạc-hà.

— Nếu vì kinh-phong mà cứ khóc về đêm, nên uống bài « *Nhị-hoạt-tán* » sau đây :

Khương-hoạt, Độc-hoạt, đều 2 phân. Binh-lang, Ma-hoàng, Thiên-ma, Cam-thảo đều 1 phân, tán hay sắc nước cho uống cũng được.

Tìm sách

Mấy phương dưới đây để tùy chứng lựa chọn :

1) Chư-nhũ cao

Hồ-phách, Phòng-phong đều 1 chỉ, Châu-sa 5 phân. Tán bột hòa 1 chút với sữa lợn, nếu không thì dùng sữa bò rồi bôi vào miệng đứa trẻ.

2) Vạn-kim-tán.

Đương-quy, Bạch-truật sao, Ngũ-vị, Trầm-hương, Nhân-sâm, Nhục-quế, Đinh-hương, Nhũ-hương, Xích-thược. Sắc nước uống sau bữa bú.

Có sách thêm Hồi-hương, Cam-thảo.

Bài trên dùng để chữa chứng tạng hàn mà khóc đêm.

3) Bài dưới đây *để chữa chứng tạng tàm nóng mà khóc đêm.*

Mạch-môn, Sinh-địa đều 1 chỉ, Sa-tiền sao 6 phân, Viễn-chí chế sao và Phục-thần đều 7 phân ; Câu-đằng, Mộc-thông đều 3 phân ; Cam-thảo 3 phân, thêm bấc đèn sắc cho uống.

4) Thuyền-hoa tán.

Xác ve-sầu bỏ đầu, chân, chỉ lấy nửa dưới, rửa sạch, phơi khô, tán bột hòa với nước bạc-hà cho uống.

Bài trên thông dụng để chữa chứng dạ-đề.

5) Hoa-hỏa-cao.

— 7 cái hoa đèn, 1 chỉ châu-sa. Tán hòa với mật ong bôi vào miệng đứa trẻ.

TimSách

38.— SƠ SANH KINH SỢ

Trẻ em sơ sinh mà người trắng thốt nhiên trước phát sốt rồi má đỏ, hay kinh sợ, nhất là nghe có tiếng động, lại thường nghiến răng co-quắp chân tay, đó là vì tạng tâm yếu. Có khi kêu, khóc chết ngất đi, người tía lại mà lạnh chân tay, hay là chỗ ấn-đường xanh, cằn vú, 10 ngón tay quắp lại, thân thể ngay ra, lác mắt, trào nước dãi, chúm mồm, rốn và bụng cao lên, mặt nề, bụng đầy chướng, trán có gân xanh, chứng trên là rất nguy hiểm.

Nếu xung quanh lòng mày đỏ tươi, vẫn ở hồ-khẩu cong vào trong thời chữa được.

Trái lại, quanh lông mày đen tối hay xanh biếc, vẫn ở hồ-khẩu vòng ra ngoài, đàm dãi, nước bọt nhiều mà thường co-giật thời không chữa được.

Cũng có đứa đầu và mặt mọc mụn lớn như nắm tay, thì phải khêu cho vỡ ra mà đừng bôi thứ thuốc gì sợ hại đến cơ nhục.

Nếu trên bàn chân mọc nhọt, lở thối thời chỉ 5 năm là chết (tạng tỳ tuyệt).

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC.

1) Chí-thánh bảo mệnh đan.

14 con gián bỏ đầu, ruột, chân, cánh rồi sao, Phòng-phong, Bạch-phụ (nướng), Thiên-ma, Xác ve-sầu, Nam-tinh (tẩm nước gừng sao gần đen), Con tằm bủng (rửa bằng rượu rồi sao vàng). Các vị trên đều 5 chỉ.

TimSách

Châu-sa 1 chỉ (nghiền ra hòa với nước rồi chắt nước đi), Sạ-hương 1 lai, 10 lá kim bạc.

Các vị tán bột lấy cơm gạo tẻ hoàn lại to bằng củ súng, mỗi lần uống nửa viên trở lên với nước bạc-hà.

Bài trên để chữa chứng sơ sanh kinh-giật và chứng cấp-kinh hay chứng mạn-kinh.

2) Thanh-kim-hoàn.

Nhân-sâm, Phục-thần, Thiên-ma (nướng chín), Bạch-phụ (nướng chín), Nam-tinh (thái thành phiến bỏ vào cái mật bò hay trâu, đeo chỗ thoáng gió ngoài 3 tháng đem phơi rồi sao thật vàng). Các vị đều 2 chỉ.

Trích-thảo 1 chỉ rưỡi, Thanh-đại 2 chỉ, Châu-sa 5 phân (hòa với nước chắt nước đi), Xạ-hương 1 lai.

Các vị tán bột hòa với mật to bằng hột ngô-đồng, uống từ nửa viên trở lên với nước Câu-đằng.

Bài trên để tiêu đàm dẹp kinh sợ, chữa thai nhiệt.

39.– SƠ SANH MÀ KINH-GIẢN

Chứng này người nóng, mặt xanh, răng nghiến lại, lưng và người ngay ra, chân tay co giật, nhắm mắt hay khóc, không bú, lúc phát bịnh lúc không, cũng với chứng kinh sợ kể trên tương tự, nên tham khảo với nhau.

Thông dụng bài « *Đinh-phong-cao* » sau đây :

49 con gián rút ruột ra còn để nguyên, mỗi con gói vào mấy lá bạc-hà tươi, quấn chặt để trên nồi rang hay miếng

TìmSách

ngói mới, đun cho khô đi rồi tán bột ra, với 1 ít châu-sa và 1 ly xạ, hoàn với mật bằng hột ngô-đồng rồi uống với nước câu-đằng.

40.— SƠ SANH TRÚNG-PHONG

Trẻ sơ sinh mà nôn oẹ co giật, mắt miệng méo xệch đi, thóp chưa kín, mặt xanh, mắt đỏ, cấm khẩu, nghiến răng, lác mắt, rỏ dãi, người ngay ra, gân co lại, rốn, bụng to lên, đàm nhiều sốt nhiều, là vì cảm về phong-tà.

Chữa chứng này không dùng thuốc ôn. Nếu thấy xung quanh lông mày còn đỏ là chữa được. Nếu xanh tối hay đen, người lạnh và uốn ván, mặt xanh mà môi run lên đều không chữa được.

Phép chữa nên tiêu đàm, trừ phong, trấn kinh như sau :

1) Thiên-ma hoàn.

Thiên-ma (nướng chín), Bán-hạ (tẩm nước gừng sao vàng xẫm), Khương-hoạt, Đảm-tinh (phép chế như ở đoạn trên), con tầm bủng (rửa sạch sao), con giản (bỏ đầu, ruột, chân, cánh rồi sao), Phòng-phong.

Các vị bằng nhau, tán bột hoàn với cơm to bằng củ súng, lấy Châu-sa làm áo, uống với nước Câu-đằng.

2) Thái-ất tán.

Nam-tinh (tẩm nước gừng sao gần đen), Bạch-phụ

TìmSách

(nướng chín) Thiên-ma (nướng chín), Phòng-phong, Bạch-linh. Các vị đều 2 chỉ.

Con gián (bỏ đầu, ruột, chân, cánh rồi sao), Châu-sa các vị đều 1 chỉ, Xạ-hương nửa lai.

Mỗi lần uống nửa phân với nước sữa.

41.— SƠ SANH GIÓ VÀO RỐN (tề-phong)

Triệu chứng.

Rốn đã rụng mà dây nước đái hay nước sữa hay là gặp gió lạnh, gió độc, rồi rốn sưng lên mà bụng đầy chướng, khóc không bú được, chúm miệng, cấm khẩu, co giật.

— Nếu xung quanh rốn xanh hay đen mà móng tay cũng xanh hay đen là chết, hay là bú không lọt xuống, chân tay đều lạnh, bọt dãi trào ra, 2 tay nắm lại cũng không chữa được.

Phép chữa.

Nếu rốn rụng mà vẫn ra nước vàng, thời lấy thuốc « *Lục-nhất-tán* » hay bông đốt thành than hay phèn phi mà chấm vào.

Lại xem lợi trên nếu có mọc mụn trắng thời lấy kim bằng bạc khêu ra để nước và máu chảy ra mà lau khô.

Chứng này 10 đứa không sống được 1, 2 đứa. Vậy nên xét trên rốn nếu có tia đỏ ngược lên, thời lấy lá

TimSách

ngải-cứu sao nóng, gói lại buộc vào đầu ngoài chỗ tia máu, còn ở trong uống bài « *Đại-lợi-kinh hoàn* » ngoài ra còn dùng thuốc thổi vào mũi, hay là bài « *Kim-ô tán* » sau đây :

Phép thổi vào mũi.

Một con rết (rửa bằng rượu rồi sao thật vàng xẫm). — Bốn con giản (bỏ đầu, ruột, chân, cánh sao vàng xẫm). — Bảy con tầm bủng (rửa sạch sao vàng xẫm) với 5 phân Cồ-mạch. Cùng tán bột, thổi 1 lai vào trong mũi thấy hắt hơi là chữa được. Lại dùng nước ấy uống với nước bạc-hà.

Kim-ô tán.

Một nửa con rết (sao thật vàng xẫm), 3 cái núm vị ô-đầu, và nửa lai xạ.

Cùng tán bột mỗi lần uống 1 phân với nước Kim-ngân, hay là bài « *Sại-mệnh-đan* » bài « *Nhất-lẫm-kim* » cũng hay (đều ở quyển Nhật).

— Nếu ở ngực nóng mà rốn sưng lên không phải vì gió thời uống bài « *Thiên-kim long đảm thang* » hay bài « *Tiểu-lương-kinh hoàn* » (đều ở quyển Nhật).

Phép rửa rốn sưng.

Lấy hoa kinh-giới sắc nước rửa sạch, rồi lấy củ hành bỏ lên trên lửa cho nóng xong để nguội bóc ra rịt vào chỗ sưng, thời mấy hôm sau nhẹ đi, rồi uống bài « *Thông-tâm-ẩm* » sau đây :

Mộc-thông, Sơn-chi sao, Liên-kiều, Cồ-mạch, Hoàng-kỳ sao, Cam-thảo.

Tìm Sách

Các vị đều 3 phân, với mấy hột mạch-môn, mấy sợi bấc đèn sắc nước cho uống.

Bài trên lợi tiểu tiện phân biệt nước và cặn bã, nhẹ nóng từng cơn, thông khiếu cho tạng tâm.

Bài cấp-cứu thang dưới đây chữa chứng rốn gặp độc :

— Phân của con khỉ ở trên rừng không cứ nhiều hay ít, sắc lấy nước mà rửa (nếu là khỉ nhà nuôi không được bay).

Bài nhị-đậu-tán dưới đây, chữa chứng rốn sưng đột lên :

Xích-tiểu-đậu, Đạm-đận-kỹ, Nam-tinh, (bỏ vỏ và núm), Bạch-liễm. 4 vị đều 1 chỉ, tán bột hòa với nước cốt của bẹ cây chuối non giã ra rồi đắp vào xung quanh rốn, thấy đi đái nhiều là khỏi.

Những vị dưới đây *tán bột mà rắc để chữa chứng trong rốn chảy mau ra hay là sưng đau.*

1) Đương-qui.
2) Vị bạch-thạch-chi.
3) Con cóc nắm vào đất nung thật đỏ rồi lấy than của cóc.
4) Tóc ở giữa đỉnh đầu đốt cháy.

Bốn thứ trên đều dùng để bôi.

Những thứ sau đây, cũng dùng để bôi vào rốn :

1) Long-cốt (nướng thật đỏ) 1 chỉ.

Tìm sách

2) Khinh-phấn 5 phân.

3) Hoàng-liên 1 chỉ.

4) Phèn-phi 5 phân.

4 thứ cùng tán bột mà rắc vào, hay là lấy miếng nhung mầu đỏ đốt cháy rồi tán bột mà bôi.

42.— SƠ SANH CHÚM MIỆNG

Sơ sanh mà mặt, mắt vàng, chúm miệng, không bú, thở gấp, nhắm mắt, cấm khẩu, tiếng kêu như ngan, hay là không khóc được, lưỡi cứng, môi xanh, trên lưỡi rợm như hạt gạo, hơn nữa, mặt xanh, bụng đầy mà gân xanh nổi lên, chứng này trong trăm ngày đã phát bệnh phần nhiều không chữa được, có khi bảy ngày đã chết.

Chứng này cũng vì phong tà vào rốn, rồi tạng tâm, tạng tỳ thụ thương, cùng với chứng rốn gặp gió độc, căn bệnh và triệu chứng như nhau.

Ông Cảnh-Nhạc nói : « Chứng rốn gặp gió độc và chứng chúm miệng lại là một », trẻ em gặp chứng này mười đứa chết chín, là vì gió độc vào rốn thời vào tạng tỳ mà truyền sang tạng tâm, cho nên không há được miệng mà co giật.

Tôi xét vì người mẹ lúc có thai mà cảm phong tà rồi truyền sang con là chứng sơ sinh trúng phong, có kinh giật là chứng sơ sinh mà kinh sợ. Hai chứng ấy đều bởi ở trong. Còn sau khi cắt rốn bị thủy thấp hay phong tà cảm vao mà thành chứng nầy là ở ngoai đem

Tìm sách

lại. Vì thế phép chữa có đàm nên tiêu đàm, có hỏa nên dẹp hỏa đi, nếu không hỏa không đàm nên bổ cho tỳ-vị. Có sách nói : « Cắt rốn không để hơi dài thì hay phải chứng này ».

Chứng này ở lợi thường mọc mụn như hạt thóc, vậy nên lấy bông quấn vào ngón tay chấm vào nước ấm gạt trên lợi cho vỡ những mụn ấy ra, thì sẽ mở miệng mà không phải dùng thuốc (sơ sanh trong 7 ngày mà gặp chứng này, không dứa nào khỏi).

Chứng này phần nhiều bởi thắt rốn không được chặt mà gió lọt vào, hay là bởi đồ cắt rốn không được sạch, hoặc hơi lạnh của đồ cắt rốn ấy truyền vào tạng tỳ. Ngoài phép gạt mụn ở trên lợi, thời lấy lá ngải khô quấn lại, rồi châm hương thổi lên trên miếng ngải-cứu ấy cho nóng chỗ rốn thời cũng có dứa khỏi.

Trẻ em trong 100 ngày mà rốn bị gió độc, thời cũng nên tả hỏa ở kinh túc-dương-minh.

Những phương thuốc.

1) Lấy vị Thiên-nam-tinh tán bột thêm chút long-não hòa với nước gừng, rồi lấy bông tẩm sát vào chân răng là miệng mở ra.

2) Lấy vị Ngưu-hoàng hòa với nước Trúc-lịch cho uống 1, 2 phân, và lấy sữa lợn nhỏ vào trong miệng.

4) Lấy 2 con tằm bủng sao vàng xẩm tán bột hòa với mật ong bôi vào trong môi, hay là bài « *Đại-lợi kinh hoàn* » (ở quyển Nhật) hay là bài *Yết-sao-tán* sau đây :

Tìm sách

49 con gián bỏ đầu, chân, ruột, cánh, rồi con nào cũng gói vào lá bạc-hà nướng khô đi. 49 con tằm bủng rửa rượu sao vàng với Long-não, Sạ-hương đều 1 lai, tán bột, xong lấy 2 miếng gan gà sắc nước hòa một chút thuốc bột cho uống.

Nếu khí không được hòa mà thở vội, nên uống bài *Bảo-mệnh-đan* hay bài *Ích-hoạt tán* (đều ở quyển Nhật).

Bài Thần-sa Cương-tàm tán sau đây để chữa chứng chúm miệng và chứng rốn bị gió độc.

Châu-sa (nghiền ra hòa với nước rồi chắt nước đi) 5 phân ; con tằm bủng (rửa bằng rượu rồi sao vàng) 1 chỉ ; phấn trong cây nứa 5 phân ; Châu-sa 3 lai , Sạ 1 lai . Cùng tán bột hòa với một chút mật ong bôi vào trong miệng.

Bài Long-đảm thang sau đây, cũng chữa chứng như bài trên :

Long-đản, Sài-hồ, Cam-thảo, Cát-cánh, Câu-đằng, Hoàng-cầm sao, Xích-thược, Phục-linh, 8 vị đều 5 phân. Đại-hoàng (quấn vào giấy dấp nước nướng chín) 1 phân, và 1 quả táo. Sắc cho uống.

Theo phương thuốc đời xưa, thời bài này có 2 con bọ ngựa bỏ chân sao vàng mà không có vị Cát-cánh.

Một phương thuốc nữa.

Lấy 2 vảy của con Xuyên-sơn-giáp (ở đuôi) tẩm giấm nướng thật vàng và 7 con gián bỏ đầu, ruột, chân, cánh sao vàng.

Tìm sách

2 thứ cùng tán bột hòa với nước sữa bôi vào trên vú mà cho bú.

Nếu không bú được, thời bôi một chút vào trong miệng xong đắp kỹ cho đứa trẻ thời ra mồ-hôi mà khỏi.

43.— CHỨNG CẤM KHẨU

Chứng này nhắm mắt, cấm khẩu, tiếng khóc nhỏ dần đi mà không bú, trên lưỡi rơm lên như hạt gạo, thổ ra nước bọt trắng, mắt đỏ, mũi vàng.

Nếu thấy giật ngược lên mà trong rốn chảy máu ra là chết.

Căn nguyên cũng vì nhiệt độc từ lúc thụ thai, lúc sanh rồi lại bị gió độc.

Sơ sinh trong bầy ngày, thấy chứng này là nguy, trong 100 ngày mà thấy chứng này, chân tay lại co vào cũng không chữa được.

Vì thế trẻ sơ sinh phải phòng 3 chứng bệnh là:

— chứng rốn gặp gió độc,

— chứng chúm miệng,

— chứng cấm khẩu.

Đã được 1 năm mới khỏi mắc chứng này.

Phép chữa.

Cũng theo như hai chứng kể ở trên, mà xem miệng

Tìm Sách

lưỡi của đứa trẻ, nếu có mọc mụn thời khêu cho vỡ ra rồi mới cho uống thuốc.

— Nếu xem thấy trên lợi có mụn trắng thời khêu vỡ ra mà lấy mực bôi vào (mực viết chữ Hán).

— Nếu trong miệng có vật gì tựa như con sên hay là như con sâu đầu vàng thời nên uống Ngưu-hoàng và nước Trúc-lịch.

Một phép : Lấy 1 con rết đầu vàng, chân đỏ nướng thật vàng sẫm rồi tán bột hòa một chút với sữa con lợn mà nhỏ vào miệng (không có thì dùng sữa người) rồi cho uống vị ngưu-hoàng với nước trúc-lịch, rồi lại nhỏ thêm một chút mật lợn.

Chứng cấm khẩu này với chứng rốn bị gió độc và chứng chúm miệng phần nhiều bởi khí uất nên dùng trước những vị để thổ đờm như :

— Con gián bỏ đầu, ruột, chân, cánh rồi sao, rỉ đồng xanh, châu sa, nhị-phấn, đều 5 phân, sạ-hương 1 lai.

Các vị tán bột lấy 1 phân thuốc hòa với nước trà cho uống hay là sắc nước cam-thảo cho uống để thổ ra, rồi lấy 1 giọt nước mật lợn nhỏ vào trong miệng là khỏi. Nhưng phải dùng ngay thuốc bổ tỳ-vị như bài *Nhân-sâm phương vị*, bỏ phục-linh, bán hạ thêm mộc-hương và tô-tử sao mà cho người mẹ cùng uống.

Một phép nữa :

Dùng thuốc thổi vào mũi (ở mục Rốn bị gió độc).

Bài Bảo-sinh-thang sau đây, để chữa chứng cấm-khẩu và chứng rốn bị gió độc :

Tìm sách

Phòng-phong 7 phân, chỉ-xác 5 phân, quất-bì và phục thần, hoa kinh giới cùng viễn-chí sao, cát-cánh đều 3 phân, vị nam-tinh tẩm gừng sao vàng xẫm 5 phân, cam-thảo 2 phân thêm bấc thắp đèn sắc uống.

Bài Định-mệnh-tán sau đây, để chữa chứng cấm khẩu không bú :

14 xác con ve sầu (bỏ đầu và chân, sao), 7 con gián (bỏ đầu ruột và chân, cánh, sao). Cùng tán bột thêm 1 lai kinh-phấn hòa với sữa cho uống dần.

44.— CHỨNG THIÊN-ĐIẾU (trợn mắt, còng người)

Chứng này mặt trắng thời xanh hay là như mầu đất, móng tay xanh, con ngươi trợn lên, sốt mà kinh giật kêu khóc lúc mừng lúc giận.

Cũng có đứa không sốt mà người lạnh lắm.

Nguyên nhân vì bẩm sinh không được mạnh, tinh thần kém, ngũ tạng đều hư yếu mà tà khí lấn vào.

Có sách nói vì người mẹ say rượu hay tình dục rồi cho con bú.

Chứng này như bệnh ma làm, mạch phù thực mà bồng đại, mới phát bệnh thời ngáp luôn, vì thuộc về dương chứng nên phải giải phong nhiệt đi.

Phép chữa.

— Nếu co giật nhiều nên uống bài *Câu-đằng-tán* sau đây.

— Nếu nóng nhiều nên uống bài *Bảo-mệnh đan* (quyển Nhật).

Tìm sách

— Nếu đàm nhiều nên uống bài *Bảo-long-hoàn* (ở mục Kinh-phong).

— Nếu vì tích-tụ mà gặp kinh sợ, thì ở rốn nóng mà đầy dẫn, lúc ngủ trong bụng máy động, nên uống bài *Khoan-nhiệt ẩm* (quyển Nhật) để hạ đi, rồi mới điều hòa tỳ vị. (Đừng cho lầm là Kinh-phong).

Câu-đằng tán :

Nhân-sâm, tê-giác, câu-đằng đều 5 phân ; con gián (bỏ đầu, ruột, chân, cánh, sao vàng) và thiên-ma đều 2 phân, cam thảo 1 phân. Sắc nước uống.

Bài Thiên-trúc hoàng tán sau đây, để chữa chứng Thiên-điếu, mắt trợn trở lên, chân tay thượt ra :

Phấn trong cây nứa, trích thảo, chè lâu năm đều 2 chỉ ; 7 con gián bỏ đầu, ruột, chân, cánh gói từng con vào lá bạc-hà rồi nướng chín, hoa kinh giới sao 5 phân, đậu xanh 40 hột (nửa để sống nửa sao vàng), phèn phi 5 phân ; hùng hoàng 2 phân. Cùng tán bột uống bằng nước sâm, nếu má đỏ uống bằng nước bạc-hà.

Chữ « Điếu » có 2 mặt chữ khác nhau, theo sách Cẩm-long và sách Cảnh-nhạc thì viết chữ điếu có nghĩa là trợn lên, vì chứng này có trợn mắt lên.

Theo sách Y-học nhập-môn thì viết chữ điếu có nghĩa là câu cá, vì chứng này có cong người vào như thể câu cá, đều là có nghĩa. Còn chữ Thiên là bệnh do trời làm, để chỉ vào chứng bệnh nguy hiểm.

Tìm sách

45.— CHỨNG NỘI-ĐIẾU

Chứng này đau bụng khóc nhiều, môi đen, chỗ kín sưng lên, phân xanh, ra mồ hôi, căng vú, chảy nước dãi, uốn ván, trừng mắt, tia máu ở mạch hồ-khẩu quập trở vao, trong mắt có gân đỏ, tương tự với chứng kinh-phong.

Căn nguyên cũng bởi phong hàn mà ra, nhưng có chia ra âm, dương là bởi tỳ-vị hư yếu, tinh thần mụ đi, mỏi mệt mà trầm bệnh.

Dương chứng thời thân thể phát sốt, kinh sợ, khóc to, tinh thần hoảng-hốt, chân tay giật từng lúc, hơi thở ra ồ ồ.

Sách cổ nói:

Chứng Thiên-điếu là thuộc dương.

Chứng nội-điếu là thuộc âm.

Nhưng theo ý tôi, thời đều không phải là dương chứng, mà dương chứng kể trên cũng chỉ là dương ở trong âm.

Phép chữa.

Chỉ ôn hòa cho tạng phủ, dẹp kinh sợ, thuận khí, tiêu đàm mà thôi.

Chứng này tựa chứng đau bụng giun, nhưng chứng đau bụng giun thì kêu khóc, nôn oẹ nước bọt và nước trong, chân tay gầy, mặt xanh và vàng trầm-trầm mặc-mặc, lúc phát bịnh, lúc ngừng là khác với chứng này.

Tìm sách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC.

1) Mộc-hương hoàn.

Mộc-hương, Hồi-hương, Câu-đằng đều 1 chỉ, con gián bỏ đầu, ruột, chân, cánh sao và nhũ-hương đều 5 phân.

Trước hết, tán nhũ-hương, một-dược đều 1 chỉ rồi tán lẫn cả mấy vị trên nghiền thêm chút tỏi và lấy hồ làm hoàn, to bằng hột ngô-đồng, uống với nước câu-đằng và bắc.

Bài trên để chữa chứng kinh-phong và nội-điếu.

2) Mộc-hương-hoàn

Nhũ hương 5 phân, Một-dược, Trầm-hương đều 1 chỉ, 7 con gián (bỏ chân, cánh, đầu, ruột rồi sao), Binh-lang 1 chỉ.

Các vị cùng tán hoàn với mật to bằng hạt ngô-đồng, mỗi lần uống từ 1 viên trở lên với nước xương-bồ và câu-đằng.

Bài trên cũng chữa kinh-phong và nội-điếu.

3) Hổ-phách-hoàn.

Thần-sa, Hổ-phách, con tằm bủng bỏ đầu sao vàng, Ngưu-hoàng, Nhũ-hương, Đảm tinh (phép chế đã nói ở trên), Bạch-phụ-tử nướng chín, Đại-chủ-thạch (nung đỏ rồi tưới giấm vào 7 lần như thế), Xạ-hương 1 lai, con gián bỏ đầu, ruột, chân, cánh sao vàng), Thiên-ma, xác ve-sầu (bỏ đầu bỏ chân), Bạch-truật (tẩm hoàng-thổ sao).

Các vị đều 1 chỉ, long-não 3 phân, cùng tán bột hoàn với mật, uống với nước bạc-hà.

Tìm sách

Bài trên để chữa chứng nội-điếu co giật, uốn ván, đau bụng, chứng khóc đêm không yên, và chứng cấp-kinh hay mạn-kinh.

4) Câu-đằng-cao

Nhũ-hương, một-dược đều 2 chỉ, Mộc-hương. Khương-hoạt đều 3 chỉ, hột gấc (bỏ vỏ lấy nhân) 11 hột.

Các vị tán bột hòa với mật để trong lọ sành. tùy đứa trẻ lớn nhỏ mà cho uống ít hay nhiều với nước câu-đằng.

Bài trên để chữa chứng kinh-phong và nội-điếu đau bụng cong người mà khóc, mặt xanh, chân tay lạnh đi đái trắng như nước gạo.

5) Ngũ-vị mộc-hương tán.

— 7 hột xuyên-luyện (sao vàng với 35 hột ba-đậu đến khi ba-đậu vàng thì bỏ ba-đậu đi), Mộc-hương, sử-quân-tử sao vàng, Huyền-hồ sao, Hồi-hương đều 1 chỉ.

Cùng tán bột tùy đứa trẻ lớn, nhỏ mà cho uống với nước cơm,cũng chữa chứng như kể ở trên.

6) Cổ-khung-quy thang.

Can-khương sao 2 chỉ, Nhục-quế bỏ vỏ 1 chỉ, Đinh-hương, Trầm-hương đều 5 chỉ, Đương-quy 3 chỉ, Xuyên-khung 1 chỉ, Thanh-bì, Tiêu-hồi đều 5 phân.

Các vị sắc nước tùy lớn, nhỏ cho uống.

Bài trên chữa chứng nội-điếu mà đau bụng lạnh.

Tìm sách

7) Ngụy-truật tán.

Nga-truật 5 chỉ, A-ngụy 1 chỉ. Sắc nước A-ngụy để tẩm vị Nga-truật 1 ngày 1 đêm rồi bồi khô làm thuốc bột, mỗi lần uống nửa chỉ trở lên với nước tử-tô.

Bài này không thấy nói chữa chứng gì.

8) Nhũ-hương hoàn.

— Nhũ- hương 5 phân, Một-dược, Trầm-hương đều 1 chỉ, 14 con gián (bỏ đầu, ruột, chân, cánh rồi sao vàng), Binh-lang 1 chỉ rưỡi.

Các vị cùng tán bột hoàn với mật to bằng hạt ngô-đồng, mỗi lần uống nửa viên trở lên với nước xương-bồ và câu- đằng. Nếu chứng nội-điếu mà chỗ kín sưng lên, thì uống bài *Quy-ngưu tán* (quyển Nhật).

Bài *Nhũ-hương* ở trên để chữa chứng nội-điếu, đau bụng mà kinh khóc.

Từ bài *Câu-đằng cao* trở xuống đều là để thuận khí trừ phong.

46.— CHỨNG ĐAU BÀN-TRÀNG (đau bụng ở tràng-vị)

Chứng này trên rốn hằn lên như hình con rắn, có tiếng ọc-ạch liên tiếp như con mèo há miệng khạc, khóc không nước mắt, chân tay đều lạnh, đi dải luôn, mồi trên xe, đầu nhiều mồ hôi, mặt xanh và đen, lưng cong lại, không bú, không ăn, nháy lông mày, có lúc ra mồ-hôi nhiều, hơn nữa móng tay xanh đen.

Tìm sách

Căn nguyên là khí uất đã lâu trong bụng không được nhẹ nhàng, đình trệ ở tràng vị mà đau ngược lên.

Nhưng cũng phân âm-dương : âm-chứng thời cong mình mà đi cầu bọt xanh ; dương-chứng thời nằm nghiêng, kêu khóc to, khóc không có nước mắt, sôi bụng, đi trung-tiện.

Nếu đủ cả 2 chứng là *bán âm bán dương.*

Phép chữa.

Nên thuận khí hòa đàm và ôn-trung.

Nếu khắp người lạnh như giá, môi xanh bụng đầy đau sói tận ngực, móng tay, móng chân đen, hơi thở nhẹ, ra mồ hôi nhiều là chết.

— Có cách nói chứng đau bàn-tràng là hàn uất ở tiểu-tràng, đau bụng khóc nhiều cũng như chứng nội-điếu, nhưng chứng đau bàn-tràng thời cong lưng, khóc không nước mắt, trán ra mồ hôi là khác.

Có sách nói : chứng đau bàn-tràng, đau bụng giun và chứng phong, đều tương tự, nhưng chứng trúng-phong thời không nói được.

PHƯƠNG THUỐC :

Điều-trung tán.

Thanh-mộc-hương, Xuyên-luyện-tử (bỏ vỏ và hột), Một-dược, Nhân-sâm, Phục-linh đều 5 phân, Nhục-quế 3 phân, Bạch-khiên ngưu 25 hột (nửa để sống nửa để sao).

Những vị trên cùng sắc với 2 củ hành, một ít muối cho uống trước lúc ăn.

Tìm sách

Bài trên để chữa chứng trẻ em đau bàn-tràng.

Bài dưới đây cũng để chữa chứng trên :

— Một chét tay hành củ sắc với nước lau trên bụng đứa trẻ, lại đem củ hành hơ nóng gói vào vải rịt trên rốn, nếu đi đái được là khỏi.

Một phương nữa cũng chữa chứng trên :

Nhũ-hương, Mộc-hương, Một-dược 3 vị bằng nhau. Sắc lấy nước cho uống trước lúc ăn.

Một bài thuốc cổ truyền để chữa chứng đau bàn-tràng cong lưng lại, khóc không nước mắt mà ra mồ-hôi.

Bạch-đậu-khấu (nướng chín bỏ vỏ), Sa-nhân, Thanh-bì, Hương-phụ, Nga-truật, Cam-thảo.

Các vị đều bằng nhau và đều sao, xong tán bột uống với nước tử-tô.

Bài cảm-ứng hoàn sau đây, chữa các chứng đau vì tích-tụ, đau bàu-tràng, đau bụng giun và chứng lỵ.

Trầm-hương, Nhũ-hương, Hạnh-nhân (vỏ màng và đầu nhọn rồi sao vàng), Mộc-hương, Đinh-hương đều 1 chỉ, Nhục-đậu-khấu 1 quả (nướng chín lấy nhân) muội nồi hay muội chảo 1 ít, ba-đậu 14 hột (bỏ vỏ sao rồi gói vào vải đập nhừ ra cho bớt dầu đi).

Các vị tán bột, lấy chút rượu đun sáp ong hòa với thuốc mà viên to bằng hột đỗ xanh, mỗi lần uống 1 hay 2 viên trở lên với nước cầu-đằng.

Tìm sách

47.– CHỨNG ĐỆN

Trẻ sơ sinh gặp người lạ có bóng vía độc, hay vật lạ thời kinh sợ, kêu khóc thổ ra nước bọt xanh hay trắng, mà nét mặt khác đi, đau bụng thở giấc, người hay quay trở hay là ngay người ra, ta gọi là chứng « đẹn » mà chữ Hán gọi là « Khách-ngỗ ». Chứng này là vì trẻ em tinh thần khí phách chưa đứng vững.

Phép chữa:

Nên dẹp kinh sợ và bổ tạng tâm, không được dùng thuốc hàn-lương hay thuốc kinh-phong.

Lại nên xem trong miệng có mọc mụn gì, thời lấy cái tăm nhọn khêu vỡ ra, chứng này nếu không chữa cũng có khi nguy hiểm.

Bài Hùng-hoàng-tán sau đây để chữa chứng tạng tỳ lạnh đau bụng khóc đêm :

Hùng-hoàng 1 chỉ, Nhũ-hương 5 phân, Xạ-hương 1 lai.

Các vị cùng tán bột, mỗi lần lấy một nửa chỉ điều với máu ở mào con gà mà nhỏ vào miệng rồi lấy áo của mẹ đắp cho đứa trẻ là khỏi.

Hay là cho uống bài *Câu-đằng tán* với *Bảo-mệnh đan* (đều ở quyển Nhật). Ở ngoài lấy đất chỗ lòng đun bếp bằng rơm củi và đất mùn giun, hai thứ bằng nhau, tán

Tìm sách

bột hòa với giấm làm thuốc hoàn, rồi mài ra bôi lên đầu và ngực với bàn chân, bàn tay của đứa trẻ.

48.— THỐT NHIÊN KINH SỢ

Chứng cấp-kinh hay mạn-kinh là kinh sợ về gió, còn chứng kinh-sợ này là tỳ-vị yếu mà tim và mật cũng thụ thương, nguyên nhân khác nhau mà bệnh cũng khác nhau.

Phép chữa.

Nên lấy lại tinh-thần cho đứa trẻ như bài *Bi-chỉ an-thần*, bài *Thất-phúc ẩm*, bài *Đoàn-sâm tán*, bài *Độc-sâm thang*, v. v... hay là bài *Phục-thần thang* càng hay (đều ở quyển Nhật).

Lúc sắc thuốc nên cho vào 1 mảnh vàng thật hay bạc thật thời càng hay. (Lúc uống bỏ vàng, bạc ra).

49.— ĐÊM NGỦ HAY GIẬT MÌNH

Trẻ em gan và mật đều yếu, cho nên mắt thấy tai nghe hễ thấy khác là sợ, mà đến đêm kinh khóc.

Kinh, khóc nhiều nước mắt có lúc kêu lên, có lúc ngừng, khác với chứng khóc không nước mắt mà tiếng dài là đau bụng.

Phép chữa.

Cũng nên an thần bổ khí như những bài : *Độc-sâm thang*, *Đoàn-sâm tán*, *Thất-phục ẩm*, *Bi-chỉ an-thần hoàn*, v.v... (đều ở quyển Nhật).

Nếu có nóng sốt thời uống bài : *Sinh-mạch tán*, nóng nhiều thì uống bài *Châu-sa an-thần hoàn* hay bài *Đạo-xích-tán* (đều ở quyển Nhật).

Tìm sách

TìmSách

Tập Mộc

(Gồm 36 mục)

1— Kinh-phong
2— Cấp-kinh-phong
3— Mạn-kinh-phong
4— Mạn-tỳ
5— Mã-tỳ-phong
6 - Chứng co-giật
7— Bú phải sữa người có thai
8— Chứng nóng tận xương
9— Gầy vàng
10— Nhiều mồ-hôi
11— Đi đái trắng
12— Tiểu-tiện không thông
13— Đại-tiện không thông
14— Đại-tiểu-tiện đều không thông
15— Bụng đầy lên
16— Hai tầng lưỡi
17— Lưỡi thè ra
18— Lưỡi mọc mụn
19— Lưỡi ngay ra
20— Chứng mã-nha
21— Miệng lưỡi mọc tưa
22— Miệng nhọt lở
22 bis Chứng ung nhọt lủng lẳng

Tìm sách

23— Lở mép

24— Óc lạnh hay nóng

25— Biến chứng

26— Xương sọ không liền

27— Thóp sưng lên

28— Thóp trũng xuống

29— Xương cổ mềm, nghẹo

30 - Ngực rùa

31— Lưng rùa

32— Năm chứng mềm yếu

33— Năm chứng rắn chắc lại

34 - Chậm mọc răng

35— Chậm mọc tóc

36— Chậm biết nói

TìmSách

Tập Mộc

I.— KINH-PHONG

Căn bệnh :

Chứng kinh phong của trẻ em cố nhiên bởi ở tạng can, nhưng cũng vì cả tạng tỳ, tạng thận, tạng tâm, tạng phế. Nội-kinh nói : « Các chứng ráo mà cuồng lên đều bởi hỏa ở tạng tâm, các chứng phong mà co giật choáng váng đều bởi phong ở tạng can », phong có hỏa, thời động lên, hỏa có phong thời phát ra, phong hỏa gặp nhau thời thành chứng kinh-phong.

Phong hỏa đã mạnh thì tạng phế là hành kim, tạng thận là hành thủy, tạng tỳ là hành thổ cũng đều thụ thương.

Trẻ em chân âm vẫn thiếu (chân âm tức là chân thủy), nhu không chế được cương, cho nên tà ở tạng can dễ động lên, tạng can là mộc sinh ra hỏa, hỏa sinh ra phong mà chân huyết kém, chân huyết đã kém thời gân co giật mà thành những chứng lắc đầu mốn ván, hay người ngay ra, lác mắt, hoặc con ngươi trông trộm, mà mặt mắt đều xanh v.v...

Bệnh chứng :

Phong hỏa gặp nhau chuyển sang tạng tỳ mà sinh đàm, sang tạng tâm mà kinh sợ, sang tạng phế mà phát

TìmSách

sốt, can-mộc lẫn tỳ thổ, thời mặt vàng nhợt hoặc thổ hay tả mà không ăn được, ngủ nhiều vì yếu mà ra mồ-hôi (hư hãn), thở suyễn khát nước.

Tạng phế yếu thời mặt nhợt, suyễn súc, đoản khí.

Tạng tâm yếu thời kinh sợ, kêu khóc, phiền nóng, mặt đỏ, má đỏ, giật mình khóc đêm.

Tạng tâm yếu thời ráo khát, mồ-hôi không ra, mặt đen, nghiến răng, cắn vú, co giật.

Ngoài ra, khóc đêm đến tận sáng là bệnh ở tiểu-tràng, cuống họng có cử là bệnh vào đại-tràng, đi cầu trắng là bệnh vào mật, thở suyễn có lúc oẹ khan là bệnh vào dạ dày, mơ màng kinh khóc là bệnh vào tam-tiêu.

Nếu thấy móng tay đen là tạng can tuyệt, đi cầu ra máu đen là tạng tâm tuyệt, chung quanh miệng xanh hay đen là tạng tỳ tuyệt, khóc như tiếng con ngan là tạng phế tuyệt, mắt nửa nhắm nửa mở là tạng thận tuyệt, cắn người là dạ-dầy tuyệt, mắt có rỉ mà mồ-hôi trộm là khí ngoài vệ tuyệt. Con trai mắt trông sếch về bên trái mà mắt bên trái trợn lên, con gái mắt trông lệch về bên phải mà mắt bên phải trông ngược lên, con trai nắm tay mà ngón tay cái ra ngoài, con gái nắm tay mà ngón tay cái vào trong, năm ngón tay tréo đi tréo lại như củ gừng là chết. Con trai giơ tay bên trái thẳng, bên phải cong, con gái giơ tay bên phải thẳng bên trái cong là nghịch chứng, vẫn ở bàn tay cong như cái cung, mà cong trở vào là thuận, cong trở ra là nghịch, một nửa cong trở vào, một nửa cong trở ra là khó chữa.

Tìm sách

Có sách nói: trẻ em nguyên khí chưa đủ, thần hồn chưa định, một khi thấy người lạ hay vật gì quái lạ, hoặc nghe thấy tiếng to hay tiếng vang thời tạng tâm kinh sợ, hỏa bốc lên đờm tụ rồi sinh ra phong và nhiệt, thế là bệnh ở tâm can và tỳ. Cũng có đứa trong tạng tâm vẫn nóng mà kinh sợ, trong tạng can sinh phong mà co giật, rồi đờm dãi nhiều là bệnh ở tâm và can, đó đều là gốc của chứng kinh-phong, đàm, nhiệt.

Phép chữa.

Chữa chứng kinh-phong phải phân biệt là chân dương hư yếu hay chân âm hư yếu. *Gọi là chứng phong*, là vì người ngay ra, hoặc co giật là thuộc tạng can về hành mộc, phong và mộc đồng loại chứ không phải là chứng ngoại cảm. Nhiều người không biết cứ dùng thuốc phát tán để chữa chứng phong là không hiểu lẽ chứng phong vì huyết ráo thời không thể phát tán được, cho nên những thuốc để chữa chứng phong như kinh-giới, phòng-phong, khương-hoạt, độc-hoạt, tế-tân, cát-cánh, sài-hồ, tử-tô, v.v... là rất nên kiêng, ngoại trừ đứa nào quả là sốt vì ngoại cảm, phát sốt không mồ-hôi mới tạm dùng được những vị kể trên.

Gọi là đàm hỏa, là vì hỏa thịnh thời chân âm thiếu nên đàm và khí ngừng lại. Nếu đờm bởi hỏa mà dông lên, thời chữa hỏa trước, hỏa bởi đờm mà lưu lại, thời chữa đờm trước, hỏa nhẹ thời dùng những vị : hoàng-cầm, tri-mẫu, huyền-sâm, thạch-hộc, địa-cốt, mộc-thông, v.v... hỏa mạnh thời dùng những vị : long-đảm, sơn-thi, hoàng-liên, hoàng-bá, thạch-cao v.v... Đờm nhẹ thời dùng những vị : trần-bì, tiền-hồ, bối-mẫu, thiên-hoa, v.v... đờm

Tìm sách

nhiều thời dùng những vị : **Ngưu-hoàng,** Bán-hạ chế sao, Bạch-giới-tử v.v...

Như trên là nói chữa về chứng thực (bệnh mạnh) còn về chứng hư (người hư yếu) nếu là chân dương hư yếu, thời âm-tà không tán được, nếu là chân âm hư yếu, thời doanh huyết không hành được. Vì thế chữa chứng hư yếu là dương hư thời dùng vị ráo, là âm hư thời nên dùng vị thấm nhuần. Nhưng dùng thuốc bổ dương khí, cũng phải có vị giúp chân thủy, dùng thuốc của bổ âm huyết cũng phải có vị giúp dương khí. Ta nên hiểu bệnh về chứng kinh phong cũng bất ngoại âm dương, thuốc chữa cho trẻ em cũng bất ngoại khí huyết.

CÁC PHƯƠNG THUỐC:

Đã giải được nhiệt thời phong, kinh và đàm cũng khỏi, nhưng một khi đứa bé đủ cả tứ chứng thời thuốc chữa nhiệt cũng phải thêm những vị để chữa 3 chứng kia. Như chứng kinh nhiệt thời uống bài *Châu-sa an thần hoàn*, hay bài *Long-não an-thần hoàn*, nhiệt nhiều thời dùng bài *Lương-kinh-hoàn*, hư yếu nhiều thời dùng bài *Ôn-kinh-hoàng*, đàm nhiều thời dùng bài *Thần-sa hóa đàm-hoàn*, hay bài *Bảo-long-hoàn*, đàm nhiệt thời dùng bài *Cổn-đàm-hoàn*, kinh và đàm và nhiệt thời dùng bài *Thiên-ma phòng-phong hoàn* (những bài trên đều ở quyển Nhật), hoặc bài *Cổ-mông-thạch-hoàn* (ở Môn mạn-kinh) kinh phong lại thêm đi cầu lỏng nên dùng bài *Ngũ-linh tán* (quyển Nhật) vì trong bài ấy có vị Nhục-quế dẹp được tạng can.

Cũng có đứa vì trong bụng có tích lâu ngày mà thành ra kinh, hiện chứng trán ra mồ-hôi, thở suyễn, khát, nóng từng cơn trở đi trở lại (trào nhiệt vãng lai), ở rốn nóng, lúc ngủ tưởng tượng trong bụng có vật gì mấp máy

Tìm sách

mà đi cầu ra như mỡ trắng hay như máu, thì phép chữa nên cho uống bài *Thần-sa cao* (quyển Nhật) để nhẹ đi và thêm thuốc bổ tỳ-vị.

Cũng có đứa co giật uốn ván, mắt lác, hàm răng không nghiến mấy, miệng không đờm dãi, thời là ngoại cảm vì phong hàn, hay nội thương vì ăn uống, thời không phải là chứng kinh mà co giật như kể ở đoạn trên. Nếu vì ăn uống mà phát sốt, hay là ăn rồi gặp việc kinh sợ (thương thực giáp kinh) thời mình sốt, thổ không muốn ăn, đi cầu hôi mà chua, thời nên uống bài *Nhân-sâm khương-hoạt-tán* (quyển Nhật) thêm Thanh-bì, Tử-tô để tiêu-tích, rồi dùng bài *Tả-thanh-hoàn* thêm vị Toàn-yết (con gián bỏ ruột, chân và cánh rồi sao) hoặc chút Thần-sa. Nếu vì thực-tích thêm chứng kinh nhiệt thời nên dùng bài *Khoan-nhiệt-ẩm*, đàm tích thời dùng bài *Bạch-ngọc-bình*, thực tích và kinh nhiệt hai chứng đều nặng, mà chân tay co giật nhiều đàm, nên dùng trước bài *Lợi-kinh-hoàn* để tiêu đi rồi dùng bài *Khải-tỳ-tán*. Nếu trong sẵn có nhiệt mà ngoài lại cảm phong là chứng « thượng-phong giáp-kinh » thời dùng bài *Tinh-tinh-tán*, bài *Sâm-tô-ẩm* hay là bài *Đại-thanh-cao* tùy chứng mà chọn phương thuốc để giải biểu phần nào, rồi cho uống bài *Thiên-ma-phòng-phong-hoàn*, ta thường thông dụng bài *Dạo-xích-tán* hay bài *Ngũ-phúc-hóa độc-đan* hoặc bài *Tả-thanh-hoàn* hay bài *Thân-khí-hoàn*.

Chứng này nếu thấy chân tóc và ấn-đường (giữa hai lông mày) mà gân xanh, vằn ở chỗ hổ-khẩu (khe ngón tay trỏ và ngón tay cái) đỏ hay tía thời là kinh-phong nên dùng thuốc về chứng kinh-phong (dưới câu này có 4 câu nghĩa không được rõ).

Tìm sách

Trẻ em sau khi trúng phong mà câm không nói được, thời sắc nước Mộc-hương, Trần-bì, Cam-thảo để uống bài *Phì-nhi-hoàn* (ở môn chữa Cam quyển Thổ) vì trong bài ấy có vị Hoàng-liên trừ được huyết xấu ở khiếu của quả tim.

Có đứa tạng phế vì phong mà suyễn-xúc đờm nhiều, lác mắt, thời nên dùng những vị A-giao, Tử-tô, Ô-mai, Nhân-sâm, sắc uống, vị A-giao với chứng này rất hợp. Sau khi kinh phong mà con ngươi lác đi rất nhiều nên uống những vị kể trên.

Những bài thuốc kể trên đều tra ở quyển Nhật. Còn các cổ phương kê sau là cho được hoàn bị để gặp bệnh lựa chọn.

1) Bảo-long-hoàn :

Thiên-trúc-hoàng (phấn của cây dứa), Hổ-phách, Đàn-hương, Nhân-sâm, Phục-linh. Năm vị trên đều 1 lạng rưỡi.

Cam-thảo trích 3 lạng, Chỉ-xác, Chỉ-thực, đều 1 lạng, Thần-sa 3 lạng, Hoài-sơn 1 cân.

Đởm-tinh (lấy vị Nam-tinh thái ra bỏ vào mật con trâu hay con bò rồi đeo ở chỗ râm mà thoáng gió, ước 2, 3 tháng, thời lấy vị Nam-tinh ra phơi khô, sao vàng sẫm mà dùng). Vị này 1 lạng.

— Kim-bạc (thứ giấy màu vàng vẫn để làm áo cho các thuốc hoàn) vị này 100 lá.

Các vị trên tán bột hòa với nước lã mới múc ở

Tìm sách

giếng lên, rồi viên lại bằng hột nhãn, lấy lá kim bạc bọc ở ngoài, rồi phải khô trong chỗ râm.

Lúc uống lấy hành củ và lá bạc-hà sắc lấy nước mà uống, nếu ho đàm nhiều thời uống bằng nước gừng sống. Nếu trong bụng không yên, thời lấy bấc đèn (thắp dầu lạc thời cồ) sắc lấy nước, lại cho thêm ít bột Trân-châu mà uống thuốc viên kể trên.

2) Tích-lịch-tán :

— Quả bồ kết (đốt cháy nhưng chưa cháy thật hết), Tế-tân, Xuyên-khung, Bạch-chỉ, Trịch-trọc hoa.

Các vị phơi khô tán bột. Lấy bấc đèn chấm thuốc ấy luồn vào trong lỗ mũi thấy hắt hơi là hay, thuốc này kiêng gần lửa.

3) Tiêu kinh hoàn :

Nhân-sâm, Thiên-ma, Phục-linh, Châu-sa, con gián bỏ đầu, ruột, cánh, chân rồi sao vàng, con tằm bủng rửa với rượu cho sạch rồi sao vàng ; Linh-dương-giác, Tê-giác.

Các vị trên đều 1 chỉ.

Sạ-hương 1 lai, Nam-tinh thái thành phiến, bỏ vào trong mật trâu hay bò đeo chỗ râm mà thoáng gió 2 hay 3 tháng lấy ra phơi khô sao vàng.

Các vị tán bột hoàn với mật to bằng hột khiếm-

TìmSách

thực, rồi sắc nước xương-bồ mài mà uống sau lúc ăn cơm.

Bài uày để chữa trẻ em kinh-phong thời yên được tạng tâm nhẹ đờm giải nóng.

4) Chí-thánh-linh tâm đan :

Nhân-sâm, Phòng-phong, Thiên-ma, Con gián bỏ đầu, ruột, chân và cánh sao vàng, Long-não sao, Phục-thần, Chích-thảo, Táo-nhân sao đen.

Các vị trên đều 1 chỉ.

Châu-sa (hòa vào nước rồi chắt nước đi) 5 phân, Sạ-hương 1 lai.

Các vị tán bột nghiền cơm ra để làm thuốc hoàn, to bằng hột khiếm-thực ; sắc Mạch-môn lấy nước mài mà uống sau lúc ăn cơm đã lâu. Bài này để chữa trẻ em, có thể an thần trấn kinh, yên ngủ khỏi khóc.

5) Bảo-long xạ-hương hoàn :

Đảm, tinh (vị Nam-tinh phép chế đã nói ở trên) 1 lạng, Thiên-trúc-hoàng 5 chỉ, Thần-sa, Hùng-hoàng đều 1 chỉ rưỡi.

Các vị tán bột điều với 1 chỉ Xạ-hương rồi sắc đặc nước Cam-thảo lấy nước ấy nấu hồ để làm thuốc hoàn to bằng hột khiếm-thực, sắc nước bạc-hà mà uống mỗi lần 1 viên.

Bài này để chữa chứng ho đàm kinh phong thường sốt từng cơn.

Tìm sách

6) An-thần tán :

Bốn con gián bỏ đầu, ruột, cánh và chân rồi ngâm với nước mật 1 đêm, lấy 1 củ Nam-tinh thật to khoét cho con gián vào trong, lại lấy miếng Nam-tinh đậy lên chỗ thủng ấy, rồi trộn bột gạo với nước nắm kín ở ngoài nung cho đỏ lên, xong đem ra để trên chỗ đất khoét thủng 1 đêm, rồi bỏ Nam-tinh lấy con gián tán bột, mỗi lần uống 1 chỉ với nước lã, bài này chữa chứng kinh phong, co giật.

7) Mộc-lam kinh-mặc hoàn :

Thanh-đại, Sử-quân-tử sao vàng, Lô-hội, Mực tầu viết chữ Hán, Đảm-tinh (phép chế kể ở trên). Các vị đều 2 chỉ. Nhị-phấn (không rõ vị gì), Sạ-hương 5 phân, Long-não 1 chỉ.

Các vị tán bột, lấy gạo nấu hồ làm hoàn to bằng hột ngô-đồng, mỗi lần uống mài 1 viên với nước bạc hà.

Bài này chữa chứng đàm nhiệt, chứng kinh vì tích và chứng cam-tích.

8) Bảo-mệnh-hoàn :

Tê-giác, Trích-thảo, Nhân-sâm đều 2 chỉ ; Thiên-ma (nướng cho vàng), Phục-thần 2 vị đều 3 chỉ. 12 con gián bỏ đầu, ruột, chân, cánh rồi sao vàng. Tằm bủng rửa rượu sao vàng, Châu-sa, Phòng-phong, các vị đều 1 chỉ. Sạ-hương 1 lai.

Các vị tán bột giã với cơm làm thuốc hoàn, rồi sắc nước mạch-môn mà uống.

Tìm Sách

Bài này để an thần định phách, chữa khóc và trấn kinh.

9) An-thần-đan :

Châu-sa 1 chỉ, Viễn-chí bỏ lõi ngâm với nước cam-thảo độ nửa ngày rồi phơi khô sao vàng, Nhân-sâm, các vị đều 2 chỉ rưỡi, Nhũ-hương 5 chỉ tán riêng, Tảo-nhân 1 lạng sao đen.

Các vị tán bột hoàn với mật to bằng hột ngô-đồng, lấy kim-bạc làm áo, mỗi lần uống 1 viên với nước sâm sắc lên.

Bài này chữa trẻ em tâm thần không yên, mỏi mệt hay nằm, kinh sợ và đàm dãi nhiều.

10) Định-chí-hoàn :

Hồ-phách, Phục-thần, Viễn-chí (bỏ lõi tẩm nước gừng sao), Nhân-sâm, Bạch-phụ tử (sao), Thiên-ma (nướng), Thiên-môn, Tảo-nhân (sao đen), Trích-thảo.

Các vị đều 1 chỉ, cùng tán bột hoàn với mật, lấy Thần-sa làm áo, sắc nước bạc-hà và bấc thắp đèn mà uống.

Bài này để chữa chứng kinh-phong đã khỏi mà tinh thần vẫn chưa định.

Những vị thuốc chữa chứng kinh-phong :

1) Để nhẹ phong nhiệt :

Sài-hồ, Cát-căn, Cát-cánh, Phòng-phong, Thiên-hoa-phấn, Hoàng-liên, Hoàng-cầm, Kinh-giới, Sơn-chi, Linh-dương-

Tìm sách

giác, Cát-căn, Cam-thảo, Long-đảm, Đạm-trúc-diệp, Liên-kiều, Tê-giác, Bấc thắp đèn, Hoạt-thạch.

2) Để tán phong hàn :

Phòng-phong, Tử-tô, Quế-chi, Tế-tân, Khương-hoạt, Tiền-hồ, Ma-hoàng.

3) Để tiêu thực :

Sơn-tra, Chỉ-xác, Trần-bì, Đại-hoàng, Chỉ-thực, Mộc-hương, Đại-phúc-bì.

4) Để an thần như :

Thiên-ma, Đan-sâm, Long-não, An-tức-hương, Phục-thần, Mạch-môn, Kim-bạc, Tô-hợp-hương, Viễn-chí, Qui, Long-sỉ, Nhũ-hương, Tảo-nhân, Thược, Sạ-hương, Hổ-phách, Câu-đằng, Châu-sa, Đàn-hương, Đại-chử-thạch, Xương-bồ, Trân-châu, Hoa đèn của bấc thấp dầu lạc.

5) Để nhẹ đàm thông khí :

Quất-hồng, Cương-tàm, Uất-kim, Bạch-phụ, Đảm-tinh, Khương-hoàng, Ngưu-hoàng, Bạch-giới-tử, Bán-hạ, Hạnh-nhân, Trân-châu, Tô-tử, Thiên-ma, Tiền-hồ, Khinh-phấn, La-bạc-tử, Bối-mẫu, Thiên-trúc-hoàng, Mông-thạch, Ba-xương.

6) Để ôn bổ tỳ-vị :

Nhục-quế, Ổi-hương, Hoắc-hương, Phụ-tử, Tử-hà-sa, Đinh-hương, Phục-linh, Nhục-quả, Bạch-truật, Gạo lâu năm, Hoàng-kỳ, Hoài-sơn, Bảo-khương, Trích-thảo, Nhân-sâm, Liên-nhục, Mộc-hương, Sa-sâm, Biển-đậu.

Tìm sách

Ngoài ra :

— Vị Châu-sa vào được tạng tâm để an thần,

— Vị Hùng-hoàng sức mạnh phá kết và tiêu-trệ,

— Vị Băng-phiến và Xạ-hương để khai khiếu,

— Vị Hổ-phách, Thanh-đại để thanh nhiệt lợi tiểu-tiện,

— Vị Cương-tàm, Toàn-yết, Thuyền-toái sở dĩ dùng để chữa chứng phong là vì vị Cương-tàm phá được khí và nhẹ đàm,

— Vị Toàn-yết giáng được đàm,

— Vị Thuyền-toái chỉ là vị nhẹ nhàng để chữa đậu-sởi, ban, ngứa.

Các vị Thủy-ngân, Khinh-phấn, Ba-đậu, Mang-tiêu, Long-não, Xạ-hương, Cóc nung cháy và con rết, những vị ấy có dùng phải rất thận trọng cho đúng bệnh, vì trẻ em dùng lầm thuốc có thể biến thành chứng man-kinh, hay là kinh-giật, phát sốt, thời di họa rất nhiều, vì thế thường dùng những vị Kinh-giới, Tế-tân, Độc-hoạt, Khương-hoạt cũng đủ để phát tán, Sài-hồ, Sơn-chi, Chỉ-xác, Đại-hoàng cũng đủ thông lợi mà không cần đến những vị vừa kể ở trên.

Những chứng vì tạng-can mà trông ngược lên co giật hay không co giật, đi cầu ra cả cơm, mà mọi thuốc không khỏi, nếu bởi tạng tâm, tạng phế thời dùng những vị Tang-bạch, Đình-lịch, Xích-phục-linh, Hột Xa-tiền, Sơn-chi, Cam-thảo, và gừng, táo sắc uống để lợi tiểu-tiện. *Bài Đạo-xích-tán* cũng giáng hỏa cho tạng tâm, nhẹ phong cho tạng

Tìm sách

can, chữa chứng kinh nhiệt rất hay, bài ấy có thể thêm vị Sơn-chi hay Đại-hoàng.

Lời bàn luận trẻ em không có chứng kinh phong.

Ông Dũ-gia-Ngôn có nói: « Chứng kinh-phong của trẻ em là cổ nhân bày đặt ra và đặt những phương thuốc điều trị khiến cho trẻ em bị hại không biết ức triệu nào mà kể. Là vì trẻ em âm khí còn thiếu cho nên dễ phát sốt, mà đã sốt thời sinh đàm, sinh phong, sinh kinh. Cũng có đứa thở thịt còn non nớt, dễ cảm phong hàn, mà hàn tà thời vào kinh thái-dương trước. Mạch của kinh thái-dương thời ở mắt và trán rồi xuống đến cổ cho nên đã sốt là gân co giật hay người uốn ván.

« Thế mà cổ nhân dùng liều những vị về loài kim-thạch và Long-não, Xạ-hương để đem tà-khí vào tạng-phủ mà chết oan rất nhiều.

« Cổ nhân còn nói: 8 tuổi trở xuống đều là chứng kinh-phong mà không có chứng thương-hàn, thế là không hiểu trẻ em còn dễ cảm hơn người lớn, chỉ khác là nếu có chứng thương-hàn mà đã ngoài 3 hôm thời không đủ sức để chống lại với bệnh.

« Thày thuốc tầm thường có thấy ra mồ-hôi không ngừng mà người mụ đi thời cho là chứng kinh-phong, khi đã thành chứng mạn-kinh thời lại cho uống những vị Sâm, Kỳ, Truật, Phụ để nhiệt tà không giải đi được, thời cũng hại như những vị loại kim-thạch cho uống lúc mới kinh-phong.

« Vì thế, chữa trẻ em phát sốt, nên xét rõ người yếu

Tìm sách

hay mạnh, tà khí nặng hay nhẹ, là âm bệnh hay dương bệnh, tà còn ở ngoài biểu hay đã vào trong lý mà chữa theo chứng thường là đủ ».

Lời bàn của Dụ-gia-Ngôn kể trên rất là có lý, nên tôi ghi lại để nhà làm thuốc suy xét, chính tôi đồng ý như vậy, Trên đây là tôi chỉ ghi chép cho đủ để khi cần sẽ dùng đến.

2.– CHỨNG CẤP-KINH-PHONG

Chứng kinh-phong lúc mới phát ra mà bệnh mạnh thời gọi là *cấp-kinh*, cũng như chứng trúng-phong của người lớn, tà khí trúng vào lục-phủ thời nhẹ, mà trúng vào ngũ tạng thời nặng.

Vì phong ở tang can động đến hỏa tạng tâm, phong hỏa giúp lẫn nhau cho nên chứng kinh-phong nặng mà trạng thái đáng sợ, mới gọi là « cấp-kinh ».

Chứng này nóng sốt dữ dội, lác mắt, uốn ván, chân tay co giật, đầu cổ ngay ra, nhiều đàm, nghiến răng, hơi thở thấy nóng, má và mồi đỏ, kêu khóc, phiền tao không yên, uống nước lạnh, đại-tiện táo, mạch « phù hồng và xác, » thế là dương thịnh mà âm hư.

Cũng có đứa mạch « huyền-xác-phù-hồng » ta thấy tia máu đỏ ở ngón tay ấy lên đến phong-quan, khí-quan là nhẹ, nếu đến mệnh quan là nặng (ngón tay trỏ đốt cuối cùng là phong-quan, đốt giữa là khí-quan, đốt ngoài cùng là mệnh-quan, tia máu đỏ ở ngón tay trỏ đi thẳng lên đốt trong hay đốt ngoài, càng ra ngoài bao nhiêu thời bệnh càng nặng bấy nhiêu). Trong mũi ra máu là nóng đã

Tìm sách

nhẹ dễ chữa. Nếu trong miệng ra máu mà khóc không có nước mắt, tay hay sờ vào áo, miệng mũi khô đen. Từ đầu đến chân, lay động không ngừng, tia máu ở phong-quan, khi-quan, mệnh-quan xanh tía hay đen hay là tia máu ấy đi ra đến móng tay đều không chữa được.

Cổ nhân chia ra 8 triệu chứng (Bát hậu) :

1) Tay co duỗi luôn luôn,

2) 10 ngón tay lúc nắm lúc duỗi hay là nắm chặt lại,

3) Lắc đầu hay là thân thể máy động,

4) Đầu và mình, mắt miệng chân tay máy động không ngừng,

5) Uốn ván,

6) Giơ tay cong lên như cái nỏ,

7) Trông trừng trừng như giận dữ,

8) Con trai mà mắt đưa con ngươi trông về bên phải (không nói đến con gái và câu này có chữ Vô-thanh là không có tiếng và Hữu thanh là có tiếng, mắt trông mà có tiếng hay không tiếng thời không rõ nghĩa).

Nếu có những chứng trên, mà hàm răng không nghiến lại, cuống họng không có tiếng cò-cử, thời là triệu chứng mọc đậu mà không phải là chứng kinh.

Chứng cấp-kinh đủ cả 8 chứng như đã kể ở trên, lại thêm mặt đỏ, môi đỏ, thở hơi cũng nóng, người nóng dữ dội, khát nước uống nhiều, phân đỏ mà khó

TimSách

đi cầu, thế là nóng sẵn ở trong mà thêm cảm ở ngoài, cho nên phát ra dữ dội. Trẻ em sơ sinh trong 100 ngày mà thấy chứng ấy đến 2, 3 lần là chết.

Phép chữa

Chứng này là dương-chứng thời nên chữa cần cấp, dù uống thuốc trừ phong nhưng không nên dùng quá để phạt chân dương mà biến thành chứng mạn-kinh. Những vị thuốc để trấn kinh, nhẹ nóng, thuận khí thời tùy chứng gia giảm.

Chữa chứng co giật thời phải trừ phong, dẹp kinh sợ, nhẹ đờm, giải nhiệt. Ta phải tùy chứng dùng thuốc, là ngoại cảm thời phải giải ngoài biểu, có nội thương thời phải điều hòa ở trung-châu. Nếu chỉ dùng những vị Ngưu-hoàng, Long-não, Sạ-hương, Châu-sa là đem tà ở ngoài vào trong.

THUỐC CHỮA.

1) Hổ-phách tán cũng gọi là *Cấp-mạn-kinh-phong hoàn* :

Thần-sa, Ngưu-hoàng, Toàn yết, Bạch-phụ, Đại-trử-thạch, Hổ-phách, Cương-tàm, Đảm-tinh, Thiên-ma, Nhũ-hương, Thuyền-toái. Các vị đều 1 chỉ.

Sạ-hương 5 lại , Long-não nửa chỉ.

Các vị tán bột, 3 tuổi uống nửa chỉ, chiêu bằng nước bạc-hà.

Bài này để chữa chứng cấp-kinh hay mạn-kinh, dãi trào ra, mắt trông trừng trừng, co giật, người mụ đi.

Tìm sách

Cấp-kinh là dương chứng, là thực chứng, cho nên phải chữa về chi tiết (tiêu) trước, mà chữa căn bản sau, vì tà khí mạnh quá. Nếu đàm suyễn dùng bài *Hồ-phách tán* hay *Bảo-long-hoàn* (đã kể ở trên), hay là bài *Lương-cách-tán* hoặc bài *Mai-hoa ẩm*. Hỏa mạnh mà phiền nhiệt dùng bài *Lương-kinh hoàn* hoặc bài *Ức-thanh hoàn*, hoặc bài *Hoàng-liên an-thần hoàn* hay bài *Ngưu-hoàn tán*, chân hỏa kém mà ráo số't, đại-tiện bí kết, dùng bài *Tả-thanh-hoàn* hay bài *Lợi kinh-hoàn* (đều ở quyển Nhật).

Vì ngoại cảm mà phát số't kinh giật, thời nên giải ngoài biểu như bài *Ức-can-tán* bội vị Sài-hồ, hoặc bài *Sâm-tô-ẩm* hay bài *Ngũ-tích-tán*, bài *Tinh-tô-tán*, lựa chọn mà dùng.

Nếu là ở ngoài biểu chưa giải mà ở trong cũng nóng thời dùng bài *Tiền-thị hoàng-long thang*, kinh giật đã lui mà còn có hỏa, thời uống bài *An-thần trấn-kinh hoàn* (những bài trên cũng ở quyển Nhật), nếu không tiện thuốc hoàn hay thuốc tán, thời vị thuốc ở trong những bài ấy cắt đổi sang thuốc thang cũng được.

Tuy nhiên ta cần biết là đàm hỏa đã lui dần, thời phải điều bổ khí huyết. Vì chứng ấy là phong hỏa gặp nhau nếu dùng nhiều thuốc chữa phong đàm mà không giữ lấy âm huyết, thời chân huyết càng sáo, tỳ vị càng yếu mà thành chứng mạn-kinh.

Vì thế mà chứng cấp-kinh phần nhiều phải uống bài Lục-vị để giúp cho thận thủy, bài *Tứ-quân* thêm Bạch-thược để bổ cho tỳ thổ. Nếu tạng phế là hành kim khắc tạng can là hành mộc, thời uống bài Địa-hoàng-hoàn để thêm huyết cho tạng can, mà thêm vị Bạch-thược và Mộc-hương.

Tìm sách

Nếu vì uống nhiều thuốc kinh-phong tỳ vị yếu mà lạnh, nên dùng bài *Lục-quân tử thang* để bổ cho tạng tỳ.

Nếu tỳ vị yếu mà lạnh lại thêm thủy ở tạng thận lấn sang mà thành những chứng đau bụng thổ tả, nên dùng bài *Ích-hoàng-tán* để bổ tỳ mà vợi tạng thận, nếu không thì thành chứng mạn-kinh. Những chứng trên, tôi chỉ chữa theo như mấy đoạn vừa kể là đủ.

Nếu co giật và có đàm vì khí uất ở trong thì nên uống bài *Tô-hợp-hương-hoàn* sắc nước bạc-hà và gừng để uống thuốc hoàn, hay là bài *Tinh-hương-tán*, như vậy khí thuận đàm hóa đi mà co giật cũng ngừng.

Dưới đây là những cổ phương chữa chứng cấp-kinh.

1) Triệt-phong hoàn :

Thiên-ma, Nam-tinh (chế sao), Cương-tàm (lấy rượu rửa rồi sao), hai vị đều 2 chỉ. Ngô-công (con rết) sao vàng sẫm, Bạch-phụ-tử, Phòng-phong, Châu-sa, Toàn-yết (con gián bỏ đầu, ruột, chân, cánh sao vàng), đều 1 chỉ. Sạ-hương 1 lai..

Cùng tán bột hòan với mật to bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 1 viên với nước lá bạc-hà.

Bài trên để chữa chứng kinh phong vì đàm mà co giật, nhưng đứa trẻ còn nhỏ quá hay bẩm sinh vốn yếu không nên uống.

2) Bài Định-súc-tán :

Ngô-công (cách chế như bài trên), Toàn-yết (chế sao), Ma-hoàng, Bạch-phụ, Khương-hoạt, Nam-tinh (chế-sao),

Tìm sách

Cương-tàm, Đại-chủ-thạch, Khương-hoàng, Châu-sa, đều 1 chỉ. Sạ-hương 2 lai.

Đều tán bột mỗi lần uống 1 chỉ với nước hoa Kinh-giới, lá Tử-tô ; hay là uống bài *Ngưu-hoàng thanh-tâm hoàn.*

Bài trên để chữa chứng cấp-kinh mà co giật nhiều.

3) Bảo-long hoàn.

Đảm-tinh 1 lạng, Thiên-trúc-hoàng 5 chỉ, Thần-sa 2 chỉ rưỡi, Hùng-hoàng 2 chỉ rưỡi, Sạ-hương 3 phân.

Cùng tán mạt hoàn với mật to bằng hạt Khiếm-thực, uống với nước Cam-thảo, và lá Bạc-hà mỗi lần 1 viên. Nếu trong bụng hoảng sợ, uống với nước sâm và Hổ-phách.

Những vị trên để yên hồn phách cho tạng can, cho nên gọi là « Bảo long », vì chữ bảo là giữ gìn, chữ long chỉ vào tạng can. Bài này chữa chứng co giật đã yên mà đàm và nóng chưa lui và chữa mọi chứng kinh sợ.

4) Ngưu-hoàng Bảo-long hoàn.

Đảm-tinh (phép chế đã kể ở trên) 8 chỉ, Hùng-hoàng, Nhân-sâm, Phục-linh, 3 vị đều 1 chỉ rưỡi. Câu-đằng 2 chỉ, Thần-sa 1 chỉ, Ngưu-hoàng 2 phân, Cương-tàm (con tằm bủng) 3 phân, Sạ-hương 3 lai, Thiên-trúc-hoàng (phấn của cây nứa) 2 phân.

Cùng tán bột, lấy 4 lạng Cam-thảo sắc lấy nước canh thành cao để hòa thuốc bột kể trên, rồi viên lại to bằng hột Khiếm-thực, tán lá Kim-bạc để làm áo, phơi trong râm và để vào lọ kín. Lọ thuốc ấy để gần chỗ có lửa nóng, mỗi lần uống 1 viên hay nửa viên với nước lá Bạc-hà.

TìmSách

Thuốc hoàn trên chữa cả chứng Cấp-kinh và Mạn-kinh cùng chứng Phong-nhiệt, Phong-đàm.

Nếu có kinh sợ và đờm đặc thời uống bài *Ôn đảm thang* thêm vị Tảo-nhân sao, hay là bài *Châu-sa an-thần hoan* (quyển Nhật).

5) Định-phách hoàn.

Nhân-sâm, Phục-linh, Châu-sa, Xương-bồ, Cam-thảo, Hồ-phách, Viễn-chí, Thiên-ma, Thiên-môn, Táo-nhân sao.

Các vị bằng nhau tán hoàn với mật to bằng hột quả Bồ-kết, lấy vị Châu-sa làm áo, mỗi lần uống 1 viên với nước bấc và lá Bạc-hà.

Bài trên để chữa chứng Kinh-phong đã lui mà thần hồn vẫn chưa yên định.

6) Tỉnh-tỳ tán.

Nhân-sâm, Phục-linh, Cương-tàm, Thiên-ma, Bạch-truật, Trích-thảo, Bạch-phụ, Mộc-hương, các vị đều 5 phân. Toàn-yết (con giáp) 2 phân rưỡi, thêm gừng và táo sắc uống hay là làm thuốc hoàn cũng được.

Bài trên để chữa chứng Kinh-phong mà tạng tỳ yếu lim lịm không ăn, thổ tả không ngừng

Phụ chép chứng « Tỏa-dương-cam »

Trẻ em người phát phong nhiệt, cấm khẩu, nghiến răng, tựa như chứng Kinh-Phong, nhưng không lúc nào ngừng (phát vô độ số), lại tựa như chứng sốt rét, đó là chứng « Tỏa-dương cam » là chứng bệnh tất chết.

Tìm sách

3.— MẠN-KINH-PHONG (tức chứng « *mạn-tỷ* »).

Chứng này có đứa vì thổ tả lâu, mà tỳ, vị hư yếu. Có đứa vì phải chứng cấp-kinh uống nhiều thuốc lạnh hay thuốc mát, để chân dương hư yếu, có đứa thương hàn uống thuốc hạ sớm quá mà tà ở ngoài biểu vẫn chữa hết, mà ở trong còn phong tà thì đàm khí ủng tắc, có đứa vì ho lâu tạng phế thụ thương không dẹp được tạng can là hành mộc, cũng thành ra chứng này. Chứng mạn-kinh là người *thiếu dương khí mà tinh thần mụ đi*, vậy thuốc chữa không nên trì hoãn.

Triệu chứng.

Chứng mạn-kinh *dù sốt nhưng là giả-nhiệt*, bởi khí của tỳ-vị không đầy đủ mà gọi là âm-chứng, môi xanh mà tối, mặt trắng nhợt, có đứa không sốt, có đứa sốt từng lúc, mắt không mở to, chân tay lạnh từ dưới lên, hay là chân tay đều lạnh, hơi thở ra cũng lạnh, 10 ngón tay duỗi thẳng, chân tay thượt ra hay là co vào, tinh thần mệt, nói tiếng nhẹ, ngủ lịm đi mà không nhắm kín mắt, đờm có cử, hơi suyễn, đoản khí, kinh giật, đi cầu lỏng, mạch thời « trầm hoãn » hay là « tế-sác », tia máu ở ngón tay trỏ thấy đỏ mà hơi xanh. (Nên thấy tia máu ấy còn ở phong-quan là bệnh nhẹ, ra đến khí-quan là nặng, con trai đi tả rồi mà thành chứng mạn-kinh là nặng, con gái thổ rồi mà thành chứng mạn-kinh là nặng).

Những chứng chết.

Móng tay xanh hay đen là tạng can tuyệt, mắt lõm xuống mà đen, con ngươi như không có ánh sáng là tạng thận tuyệt. Trán ra mồ-hôi đọng lại như cúc áo mà không

TimSách

chảy đi là tạng tâm tuyệt. Cắn người vì răng ngứa là tạng thận tuyệt. Nôn oẹ luôn luôn, đi cầu không có tiết-độ, sắc mặt như mầu đất, thở gấp, bụng đầy, miệng hôi, môi cứng, chung quanh miệng xanh hay đen là tỳ-vị tuyệt, thở gấp, đờm có cử, trong lỗ mũi đen, miệng há hốc mà nói nặng tiếng là tạng phế tuyệt. Lưỡi đen, đi cầu ra máu đen, trán và má đỏ sẫm như lá yên-chi là tạng tâm tuyệt. Uống thuốc không lọt, trong miệng như có đờm lấp lại là ngũ-tạng đều thụ thương.

Cũng có đứa lưỡi rụt vào, dái co lên, khóc không có nước mắt, dưới mắt có vằn xanh, chỗ dạ-dầy đau, chân tay yếu thượt ra, nhắm mắt, kém tinh-thần, cổ ngoẹo đi, môi xanh, mắt đỏ, lòng bàn chân không biết đau ngứa, lắc đầu, nghiến răng, ngực cao lên, bụng lép xuống, thở suyễn, con ngươi đỏ, cắn môi không ngừng, tia máu ở phong-quan xanh và đen lên thẳng đến mệnh-quan hay lên đến móng tay, những chứng kể trên đều không thể chữa được.

Phép chữa.

Chứng này là thiếu chân dương mà là âm-chứng là hư-chứng, phép chữa phải chuyên tâm cứu lấy tỳ-vị, mà trong phương thuốc bổ tỳ-vị hồi dương khí, chỉ thêm một chút những vị thuốc để chữa phong đàm cùng thuận khí và an thần mà thôi. Chứng này dù đại-tiện bế-vít, cũng không thể dùng được thuốc công phạt, dù người nóng cũng là hư nhiệt mà thôi.

Nhưng chứng này nếu vì có chứng cấp-kinh chuyển sang lại không hoàn toàn là âm chứng, thời lại không nên dùng nhiều thuốc ráo và nóng, chỉ để âm dương quân bình là khỏi.

Tìm sách

Chứng này nếu thấy đại tiện bế, đờm và khí ủng-tắc, mà cho lầm là thực nhiệt. Dùng những phương thuốc như chữa chứng cấp-kinh, thời dương khí càng kém đi mà nguy khốn đến ngay.

CÁC PHƯƠNG THUỐC GỒ TRUYỀN :

1) Điều-trung thang.

Nhân-sâm, Bạch-truật, Phục-linh, Trích-thảo, Bạch-chỉ, Mộc-hương, Liên-nhục, Thiên-ma, Quất-bì, Biển-đậu sao vàng sẫm, Bán-hạ (chế sao gần đen) và gừng, táo. Sắc uống.

Bài trên chủ về bổ tỳ-vị mà thêm những vị chữa phong-đàm.

2) Lý-trung-thang.

Nhân-sâm, Bạch-truật, Can-khương sao, Trích-thảo.

Bài trên chữa chứng thổ-tả mà chân tay lạnh.

3) Sinh phụ tứ-quân thang.

Tức là bài Tứ-quân thêm chút Phụ-tử để sống. Bài trên để giúp tỳ-vị hồi dương-khí.

4) Dị-công tán.

Tức là bài Tứ-quân thêm Quất-bì, Mộc-hương và gừng, táo sắc uống, có khi bỏ vị Mộc-hương.

Bài trên để chữa chứng thổ-tả không thiết ăn, và mọi chứng trong bụng hàn.

— Những chứng tỳ thổ hư yếu, đi tả vừa mà trong

Tìm sách

không hàn lắm thời nên bổ vừa phải như những bài *Lục-thần-tán*, *Tứ-quân-thang*, *Ngũ-vị di-công tán* (đều ở quyển Nhật).

— Những chứng tỳ, thận đều yếu, ngũ tạng bình thường mà không hàn, thời nên uống bài *Ngũ-phúc ẩm* để bổ cả khí-huyết cho tạng-tỳ, hay là bài *Tứ-quân* thêm Đương-qui, Tảo-nhân.

— Những chứng khí của tỳ vị hư yếu mà hơi hàn, nên uống bài *Ôn-vị-ẩm*, bài *Lý-trung-thang*, bài *Ngũ-quân tử-tiên* (đều ở quyển Nhật).

— Những chứng khí của tạng tỳ yếu mà hàn và nhiều đờm, nên uống bài *Lục-quân tử-thang* hay bài *Kim-thủy lục-quân-tiên*.

— Những chứng âm dương của tỳ-vị đều hư yếu, chỉ có bài *Lý-âm* là rất hay.

— Những chứng tạng tỳ và tạng thận hư hàn lắm, hay là thổ tả không ngừng, nên uống bài *Phụ-tử lý-âm-tiên*, hơn nữa uống bài *Lục-vị hồi-dương ẩm*, hay bài *Tứ-vị hồi-dương-ẩm*.

— Những chứng tỳ-vị hàn lắm, đi cầu không ngừng nên uống bài *Vị-quan-tiên*.

— Chứng cấp-kinh thường dùng thuốc công phạt thời tạng-tỳ kém chân âm kiệt, biến thành chứng mạn-kinh, thời thuốc bổ tỳ nên thêm vị dưỡng-huyết cùng những vị an-thần, nhẹ phổi dẹp chân thủy đi.

— Những chứng tỳ-vị hư yếu, ngoài nóng mà trong

Tìm sách

thật lạnh, nên uống bài *Ngũ-vị di-công-tán* thêm vị Đương-qui và Câu-đằng. Nếu không đỡ uống bài *Lục-quân-tử* gia Bào-khương, Mộc-hương, như thế cũng không đỡ, thời thêm Phụ-tử để hồi dương mà cấm dùng những vị chữa phong-đàm.

Tôi xét vị Phụ-tử là thánh-dược chữa chứng mạn-kinh, người nguyên-khí chưa thoát mà dùng vị này thời không ai là không khỏi. Nếu khí đã thoát thời nướng đi mà dùng.

Người vì thổ-tả mà thành chứng mạn-kinh, thời uống bài *Lý-trung thang* thêm Mộc-hương, hay là bài *Ngũ-linh-tán*. Tạng-tỳ yếu không ăn được thời uống bài *Tỉnh-tỳ-tán* (ở mục Cấp-kinh), vì thổ-tả tạng tỳ yếu mà thành chứng mạn-kinh, tóc dựng lên, người uốn đi, không bú, nhiều mồ-hôi, hay ngủ thời dùng bài *Gia-vị truật-phụ-thang* là những vị Phụ-tử, Bạch-truật đều bằng nhau, Nhục-đậu-khấu, Đinh-hương, Cam-thảo, đều bằng nửa những vị trên, thêm gừng, táo sắc uống.

— Nếu vì chứng tích tụ mà thành chứng mạn-kinh thời uống trước bài *Mộc-hương-quân-khí-tán*, vì cảm hàn mà thành chứng mạn-kinh thời uống bài *Quế-chi giải-cơ thang*.

Mùa hè tỳ-vị nóng ngầm, thổ và tả nhiều mà thành chứng mạn-kinh, thời cũng nên giải thử mà không nên nhất thiết uống thuốc hồi-dương, ngoài ra, vì ho lâu, đi lỵ lâu, hay sốt thương hàn uống nhiều thuốc lạnh mà biến thành âm-chứng, cũng phải chữa kèm về những chứng cũ, mà không nhất định là chứng mạn-kinh phải bổ tỳ-vị như đã kể ở trên.

Tìm sách

Lúc mới mạn-kinh mà còn có dương-chứng thời thuốc bổ khí cho tỳ-vị cũng nên thêm những vị để trừ phong, yên co giật, vừa thuốc ôn vừa thuốc thấm nhuần để quân bình âm dương.

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC CỔ TRUYỀN.

1) Thiềm-yết-tán :

Toàn-yết 7 con, Thuyền-thoái 20 con, Nam-tinh chế sao, Cam-thảo 2 chỉ rưỡi, Thêm gừng và táo. Sắc uống.

— Nếu bất tỉnh nhân sự thời uống bài *Bảo-mệnh đan.*

— Thổ tả mà nhiều đàm uống bài *Lai-phục-đan.*

— Đã truyền sang mạn-kinh mà không có triệu chứng (bát hậu) đã kể ở trên, chỉ có thổ tả không ngừng, thời uống bài *Ô-huyết-tán* là những vị :

Toàn-yết 7 con, Nhân-sâm, Bạch-truật, Phục-linh, Trích-thảo, Xuyên-ô, Nam-tinh thêm gừng, táo sắc uống. (Thang thứ 2 bỏ Xuyên-ô. Các vị chế và sao như phép thường).

2) Lưu-phụ-thang :

3 cái núm củ Phụ-tử sống, 7 con gián, 1 chỉ Lưu-hoàng đã nướng chín, cùng tán bột lấy nước gừng viên lại to bằng hột đỗ xanh, mỗi lần uống mấy viên với nước cơm.

Bài trên để chữa chứng Mạn-tỳ mà chân tay giá lạnh.

3) Cổ-mông-thạch-hoàn :

— Thanh-mông-thạch 1 lạng giã giập ra cùng với 5 chỉ diêm-tiêu cho vào nồi đất đun cho cái nồi đỏ ra, rồi để

Tìm sách

nguội tán thuốc thành bột, cho chút nước đem đun cho đặc rồi viên lại bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 1, 2 viên với nước bạc-hà, kinh-giới. Là chứng mạn-kinh, mạn tỳ thời uống bằng nước mộc-hương (2 vị trên dù tiêu đàm nhưng không lợi cho tỳ-vị, cho nên dùng đến mộc-hương, uống như thế thời đi cầu ra đàm mà không động đến tạng phủ).

Bài trên để chữa chứng phong đàm.

4) Linh-chi-hoàn :

Ngũ-linh-chi, Bạch-phụ-tử, Mộc-hương, Cương-tàm đều 1 phân.

Con gián sao nửa phân, Châu-sa một chỉ.

Lấy giấm-thanh đun bán-hạ cho nhừ ra, thêm hồ để hoàn to bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống 3 viên với nước gừng.

Bài trên để chữa chứng đàm nhiều mà không hạ được.

5) An-thần-tán :

Toàn-yết 4 con bỏ đầu, ruột, chân, cánh, rồi ngâm nước đường 1 đêm, lấy một củ Nam-tinh to, khoét 1 lỗ hổng cho con gián vào trong, lại lấy bột Nam-tinh lấp lại rồi lấy bột gạo trộn với nước, nắm kín ở ngoài đem nung cho đỏ, xong chôn xuống đất một đêm, lấy lên bỏ Nam-tinh tán vị Toàn-yết làm bột, mỗi lần uống nửa chỉ với nước lã.

Bài trên chữa chứng mạn-kinh và chứng co giật.

Tìm sách

PHỤ THÊM CHỨNG « THỬ-PHONG »

Chứng này vì cảm nắng mà chân tay hơi co giật, nhắm mắt ngủ lịm đi, sốt mà nhức đầu, mặt đỏ, khát nhiều, cũng tựa như chứng mạn-kinh, thời nên giải thử, mà không nên cho uống thuốc chữa mạn-kinh.

4.— MẠN-TỲ

(Phụ chép lời bàn luận về chứng kinh, chứng cam, chứng thổ-tả).

Căn bệnh :

Chứng Mạn-kinh là can-mộc, tâm-hỏa và tỳ-thổ đều hư-yếu, còn chứng mạn-tỳ này là âm khí mạnh quá, khí của dạ-dầy yếu lắm mà thành ra, chỉ có tạng tỳ thụ thương, cho nên gọi là *Mạn-tỳ-phong* chứ không phải là riêng 1 chứng bệnh.

Trẻ em lúc ngủ kinh sợ thời thần khí vượt ra. Lại phần nhiều vì tâm, thận không đủ, tinh thần không dựa vào đâu được, cho nên lúc ngủ kinh-giật.

Ngũ tạng đều có âm-dương, khí của tạng-can là dương đã vượng thời huyết là âm kém đi. Trẻ em phần nhiều chân âm của tạng thận không đủ, hư-hỏa động ở trong mà sinh phong chứ không phải phong ở ngoài đến.

Triệu chứng :

Chân tay ít cử động, khắp người đều lạnh, hay là nóng vừa, 2 mắt nhắm lại, tiếng nhỏ, không khóc được, mặt xanh, lưỡi rụt, oẹ luôn hay là thổ, thè lưỡi, cấm khẩu, nghiến răng, lúc ngủ lắc đầu, hoặc 4 chân tay giật, chân

Tìm sách

lạnh mà lại không co vào, đờm nhiều mà có hôn-mê, trán nhiều mồ-hôi, tay sờ soạng, lim-lịm hay ngủ.

Chứng này bởi cấp-kinh truyền sang mạn-kinh, lại từ mạn-kinh truyền sang, đó là chứng « cực-âm ». Cũng có đứa vì thổ-tả dã lâu, phong tà cảm vào tràng-vị thành đi cầu luôn, mặt vàng, thế là khí của tạng-tỳ đã thoát, rồi phát sốt mà thành những chứng như trên.

Về mạch thời « trầm vy, trì hoãn » về tia máu ở ngón tay trỏ thời đỏ tía, tia máu ấy sắc tía mà còn ở phong-quan là nhẹ, nếu xanh hay tía hay đen mà ở phong-quan là nặng, ở khí-quan là nặng hơn. Trong miệng ra máu hay là đi cầu ra máu đen, ta thấy thường hét lên 2, 3 tiếng là tạng tàm tuyệt. Con ngươi lác đi hay móng tay xanh đen là tạng-can tuyệt. Đi cầu không ngừng là tạng tỳ tuyệt, thổ rồi lại thổ là dạ-dầy tuyệt. Hai mắt không mở không nhắm chợt lại thét lên như tiếng con quạ là tạng phế tuyệt. Miệng thổ nước bọt trắng là tạng thận tuyệt. Như trên đều là chứng chết.

Cũng có đứa, người và trán nhiều mồ-hôi, thổ luôn mà mùi tanh thối, đi cầu ra đen, mà hơi phào ra là tỳ-vị tuyệt, đều không chữa được.

Phép chữa :

Chứng này 10 đứa khó cứu được 1 đứa. Chỉ có phép bổ tỳ vị, hồi dương khí, yên tâm trí và hóa đờm thuận khí mà thôi. Nếu mắt nửa mở nửa nhắm, chân tay không lạnh, đại-tiểu-tiện khó đi là còn có chút dương, thời phải dùng thuốc ôn hòa, thuận khí, hóa đờm mà không nên dùng ngay thuốc hồi dương. Tuy thế, *dù có nóng cũng*

TimSách

là hư hỏa trở đi trở lại, mà không dùng được thuốc mát.

Trẻ em ngày thường, nghe tiếng động giật mình, hồi lúc ngủ kinh khóc, là bởi tạng can và tạng phế hư yếu, thời phải bổ can và phế, mà không dùng được thuốc chữa phong để ráo chân huyết và thuốc chữa kinh để hại tỳ-vị.

Chứng này kiêng dùng thuốc cay nóng, kiêng dùng thuốc mạnh để hại chân âm, kiêng vị thuốc phạt tạng can, kiêng vị thuốc vợi nhẹ tạng phế, vị thuốc ôn quá cũng không được, vị lạnh quá cũng không được.

Chứng mạn-tỳ này với chứng mạn-kinh thời chữa về căn-bản, tạng tỳ đã yếu thời phải bổ tạng tỳ, chân âm cũng kém thời phải thêm thuốc thấm nhuần, hư hỏa bốc lên chữa bằng thuốc cam-ôn, hàn lắm thời phải ôn bổ hẳn.

PHƯƠNG THUỐC THƯỜNG DÙNG

1) Truật-phụ thang.

Phụ-tử nướng, Bạch-truật sao, Nhục-đậu-khấu nướng chín, Cam-thảo trích, thêm chút Mộc-hương. Sắc uống.

Bài trên chữa chứng mạn-tỳ mà người uốn cong lên, tóc dựng, bỏ vú, hay ngủ, nhiều mồ-hôi.

2) Bạch-cương-tàm hoàn.

Nam-tinh chế sao 2 chỉ, Cương-tàm rửa với rượu sao, đất mùn giun sao vàng, con gián bỏ đầu, ruột, chân, cánh rồi sao vàng, Ngũ-linh-chi sao.

Tìm sách

Các vị đều 1 chỉ tán bột, nấu vị bán-hạ-khúc và thêm hồ để làm thuốc hoàn to bằng bột vừng, mỗi lần uống 5 hột với nước gừng.

Bài trên để chữa chứng mạn-tỳ bởi chứng mạn-kinh thổ tả nhiều mà ra, vì yếu mà nóng trở đi trở lại, tinh thần mụ đi, đàm giãi ngừng lại, hay là chứng mạn-tỳ không bởi chứng cấp-kinh, mạn-kinh truyền sang mà dương khí chưa thoát hẳn.

3) Hắc-phụ-tử thang.

Hắc-phụ-tử 3 phân, Mộc-hương và Bạch-phụ đều 1 phân, Cam-thảo nửa phân, thêm gừng sống sắc uống, được chân tay ấm thời thôi.

Bài trên để chữa chứng mạn-tỳ mà 4 chân tay giá lạnh.

Uống bài trên xong thời uống đến bài *Tứ-quân* thêm phụ-tử, hay bài *Di-công tán* (đều ở quyển Nhật) hoặc bài *Tỉnh-tỳ tán*. Thổ tả nhiều dùng bài *Gia vị truật-phụ thang* (đều ở môn Mạn-kinh). Nặng thời uống bài *Lai-phục đan* hay bài *Kim-dịch đan* (đều ở quyển Nhật).

Bàn về chứng kinh, cam, thổ, tả.

Bốn chứng này tuy khác nhưng cùng một nguyên nhân, chứng kinh bởi tạng can nóng nhiều, chứng cam là tạng tỳ nóng nhiều, chứng thổ là dạ-dầy có hỏa, chứng tả cũng có khí vì nhiệt.

Sữa của đàn bà vốn là hàn, trẻ em bú phải sữa chua hay là bú không có tiết độ thời hóa ra thấp, mà thấp

TimSách

hóa ra nhiệt, thành chứng thổ hay đi cầu, thày thuốc dùng nhiều thuốc ráo thời trừ được thấp nhưng còn nhiệt thì lại sinh ra bệnh nhiệt.

Nhưng cho là trẻ em thuần dương mà uống thuốc hàn-lương cũng không thể được.

Con gái 14 tuổi, con trai 16 tuổi thì « thiên-quý-Thủy » mới đầy đủ, thế là lúc ít tuổi thì âm huyết còn thiếu. Ta gọi trẻ em là « thuần-dương » là dương khí còn non nớt, chứ không phải là dương khí dư ra mà dùng thuốc Hàn-lương để phạt bớt đi được.

Nếu chấp nệ về câu « thuần-dương » mà gặp bệnh chỉ dùng thuốc hàn-lương, thì âm huyết đã thiếu mà dương khí lại thoát nốt, thì lấy gì để sinh sống. Cho nên phải xét về lúc bẩm sinh, xét về căn bệnh mà dùng thuốc cho âm dương được quân bình.

5.— MÃ-TỲ-PHONG

Chứng này bởi hàn tà ở vào màng của tạng phế, hàn lâu làm hóa ra nhiệt, rồi sinh ra đàm suyễn, nấc ngược lên, khí đàm trở lên mà lá phổi to, tục gọi là *mã-tỳ-phong*, không chữa ngay là nguy, nên cho uống *Bảo-long-hoàn* hay là *Mã-tỳ-phong tán* kê sau đây:

Thần-sa 1 chỉ, Cam-thảo 5 phân, Cam-toại 1 chỉ rưỡi. Cùng tán bột, lấy chút nước nóng mà ở trên đồ 1 giọt tô dầu thơm, lấy 1 chỉ thuốc bột để lên trên dầu ấy, khi thuốc chìm xuống thì chắt nước đi lấy thuốc ấy cho

Tìm sách

uống (trong bản chữ Hán mấy câu này rất tối nghĩa, dịch như trên không rõ có thật đúng hay không).

Nếu chỉ ho đàm sắp thành chứng co giật, thì cho uống bài *Tinh-tinh tán* hay bài *Sâm-tô-ẩm* hoặc bài *Nhân-sâm khương-hoạt-tán* (đều ở quyển Nhật) rồi uống bài *Bảo-mệnh đan* kê sau đây :

Toàn-yết 14 con, Phòng-phong, Nam-tinh, Thuyền-thoái, Cương-tàm, Thiên-ma, Hồ-phách, 6 vị đều 2 chỉ, Bạch-phụ, Thần-sa, đều 1 chỉ. Sạ-hương 1 lai, có nóng sốt thêm chút Ngưu-hoàng và Long-não.

Các vị đều tán bột lấy cơm gạo tẻ nghiền ra làm thuốc hoàn to bằng hạt quả bồ-kết, lấy lá kim-bạc tán ra để làm áo, các vị trên chế và sao như phép thường).

Trẻ em sơ sanh uống nửa viên với sữa, từ 10 tuổi trở lên mới uống được 2 viên bằng nước Câu-đằng và bấc hay là bằng nước bạc-hà và kim-ngân. Nếu là chứng « thiên-điếu » thì lấy nước mật lợn đực luyện với thuốc bột để hoàn lại, mà tán thêm vị Tê-giác rồi dùng nước giếng hòa 1 viên nhỏ vào trong mũi cho hắt hơi, còn uống bằng nước Câu-đằng. Chứng ngoại cảm mà kinh giật cũng nên uống thứ thuốc này.

6.— CHỨNG CO-GIẬT (phát súc)

Căn bệnh.

Trẻ em sơ sinh trong một trăm ngày mà co giật, cũng có dửa vì người mẹ ăn nhiều thức nùng hậu. Còn ngoài trăm ngày bệnh nhẹ là chứng này, mà bạo bệnh là chứng kinh-phong.

Tìm sách

Triệu chứng.

Vì phong thì mặt xanh mắt đỏ. Vì kinh sợ thì thêm kêu gào. Vì ăn thì thêm ợ thổ. Vì tạng tỳ, tạng phế hư yếu thì có đàm đặc mà cuống họng như tiếng kéo cưa (tạng tâm có hỏa không sinh được tạng tỳ là hành thổ, tạng tỳ là hành thổ không sinh được tạng phế là hành kim).

Chứng này giật ngược lên là không chữa được. Nếu sanh rồi trong một trăm ngày mà giật lên, thật là phong từ trong ra thì chỉ 2, 3 lần là chết (chân-phong). Còn vì cảm gió lạnh dù giật luôn cũng không chết (giả-phong). Chứng giả phong thì hơi thở ra nóng, mặt đỏ (không xanh hay không tối, mạch hồng mà không trầm-tế.

Phép chữa.

Giả chứng nên phát tán. Còn bệnh bởi tạng tỳ, tạng phế hư yếu, nhiều đàm thở suyễn thì không nên dùng thuốc chữa phong đàm để tản khí và ráo chân âm. Nếu vì thất tình của người mẹ (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) hay là mẹ ăn nhiễm thức nùng hậu thì phải chữa cả người mẹ mà để ý đến tỳ, vị.

Cũng có đứa phải chữa theo chứng thực vì tạng can mạnh thì sinh ra phong hỏa mà nóng và kinh, tỳ thổ mạnh thì sinh ra thấp trệ mà thành đàm và tích, biết hai lẽ ấy thì chữa được chứng thực. Thực là tà-khí mạnh chứ không phải nguyên khí của đứa trẻ được mạnh, vậy trẻ em co giật dù là thực chứng, phép chữa cũng không để hại đến nguyên khí. Bệnh đã lâu càng phải để ý đến tỳ và thận.

Tìm sách

Còn chứng hư (người hư yếu) thì phải bổ huyết cho tạng can để khỏi co giật, bổ cho tạng tâm để khỏi kinh sợ, bổ cho tạng tỳ để tiến thực cho khỏi những chứng nôn oẹ, đi cầu lỏng, bổ tạng phế cho khỏi thở suyễn nhiều mồ-hôi, bổ cho tạng thận để khỏi đi đái hay đi cầu nhiều, lại chóng biết nói, người và chân tay khỏi lạnh, cùng hỏa ở tạng thận được về chỗ, biết 5 lẽ trên thời có thể chữa được chứng co giật vì hư yếu.

— Nếu đờm dãi lấp ở tạng tâm mà không nói được thời nên uống những vị để hạ đờm, mát tạng-tàm, trấn kinh sợ.

— Nếu phong tà nất ở trong mà có nóng sốt, nên giữ tạng phế mà trừ phong tà.

— Nếu tà-khí ở ngoài đã giải được mà vẫn chưa khỏi, thời vừa bổ phế vừa bổ tỳ.

— Nếu kinh giật bởi tạng phế yếu, thời bổ tạng tỳ tạng phế, mà dẹp tạng tàm, tạng can. Ta nên biết đàm và hỏa hại cho trẻ em rất nhiều, nào chứng cấp-kinh, nào chứng tê cuống-họng, nào chứng kinh-giản, nào chứng ho-đàm, nào chứng đi cầu ra phân xanh. Vì thế chứng kinh-phong phải thêm thuốc bổ huyết, mà đừng dùng hoàn toàn thuốc trừ phong.

Các phương thuốc.

Chữa chứng kinh sợ, co giật nên dùng bài *An-thần-tán* (ở môn cấp kinh).

— Nếu vì cảm gió thời hơi thở ra nóng, hay ngáp, tay chân mấp-máy thời là giả-chứng, nên dùng bài *Đại-*

Tìm sách

thanh-cao. Nếu hơi thở không nóng, thân thể mỏi mệt, thời dùng bài *Di-công-tán* để bổ tạng tỳ, hay bài *Câu-đăng-ẩm* để nhẹ tạng can.

— Nếu vì thức ăn tích lại, thời có nôn oẹ, nên dùng bài *Tiêu-thực-hoàn* (đều ở quyển Nhật).

— Nếu thương thực rồi mà co giật, người nóng, hay ngủ, nôn oẹ, không muốn ăn, thời chữa co giật trước rồi dùng bài *Bạch-binh-tử*.

— Nếu thức ăn đã tiêu mà chứng cũ chưa khỏi, là tạng can lấn sang tạng tỳ, nên dùng bài *Lục-quân-tử* thêm Câu-đằng.

— Nếu chân tay lạnh và ra mồ-hôi, mày ở lông-mày và mày ở rốn, ngày đêm không ngừng, như thế là chứng co giật bởi ở trong, nên uống bài *Nhân-sâm thang* thêm Xuyên-ô, Toàn-yết, v.v...

Giờ Dần, giờ Mão, giờ Thìn mà co giật phát sốt, khát ưa uống nước nguội, đại tiện kết, là can và đảm có hư nhiệt, nên dùng bài *Sài-thược sâm-linh tán*, khát nhiều tự ra mồ-hôi và mồ-hôi trộm là huyết ở can, đảm thiếu, nên uống bài *Đại-hoàng hoàn*. Ở mép chảy dãi là tạng can khắc tạng tỳ, nên uống bài *Lục-quân-tử*.

Giờ Tỵ, giờ Ngọ, giờ Mùi mà co giật, lại thêm khát ưa uống nước nguội, nên uống bài *Đại-hoàng hoàn*, bài *Đạo-xích-tán* hay bài *Lương-kinh-hoàn*.

— Nếu khát uống nước nóng, người mệt không bú, là tạng tỳ yếu tạng can vượng, nên uống bài *Đại-hoàng-hoàn* để bổ tạng thận, bài *Lục-quân-tử* để bổ tạng tỳ.

Giờ Thân, giờ Dậu, giờ Tuất mà co giật và suyễn,

Tìm sách

mắt hơi xếch đi, ngủ lộ con ngươi, người tựa như sốt, đi cầu và mửa, là tạng tỳ, tạng phế có hư nhiệt nên uống bài *Di công-tán.*

— Nếu chân tay lạnh, thở suyễn đi cầu lỏng, là tạng tỳ tạng phế đều hàn, nên uống bài *Lục-quân-tử* thêm Bào-khương, Mộc-hương.

— Nếu vì trước ốm đã lâu mà nguyên khí kém, nên uống bài *Lục-quân-tử thang* xen với bài *Lục vị hoàn.*

Giờ Hợi, giờ Tý, giờ Sửu mà hơi co giật, người nóng, mắt xếch, thổ tả, không muốn bú, chân tay lạnh, ngủ nhiều, nên uống bài *Ích-hoàng tán*, nếu chưa khỏi uống bài *Lục-quân-tử* thêm Can-khương, Nhục-quế.

1) Giờ Dần, giờ Mão, giờ Thìn mà co giật, là tạng can vượng, nên cho uống bài *Thận-khí-hoàn* để bổ tạng thận, bài *Tử-thanh-hoàn* để dẹp tạng can.

2) Giờ Tỵ, giờ Ngọ, giờ Mùi mà co giật là tạng tâm vượng, nên cho uống bài *Thận-khí-hoàn* để bổ tạng thận và bài *Đạo-xích-tán*, bài *Lương-kinh-hoàn* để vợi nhẹ tạng tâm.

3) Giờ Thân, giờ Dậu, giờ Tuất mà co giật là tạng phế vượng, nên cho uống bài *Ích-hoàn-tán* để bổ tạng tỳ, bài *Đạo-xích-tán* để nhẹ tạng tâm, bài *Tả-thanh-hoàn* để nhẹ tạng can.

4) Giờ Tý, giờ Hợi, giờ Sửu mà co giật, nên cho uống bài *Ích-hoàn-tán* để bổ tạng tỳ, bài *Đạo-xích-tán* hay *Lương-kinh-hoàn* để dẹp tạng tâm.

Tìm sách

(Đoạn này có mấy câu đã nói là bệnh về giờ ấy là thủy và thổ đều vượng, lại nói hành thủy yếu chỉ có hành thổ vượng, đã là khác nhau, hơn nữa, hành thổ là tạng tỳ đã vượng mà lại cho uống bài *Ích-hoàng-tán* để bổ tạng tỳ thì không hợp nhau, nên tôi không dịch mà chua ở đây có lẽ là người viết chữ Hán để khắc bản in sai lầm).

Chú giải của dịch giả :

Trên đây đã một đoạn phân tách chứng co giật ở 12 giờ nên cho uống bài thuốc gì, ở dưới lại phân tách 12 giờ thêm một lần nữa, đoạn trên thì kể kỹ về triệu chứng còn đoạn dưới chỉ để vắn tắt, còn bài thuốc thì không khác nhau mấy, có lẽ mỗi đoạn ở một bộ sách mà tác giả dẫn cả vào cho hoàn bị. Nhưng tóm lại chứng này chỉ ở tạng can, tạng tỳ và tạng thận mà phép chữa phần nhiều phải bổ chân huyết, bổ tỳ vị và dẹp tạng can, vì gân thuộc về tạng can.

7.— CHỨNG BÚ PHẢI SỮA NGƯỜI MẸ CÓ THAI

Triệu chứng.

Chứng này lúc sốt, lúc không, tóc dựng lên, nét mặt không được vui, lại tựa như đi ỉy, rồi đến gầy, vàng, bụng to, gân xanh, thổ nhiều, phân xanh, không chịu bú, người trơ những xương như trạng thái chứng cam.

Căn bệnh.

Trẻ em mới đầy năm, người mẹ đã có thai, vì bú phải sữa ấy mà thành bệnh, chứng này cũng gọi là « Thai-

Tìm sách

đố » là vì đàn bà chửa, tinh-hoa của thức ăn đã phải nuôi thai ở trong, mà đứa trẻ ở ngoài vẫn bú phải, nên còn gọi là chứng thai-đố, nghĩa là đứa trẻ ở ngoài ghen ghét với thai ở trong.

Thuốc chữa nên uống bài *Thiên-kim long-đảm thang*, lại khâu túi bằng miếng sa đỏ, đựng Dạ-minh-sa (cứt con dơi) để cho đứa trẻ đeo.

8.— CHỨNG NÓNG TẬN XƯƠNG (Cốt-chưng)

Căn bệnh.

Chứng này phần nhiều bởi kinh túc-dương-minh, triệu chứng người gầy chóng đói. Là vì khí huyết ở dạ-dày không đầy đủ mà tà khí nóng, chóng tiêu thức ăn (tà-hỏa sát cốc), cũng có đứa vì ốm rồi, nguyên khí chưa được mạnh, mà thành chứng cam, người tuy béo mà khí ở trong nóng như lửa, chóng đói hay khát, đi đái vàng. Chứng này phần nhiều ngày mát đêm nóng, và nóng âm-ỉ đến tận xương, nên gọi là « cốt-chưng ».

Triệu chứng.

Miệng hôi, phiền táo, háo khát, lông xỉn, thở vội, mồ-hôi trộm, người khô như hạc, đi cầu luôn, bụng to, chân tay gầy, hay ăn, chóng đói.

Chứng ấy truyền sang tạng can thời hay giận hay sợ, má đau, gân co lại, buổi sáng hay chập tối thời bệnh nặng hơn.

— Truyền sang tạng tỳ thời tinh thần mệt, người nề,

Tìm Sách

chân lạnh, sôi bụng, giờ Thìn, giờ Tuất, giờ Mùi thời nặng hơn.

— Truyền sang tạng phế thời đàm, đầy cách, ghẻ rét, quá trưa thời nặng hơn.

— Truyền sang tạng tâm thời ngực và lòng bàn chân bàn tay nóng như rang, miệng nóng, môi đỏ, giữa trưa thời nặng hơn.

— Truyền sang tạng thận thời trùng ăn tinh-tỷ, lộ cả xương cốt, về đêm thời nặng hơn.

Phép chữa.

Chứng này bởi hỏa tà hại đến tinh huyết, thời phải chữa về căn bản là tinh huyết. Nếu vì ốm nặng rồi mà thanh chứng này thời phải kiêm bổ cả khí huyết.

Phương thuốc.

Muốn bổ tinh huyết không gì bằng bài *Lục-vị* hay bài *Bát-vị* mà thêm Nhung hay Cao của Hươu hay Nai, cùng Nhau của dàn bà đẻ. Lại xen với thuốc bổ huyết như bài *Bát-trân*, bài *Thập-toàn*, bài *Qui-tỳ* v.v... hoặc bài *Tam-tài cao* là Sâm, Thục, Thiên-môn 3 vị bằng nhau sắc đặc thành cao uống với nước lã đun sôi, nếu uống nhiều thời Thục-địa thay bằng Sinh-địa, hay bài *Sinh-tê-giác tán* gia giảm.

9.— GÀY, VÀNG (Luy hoàng)

Căn bệnh.

Chứng này gốc ở tỳ-vị thụ thương, vì sắc của hành

thổ vàng, mà tạng tỳ thuộc hành thổ, cho nên tạng tỳ thụ thương thời người gầy và vàng.

Triệu chứng.

— Có đứa vì thấp khí bốc lên thời ngực và bụng to chân tay phù nề, tuy vàng mà sạm đen, mồm hôi, môi khô.

— Có đứa vì ốm lâu thời người nóng, lông xỉn, mất vàng, ống chân nề, hay ăn chóng đói, rồi vàng như hoàng-đảm.

— Có đứa vì phong nhiệt thời đoản khí, tinh thần mệt, tuy vàng mà hơi trắng.

— Có người vì thương thực thời người đau ngăn-ngắt, môi trắng nhợt, sưng lên, phiền khát, mồm hôi, tuy vàng mà hơi đỏ.

Phép chữa.

— Chữa chứng thấp nhiệt, nên cho uống những vị như Xương-truật, Bán-hạ, Trạch-tả.

— Chữa chứng ốm lâu, nên cho uống những vị như Phục-linh, Bạc-quế, Hậu-phác, v.v...

— Chữa chứng phong-nhiệt, nên lấy kim bằng bạc, khêu 10 đầu ngón chân, ngón tay để nhẹ sự ủng-tắc, vì ngón tay là kinh-lạc của Đại-tràng, rồi ở trong uống những vị bổ tỳ, lợi tiểu tiện.

— Chữa chứng thương thực nên dùng những vị như: Nga-truật, Chỉ-xác, Bạch-giới-tử, Sơn-tra.

Tìm sách

10.— NHIỀU MỒ-HÔI

Căn bệnh.

Trẻ em thớ thịt còn nhão, cho nên mồ hôi dễ ra, nếu ăn uống quá, hay mặc nhiều quần áo. Có thuyết nói ra mồ hôi nhiều là việc thường của trẻ em, bất tất phải chữa.

Nhưng mồ hôi là doanh-huyết, mà đóng hay mở là bởi vệ-khí. Nếu trẻ em nhiều mồ hôi là khí của ngoài vệ không vững mà có thể thành bệnh.

Phép chữa.

Nên bồ chân khí để vững ở ngoài biểu, khí ở ngoài biểu đã vững, thời tân-dịch chứa lại mà mồ hôi không ra.

Phương thuốc.

Trẻ em vô cớ thường ra mồ-hôi, hay là ra mồ-hôi trộm, nên uống bài *Đoản-sâm-tán*, bài *Sâm-linh-tán*, bài *Tứ-quân-tử-thang*, bài *Ngũ-vị dị-công tán*, bài *Bạch-truật-tán*, hơn nữa uống bài *Tam-âm-tiên* (đều ở quyển Nhật), bài *Dưỡng-vinh-thang*, bài *Thập-toàn-thang* (đều quyển Khôn-hóa).

— Nếu vi tạng tâm có hỏa, thời hẳn là phiền khát, nên uống bài *Sinh-mạch-tán*, bài *Nhất-âm-tiên* (đều ở quyển Nhật).

— Nếu hỏa ở tạng can, tạng tỳ hư yếu, bốc nóng trở lên, vi huyết nóng mà ra mồ-hôi thời mạch tất là « hồng-hoạt », chứng bệnh phần nhiều phiền nhiệt, nên

Tìm Sách

uống *Dương-qui-lục-hoàng-thang* hay bài *Nhất-âm-tiên* gia-giảm (đều ở quyển Nhật).

— Nếu là thực chứng ở kinh dương-minh mà khát nhiều, nên uống bài *Trúc-diệp-thạch-cao thang.*

— Nếu vì ốm rồi, hay sau khi thổ tả dùng lầm thuốc công phạt, mà mồ-hôi nhiều vong-dương, nên uống bài *Sâm-phụ thang*, bài *Kỳ-phụ-ẩm* hay bài *Lục-vị hồi-dương.*

— Nếu vì mặc áo hay đắp chăn nhiều mà ra mồ-hôi, nên dùng 1 chỉ Nhân-sâm, sắc cho uống là khỏi ngay, sau lâu ngày không uống sâm lại ra mồ-hôi, thời lại uống là ngừng, công hiệu như thần.

Mồ-hôi nhiều thời vong dương, mà thành những chứng uốn-ván, cổ ngay ra, lác mắt v.v... là bởi 2 kinh Thái-dương, Thiếu-âm, tinh huyết háo tán mà thành ra, phải uống ngay bài *Đại-doanh-tiên*, bài *Dưỡng-vinh-thang*, hay bài *Thập-toàn-thang* (đều ở quyển Nhật) (chứng này mà chữa về phong thời chết ngay).

— Nếu vì dạ-dầy kinh sợ mà ra mồ-hôi từ cổ đến rốn, nên uống bài *Ích hoàng-tán.*

— Nếu vì tạng tâm hư yếu kinh sợ mà ra mồ-hôi, rồi tạng tỳ cũng yếu mà ăn ít, nên uống bài *Đại-ôn-kinh-hoàn*, có nóng sốt uống bài *Tiểu-lương-kinh hoàn* mà uống bằng nước Mẫu lệ và Ma-hoàng-căn.

— Nếu vì tỳ vị hư yếu, nên uống bài *Tiền-thi bạch-truật tán.*

— Nếu mồ hôi trộm không ngừng mà người gầy yếu, là huyết ở tạng tâm dàn ra thành mồ hôi, chứ không phải

Tìm sách

là hư yếu, nên dùng những vị Sâm và Qui đều 1 chỉ, một trái tim lợn cùng sắc nước uống để thu liễm lại. Bài này chữa chứng lòng bàn tay ra mồ-hôi nhiều cũng được công hiệu.

— Nếu ra mồ hôi nửa người là vì đàm nhiều quá, nên uống bài *Hương-trảo-hoàn* sau đây :

Bài này có những vị Hồ-liên, Xuyên-liên, Hoàng bá, Đại-hoàng, Mai ba ba tẩm giấm sao, Sài hồ. Các vị bằng nhau cùng tán bột (ở dưới nói cách làm không được rõ nên để lại không dịch).

Trẻ em là thuần dương, nếu vì mặc nhiều áo hay đắp chăn dày mà trán ra mồ-hôi, thời dùng quạt bằng lá đã cũ, đốt cháy nghiền ra, mỗi lần cho uống 1 chút với rượu, mà bệnh nhẹ thời không uống thuốc cũng khỏi.

Chứng ra mồ-hôi nhiều mà lại thêm trong miệng lở nhiều, hay là ốm lâu mà ở trán ra mồ-hôi như dầu không chảy đi được, đều là chứng chết.

Chú giải của dịch giả.

Ta thường lấy giấy ở cái quạt đã cũ đem đốt ra xoa cho đứa trẻ ra mồ-hôi trộm, mà bài trên đây lại nói là đốt quạt bằng cỏ « bồ » đã cũ cho thành than, thời không rõ cỏ bồ lá lá gì mà cũng có tính vít mồ-hôi lại.

CÁC PHƯƠNG THUỐC THƯỜNG DÙNG

1) Mẫu-lệ-tán.

Mẫu-lệ nướng chín, Hoàng-kỳ tẩm mật sao, Sinh-địa,

Tìm sách

Phù-mạch (một thứ lúa trong vị thuốc), Ma-hoàng-căn. Các vị sắc nước uống, để chữa chứng trẻ em tự ra mồ hôi.

2) Chỉ-hãn-tán.

Tức là bài *Tứ-quân* thêm Đương qui, Hoàng-kỳ và Phù-mạch sắc uống.

3) Phác-hãn tán

Mẫu-lệ nung chín, Ma-hoàng-căn đều 1 lạng, Xích-thạch-chi, bột gạo nếp, Long-cốt nung chín, 3 thứ đều 5 chỉ. Các vị cùng tán bột bọc vào vải cùng xoa ở trên người.

II.— ĐI ĐÁI TRẮNG

Căn bệnh.

Đi đái trắng là tỳ-vị thấp nhiệt, những đứa ăn uống thiếu tiết độ phần nhiều có chứng này. Cũng có đứa vì chân khí kém mà hãm trở xuống. Có thuyết nói chứng này bởi tạng tỳ có tích lại để lâu thành chứng cam, lại thêm cách-mô ở quả tim có nóng ngầm (phục nhiệt).

Triệu chứng.

Đi đái trắng như nước vo gạo, để một lúc thời vẫn đục. Có thuyết nói trẻ em ngày thường đi đái vàng hay đỏ, mùi khai hoặc đái rắt, mà nước đái vẫn đục trắng như nước gạo cũng thuộc về chứng này.

Phép chữa.

Chứng này nếu không chữa, thời trong bụng không phân âm dương mà thành tả hay lỵ, thấp nhiệt không trừ được thời thành sốt rét, thành đái rắt, thành chứng cam.

Tìm sách

Nếu thấy đi đái trắng mà không phiền nóng, thời bắt nhịn ăn hoa quả và thức ngọt, nước lạnh quá thời tự khỏi, nhất thiết không nên dùng nhiều những vị Hoàng-cầm, Hoàng-liên, Sơn-chi để thành chứng thổ tả.

Phương thuốc.

Xét thấy mạch và chứng là có hỏa, nên dùng bài *Thanh-lợi đạo-trệ tán*, hay bài *Tứ-vị phi-nhi-hoàn.*

— Nếu vì ăn uống mà có đầy trệ, nên cho uống bài *Bảo-hòa-hoàn* hay bài *Đại-an-hoàn.*

— Nếu hình thể và nguyên khí đều kém, người gầy vàng hoặc thổ hay là đi cầu lỏng, nên cho uống bài *Ngũ-vị di-công tán* hay bài *Tứ-quân thang*, (đều ở quyển Nhật), hoặc bài *Bổ-trung ích-khí thang* (quyển Khôn Hóa).

— Nếu vì hỏa ở tạng can và tạng thận, có nóng lây sang bàng-quang, thì phải đi đái sẻn mà đau, người có phiền nóng nên cho uống bài *Thất-vị long-đảm tả can thang.*

— Nếu vì tỳ-vị vốn hư yếu mà thêm thấp nhiệt, nên cho uộng bài *Tứ-quân-tử thang* thêm hoàng-liên sao.

— Nếu chỉ có đi đái trắng mà không có uất nhiệt thì chỉ dùng thuốc mát là đủ.

— Nếu xét ra ở trong có nóng ngấm-ngầm (phục nhiệt) nên cho uống bài *Phục-linh tán* kê sau đây :

Tam-lăng, Nga-truật, Xích-phục-linh, Sa-nhân, 4 vị đều 2 chỉ ; Thanh-bì, Trần-bì, Hoạt-thạch, Cam-thảo đều 2 chỉ rưỡi.

Cùng tán bột, sắc nước vị Mạch môn và Lấc (thắp đèn dầu lạc thời cỏ) để uống thuốc bột.

Tìm sách

— Trẻ em hơn mười tuổi, sau khi có chứng kinh, khí của tạng tâm đem trở xuống đi đái rắt ngày đêm đến ba bốn mươi lần người vàng mà gầy, nên cho uống bài *Thuận-kinh tán* kê sau đây:

Phỉ-tử, Hồ phách, Ích-trí-nhân, Kim-mao cẩu-tích, Bạch-phụ-linh, Thạch-yến đều 5 chỉ; Thạch vi 1 chỉ.

Tán bột mỗi lần uống 1 chỉ với nước lá hẹ ngày 2 lần.

12.— SƠ SANH TIỂU TIỆN KHÔNG THÔNG

Căn bệnh.

Nước phải có khí mới vận hành, tạng tâm và tiểu-tràng (ruột non) tương thông với nhau, khí của tạng tâm lạnh thì đi đái như nước tia ra (xái đích), khí của tạng tâm nóng thì đi đái khó, khí của tạng tâm ủng tắc thì đi đái không thông, khí của tạng tâm nóng đã lâu thì đi đái trước đỏ sau trắng.

Quả thận và bàng-quang tương thông với nhau, nước ở bàng-quang thông sang tiểu-tràng thì đi đái mới thông, tạng tâm tạng thận vẫn tương giao, nay khí của tạng thận đã nóng thì đái phải ngừng lại.

Tuy nhiên, sơ sanh trong 7 ngày, nếu thấy đái co lên mà không đái được thì lại là gặp hàn khí.

Phương thuốc.

1.— Lấy 2 hay 3 củ hành, mỗi củ thái làm 4 phiến, cùng đun với một chén sữa mà cho uống làm 4 lần là đi đái

Tìm Sách

ngay, nếu thêm không bú, uống như thế cũng bú ngay được.

2.— Xích-phục-linh, Mạch-môn, bấc thắp đèn dầu lạc, hột xa-tiền. Cùng sắc nước cho uống.

— Nếu tiểu-tràng có nhiệt, lấy ngay vài con giun rửa sạch nghiền với mật rịt lên trên chỗ ngọc-hành hay âm-hộ, lại sắc nước Mạch-môn và bấc thắp đèn dầu lạc mà cho uống.

Một phương thuốc rịt trên rốn.

Một củ hành cả dọc, một chút gừng sống, 21 hạt Đạm-đậu-kỹ (nguyên để làm thuốc) và một chút muối, cùng nghiền ra làm như cái bánh đặt lên trên rốn rồi lấy vải buộc lại, nếu chưa hiệu lại buộc miếng thứ hai.

Đạo-tiểu-xích tán.

Sinh-địa, Mộc-thông, Cam-thảo, lá tre cùng sắc lấy nước cho uống, để chữa chứng tạng tàm có hư nhiệt mà phiền táo buồn bực, tiểu-tiện đỏ mà khó đi, dưới rốn đầy lên mà đau.

13.— ĐẠI-TIỆN KHÔNG THÔNG

Căn bệnh.

Cặn bã của thức ăn dồn xuống đại-tràng rồi đi cầu, vậy chứng không đi cầu được, phần nhiều bởi đại-tràng.

Triệu chứng.

Bụng đầy buồn mà đau, trên ngực bĩ muốn thổ, cuống

Tìm sách

họng ráo mà bí tắc, mấy hôm không đi cầu, thế là khí nóng tụ ở trong, đại tràng khô ráo mà thêm khí trệ.

Phép chữa.

Phải dùng ngay thuốc hạ để khỏi biến chứng.

THUỐC CHỮA.

1) Thông mật thang.

Ba củ hành sắc lấy nước (bỏ bã) rồi cho vị Chính-a-giao (đã sao phồng lên) với mật cho tan ra mà cho uống, để chữa chứng trẻ em vì yếu mà bí đại tiện (hư bí).

2) Cam-chỉ thang.

Cam-thảo, Chỉ-xác đều bằng nhau, sắc nước cho uống trước lúc bú hay ăn, cũng để chữa như chứng trên.

3) Tam hoàng tê-giác thang.

Tê-giác cạo vụn ra, Đại-hoàng chung với rượu, Câu-đằng, Chi-tử, Cam-thảo, Hoàng-cầm, các vị bằng nhau tán bột uống với nước nóng, để chữa chứng nhiệt bí.

14.— SƠ SANH, ĐẠI-TIỂU-TIỆN ĐỀU KHÔNG THÔNG

Triệu chứng.

Trẻ em sanh rồi, mặt đỏ, thở vội, chảy nước mắt, hay ngáp, mà đại-tiểu-tiện đều không thông, hay là rỉ ra như nước máu loãng, hơn nữa, tay chân thường co giật, mắt thường trông ngang, người thường lay động.

Phương thuốc.

Nếu mới sanh mà mắt nhắm, mặt đỏ, không bú, không ỉa đái, nên uống bài *Nhưỡng-nhũ-phương* sau đây:

Tìm sách

Trạch-tả 5 phân, Sinh-địa 4 phân, Chư-linh, Xích-phục-linh, Thiên-hoa-phấn, Nhân-trần, Cam-thảo đều 2 phân.

Sắc nước cho đứa trẻ uống, đến khi bú sữa người thời vắt sữa cũ đi.

15.— BỤNG ĐẦY LÊN

Phép chữa

Nhờ người đàn bà lấy nước ấm súc miệng xong rồi lấy miệng hút ở trên rốn, dưới rốn, lòng bàn tay bàn chân và chỗ sau lưng (ngang với bụng), mỗi chỗ hút 4, 5 cái cho đỏ lên, nếu ỉa đái được thời đầy-chướng xẹp đi.

16.— HAI TẦNG LƯỠI (trùng-thiệt).

Căn bệnh

Chứng này bởi tạng tâm, tạng tỳ có nhiệt, vì lưỡi thuộc về tạng tâm, mà mạch của tạng tỳ ở dưới lưỡi.

Triệu chứng.

Ở dưới lưỡi chỗ gần cuống lưỡi lại mọc một cái lưỡi nhỏ mà ngắn.

Phép chữa.

Chứng này nếu không chữa thời sưng to đầy mồm, nên lấy kim băng bạc khêu chỗ ấy cho chảy máu ra, nếu lại mọc thời lại khêu.

THUỐC CHỮA.

1) Bài Đương-qui liên-kiều thang.

Qui-vĩ 2 chỉ, Liên-kiều 2 chỉ, Bạch-chỉ, Đại-hoàng đều 1 chỉ, Cam-thảo 5 phận sắc nước uống.

Tìm sách

2) Thiên-kim-phương.

Hoàng-bá tán bột ngâm với nước Trúc-lịch 1 đêm rồi lấy nước rỏ lên trên lưỡi, Bách-thảo-xương (muội nồi), Mang-tiêu, Hoạt-thạch. Cùng tán bột hòa với rượu mà bôi vào lưỡi. Sở dĩ dùng rượu là không để giá lạnh lắm. Phương thuốc này để chữa chứng lưỡi sưng lên. Nếu thêm chút Bạch-diêm thời chữa cả chứng trùng-thiệt và chứng lưỡi ngay như gỗ (mộc-thiệt). Còn ở trong cho uống những vị thuốc để dẹp tạng tâm và nhẹ nóng.

17.— LƯỠI THÈ RA (lộng-thiệt)

Căn bệnh.

Chứng này bởi tạng tỳ hơi nóng nên kinh-lạc ở lưỡi đi vội mà lưỡi hay thè ra. Cũng có đứa hay uống nước cũng vì tân-dịch của tạng tỳ không đầy đủ, nhưng đại bệnh rồi mà chém lưỡi là điềm xấu.

Triệu chứng.

Lưỡi thò ra dài mà lúc thụt vào thong thả thì gọi là « *thư-thiệt* ». Thò ra vừa mà thụt vào ngay, lưỡi khô ráp mà sưng gọi là « *lộng-thiệt* » tức là chứng này. Nếu trên lưỡi chảy máu thì gọi là « *thiệt-lục* » đều bởi tạng tỳ có hư nhiệt (người yếu mà nóng bốc lên).

Phương thuốc.

Chứng này không nên dùng nhiều thuốc mà chỉ nên uống bài *Tả-hoàng-tán* (quyển Nhật).

Nếu mặt vàng người gầy, ngực và lòng bàn tay bàn chân đều nóng, thời uống bài *Hồ-liên-hoàn* (quyển Nhật).

Tìm sách

Còn 2 phương kê sau :

1) Thanh vị tán,

Phòng-phong, Hoàng-cầm, Thiên-hoa-phấn, Hậu-phác, Thạch-cao, Chỉ-xác, Hoàng-liên, Trần-bì, Cam-thảo. Sắc nước uống. Bài trên chữa cả chứng thư-thiệt và lộng-thiệt.

2) Tán hột vị Băng-phiến mà bôi vào, để chữa chứng lưỡi dài ra mấy tấc.

18.– LƯỠI MỌC MỤN (lựu-thiệt)

Trẻ sơ sinh ở dưới lưỡi mọc lên như hột thìu-lựu trắng, đến cả cuống lưỡi, rồi đứa trẻ không khóc được.

Phép chữa.

Khều ngay ra cho chảy máu, rồi lấy tóc đốt cháy thành than mà bôi vào.

PHỤ THÊM : LƯỠI VÀ CỰA-GÀ MỌC MỤN

(trùng-ngân, trùng-ngạc)

Triệu chứng.

Ở lợi mọc mụn trắng hay là cựa-gà mọc mụn những nước mà mụn ấy lủng-lẳng xuống đều là tỳ vị có nhiệt.

Bài thuốc.

Nên dùng kim khêu chỗ mụn ấy cho chảy nước ra, còn trong dùng những bài thuốc sau đây :

Tìm sách

1) Thanh-dịch tán.

Long-não 1 phân, Thanh-đại và Phác-tiêu đều 5 phân.

Cùng tán bột, lấy lông gà rửa sạch bôi 1 chút trên lưỡi (cũng có sách thêm vị Ngưu-hoàng).

Bài trên cũng để chữa chứng trùng-thiệt và chứng miệng lở ra.

2) Đan-đại tán.

Hoàng-liên, Hoàng-bá đều 1 chỉ, Thanh-đại và Nha-tiêu, Thần-sa đều 2 phân, Hùng-hoàng, Ngưu-hoàng và Bằng-sa đều 1 phân, Phiến-lão 1 chút.

Các vị cùng tán bột tẩm nước lá bạc-hà khoẳng vào miệng rồi lấy 1 chút thuốc bột kể trên bôi vào.

Bài trên để chữa chứng trùng-thiệt và chứng trong miệng có nhọt sưng lên.

3) Thiên-nam-tinh-tán.

Vị Thiên-nam-tinh gọt vỏ, bỏ núm rồi phơi khô, tán mượt, hòa với giấm-thanh rịt ở lòng bàn chân, con trai rịt bên trái, con gái rịt bên phải, nhưng phải lấy giấy dầy để gói thuốc mà rịt.

Bài trên để chữa chứng lợi và cựa-gà mọc mụn những nước.

4) Tiêu độc tê-giác ẩm.

Thử-liên-tử (tức ngưu bàng) 4 chỉ sao, Kinh giới,

Tìm Sách

Cam-thảo, Hoàng-cầm đều 1 chỉ, Phòng-phong và Tê-giác đều 5 phân. Sắc nước cho uống, nếu em còn ít tháng thời rút ít đi.

Bài trên để chữa chứng vì nhiệt mà trùng-thiệt hay mộc-thiệt.

∴

Bàn về chứng trùng-thiệt và nga-khẩu.

Trùng-thiệt là dưới lưỡi sưng lên như có một tầng lưỡi nữa.

Nga-khẩu là trong miệng mọc trắng như là miệng con ngan (ta thường gọi là « tưa »).

Chứng trùng-thiệt thuộc tạng tâm, chứng nga-khẩu thuộc tạng tỳ, nhưng đều là tạng tâm nóng, vì tạng tâm tóm cả tạng tỳ, nếu tạng tâm nóng thời lây sang tạng tỳ. Nếu không bởi tạng tâm nóng thời miệng tuy mọc tưa trắng mà lưỡi vẫn đỏ, nay lưỡi cũng mọc trắng đủ rõ là ở trong tâm.

Tạng tâm là quân-hỏa, vốn là nóng, trẻ em là thuần dương, lúc thụ thai đã nóng, mà đã sanh lại được ôm ấp, quấn kín cho nên tạng tâm dễ nóng.

19.– LƯỠI NGAY RA (mộc-thiệt)

Căn bệnh.

Chứng này bởi tạng tâm, tạng-tỳ có nhiệt khí bốc lên, vì thế lưỡi sưng to đầy miệng. Nếu không chữa ngay thời nguy hiểm, nhưng nếu sờ tay vào thời hại đến cuống lưỡi, rồi sau nói không được rõ.

Tìm sách

Trẻ em có chứng này mà khóc không thành tiếng, sắc mắt biến đổi luôn, lại kinh sợ và đau là không chữa được. Thuốc uống nên dùng bài *Đương-quy liên-kiều thang* hay là bài *Thiên-kim phương* (đều ở mục Trùng-thiệt).

20.— CHỨNG MÃ-NHA

Chứng này là miệng và lợi mọc những mụn trắng mà không ăn được, khác với những nga-khẩu (tưa).

Phép chữa.

Lúc cần lấy kim khêu thủng những mụn ấy cho chảy máu ra, rồi lấy mực tầu viết chữ Hán mài với nước lá bạc-hà, lấy búi tóc của người mẹ chấm vào mực ấy mà sát vào trong miệng, một lúc lâu mới cho hú, rồi lại sát lần nữa là khỏi.

Phương thuốc.

Nếu đi cầu lỏng là tạng tỳ yếu mà nóng ngầm (âm hỏa) bốc lên, thì phải kiêng thuốc mát, nên dùng bài *Lục-quân-tử thang* hay bài *Lý-trung thang* (đều ở quyển Nhật).

— Nếu vì phổi và dạ-dầy có nóng, thì nên cho uống bài *Đại-liên-kiều thang* (mục Phi-nhi) hay là bài *Ngũ-phúc hóa-độc tán* (quyển Nhật).

21.— MIỆNG LƯỠI MỌC TƯA TRẮNG (nga-khẩu)

Chứng này cũng là tạng tâm tạng tỳ bị nóng từ lúc thụ thai, cho nên miệng lưỡi mọc trắng ra, coi như miệng con ngan, nên gọi là « nga-khẩu ».

TimSách

THUỐC CHỮA.

1) Lẫm-kim tán.

Hùng-hoàng 1 chỉ, Long-não 1 lai, Hàn-the 5 phân, Cam-thảo 3 phân, các vị cùng tán bột bôi khô vào chỗ đau hay là bòa với mật mà bôi cũng được.

2) Lấy nước lá Bạc-hà (lã đun lên) rửa một ít tóc rồi quấn tóc vào đầu ngón tay chấm vào nước Bạc-hà mà bôi.

3) Bảo mệnh tán.

Phèn-phi 2 phân, Mã-nha-tiêu 1 chỉ, Châu-sa 1 phân, cùng tán bột lấy mật điều với thuốc bôi lên trên lưỡi.

22.— MIỆNG NHỌT LỞ

Căn bệnh.

Chứng này cũng bởi tạng tâm nhiệt.

Phép chữa.

Lấy giấm thanh điều với bột nam-tinh rồi gói lại buộc vào lòng 2 bàn chân, mà người mẹ thì uống bài *Tẩy-tâm-tán* để cho con bú.

— Nếu bệnh nhẹ thì dùng vị Hoàng-liên và trà vụn (tế-trà), Cam-thảo cùng tán bột hòa với mật mà bôi.

— Nếu thấy bệnh nặng thì lấy vị Hoàng-bá tán bột với Thanh-đại và một chút Long-não điều vơi nước Trúc-lịch mà bôi, hay là uống bài *Bảo-mệnh-đan* rất hay.

— Nếu mọc mụn đầy miệng mà thối lở ra, thì dùng

Tìm sách

những vị hoàng-bá, Tế-tân, Thanh-diêm tán bột mà chấm vào thì sẽ thổ dãi ra, chỉ 3 ngày là khỏi (người lớn cũng dùng được) nhưng đem thuốc để ngậm thì hơn.

— Nếu trẻ em miệng lở không bú được, thì lấy 1 hạt ba-đậu nghiền với Hoàng-đơn, Châu-sa, Thổ-sa, (phải chăng là Thổ-châu), xong gói vào giấy, cắt tóc ở thóp rồi rịt lên, thấy chung quanh mọc những mụn nước như hạt thóc hạt gạo thì lấy ngay nước ấm rửa đi, hay là rửa bằng nước xương-bồ đun lên thì càng hay, (bài thuốc này có thể khỏi ngay).

— Bài *Hắc-sâm hoàn* dưới đây, để chữa chứng miệng lưỡi mọc mụn cả trẻ em, người lớn :

Huyền-sâm, Mạch-môn, Thiên-môn 3 vị bằng nhau, tán bột hoàn với mật rồi gói vải mỏng mà ngậm rồi nuốt đi.

22bis.— CHỨNG UNG NHỌT LỦNG LẲNG

(huyền-ung)

Trạng thái.

Ung nhọt trong có những nước, lủng lẳng như đeo cái quả.

Thuốc chữa.

Phải khêu ngay để chảy hết nước máu xanh, vàng hay đỏ, rồi rửa bằng nước muối loãng, xong lấy một ít thuốc bột « *Nhất-tự-tán* » (ở quyển Nhật) để bôi vào, nếu còn mọc lại khêu, lại bôi.

Tìm sách

23.— LỞ MÉP

Căn bệnh.

Nước dãi thuộc về tạng tỳ, nếu tỳ vị hư yếu mà hàn thì không giữ được nước dãi mới nhỏ ra nhiều mà lở ở hai mép.

Nội-kinh nói : « chứng lưỡi không mềm dẻo mà ra nước dãi đều thuộc về nhiệt », lại có đứa thường thổ hay là nhổ ra do lúc bẩm sinh tiên-thiên không được đầy đủ.

Phép chữa.

— Nếu là tạng tỳ lạnh thì nên ôn bổ cho tạng tỳ.

— Nếu vì tạng thận yếu thì nên bổ tạng thận như bài *Thận-khí-hoàn*.

— Nếu nước dãi nóng và đặc là hỏa ở dạ-dầy bốc lên, nên cho uống bài *Thông-tâm-ẩm* hay là bài *Tả-hoàng-ẩm* (đều ở quyển Nhật).

— Nếu nước dãi lạnh mà không đặc là bởi dạ dầy yếu, nên uống bài *Mộc-hương bán-hạ hoàn* (quyển Nhật).

CỔ-PHƯƠNG :

1) Ôn-tỳ-đan.

Đinh-hương, Mộc-hương, Bán-hạ (lấy 1 lạng gừng đã giã ra rồi cùng sao với 1 lạng Bán-hạ đến khi vị Bán-hạ vàng sẫm thì bỏ gừng mà chỉ lấy Bán-hạ) 3 vị trên đều 1 lạng, Thanh-quất-bì sao, Bạch-truật sao, Can-khương

Tìm sách

sao, 3 vị đều 5 chỉ, các vị cùng tán bột hoàn với bồ mà uống bằng nước cơm, có sách thêm Sâm và Cam-thảo.

2) Thonh-tỳ-ẩm.

Nhân-sâm 4 phân, Phục-linh 8 phân, Hoài-sơn đồ trên nồi cơm rồi sao vàng 6 phân, Hoàng-liên 4 phân, Ý-dĩ sao vàng 1 chỉ, Thạch-cao 1 chỉ, Bán-hạ tẩm gừng sao 4 phân, Thạch-hộc 5 phân, và 7 hạt sen, 1 mớ bấc thắp đèn dầu lạc (mớ tức là mấy sợi) sắc nước uống sau lúc ăn một hồi lâu.

Bài trên để chữa chứng tạng tỳ có nhiệt rỏ dãi nhiều mà chốc mép.

24.— ÓC LẠNH HAY ÓC NÓNG

Chứng bệnh.

Chứng này là nước ở trong óc rỉ ra đằng mũi khác với chứng « Tị-uyên » (nước mũi chảy ra nhiều) lâu ngày hơi thở ra hôi thối, *thế là trong óc lạnh.*

Nếu thêm xương *trầm* ở sau gáy đau nhức, huyệt thái-dương đau sang cả lông-mày, mắt nhắm không mở mà sưng đỏ kêu khóc khó chịu, *thế là trong óc nóng.*

Phép chữa.

Óc lạnh thì phải ôn bổ tinh huyết, óc nóng thì phải nhẹ cho đầu, mặt, mát cho gan, mật.

Tìm sách

PHƯƠNG THUỐC:

1) Thần-tiên nhất hoàng tán.

Lưu-hoàng, Hoàng-đơn sao, Bạch-chỉ. Ba vị bằng nhau, tán bột thổi một chút vào trong mũi, chỉ hơn mười lần là khỏi.

Bài trên để chữa chứng trẻ em óc tản ra (không được rắn)

2) Thấu đính tán.

Xuyên-khung, Bạc-hà, Phác-tiêu. Ba vị bằng nhau, tán thật nhỏ thổi một ít vào trong mũi.

Bài trên để chữa chứng óc nóng.

25.— BIẾN-CHƯNG

Căn bệnh.

Biến là biến khác đi, chưng là bốc lên.

Trẻ em tinh thần và khí huyết chưa được đầy đủ, cho nên 32 ngày 1 lần biến, 64 ngày 1 lần chưng, mỗi biến là tính tinh khác trước, 32 ngày một lần biến là ứng với 32 cái răng. Người ta có 365 cái xương, trừ 45 cái xương ở tay chân, thời chỉ còn 320 cái.

Tính từ ngày sanh, cứ mỗi ngày chủ 10 đoạn thì 32 ngày bao gồm 320 doạn. Răng là dư khí của xương nên có 32 cái (chữ đoạn không rõ nghĩa), 32 ngày một lần biến, 64 ngày một lần chưng, thế là 2 lần biến có 1 lần chưng, 1 lần biến sinh quý-thủy, 2 lần biến một

Tìm sách

lần chưng sinh nhâm-thủy, 3 lần biến sinh đinh-hỏa, 4 lần biến 2 lần chưng sinh bính-hỏa, 5 lần biến sinh ất-mộc, 6 lần biến 3 lần chưng sinh giáp-mộc, 7 lần biến sinh tân-kim, 8 lần biến 4 lần chưng sinh canh-kim, 9 lần biến sinh kỷ-thổ, 10 lần biến 5 lần chưng sinh mậu-thổ, thế là nghĩa « Thiên-nhất sinh hành thủy, địa-nhị sinh hành hỏa, thân-tam sinh hành mộc, địa-tứ sinh hành kim, thiên-ngũ sinh hành thổ ».

Nói về nghĩa phương đông là giáp ất thuộc hành mộc, là đầu, thì lần biến thứ 1 thuộc tạng can, lần biến thứ 2 thuốc đảm (mật), lần biến thứ 3 thuộc tạng tâm, lần biến thứ 4 thuộc tiểu-tràng, lần biến thứ 5 thuộc tạng tỳ, lần biến thứ 6 thuốc dạ-dày (vị), lần biến thứ 7 thuộc tạng phế, lần biến thứ 8 thuộc đại-tràng, lần biến thứ 9 thuộc tạng thận, lần biến thứ 10 thuộc bàng-quang, thế là nghĩa tương sinh mà kế tiếp nhau (hai kinh tâm-bào lạc và tam-tiêu đều là vô hình cho nên không biến).

Theo sách *Tố-Vấn* thì mùa xuân ứng hành mộc mà lấy tạng can làm đầu, thì lần biến thứ 1 thuộc tạng can, lần biến thứ 2 thuộc tạng phế, lần biến thứ 3 thuộc tạng tâm, lần biến thứ 4 thuộc tạng tỳ, lần biến thứ 5 thuộc tạng thận, thế là nghĩa tương khắc.

Theo như trên, thì 320 ngày là đủ 10 lần biến 5 lần chưng. Lại có 3 kỳ « đại-chưng » mỗi kỳ cũng 64 ngày, thế là lại thêm 192 ngày là thời kỳ đại-chưng, hợp thành 512 ngày mới hết thời kỳ biến chưng.

10 lần biến 5 lần chưng trước là ứng với số của trời

đất để sinh thành mà đứa trẻ mới có ý chí, biết nói, biết mừng giận.

Còn 3 lần đại-chưng sau, thì lần thứ 1 kinh mạch mới lớn biết cầm và biết đi. Lần thứ 2, trí khôn và tiếng nói được hơn trước. Lần thứ 3 mới đi mạnh, huyết mạch và gân cốt mới vững chắc.

Theo sách Cẩm-nang thì sau 3 lần đại-chưng, lại còn lần chưng nữa cũng 64 ngày, thế là trẻ em biến chứng trước sau là 576 ngày.

Chú giải của dịch giả:

Trẻ em sơ sinh, vào khoảng trên dưới 1 tháng, nhiều đứa hấp sốt và quấy mà ta vẫn gọi là « biến-chưng » thì chứng này là có, nhưng chưa chắc theo đúng nhật kỳ như đã kể ở trên, mà phân ra kỳ nào thuộc về tạng gì và thuộc về hành gì, (trong ngũ hành). Còn như sách Tố-Vấn chỉ nói 5 lần biến thuộc về ngũ tạng, thế là chỉ có 5 lần biến. Sách Cẩm-nang lại nói thêm 1 lần đại-chưng nữa, cũng là nhân trẻ em có chứng ấy mà mỗi nhà phân tách thêm ra.

Vậy đoạn này chỉ là tác giả ghi theo các sách cổ, mà tôi dịch theo nguyên văn cho được hoàn bị mà thôi.

Chứng bệnh.

Trẻ em đứa nào bẩm sinh được mạnh thì chỉ phát biện phần nào, nghĩa là chỉ ám hợp mà thôi.

Bệnh nhẹ thì phát nóng hơi có mồ hôi mà tựa như kinh, chỉ 5 ngày là khỏi. Còn đứa bệnh nặng thì nóng nhiều,

Tìm sách

mạch sác, hoặc thổ, hoặc ra mồ-hôi mà quấy khóc phiền khát, đến 7, 8 ngày mới khỏi.

— Kỳ thứ 1, người nóng tai lạnh, môi mọc mụn trắng, là sinh ra khí cho tạng thận.

— Kỳ thứ 2, vừa nóng vừa lạnh, thường hắt hơi, cắn vú, môi trên hơi sưng là sanh ra khí cho bàng-quang.

— Kỳ thứ 3, người nóng, ra mồ-hôi, kinh sợ, là sanh ra khí cho tạng tâm.

— Kỳ thứ 4, nóng dữ dội là sinh khí cho tiểu-tràng.

— Kỳ thứ 5, cũng như kỳ 4 là sinh khí cho tạng can rồi học bò và biết cười.

— Kỳ thứ 6, tinh thần mệt, mắt nhắm, con ngươi đỏ là sinh khí cho mật.

— Kỳ thứ 7, ghẻ rét, hoảng hốt, hay khóc là sinh khí cho tạng phế.

— Kỳ thứ 8, đi cầu lỏng, sôi bụng, người nóng mà ra mồ-hôi, là sinh khí cho đại-tràng.

— Kỳ thứ 9, người nóng vừa thổ vừa đi cầu, là sinh khí cho tạng tỳ.

— Kỳ thứ 10, đau bụng, không chịu bú, hơi ra mồ-hôi, là sinh khí cho dạ dầy.

Như trên là đủ 320 ngày.

Ba kỳ đại-chưng thì môi và miệng khô ráo, ho, suyễn, mắt trông ngược lên, kinh sợ nhiều.

Chứng này đứa nào con ngươi trắng mà hơi đỏ, sốt có mồ hôi mà hơi kinh sợ, vành tai lạnh là nhẹ.

TimSách

Còn sốt nhiều dù có mồ-hôi hay không, nôn oẹ, không chịu ăn, vành tai cũng nóng là nặng.

Chữa bệnh cho trẻ em, nếu vào thời kỳ biến chưng thì không nên dùng những thuốc về loại kim thạch, để hại đến sinh khí, nếu nóng mà không có mồ-hôi cũng chỉ phát tán nhẹ, có thổ-tả cũng không nên vit quá.

PHƯƠNG THUỐC :

1) Bài Tinh-tinh tán.

Tức là bài *Tứ-quân-tử* thêm những vị : Bạch-thược, Cát-cánh, Thiên-hoa, Tế-tân (rất ít).

Cùng tán bột uống với nước lá bạc-hà.

Bài trên để chữa chứng biến-chưng mà phát sốt, ho đàm, ngạt mũi, nặng tiếng, kém ăn.

Ngoài ra, bệnh nhẹ chỉ hơi phát tán, nóng lắm dùng thuốc cho đi cầu vừa như bài *Tử-xương-hoàn*, bai *Hắc-tử-tán*, hay là bài *Sài-hồ-ẩm* (đều ở quyển Nhật).

Có rét không sốt, có nôn hay đi cầu lỏng, không bú, khóc nhiều, nên dùng bài *Dương-quy-tán* hay *Điều-khí-tán* (quyển Nhật).

Ông Cảnh-Nhạc nói : « Trẻ em đã sanh là tạng phủ bình hài đều đủ, đâu có lý 32 ngày là một lần biến chưng mới nầy nở được từng bộ phận. Một khi bị yếu thì không phải ngoại-cảm hẳn là nội-thương, nay không bởi hai lẽ trên mà dùng kỳ hạn là phát bệnh, thật là vô lý.

Tìm Sách

Như vậy trẻ em có những chứng như trên chỉ nên cho uống bài *Bình-hòa ẩm-tử* là những vị : Sâm, Linh, Chích-thảo và chút Thăng-ma, nếu người yếu thêm Bạch-truật sắc cho uống.

— « Nếu thổ hay là đi cầu lỏng, không bú khóc nhiều, nên cho uống bài *Hòa-khí tán* là những vị : Nhân-sâm, Trần-bì, Hậu-phác, Mộc-hương, Hương-phụ, Hoắc-hương, Trích-thảo thêm gừng táo sắc nước cho uống.

— « Nếu vì sữa bú tích lại, nên uống bài *Tử-xương hoàn.*

— « Nếu đàm nhiệt nóng, uống bài *Tinh-tinh tán* (đều ở quyển Nhật) bụng phiền mà kêu khóc nên uống bài *Sài-hồ-ẩm* là những vị : Sài-hồ, Nhân-sâm, Mạch-môn, Chích-thảo đều 1 chỉ, Long-đản, Phòng-phong đều 1 phân. Sắc uống.

— « Nếu có rét không nóng nên uống bài *Đương-quy-thang* là những vị : Đương-quy 4 phân, Mộc-hương, thứ quế-chát, Nhân sâm, Cam-thảo đều 2 phân, thêm gừng táo. Sắc uống.

— « Nếu bốc nóng nhiều uống bài *Tử-dương hắc tán* (quyển Nhật).

— « Nếu nóng rét như người sốt rét uống bài *Lê-tương ẩm* (ở mục trẻ em phát sốt) ». (Tự đây trở lên đều ở sách Cảnh-Nhạc).

Lời bàn của sách Linh Khu.

Sách Linh-Khu có nói :

« Đã 10 tuổi thời khí lực ở dưới nhiều, cho nên hay

TìmSách

chạy, 20 tuổi khí huyết mới thịnh, cho nên hay đi nhanh, 30 tuổi bắp thịt rắn chắc, cho nên bước được dài, 40 tuổi thớ thịt hơi nhão cho nên hay ngồi, 50 tuổi tạng can yếu nước mật kém, cho nên mắt không được tỏ, 60 tuổi tạng tâm yếu khí huyết kém nhiều, cho nên hay lo buồn và hay nằm, 70 tuổi khí của tạng tỳ yếu da thịt sin, 80 tuổi khí của tạng phế yếu, phách kém, cho nên nói hay nhầm lẫn, 90 tuổi khí của tạng thận yếu, 100 tuổi ngũ tạng đều hư yếu, thần khí đã thoát, chỉ còn có hình hài mà chết.

26.– XƯƠNG SỌ KHÔNG LIỀN

Căn bệnh.

Chứng này là khớp xương ở trên đầu không liền lại với nhau. Cổ thư nói : « Người cha yếu thời sinh con xương đầu không liền lại », như thế thời chứng này là tiên-thiên không đầy đủ mà tạng thận kém nhiều, vì tạng thận chủ về xương-tỷ, óc và tỷ đã kém để xương không liền khớp thời tất nhiên chết non.

Chứng bệnh.

Ngoài lẽ vì người cha yếu, nếu vì đứa trẻ ốm yếu mà phải chứng này thời càng nguy.

Phương thuốc.

Nên uống bài *Địa-hoàng-hoàn* (quyển Nhật) và dùng vị Nam-tinh, vị Bạch-liễm tán bột trộn với giấm phiết vào mảnh lụa mà buộc lên đầu, ngoài ra, chọn dùng những phương thuốc kê sau :

Tìm sách

1) Điều nguyên tán.

Tức là bài *Bát-chấn* thêm : Hoài-sơn, Hoàng-kỳ, Thạch-xương-bồ.

Những vị trên từ 3 đến 5 phân và gừng táo sắc uống, để chữa chứng xương sọ không liền mà người gầy, chậm mọc răng, chậm nói và chậm đi.

2) Nhân-sâm địa-hoàng hoàn

Thục-địa, Sơn-thù, Mẫu-đơn, Lộc-nhung, Hoài-sơn, Phục linh, Nhân-sâm.

Cùng tán bột hoàn với mật to bằng hột khiếm-thực, lấy nước Nhân-sâm mà uống sau lúc ăn.

Bài trên để bổ cho tạng thận.

Ba phương thuốc để đắp kể sau :

1) **Trang-thị phương.**

Sơn-nhân-trần, Xa-tiền-tử, Bách-hợp. Các vị đều 5 chỉ, tán bột hòa với sữa bò rịt vào lòng bàn chân, lại phiết vào vải buộc vào chỗ khớp xương, 3 ngày 1 lần thay.

2) Xương đầu con lừa đốt thành than tán bột điều với dầu vừng hay dầu lạc phiết lên vải buộc vào chỗ khớp xương.

3) Xương đầu con chó sao vàng tán bột điều với lòng trắng trứng gà, phiết vào vải buộc vào chỗ khớp xương.

27.— THÓP SƯNG LÊN

Căn bệnh.

Tạng tỳ chủ về thịt, nếu trẻ em lúc đói, lúc no bất

TimSách

thường, hoặc nóng hay lạnh lấn vào tạng-tỳ, thời khí của tạng tỳ - xông lên mà thóp phải sưng.

Chứng bệnh.

Ngoài lẽ kể trên, cũng có đứa vì phong nhiệt hại tạng-can, có đứa vì phổi nóng sinh ra phong, có đứa vì lúc thụ thai gặp nóng, có đứa vì trùm đắp ấm quá, khí dương không vượt ra được.

Thóp sưng cao lên, lông tóc ngắn và vàng, nóng tận xương (cốt-chưng), tự ra mồ-hôi.

Nếu vì hàn khí xông lên thời sưng mà dẫn, nếu vì nhiệt khí xông lên thời sưng mà mềm và đỏ.

Phương thuốc.

Xét ra là hàn thời dùng thuốc ôn, là nhiệt thời dùng thuốc mát, mà ở ngoài thời dùng thuốc *Phong-thôn-tán* (quyển Nhật).

Nếu tạng can vượng, phong nhiệt gặp nhau mà sưng dột lên thời uống bài *Tả-thanh-hoàn* (quyển Nhật).

Bài dưới đây để chữa chứng cảm nóng mà thóp sưng lên.

Toan-sinh-thang.

Thiên-ma, Thuyền-toái, Phòng-phong, Khương-hoạt, Viễn chí chế sao, các vị đều 5 phân, Xuyên-khung, Cát cánh đều 4 phân, Ngưu-hoàng 3 phân, Cam-thảo 1 phân, thêm bấc thắp đèn dầu lạc. Sắc nước uống.

Tìm sách

28.— THÓP TRŨNG XUỐNG

Chứng bệnh.

Chứng này bởi cha mẹ yếu, lúc bầm sinh tiên-thiên không đủ, người khô gầy, nóng nhiều mà thóp trũng xuống.

— Cũng có đứa vì tạng-phủ nóng thời khát mà ưa uống nước nguội, có thể thành chứng tả hay lỵ, khí huyết đã yếu thời không đem lên được mà thóp trũng xuống, đó là tỳ-vị hư yếu.

— Cũng có đứa vì nóng lâu không khỏi, rồi người gầy tóc rụng, chân tay hay co vào, da se, đầu gối lớn lên, mà thóp trũng xuống.

Phép chữa.

Chữa chứng này phải giữ lấy căn bản, thóp đã trũng mà xương trầm ở sau gáy cũng lún xuống, thời trăm đứa không sống 1 đứa, vì xương trầm lún xuống còn hệ trọng hơn thóp lún xuống. Chung quanh tai một tấc đều thuộc về tạng thận, lún như vậy là tạng thận đã bại.

PHƯƠNG THUỐC.

1) Anh-linh thang :

Mộc-thông, Phục-linh đều 7 phân, Nhân-sâm 5 phân, Phụ-tử 3 phân, Xuyên-khung, Tảo-nhân, đều 4 phân, Thăng-ma sao 3 phân, Trích-thảo 1 phân, thang bằng gừng sống sắc uống.

Tìm sách

Bài trên để chữa chứng thổ-tả rồi vì cảm hàn mà thóp lún xuống.

2) Ô-phụ-cao :

Xuyên-ô để sống, Phụ-tử để sống và Hùng-hoàng đều 2 chỉ, cùng tán bột nghiền với hành (cả lá củ và rễ) làm thành phiến, gói vào giấy rịt lên trên thóp.

3) Xương đầu con chó vàng đốt thành than tán bột, điều với lòng trắng trứng gà rịt lên trên thóp.

29.– XƯƠNG CỔ MỀM MÀ NGHẸO ĐI

(thiên-trụ-cốt đảo)

Căn bệnh.

Xương cổ mà gọi là thiên-trụ, là vì đầu của người giống như trời, mà cổ để giữ lấy đầu như thể cột để chống trời, xương cổ đã mềm nghẹo đi là chứng bệnh rất nguy.

Có em người béo nhưng nguyên khí ở trong lại yếu, (dư ở ngoài mà kém ở trong), thốt nhiên cổ mềm mà đầu nghẹo đi. Là khí của tạng can, tạng thận hư yếu, tà khí vào phong-phủ rồi truyền đến gân cốt, gân cốt đã yếu thời không đủ sức để đỡ cái đầu, đó là chân dương đã bại có 3 nguyên nhân.

1) vì thổ hay tả đã lâu,

2) vì tạng can có nóng ngầm ngầm,

3) vì thương hàn chưa giải, gân nóng mà thượt ra.

Phép chữa.

— Nếu vì thổ tả thời phải bổ gấp khí cho dạ-dầy để cứu vãn.

Tìm sách

— Nếu vì tạng can có nóng ngầm-ngầm, thời dùng thuốc nhẹ nhàng để mát cho tạng can.

— Nếu vì thương hàn chưa khỏi, gân nóng mà thượt ra thời dùng thuốc nhẹ nóng. Trừ phong, mà phải giúp cho tạng can, tạng thận.

Phương thuốc.

1) Sáu cái nhân của hột gấc và 60 cái nhân của hột thầu-dầu nghiền mượt ra, trước hết lấy tay xoa vào cồ cho nóng lên, rồi lấy nước điều thuốc ấy mà buộc vào.

Bài trên gọi là *Sinh-cân-tán.*

2) Phụ-tử bỏ vỏ và núm 2 chỉ, Thiên-nam-tinh bỏ núm 2 chỉ, cùng tán bột điều với nước gừng gói vào vải để buộc vào cồ.

3) Vị ngũ-da-bì tán bột hòa với rượu rồi buộc vào cồ, lại hòa với rượu cho uống 1 chút.

Bài trên gọi là *Ngũ-da-bì-tán* để chữa chứng này và cả chứng chậm biết đi.

4) *Hổ-cốt-hoàn* (xem ở môn chậm biết đi).

30.— NGỰC RÙA (Qui-hung)

Căn bệnh.

Chứng này phần nhiều bởi người có thai ăn nhiều thức cay nóng, hay là mùa hè bú phải sữa nóng hay sữa chua. Cũng có đứa vì cam mà thành bệnh (bệnh này không khỏi rồi thành cam).

Tìm sách

Chứng bệnh.

Ngực cao vồ lên như cái bàn tay úp. Nếu con ngươi trông ngược lên, đàm dãi nhiều mà co giật là khó chữa.

Phương thuốc.

Thông dụng bài **Bách-hợp-đan** sau đây :

— Đại-hoàng 3 phân, Thiên-môn, Mộc-thông, Hạnh-nhân, Tang-bạch-bì, Bách-hợp, Cam-đinh-tịch, Thạch-cao.

Các vị đều 5 phân, cùng tán bột luyện với mật làm thuốc hoàn to bằng hạt đậu xanh, uống từ 2 viên đến 15 viên tùy nhiều tuổi hay ít tuổi, mà uống vào sau lúc ăn đã đi nằm.

31.— LƯNG RÙA (qui bối)

Căn bệnh.

Chứng này phần nhiều bởi trẻ em chưa được nửa năm mà đã cho ngồi sớm. Có khi gió xấu vào tỷ.

Chứng bệnh.

Ngũ tạng đều bám vào lưng, một khi ngũ tạng thụ thương thời thành chứng cam, trùng ăn tỷ của xương sống rồi lưng gù xuống mà cao vồ lên như lưng rùa. Cổ thư có nói : « Xương sống cao lên là tạng thận đã suy » nên chứng này là ác chứng.

PHƯƠNG THUỐC.

Tòng-nhị-đan.

Hoa cây thông (tùng hoa), Chỉ-xác, Phòng-phong, Độc-

Tìm sách

hoạt 4 vị đều 1 lạng, Ma-hoàng, Tiền-hồ, Đại-hoàng, Cát-tân đều 6 chỉ.

Cùng tán bột hoàn với mật to bằng hạt gạo, uống từ 10 viên đến 20 viên tùy lớn hay bé, mà chiêu bằng nước cháo, rồi ngoài dùng (mấy chữ khó hiểu nghĩa).

32.— NĂM CHỨNG MỀM YẾU

1) Cồ yếu, 2) Chân tay yếu, 3) Người mềm yếu, 4) Miệng mềm yếu, 5) Thịt mềm yếu, sách thuốc gọi là « Ngũ-nhuyễn ».

Chứng này có đứa vì tinh của cha yếu hay huyết của mẹ yếu, có đứa vì nơi chứa huyết của người mẹ lạnh, dùng nhiều thuốc bổ mới có thai, có đứa đẻ non (đẻ chưa đủ tháng).

Cồ nghẹo đi là tạng can, tạng thận yếu, có đứa vì thổ tả rồi mà người yếu, có đứa vì sốt thương hàn chưa giải hết. Có đứa vì gan và mật nóng ngầm thời mặt và môi đỏ mà người nóng.

Chân tay mềm yếu, có khi về gót chân nhỏ quá, 5 tuổi cũng không đi được, cũng vì tạng can yếu mà gân không được mạnh xương tủy không đầy đủ.

Người mềm oặt đi là chân dương hư yếu.

Thịt mềm mà không được dắn, ăn uống được mà người không lớn.

Mồm yếu là lưỡi thường lè ra bởi có kinh sợ, cho nên lưỡi không được cứng.

TìmSách

Phép chữa.

5 chứng mềm yếu kể trên và chứng xương sọ không liền lại cùng chứng đầu gối to ra, đều là bẩm sinh không được đầy đủ, đều nên uống bài *Lục-vị-hoàn* thêm Lộc-nhung để bồ cho tiên-thiên vì tạng thận hay hư yếu ; mà trẻ em lại thiếu chân âm, nếu không bồ thời chân âm tuyệt, mà dương cũng thoát.

Tiên-sư họ Phùng nói : « Trẻ em không những âm hư, mà có đứa chân dương cũng hư, nên tôi dùng hai bài *Lục-vị* và *Bát-vị* để cứu vãn. Những đứa mặt xanh trắng bóng thời đậu không mọc ra được, thế là chân dương không đủ thời phải uống bài *Bát-vị*, nếu chỉ cho uống bài *Phì-nhi-hoàn* thời càng chóng chết.

Phương thuốc.

5 chứng trên, nếu vì thổ-tả mà người yếu thời nên bồ Tỳ-vị.

— Nếu vì sốt thương hàn chưa giải đi được mà thành chứng này thời khó chữa.

— Nếu vì gan mật có nóng ngầm mà người sốt, mặt môi đỏ, thời nên uống bài *Dương-giác tán* sau đây :

Linh-dương-giác, quế-tâm, bạch-phục-linh, thục-địa, xương ống chân hổ sao, phòng-phong, tảo nhân sao, cam-thảo.

Các vị bằng nhau tán bột mỗi lần uống 1 chỉ hòa với chút rượu.

Hay là dùng bài *Lương-can-hoàn* sau đây :

Tìm sách

Phòng-phong 3 chỉ, Nhân-sâm, Xích-linh đều 1 chỉ rưỡi, Hoàng-cầm, Xung-uý-tử (hột ích mẫu), Huyền-sâm, Đại-hoàng sao, Tri-mẫu sao, 5 vị đều 1 lạng.

Cùng tán bột hoàn với mật, to bằng hột đậu xanh, tùy trẻ em lớn nhỏ mà uống nhiều hay ít sau lúc ăn cơm.

— Nếu có phong vào tạng can, gân duỗi ra mà cổ ngoẹo đi, nên dùng bài *Thiên-tru-hoàn :*

Xà-hàm-thạch 1 khối nung vào lửa rồi tưới giấm-thanh như thế 7 lần, Uất-kim ít hơn, Xạ-hương 1 lai, cùng tán bột hoàn với cơm to bằng hột nhãn, mỗi lần uống nửa viên đến 1 viên với nước kinh-giới hay là nước Kim-ngân và lá bạc-hà.

Thông dụng bài *Kiện-cốt-tán* :

Cương-tàm rửa với rượu cho sạch rồi sao vàng tán bột, mỗi lần uống từ 2 phân cho đến 5 phân, với nước bạc-hà thêm chút rượu, ngoài rịt bài *Sinh-cân-tán* hay là những phương rịt ở cổ (đã kể ở mục xương cổ mềm, ngoẹo).

— Nếu tay mềm yếu dùng bài *Ý-dĩ-hoàn :*

Ý-dĩ sao, Tảo-nhân sao, Đương-qui, Phòng-phong đều 1 lạng, Khương-hoạt 5 chỉ.

Cùng tán bột hoàn với mật to bằng hột khiếm-thực, mỗi lần uống 1 viên đến 2 viên với nước kinh-giới.

— Nếu chân mềm yếu dùng bài *Thuận-khí-hoàn* (quyển Nhật) thêm Ngưu-tất, Ngũ-gia-bì, Lộc-nhung.

Tìm sách

Năm, sáu tuổi cũng không đi nổi, dùng bài *Hạc-tiết-hoàn* mà cũng dùng bài *Thận-khí-hoàn* hay bài *Dương-giác hoàn* sau đây.

Linh-dương-giác, Táo-nhân sao, Hổ-hĩnh-cốt (xương ống chân hổ), Sinh-địa, Phục-linh, các vị đều 5 chỉ.

Quế-tâm, Phòng-phong, Đương-qui, Hoàng-kỳ, các vị đều 2 chỉ rưỡi.

Cùng tán bột hoàn với mật, to bằng hột trong quả bồ-kết, mỗi lần uống từ 1 viên đến 3 viên với nước sôi và thêm chút rượu hâm nóng.

Ba tuổi cũng không biết đi thời dùng những vị: Gia-bì 1 lạng, Ngưu-tất, Mộc-qua, đều 5 chỉ. Cùng tán bột, mỗi lần uống 2 chỉ với nước gạo sắc lên và thêm chút rượu.

— Nếu ngón chân quắp vào không duỗi ra được, thời dùng bài *Hải-đồng-tán* sau đây:

Hải-đồng-bì, Đương-qui, Mẫu-đơn-bì, Thục-địa, Ngưu-tất, mỗi vị đều 2 phân.

Sơn-thù, phá-cố đều 1 phân. Thêm gừng sắc uống.

— Nếu người mềm oặt đi mà thịt cũng mềm, nên uống: *Tứ-quân-tử thang*, hay bài *Khẩn-bi-hoàn* (quyển Nhật).

— Nếu trong người gân chỗ nào cũng mềm thời dùng bài *Lộc-nhung-tử cán hoàn* (quyển Nhật) thêm Thanh-diêm, Đương-qui (2 vị bằng nhau).

— Nếu mồm mềm yếu 4, 5 tuổi cũng không nói được, nên uống bài *Xương-bồ-hoàn* sau đây:

Tìm sách

Thạch-xương-bồ, Viễn-chí chế sao, Nhân-sâm, Mạch-môn, Đương-qui, 5 vị đều 2 chỉ ; Xuyên-khung, Nhũ-hương, Châu-sa 3 vị đều 1 chỉ.

Tán bột hoàn với mật to bằng hạt mè (vừng) mỗi lần uống 10 viên với nước cam.

Nếu ốm rồi không nói được, nên uống bài *Kê-đầu-hoàn* sau đây :

— Đầu con gà trống 1 cái sao vàng, Ve sầu 3 con sao qua, Đại-hoàng, Xuyên-khung, Cam-thảo đều 1 lạng, Nhân-sâm, Mộc-thông đều 5 chỉ, Đương-qui, Hoàng-kỳ, Viễn-chí chế sao, Mạch-môn đều 3 phân. Cùng tán bột hoàn với mật to bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống từ 2 đến 5 viên với nước cơm vào lúc đói, uống lâu có công hiệu.

33—. NĂM THỨ DẪN CHẮC LẠI (ngũ-ngạnh)

Căn bệnh.

5 thứ dẫn lại là : Đầu khó chuyển động, khí ủng tắc mà đau đến cả ngực. Bốn lòng bàn tay bàn chân giá lạnh mà dẫn.

Chứng này là dương khí kém vì chân tay thuộc về tạng tỳ, hay chân tay lạnh và dẫn lại là triệu chứng có âm không có dương, nếu gân ở rốn xanh là can mộc khắc tỳ thổ thời khó chữa.

Phương thuốc.

Can mộc khắc tỳ thời dùng bài *Lục-quân-tử thang* (quyển Nhật) thêm gừng sao, Nhục-quế, Thăng-ma, Sài-hồ.

Tìm sách

— Nếu mặt xanh mà bụng dưới dẫn thời khó sống.

— Nếu cổ và chân tay ngay ra và giá lạnh là có phong tà, nên uống bài *Tiêu-lục-mệnh* hay bài *Ô-dược thuận-khí* (đều ở quyển Nhật).

— Nếu bụng to xương đau, không được dễ chịu, nên uống bài *Ngũ-tích-tán* (ở quyển Nhật) thêm Ô-dược, Cương-tàm để tiêu-tích hòa khí. Chứng này mà mặt xanh, bụng trên bụng dưới đều dẫn là chết.

34.— CHẬM MỌC RĂNG

Căn bệnh.

Con trai 8 tháng thời mọc răng đến 8 tuổi thay răng khác, con gái 7 tháng mọc răng đến 7 tuổi thay răng khác, nay mọc răng chậm là khí của tạng thận không đầy đủ, vì tạng thận chủ về xương mà răng là xương dư ra.

Ngoài ra, đàn bà say rượu lại phạm phòng mà cho con bú thời đứa trẻ lúc khóc trong mồm chảy máu ra, hay là răng đen mà vỡ ra từng mảnh, lâu ngày thời chân răng cũng rụng.

— Cũng có đứa vì phong nhiệt va chạm nhau mà răng sưng đau.

— Cũng có đứa hay ăn thức ngọt thức béo mà răng có sâu.

— Cận bị ngã mà rụng răng, hay là vì cam mà rụng răng thời khó mọc được răng khác.

Tìm sách

PHƯƠNG THUỐC.

1) Khung-hoàng tán.

(Chữ « hoàng » này phải chăng là chữ « hoài » vì trong bài thuốc không có vị gì là hoàng).

Xuyên-khung, Hoài-sơn, Đương-qui, Bạch-thược, Cam-thảo đều 3 chỉ, Thục-địa 1 lạng, cùng tán bột uống với nước sôi và lấy thuốc ấy xát vào chân răng. Bài này để chữa chứng chậm mọc răng.

2) Cố-sĩ cao.

— Hà-thủ-ô, Sinh-địa, Ngưu-tất, 3 vị bằng nhau lấy cuống và ngó sen trồng trên bè cạn (Hạn-liên-thảo) giã vắt lấy nước để đun 3 vị thuốc trên rồi bỏ bã đun đặc thành cao, cho thêm ít muối, hàng ngày buổi sáng lấy ra súc miệng để chữa chứng chân răng lung lay.

— Nếu răng chậm mọc xét ra là bởi khí tạng thận không đầy đủ, thời nên uống bài *Thận-khí hoàn* (ở quyển Nhật) hay là bài *Thập-toàn-thang* (ở quyển Khôn-Hỏa). Ngoài ra còn dùng những vị Khung, Qui, Thược, Hoài-sơn, Trầm-hương, Cam-thảo, các vị bằng nhau tán bột thường chấm lên trên lợi.

35.— CHẬM MỌC TÓC

Chứng này cũng bởi tiên-thiên không đầy đủ, mà khí huyết ở hậu thiên cũng kém.

Ở trong nên uống thuốc bổ, mà ở ngoài dùng thuốc xoa.

Tìm sách

Thuốc bổ như bài *Thung-dung-hoàn* là những vị : Khung, Quy, Thục, Thược, Nhục-thung-dung, 5 vị bằng nhau. Hồ-phấn bằng nửa những vị trên. Cùng tán bột hoàn với mật, to bằng hột gạo, mỗi lần uống 10 viên với nước đỗ đen, lại mài thuốc ấy xoa lên trên đầu.

Thuốc xoa như bài *Hương-phấn-cao* là những vị : hương nhu 1 lạng, mật lợn 1 chỉ rưỡi sắc ; hồ-phấn 5 chỉ. Sắc vị hương nhu lấy nước, rồi cho Hồ-phấn và mật lợn vào quấy đều để xoa lên trên đầu, mỗi ngày 3 lần.

36 – CHẬM BIẾT NÓI

(Tham khảo với mục miệng mềm oặt ra)

Căn bệnh.

Chứng này có đứa vì lúc thụ thai người mẹ bị kinh sợ để hại tạng tâm (vì lưỡi thuộc tạng-tâm), mà cuống lưỡi không linh-động thời không nói được.

— Cũng có đứa vì người cha tạng thận suy kém.

Chứng bệnh.

Mặt vàng, cơ-nhục yếu, hay uống nước, đi cầu lỏng, lòng bàn tay bàn chân nóng, tóc khô là bệnh ở tạng tỳ.

— Lưỡng quyền đỏ, hay sợ, phiền khóc là bệnh ở tạng tâm.

— Mặt xanh, gân nổi lên, tóc dựng lên, mồm hôi, chân tay nhỏ, là bệnh ở tạng can.

TimSách

— Người trắng, mặt bóng trắng, thịt máy, lông sin, ho, đi cầu lỏng, là bệnh ở tạng phế.

— Chân tay mềm yếu, mặt sạm, chậm mọc răng, con ngươi trắng, đoản khí, thần sắc bạc nhược là bệnh ở tạng thận.

— Còn như ốm to rồi mà không nói được, nếu không bởi tạng thận yếu, không đem được thanh khí lên thời là khí thanh-dương tự phát ra bệnh.

PHƯƠNG THUỐC

1) Bổ tâm xương-bồ hoàn.

Nhân-sâm 5 chỉ, Thạch-xương-bồ 2 chỉ, Đan-sâm, Xích-thạch-chi đều 1 chỉ.

Thiên-môn, Mạch-môn, Viễn-chí chế sao đều 3 chỉ.

Các vị tán bột hoàn mới mật to bằng hột gạo, uống với nước gạo sắc lên sau lúc ăn một hồi làn mỗi lần 30 viên.

Bài trên để chữa chứng chậm biết nói vì tạng tâm yếu.

Có sách : bài này thêm Khung Qui, Nhũ-hương, Châu-sa.

2) Xương bồ đan là những vị : Xương-bồ (có chín đốt là tốt), Viễn-chí chế sao, Quế-tâm, Nhân-sâm, Hoàng-liên, Tảo-nhân sao. Các vị tán bột hoàn với mật uống bằng nước táo-tầu, để chữa chứng trẻ em đã mấy tuổi không biết nói.

Tìm Sách

TìmSách

Tập Thổ

(Gồm 14 mục)

1.— Chứng thất thanh
2.— Chứng chậm biết đi
3.— Chứng hạc tất
4.— Chứng cam
5.— Chứng đơn độc
6.— Chứng sốt
7.— Chứng nôn ọe
8.— Chứng đi cầu lỏng
9.— Chứng thổ tả
10.— Chứng đình tích
11.— Chứng hòn khối
12.— Chứng đầy bụng
13.— Chứng hoảng đảm
14.— Chứng sưng hòn dái.

TìmSách

Tập Thổ

I.— CHỨNG THẤT THANH

Trẻ em thốt nhiên thất thanh : 1) vì khí lạnh vào cựa gà, 2) vì phong nhiệt ở ngực, 3) vì đàm 4) vì ăn uống. Lại có em vì gặp ác khí (khí xấu) hay vì đẹn (người lạ đến). Nếu vì kinh phong mà ứa nước bọt ra, trán xanh, mép đỏ, con ngươi trắng, mắt trông ngược lên, và ốm đã lâu mà gặp chứng này đều không chữa được.

PHƯƠNG THUỐC THƯỜNG DÙNG.

Bài xương-bồ thang.— Chữa chứng gặp ác khí mà kinh sợ thất thanh : thạch-xương-bồ, thiên-ma, toàn-yết, cương-tàm, phụ-tử chế, khương-hoạt, nhâu-sâm, chích-thảo, viễn-chí chế, kinh-giới-hoa, cát-cánh đều bằng nhau, sắc uống hoặc thêm vị bạc-hà.

Bài trúc-lịch cao.— Chữa chứng cắn răng lại mà mất tiếng : trúc-lịch, sinh-địa, mật-ong, quan-quế, xương-hồ, các vị sắc đặc thành cao, còn quế tán riêng mà hòa vào.

Bài thuốc của họ Cát.— Chữa chứng ốm rồi thất thanh : tảo-nhân 1 chỉ sao, phục-linh 5 phân, châu-sa 2 chỉ, đều tán bột viên thật nhỏ uống với nước sâm.

Tìm Sách

2.— CHỨNG CHẬM BIẾT ĐI

Trẻ em một năm là đi được, thế mà có em mấy năm cũng không biết đi là tiên thiên của tạng thận hư yếu. Cũng có em vì không ra chỗ ánh nắng và gió, và suốt ngày bế ẩm mà gân cốt không được mạnh, cũng có em tạng can, tạng thận đều yếu, vì tạng thận chủ về xương, tạng can chủ về gân, cũng có em bởi tỳ vị yếu, vì tạng tỳ chủ về chân tay, cũng có em vì ăn nhiều thức ngọt, thức béo, thành chứng cam mà không đi được.

Bài hổ-cốt hoàn.— Xương ống chân hổ cạo sạch tẩm giấm sao thật vàng, nhục-quế bỏ vỏ, phục-linh bỏ vỏ, phòng-phong, đương-qui, sinh-địa sao khô, tảo-nhân sao, ngưu-tất, xuyên-khung, các vị bằng nhau, tán hoàn với mật to bằng hột gạo, mỗi lần uống 20, 30 viên với nước cự mộc-qua sắc lên.

Ngũ-gia-bì tán.— Ngũ-gia-bì, ngưu-tất, mộc-qua, đều bằng nhau, tán bột uống với nước cơm.

3.— CHỨNG HẠC-TẤT

(đầu gối sưng to như gối con hạc)

Chứng này vì trẻ em khí huyết không đủ, nhất là tạng thận yếu mà người gầy, đầu gối to lên, co duỗi khó khăn mà đau.

Nếu đỏ mà sưng, có mủ, thời dễ chữa. Sưng, dắn, không có mủ thời khó chữa.

Tìm sách

Đỏ mà có mủ uống bài *kinh-phòng* thêm những vị bổ khí huyết. Trắng mà không mủ, uống bài Lục-vị thêm Nhung xen với thuốc bổ tỳ vị.

4.— CHỨNG CAM

Gọi là cam là vì ăn nhiều vị ngọt mà thành ra, cũng có nghĩa là cam tức là khô ráo. Chứng ở người lớn thời gọi là lao, mà trẻ em gọi là cam, đều bởi khí huyết kém, tân dịch khô ráo.

Cũng có em vì ăn uống không điều, có em vì ăn uống tích lại, có em vì bú phải sữa xấu. Chứng này nếu người vẫn béo mà nóng, chóng đói khát nhiều, đái đỏ, sốt nóng tận xương hay là ngày mát đêm nóng mà thành ra. Nếu tiểu-tiện như nước gạo, cũng là triệu chứng thành ra cam.

Người gầy mà vàng, rốn và bụng to lên, thỉnh thoảng hấp sốt, đái ra như nước gạo, tóc khô rồng lên, lợm lòng muốn thổ, đầu mặt nhiều nhọt lở thời thuốc về *tạng-tỳ*.

Lúc trước thời đầy bụng, sau thời bí tắc, người gầy mà vàng, tai mũi nhiều mụn nhọt, hay ăn bùn mà không muốn ăn cơm, đi đái không trong, đi cầu lại lỏng. Tóm lại *chứng cam về nhiệt* hay hiện ra chứng bệnh ở ngoài. Chứng *cam vì lạnh* thời có nhiều chứng ở trong, chứng ở trong như đầy bụng, hoặc tả hoặc lỵ ra xanh và trắng. Chứng ở ngoài như mũi lở và đỏ, hay ngứa ở mũi và tai hoặc thân thể nhiều nhọt.

Những chứng sau đây là không chữa được.

Kém ăn mà đi cầu lỏng, lòng bàn tay không biết đau

Tìm Sách

ngứa, chân răng đen mà thối ra, cổ yếu mà ngoẹo, lưỡi trắng suyễn xúc, 4 chân tay giá lạnh, ọe khan, đi ỉy, đầy chướng, đau xói lên, đoản khí, sắc mặt trắng bợt ra, rốn rắn như đá, thóp không kín, hay là hạc-tất, đi cầu tuột ra, miệng lưỡi lở thối, hay là thổ ra huyết đen, hoặc thổ ra trùng giun, dãi chảy ra hôi thối.

Chứng cam này bởi tinh huyết suy kiệt, người thật nhiệt cũng nhiều, nhưng giả nhiệt cũng nhiều. Vì âm hư mà giả nhiệt, nhưng giả nhiệt thời tạng tỳ tạng thận đều yếu, lại phải dùng thuốc ôn bổ, khác với người thật nhiệt mà dùng thuốc mát. Họ Tiết cho rằng: chứng này cũng có khi vì uống nhầm thuốc thời phép chữa không nên dùng nhiều thuốc mát mà phải để ý đến tỳ vị, những vị như lô-hội, hoàng-liên, long-đởm, khổ-sâm đều hại đến tỳ vị nên ít dùng đến.

Tóm lại, chữa chứng hàn bằng vị thuốc ôn, chữa chứng nhiệt bằng vị thuốc mát, nhưng dù hàn hay nhiệt cũng chỉ là hư yếu, mà cam tích cũng là chứng hư yếu, nếu chứng cam-tích mà dùng mạnh thuốc công phạt, thời bệnh chưa khỏi mà người đã nguy.

Theo về ngũ tạng có phân ra 5 chứng cam:

1) Chứng can-cam. – Hiện chứng mắt có màng trắng, thổ hay tả mà gân xanh, nếu mắt như mắt chim sẻ, cạnh-sườn bên trái rắn, lại thường ra nước dãi mà đuôi mắt đen là chết (trên đây ở sách Cẩm-nang).

Theo mọi sách khác thời chứng cam vì tạng can còn hay lắc đầu, xoa mắt, nhiều nước mắt, mắt đen, người hay nhọt ngứa, lông tóc dẳng lên.

Tìm sách

Chứng cam nầy nên dùng bài *địa hoàng hoàn* (quyển Nhật) hay bài *địa-hoàng lô-hội-hoàn*, Vì tạng can nhiệt hay là vì người mẹ có ngoại cảm hoặc nội-thương mà cho con bú, thời nên uống bài *sinh thục địa-hoàng hoàn* thêm đương quy hay là bài *hoàng liên phi nhi hoàn* (quyển Nhật) uống với nước hột sơn-chi.

Về chứng cam mắt, vì trẻ em ăn nhiều thức ngọt, thức béo, thức dầu, mỡ hoặc thức sống, lạnh mà thành ra chóng đói mà khát, hay ăn mà gầy, đi cầu lỏng, tóc dựng lên, mũi khô, bụng đầy, thế là tạng tỳ yếu, tạng can mạnh, có khi không chữa được. Tạng can đã mạnh thời hay đau mắt, rỉ mắt mà có màng, mắt nhắm mà dính lại khó mở, phép chữa phải bổ tỳ vị như sâm, truật và thêm sài-hồ, chỉ-xác, khương-hoạt, mãn-kinh, xuyên-khung, bạc-hà, phục-linh, trạch-tả, thăng-ma, để tản phong hỏa mà đem thuốc trở lên, (phương *thuốc trên ở sách Cẩm-nang*).

Nóng nhiều, người gầy, cạnh-sườn đau, tiểu-tiện trong, những chứng cam về tạng can nên dùng bài *phong-cam hoàn* là những vị thanh-đại, hoàng-liên, thăng-ma, ngũ-linh-chi, dạ-minh-xa, xuyên-khung, lô-hội, long-đởm-thảo, phòng-phong, thuyền-thoái, các vị đều 1 chỉ, với 2 con gián, 1 cái đầu con cóc (đắp đất ở ngoài nung thành than). Các vị đều tán bột, lấy nước mật lợn thêm hồ mà viên to bằng hột vừng (mè), mỗi lần uống 10 viên với nước bạc-hà. *Bài trên đây ở sách Y-học.*

2) Cam bởi tạng tâm cũng gọi là *kinh cam*, hiệu chứng sốt nhiều, môi đỏ, mắt đỏ, lưỡi dợm ra, ngực và lòng bàn chân bàn tay đều nóng, cạnh-sườn cách lên mà

Tìm sách

buồn, mồ-hôi trộm, khát nhiều, tiểu-tiện đỏ mà ít, miệng đắng mà khô, kinh khóc, lưỡi đen, người khô lại là chết.

Theo mọi sách thời chứng người nóng chân tay yếu, mặt vàng, sợ rét, miệng mũi khô, cũng là chứng *tâm cam*, nên nống bài *châu-sa an-thần hoàn* hay là bài *an-thần hoàn.* (Phương thuốc trên ở sách *Cảnh-Nhạc*).

Nếu môi đỏ, miệng lưỡi rộm lên, phiền buồn, đi đái ít, khát, mồ-hôi trộm, nghiến răng, kinh sợ, lòng bàn chân bàn tay và ngực nóng, nên uống bài *phục-thần hoàn* nhưng đồng thời uống bài *châu-sa an-thần hoàn* (quyển Nhật) hay là bài *đại-ôn-kinh hoàn.* (Bài thuốc ở trên bộ Y-học).

3) Chứng tỳ-cam vì ăn uống thất thường mà thành ra, mặt vàng, đi cầu ra hôi, kém ăn, to bụng, chân nhỏ, ọe ngược lên mà đầy, thức ăn không tiêu, mặt mắt nề, con ngươi vàng, hay ngủ, có khi ăn cả đất, nếu môi trắng, bụng cao lên, nhân-trung bằng thẳng là chết, (đoạn trên là ở sách Cầm Nang).

Các sách còn nói : Chứng này còn rụng tóc, thở suyễn, hay khóc, đi ỉy nhiều mà thỏi gân ở bụng xanh.

Chữa chứng trên nên dùng *bài tứ-vị phi-nhi hoàn*, hay là bài *ngũ-vị dị-công tán* hay là bài *ích-hoàng tán.* Nếu đầu nhiều nhọt hay là chỗ nhân-trung và hai mép lở đỏ ra, đau bụng thổ ngược lên không muốn bú, mồm không hay ăn đất, đi cầu hôi, tiểu tiện trắng mà đục, hòn trầm hay ngủ, ghét nghe tiếng gỗ chạm nhau, cũng nên dùng bài *phi-nhi hoàn* (đoạn trên ở sách Cảnh-Nhạc).

Bụng to, người vàng, thở gấp, đi cầu hôi, ít ăn hay

TìmSách

nhắm mắt, người mẹ hay ăn thức lạnh, thức béo, hoặc uống rượu rồi cho con bú ngay. Có đứa bụng và cạnh-sườn kết thành khối, nên uống bài *ích-hoàng tán* hay là bài *tiêu-nhũ-thực hoàn* hay là bài *phi-nhi-hoàn* thêm nga-truật, thanh-bì, hay là *tiêu-hồ-liên hoàn* hai bài thuốc đều ghi ở dưới. (đoạn trên ở sách Y-học).

4) Chứng phế-cam cũng gọi « *khí-cam* » là vì nhiệt hại tạng phế mà sinh ra. Hiện chứng: ngày mùa thu cũng phát sốt, dưới mũi hai bên lở ra mà đỏ, ghẻ rét, ho đàm, đau ở yết hầu, đầy hơi, thở gấp hay đói, chứng này mà mặt như sưng khô, ho ngược lên, suyễn súc bọt trắng, đi tả nhiều, thân thể rộm lên như hạt thóc mà ban đen là chết (đoạn trên ở sách Cẩm-Nang).

Các sách còn nói: chứng này khóc nhiều, ho ngược lên, mũi và cổ có nhọt, muốn ngủ, người gầy, hoạt tràng, 4 chân tay mềm yếu, sắc mặt nhợt, đi cầu ra mủ và thổ huyết.

Nếu suyễn ho, thở gấp, miệng mũi lở ra, nên uống bài *nhân-sâm thanh-phế thang* hay là bài *ích-khí thang*. Nếu ngoài mũi nhọt lở, yết-hầu không được thông, đầu nề, răng đau, ho đàm, nóng lạnh, mũi ngứa chảy nước mũi, lục huyết, mặt vàng, tiểu-tiện đi luôn, đều bởi ở tạng phế, nên uống bài *sinh-địa thanh-phế ẩm* (quyển Nhật) hay bài *tang-sang lan-hương tán*, bài *chư-sang bạch-phấn tán*. (Đoạn trên ở sách Cảnh-Nhạc).

Những chứng : dưới mũi, hai bên lở ngứa không đau, nước mũi hay mồ hôi chảy đến đâu là lở ngứa đến đấy, gọi là *thắc-cam*, thốt nhiên ho đàm khí ngược lên, nóng lạnh rồi nhổ ra máu, khóc nhiều, đi cầu lỏng

Tìm sách

hay ngoáy mũi và móng tay, là bởi cảm hàn hay cảm phong, ra mồ hôi rồi lại phải lại. Lại thêm bú và ăn không điều hòa, nên uống trước bài *thanh-phế thang* rồi uống bài *hóa-thắc hoàn* (đều ghi ở dưới đây), lại lấy mật gấu hòa với nước nóng bôi vào trong mũi, hay là dùng những vị thanh-đại, đương-qui, xích-tiểu-đậu, qua-đế, địa-du, hoàng-liên, lô-hội, các vị bằng nhau, và một chút hung-hoàng tán bột bôi vào trong mũi, và những chỗ lở. Nếu vì cam mà ngọng không nói được, thì dùng bài *hoàng-liên phi nhi hoàn* độ chừng 15 viên và 1 viên *tô-hợp-hương hoàn* cùng với châu-sa, ngũ-linh-chi mỗi vị một chút, cũng tán bột sắc nước vị thạch-xương-bồ điều với thuốc mà cho uống nóng.

Một phương nữa : dùng vị bạch-cập và khinh phấn mỗi vị 1 chỉ, vị ô-tặc-cốt 2 chỉ, tán bột chấm vào những chỗ hoen lở (phải rửa sạch trước).

Dưới mũi lở và đỏ thì dùng lá lan vẫn chơi cảnh, đốt cháy thành than với một chút vị khinh-phấn và nửa phân rỉ đồng xanh tán bột mà bôi.

Chứng cam mà lở là sâu trùng ăn ở ngoài rồi hào kiệt tinh-tỷ, nên uống bài *liên-đỗ hoàn* (ghi ở mục dưới đây). Lại lấy những vị xuyên-khung, sinh-địa, phục-linh, phục-thần sắc lấy nước cho uống để điều hòa chân huyết, và mát cho tạng tâm, hay là dùng bài *lô-hội hoàn*, bài *phi-nhi hoàn* (đều ghi ở mục dưới) lựa chọn mà dùng, hay là dùng xen với nhau. Ở ngoài lấy vị đại-phúc-bì, khổ-sâm, bạch-cập sắc lấy nước mà rửa, rồi lấy quả kha-tử đốt cả vỏ cho thành than thêm 1 chút sạ-hương và khinh-phấn mà bôi, (đoạn trên ở sách *Y-học*).

TimSách

5) Chứng « thận-cam ».— Bởi tạng thận hư yếu mà sanh ra. Hiện chứng : Người nóng lạnh, rốn và bụng đau, thường đi cầu lỏng, mồ-hôi, ráo khát, trong tai nhọt mủ, chân lạnh, mặt xạm, móng tay đen, lở ngứa, rụng răng, lở miệng, gầy mòn, vì thuộc về tạng thận, khí ở tạng thận yếu thi hỏa bốc lên trên, hơn nữa răng rụng, chứng này đã rụng răng thời khó mọc lại, chân răng lại rướm máu. Nếu ưa uống nước lạnh hay ăn thức mặn, đi đái như nước sữa, răng đen, xương khô, tai khô, thời chết. (Đoạn trên là ở sách Cẩm-nang).

Các sách còn nói : Chứng này có khi vừa tả vừa ly, thoát giang, thổ ngược lên, nóng nhiều, chân tay lạnh, kém ăn, vì là chứng bệnh cần, cho nên gọi là *cấp-cam*, nguyên nhân bởi thủy ở tạng thận không đủ, nhưng cũng bởi tỳ thổ yếu, thời phép chữa phải mạnh cho tạng tỳ, mà tiêu tích sát trùng.

Những chứng người gầy, lở ngứa hay nằm đất, nên uống bài *đại-hoàng thang*. Nếu gầy yếu thổ đàm, chân tay giá lạnh, đau bụng đi cầu, miệng hôi, chân răng thối ra, mặt xạm, móng chân móng tay đen, tai lở hay chảy nước ra, muốn ăn tóc của mình, nên uống bài *địa-hoàng hoàn*. (Đoạn trên là ở sách Cảnh nhạc).

Nếu trong óc nóng, người gầy, chân tay lạnh như giá, mặt xạm, móng tay và chân đen, người nhiều nhọt lở, có em ngoẹo cả xương cổ, có em bị lên đậu rồi còn dư độc, lại thêm ăn và bú không điều hòa, trùng ăn cả chân răng, miệng ra cả máu mà hôi thối, đều nên uống bài *thận-khí hoàn* thêm sử-quân-tử, xuyên-luyện-nhục. (Đoạn trên ở sách Y-học).

Tìm Sách

Ngoài ra còn mấy chứng nữa :

a) Cam tầu-mã. (nên tham khảo chứng bệnh về răng ở đoạn dưới).

Cam răng mà bệnh rất nhanh chóng như thể ngựa chạy cho nên gọi là *tầu-mã.*

Chứng nầy miệng hôi, răng đen, chân răng lở ra mà chảy máu, người hấp sốt, nên sát thuốc bài *trà-nha tán* hay bài *mã-minh tán* mà ở trong uống *thiềm-thừ-hoàn.* Chứng này mà răng rụng thóp và mép lở ra thời không chữa được, (đoạn trên ở bộ Cảnh-Nhạc).

Sách Y-học có nói : chứng này chân răng lở thối, răng đen mà rụng, dưới tai sưng lên, là khí nóng ở kinh dương-minh uất lên, thành ra trùng ăn cả tràng-vị và thêm đi ly, chân tay lạnh như giá, mặt xạm, móng tay đen, thân thể nhiều nhọt lở, lúc nóng lúc lạnh, có em xương cổ ngoẹo đi, nên uống bài *thân-khí hoàn,* thêm xử-quân-tử, xuyên-luyện, ngoài dùng bài *liên-mạch tán* mà bôi, hay là dùng 5 chỉ bạch-chỉ, 1 chỉ mã-nha-tiêu, 5 phân tỉ -đồng-xanh, 1 chỉ xạ-hương, cùng tán bột mà bôi vào chân răng (đoạn trên ở sách Y-Học).

b) Chứng lãnh cam. Khát nhiều, đi cầu lỏng, hay nằm đất, kém ăn, ho đàm, mặt xạm, mắt nề, môi cứng ra, rốn to, gân xanh, mắt có màng, sợ ánh sáng, người gầy mà chân tay lạnh (đoạn trên ở sách Cẩm-Nang). Sách Y-học cho chứng lãnh-cam kể trên, nên uống bài *chỉ-thánh* (ghi ở sau).

c) Chứng nhiệt-cam. Thân thể không gầy mà nóng,

Tìm sách

ráo khát, ra mồ-hôi, hay ăn móng tay và các thứ quả, sôi bụng và đầy, phân trắng, hay ngủ, hay khóc, hay ăn tro, than, đất, gạo v.v... (đoạn trên ở sách Cẩm-Nang).

Sách Y-Học cho rằng, chứng cam này lúc mới phát không gầy, nhưng mồm thối mép đỏ, phiền khát, nóng từng cơn, đại-tiện bế sáp, nên uống bài *hồ-liên-hoàn* (ghi sau đây). Nếu người vàng và gầy, mắt như mắt chim sẻ, đêm không trông thấy và nhọt lở, nên uống bài *ngũ-phúc hóa-độc đan* rất hay.

d) Chứng lãnh-nhiệt-cam. Tức là hợp cả chứng cam lạnh và cam nóng, phép chữa nên tiêu tích, điều hòa cho dạ-dầy, giúp cho khí huyết và cho ăn thức nhẹ nhàng, nên uống bài *Như-thánh hoàn* (ghi sau đây) lại uống thêm bài *tiền-thị bạch-truật tán*, vì chứng cam bởi thấp nhiệt lâu ngày lại hoa ra hàn thấp.

Mọi sách cho rằng : chứng lãnh-nhiệt-cam này, ở ngoài thời nằm đất phiền táo, ở trong thời đi cầu vô độ, người gầy, ăn uống kém dần.

e) Chứng khát-cam. Chứng này bởi nước tân dịch khô ráo, không muốn bú, đến đêm thời đỡ khát, là bởi người mẹ ăn nhiều thức nương thức cay mà người con bú phải, cho nên nóng và phiền khát, nên uống bài *liên-đởm hoàn* (ghi ở mục dưới). Nếu khát không ngừng mà lưỡi đen là chết (ở sách Cẩm-Nang và Y-học).

g) Chứng can-cam. Cũng bởi tân-dịch khô kiệt, nếu bởi tạng tâm thời lưỡi khô mà khóc nhiều, bởi tạng can cũng như thế mà mắt không chuyển được con ngươi. Bởi

Tìm Sách

tạng tỳ thời nước bọt dính, mắt kém tinh thần. Bởi tạng phế thời bì phu khô ráo mà khóc ít hơi, đại diện kết. Bởi tạng thận thời người sốt, chân tay lạnh, đái ít, đều uống bài *liên-đản hoàn* như trên. Em nào đủ cả 5 chứng là ngũ tạng đều khô kiệt, mình nổi mụn như hạt thóc mà ban đen là chết. (Đoạn trên ở sách Y-học), chữ « can » này là ráo chứ không phải là tạng can.

h) Chứng cam-tỏ. Lông, tóc xỉn, môi trắng, trên trán có vằn xanh, rốn đầy chướng, sôi bụng, đi cầu ra lần vần. Chứng này kiêng dùng thuốc để vít lại, nên uống bài *[illegible]-khấu hoàn* (ghi ở mục dưới). Nếu đi cầu tuột ra vừa thoát-giang vừa nấc là chết (đoạn trên ở sách Y-học).

i) Chứng cam-ly. Hiện ra chứng cam mà thêm đi ly, là bởi thương thực đình tích, nóng lạnh không điều hòa, có khi đi ly ra cả ngũ sắc và những chất xấu, mót đi cầu mà rặn nhiều, nên uống bài *hương-sa hoàn* (ghi ở mục dưới). Chứng này nếu nhân trung bằng phẳng là chết.

k) Chứng cam-sũng. Chứng này bởi tạng tỳ có thấp khí cho nên đầu mặt, tay, chân đều phù nề (đoạn trên ở sách Cẩm-Nang). Nguyên nhân là bởi hư yếu mà có tích độc, va chạm với khí của tạng tỳ, nên uống bài *thoái-hoàng hoàn* (ghi ở mục dưới). Nếu đầy chướng nhiều uống bài *kê-hoàn-tử* (ghi ở mục dưới).

l) Chứng cam-chướng. Chứng này da ở bụng không được mềm dẻo, nên uống bài *đại-đi-hương tán* thêm vị ngũ-linh-chi tán bột mà sắc nước lá tử-tô để uống, và uống ít bài *tử-sương-hoàn* (quyển Nhật).

Tìm sách

m) Chứng cam tự-nhiên. Chứng nầy bởi đi lỵ lâu, đi tả lâu, sốt lâu, thổ lâu, sốt rét lâu, ho lâu, ra huyết đã lâu, đi đái rắt đã lâu mà thành ra (đoạn trên ở sách Cầm-Nang).

n) Chứng cam-ho. Ngực và lòng bàn chân tay phiền nóng, lông tóc và da khô xỉn, xương ở ngực cao vời lên, (đoạn trên ở sách Cầm-Nang).

o) Chứng cam-giun. Chứng nầy bởi ăn và bứ không điều hòa, cho nên tràng vị có giun. Hiện chứng: Nhau lòng-mày, khóc nhiều, đau bụng, nhiều nước bọt, rốn đầy lên mà có gân xanh, miệng môi tím hay đen trong ruột và răng thấy ngứa tựa như chứng tỳ cam (đoạn trên ở sách Cầm-Nang). Nếu vì thôi bú ăn cơm sớm, thức ngọt thức mỡ hóa ra giun, thì khóc nhiều, nhổ nước bọt, đau bụng, môi tím đen, đầu ruột và răng ngứa, chứng nầy nếu giun ra miệng mũi là khó chữa.

Những chứng cam-tích phần nhiều là có giun mà hình trạng khác nhau, người vàng hay trắng hay đỏ thời chữa được, nếu xanh và đen là chết (đoạn trên ở sách Cầm-Nang).

p) Chứng cam-trùng. Ở đầu, cổ, lưng, bụng, mà có trùng như sợi tơ, sợi tóc hay như đuôi ngựa. Chứng nầy mà mặt vàng, đỏ, trắng là sống, nếu đen tía là chết, (đoạn trên là ở sách Cầm-Nang).

Chú giải. Từ chứng cam-chương trở xuống, bản chữ Hán không nói uống phương thuốc gì, phải chăng để nhà làm thuốc tùy nghi lựa chọn.

Tìm sách

q) Chứng cam ở xương sống. Chứng nầy là trùng ăn ở thịt bèn xương sống, người sốt, mặt vàng, gầy mòn, phiền đau, đi ly, hay cắn móng tay, người ngoài vỗ vào lưng bập bồng như cái trống, xương sống trơ ra, 10 ngón tay mọc nhọt, cũng tựa như chứng can-cam (đoạn trên ở sách Cầm-nang), nên uống bài *lô-hồi hoàn* (ghi ở mục dưới đây, đoạn trên ở sách Y-học).

r) Chứng cam-óc. Chứng nầy cũng gọi là *sài-óc*, da ở đầu bồng lên mà mọc nhọt, đầu nóng như lửa, tóc bón lại như bông lúa, thóp nề mà cao lên, là bởi trong óc gặp phong nhiệt, từ lúc mới sanh, tựa như tâm-cam (đoạn trên ở sách Cầm-Nang).

s) Chứng vô-cô-cam. Chứng nầy bởi giặt áo phơi đêm bị thứ trùng vô-cô rơi lông vào, trẻ em mặc phải thời phát sốt, gầy vàng, đi ly ra máu đặc. Sách Tâm-Giám còn nói : đàng sau gáy và sau cổ có nhân như viên đạn, sờ đến thời chuyển động, mềm và không đau. Trong đó có trùng như bột gạo, nếu không cho vỡ ra thời trùng vào tạng phủ mà đi ra huyết đặc. Vậy phải lấy kim bằng bạc khêu ra mà dán cao vào (đoạn trên ở sách Cầm-nang). Sách Y học còn nói : Nếu áo phơi đêm thời lúc mặc phải hơ lên lửa, nếu mắc bệnh thời uống bài *nguyệt-thiềm hoàn* (ghi ở mục dưới).

t) Chứng đinh-hề cam. Chứng nầy chân tay nhỏ lại, cổ nhỏ đi, mông đít hết thịt, người gầy bụng to, rốn cao lên, ngực lún xuống, kêu khóc, rồi thành ra chứng « trưng » (hòn khối) hay ăn gạo sống. Đinh là chân, tay, cổ nhỏ, hề là bụng to nên gọi là Đinh-hề. Nên uống

Tìm sách

bài *phi-nhi hoàn* (ghi ở mục dưới) hay là bài *đại-lô-hồi-hoàn* (quyển Nhật).

u) Bô-lộ-cam. Chứng nầy hư nhiệt trở đi trở lại, xương đầu như tách ra, ăn là nôn mà thổ ra cả giun, phiền khát, nôn ọe, xương như củi khô, đều bởi tỳ vị hư yếu, không hóa được thức ăn, cho nên tinh huyết khô, da thịt xỉn lại (đoạn trên ở sách Cầm-Nang). Chứng nầy gầy trơ xương là chết. Vì chứng đinh-hề và chứng bô-lộ đều bởi tỳ vị hư yếu không tiêu hóa được thức ăn, hơn nữa khí ở tạng thận không đầy đủ, cho nên gầy lộ cả xương, cũng có em vì lúc chửa, người mẹ thiếu chân huyết. Hai chứng này và chứng vô-cô-cam đều khó chữa. Nên uống bài *thập-toàn đan* ở mục dưới (đoạn trên ở sách Y-học) cũng gọi là *sài mòn.*

v) Chứng cam-lao. Chứng nầy cũng gọi là *sài-mòn*, bụng đầy chướng mà rốn đột lên, gầy trơ cả xương, nóng từng cơn, ngực và lòng bàn tay, bàn chân nóng, ra mồ-hôi trộm, ho suyễn, nóng tận xương và có nhọt lở (đoạn trên ở sách Cầm-Nang).

Theo sách Y-học nói : « chứng này cũng như vừa kể ở trên, lại thêm đi cầu, bụng rắn như đá, sắc mặt bợt ra như bạc là không chữa được. Theo cổ phương thời dùng bài *bạch-truật* thêm hoàng-kỳ, sài-hồ, trần-bì, bạch-hạ, sử-quân-tử, cóc đốt thành than, mai ba-ba nướng vàng, các vị bằng nhau thêm gừng tạc sắc uống, hay là bài *hương-liên chư-đỗ hoàn* thêm con cóc đốt thành than để cứu vãn. Chứng nầy mà suyễn xúc là chết ngay.

Như trênlà *ngoài năm chứng cam về ngũ tạng, còn có 22 chứng nữa.*

Tìm sách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC CHỮA VỀ CHỨNG CAM

1) **Đại-phì-nhi hoàn**. Chữa 5 chứng cam, tạng tỳ yếu đi cầu lỏng mà nóng tận xương : Sa-sâm, bạch-truật, sơn-tra, trần-bì, nga-truật, hậu-phác, thần-khúc, xuyên-hoàng-liên, hồ-hoàng-liên, thanh-bì, phục-linh, bạch-thược, địa-cốt-bì, trạch-tả, nhục-đậu-khấu, binh-lang, xuyên-khung, sài-hồ, xử-quân-tử, cam-thảo chích, các vị đều 5 chỉ, con cóc đốt thành than 5 phân, con giòi ở nhà cầu (ngũ-cốc-trùng) 1 lạng rửa nước nóng phơi khô bồi vàng. Những vị trên đều tán bột hoàn với mật to bằng viên đạn, uống với nước cơm.

2) **Hương-khấu-ẩm**. Chữa chứng cam tả : Hoàng-liên, kha-tử nướng bỏ vỏ, mộc-hương, sa-nhân, phục-linh, quả-đậu-khấu đề sống. Sắc với nước gừng mà uống.

3) **Kiệt-thánh-hoàn**. Chữa mọi chứng cam : Lô-hội, ngũ-linh-chi, dạ-minh-sa bồi khô, sa-nhân, trần-bì, thanh-bì, nga-truật sao vàng, xử-quân-tử sao vàng, mộc-hương, thịt con cóc, 2 vị đều 3 chỉ. Các vị cũng tán bột lấy nước mật lợn hòa làm thuốc viên bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống 15 viên với nước cơm.

4) **Chư-can tán**. Chữa cam mắt: Dạ-minh-sa (cứt dơi) bồi khô, cáp-phấn sao khô, cốc-tinh-thảo. Các vị đều 1 lạng, tán bột, mỗi lần uống 1 chỉ, từ 5 tuổi trở lên uống 2 chỉ. Lấy gan lợn thái ra cho thuốc vào trong, quấn giấy chặt lại đun với nước gạo, đợi gan chín thời vớt miếng gan ra, mà lấy nước ấy xông vào mắt, miếng gan ấy chia làm 3 bận mà ăn mỗi ngày 3 lần, người lớn mắt nhỏ lại như mắt chim sẻ, thời uống vào lúc đói, đến đêm là trông thấy ngay. Nếu bệnh đã lâu thời ăn làm 2 lần.

Tìm sách

5) **Kê-can tán**. Phương này là bí phương ở sách Cầm-Nang, để chữa chứng cam-tích mắt có màng trắng, uống một lần là đỏ ra, 2 lần là khỏi: Minh-hồng-hoàng 1 chỉ rưỡi tán ra, tang-bạch-bì 6 chỉ bồi khô tán nhỏ vừa, kê-nội-kim (màng vàng ở trong mề con gà) bồi khô tán ra. Các vị ấy hòa làm một rồi tẩm vào miếng gan gà đun với rượu cho chín, rồi gạt thuốc đi mà ăn gan (bài thuốc này công hiệu như thần).

6) **Hoa mi-cao**. Để cho trẻ con cai sữa: Hùng-hoàng, khinh-phấn, thần-sa, mỗi vị một chút, cùng tán bột hòa với dầu vừng cho đặc, lúc trẻ em ngủ, lấy nước ấy bôi vào 2 lông mày thời không đòi bú nữa, chỉ 2 lần là công hiệu.

7) **Phương thuốc dưới đây** *chữa chứng cam mắt thần hiệu*: Hoa-phù-dung 4 lạng phơi khô, 1 quả nhục-quả nướng chín, 5 chỉ hồ-hoàng-liên. Lấy một cỗ gan gà bỏ màng đi rồi đun với rượu cho chín, hòa với những vị thuốc trên để làm thuốc viên, uống làm 3, 4 lần với rượu.

8) **Phương thuốc dưới đây** *chữa chứng thận cam, chân răng trơ ra mà thối*: Hùng-hoàng to bằng hột đậu xanh, táo tầu 7 quả bỏ hột, nghiền ra rồi chia làm tư, phần nào cũng cho một chút hùng-hoàng vào trong, rồi lấy dây thép buộc chặt, nướng lên trên ngọn đèn (thắp dầu ta thời cồ), thấy ngoài đã đen thời để ra cho nguội, tán bột xát vào chân răng, thời lúc ngủ rỏ dãi ra mà huyết cầm lại.

9) **Truy-trùng-hoàn**. Chữa cam-giun: Rễ cây khổ-luyện

Tìm sách

quán-chúng, mộc-hương, đào-nhân (bỏ dầu và đầu nhọn rồi sao khô), vô-di sao, hạt cau, các vị đều 1 chỉ, đương-quy, hạc-sắt-thảo sao, con cóc bỏ đầu, ruột và chân tầm giấm nướng thật vàng sẫm, hoàng-liên sao, các vị đều 1 chỉ, sử-quân-tử 25 hột. Đều tán bột viên thật nhỏ, lấy nước thịt heo mà uống.

Năm bài thuốc trên ở sách Cầm-Nang.

Lúc mới mắc bệnh là nhiệt cam, nên uống bài *hoàng-liên hoàn*. Bệnh đã lâu là lãnh cam, nên uống bài *mộc hương hoàn* (quyển Nhật). Vừa lạnh vừa nóng uống bài *Như-Thánh-Hoàn* dưới đây. Tàn dịch khô nên uống bài *thất-vị bạch-truật tán*.

10) **Liên-đỗ-hoàn**. Chữa chứng khắp người nhọt lở: Hoàng-liên 7 lạng, tẩm nước cho mềm ra rồi cho vào trong dạ-dầy con lợn đực (rửa sạch phân), lấy dây buộc chặt, chưng trên nồi cơm cho thật nhừ, rồi đem ra nghiền kỹ hoàn với cơm to bằng hột đậu-xanh, mỗi lần uống 20 viên với nước gạo sắc lên (Bài trên ở sách Y-học).

11) **Hồ-liên-hoàn**. Chữa chứng nhiệt cam : Hồ-hoàng-liên, xuyên-hoàng-liên đều 1 chỉ, thần-sa 1 chỉ rưỡi, cùng tán bột cho vào trong cái mật lợn buộc chặt lại, đeo ở trong nồi ở dưới có nước, đun chín rồi lấy ra cho 2 chỉ ô-hội, 1 chút xạ-hương, nghiền với cơm viên bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống 5 hay 7 viên với nước trà. Một phương nữa : thêm vị thanh đại, cóc đốt thành than, mỗi thứ 2 chỉ (bài nầy ở sách Y-học).

12) **Chí-thánh-hoàn.** Chữa chứng lãnh cam : Đinh hương, thanh-bì, mộc-hương, hậu-phác, sử-quân-tử, trần-

Tìm Sách

bì, nhục-đậu-khấu, các vị đều 2 chỉ tán bột. Nấu thần-khúc và hồ làm hoàn, to bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống 60, 70 viên với nước cơm.

13) **Như-thánh-hoàn**. Chữa chứng cam vừa lạnh vừa nóng : Hồ-hoàng-liên, xuyên-hoàng-liên, vô-di, sử-quân-tử, đều 1 lạng, xạ 5 phân, 1 con cóc nung chín thành than. Cùng hòa với hồ làm thuốc viên, to bằng hạt vừng (mè), uống từ 5 viên đến 20 viên bằng nước sâm sắc lên.

14) **Phục-thần-hoàn**. Chữa chứng kinh-cam : Phục-thần, lô-hội, hồ-phách, hoàng-liên, xích-phục-linh đều 3 chỉ, viễn chí chế và sao, câu đằng, con cóc bỏ ruột đốt thành than, 3 thứ đều 2 chỉ, xương-bồ 1 chỉ, xạ-hương 1 chút. Cùng tán bột hoàn với cơm to bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống 10 viên với nước bạc-hà (bài này ở sách Y-học).

15) **Phong-cam-hoàn**. Chữa chứng cam mắt : thanh-đại, hoàng-liên, thiên-ma, ngũ-linh-chi, dạ-minh-sa rửa sạch bỏi khô, xuyên-khung, lô-hội, các vị đều 2 chỉ, long-đởm-thảo, phòng-phong, thuyền-thoái rửa sạch, các vị đều 1 chỉ rưỡi, con gián (bỏ đầu, cánh và chân sao vàng), 3 đầu con cóc nắm đất ở ngoài nung thành than. Cùng tán bột hòa với nước mật lợn thêm hồ làm thuốc hoàn, to bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống 10 viên với nước hạc-bà (ở sách Y-học).

16) **Tiểu-hồ-liên-hoàng**. Chữa chứng tỳ-cam : Hồ-hoàng-liên 1 chỉ, a-hùy 1 chỉ rưỡi, thần-khúc, xuyên-hoàng-liên đều 2 chỉ, thêm 1 chút xạ tán bột hòa với nước mật lợn, viên bằng hột gạo, mỗi lần uống 30 viên với nước vị bạch truật sắc lên, (ở sách Y-học chữa cả cam-tích).

Tìm sách

17) **Thanh-phế-thang**. Chữa chứng khí-cam : **Hoàng-cầm, đương-quy, mạch-môn, liên-kiều, phòng-phong, xích-phục-linh, cát-cánh, sinh-địa, tử-tô, cam-thảo, tiền-hồ, tang-bạch-bì** sao khô, các **vị đều 5 chỉ. Sắc nước uống.**

18) **Hóa-thấc-hoàn**. Cũng chữa chứng khí-cam : **Vô-dĩ, lô-hội, thanh-đại, xuyên-khung, bạch-chỉ, hồ-hoàng-liên, xuyên-hoàng-liên, con cóc bỏ ruột nắm đất đốt thành than.** Các vị bằng nhau tán bột, lấy mật lợn và hồ làm hoàn to bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống 20 viên sau lúc ăn cơm và lúc đi nằm.

19) **Liên-đảm-hoàn**. Hoàng-liên 5 chỉ, tẩm nước mật lợn sao khô, qua-lâu-căn, ô-mai, liên-nhục sao, hạnh-nhân đều 2 chỉ, tán bột, lấy nước mật trâu hay bò và thêm hồ để làm thuốc hoàn to bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống 5 viên với nước gừng và mật. (Chữa chứng cam về phổi.)

20) **Hương-khẩu-hoàn.** Chữa chứng cam tả : Hoàng-liên 3 chỉ, mộc-hương, nhục-đậu-khấu nướng bỏ vỏ, kha-tử nướng bỏ vỏ, sa-nhân sao, phục-linh, 5 vị đều 1 chỉ. Các vị tán bột hoàn với cơm to bằng hột gạo, mỗi lần uống 5 viên với nước cơm.

21) **Hương-sa-hoàn.** Chữa chứng cam-ly : Hoàng-liên 3 chỉ, mộc-hương, hậu-phác, dạ-minh-sa sao, sa-nhân sao đều 2 chỉ, kha-tử-nướng 1 chỉ. Các vị tán bột hoàn với cơm to bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống 15 viên với nước gừng sắc lên.

22) **Kệ-hoàng-tử**. Chữa chứng cam-sũng : Hột-cải-củ 1 lạng sao, trần-bì, thanh-bì, binh-lang, ngũ-linh-chi,

Tìm sách

bắc sửu, các vị đều sao. xích-phục-linh, nga-truật sao, 7 vị đều 5 chỉ, mộc-hương 2 chỉ rưỡi, tán bột lấy hồ làm hoàn to bằng hột đỗ xanh, sắc nước tang-bạch-bì sao và tử-tô để uống, mỗi lần 15 viên. Bài này chữa cả chứng trẻ em bú và ăn không tiêu, bụng trên, bụng dưới đầy chướng nôn ọe, thở gấp, hay là sôi bụng đi cầu trong bụng lạnh, hay là chứng thực-tích, chứng nhũ tích, chứng suyễn-khí, chứng bĩ-kết, chứng tràng vị bí hay hoạt, chứng đầu mặt phù-nề và chữa 5 chứng cam, 8 chứng ly, mà người gầy, bụng to, hay như thần. Một phương nữa có vị hoàng-liên, hồ-tiêu, tam-lăng, và rễ khổ-luyện đều 2 chỉ.

23) **Long-đảm-hoàn.** Chữa chứng cam-óc : Long-đảm-thảo, thăng-ma, rễ khổ-luyện sao, phòng-phong, xích-phục-linh, lô-hội, tóc đốt thành than, thanh-đại, hoàng-liên, các vị đều bằng nhau tán bột, lấy nước mật lợn thêm hồ làm hoàn, to bằng hạt vừng (mè). Sắc nước bạc-hà và tử-tô mà uống, mỗi lần 20 viên vào sau lúc ăn cơm. Lại lấy lô-hội tán bột ngoáy vào lỗ mũi.

24) **Nguyệt-thiềm-hoàn.** Chữa chứng vô-cô-cam : Lấy 2 con cóc đánh chết để vào trong cái ống có chút phân, rồi đem một ít con giòi của phân cho vào trong ống ấy, để con giòi ăn thịt con cóc 1 ngày 1 đêm, rồi đem ra đựng con giòi vào trong túi vải, đeo ở chỗ nước chảy cho sạch đi, xong bồi khô ở trên một tấm ngói thêm vào 1 chỉ xạ-hương rồi hoàn với cơm to bằng hạt vừng (mè), mỗi lần 30 viên uống với nước cơm. Phương thuốc này chỉ uống 1 lần là hết phiền, 2 lần là chỉ khát, 3 lần là ngừng đi tả, *còn chữa cả mọi chứng cam.*

Tìm sách

25) **Ngũ-cam bảo-đồng hoàn.** Chữa năm chứng cam về ngũ tạng và chứng cam khô ráo · Đầu con cóc nung thành **than**, mật gấu, xạ-hương, cứt con dơi sao, hoàng-liên, long-đảm thảo, thanh-đại, thanh-bì, ngũ-bội-tử sao, rễ khổ-luyện sao, hùng-hoàng, lô-hội, hồ-hoàng-liên. Các vị đều bằng nhau, tán hoàn với hồ, to bằng hạt vừng, mỗi lần uống 10 viên với nước cơm (bài thuốc này có vị thiên-tương-tử không biết là hạt gì).

26) **Ngũ-cam tiêu-thực hoàn.** Tiêu cam, sát trùng, nhẹ sốt, tiêu tích, tiến thực : Sử-quân-tử sao, mạch-nha sao, vô-di bồi khô, thần-khúc bồi khô, long-đởm-thảo, hoàng-liên sao, sơn-tra sao. Các vị đều bằng nhau tán bột, lấy gạo lâu năm thổi cơm để làm thuốc hoàn, to bằng hột gạo, mỗi lần uống 10 viên với nước cơm.

27) **Phì-nhi hoàn.** Chữa chứng người vàng, đau bụng, bĩ khối, tiết tả, gầy mòn, mọi chứng cam . Hoàng-liên, thần-khúc đều 1 lạng, mạch-nha sao, nhục-đậu-khấu nướng bỏ vỏ, sử-quân-tử sao, 3 vị đều 5 chỉ, binh-lang, mộc-hương đều 2 chỉ. Các vị tán bột, lấy nước mật lợn thêm hồ làm hoàn to bằng hạt vừng, mỗi lần uống 30 viên với nước cơm. *Một phương nữa* : bỏ vị binh-lang, đậu-khấu, mộc-hương, thêm vô-di, thanh-bì, gọi là bài *hoàng-liên phì-nhi hoàn*, chữa mọi chứng cam và cam mắt.

28) **Lô-hội hoàn.** Tiêu cam, sát trùng, điều hòa dạ-dày và ngừng đi tả : Hồ-hoàng-liên, lôi-hoàn, lô-hội, vô-di, mộc-hương, thanh-đại, hạc-sắt thảo, hoàng-liên đều 1 lạng, xác ve sầu 20 con, xạ-hương 1 chỉ. Cùng tán bột, lấy nước mật lợn thêm hồ làm hoàn to bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống 20 viên với nước cơm.

Tìm sách

29) **Thập-toàn-tán.** Chữa chứng cam đinh-hề, cam vô-cô, cam bô-lộ : Trần-bì, thanh-bì, nga-truật, ngũ-linh-chi đều sao, xuyên-khung, bạch-đậu-khấu sao, binh-lang, lô-hội, các vị đều 5 chỉ, mộc-hương, sử-quân-tử sao khô, con cóc nắm đất đốt thành than, đều 2 chỉ. Cùng tán bột lấy nước mật lợn chưng lên làm thuốc viên to bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống 20 viên với nước cơm, nếu sốt uống với nước bạc-hà.

30) **Bố-đại-hoàng.** Chữa mọi chứng cam đầu nhỏ, bụng to, mặt vàng, đau bụng giun, ăn được mà vẫn gầy : Dạ-minh-sa bồi, vô-di, sử-quân-tử sao, đều 2 lạng, lô-hội, nhân-sâm, bạch-truật, phục-linh, cam-thảo, đều 5 chỉ, tán bột lấy hồ làm thuốc hoàn to bằng viên đạn, mỗi viên đựng vào 1 cái túi lụa, rồi cũng đun với thịt lợn, đợi thịt nhừ ra thời đem thuốc lên, đeo những túi thuốc ấy ở chỗ có gió cho khô đi, mà chỉ cho trẻ em ăn thịt và nước, hôm sau lại đem túi thuốc làm như vậy, để cho ăn, đến khi thuốc ở trong túi tản ra gần hết thì thôi.

31) **Dạ-minh-sa phương.** Chữa mọi chứng cam : Dạ-minh-sa sao khô tán bột cho vào nước hay là thức ăn mà uống và ăn.

Lại có chứng đàn bà có con chưa biết đi mà đã có thai để trẻ em bú phải sữa của người chửa, cũng thành ra chứng ấy, nên uống bài *thiên-kim long-đảm thang*, lại lấy túi bằng lụa đỏ đựng cứt dơi cho trẻ em đeo.

Theo sách Cẩm Nang, những vị thuốc cần để chữa cam kê sau đây :

Chữa chứng cam nhiệt như : Xuyên-hoàng-liên, hồ-

Tìm sách

hoàng-liên, hoàng-cầm, chi-tử, địa-cốt-bì, thạch-hộc, ngũ-cốc trùng (giòi của phân người), thanh-đại, v.v...

Những vị để trừ cam, tiêu tích, sát trùng như: Long-đảm, lô-hội, quán-chúng, cóc đốt thành than, tam-lang, nga-truật, chỉ-thực, sơn-tra, sử-quân-tử, hạnh-nhân, binh-lang, a-hùy, vô-di, thạch-quyết-minh, thần-khúc hương-phụ, thanh-bì, mộc-hương, v.v...

Những vị để bổ âm dưỡng huyết như: sinh-địa, thục-địa, đương-quy, bạch-thược, mẫu-đơn, địa-cốt-bì, tri mẫu, hoàng-bá, v.v...

Những vị để bồ cho tỳ vị như: hoài-sơn, phục-linh, bạch-truật, sa-nhân, trần-bì, bạch-đậu-khấu, khiếm-thực, và gạo lâu năm, v.v...

Chú giải: Những phương thức trên đây mà phương nào không kể rõ từng vị, theo bản chữ Hán cho chua là ghi ở quyển Nhật nhưng tôi xem quyển Nhật thì bài có, bài không.

5.— CHỨNG ĐƠN-ĐỘC (cũng gọi là *ban*)

Chứng nầy ta thường gọi là phát ban, có chia ra nhiều thứ:

1) Xích-du-đơn.— Trong mình đỏ lên từng phiến, nóng như lửa mà chạy chỗ nọ sang chỗ kia không có nhất định.

2) Bạch-du-phong.— Cục lên mà ngứa, nóng lạnh, ngạt mũi, ho thở, không đỏ mấy có khi trắng.

Tìm sách

3) Lấm chấm từng mụn đỏ gọi là *đơn-độc.*

4) *Hỏa-đơn* : khắp người nhiều chỗ sưng đỏ lên mà nóng như lửa.

Còn thứ *xích lựu* thời ở dưới cổ mọc lên từng mụn đỏ mà bóng.

Những thứ trên, thứ bạch-du-phong là bởi phong thấp, thời nhẹ, thứ xích-lựu nặng hơn cả, còn 3 thứ kia cũng nên chữa ngay, nếu không thời nhiệt độc sẽ vào tạng phủ. Lại phải đợi uống thuốc trong rồi sẽ xoa ở ngoài, nếu không thời nhiệt độc vào trong. Những chứng ấy ở bì phu, khí huyết rồi phong tà cảm vào mà thành ra, cho nên hiện ra rất chóng, mà độc chạy vào trong cũng chóng, thấy tim là tà độc mạnh.

Những chứng sau nầy không chữa được :

1) Ban mộc sắc xanh. Lưỡi có mụn đen, mụn ở ngực tím lại.

2) Thóp sưng lên, 2 hòn dái sưng bóng lên hay là một, hai ngày lở toét.

Phép chữa.

Lúc mới thấy đỏ nên uống thuốc mát để giải độc. Thứ ban trắng chỉ tán phong thấm thấp là đủ. Trẻ em khóc nhiều bú ít, ta nên xem ngay trong mình có phát ban hay không?

Có sách nói : Chứng nầy dù nhẹ hơn chứng đậu, nhưng biến đổi bất thường, nếu ngoài 3 ngày thời tà

Tìm Sách

độc vào tạng phủ mà chết. Khi đã vào tạng phủ thì chỉ còn phép uống thuốc cho đi cầu, nhưng ít người khỏi.

Những phương thuốc thường dùng tùy ý lựa chọn :

Bài kinh-phòng-ẩm. Chữa chứng đơn đỏ chạy từ chỗ nọ sang chỗ kia : Kinh-giới, phòng-phong, mẫu-đơn, thiên-hoa-phấn, quất-hồng-bì, liên-kiều, cam-thảo, niêm-tử (sao giã dập ra), huyền-sâm, xích-thược, khương-hoạt, kim-ngân-hoa. Các vị bằng nhau, sắc uống.

Lục-hòa tán. Đậu xanh 5 chỉ, đại-hoàng 2 chỉ, tán mát bòa với nước lá bạc hà mà bôi.

Phòng-phong thông thánh tán để chữa chứng sang độc mà cần đến thuốc hạ, nhưng có khi bỏ vị đại-hoàng (xem quyển Nhật).

Huyền-sâm thăng-ma thang để chữa chứng phát ban mà tỳ vị yếu lắm, và chứng sốt thương hàn mà phát ban có điểm đen, (chứng này thấy đen là độc vào bụng mà có thể nguy khốn).

Những phương thuốc để xoa :

1) Lấy cánh bèo rửa sạch, giã vắt lấy nước mà xoa.

2) Lấy củ cây chuối, gọi kỹ rửa sạch, giã vắt lấy nước mà xoa.

3) Rễ cây thủy niêm (?) rửa sạch, giã vắt lấy nước mà xoa.

(Ba phương kể trên ở sách Cẩm-nang).

TimSách

4) Mọc ở trên đầu và cổ nên giã hành củ lấy nước mà xoa.

5) Mọc ở lưng nhiều nên giã vị tang-bạch-bì (rễ cây dâu) lấy nước mà xoa.

6) Mọc ở đầu và cổ sưng đỏ mà đau. Lấy vị xích-tiểu-đậu tán bột hòa với lòng trắng trứng mà xoa.

7) Ở trên mặt sưng đỏ nhiều, lấy đất ở chính chỗ đun bếp hòa với lòng trắng trứng mà xoa.

8) Ở ngực và ngang lưng sưng đỏ, lấy gỗ cây liễu đốt thành than, hòa với nước mà xoa.

9) Ở trên lưng sưng đỏ cũng lấy gỗ liễu tán bột hòa với nước gạo mà xoa.

10) Hai chân sưng đỏ, lấy vị nhũ-hương tán bột hòa với mỡ dê mà xoa.

(Bảy phương thuốc trên ở bộ Y-học).

Họ Tiền cho dùng vị phác-tiêu vì thổ-châu tán bột, lấy lá chàm và cánh bèo giã vắt lấy nước điều với thuốc bột mà xoa. Hay là dùng 1 lạng phác-tiêu, 5 chỉ đại-hoàng tán bột hòa với nước lã mà xoa, nếu khô rồi lại xoa. Họ Tiền cho rằng chứng này độc khí vào trong bụng mà đầy chướng là chết. Chỉ cho uống bài *Hồng nội* sao tán kê sau đây.

Hồng-nội (?) sao, đương-quy, núm quả cà phơi khô, cam-thảo, khương-hoạt, hoàng-cầm đều 5 chỉ, xạ-hương 3 phân. Cùng tán bột, mỗi lần uống 2 chỉ với nước củ sinh-địa sắc lên.

Tìm sách

Chứng trên thông dụng bài *ngũ-phúc hóa-độc đan* hay là bài *tê-giác tiêu-độc ẩm*, hay là bài *nhân-sâm bại-độc tán* thêm vị tử-thảo, hay là bài *thăng-ma cát-căn thang*, thêm bạch-truật, phục-linh, mộc-hương, chỉ-xác, là để mát hỏa ở tạng tâm và trừ thấp nhiệt, nếu bệnh nhân không thể uống được thuốc mát thời dùng bài *tinh-tinh tán* cũng hay.

Còn như trẻ em mới 1, 2 tuổi mà khắp mình có sang lở, cũng nên uống bài *ngũ-phúc hóa-độc thang* hay là bài *tê-giác tiêu độc ẩm*. Nhưng em nào người mạnh mới uống được tê giác. Sang mà ướt, lấy bột thanh-đại chấm cho khô đi.

Chú giải : Trên đây những bài thuốc không kê từng vị, theo bản chữ Hán chua là ghi ở quyển Nhật, nhưng tôi xét quyển Nhật thì bài có bài không.

6.— CHỨNG PHÁT SỐT

Căn bệnh.

Trẻ em dương khí nhiều hơn, cho nên dễ phát sốt, để lâu thành ra kinh giật. Các sách có bàn về ngoại cảm, nội thương của trẻ em như sau : Trẻ em thấy rét nhiều nóng ít là ngoại cảm nhiều, nóng nhiều rét ít là nội thương nhiều.

TìmSách

Phân biệt bệnh chứng.

1) Vì tạng can mà nóng, thời môi đỏ, mắt đỏ mà đau, co quắp muốn mặc áo.

2) Vì tạng tâm mà nóng, thời môi đỏ, mắt trợn lên, răng nghiến lại, miệng lở, ngọc hành sưng.

3) Vì tạng phế thời thở gấp, ngạt mũi, tay hay xoa vào mắt và bí kết.

4) Vì tạng tỳ thời mắt vàng hay rỏ dãi, bụng to.

5) Vì tạng thận nhiệt thời tai ra mủ đặc, sợ ánh sáng.

6) Vì tạng tâm, tạng tỳ đều nhiệt thời lưỡi trắng dày lên.

7) Vì dạ-dày nhiệt thời mồm hôi.

8) Vì cam .nì nóng tận xương, ra mồ-hôi trộm, người gầy, khát nhiều, ngực và lòng bàn tay bàn chân đều nóng, ăn đất hay than.

9) Vì kinh-phong mà nhiệt, thời cắn vú, rỏ dãi, kinh khóc, trông ngược lên.

10) Vì thương thực mà sốt, thời thổ nước chua, hôi mồm, trên nóng dưới lạnh, ngực va bụng khí vận lên.

11) Vì cảm tà khí mà nhiệt, thời nóng nhiều, nhức đầu.

12) Vì ban lở mà nhiệt thời hiệu chứng phải có nhọt lở hay phát ban.

Tìm sách

13) Vì đậu hay sởi mà nhiệt, thời mũi và 2 tai phải lạnh, mắt đỏ mà dính lại, mụ đi như buồn ngủ (theo tác giả nói thì sách cổ còn phân tách nhiều mà đã rút gọn lại).

Sờ tay thấy nóng nhiều, nhưng ấn tay lâu hay là ấn tay mạnh mà chỉ thấy nóng ít, thế là nóng ở ngoài biểu. Trái lại, ấn tay lâu hay ấn tay mạnh mà càng thấy nóng nhiều là nóng ở trong lý. Lòng bàn tay thấy nóng là trong bụng nhiệt, lòng bàn tay thấy mát là trong bụng hàn.

Nóng vì người yếu thời nóng vừa, hơi thở ra thấy mát, đại-tiểu-tiện dễ đi, lòng bàn chân bàn tay lạnh, thường có mồ-hôi, nôn oẹ mà lúc lạnh lúc nóng, hay uống nước nóng như vậy thời không nên dùng thuốc mát và thuốc công phạt.

Nóng mà là chứng thực thời mặt đỏ, phiền khát, môi sưng, đi cầu khó, muốn bỏ chăn áo ra, phiền táo, hay uống nước nguội, miệng lở, hay duỗi chân tay, ngón tay cũng nóng. Trong đó còn phân ra nếu là thực nhiệt ở ngoài biểu thời không sợ gió lạnh, nếu khát nhiều, uống nước nguội là thực nhiệt ở trong lý, mới nên dùng thuốc tán hay là thuốc hàn lương.

Phép chữa.

Khí dương vượng thời nhiệt, mà hư yếu thời hàn, khí âm vượng thời hàn mà hư yếu thì lại nhiệt (hư nhiệt) ngày mát đêm nóng là khí dương hãn vào khí âm, ngày sốt đêm mát, là khí dương vượng ở dương thận, ngày đêm đều sốt là nhiều dương không có âm, (nên vợi chân dương mà bổ chân âm).

TìmSách

Nóng vừa thì dùng thuốc hoà giải hay là phát hãn. Nóng hâm hấp là nóng ở ngoài biểu nên dùng thuốc phát tán, nóng trưng trưng ở trong lý nên dùng thuốc mát hay thuốc bổ chân âm. Nếu không khỏi còn phải liễm cả dương khí, hoặc bổ tỳ để đem dương khí vào, hoặc giúp chân âm để lui giả thiệt, chứ không thể chỉ dùng thuốc mát để chữa nóng.

Chứng đi lỵ mà phát sốt hay là đã phát hãn mà sốt vẫn không nhẹ, hay là đã phát hãn mà lại nóng lên, nói cuồng không ăn được, đều là triệu chứng xấu.

PHƯƠNG THUỐC THƯỜNG DÙNG.— (để tùy ý lựa chọn).

1) **Thăng-ma cát-căn thang.**— Chữa chứng vì thời tiết mà nhức đầu, phát sốt đau mình, hay là đậu, sởi chưa mọc, không biết có phải là đậu sởi hay không : Thăng-ma 5 phân, bạch-thược, cam-thảo đều 1 chỉ, cát-căn 2 chỉ, đều sắc uống.

2) **Sa-sâm tiền-hồ thang.**— Chữa trẻ em cảm sốt : Tiền-hồ 1 chỉ rưỡi, sài-hồ, bán-hạ chế sao, hoàng-cầm sao, sa-sâm, cát-căn, cam-thảo đều 7 phân, thêm gừng và táo sắc uống có khi bỏ vị hoàng-cầm.

3) **Thất-bảo tán.**— Chữa trẻ em cảm hàn phát sốt : Lá tử-tô, hương-phụ sao vàng, quất-bì sao, cát-cánh, cam-thảo, bạch-chỉ, xuyên-khung, các vị đều bằng nhau thêm gừng táo, sắc uống.

4) **Thanh-lương ẩm tử.**— Chữa trẻ em khí huyết mạnh, nóng ở trong, ngực và lòng bàn tay, bàn chân nóng, yết-hầu đau, nóng từng cơn mà nằm không yên, tay chân co giật, sắp thành chứng kinh phong : sa-sâm 2 chỉ, quy

Tìm Sách

1 chỉ rưỡi, phòng-phong, xuyên-khung, xich-thược đều 1 chỉ, đại-hoàng tẩm rượu sao 1 chỉ, cam-thảo 5 phân, bấc thắp đèn dầu thời cỏ 7 cái, mạch-môn 1 chỉ, sắc uống.

5) **Tứ-thần-hoàn.**— Hoàng-bá, tri-mẫu đều tẩm rượu sao vàng, quế 5 phân, đều tán bột, lấy nước làm hoàn, uống với nước sôi (xem tên bài thuốc thời bài nầy để giúp cho thủy ở tạng thận, nhưng bản chữ Hán không nói rõ).

6) **Thủy-giám phương.**— Chữa chứng trẻ em mới sanh được 100 ngày đã nóng lạnh hay là uống nhầm thuốc mát, nôn oẹ không chịu bú, uống thuốc nóng lại tăng bệnh : Đấy là bí thuật ở sách thạch-thất. Hoa đào phơi trong râm tán bột 1 chỉ, hoa cây trâm 2 chỉ, cũng tán bột, sắc 4 phần cam-thảo hòa với bột của 2 thứ kia mà uống, uống lọt miệng là khỏi.

Sáu bài trên ở bộ Cầm-Nang.

Chú giải :

Lá đào có chất độc dùng để sát trùng, còn hoa không biết có chất độc hay không ? còn hai chữ « lam hoa » đúng là hoa trâm, cây trâm cả hoa lá người ta thường dùng để nấu dầu xoa vì lá trâm nghiêng đi, cho nên, còn gọi là khunh-điệp, như vậy dù mạnh nhưng không có chất độc, theo bảng chữ Hán thời cho phương thuốc trên là thần hiệu, nên tôi phải ghi lại.

Dưới đây là trích ở sách Cảnh-Nhạc :

Trẻ em ngoại cảm mà phat sốt, ngạt mũi, rỏ nước

TìmSách

mắt, co quắp, mạch « khẩn và xác », thời cho uống phát hãn là khỏi, nhưng xét khí huyết bòa bình không phải là thực nhiệt, chỉ mỏi mệt hay nằm, thời chỉ uống bài *tứ-sài-hồ ẩm* hay là bài *ngũ-sài-hồ ẩm*, là vừa giữ lấy sức mạnh, vừa giải ở ngoài biểu. Nếu tỳ vị yếu mà hàn, nên uống bài *ngũ-quân* thêm sài-hồ, hay là bài *lý-âm-tiên* (quyển Nhật). Nếu hàn khí nhiều nên uống bài *nhị-sài-hồ* (quyển Nhật). Nếu thương hàn, phát sốt, sợ gió mà ho, người không yếu lắm, nên uống bài *sài-trần-tiên*.

Chứng nóng ở trong mà người yếu hay là tà khí mạnh thời chữa khác với chứng nóng ở ngoài. Nóng ở trong chia ra hư và thực, người yếu mà nóng thời gọi là *hư nhiệt*, nên điều bổ, nếu tà khí mạnh thời là *thực-nhiệt*, nên dùng thuốc để vơi nhẹ đi. Với chứng thực-nhiệt bởi tạng tâm, thời dùng bài *tả-tâm* thay bài *đạo-xích-tán* hay bài *an-thần hoàn*. Bởi tạng can thời uống bài *tả-thanh hoàn* hay bài *sài-hồ ấm-tử*. Bởi tạng tỳ thời uống bài *tả-hoàng-tán*. Bởi tạng phế thời uống bài *tả-bạch tán* (quyển Nhật), hay bài *địa-cốt-bì tán*. Bởi tạng thận thời uống bài *tứ-thần-hoàn* hay bài *lục-vị-hoàn* (số 1 quyển Huyền).

Còn chứng hư nhiệt thời dùng thuốc điều bổ không kể ở đây.

Ngoài ra uống thuốc phát hãn rồi, vì khí âm hư yếu dương khí không dựa vào đâu mà vẫn phát sốt, nên uống bài *tứ-vật-thang* thêm sâm và kỷ.

Ra mồ-hôi rồi, vì khí dương hư yếu mà khí âm không dựa được vào đâu, mà vẫn phát sốt nên uống bài *tứ-quán-thang*.

Tìm sách

Uống nhiều thuốc ôn bổ và vẫn nóng từng cơn, mạch *hoạt* và *đại* nên uống bài *ngũ phúc ẩm* thêm tri mẫu, địa cốt bì.

Trên đây là ở sách Cảnh Nhạc.

Trẻ em phát sốt không khác gì người lớn, chỉ khác về điểm hoặc vì ăn uống hay là vì kinh sợ mà thôi, nếu còn vì ăn uống nên uống bài *sa-sâm khương-hoạt tán* thêm thanh-bì, tử-tô, hay là bài *hoắc-hương chính-khí tán* ở mục thổ tả dưới đây.

Nếu vì ăn uống thức sống, thức lạnh mà thêm ngoại cảm phong hàn, lợm lòng, ăn ít, nên uống bài *nhân-sâm dưỡng-vị thang.*

Nếu trán thấy xanh, mặt xanh, lòng bàn chân, bàn tay có mồ-hôi, thường kinh sợ mà nằm không được yên là chứng kinh-nhiệt, nên uống bài *sa-sâm khương-hoạt tán* thêm thuyền-thoái, cương-tàm, con gián bỏ đầu, cánh đi và bạch-phụ-tử, đại tiện bế thêm đại-hoàng sao, sắc lấy nước để uống bài *châu-sa-an-thần hoàn* (quyển Nhật) là vừa giải biểu vừa an tâm thần.

Nếu là cảm phong thời tự ra mồ-hôi và sợ gió, nên uống bài *tinh-tinh tán*, ho nhiều uống bài *sâm-tô ẩm* gia quy, thược. Nóng nhiều uống bài *sa-sâm khương-hoạt tán* kể ở trên (đó là thương phong, nhưng không dùng được vị ma-hoàng).

Nếu phiền khát, đại-tiện đỏ, nên uống bài *tứ thuận thanh lương ẩm* hợp với bài *tiểu sài hồ thang* đại-tiện bế, nên uống bài *đại-sài-hồ thang.*

Tìm sách

Chứng phát sốt đã dùng thuốc để giải ngoài biểu và ở trong lý, mà thốt nhiên dương bốc ra ngoài, lại phiền và nóng, thời phải điều hòa cho khí ở dạ dày để khí dương liễm lại, thời người tự nhiên mát, như bài *sâm-linh bạch-truật tán* hay là bài *tiền-thị bạch-truật tán.*

Vì ốm nặng về chứng khác mà nay sốt lên, thời phải điều bổ cả khí huyết như bài *tứ quân tử* thang thêm những vị bổ huyết.

Phụ thêm mấy *phương thuốc vẫn chữa cho trẻ em*:

Lê-tương ẩm chữa chứng nóng từng cơn hoặc sốt rét, hoặc nóng đã lâu hay là vì tạng tỳ tích lại mà nóng lạnh: Thanh-hao tẩm nước đồng-tiện 1 đêm rồi phơi khô, sài-hồ, sa-sâm, hoàng-cầm sao, tiền-hồ, tần-bông, cam-thảo, các vị đều 5 phân, quả-lê và ngó-sen đều 3 phiến, 2 lá bạc-hà, 3 phiến sinh-địa. Sắc nước uống.

Tiểu sinh-tê tán chữa chứng nóng tận xương, má đỏ, miệng khát, sốt về chiều, ra mồ-hôi trộm, ngực và lòng bàn tay, bàn chân đều nóng: Địa-cốt-bì, xích-thược, sài-hồ, cát-căn, đều 2 chỉ, cam-thảo 1 chỉ. Sắc lấy nước mài tê-giác mà uống (sừng con tê sống nên gọi là sinh-tê).

Liên-kiều ẩm (là bài *bát-chính thang* gia giảm để chữa mọi chứng sốt của trẻ em): Liên-kiều, cỏ-mạch, hoạt thạch, sa-tiền, ngưu-bàng đều sao, xích-thược, sơn-chi sao, mộc-thông, xác ve-sầu, đương-quy, phòng-phong các vị đều nửa chỉ, hoàng-cầm sao, và hoa-kinh-giới đều 1 chỉ rưỡi, cam-thảo 3 phân, sắc lấy nước mà uống.

Tìm sách

Chú-giải :

Những bài thuốc trên đây mà không ghi rõ từng vị, theo bản chữ Hán có chua là xem ở quyển « Nhật ». Nhưng tôi xét trong quyển Nhật thì bài có bài không.

7.— NÔN ỌE (ẩu-thổ)

Nội-kinh nói: « Mọi chứng ọe ngược lên đều bởi ở hỏa ». Lại nói : « Hàn khí ở dạ-dầy và ruột thời đau mà ọe » như vậy thời chứng ọe hay là nôn của trẻ em, có hàn, có nhiệt, có khi vì thương thực, có khi vì bú nhiều ọe (ẩu) là vừa có tiếng, vừa có thức gì ở trong miệng ọe ra, còn thổ là chỉ nôn ra một thứ gì mà không có tiếng. Cũng có em vì bú nhiều mà thổ ra, có em vì kinh sợ, khí của dạ dầy thụ thương rồi lợm lòng mà thành nôn ọe.

Chứng nầy lâu ngày thì khí của dạ-dầy suy yếu mà tinh thần thoát đi.

Phân biệt chứng bệnh.

1) Em nào người gầy, chỗ thóp động lên luôn luôn, không thiết đến bú và ăn, thời bởi khí của dạ-dầy hư yếu, chứng thổ ấy là *vì yếu mà thổ.*

2) Mặt xanh môi nhợt, muốn ấm, sợ rét, chân tay mát là *chứng thổ vì lạnh.*

3) Thổ ra nước vàng mà đắng, trước ngực phiền táo, hay giận hay khóc là *chứng thổ vì nhiệt.*

4) Ho đàm thở vội, ngực cách lên mà thổ ra nước trong, chứng thổ ấy là *dạ-dày lạnh mà có đàm.*

TìmSách

5) Ăn uống không tiêu, thổ ra chua mà hôi, đau ở dạ-dày và sốt từng cơn, là bởi *thương thực và cảm hàn.*

6) Môi đỏ hay là tía, mặt có chấm trắng, lúc thổ thì mỏi mệt mà dạ-dày thường đau, cũng có lúc ọe ra nước trong, là *chứng thổ vì giun.*

7) Người sốt ho đàm, đêm thời phiền táo, mũi xanh, bú vào là thổ, là *gió cảm vào tạng phế.*

8) Sốt về sáng hay chiều, chỗ sơn-căn (chỗ mũi gãy xuống ở giữa 2 mắt) sắc xanh, ít ngủ, là chứng *thổ vì kinh sợ.*

9) Đằng sau tai có vằn đỏ, nước mũi nhiều, 2 má đỏ hay tía, tiếng thở ồ ồ mà thổ, là *sắp lên đậu hay sởi.*

Chứng nầy thóp trũng xuống hay sưng lên, gân xanh lộ ra, thổ luôn mà không ăn, thở gấp nóng nhiều, ọe thở ra hôi tanh là chết.

Phép chữa:

Phải phân biệt hàn hay nhiệt, bệnh mới khỏi hay đã lâu, lúc mới thổ thời uống thuốc thuận khí để đem trở xuống. Thổ đã lâu phải phòng vệ tỳ-vị hư yếu. Cho nên chữa chứng thổ phải giữ lấy tỳ-vị, như thế thời thổ đã lâu phải dùng thuốc để ngừng lại.

Chỉ có chứng vì phong, vì đờm thời đừng ngừng gấp mà thành ra chứng kinh giật. Như vậy thời chữa chứng thổ phải ôn bổ tỳ vị về phần nhiều — Còn như vì tạng thận tâm, tạng tỳ có nhiệt, thời sẽ uống thuốc cho mát đi.

Tìm sách

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC THƯỜNG DÙNG
(tùy chứng mà lựa chọn).

1) **Bất-hoán chính-khí tán.**— Chữa chứng thương phong, nôn ọe, bụng đầy : Hoắc-hương, hậu-phác đều 1 chỉ rưỡi, chích-thảo 1 chỉ, xương-truật tẩm nước sữa sao vàng 4 chỉ, nhân-sâm 2 chỉ, phục-linh 3 chỉ, mộc-hương 1 chỉ, bán-hạ chế và sao 1 chỉ rưỡi và gừng sống, táo-tàu sắc uống.

2) **Sâm-linh bạch-truật tán.**— Chữa chứng tỳ-vị yếu mà thổ hay là đi tả : Nhân-sâm 3 lạng, phục-linh 3 lạng, bạch-truật 2 lạng, chích-thảo 1 lạng, biển-đậu sao vàng sầm 4 lạng, sa-nhân sao và cát-cánh đều 1 lạng rưỡi, ý-dĩ sao, liên-nhục sao đều 3 lạng. Các vị tán bột, sắc nước gừng và táo để uống.

3) **Bảo-hòa hoàn.**— Chữa chứng tỳ-vị không điều hòa mà nôn oẹ : Sơn-tra 6 lạng sao, chính thần-khúc 2 lạng, bán-hạ chế và sao vàng sầm 2 lạng. phục-linh 2 lạng, liên-kiều 1 lạng, hột-cải củ sao 1 lạng. Các vị đều tán bột, lấy cơm làm thuốc hoàn, uống với nước lã đun sôi tùy nhiều hay ít.

4) **Trị-trung hoàn.**— Chữa khí của tạng tỳ ngược lên mà ọe : Nhân-sâm, chích-thảo, gừng sao thật vàng, truật sao vàng, thanh-bì, trần-bì đều sao, các vị tùy ý nhiều hay ít sắc với nước uống lúc thuốc còn ấm. Ọe nhiều thêm vị bán-hạ chế và sao gần đen, (nhân-sâm thay bằng đẳng-sâm cũng được.)

5) **Quất-bì-trúc nhự thang.**— Chữa chứng ọe ngược lên đã lâu : Quất-bì sao và trúc-nhự đều 1 chỉ rưỡi, đảng-

TimSách

sâm 2 chỉ, gừng nướng 1 chỉ, cam-thảo 7 phân, táo 1 quả, các vị sắc với nước uống lúc con am.

6) **Đại bán-hạ thang.**— Chữa chứng dạ-dày yếu mà nôn ọe : Bán-hạ chế và sao 5 chỉ, nhân sâm bồi khô 3 chỉ, sắc với 2 chén nước đun còn 3/4 (ba phần tư) rồi hòa thêm hai chỉ mật ong mà uống.

7) **Thiên-hạ bái thụ bình-vị tán.**— Chữa chứng tỳ vị không điều hòa, nôn oẹ ra đờm va nước, ngực cách lèn mà đàm trệ, ăn uống không biết ngon : Hậu-phác, trần bì sao, gừng sống, chích-thảo, đều 2 lạng, táo tầu 20 quả bỏ hột, xương-truật tẩm nước gạo 1 đêm rồi thái phơi 5 lạng, các vị đun vơi nước cho nhừ, rồi đun thật cạn cho khô, xong phơi khô tán bột, mỗi lần uống 2 chỉ với nước muối loãng. Một phương cũng bài nầy thêm hoắc-hương và bán-hạ chế sao. Nếu là chứng đi cầu thời mỗi lần uống, sắc 5 lát gừng, 2 quả ô-mai để lấy nước mà uống thuốc bột.

8) **Dưỡng-vị thang.**— Chữa chứng tỳ-vị lạnh, ăn vào lại nôn tức là phiên-vị : Nhân-sâm, đinh-hương, sa-nhân sao, nhục-quả sao, phụ-tử chế, bạch-đậu-khấu sao qua, mạch-nha sao, trầm-hương, cam-thảo, quất-bì, thần-khúc. Các vị đều 4 chỉ, tán mạt, mỗi lần uống 2 chỉ với nước gừng sống và muối đun lên.

9) **Toàn-phú-hoa thang.**— Chữa chứng trung-tiêu, có đờm thổ ngược lên và choáng váng : toàn-phú-hoa bỏ cành, bán-hạ (đun với nước sôi 7 lần rồi chắt nước đi mà phơi và sao) can-khương sao, quất-hồng-bì sao, các vị đều 1 lạng, binh-lang, nhân-sâm (thay bằng vị đảng-sâm cũng được)

Tìm sách

bạch-truật sao, chích-thảo, các vị đều 5 chỉ. Cùng tán bột, mỗi lần uống 3, 4 chỉ với nước gừng sống sắc lên.

10) **Mộc-qua hoàn.**— Chữa chứng mới sanh mà ọe ra nước vàng: Mộc-qua, mộc-hương, binh-lang 3 vị bằng nhau, tán bột thêm 1 chút sạ, rồi lấy hồ làm thuốc viên to bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 1, 2 viên với nước cam-thảo sắc lên.

11) **Tiêu-nhũ-thực đan.**— Chữa chứng bú và ăn không tiêu, mặt vàng, bụng to, đi cầu như trứng gà thối mà bú vào là mơi ra: Đinh-hương, mộc-hương, thanh-bì, nhục-đậu khấu nướng chín bỏ vỏ, tam-lăng, nga-truật. Các vị bằng nhau, tán bột hoàn với hồ to bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống mấy viên với nước gạo sắc lên.

12) Bụng đau, bú vào là thổ, nên uống bài *binh vị tán* (quyển Nhật), hợp với bài *tô-hợp-hương hoàn* rồi hòa với nước gạo sắc lên mà cho uống.

13) Nôn ọe vì có đờm nên uống bài *nhị-trần thang* thêm sơn-tra, mạch-nha, và bạch-truật đều sao, cùng vị ô-mai, nếu có đàm vì nhiệt thêm vị Hoàng-liên, tỳ-vị hàn thêm vị can-khương sao vàng sầm. Nếu nguy lắm thời uống bài *thiêu-châm hoàn* kê sau đây.

14) **Thiêu-châm hoàn.**— (nôm gọi là thuốc chân kim, để chữa chứng thổ ngược lên và chứng đi tả, mà ngươi lớn cũng uống được). Hoàng-đơn 1 lạng, phèn-phi 1 lạng, 2 vị tán bột hoàn với táo-tầu (bỏ hột) to bằng củ súng, mỗi lần uống 1 viên, lấy kim xâu viên thuốc đốt lên trên ngọn đèn (thắp bằng dầu lạc thời cồ) mà đừng để

Tìm sách

cháy thành than, trẻ em thời mài với nước sữa hay là nước gạo sắc lên mà cho uống, còn người lớn thời uống với nước nguội.

Nếu nội thương vì bú và ăn mà nôn ọe, mặt xanh hay là vàng, bụng đầy, chân tay lạnh, nên uống trước vài *tiêu-nhũ-thực-đan* kể ở trên. Nếu ọe nhiều chỉ dùng vị bạch-đậu-khấu và sa-nhân, 2 vị bằng nhau và vị cam-thảo ít hơn, tán bột rắc vào trong miệng trẻ em là khỏi. Nếu bú và ăn uống không lọt xuống, uống bài *thiêu-trâm hoàn* rất hay.

15) **Tứ-quân thang** chữa chứng dạ-dày lạnh, mà nôn ọe thêm bạch-đậu-khấu, sa-nhân sao, nhục-đậu-khấu nướng chín và hoài-sơn sao, cùng tán bột, lấy mật ong làm thuốc hoàn mỗi buổi uống 1 chỉ với nước vị mộc-qua và lá tử-tô sắc lên hay là uống bài *khải-tỳ hoàn*.

16) **Nhị-trần thang** : Chữa chứng nôn ọe mà có đờm dãi ở cổ họng (quyển Nhật) thêm vị đinh-hương, hoắc-hương hay là bài *bão-long hoàn*.

17) **Đại-ôn-kinh hoàn**.— Chữa chứng kinh sợ nôn ọe.

18) **Lý-trung hoàn**.— (chữa chứng dạ-dày lạnh thổ nước dãi hay là nước trong) dùng vị bán hạ (chế và sao) và gạo lâu năm (rang lên) đều bằng nhau, sắc với nước gừng cho uống.

19) **A-giao tán**.— Chữa chứng tạng phế nóng mà thổ ra dãi hay huyết.

20) **An-trung hoàn**.— (Chữa chứng vì đau bụng có trùng mà ra nhiều nước bọt) : lá sơn khô đốt cháy 2 phân,

Tìm sách

và hùng-hoàng, hột ba-đậu, (lấy vải gói lại đập cho hết dầu đi) 2 vị đều 1 chỉ, tán bột hoàn với hồ bằng hột gạo, mỗi lần uống mấy viên bằng nước rễ cây thạch-lựu sắc lên. Tùy lớn nhỏ mà cho nhiều hay ít, vì thuốc nầy có vị mạnh không uống được nhiều.

21) **Ích-hoàng tán**.— Để chữa chứng trẻ em bú vào là nôn, bệnh đã kinh niên.

Chú giải : Những bài trên đây không ghi rõ từng vị, theo bản chữ có chua là xem ở quyển Nhật, nhưng tôi xem quyển Nhật thì bài có bài không.

8.— CHỨNG ĐI CẦU LỎNG (Tiết-tả)

Căn bệnh :

Nội-kinh nói : « tạng tỳ yếu thời đi cầu lỏng ». Chứng nầy có phân ra bởi thấp khí, bởi hỏa, bởi đờm, bởi hư yếu, bởi cảm thử, bởi thực tích, bởi cảm gió, bởi lạnh. Là tám chứng khác nhau.

Phân biệt bệnh chứng :

— Vì dạ-dầy thời ăn uống không tiêu mà đi ra sắc vàng.

— Vì tạng tỳ yếu thời bụng đầy chướng ăn vào có khi nôn.

— Vì đại-tràng thời đau ruột mà đi ra sắc trắng.

— Vì tiểu-tràng thời đi tiểu ít mà đi cầu ra cả máu mủ, bụng dưới tất nhiên có đau.

— Chứng đại-hà-tiết thời đi cầu luôn mà không đi được, đau cả trong ngọc-hành.

Tìm sách

— Đi cầu những nước không đau bụng, người phù nề là chứng thấp hay là tỳ yếu.

— Đi cầu nguyên cả hột cơm là chứng tỳ vị hư yếu.

— Thốt nhiên đau một trận thời đi cầu hay là đi ra đỏ mà đi vọt ra thật mạnh đều là có hỏa.

— Đau bụng lắm mà đi cầu, đi cầu rồi đỡ đau là chứng thực tích.

— Phiền táo, khát nước lạnh, đầu nóng, lưng lạnh tự ra mồ hôi, vừa nôn ọe, vừa đi cầu là thương thử.

— Bú thời thổ mà đi cầu vàng là vì sữa nóng.

— Bú vào thời thổ mà đi cầu xanh là sữa lạnh.

— Đi cầu như trứng gà ung, bụng chướng lên, người sốt mà vẫn ở lòng bàn tay thấy tím là cam-tả.

— Khóc đêm, thường sợ mà đi cầu ra nước trong là vì kinh sợ.

— Đi cầu trước hơi vàng mà để lâu thời xanh là tạng phủ lạnh.

— Nhiều đờm mà lúc đi cầu, lúc không, lúc nhiều, lúc ít là có đàm.

Như trên là 16 chứng khác nhau.

Phép chữa.

Nếu vì tạng tỳ yếu hay vì thương thực thời phải bổ tỳ vị. Nếu tờ mờ sáng đã đi cầu, lại phải ôn bổ cho tạng thận để bế vít lại. Ngoài ra, mạch thấy mạnh thời cho lợi tiểu-

TimSách

tiện trước mà bổ tỳ vị sau, mạch thấy yếu thời bổ tỳ vị trước mà lợi tiểu-tiện sau. Chứng này nếu vì cảm hàn thời dễ thành ra chứng mạn-tỳ (sốt vừa mà rên rỉ).

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC Ở SÁCH CẨM-NANG

(tùy chứng lựa chọn)

1) **Mộc-hương tán.**— (Chữa chứng đi cầu lâu, tạng tỳ yếu mà biến thành chứng mạn-tỳ) : Mộc-hương, chích-thảo hậu-phác, nhục-quả (gói vào vải đập dập bỏ dầu đi), xương-truật sao, khả-tử nướng chín, các vị đều 5 chỉ, phục-linh, gừng sao vàng sẫm, hột sa-tiền sao, quảng-bì sao, bạch-truật sao, mộc-thông bồi khô đều 1 lạng, chư-linh sao 2 lạng, sa-nhân sao 1 lạng, nhục-quế 3 chỉ. Các vị đều tán bột, sắc nước gừng sống mà uống nhiều hay ít là tùy người lớn, hay nhỏ.

2) **Gia-giảm bình-vị tán.**— (chữa chứng đi cầu những nước, hay như thần) : Quảng-bì để cả phấn ở trong mà sao, bạch-biển-đậu sao thật vàng sẫm đều 2 lạng, xương-truật sao 3 lạng, hậu-phác 1 lạng rưỡi, chích-thảo 1 lạng, mộc thông bồi khô 8 lạng. Các vị tán bột uống với nước gừng sống, tùy người lớn nhỏ mà uống nhiều hay ít.

3) **Gia-giảm ngũ-linh tán.**— (chữa chứng tạng tỳ yếu mà thấp nhiệt đi tả hay như thần) : Phục-linh, biển-đậu sao vàng sẫm đều 6 lạng, bạch-truật sao vàng 5 lạng, thương-truật sao vàng 4 lạng, quảng-bì để cả phấn ở trong mà sao, chích-thảo, trạch-tả sao, đều 2 lạng. Các vị tán bột, uống với nước gừng nướng và thêm một chút đường tùy người lớn hay trẻ em mà cho uống nhiều hay ít.

Tìm sách

4) **Vị-linh thang.**— Xương-truật tẩm nước gạo vo vàng 1 chỉ rưỡi, hậu-phác, trần-bì, bạch-truật, trạch-tả, chư-linh đều 1 chỉ và đều sao, phục-linh 3 chỉ, chích-thảo 3 phân, nhục-quế 3 phân, thêm gừng sống. Sắc uống, còn quế để mài ngoài.

5) **Nhị-thần hoàn.**— (chữa chứng yếu và lạnh mà đi cầu) : Phá-cố sao 1 lạng, nhục-đậu-khấu để sống 2 lạng, cùng tán bột, lại lấy mấy chục quả táo-tầu và 4 lạng gừng sống cùng sắc khi táo-tầu chín nhừ thời bỏ gừng và hột táo-tầu đi, rồi nghiền táo-tầu với thuốc bột kể trên làm thành viên mà uống với nước muối loãng.

6) **Dương-quy hậu-phác thang.**— (chữa chứng tạng can bị lạnh, mặt xanh mà buồn, lạnh chân mà đi cầu hay là đi lỵ) : Hậu-phác 2 lạng, nhục-quế 3 lạng, cao-lương-khương sao 4 lạng. Cùng tán bột, mỗi lần uống từ 1 chỉ trở lên bằng nước lã đun sôi, nếu không có nhục quế thời thay bằng quế-tâm.

7) **Hương-nhung hoàn.**— (chữa chứng đi cầu lạnh và đã lâu) : Lộc-nhung tẩm rượu nướng trên thang nóng 5 chỉ, nhũ-hương. 2 chỉ, nhục-đậu-khấu (mỗi quả bổ làm đôi cho một ít nhũ-hương vào trong rồi lấy bột nắm ở ngoài nướng chín) 1 lạng. Các vị tán bột, lấy gạo lâu năm nấu hồ làm thuốc viên to bằng hột đậu xanh, tùy người lớn hay nhỏ mà cho uống nước ấm vào lúc đói.

Những bài trên ở bộ Cầm-Nang (tùy bệnh lựa chọn)

Theo sách Y-học thời chứng đi cầu tuột ra hay là đi ra mà không biết, thức ăn không tiêu, nên uống bài *tứ-quân thang* thêm kha-tử nướng, mộc-hương, trần-bì,

Tìm sách

nhục-đậu khấu (nướng chín) và gừng sống sắc cho uống, lại uống xen với bài *Cố-chân hoàn* hay là *chân-nhân dưỡng tạng thang*, hay là bài *một-thạch-tử hoàn* (ở môn chữa thổ-tả dưới đây) thêm nhũ-hương và nhục-quả, các bài trên tùy ý mà lựa chọn.

Ngoài ra, đi cầu sắc xanh là can mộc khắc tỳ thổ, nên uống bài *ích hoàn tán* (quyển Nhật), hay là bài *đại ôn-kinh hoàn* (quyển Nhật).

Chứng này lúc mới đi thời vàng rồi lâu hóa xanh, có khi đi ra cả thuốc là hàn lắm, phải dùng ngay bài *phụ-tử lý-trung thang* (ghi ở môn thổ-tả). Nếu chân tay lạnh, thở ra cũng lạnh là sắp thành chứng mạn-kinh hay chứng mạn-tỳ, nên uống bài *Quan-âm tán* thêm con giản (bỏ chân và cánh) và vị thiên-ma, phòng-phong, khương-hoạt, bệnh nặng hơn thời dùng bài *kim-dịch đan* sắc gạo và gừng sống lấy nước mà uống gấp. Nếu chân tay đã ấm mà còn co vào duỗi ra, thời cũng dùng bài *kim-dịch đan* hợp với bài *Thanh-châu bạch-truật tử* (ở mục kinh-phong) 2 thứ đều bằng nhau mà uống, lại uống kèm với bài *dị-công-tán* (ở môn mạn-kinh), hay là bài *Lý-trung-hoàn* hay là bài *câu-đằng-tán* hay là bài *chuyển-kinh-hoàn*, thời dù bệnh nguy cũng sống được nhiều. (Bài *kim-dịch đan* là phương thuốc hay chữa chứng thổ-tả cho trẻ em).

Chú giải :

Những bài thuốc trên đây mà không kể rõ từng vị, theo bản chữ Hán có chua là xem ở quyển Nhật, nhưng tôi đã xem thì bài có bài không (ghi nhiều để lâm thời tùy chứng mà lựa chọn).

TimSách

9.— CHỨNG THỔ VÀ TẢ

(tham khảo với mục Tiết-tả ở trên)

Tạng tỳ yếu thời đi tả, dạ-dày yếu thời thổ, tỳ vị đều yếu thời vừa thổ vừa tả. Chứng nầy nếu về chân khí hư thời lạnh chân tay, về huyết hư yếu nhiều thời phát sốt, khí huyết đều hư mà chân tay lạnh, sẽ thành ra chứng kinh-phong.

Phân biệt chứng bệnh.

Thổ trước mà tả sau là khí không được hòa rồi không tiêu xuống được thì tất nhiên mặt và môi đỏ, phiền khát đái ít, mạch *hồng* mà *sác*. Tả trước mà thổ sau hay là ăn uống không tiêu, bụng lạnh, hay là vì hàn thấp mà hại đến tỳ-vị, thời tất nhiên mặt nhợt nhạt, tinh thần mỏi, không nóng, không khát, mạch *trầm* mà *nhu*, như thế là hư hàn. Cũng có em vừa cảm thử vừa thương thực mà thành ra thổ-tả.

Thổ-tả mà mặt vàng, đi cầu ra xanh, hay là trắng, mà nôn thời tanh hôi, thế là vì bú sữa mà sinh ra hàn, nếu người sốt mặt đỏ, đi cầu vàng mà đỏ, nôn ra chua mà hôi, là nội thương về thức ăn mà thêm ngoại cảm ; hoặc vì nắng, hoặc vì gió lạnh.

Thổ-tả mà hiệu chứng như sau thời không chữa được :

1) Đi tả như rót nước mà mạch « phù đại và sác ».

2) Đi tả mà đầy bụng mạch *huyền*.

3) Môi đỏ, mọc nhọt mà mắt đỏ, mạch... (?)

4) Đi lỵ đã lâu mà ọe, môi đỏ mà khát.

Tìm sách

5) Khát nhiều không ngừng là tạng thận bại.

6) Đi tả đỏ như nước giọt tranh lợp lá, ăn vào là ọe, người mụ đi, mắt lác, mũi, miệng, tay chân đều lạnh.

7) Lưỡi đen sờ đến như gai là chân âm kiệt mà khí dương bốc lên.

Phép chữa.

Trẻ em thổ tả đều nên ôn bổ, để có khí ở dạ dày, ngoại trừ chứng tả về thời tiết không nên uống ngay thuốc nóng.

Những phương thuốc thường dùng ở sách Cẩm nang (tùy bệnh mà lựa chọn).

1) **Bảo-anh chí-bảo tử.**— (chữa mọi chứng trẻ em vì phong đàm, phát sốt, vì kinh mà thành cam, hay là thổ tả, tích trệ v.v...) Bài dưới đây bí truyền của nhà tiên-sinh họ Phùng: Trần-bì để cả phấn ở trong: 1 lạng sao, hậu phác, 1 lạng tẩm nước gừng sao, hột cải củ phơi khô 1 lạng, xương-truật sao vàng sẫm 1 lạng, hương-phụ tẩm rượu sao 1 lạng, sơn-tra bỏ hột sao qua 1 lạng rưỡi, thảo-đậu-khấu sao 1 lạng. Các vị tán bột lấy 2 lạng thần-khúc nấu với hồ để làm thành từng đĩnh (thoi), mỗi đĩnh nặng 4 phân, mỗi tuổi mài nửa đĩnh cho uống, không cứ bệnh gì cũng uống bằng nước gừng sống mài ra.

2) **Phụ-tử lý-trung thang.**— (chữa chứng tạng tỳ yếu mà lạnh, ăn uống không tiêu, chân tay giá lạnh, sôi bụng, đau bụng, nôn ọe, tiết tả v.v...) Nhân-sâm hay đẳng-sâm 1 lạng, bạch-truật tẩm nước hoàng-thổ sao 2 lạng, can-khương sao vàng 1 lạng, chích-thảo 5 phân, phụ-tử

Tìm sách

chế 8 phân. Sắc nước uống. (Bài này bỏ vị phụ-tử thì gọi là bài *Nhân-sâm lý-trung thang*).

3) **Thất-khí thang.**— (chữa chứng uất kết mà thổ tả, hay là đau hoắc hoạn) : Bản-hạ chế sao, hậu-phác, bạch-thược sao vàng, phục-linh, các vị đều 2 chỉ, quế-tâm, tử-tô, quất-bì, đảng-sâm, các vị đều 1 chỉ, thêm gừng, táo. Sắc uống.

4) **Nhân-sâm an-vị thang.**— (chữa chứng tỳ vị hư nhiệt mà nôn ọe, đi cầu, và không ăn được) : Đảng-sâm 1 chỉ, hoàng-kỳ 2 chỉ, cam-thảo để sống 5 phân, cam-thảo chích 5 phân, phục-linh 5 phân, bạch-thược sao 7 phân, trần-bì 3 phân, hoàng-liên sao 2 phân. Các vị sắc nước uống lúc thuốc còn ấm.

5) **Hoắc-hương chính-khí tán.**— (chữa chứng ngoại cảm hay nội thương mà nóng lạnh, đau hoắc-hoạn vừa thổ vừa tả) : cát cánh, bọ mèo cau (đại phúc bì), hậu phác, thăng ma, phục-linh đều 1 chỉ, chích-thảo 5 phân, hoắc-hương 1 chỉ rưỡi, tử-tô 1 chỉ, thêm gừng và táo. Sắc nước uống.

Dưới đây là những phương thuốc ở sách y học :

6) **Châu-sa hoàn.**— (chữa chứng trẻ em mới sanh thổ tả không ngừng) : Châu-sa, nam-tinh (tẩm nước gừng sao thật vàng sẫm), ba đậu (sao rồi bọc vào vải đập cho hết dầu đi). Các vị bằng nhau tán bột hoàn với nước bạc-hà mà cho uống.

7) **Quất-bì bính.**— (chữa chứng khí lạnh tích lại mà đi cầu) : Mộc-hương, quất-bì, hậu-phác, thần-khúc, mạch-nha

Tìm sách

sao, sa-nhân sao, các vị đều 1 chỉ tán hoàn với mật bằng hốt khiếm-thực, uống mỗi lần 1 viên với lá tử-tô sắc lên, hay là thêm vị kha-tử và nhục-đậu-khấu đều nắm cám ở ngoài mà nướng chín, người lạnh đã lâu uống bài này rất hay.

Dưới đây là những bài cổ truyền.— (tùy bệnh mà lựa chọn).

Thổ và tả mà người mát nên uống bài *Quan-âm tán.* Nếu người nóng mà khát nên uống bài *Tiêu-thị bạch-truật tán.* Nếu người ấm hay là lúc nóng lúc lạnh, không muốn bú và ăn, đi cầu ra xanh hay trắng, thời nên uống bài *Ich-hoàng tán* xen với bài *tứ-quân-thang.*

Uống hai bài trên nếu thấy chân lạnh thóp trủng xuống thêm hoắc-hương và mộc-hương.

— Nếu là chứng xích-bạch-ly, thêm qui, thược sao, và gạo rang. Nếu là tạng tỳ hư yếu sinh ra phong ở trong, hay là nhiều đờm, thêm vị bán-hạ chế và sao, vị một-thạch-tử, và đông-qua-tử (phải chăng là hột bí đao).

— Nếu kinh sợ mà khóc, chân lúc co vào lúc thượt ra, thêm con gián bỏ cánh và chân mà sao vàng, và vị câu-đằng, vị bạch-phụ-tử.

— Nếu đi ỵ trắng thêm can-khương.

— Nếu có cảm phong thêm xuyên-khung, phòng-phong, khương-hoạt và một chút tế-tân.

— Nếu phát hãn thêm lá tỳ-bà và mộc-qua.

— Chứng cảm phong phần nhiều có thổ tả, triệu chứng

Tìm sách

thấy nóng lạnh và ho, thời nên uống trước bài *đại-thanh cao* hay là bài *câu-đằng tán* (quyển Nhật) để bổ tỳ. Nếu là chứng bàn thời uống trước bài *ích-hoàng tán*, rồi đến bài *đại thanh cao* hay là bai *câu-đằng tán*.

— Nếu thổ và tả thật mạnh mà đi ra cả cơm, thời là cảm phong nhiều, nên uống bài *đại-bán-hạ thang* (ghi ở môn nôn-ọe).

— Nếu thổ và tả mà khát, đi đái ít, nên uống bài *ngũ-linh tán* (quyển Nhật).

— Nếu thổ tả mà khát, đi cầu ra trắng mà không khát, nên uống bài *ích-hoàng tán* (quyển Nhật). Nếu có đau bụng nên-uống bài *Lý-trung hoàn*. Chân tay lạnh thêm vị phụ tử. Đã lâu không khỏi nên uống bài *một-thạch-tử hoàn* dưới đây :

Một-thạch-tử hoàn.— (chữa chứng thổ-tả và chứng cam mà kinh-giản) : Một-thạch-tử 1 chỉ, bạch-đậu-khấu 5 chỉ, kha-tử nướng chín bỏ vỏ 2 chỉ, mộc-hương 1 chỉ, hoàng-liên sao 1 chỉ. Các vị tán bột hoàn với cơm to bằng hạt vừng (mè) mỗi lần uống từ 10 viên trở lên, mà uống bằng nước gạo sắc lên.

Ngọc-lộ hoàn.— (chữa chứng cảm thử mà thổ-tả khát nhiều) : Thạch-cao 1 lạng, hàn-thủy-thạch 1 lạng, cam-thảo 5 chỉ. Các vị cùng tán bột hoàn với hồ to bằng hột biển-đậu, mỗi lần uống 1 viên với nước nguội, nếu thổ không ngừng uống với nước gừng sống.

Chứng thổ tả, nếu về mùa hạ là bởi thấp nhiệt, nên dùng bài *tô-cát thang* (quyển Nhật). Sau tiết hạ-chí, thổ-tả và người sốt, đi cầu ra vàng lắm, nên uống bài *ích-nguyên*

Tìm sách

tán hợp với bài *tử-linh tán* (quyển Nhật), mà uống bằng nước ấm.

Nếu sau tiết đại-thử mà thổ-tả, người ấm, đi cầu ra vàng hay trắng, thời trước lúc ăn, uống bài *ích-hoàng tán*, sau bữa ăn uống bài *ích-nguyên tán*.

Sau tiết lập-thu mà thổ tả, người mát mà không ăn, không khát, ọe nhiều, ngủ nhiều nên uống luôn bài *ích-hoàng tán*.

Chứng thổ tả là ngũ tạng đều yếu, nếu thấy mất tiếng là bởi tạng thận yếu, nên uống bài *thận-khí hoàn*. Thổ tả đã lâu không khỏi là khí hãm trở xuống, nên uống bài *thăng-dương ích-vị thang* hay là bài *dị-công tán* (ở môn Mạn-kinh), yếu mà khát, uống bài *tiền-thị bạch-truật tán* (quyển Nhật).

Chú giải : Những bài thuốc kể ở trên mà không kê rõ từng vị theo bản chữ Hán có chua là xem ở quyển Nhật, nhưng tôi đã xem thì bài có bài không.

10.– MỌI CHỨNG TÍCH (đình-tích)

Phân biệt bệnh chứng.

Những chứng đau bụng, đầy bụng, phù nề, hoàng-đảm và tám chứng ly đều bởi tích tụ mà ra.

— Vì bú mà tích lại thời nhả vú không bú, đi cầu ra chua mà hôi, là bởi bú vào không vận hóa được.

— Chứng khí tích tụ thời đau bụng, đi cầu ra như bọt cua, người gầy, rốn to, phát sốt.

Tìm sách

— Chứng thực-tích thời bụng rắn, khát mà đi cầu, ọe ra nước vàng, là bởi ăn uống không tiết độ, hay là ăn no mà đi ngủ ngay.

Chứng này nếu mặt đen, đi cầu ra phân đen, hay là đi cầu lâu mà suyễn súc, mọc nhọt, là không chữa được.

— Sốt nhiều, ở rốn nóng lắm, đại-tiện bế, ở dưới tai sưng tên, yết-hầu tắc lại, đờm nhiều khò khè, hay là mọc nhiều nhọt, thời là chứng thực (tà khí mạnh).

Người hơi nóng hay là nóng về đêm, ăn ít mỏi mệt, lúc nào cũng như người ngủ, thời là chứng hư yếu.

Phép chữa :

Phải điều hòa tỳ-vị rồi mới theo thứ tự cho uống thuốc tiêu đi, chớ dùng thuốc hại đến khí của dạ-dày, vì uống thuốc để tiêu tích tụ đi, thời sẽ thành chứng nóng từng cơn rồi biến ra chứng mạn-kinh. Trẻ em tràng vị còn yếu phải kiêng thuốc công phạt nếu không thời tỳ vị yếu thêm mà lại sinh ra chứng khác.

Những phương thuốc dùng đến (tùy bệnh mà lựa chọn).

Dù bệnh hư hay thực, cũng nên uống bài *mộc-hương hoàn*, người yếu thời uống ít, bệnh nặng thời uống nhiều.

1.— **Hành khí hoàn** (chữa chứng khí tích) : Mộc-hương, minh-lang, đinh-hương, chỉ-xác, cam-tùng-hương, xử-quân-tử sao thật vàng, thần-khúc, mạch-nha sao vàng, các vị đều 2 chỉ, tam-lăng, nga-truật, thanh-bì, trần-bì,

Tìm sách

hương-phụ, các vị đều sao và đều 4 chỉ, hồ-hoàng-liên 1 chỉ, tán bột điều thành bánh rồi viên lại to bằng hột gạo. Mỗi lần uống từ mấy viên trở lên, với nước gạo sắc lên. Nếu có mồ-hôi, bỏ vị thanh-bì, hay là uống bài *thanh-mộc hương hoàn* (quyển Nhật) cũng hay.

Tiêu nhũ-thực hoàn.— (chữa chứng sữa hay là thức ăn tích lại) : Sa-nhân sao, trần-bì sao, tam-lăng, nga-truật đều sao, thần-khúc, mạch-nha sao vàng, các vị đều 5 chỉ, hương-phụ 1 lạng sao thật vàng. Các vị tán bột hoàn với hồ to bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống 10 viên trở lên, bằng nước lá tử-tô.

Nếu tích nhiều, nên uống bài *toản-tích hoàn*, hay là bài *cảm-ứng-hoàn*, hay là bài *Hồng-hoàn-tử*.

Chú giải : Những bài thuốc kể ở trên mà không nói rõ từng vị, theo bản chữ Hán, có chua là xem ở quyển Nhật, nhưng tôi tra ở quyển Nhật thì bài có bài không.

II.— BỆNH TÍCH KHỐI (hòn khối)

(Tham khảo với chứng tiền-tụ ở trên)

Căn bệnh.

Chứng này của trẻ em cũng như chứng tích tụ của người lớn, tả có một vật kết tích ở cạnh-sườn hay bụng mà thỉnh thoảng đau lên. Những em chưa biết ăn, vẫn còn bú, mà thấy ho đàm, là trong bụng có vật gì tích lại mà nóng lạnh từng cơn.

Những phương thuốc dùng đến tùy ý lựa chọn

TìmSách

cho hợp với bệnh : bệnh nhẹ thời dùng bài *mộc-hương hoàn*, nặng thời uống bài *thủ-tích hoàn* sau đây :

Thủ-tích hoàn.— Cam-toại, nguyên-hoa, khiên-ngưu, xát-quế (thứ quế vị chát), nga-truật, thanh-bì, mộc-hương, đào-nhân, ngũ-linh-chi, các vị đều 2 chỉ tán bột, lại nghiền 1 chỉ ba-đậu hòa lẫn vào, rồi lấy bột nấu hồ làm hoàn to bằng hạt vừng (mè), mỗi lần uống 1, 2 viên với nước gừng hay mật, đi cầu rồi, ăn cháo nguội để cầm lại, mà uống thuốc bổ tỳ vị.

Bí-truyền bảo-an hoàn.— (chữa trẻ em 5 chứng cam), 8 chứng lỵ và mọi chứng thổ tả mà rốn to, gân xanh, mặt vàng, người gầy v.v...) : bạch-truật sao 3 lạng, thần-khúc, mộc-hương, binh-lang, sử-quân sao, tam-lăng, hậu-phác, đình-lịch, cam-thảo, các vị đều 1 lạng, xương-truật tẩm sữa sao 2 lạng, trần-bì, chỉ-thực, nhân-sâm, nga-truật, đều 1 lạng rưỡi, hoàng-liên tẩm nước mật lợn sao, sa-nhân sao, mạch-nha sao, ích-trí sao, nhục-khấu nướng chín, hoắc-hượng, bạch-đậu, 7 vị đều 5 chỉ. Các vị tán bột hoàn với mật to bằng hột nhãn, mỗi lần uống với nước gạo sắc lên.

Bài trên nếu có nôn ọe thời uống nước gừng loãng. Nếu ăn thịt mà tích lại, thêm vị sơn-tra, nếu thở suyễn thêm vị la-bạt-tử. Nếu đi tả thêm vị chạch-tả và chu-linh đều 1 lạng.

Hóa-bĩ hoàn.— (chữa cam, tiêu tích, tiến thực, chỉ tả và điều hòa tỳ-vị, trừ giun) : Mộc-hương, nhân-sâm, hoàng-kỳ, đương-quy, cát-cánh, hoàng-liên sao, tam-lăng sao, nga-truật sao, mai ba-ba nướng vàng, dạ-minh-sa, phèn-xanh phi khô, chỉ-thực sao, 12 vị đều 1 lạng, sử-

Tìm sách

quân-tử sao 8 chỉ, rễ cây khổ-luyện 3 chỉ, quả kha tử nướng chín 1 lạng, con cóc đốt thành than 1 chỉ rưỡi, các vị tán bột hoàn với bột to bằng hột đậu-xanh, mỗi lần uống 30 viên với nước gạo sắc lên, kiêng ăn thức lạnh và trái quả. (Nếu là chứng trưng, chứng hà của người lớn thời bỏ vị dạ-minh-sa và than của con cóc với hoàng-liên). Bài thuốc trên trẻ em 3 tuổi trở lên mới uống được.

Liêm-bĩ cao.— Thủy-hồng-hoa-tử (?) 2 chỉ, đại-hoàng, phác-tiêu, sơn-chi, vôi, đều 1 chỉ, bã rượu 1 khối to bằng quả trứng gà, đều nghiền thành cao, phiết lên trên miếng vải, để buộc lên trên chỗ hòn khối, sau 3 hôm bỏ ra mà thấy miếng thuốc đen như mực là có công hiệu.

Chú giải :

Bài thuốc nào mà không kê rõ từng vị, theo bản chữ Hán có chua là xem ở quyển Nhật, nhưng tôi xem thì bài có bài không.

12.— CHỨNG ĐẦY BỤNG

Chứng này nếu trẻ em có tích tụ mà thở, nên dùng bài *tử hương hoàn* hay là bài *bạch-ngọc bính* hay bài tiêu-*tích-hoàn* hay bài *kệ-hoàng-tử* (ghi ở môn chữa cam).

Nếu trẻ em đoản khí thở gấp, nên uống bài *phân-khí tô-tử*. Nếu không có tích tụ, không có thở suyễn mà chỉ đầy bụng là chứng hư yếu thì phải dùng thuốc ôn, như bài *lục-quân-tử thang* thêm vị bạch thược, can-

Tìm sách

khương, hậu-phác hay là bài *đại-nhi-hương tán* thêm vị ngũ-linh-chi mà sắc nước tử-tô cho uống thuốc bột ấy, hay bài *ngũ-linh tán* để tiêu nhẹ đi, nhất thiết kiêng không được dùng thuốc hạ và kỵ những vị thuốc nóng thơm và ráo.

Nếu bụng chướng mà người nề, nên uống bài *tháp-khí-hoàn* sau đây :

Tháp khí-hoàn : Hồ-tiêu 1 lạng, yết-sao 5 chỉ, cùng tán bột hoàn với hồ to bằng hạt đậu, mỗi lần uống từ 1 đến 5, 6 viên với nước gạo sắc lên, nếu bụng nề nhiều thời thêm hột cải-củ sao. Nếu bụng chướng lên mà thở suyễn là tạng thận yếu mà thủy khí bốc lên tạng phế, đó là chứng nguy, nên uống bài *ích hoàng-tán* xen với bài *tháp-khí-hoàn* trên đây.

Những bài thuốc kể trên tùy chứng mà lựa chọn.

Chú giải : Hai chữ yết sao (蝎 梢) có lẽ là thân con gián đã bỏ cánh, lông và ruột, vì vị ấy vẫn chữa trẻ em, ngoài ra không có vị gì là yết sao cả.

Bài thuốc nào không kê rõ từng vị theo bản chữ Hán có chua là xem ở quyển Nhật, nhưng tôi xem quyển Nhật thì bài có bài không.

BĨ TẮC

Bụng đầy mà không thông đi thời thành ra bĩ-tắc.

1.— Nếu bởi nhiệt tụ ở trong bụng thời đem lên ngực và cạnh sườn mà xoa vào là đau. Có lúc nóng lên,

TìmSách

nên dùng bài *cầm-liên chỉ-cánh thang* : chỉ-xác, cát-cánh đều 1 chỉ, bán-hạ chế và sao, hoàng-cầm sao, qua-lâu-nhân sao, hoàng-liên sao, đều 5 phân, mạch-môn 1 chỉ, các vị sắc nước uống, thấy đi cầu là yên.

2.— Nếu bởi chân khí kém mà bĩ-tắc, nước uống ngừng lại, ở bụng và cạnh sườn no đầy, không muốn xoa, nên uống bài *chỉ-thực lý-trung hoàn* bỏ sâm. Nếu khát thêm vị qua-lâu-căn. Nếu đi cầu lỏng thêm vị mẫu-lệ nướng chín. Trong bài thuốc mỗi vị là bao nhiêu đồng cân, tùy theo trẻ em ít hay nhiều tuổi.

13.— CHỨNG HOÀNG-ĐẢM

Trẻ em đầy bụng đã lâu thời thấp nhiệt ngừng lại mà sinh ra *hoàng-đảm*, nếu có nhiệt nên uống bài *tiểu sài hồ thang* thêm mạch-nha sao, chỉ-thực sao, sơn-chi sao gần đen, và vị nhân-trần. Nếu bởi tỳ-vị yếu nên uống bài *tứ-quân thang* hay là bài *lý-trung thang* đều thêm vị nhân-trần. Lại thông dụng bài *vạn-kim hoàn* sau đây :

Vạn-kim hoàn (Tiêu chứng tích mà chữa hoàng-đảm) : Xương-truật sao 2 lạng, trần-bì sao, hậu-phác, dạ-minh-sa bồi khô đều 1 lạng, các vị tán bột, lấy vị táo-tàu bỏ hột nghiền với thuốc bột ở trên mà viên bằng bột đỗ xanh, mỗi lần uống mấy chục viên với nước gạo sắc lên.

Một phương nữa cũng bài *vạn-kim hoàn* thêm một lạng sử-quân-tử và chỉ-thực đều sao, hoàng-liên, kha-tử nướng chín, mỗi vị 5 chỉ. Lấy 10 hột ba-đậu cùng sao với những vị thuốc ở trên, khi hột ba-đậu gần đen thời bỏ vị ba-đậu đi, cho thêm 5 chỉ than của con cóc cùng

Tìm sách

tán bột làm thuốc hoàn (bài này còn chữa cả chứng cam, tiêu mòn chứng tích khối, ngừng chứng đi tả, trừ giun và mạnh cho tỳ-vị).

14.— CHỨNG SƯNG Ở ÂM-NANG (Hồn giải)

Căn bệnh.

Hòn dái sưng to mà đau lên bụng dưới thời gọi là chứng *đởi-sán*, hoặc vì ngồi vào chỗ lạnh, hoặc vì phong thấp, hoặc vì đàn bà lúc có thai nghén thường khóc nhiều khiến cho đứa bé sanh ra khí ở tiểu tràng bế nước dềnh lên tạng phế, cho nên thở suyễn rồi ở dưới sưng đau, có em sưng mà vẫn mềm, có em sưng mà rắn lại.

Phép chữa.

Nếu bởi ngồi vào chỗ lạnh hay là thấp khí thì phải thông khiếu ở tạng tâm, trừ thấp khí ở tạng thận, để đại-tiểu-tiện dễ đi là khỏi, mà kiêng dùng thuốc bổ.

Những phượng thuốc thường dùng.— Vì ngồi lên phiến đá hay là cảm gió lạnh, thời nên uống bài *ngũ-linh* tán. Nếu vì phong nhiệt mà đại-tiện bí, lại nên dùng bài *tam-bạch tán* (quyển Nhật).

Nếu vì huyết nên dùng bài *đào-nhân hoàn* : Đào-nhân bỏ màng sao 3 chỉ, thứ quế chát, đại-hoàng sao, khiên-ngưu sao, tật-lê sao, mẫu-đơn sao, các vị đều 2 chỉ. Cùng tán bột hoàn với mật to bằng hột vừng (mè), mỗi lần uống mấy viên với nước hành củ, mộc-thông, thanh-bì, sắc lên, lạt thêm chút muối mà uống bài *lưu-khí-ẩm-tử* xen với bài *thanh-mộc-hương hoàn* (quyển Nhật)

Tìm sách

Phép chữa ở ngoài :

1) Hòn dái sưng to, ngọc-hành bóng lên, thời dùng vị mẫu-đơn tán bột hòa với nước bôi vào chỗ đau.

2) Vì ngồi dưới đất, vì gặp gió lạnh, hay là vì sâu kiến đốt vào mà sưng lên, thời dùng vị thuyền-thoái sắc lên mà chữa, hay là lấy hành củ, đất mùn giun cùng tán ra hòa với nước cam-thảo mà bôi.

3) Vì phong nhiệt mà sưng to lại rắn hay là chỗ dái mọc nhọt, thời dùng vị sinh-địa thái mỏng, phơi khô tán bột, nhưng trước hết sắc nước hành củ và vị xuyên-tiêu mà rửa, rồi lấy bột sinh-địa điều với chút nước cam-thảo mà bôi hay là điều với lòng trắng trứng mà bôi, thuốc để bôi nếu thêm vị mẫu-lệ rửa sạch, cùng tán bột mà cùng bôi với bột sinh-địa cũng được.

Chứng này cũng chữa như chứng *Sán-khí* của người lớn.

Chú giải.— Bài thuốc nào mà không chua rõ từng vị, theo bản chữ Hán có chua là xem ở quyển Nhật, nhưng tôi xem quyển Nhật cũng có bài không có.

TìmSách

TìmSách

Tập Thủy

(gồm 27 mục)

1.— Chứng sán-khí
2.— Chứng đau bụng
3.— Chứng ho đàm
4.— Chứng thở-suyễn
5.— Chứng gầm gào
6.— Chứng kinh-giản
7.— Điên-cuồng
8.— Phép cho thôi bú
9.— Chứng thấp-tê
10.— Chứng lở đầu
11.— Bệnh về mắt
12.— Bệnh về tai
13.— Bệnh về mũi
14.— Bệnh miệng và môi
15.— Bệnh cổ-họng
16.— Bệnh về răng
17.— Thổ huyết
18.— Chứng ly
19.— Tiện huyết
20.— Thoát giang
21.— Bệnh trĩ
22.— Chứng nề chưởng
23.— Vãi đái hay sớt ra
24.— Trúng hàn
25.— Trúng thử
26.— Trúng thấp
27.— Nhọt lở.

Tìm sách

Tập Thủy

1.— CHỨNG SÁN-KHÍ

Căn bệnh :

Chứng này phần nhiều bởi tạng thận yếu, khí hàn thấp vào bàng-quang, rồi hòu-dái sưng rắn trụy xuống. Chứng này có phân ra *mộc-thận, thận-sưng, thận-ung, thiên-trụy, đồi-sán, bôn-đồn, san-nả.*

Phép chữa :

Trước hết phải dùng thuốc cho vơi nhẹ đi, rồi dùng đến thuốc trừ hàn khí ôn tạng phủ. Dù chứng thận-ung lâu ngày thanh mủ thời phải dán thuốc tiêu độc, mà uống những thuốc tiêu ung độc đầy mủ ra và lợi tiêu-tiện.

PHƯƠNG THUỐC :

1) **Quy-ngưu ẩm :** đương-quy, đại-hoàng, đào-nhân đều 2 chỉ, nhục-quế, khiên-ngưu đều 5 chỉ sắc rồi thêm ít mật cho uống. Đã đi cầu thời dùng những vị thanh-bì, trần-bì, phục-linh, mộc-hương, sa-nhân, cam-thảo và gừng sống. Sắc uống.

Bài trên để chữa chứng đau sán khí mà đi cầu bế vít, bụng dưới và hòu-dái đau dắt dây với nhau, đau lắm khóc đêm.

Tìm sách

2) **Kim-linh tán** : Kim-linh-nhục 1 lạng, sa-nhân 4 chỉ rưỡi, tất-trừng-già, mộc-hương đều 5 chỉ. Cùng tán bột mỗi lần uống từ nửa chỉ đến hai chỉ, với nước ấm, lại thêm chút muối hay là thêm chút rượu.

Bài trên để chữa chứng đau sán-khí cong cả lưng, môi khô, trán ra mồ-hôi, chân lạnh, ngọc hành co lên, dái sưng một bên, khóc không có nước mắt.

Thông dụng bài *câu-đằng-thang* hay bài *Ngụy-truật-tán* (đều ở mục bệnh Nội-điếu).

Còn thuốc để chữa ngoài kê sau :

— Đau lắm mà đi đái dắt, lấy nước cam-thảo điều với cứt giun (đất giun đùn lên) mà bôi vào mé trên ngọc-hành.

— Còn vì phong nhiệt mà ngọc-hành sưng đỏ, trong mấy hôm róc vỏ ra như vỏ trứng gà, khỏi rồi lại phát bệnh, thì lấy gỏ the-mốc (sam-mộc) đốt thành than hòa với Nhị-phấn và dầu thơm (dầu thầu dầu hay dầu lạc) mà bôi là thầu hiệu.

2.— ĐAU BỤNG

Bệnh chứng :

Chứng này hoặc vì đình tích hay vì hàn, vì nhiệt, vì trùng giun.

Phép chữa :

Nếu vì tích trệ thì mặt vàng, hơi thở ra ôn hòa, ngủ

Tìm sách

nhiều, sợ ăn, đi cầu hôi lắm, nên uống bài *Tiêu-tích-hoàn*. Bệnh nặng uống bài *Bạch-ngọc-bình* để tiêu đi, rồi uống bài *Tiền-thị bạch-truật tán* để điều hòa tỳ vị (đều ở quyển Nhật).

—Nếu đau vừa chỉ dùng bài *Bình-vị tán* thêm sơn-tra, mạch-nha, sa-nhân, thanh-bì, cam-thảo chích, tán bột uống với nước cơm, bệnh hàn thêm ngô-tuù, bệnh nhiệt thêm hoàng-cầm sao.

— Nếu cảm nhiệt thì mặt đỏ, sốt nhiều, chân tay phiền nóng, hơi thở ra nóng, nên cho uống bài *Tứ-thuận thanh-lương ẩm* thêm vị thanh bì, chỉ sác, hay là bài *Hoàng-cầm thược-dược thang* (đều ở quyển Nhật).

— Nếu vì trùng giun thì mặt bóng trắng, hay rỏ dãi và hay co giật mà tay không giật, nên uống bài *Hóa-trùng-hoàn* (quyển Nhật).

3.— HO ĐÀM (Khái thấu)

Căn bệnh:

Ho là có tiếng, mà nhổ là có đàm mà không có tiếng, phần nhiều bởi tạng tỳ ẩm ướt, vừa ho vừa nhổ đàm là tạng tỳ, tạug phế đều thụ thương.

Tạng tỳ là hành thổ sinh ra tạng phế là hành kim, khí của tạng tỳ yếu thì tạng phế hàn, tạng tỳ mạnh quá thì tạng phế nóng.

Trẻ em béo trắng dễ cảm phong, sắc mặt đỏ người chắc dễ cảm nhiệt, người gầy mà xanh dễ cảm hàn, nhưng trẻ em là thuần dương nên cảm hàn có ít.

Tìm sách

Chứng bệnh :

Cảm phong mà ho đàm thì ngạt mũi, hơi thở nghe ồ ồ, trong miệng nóng, lưỡi khô, khát nước, mặt đỏ, nhổ luôn mà đàm đặc.

— Cảm hàn mà ho đàm thì ghê rét, thở suyễn, mà hay phát bệnh về mùa rét, hơn nữa, đàm không đặc mà suyễn, sôi bụng ghét gió, nhiều nước mắt.

— Cảm nhiệt mà ho đàm thì người sốt, suyễn đầy, mũi khô, mắt đỏ, tay hay xoa vào mặt.

Ngoài ra, vì tạng phế vượng mà ho thì ho từng cơn ôm đầu mà ho mặt đỏ, ăn được.

— Vì tạng phế yếu mà ho, thì khí ngược lên, mặt nhợt, sôi bụng, đi cầu lỏng.

Cũng có đứa vì bú nhiều mà ho thì hay nấc, thế là phổi và dạ dầy đều thụ thương, sơ sinh trong một trăm ngày mà phát chứng này là chết.

Chứng chết :

1) Môi rụt vào, ngực lún xuống, cuống - họng như tiếng kéo cưa, mũi khô mà đen, hơi thở nghe ồ ồ, bụng trên bụng dưới dầy mà đau.

2) Ho lâu tiếng ngọng, trông ngược lên, suyễn gấp, bụng đầy, kinh sợ như vậy sẽ biến ra chứng phong.

3) Thở suyễn mà tiếng sò sè như kéo cưa, mặt môi đều xanh, dưới cổ lún xuống, dãi dinh như keo sơn, miệng hôi thối, môi chúm vào.

TìmSách

Chữa ho đàm cho trẻ em phải dùng thuốc nhẹ nhàng mà không thể chữa đàm mạnh như người lớn. Có đứa phải dùng thuốc để ráo đàm. Có đứa nên dùng thuốc thấm nhuần để nhẹ đàm. Hơn ở tạng tâm mạnh mà ráo đến tạng phế thì phải nhẹ tạng tâm. Vì tạng tỳ lạnh thì phải bổ cho tạng tỳ (bổ hành thổ để sinh hành kim). Vì khí của tạng tỳ bĩ lại thì phải nhẹ cho tạng tỳ.

Ho một tiếng mà ra đàm là tạng tỳ ẩm thấp. Ho lâu cũng chưa ra đàm là tạng phế ráo.

Vì nhiều đàm mà ho thì để ý về chữa đàm, vì ho mà động đàm thì để ý về chữa ho.

Trẻ em sơ sanh mà ho lâu thì mạch máu đi vào con ngươi, hai quầng mắt tía đen hay là mắt đỏ lên như máu, nên dùng *sinh-địa và đậu-đen* cùng nghiền thành cao đắp trên mí mắt thì quầng đen tiêu đi, máu theo nước mắt chảy ra là khỏi.

Thuốc chữa:

Ho và cảm nên cho uống bài *Sâm-tô* gia giảm hay bài *tinh-tinh-lán* (đều ở quyển Nhật).

Vì nhiệt mà ho dữ dội, sốt, mắt đỏ, đi cầu khó, nên uống bài *Đình-lịch ngưu-hoàng* để hạ đi (quyển Nhật).

Mấy bài dưới đây *chữa trẻ em ho đã lâu hay bệnh nặng.*

1) **Bài khoản đông ngũ-vị thang:**

Khoản-đông 1 chỉ, ngũ-vị mấy hạt, ma-hoàng 5 phân,

Tìm sách

mã-đậu-linh, hạnh-nhân (bỏ đầu nhọn và vỏ) đều 1 chỉ, chích-thảo đều 1 chỉ. Sắc nước uống.

Bài trên để chữa chứng trẻ em ho lâu quá.

2) **Bài nhuận-phế hóa-đàm cao** :

Một cân nước quả lê trắng (giã ra vắt lấy nước) phục-linh (tẩm nước sữa tán bột) 4 lạng, mạch-môn 4 lạng (sắc lấy nước), mật ong 1 cân, xuyên-bối-mẫu 4 lạng (tán bột), hồ-đào-nhục bỏ vỏ giã nhừ ra 4 lạng.

Trước hết đun nước quả lê cho đặc lên, rồi cho mật ong và nước mạch-môn, bột của phục-linh, bối-mẫu, hồ-đào vào canh đặc cho thành cao. Nếu trong đàm có huyết thì cho vào 4 lạng nước đái trẻ em, mỗi ngày buổi sáng hòa một chút cao ấy với nước sôi mà cho uống dần.

Bài trên chữa chứng ho khan đã lâu.

3) **Thiên-kim-phương** :

Gừng-sống 7 phiến, quế-tâm 2 chỉ, cam-thảo, khoản-đông, tử-uyển đều 3 chỉ, hạnh-nhân (bỏ đầu nhọn và vỏ), mật-ong đều 1 chỉ, sơn-chi sao 1 chỉ rưỡi, đun nhỏ lửa như keo mà bôi vào mép đứa bé cho tan đi.

Bài trên để chữa chứng trẻ em mới sinh độ 10 ngày chợt ho ngược lên mà bỏ bú.

4) **Bổ-phế a-giao tán** :

Sa-sâm sao 1 lạng, a-giao 1 lạng 2 chỉ (sao cho phồng lên), phục-linh 5 chỉ, mã-đậu-linh (vỏ kềnh già) 3 chỉ,

TimSách

gạo nếp sao 3 chỉ, hạnh-nhân 21 hột, bỏ đầu nhọn và vỏ rồi sao, chích-thảo 4 chỉ, các vị tán dập ra, mỗi lần lấy 2 chỉ sắc nước cho uống.

Bài trên chữa chứng phổi yếu ho lâu mà suyễn.

4.— CHỨNG THỞ-SUYỄN

Căn bệnh :

Chứng này bởi hỏa uất và đàm tích. Nội-kinh nói : « khí ở phổi dư ra thì đàm suyễn ngược lên. »

Bệnh chứng :

1) Vì phong đàm ùng tắc thì thêm sốt, ho, ngạt mũi, nhức đầu.

2) Vì đậu hay sởi chưa mọc thì thêm người sốt, lạnh chân, kinh sợ, phiền táo.

3) Vì đình trệ đầy chướng thì thêm nôn oẹ, ợ hơi, đau bụng.

4) Vì kinh-giản đàm nhiệt thì thêm mặt xanh, co giật.

5) Vì gầm gào có đàm mà suyễn nhiều thì há mồm, so vai (mùa thu và mùa đông thường có chứng này).

Đã suyễn thì phải đầy-chướng, suyễn trước rồi đầy chướng là bởi tạng phế, đầy chướng trước rồi suyễn là bởi tạng tỳ.

Chứng này, *là thực thì là tà khí trong tạng phế mạnh; là hư thì là chính khí trong tạng phế hư yếu.*

Tìm sách

— Mạch bộ thốn thấy thực (mạnh) là tạng phế thực thì tạng phế tất dầy chướng lên, trong cuống họng ngắn lấp như người trạng thái oẹ mà tự ra mồ-hôi.

— Mạch bộ thốn bên phải thấy hư (yếu) là tạng phế hư yếu, tất nhiên cổ-họng khô, không nước bọt mà thiếu hơi.

Chứng chết :

1) Vô cố thở suyễn như tiếng kéo cưa, người không nóng mà mắt lác đi.

2) Ngực, cạnh-sườn đều chướng lên.

3) Bụng rắn gân xanh, thổ bọt dãi, môi trắng, mặt không có thần sắc.

4) Mọi bệnh mới đỡ mà giờ tý, giờ ngọ phát suyễn.

5) Con người sạm, ấn-đường xanh, tự ra mồ-hôi.

6) Mạch « hoạt » mà tay chân ôn hòa là sống, mạch « sắc » (gắn lại) mà 4 tay chân lạnh là chết. Nội-kinh nói : « thở suyễn so vai, mạch « thực-đại », nhưng hoãn (thong thả) là sống, cấp (đi vội) là chết.

Phép chữa :

Ông Hoa-Đà nói : « tạng phế thịnh thì suyễn ». Sách Hoạt-Nhân nói : « phát suyễn là khí hữu dư ». Thịnh và hữu dư đều nói về hỏa.

Như vậy bởi nóng ngấm ngầm thì chữa bằng thuốc mát. Bởi nội thương thì chữa bằng thuốc ngọt mà ôn (cam ôn).

TìmSách

Sách Kim-Quỹ nói : « Vì ăn mà thành suyễn thì mạch tạng phế « trầm mà thực », phép chữa nên nhẹ cho tạng phế. Vì hư yếu mà suyễn là tạng thận hư yếu, thì đoản khí mà 2 cạnh-sườn đầy chướng, mạch bộ xích bên trái tất là « hư » (yếu) phép chữa nên bổ cho tạng thận.

Ngoài ra, vì ốm rồi mà suyễn là tỳ và phế đều yếu, thì phải chữa về căn bản. Hơn nữa, đoản khí ít hơi là tựa như suyễn mà không phải là thực suyễn, đâu có chữa theo được chứng suyễn.

Suyễn lên không ngừng thì nên dùng ít vị để trấn đi, đã ngừng lại thì vì đàm là chữa đàm, vì hỏa là chữa hỏa.

Suyễn mà đi đái không được nhiều là nước dềnh ra bì phu mà nề, thế là suyễn là gốc, nề là ngọn, phép chữa phải nhẹ tạng phế và giáng khí, thêm thuốc lợi tiểu tiện.

Trái lại, tạng tỳ hư yếu vì thủy thấp, người nề ra rồi phát suyễn, thế là nề là gốc mà suyễn là ngọn, phép chữa phải ráo cho tạng tỳ để đi đái nhiều rồi nhơi vợi nhẹ đến tạng phế, cho nên *bệnh bởi tạng phế mà dùng thuốc để ráo cho tạng tỳ thời khỏi suyễn, bệnh bởi tạng tỳ mà dùng thuốc nhẹ cho tạng phế thời tạng tỳ lại lạnh mà đầy chướng tăng lên.*

PHƯƠNG THUỐC :

1) Nhân-sâm linh-phế thang :

Nhân-sâm, phục-linh, bạch-truật, đều 2 chỉ, trần-bì 1 chỉ, trích-thảo 5 phân thêm gừng táo. Sắc uống.

Bài trên để chữa chứng phổi và dạ dày đều lạnh suyễn, thở vội, ngủ không được yên.

TimSách

2) **Hương-tô ẩm :**

Hạnh-nhân bỏ vỏ và đầu nhọn rồi sao, tô-tử sao, trần bì bỏ phấn ở trong rồi sao, xích-linh, tang-bạch-bì sao, đại-phúc-bì sao, trích-thảo, các vị đều 1 chỉ, và gừng sống. Sắc uống.

Bài trên để chữa chứng suyễn gấp ho đàm không ngừng.

3) **Thanh-hóa thang :**

Bối-mẫu, hạnh-nhân, thanh-đại, 3 vị bằng nhau tán bột hoàn với mật hay là nước gừng, rồi mài với nước lã sôi mà cho uống.

Bài trên để chữa chứng tạng phế uất mà đàm suyễn.

4) **Định-suyễn thang :**

Bạch-quả 12 hột bỏ vỏ thái nhỏ sao vàng, bán-hạ tẩm nước gừng sao vàng sẫm, khoản-đông-hoa đều 3 chỉ, tang-bạch-bì tẩm mật sao, tô-tử sao, đều 2 chỉ, hạnh-nhân bỏ vỏ và đầu nhọn sao vàng, ma-hoàng đều 1 chỉ, hoàng-cầm sao 1 chỉ rưỡi, cam-thảo 1 chỉ. Sắc nước cho uống dần.

Bài nầy để chữa chứng tạng phế yếu cảm hàn khí ngược lên, ở ngực nóng mà thở suyễn.

5) **Tử-tô-tử thang :**

Tô-tử sao, kha-tử nướng cho chín, la-bạt-tử sao, hạnh-nhân bỏ đầu nhọn và vỏ sao, mộc-hương, sa-sâm, các vị bằng nhau, cam-thảo và trần-bì mỗi vị bằng nửa những vị trên. Sắc nước uống.

Tìm sách

Bài trên để chữa chứng trẻ em mới khóc xong đã cho ăn thực mặn thức chua để khí ngược lên, hay là bú sữa nhiều quá rồi gặp gió lạnh, hại cho tạng phế mà nấc ngược lên (không nói suyễn).

5– CHỨNG GẦM GÀO

Căn bệnh :

Gào lên là tiếng to, thở suyễn mà hơi thở ra. Tạng phế để thở khí ra, tạng thận để nạp khí vào, đều là ở trong có đàm hỏa hay là ở ngoài bị phong hàn vít lại. Cũng có đứa vì ăn nhiều thức mặn, thức chua.

Bệnh chứng :

Trong cuống-họng như tiếng ngáy ngủ là hư chứng, như tiếng kéo cưa là thực chứng.

Phép chữa :

Phải phân hư, thực và bệnh mới hay đã lâu.

Ông Đan-Khê nói : « chữa chứng gầm gào nên dùng thuốc cho thổ ra. Nhưng tôi xét là người hư yếu thời không dùng thuốc cho thổ ra được, vì hàn vít nóng lại thời dùng thuốc mát mà phải thêm vị thuốc để phát tán.

Bài thuốc :

Tiên-sư họ Phùng chữa một đứa trẻ vừa gầm gào vừa suyễn, vì uố g lầm thuốc tiêu đàm rồi ra nhiều mồ hôi mà sắp nguy. Tiên-sư cho uống sâm, mạch, đều 1 chỉ, nhục-quế 3 phân, ngũ-vị 7 hột, sắc nước uống thời

Tìm sách

bệnh lui ngay, nhưng rồi lại phát ra, Tiên-sư cho là khí âm chưa cân với khí dương, mới cho uống bài *bát-vị* thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất mà dùng nhiều thục-địa với quế, phụ, sắc nước cho uống nguội mà bệnh yên ngay. Nhưng cử động thời lại gào nhẹ, Tiên-sư mới cho uống bài *sinh-mạch-ẩm* trong 3, 4 ngày mà khỏi hẳn.

Dưới đây những phương thuốc cổ :

1) **Bối-mẫu-cao** :

Huyền-sâm sao, sơn-chi sao, thiên-hoa sao, xuyên-bối-mẫu, chỉ-sắc sao, quất-bì sao, bách-bộ bồi khô, hoàng-cầm sao, hạnh-nhân sao, phấn-thảo, các vị đều 5 chỉ, lá bạc-hà 7 chỉ bồi khô. Các vị đều tán bột hoàn với mật, to bằng viên đạn, mỗi lần uống từ nửa viên đến 1 viên, bằng nước bắc thắp đèn dầu lạc và lá tre sắc lên. Bài trên để chữa chứng vì phong nhiệt mà gào lên.

2) **Đờm-háo-phương** :

Thanh-qua-lâu 2 cái, bạch-phàn 5 chỉ, đem vị qua-lâu giã dập ra cho phèn vào trong, rồi để lên mảnh ngói mới mà phơi trong râm, lấy nước lạnh điều 1 chút cho uống, là khỏi ngay. Bài trên để chữa chứng gào vì đờm.

Một phương nữa :

Quất-bì sao, bán-hạ tẩm nước gừng sao vàng, chỉ-sác sao, cát-cánh, hoàng-cầm sao, tô-tử sao, ma-hoàng, hạnh-nhân bỏ đầu nhọn và vỏ rồi sao vàng, cam-thảo. Các vị bằng nhau sắc nước cho uống, nếu trời rét thêm ít quế-chi.

TimSách

Bài trên để chữa chứng vì lạnh vít nóng lại mà gào suyễn, mà phải dùng đến thuốc phát tán.

6.— CHỨNG KINH-GIẢN

Căn bệnh:

Chứng này thốt nhiên người ngay ra co giật mà nhiều đàm dãi. Kinh-giản là chứng hiểm ác, có đứa vì gió độc. Có đứa vì trông phải vật gì quái lạ. Có đứa vì áo quần phơi đêm ở ngoài gặp lông con Thuần-thư (?) rơi vào. Có đứa vì nghe phải tiếng động to, có đứa vì kinh sợ quá.

Cổ thư nói: « Khí huyết ngừng kết lại thì thành chứng kinh-giản ». Lại nói: « vì thổ tả rồi người yếu quá mà thành chứng này thì gọi là « dương-giản »

Vì thế người lớn bị chứng này thì sau khi khó nhọc hay là tức giận là tái phát, suy ra trẻ em nếu người khỏe thì không có chứng « giản ».

Chứng này phần nhiều bởi hỏa ở tạng tâm bốc lên mà nước ở tạng thận cũng dềnh lên, ít khi vì tà khí ở ngoài, nên phép chữa phải để ý về tâm, thận.

Ta thường gọi là điên-giản vì ở người lớn thì là điên, ở đứa trẻ thì gọi là giản, mà cùng gọi là « Kinh-giản ».

Chứng này nằm sấp là âm chứng, nằm ngửa là dương-chứng. Bệnh mới phát người nóng ngay, co giật, kêu khóc, nét mặt sáng sủa mà mạch « phù » là dương-giản thuộc về lục phủ dễ chữa. Nếu người không nóng sốt, không

Tìm sách

kêu khóc, nét mặt tối tăm, không co giật, tay chân xanh mà lạnh, và mạch trầm là âm-giản, thuộc về ngũ tạng khó chữa.

Thường chia làm 5 chứng :

1) Mặt đỏ, mắt trừng lên, thè lưỡi, phiền táo, kêu hoảng, mạch « hồng mà khẩn » là thuộc về tạng tâm gọi là « Kinh-giản ».

2) Mặt xanh, mắt lác, tay co mà ngón thì quắp vào là thuộc về tạng can, gọi là « phong-giản ». Chứng này tiếng kêu như chó.

3) Mặt vàng, đầy buồn, trực thi, tay chân không co vào, mạch « phù, hoãn » là bệnh bởi tạng tỳ, gọi là « thực-giản ». Chứng này tiếng kêu như trâu.

4) Mặt như xương khô, thổ nước bọt, mắt trợn lòng trắng lên, tâm thần hôn loạn, mạch hơi « sắc », là bệnh ở tạng phế mà cũng gọi là « điên-giản ». Chứng này tiếng kêu như gà.

5) Mặt đen tối, máy mắt, trông người ngoài, thổ nước bọt trong, nằm ngay không chuyển động như thây người chết, thì bệnh ở tạng thận mà gọi là « thi-giản ». Chứng này tiếng kêu như lợn.

Chứng chết :

Chung quanh lông-mày xanh hay đen, thổ hay đi cầu không ngừng, ngực lún xuống, mất tiếng, dưới ngực đầy lên, đều không chữa được.

TìmSách

Phép chữa :

1) Lúc kinh-giản không nói được là khí bị che lấp, hay là huyệt trệ ở quả tim, nên phân âm dương, hư thực, hàn nhiệt.

2) Chứng giản mới phát, nên xem xương cao ở sau tai, tất nhiên hiện ra vành xanh ngang dọc như sợi chỉ, nên khêu cho chảy máu ra để đứa trẻ khóc cho thông khí.

3) Trẻ em có đàm nhiệt cách ở ngực mà phiền buồn không muốn bú, ngủ lịm đi thường giật mình có thể thành chứng kinh-giản.

4) Năm chứng giản dù hơi khác nhau, nhưng phép chữa không nên dùng nhiều thuốc thanh nhiệt hóa đàm để biến thành nguy chứng, nghĩa là phải thêm thuốc điều bổ.

5) Xét ra còn là dương chứng, thời thông khí đều huyết cho tạng tâm. Chứng phong-giản thời nên thêm thuốc trừ phong. Chứng thực-giản cũng là dương chứng bởi tỳ-vi thụ thương, tất nhiên đi cầu chua hay hôi là trước bàn mà sau nhiệt, thời nên tiêu thực giúp cho tạng tỳ rồi chỉ thêm thuốc chữa giản.

6) Chứng dương-giản phải kiêng thuốc ôn. Nếu là âm-giản ma mặt sạm tay chân lạnh, mạch « trầm trì » thời kiêng dùng thuốc mát, (chứng điên-giản và thi-giản đều thuộc về âm chứng).

7) Mọi chứng giản đều bởi tiên-thiên không đầy đủ, thì phải chữa về căn bản như bài *Hà-xa-hoàn* (quyển

Tìm sách

Nhật) *Bát-vị-hoàn* (quyển Huyền-tẫn) mà xen với bài *Thập-toàn* (quyển Khôn-hóa) nghĩa là vừa bổ thủy hỏa vừa bổ khí huyết mà phải uống lâu, còn thuốc để chữa phong, đàm và hỏa chỉ là thêm vào.

— Về chứng tâm-giản, nếu vì chân huyết hư yếu, nên dùng bài *Dưỡng-tâm-thang*. Nếu phát sốt uống nước lạnh là thực-nhiệt, nên dùng bài *Hổ-tinh-hoàn*. Nếu phát sốt uống nước nóng là hư-nhiệt nên dùng bài *Thần-sa diệu-hương hoàn* (đều ở quyển Nhật).

— Về chứng can-giản mà tạng can hư yếu nên dùng bài *Địa-hoàng-hoàn*. Nếu co giật mạnh là thực nhiệt nên dùng bài *Sài-hồ thanh-can tán*. Nếu đi cầu khó nên dùng bài *Tả-thanh hoàn* (đều ở quyển Nhật).

— Về chứng Thận-giản nên dùng bài *địa-hoàng-hoàn* hay bài *Hà-xa hoàn*, (vị tạng thận không có phép _ợi nhẹ đi), (ở quyển Huyền-tẫn và quyển Nhật).

— Về chứng phế-giản mà mặt gầy vàng nên dùng bài *Lục-vị di-công tán*. Nếu mặt đỏ là hỏa xông lên tạng phế, nên dùng bài *Địa-hoàng hoàn* (đều ở quyển Nhật).

— Về chứng tỳ-giản nên dùng bài *Ngũ-vị di-công tán*. Nếu mặt vàng đi cầu lỏng nên dùng bài *Lục-quân-tử thang*, thêm mộc-hương, sài-hồ.

Ngoài ra, chứng Tâm-giản còn nên dùng bài *Bắc-kim hoàn*, bài *Phục-thần hoàn*, bài *Thanh-thần thang*.

— Chứng Can-giản còn nên dùng bài *Tiền-thị ngưu-hoàng hoàn*, bài *tiêu-phong hoàn*, bài *tinh-tô ẩm*.

Tìm sách

— Chứng tỳ-giản còn nên uống bài *diệu-thánh đan.*

Những đứa lúc phát chứng giản thời mệt mỏi hồi lâu mới tỉnh, hàng mấy năm vẫn lại phát bệnh thời nên dùng « nhau » đàn bà để đồ chín đi rồi cho thêm sâm, qui tán bột nghiền ra làm thuốc hoàn, viên bằng hột ngô, sấy khô để kín mỗi lần uống mấy viên, ngày 4, 5 lần với nước sữa, lại uống thêm bài *bát-chân* (người lớn cũng vậy).

Nếu đã khỏi lại tái phát mà chân tay lạnh, cũng uống bài *Hà-sa hoàn* (nhau) thêm bài *bát-vị* gia giảm và bài *thập-toàn.*

Tóm lại, chứng nầy mà nặng hay là đã lâu, thời cần uống « nhau » đàn bà và thêm thuốc bổ thủy hỏa khí huyết.

Những cổ phương thông dụng :

1) **Bài câu-đằng-thang :**

Quất-bì, Câu-đằng, Đảm-tinh (vị Nam-tinh thái ra rồi bỏ vào trong cái mật trâu hay bò, đeo cái mật ở chỗ thoáng gió, ước 3 tháng lấy ra phơi khô rồi sao vàng để bớt tính mạnh đi), Thiên-ma, Cương-đàm (con tằm bủng (rửa bằng rượu rồi phơi khô sao vàng), Nhân-sâm, Viễn-chí sao vàng, Tê-giác, Thạch-xương-bồ, Đăng-tâm (bấc thắp đèn bằng dầu thầu dầu hay dầu lạc về thời cổ).

Các vị bằng nhau sắc nước uống, lúc uống thêm chút Ngưu-hoàng và bột Châu-châu.

Bài thuốc trên để chữa các chứng giản.

TìmSách

2) **Tam-giản hoàn** :

Hoa kinh-giới 2 lạng, phèn 1 lạng (nửa để sống, nửa phi cho khô). Cùng tán bột hoàn với hồ to bằng hột gạo, tán vị châu-sa để làm áo, uống từ 1 viên trở lên bằng nước gừng.

Bài trên chữa các chứng kinh-giản của trẻ em.

3) **Kim-bạc trấn-tâm hoàn** :

Viễn-chí chế sao, phấn của sắt, hùng-hoàng, hổ-phách, thần-sa, mỗi vị 2 chỉ, sạ 1 lai. Cùng tán bột viên với cùi quả táo-tàu to bằng hột đỗ xanh, lấy kim-bạc làm áo, mỗi lần uống 1 viên với nước mạch-môn.

Bài trên để chữa chứng Tâm-giản.

4) **Tán-phong đan** :

Đảm-tinh 2 chỉ, khương-hoạt, phòng-phong, nhân-sâm, xuyên-khung, độc-hoạt, thiên-ma, kinh-giới, sài-hồ đều 1 chỉ, tế-tân 5 phân. Cùng tán bột hoàn với mật to bằng hột ngô, mỗi lần uống 1 viên trở lên với nước tử-tô.

Bài trên để chữa chứng can-giản và chữa cả chứng hành-chí (co giật).

5) **Diệu-thánh đan** :

Đại-chử-thạch, hùng-hoàng, con gián bỏ đầu, ruột, chân, cánh rồi sao vàng, thần-sa, hạnh-nhân bỏ đầu nhọn và màng rồi sao.

Các vị bằng nhau, ba-đậu 20 hột bỏ vỏ sao vàng lấy

TimSách

vải đập bớt dầu đi, các vị đều tán bột, viên với cùi quả táo-tàu to bằng hột ngô, mỗi lần uống chia từ 1 phần viên cho đến 1 viên với nước hạnh-nhân.

Bài trên để chữa chứng Tỳ-giản.

6) **Thiên tinh-hoàn** :

Thiên-ma 1 chỉ rưỡi, đảm-tinh, con-giản, xác ve-sầu, phòng-phong, bạch-chỉ đều 2 chỉ, cương-tàm 1 chỉ rưỡi, sạ 1 lai. Cùng tán bột viên với cùi quả táo-tàu to bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống từ 1 viên trở lên với nước hoa kinh-giới và gừng.

Bài trên để chữa chứng phế-giản.

7) **Thận-giản thang** :

Độc-hoạt, xuyên-khung, ma-hoàng, đại-hoàng, cam-thảo. Các vị đều 3 phân, thang gừng sắc uống.

Bài trên để chữa chứng thận-giản.

8) **Tam-giản đan** :

Nam-tinh 2 chỉ tẩm gừng sao, con giản, phòng-phong, viễn-chí, bạch-phủ, lô-hội, huyền-hồ, thần-sa, đều 1 chỉ, sạ-hương 1 lai, kim-bạc và ngân-bạc đều 3 lai.

Cùng tán bột hoàn với hồ to bằng hột ngô, mỗi lần uống từ 1 phần tư viên với nước tử-tô và xương-bồ.

(Bài trên không nói chữa chứng giản gì, nhưng xem tên bài thuốc và vị thuốc thời là chữa cả ba chứng giản).

Tìm sách

9) **Chữa cả chứng âm-dương-giản :**

Đại-chử-thạch nung vào lửa cho đỏ rồi tưới giấm-thanh vào, mỗi lần uống 2 phân với nước hoa kim-ngân và lá kim-bạc. Sắc lên.

10) **Trúc-linh-hoàn :**

Bạch truật tẩm mật sao, hậu-phác sắc nước cam-thảo tẩm rồi phơi khô, đều 2 chỉ rưỡi, hắc-phụ-tử và tê giác đều 1 chỉ, 7 con gián bỏ đầu, ruột, chân, cánh, mỗi con đều bọc vào lá bạc-hà quấn chặt nướng vàng. Các vị đều tán bột lấy nước trúc-lịch làm thuốc viên to bằng hột đậu đen, mỗi lần uống nửa viên với nước hoa kim-ngân và lá bạc-hà.

Bài trên để chữa chứng Tâm-giản.

11) **Chư-tâm hoàn** (quyển Nhật) :

Bài nầy thông dụng để chữa mọi chứng giản. Ngoài ra, chứng kinh-giản mà câm không nói được, lấy vị nam-tinh gói bằng nhiều tầng giấy ướt rồi nướng cho thật thơm, tán bột, mỗi lần uống nửa phân trở lên với nước mật con lợn đực.

— Chứng giản đã khỏi rồi lại phát bệnh thời dùng bài *Đoạn-giản đan* (quyển Nhật).

— Chứng giản đã lâu mà khí huyết kém nên uống bài *Hoạt-hổ-đan.*

Các bài trên tuy nhiều nhưng để tùy bệnh mà dùng.

Phụ thêm chứng :

TimSách

TAY CHÂN ĐỜ-THƯỢT (Hành-chí)

Căn bệnh và bệnh chứng :

Chứng này tựa như chứng giản, mà nặng hơn.

Theo nội-kinh nói, thời tạng phế là hành kim, lây nóng đến tạng Thận là hành Thủy, là chứng nhu-chí, vì tạng Phế có nóng rồi truyền sang tạng Thận, tạng Thận lại truyền sang tạng Can, nên gân cốt nóng mà không co vào được, tay chân vô lực mà thành chứng *nhu-chí.*

Lúc phát bệnh, nói mê, mặt đỏ, mắt đỏ, lắc đầu, người đờ thượt ra, răng cắn lại, tay giơ lên, cổ và lưng đều ngay ra, nhiều đờm dãi, cấm khẩu, hôn mê, phiền khát, tiểu tiện đỏ mà ít, người nóng, ghê rét, không có mồ hôi là chứng *cương-chí.*

Đi cầu lỏng, không nói, không khát, chân tay lạnh mà người nóng, không ghê rét, ra mồ hôi, suốt ngày không tỉnh, cũng là chứng *nhu-chí.*

Nói mê, miệng ráo, đờm dãi, phiền khát, đi cầu lỏng, tay chân hơi lạnh, là *chứng « chí không phân cương hay nhu ».*

Chứng chí là nặng lắm, 10 người khó khỏi 1 người.

Nội-kinh nói : « Các chứng hành-chí mà có ngay ra đều thuộc về thấp » như vậy thời không thể nào cho là chứng phong mà dùng thuốc cho ra mồ-hôi được.

Chứng chí không phân cương hay nhu, thời phép chữa phải thuận khí, tiêu đàm, như vậy thời tinh-thần nhẹ

Tìm sách

nhàng. Chứng sốt không ra mồ-hôi là ngoài biểu thực (mạnh) thời nên phát hãn.

Phát sốt mà ra mồ-hôi, là trong lý hư yếu, nếu lại dùng thuốc phát-hãn thời vong-dương.

Phép chữa :

— Thông dụng bài *Câu-đằng-thang* (ở mục 5 chứng giản).

— Nếu trước nói mê sảng mà phát ra chứng này thời là chứng *Cương-chí*, nên dùng bài *Ma-hoàng cát-căn thang* (quyển Nhật).

Nếu lạnh chân trước rồi phát bệnh là chứng *Nhu-chí*, nên uống bài *Lý-trung thang*, hay bài *Tam-sinh-ẩm* (quyển Nhật).

Thông dụng bài *Đoạn-giản-đan*, hay bài *Tiêu-lụng mệnh-đan* (quyển Nhật).

7.— ĐIÊN-CUỒNG

Căn bệnh :

Cổ thư nói : « Bệnh nhân hay mừng là điên, hay giận là cuồng », lại nói « nhiều chân âm là điên, nhiều chân dương là cuồng ».

Chứng điên-cuồng tựa chứng *giản* mà không phải giản, tựa chứng *chí* mà không phải chí.

Bệnh chứng.

Người điên lúc mừng, lúc khóc, người cuồng thì nói

Tìm sách

cần, không ăn mà hay hát, lại muốn cởi áo mà chạy, có lúc nhai lưỡi, thổ nước bọt, hay là kêu lên như tiếng lợn, dê.

Phép chữa.

Chứng điên-cuồng này, với chứng giản, chứng chí kể trên, có thể nói là cùng một nguyên nhân, nếu không chữa, thời tinh-thần mất đi mà chết, có khỏi cũng kém tinh-thần, mà là người bỏ đi. Chứng này trẻ em ít có.

PHƯƠNG THUỐC.—

1) **Thiết-phấn-hoàn** :

Long-sĩ, khinh-phấn, thiên-ma (nướng chín), đảm-tinh sao vàng, các vị đều 3 chỉ, ngưu-hoàng 1 chỉ, một-dược 2 chỉ, xạ-hương 1 lai.

Các vị trên tán bột vào ngày tháng chạp hay là ngày Đoạn-ngọ, rồi lấy nước hoàn lại, uống bằng nước kinh-giới, mỗi lần uống độ 1 phân, lúc tán thuốc và lúc hoàn, kiêng đừng để dàn bà, mèo, chó, gà trông thấy.

Bài trên để chữa chứng điên từng lúc một, phiền buồn, thổ nước bọt.

8.— PHÉP CHO TRẺ THÔI BÚ

Trẻ em đã 2, 3 tuổi mà người mẹ không muốn cho bú, thời dùng Cao-họa-mi sau đây :

— Sơn-chi 3 hột sao đen, hùng-hoàng, châu-sa, khinh-phấn mỗi vị đều 1 chút, cùng tán bột điều với dầu thầu-dầu hay dầu lạc.

Tìm sách

Lúc đứa trẻ ngủ, thêm nước bọt vẽ vào trên 2 lông mày, thời thức dậy không bú nữa, nếu chưa chịu, lấy mực ấy bôi lên đầu vú.

9.— CHỨNG THẤP-TÊ

Căn bệnh.

Khí ẩm thấp, lưu ở thớ thịt mà thấy đau là chứng *thấp-tê.*

— Bởi bàn quá mà thành nóng thời phiền.

— Bởi thấp khí không tản đi thời buồn.

Bệnh chứng.

Chứng này xương đốt đau, phiền muộn mà mạch trầm-tế.

Lại có đứa đi cầu dễ mà đi đái khó, lưỡi trắng, là vì thấp khí đi xuống thời đi cầu, âm-dương không phân biệt thời bế tiểu tiện, ở rốn nóng mà trong ngực nặng là thấp nhiệt nung nấu thời lưỡi trắng.

Phép chữa.

Nên cho đi đái nhiều, nên dùng thuốc hạ thời trên trán ra mồ-hôi rồi suyễn mà chết.

PHƯƠNG THUỐC.

Ngũ-linh-tán.

Chư-linh, phục-linh, trạch-tả, bạch-truật.

Các vị bằng nhau và 1 chút quế sắc uống.

Tìm sách

10.— LỞ-ĐẦU

Căn bệnh:

Chứng này là huyết nhiệt mà độc khí đem trở lên, vì trẻ em âm khí còn thiếu cho nên hay lở đầu.

Phép chữa:

Ở trong nên uống những vị:

Kinh-giới, thiên-hoa, ngưu-hoàng, phòng-phong, thổ-bối-mẫu, xích-thược, liên-kiều, huyền-sâm, sinh-địa.

Thuốc trên để mát chân huyết và giải độc, thấy hơi nhẹ thời ngoài nên bôi thuốc. Đừng dùng thuốc hàn-lương để độc khí trở vào. Vì trẻ em tạng phủ còn yếu.

PHƯƠNG THUỐC:

1) **Liên-sàng-tán:**

Hoàng-liên 3 chỉ, sà-sàng 1 chỉ rưỡi, ngũ-bội 1 chỉ, khinh-phấn 15 miếng.

Các vị tán bột, lấy kinh-giới và hành củ sắc nước rửa sạch, đợi khô, rồi lấy dầu vừng, hòa thuốc bột mà bôi.

Bài trên để chữa chứng trẻ em khắp đầu nhọt lở, hay là chân tay và chỗ kín lở ra mà nước vàng đầm đìa.

2) **Hương-nhu-tiên.**

Hương-nhu lâu năm 2 lạng, hồ phấn 1 lạng, mỡ lợn

Tìm sách

5 chỉ. Lấy nước sắc vị hương-nhu rồi bỏ bã, cho vị hồ-phấn và mỡ lợn hòa cho đều rồi bôi lên chỗ lở.

Bài trên để chữa trẻ em đầu không mọc tóc, mà khô và đau.

II.— BỆNH VỀ MẮT

Căn bệnh :

Nội-kinh nói : « Mắt là tinh hoa của tạng phủ », lại nói : « Các mạch đều thuộc về mắt, mắt có huyết mới trông được ».

Trong mắt, lòng trắng thuộc tạng phế, lòng đen thuộc tạng can, con người thuộc tạng thận, vành trên vành dưới thuộc tạng tỳ, hai đuôi mắt thuộc tạng tâm, khóe mắt thuộc mật và tam-tiêu.

Tạng tâm chủ về sắc đỏ (mắt đỏ lắm là thực nhiệt, đỏ vừa là hư nhiệt), tạng can chủ về sắc xanh (xanh lắm là thực nhiệt, xanh vừa là hư nhiệt, tạng tỳ chủ về sắc vàng, (vàng lắm là tạng tỳ nhiệt, vàng vừa là tạng tỳ hư).

Mắt không được sáng, lòng trắng nhiều, lòng đen ít, là tạng can tạng thận không đầy đủ.

Ngày trông rõ, đêm trông mờ là chân dương kém, (đêm thuộc về âm, chân âm thịnh thời chân dương kém, cho nên không trông thấy).

Chứng bệnh :

1) Mắt như mắt chim sẻ, nửa ngày về trước thời trông rõ, đến chiều thời trông mờ thế là khí của tạng

Tìm sách

can suy kém. (Vì mắt có huyết mới trông được, quá trưa thời huyết ở tạng can đã kém.)

2) Mắt cam là hỏa ở tạng can và thấp nhiệt bốc lên vì thế thành màng trắng, nên không nhắm vào được nước mắt đặc mà dính.

3) Mắt toét ra là cách-mô có nhiệt.

4) Mắt có lúc ngứa, mà có nước chảy ra là có trùng.

5) Lông mày quấn vào nhau là tạng can phong nhiệt.

6) Lúc sơ sanh, mắt vàng, người nóng, hay là mắt đỏ mà nhắm lại là thai nhiệt.

7) Tròng không được tỏ, không sưng, không đau là tạng can tạng thận đều yếu.

8) Cũng có đứa vì nhiệt mà mắt đỏ, có đứa vì tích độc mà mắt đỏ, có đứa vì thời khí mà thành đỏ.

Chứng chết :

Thổ tả rồi mà mí trên không mở ra được, mắt trông không sáng là tinh huyết đã kiệt mà nguyên-thần cũng thoát, như thế thời không chữa được.

Phép chữa :

Chữa chứng đau mắt phải dưỡng chân huyết, và điều hoa cả tỳ-vị.

— Có đứa uống nhiều thuốc mát mà mắt không mở được là dương khí hãm trở xuống, phép chữa phải cho thăng lên.

Tìm sách

— Có đứa vì khí của dạ-dầy suy yếu, mí mắt vô lực, cũng phải đem dương-khí lên và thêm khí lực cho dạ-dày.

— Có đứa sưng đỏ lắm là phong hỏa dông dỡ.

— Có đứa nhiều nước mắt mà sợ sáng, là tạng can tạng tâm nhiệt, nên mát chân huyết nhẹ tạng can hay là trừ phong tán hỏa.

— Có đứa ngoài không có màng mà trong mờ như mây, (nội-chướng), trông không thấy gì tục gọi là « thanh-manh », nếu không phải là thận thủy khô ráo thời là ốm lâu thành cam. Bệnh ấy mà mạch « hồng-đại » thời phải dưỡng chân huyết, mạch « trầm-tế » thời phải bồ dương-khí.

Thuốc chữa :

Nên kiêng vị thuốc lạnh và kiêng cho uống những vị thuốc chỉ phát tán, là vì thuốc lạnh thời ngưng, thuốc phát tán thời ráo. Hơn nữa, đau mắt tuy là hỏa nhiệt nhưng cũng có đứa vì phong hàn mà thớ thịt vít lại, hỏa nhiệt mới bốc lên mà thành bệnh, thời giải cảm là khỏi. Tuy thế những vị thuốc để dưỡng huyết và nhẹ màng, cũng phải thêm ít thuốc chữa phong mới đem được lên mắt.

Mắt có huyết mới trông được, nếu huyết kém thời hỏa nhiệt thường động lên, vì thế bệnh ở trên có khi phải chữa ở dưới, như bài *Bát-vị* để bồ tạng can, tạng thận và thêm vị để chữa đau. Nếu màng dày quá thời thêm vị để tiêu màng đi.

PHƯƠNG THUỐC

Tìm sách

1) **Sinh-tê-tán.**

Tê-giác, xích-thược, cát-cánh, địa-cốt bì, sài hồ, cam-thảo. Sắc nước uống **sau bữa ăn.**

Bài trên để chữa chứng vị tạng tâm hư nhiệt mà đau mắt đỏ nhờ.

2) **Hoàn-minh-tán**

Thảo-quyết-minh (hột muồng-muồng) sao 2 chỉ, bạch-tất-lễ sao cháy gai 4 chỉ. Hai vị tán bột, lấy một miếng gan lợn đem dao bằng mảnh tre khía mỏng ra, rồi rắc thuốc vào quấn lại chưng trên nồi cơm cho chín, rồi gạt thuốc đi mà ăn gan.

3) **Long-đảm-ẩm.**

Khương-hoạt, long-đảm đều 2 chỉ, thanh-cáp-phấn 3 chỉ, hoàng-cầm sao 1 chỉ, xác rắn rửa bằng rượu 3 phân, ma-hoang 1 chỉ rưỡi, cốc-tinh-thảo 3 phân. Các vị cùng tán bột mỗi lần uống 1 chỉ với nước trà.

Bài trên để chữa chứng đau mắt chảy mủ đặc có màng là vì thấp nhiệt thành bệnh.

4) **Một bài chữa chứng mắt đỏ sưng đau dữ dội.**

Khương-hoạt, cát-cánh, xích-thược, kinh-giới, cam-thảo, liên kiều, thăng-ma, bạc-hà, xuyên-khung, hoàng-cầm sao, qui-vĩ. Các vị bằng nhau sắc uống.

Nếu huyết nhiệt, thêm : long-đảm, thạch-cao.

Con ngươi trắng lại sưng lên thời thêm : tang-bạch-bì, cúc-hoa.

Tìm sách

5) **Phương thuốc thần để quang mắt.**

Hoàng-liên 7 phân, phòng-phong, đương-qui, úc-lý-nhân (giã dập ra) đều 1 chỉ, kinh-giới 8 phân, hạnh-nhân (bỏ vỏ và đầu nhọn) 7 hột, đản-phàn, minh-phàn đều 3 phân. Sắc nước uống và kiêng gió.

6) **Phương thuốc thông dụng chữa chứng đau có màng :**

Phác-tiêu 1 chỉ, lục-phàn 1 phân, hồng-táo 7 quả (bỏ hột). Đổ một bát nước đun cách thủy chỉ lấy một ít, rồi phơi sương một đêm (bài này không nói để cho uống hay để nhỏ mắt vì bản chính viết thiếu).

7) **Bài thuốc để chữa chứng con ngươi tản ra.**

Sơn-thù (chưng với rượu sao), khởi.. tử hoài-sơn (để trên nồi cơm) đều 2 lạng, đan-bì sao 1 lạng, đương-qui 2 lạng, thục-địa 4 lạng, trạch-tả 5 chỉ, ngũ-vị 7 chỉ.

Các vị cùng tán bột hoàn với mật to bằng hột nhãn, cho uống dần với nước lã đun sôi.

8) **Một phương chữa lông-mày quặp vào.**

Lấy hột gấc bỏ vỏ nghiền bột ra rồi gói vào vải đút lút lỗ mũi, đau mắt bên trái đút lút bên phải, đau mắt bên phải đút lút bên trái.

9) **Chư-can-tán.**

Cốc-tinh-thảo 4 phân, thạch-yến (nung chín giã dập ra 4 phân) cáp-lỵ tia miệng (nung chín nghiền ra) 1 chỉ.

Tìm sách

Cùng tán bột lấy gan lợn (đừng rửa nước) đem dao bằng tre khía ra cho thuốc vào trong, quấn lại đồ trên nồi cơm rồi bỏ thuốc ăn gan.

Bài trên là bí phương ở sách Cẩm-Nang, để chữa chứng cam-tích mắt không mở được, màng che cả con ngươi.

10) **Hùng-kê-can tán.**

Hùng-hoàng 1 chỉ, thạch-cao nung-chín 1 lạng. Hai vị cùng tán bột, lấy một cỗ gan gà tẩm rượu đồ cho chín rồi chấm với thuốc ấy độ 1 chỉ mà ăn, chưa khỏi hẳn lại ăn cỗ gan nữa.

Bài trên là phương bí truyền ở sách *Cẩm-Nang*: cũng để chữa chứng cam-tích mắt mới đau mà đỏ.

Tiên-sư họ Phùng bị đau mắt, trước lúc ăn uống bài *Bát-vị-hoàn* thêm : mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất, ở ngoài lấy hoàng-liên hơn 1 chỉ, và 1 phần rỉ đồng xanh đun lấy nước đặc rửa mắt ngày 2, 3 lần, khi đỏ và sưng đã nhẹ, lại thêm 2 chỉ sâm vao nước hoàng-liên và rỉ đồng đun lên rửa lúc nước còn ấm là khỏi.

12.— BỆNH VỀ TAI

Căn bệnh và chứng bệnh :

Thận khí thông lên tai, mà tai là chỗ gân lớn tụ lại.

Có đứa khí ở tạng thận mạnh mà nóng xông lên, thành ra mủ đặc hay nước trong.

Tìm sách

Có 5 chứng :

1) tai ù

2) tai đau

3) tai điếc

4) tai sưng lên

5) tai ra mủ.

Chứng tai sưng lên lại chia làm 5 thứ :

1) ra mủ vàng

2) ra mủ đỏ

3) trong tai cam mà hôi thối

4) ra mủ trắng

5) tai ù mà ra mủ xanh.

Những chứng trên đều ở 6 nguyên-nhân sau đây :

1) Vì chân âm hư yếu

2) Vì đàm

3) Vì hỏa

4) Vì phong ở tạng can

5) Vì khí bế vít

7) Vì thai-nguyên (nguyên-khí từ khi thụ thai).

Nếu vì chân âm hư yếu thì người gầy đen, lòng bàn tay, bàn chân nóng, trong tai thường ngứa mà mạch hai bộ xích « đại ».

— Nếu vì đàm thì trong tai như khí lấp lại, miệng ráo, nặng mình, tai ù mà ngứa, có mủ, mạch (huyền).

Tìm sách

— Nếu vì hỏa thì tai điếc mà đau, nhưng có thực hỏa và hư hỏa.

— Nếu vì phong ở tạng can thì phải sưng đau có khi chảy nước là vì thấp-nhiệt.

— Nếu vì khí thì có đứa vì giận dữ hại tạng can, có đứa vì chân khí hư yếu mà điếc hay là vì ù tai.

— Nếu vì thụ thai thì hỏa độc công lên mà nước hôi thúi chảy ra, ở trong mọc mụn sưng đỏ, lúc phát bệnh lúc khỏi.

Ngoài ra còn 3 nguyên-nhân :

1) Vì phong vào óc thì khí ủng tắc mà tai điếc.

Phong thấp thì trong tai lở.

2) Vì trong tai có trùng sâu,

3) Sau 2 tai lở ra (thường gọi là nồm tai).

Phép chữa.

1) Về chứng âm-hư nên nhẹ tạng can giúp chân âm,

2) Về đàm nên dùng bài *Nhị-trần* và *trúc-lịch*, v.v...

3) Vì hỏa nên cho uống những vị : Cầm, Liên, Quy, Thược, v.v...

4) Vì phong ở tạng can, nên cho uống những vị dẹp tạng can, trừ nóng và phong,

5) Vì khí bế vít, nên cho uống những vị giải uất điều huyết và thông đi,

6) Vì khi thụ thai, nên cho uống những vị giúp chân âm và hóa độc,

Tìm sách

— Nếu vì ngoài mà sinh bệnh thì dùng thuốc chữa ở ngoài.

— Ngoài ra, có đứa tai và lợi sưng đau là phong nhiệt ở thượng-tiêu, lại phải mát cho dạ dầy thêm những vị cay và mát để tán đi, nếu nhiệt lắm thời dùng cả vị đại-hoàng chưng với rượu, chứng này ta thường gọi là sưng « quai-bị ».

Người ốm rồi mà điếc là chân khí kém mà chân huyết khô, nên dùng bài *Địa-hoàng-hoàn.*

Trong tai chợt đau như có trùng đi lại ở trong, hoặc chảy máu, hoặc chảy nước, hoặc khó ma đau không chịu được, nên dùng xác rắn rửa rượu cho sạch, rồi đốt cháy nhưng chưa thật thanh than, xong tán bột thổi vào trong tai là khỏi ngay, vị này vừa sát trùng, vừa giải uất và tán hỏa.

CÁC PHƯƠNG THUỐC.

1) **Long-cốt-tán** :

Phèn-phi, long-cốt, (nung chín) đều 1 chỉ, hoàng-đơn 2 chỉ, nhân-chi 1 chỉ (phải chăng là vị yến-chi chứ không có vị gì là nhân-Chi, xạ-hương 1 lai, hải-phiêu-tiêu 5 phân. Cùng tán bột lấy bông rửa sạch mủ, rồi dùng thuốc thổi vào trong tai mỗi ngày 1 lần, mà đừng để gió lọt vào tai.

Bài trên để chữa chứng tai có mủ.

2) **Tê-giác-ẩm** :

Xương-bồ, tê-giác, xích-tiểu-đậu, xích-thược, mộc-thông,

TimSách

huyền-sâm, cam-cúc, đều 1 chỉ, cam-thảo 5 phân, thêm chút gừng sắc uống.

Bài trên để chữa chứng phong nhiệt xông trở lên, lỗ tai sưng mà nước mủ chảy ra.

3) **Tư-âm thận-khí hoàn** :

Ngũ-vị, thục-địa, sinh-địa, qui-vĩ, đan-bì, phục-linh, hoài-sơn, trạch-tả, sài-hồ.

Các vị bằng nhau tán hoàn với mật, lấy Thần-sa làm áo, uống với nước sôi.

4) **Ích-thận-tán** :

Từ-thạch chế, ba-kích (bỏ lõi), xuyên-tiêu sao, các vị đều 1 lạng, trầm-hương, thạch xương-bồ đều 5 chỉ.

Các vị tán bột, mỗi lần dùng 2 chỉ cùng với 1 quả cật lợn thái nhỏ và 1 chút hành, muối, lấy giấy ẩm bọc nhiều lần nướng chín, ăn vào lúc đói, nếu uống 1 chút rượu càng hay.

Bài trên để chữa chứng tạng thận hư yếu mà điếc.

5) **Đinh-nhĩ-phương** :

Mỡ lợn và đất mùn giun nghiền nhỏ hòa với nước hành, viên bằng quả táo, gói vào lụa, luồn vào trong lỗ tai, một lát nhấc ra. Bài trên để chữa chứng vì phong nhiệt mà tai khô ráo (đinh-nhĩ).

Hột quả « trám » đốt cháy hòa với bột chút sạ thổi vào trong tai, để chữa chứng như trên.

TimSách

Một phương nữa :

Hàn-thủy-thạch nung chín tán bột với một ly sạ thổi vào trong tai để chữa chứng (?) (Bản chính không nói rõ, nhưng có lẽ cũng để chữa chứng trên).

Một phương nữa :

Vị bối-mẫu tán bột với 1 chút khinh-phấn đem bôi để chữa chứng lở tai.

Một phương nữa :

Hoàng-liên, phèn-phi, hồ-phấn, sà-sàng-tử. Các vị bằng nhau tán bột đem bôi để chữa chứng trẻ em sau tai lở ra (nồm tai).

Một phương nữa :

Bột xuyên-tiêu 1 chỉ, trộn với giấm để một lúc lâu, rồi rỏ vào tai, để chữa chưng các thứ sâu vào trong tai (bản chính chỉ nói chữ « Tiêu » thời có lẽ là xuyên-tiêu chứ không phải Hồ-tiêu vì 1 chỉ thời nóng quá).

Một phương :

Mấy cái lá đào giã nhỏ, đắp vào lỗ tai thời sâu cũng ra.

Một phương :

Dầu vừng một chút, rỏ vào lỗ tai thời sâu ra.

Một phương :

Gừng, hành, lá hẹ, đều bằng nhau, giã vắt lấy nước rỏ vào trong tai cho sâu ra, nếu con bọ-xít vào tai thời rỏ bằng nước đái con mèo.

Tìm sách

13.– BỆNH VỀ MŨI

Căn bệnh.

Tạng phế thông khiếu ra mũi, nếu tạng phế thụ thương thời mũi không được thông. Người ta thương-thử hay thương hàn đều thấy ngạt mũi, thương-phong thời hắt hơi là hỏa uất ở tạng phế.

Bệnh chứng.

1) Mũi khô khè là phong tà ở bì-mao, thời nhức đầu, chảy nước mũi mà như tiếng kéo cưa.

2) Vì óc rỉ nước ra thời mũi chảy nước trong mà không đau là hàn, chảy nước vàng mà đau là nhiệt.

3) Mũi khô là hư hỏa bốc lên.

4) Mũi chảy nhiều nước (tỵ-uyên) là mặt nóng sang óc, sống mũi đau mà chảy ra nhiều nước.

5) Phổi có hàn tà thời hư nhiệt bốc lên, huyết đặc kết lại mà mũi không ngửi thấy gì.

6) Mũi chảy ra huyết là nóng vào tạng phế.

7) Mũi cam là khí phong thấp thành nóng ở trong. cho nên mũi hoen đỏ, hai bên mũi rỏ nước đến đâu thời lở ngứa, gọi là « ty-thắc ».

8) Trong mũi rôm lên mụn tía hay đỏ, là tạng phế có phong.

Tìm sách

9) Máu ra đàng mũi (lục huyết) là tạng tâm, tạng phế, dạ-dầy bị nóng quá mà đem huyết trở lên.

10) Trong mũi đen như bồ-hóng, là vì khí thấp-nhiệt mà hỏa tam-tiêu bốc lên.

11) Mũi mọc miếng thịt thừa, cũng là thấp nhiệt, cũng như thể nấm gặp nóng thì mọc.

Phép chữa.

Nhiều nước mũi, dù vàng hay trắng hoặc đặc như mủ đều là tạng thận hư yếu, mà không nên dùng thuốc mát.

Chữa chứng mũi mọc thịt thừa thời phải trừ nhiệt để thông lợi cho chỗ cách-mô.

Trong óc rỉ nước ra mũi, nên uống thuốc để nhẹ nóng cho mật.

PHƯƠNG THUỐC.

1) **Cúc-hoa-tán.**

Cam-cúc, phòng-phong, tiền-hồ đều 3 chỉ, bạch-chỉ 2 chỉ, quế-tâm 2 chỉ rưỡi, cam-thảo 1 chỉ rưỡi, tế-tân 5 phân.

Các vị tán bột, lúc đi nằm cho uống với nước kinh giới.

Bài trên để chữa chứng hay ngạt mũi.

2) **Tuyên-minh phòng-phong tán.**

Hoàng-cầm, trích-thảo, nhân-sâm, xuyên-khung đều 5 chỉ,

Tìm sách

phòng-phong 2 chỉ rưỡi. Cùng tán bột, mỗi lần uống nửa chỉ trở lên với nước sôi.

Bài trên để chữa chứng tỵ-uyên mà nước mũi đục.

3) **Tuyến-căn-tán.**

A giao sao phồng lên, tuyến-căn (?), hoàng-cầm đều 1 lạng ; sinh-địa, trắc-bách-diệp sao đen, các vị đều 1 lạng, nếu trẻ em còn bé thời dùng 1/5 thuốc mà sắc nước uống.

Bài này chữa lục-huyết không ngừng.

Phương dưới đây cũng chữa chứng lục-huyết :

a.) Lấy tỏi giã nhừ ra, gói vào vải buộc ở lòng bàn chân, mũi bên nào ra huyết thời rịt chân bên ấy, hai bên cùng ra thời rịt cả 2 chân.

b.) Hoa sơn-trà tán bột hòa với nước đồng-tiện, nước gừng cho uống.

c.) Mũi bên trái lục-huyết thời lấy dây buộc ngang ở ngón tay giữa bên trái, mũi bên phải cũng như thế, cả 2 mũi cùng lục huyết thời buộc cả 2 ngón tay.

4) **Khinh-hoàng-tán.**

Khinh-phấn 1 chỉ, thư-hoàng 5 chỉ, hạnh-nhân 1 chỉ (bỏ vỏ và đầu nhọn), xạ 1 lại. Đem hạnh-nhân nghiền nhừ ra, lại nghiền chung với 3 vị kia, để vào bát sạch đậy kỹ, đêm ngủ chấm bằng bột gạo vào trong mũi mỗi đêm 1 lần.

Bài trên để chữa chứng mũi mọc thịt thừa.

TimSách

Bài dưới đây chữa chứng uống rượu nhiều mà đỏ mũi và ngoài mũi rộm lên :

Hoàng-bá, khổ-tâm, tân-lang, 3 vị bằng nhau tán bột hòa với mỡ lợn mà bôi.

Bài dưới đây chữa chứng « trĩ mũi » :

Quả-đế sao, cam toại đều 4 chỉ ; phèn phi, loa-thạch sao (?), đầu nhọn của vị Thảo-ô sao, 3 vị đều 5 phân.

Các vị tán bột hòa với dầu vừng làm thuốc viên, nếu lỗ mũi rộng thời đem thuốc cho vào lỗ mũi, đặt lên trên miếng thịt trĩ, mỗi ngày 1 lần, thời miếng thịt ấy hóa ra nước.

Bài thuốc chữa chứng dưới mũi có hai 2 quệt đỏ vì nước mũi rỏ xuống (tỵ-thắc) lấy vị Hoàng-liên tán bột mà bôi.

5) **Khai-quan-tán.**

Hương-phụ, kinh-giới, tạo-giác (đốt gần cháy), xuyên-khung, tế-tân, cương-tàm (rửa sạch sao vàng).

Các vị đều 5 chỉ tán bột mà ngửi.

Bài trên để chữa chứng ngạt.

6) **Xuyên-khung cao.**

Xuyên-khung, bạch-chỉ, hạnh-nhân, tế-tân, ma-hoàng, long-não, cao-bản, cam-thảo, khương-hoạt, các vị bằng nhau, xạ 1 lai, cùng tán bột hoàn với mật to bằng hạt ngô, lấy vải mới gói 1 viên lấp vào lỗ mũi, con trai lấp bên trái, con gái lấp bên phải.

TìmSách

Bài trên chữa trẻ em ngạt mũi mà không bú được (cũng là chứng cần chữa ngay).

7) **Ngưu-hoàng tê-giác hoàn :**

Ngưu-hoàng, thăng-ma, cam-thảo, tê-giác, tế-tân, châu-sa, xuyên-khung, ma-hoàng, long-não, xạ-hương (ít).

Đều tán bột hoàn với mật to bằng hột khiếm-thực, uống với nước kinh-giới.

Bài trên để chữa chứng trẻ em phổi ủng tắc mà mũi khô.

Chú giải :

Bài trên không nói mỗi vị bao nhiêu nhưng có lẽ tế-tân ít hơn, ngưu-hoàng, long não ít hơn nữa, còn xạ chỉ 1 lai ngoài ra các vị có thể bằng nhau.

14.— BỆNH VÀ MIỆNG VÀ MÔI

Căn bệnh và chứng bệnh.

Môi thuộc về tạng tỳ, mạch của kinh Dương-minh cũng khởi từ mũi và quanh đến môi.

— Môi sưng lên là tạng tỳ có tích trệ, hiện chứng sưng và dấn, hơi thở ra ồ-ồ.

— Môi như có sâu trùng thời xương trên lông-mày đau, nhiệt quyết choáng váng mà buồn, hơi thở ra hôi, mép nề ra, hay là lưỡi trắng, hoặc nghiến răng hoặc cuồng thời sắc mặt trắng và ngủ nhiều.

Tìm sách

— Môi lở mà sốt nhiều, hôi lắm, nếu là mọc đậu thời chứng ấy 10 đứa chết đến 1, 2 đứa, đó là chứng dạ-dầy thụ thương lắm.

Phép chữa.

1) Vì phong và hàn thời môi xanh và trắng, nên trừ phong mà ôn cho dạ-dầy.

2) Vì thổ rồi mà môi trắng nhợt, thời nên dưỡng dạ-dầy mà điều khí.

3) Vì tức giận mà môi xanh, nên dẹp tạng can, điều hòa dạ-dầy và thuận khí.

4) Môi và miệng động lên như có giun bò là tạng tỳ yếu, nếu chữa về đàm thời nước tân-dịch càng khô sẽ thành chứng co-giật.

5) Miệng lở ra là tạng tâm, tạng tỳ nóng. Trẻ em thiếu chân âm là vì bố và đắp ấm quá cho nên hai tạng ấy chứa nóng bốc trở lên mà thành lở, thời nên nhẹ tạng tâm, hóa độc mà nên dùng thuốc mát.

Nếu sơ sinh trong 1 tháng, sinh các bệnh kể trên mà miệng khô, không có nước bọt là điềm xấu.

PHƯƠNG THUỐC.

Thiên-kim-phương.

— Thăng-ma, sạ-can đều 3 lạng, bạch-diệp 1 cân, khổ-trúc-diệp (?), nước sinh-địa 5 chén to, đại-thanh 2 lạng, nước huyền-sâm 3 chén, sắc-vi-căn cạo phấn ngoài lấy vỏ trắng, sinh-lô-căn (rễ cây lan) đều 5 lạng, mật ong 8 chén, 4 cân nước.

Tìm sách

Bỏ các vị vào đun còn 1/3 nước thời bỏ bã rồi cho nước huyền-sâm lại đun, lại cho nước sinh-địa đem đun, xong cho mật canh đặc lại, để 1 chút lên trên lưỡi cho tan ra.

Bài trên để các chứng nhọt lở về miệng lưỡi.

Chú giải : Dù phương thuốc ở trên quá nhiều, nhưng với trẻ em thời chỉ dùng chút ít chứ không có lẽ dùng cả.

3 phương dưới đây *chữa trẻ em tạng tâm có nóng mà lở đầy miệng* :

1) Vị thiên-nam-tinh tán bột hòa với giấm, gói vào vải buộc ở lòng bàn chân.

2) Vị ngô-thù tán bột cùng điều với giấm, gói vào vải rịt vào lòng bàn chân.

3) Tóc rối (đốt cháy nhưng chưa thành than) hòa với mỡ lợn bôi vào chỗ lở.

Bài thứ 3 chữa chứng 2 mép lở thối.

15.— BỆNH Ở CỔ-HỌNG

Căn bệnh và chứng bệnh.

Yết-hầu là đường lối của thức ăn uống, nếu ở ngực có nhiệt thời phong đàm ủng tắc mà thành chứng yết-hầu, hiện có nhiều chứng.

1) Ở trong mọc nhọt như miếng thịt, rồi nuốt vào nhả ra không được.

Tìm sách

2) Những chứng « đan-nhục-nga », « song-nhục-nga » và « giả-tai » « xũng-chướng », nặng thời trong ngoài đều sưng.

Chứng « hầu-tê » tức là chứng « phong khóa yết-hầu lại », thời mặt đỏ, hơi thở to, yếu-hầu sưng lấp lại.

3) Cũng có đứa tạng-hàn mà yết-hầu bế tắc.

Tóm lại, không có hình mà sưng và bế thời là « tê » có hình mà sưng và bế thời là « nga ». Mọc một cái là đan-nga, mọc 2 cái là song-nga.

Những chứng cuống-họng tê, nếu nặng thời mọc một khối thịt (nhục-lưu) rồi hơi bế tắc không thông.

Chứng này nếu mũi, mặt xanh đen, nghẹn tắc, đầu thấp xuống, đờm quánh như keo, tiếng như người kéo cưa là không chữa được.

Phép chữa.

Nên cho thổ đờm, trừ phong, giải nhiệt, thanh phế, và dạ-dầy, nếu để chậm thời không cứu được.

— Chứng : Đan-nga, song-nga, nên châm thời châm ngay, không nên châm thời phải điểm thuốc hay thổi thuốc để dẹp đi cho chóng, rồi mới uống thuốc chén.

— Chứng Hầu-tê với chứng « Nga » tương tự, nhưng phép chữa phải khác, vì chứng Hầu-tê có thể thong thả để chữa căn bản, đứa nào trên nhiệt dưới hàn thời thuốc nóng phải uống nguội trước lúc bú hay ăn, mà không thể cho uống được thuốc mát.

BÀI THUỐC.

Tìm sách

1) Ngưu-bàng-tử thang.

Ngưu-bàng-tử sao, tê-giác, huyền-sâm, hoàng-cầm, thăng-ma, mộc-thông, cát-cánh, cam-thảo.

Các vị bằng nhau sắc nước uống. Bài trên để chữa chứng cuống-họng tê.

2) Hóa độc thang.

Cát-cánh 2 chỉ, bạc-hà, kinh-giới, cam-thảo, sơn-đậu-căn đều 1 chỉ, nha-tiêu, bằng-sa, phác-tiêu, châu-sa, 5 vị đều 1 chỉ mà không sao.

10 vị trên đều tán bột bôi vào trên lưỡi hay là hòa vào nước trà đặc bôi vào.

Bài trên giải phong nhiệt bốc trở lên để chữa chứng yết-hầu sưng đau.

3) Hùng-hoàng giải độc tán (thần hiệu).

Hùng-hoàng 1 lạng, ba-đậu 14 hột (bỏ vỏ sao rồi gói vào vải đập ở ngoài cho bớt dầu đi), uất-kim (củ nghệ khô) 1 chỉ. Các vị tán bột lấy giấm và hồ làm hoàn to bằng hột gạo, uống với nước trà nóng từ 3 viên đến 10 viên, thơi nhổ ra đờm quánh mà tỉnh. Nếu nghiến răng lại thời cậy ra mà đổ thuốc.

Chứng « tê cuống họng », chứng « triều-hầu-phong » mà khóa họng lại, nếu để chậm thì chết.

Bài trên để chữa chứng đàm nhiệt công trở lên, chứng triều-hầu, chứng hầu-tê, chứng đan-nga, chứng song-nga mà cuống-họng sưng, đau, thuốc nước không nọt thời nên chữa bằng bài nay.

TìmSách

Sở dĩ dùng vị hùng-hoàng là để phá kết khí, dùng vị uất-kim là để tán ác huyết, dùng vị Ba-đậu là để hạ đờm đặc. *Thuốc này uống lột cổ họng không ai là không khỏi.*

Một phương nữa để chữa chứng Hầu tế :

Lấy quả mơ trắng (sương-mai) đã lâu năm bỏ vào con đinh-chục cho tan ra, *gặp chứng Hầu-tế thời lấy quả mơ cho ngậm là thần hiệu.*

Chú-giải : 2 chữ « đinh-chục » không rõ là con gì ?

16.— BỆNH VỀ RĂNG

Căn bệnh và chứng bệnh :

Chứng đau răng thường là dạ-dầy có nhiệt.

Cũng có đứa vì tỳ-vị yếu hay là uống nhiều thuốc lạnh làm át dương khí đi, thì người sốt mà đau răng.

Còn chứng « Tẩu-mã nha-cam » (cam răng chóng như ngựa chạy) phần nhiều vì người yếu mà nhiệt xông trở lên, mà răng đen, thối, chảy máu hay là mủ thối, ăn thủng cả tai và mép, không bú, ăn được mà chết.

Phép chữa :

Chứng đau răng thường, thời uống thuốc cho mát dạ dầy như bài *Thanh-vị-ẩm* (quyển Nhật) lại dùng thuốc bột cũng mát dạ-dày mà sia.

Chứng tạng tỳ yếu vì uống thuốc mát mà phát nhiệt (hư nhiệt), thời nên dùng bài *Hỏa-uất thang* (?) hay là gia

TimSách

giảm bài *Bổ-trung*. Nếu không khỏi uống bài *Bát-vị-hoàn* thêm Ngũ-vị Ngưu-tất để đem hỏa xuống (sắc thành thuốc thang cũng được). Là vì ráng thuộc tạng thận mà chứng về răng phần nhiều bởi tạng thận có hư hỏa.

— Chứng cam « Tầu-mã » nên uống thuốc thanh giải để trừ nhiệt giải độc đi, nhưng không nên uống thuốc lạnh quá để uất nhiệt không tản đi được, chứng cam này phần nhiều phải uống bài *Lục-vị* gia vị chữa cam.

PHƯƠNG THUỐC :

1) **Ngưu-hoàng tán** :

Ngưu-hoàng 1 phân, cấn nước đái (nhân-trung-bạch), sao khô 4 phân, thanh-đại 4 phân, băng phiến 1 phân, ngà voi đốt thành than 4 phân, trân-châu 7 hột (tầm nước sữa hơ trên lửa), móng chân con ngựa trắng (đốt thành than) 4 phân, hồ-hoàng-liên 4 phân, huyết-kiệt 4 phân, sạ-hương 1 lai.

Các vị tán bột lấy nước trà đặc để nguội tẩm bông rửa sạch chỗ răng đau rồi xỉa thuốc vào.

Bài này để chữa chứng cam răng.

2) **Thăng-dương thanh-vị thang.**

Thăng-ma 5 phân, thạch-cao nung chín 1 chỉ 2 phân, liên-kiều 1 chỉ, sinh-địa 1 chỉ 2 phân, ngưu-bàng sao 1 chỉ, đan-bì 8 phân, cát-cánh, cam-thảo đều 3 phân, hoa-kinh-giới, bạc-hà đều 4 phân, 10 cái bấc thắp đèn dầu lạc thời cỏ sắc nước uống.

Bài này thông dụng để chữa chứng cam răng, đau răng.

TìmSách

3) Thanh-lương-tán.

Thanh-đại, hoàng-liên, hải-nhi-trà, lô-hội, hoàng-bá, bằng-sa đều 3 phân, băng-phiến 1 phân. Lấy nước trà đặc đã nguội, rửa sạch răng rồi chấm thuốc vào, bài này cũng chữa chứng cam răng.

Hai bài thuốc để chữa chứng « cam-tầu-mã » :

1) Cần nước đái của đàn bà (nếu không có dùng cấn chung cũng được) 2 chỉ sao thật vàng, rỉ-đồng-xanh 2 chỉ, xạ-hương 1 lai, băng-phiến, ngưu-hoàng đều 1 phân, các vị tán bột để bôi lá khỏi ngay, phương này rất thần diệu.

2) Can-khương sao cháy, nam-tảo đốt cháy chưa thành than, phèn-phi, 3 vị bằng nhau, tán bột mà bôi là khỏi ngay.

17.— THỔ-HUYẾT

Căn bệnh.

Chứng này là khí ở doanh vệ ngược lên, hoặc vì cảm ở ngoài, hoặc vì bệnh ở trong, rồi khí không vận hành, uất mà đi ngược lên, khi ngược lên thời huyết cũng đi ngược.

— Có đứa vì thức ăn không tiêu hóa rồi thổ mà ra cả huyết.

— Có đứa vì dạ-dầy thụ thương mà thổ huyết (vì kinh-dương-minh là dạ-dầy có nhiều huyết).

— Có đứa vì ăn phải thức cay, thức nóng, hay là người mẹ ăn nhiều những thức ấy mà con bú phải, thời người con thổ huyết, đi đái ra huyết, hay mũi ra huyết.

Tìm sách

— Có đứa vì ho lâu mặt nề ra mà thổ ra huyết, là tạng phế thụ thương.

PHƯƠNG THUỐC.

1) **Thần-giao-tán.**

Chinh a-giao sao phồng lên, cáp-phấn sao, thần-sa mài với nước rồi chắt nước trong đi, 3 vị bằng nhau tán bột, uống với nước ngó sen và mật ong.

Bài trên để chữa chứng thổ huyết.

2) **Ngẫu-tiết thang.**

Ngó sen phơi khô tán bột sắc với sâm và hòa thêm mật ong cho uống, để tiêu ứ-huyết và cầm huyết.

3) **Tê-giác địa-hoàng thang.**

Tê-giác nghiền cho bột ra, sinh-địa, bạch-thược sao, mẫu-đơn, 3 vị đều 1 chỉ.

Sắc nước 2 vị dưới, rồi bỏ bã cho bột tê-giác vào mà cho uống.

Nếu vị tức giận mà thổ huyết thêm Sơn-chi sao đen và Sài-hồ.

Bài trên chữa chứng huyết kém, hỏa giông lên mà thổ huyết, lục huyết, hay là đi đái, đi cầu ra huyết.

4) **Đương-qui bổ-huyết thang.**

Hoàng-kỳ 5 chỉ, đương-qui sao 1 chỉ rưỡi. Sắc nước uống vào lúc đói.

Bài trên chữa chứng khí huyết hư nhiệt, mặt đỏ, phiền khát, mạch « đại mà hư ».

Tìm sách

5) **Sang-hà tán.**

Đốt của ngó sen 7 cái, núm của lá sen 7 cái. Giã dập với chút mật ong sắc lấy nước bỏ bã, cho uống lúc thuốc còn ấm.

Bài trên chữa chứng thốt nhiên thổ huyết nhiều.

6) **Thiên-đông thang.**

Nhân-sâm 2 chỉ, viễn-chí chế sao, bạch-thược sao, thiên-môn, mạch-môn đều sao, hoàng-kỳ, đốt của ngó sen, a-giao (tán bột cáp-phấn cùng sao cho phồng lên) một-dược, đương-qui, sinh-địa đều 5 chỉ, chích-thảo 2 chỉ.

Các vị tán bột, mỗi lần uống từ 1 đến 2 chỉ trở lên với nước gừng.

Bài trên để chữa chứng tư-lự hại đến tạng tâm, mà thổ huyết, lục huyết.

18.— CHỨNG LY

Căn bệnh.

Chứng này cũng gọi là *trệ-hạ* hay là *tràng-tích*, có hư yếu mới thành bệnh.

Bệnh mới phát có 5 nguyên-nhân:

1) vì ăn uống mà hại tỳ-vị,

2) vì cảm thử,

3) vì cảm phong-hàn,

4) vì thổ hay tả đã lâu,

5) bị ăn uống phải thứ lạnh, thức độc.

Tìm sách

Vì tích lũy lâu mà thành bệnh có 7 nguyên nhân.

1) vì thức ăn tích đã lâu,

2) vì chân khí yếu mà hàn,

3) vì tỳ-vị thụ thương lâu,

4) vì thấp nhiệt mà hại đến tạng tỳ,

5) vì dương-khí hãm trở xuống,

6) vì ăn nhiều thức nóng, thức nướng,

7) vì thời tiết.

Chứng bệnh.

1) đi cầu ra mũi trắng nhiều là *hàn-lỵ*,

2) đi cầu ra máu đỏ nhiều là *nhiệt-lỵ*,

3) đi cầu ra vừa vàng vừa trắng là *cam-lỵ*,

4) đi cầu luôn là *kinh-lỵ* thời sắc xanh,

5) đi cầu ra vừa đỏ vừa trắng là hàn-nhiệt bất-điều,

6) đi cầu ra đeu như ruột cá, khỏi rồi lại trở lại là *Hưu-tức-lỵ*

7) rốn to đình-tích rồi lại đi, mùi hôi mà có vẻ bế vit là *mủng-lỵ*, đi cầu ra vừa tía vừa đen là *trùng-độc-lỵ*.

— Còn chứng *âm-hư-lỵ*, là đi lỵ lâu phát sốt, chỗ đi cầu đau lắm.

— Chứng *cấm-khẩu-lỵ* là dạ-dầy nhiệt lắm, dịch-khí truyền vào tạng phủ, cho nên đi lỵ mà cấm khẩu.

— Chứng *ngũ-sắc-lỵ* là ngũ tạng đều có nhiệt độc mà đi cả ngũ sắc.

Tìm sách

— Chứng *quát-tràng-ly* là chỗ đi cầu rộng lớn, trũng vào và đen, rốn và bụng đau, mót đi luôn mà lại rặn nhiều, đi ra máu tươi, (vì đi cầu như nạo ruột ra cho nên gọi là Quát-tràng là độc-khí vào dạ-dầy).

— Chứng *Hoạt-tràng-ly* thời ngày đêm đi luôn, dễ đi mà ít rặn.

4 chứng dưới đều là nguy hiểm.

Mạch sống hay chết.

Nội-kinh nói : « Mạch « trầm-tế » là sống, « xác, tật mà đại » là chết ».

Chứng chết.

1) môi đỏ như son,

2) đi thuần ra máu đặc,

3) đi ra như óc cá,

4) đi ra như nước giọt tranh lợp lá,

5) đi ra như mầu sắc bùn bần,

6) đi ra như ống tre rót nước ra,

7) không ăn mà chân tay lạnh,

8) đi ly lâu lại sốt mà ra mồ-hôi,

9) đau ruột, suyễn, khát, người nề ra,

10) đi ly lâu mà oẹ ngược lên, người hôn trầm phiền táo mà gầy hết thịt,

11) đi tả lâu rồi quay ra ly (tạng tỳ truyền sang tạng thận),

Tìm sách

12) đầu nóng, chân lạnh, mồm hôi thối mà có đàm,

13) đi lỵ vì rượu, rốn lún xuống mà rác một lượt da,

14) đi cầu đen, bụng chướng, thở suyễn, môi khô, mắt trũng, đồng-tử tản ra mà có màng khói,

15) mặt xanh hay đen, đi như mủ nhột, hôi như trứng gà ung, dái co lên, môi xanh mà khô,

16) mồ-hôi ra như mưa, nhắm mắt, tiếng như con ngan, mặt trắng bợt như tờ giấy, há mồm, ngực lún xuống, móng tay và móng chân đen, thổ ra giun hay nước bọt trắng, hay máu loãng, cổ nghẹo, ở rốn sôi như sấm, đi ra toàn máu xấu mà tanh hôi,

17) đi lỵ lâu mà lưỡi đen là ngũ tạng bại, đều không chữa được.

Phép chữa.

Nhiệt thời chữa theo thực chứng, tạng hàn thời chữa theo hư chứng.

Cổ thư nói : Đi lỵ mà bởi khí thời trắng bởi chân huyết thời đỏ, vừa đỏ vừa trắng là khí huyết đều bị hại, đi ra sắc vàng là thương thực, ra sắc tím là thương thấp, nhưng thấp nhiệt về phần nhiều. Cũng có đứa không căn cứ vào đỏ hay trắng mà phân hàn nhiệt được.

Lỵ mà cấm khẩu nên dùng những vị :

— hoàng-liên

— thạch-liên-nhục

— kim-ngân-hoa

để giải độc và thông khiếu cho tạng tâm.

Tìm sách

Chữa chứng lỵ dữ rằng hòa chân huyết thời đi ra mủ máu đặc sẽ khỏi, hành chân khí thời chứng rặn nhiều sẽ đỡ, đối với hư chứng thời nên chữa như thế. Còn người khỏe mà đình-tích nhiều, thời lúc mới phát bệnh cũng nên dùng thuốc hạ, ngoài mấy hôm thời dùng thuốc hòa chân huyết, hành chân khí.

Bệnh đã lâu thời phải bổ khí huyết, mà thêm ít vị để vít lại.

Chữa chứng *Ngũ-sắc-lỵ* là chứng thực, thời nên thông lợi, nếu là chứng hư cũng phải hành khí hòa huyết.

Tóm lại: thực nhiệt thời nên hạ, là chân khí hư thời nên đem trở lên, là chân huyết hư thời nên điều hòa, có đau bụng thời nên hòa chân khí, rặn nhiều thời nên thông lợi, người lạnh tự ra mồ-hôi thời nên dùng thuốc ôn, đi đái ít thời nên lợi tiểu-tiện, hoạt tràng thời nên vít lại.

PHƯƠNG THUỐC

1) **Hắc-linh đan.**

Quảng-bì sao, tam lăng, nga-truật đều sao, thanh-bì sao đều 2 lạng; liên-kiều (bồi khô), khắc-sửu sao, (lúc tán dây lấy bột đầu, bột cuối, rồi bỏ bột giữa) đều 1 lạng; binh-lang bồi khô 7 chỉ, can-khương sao đen 1 lạng, muội-chảo hay nồi 1 lạng, sa-nhân bồi 2 chỉ, nhục-quả (lấy bột hòa với nước mắm ở ngoài, rồi nướng chín xong, gói vào vải đập nhừ cho bớt dầu đi) 5 chỉ, nhục-quế 5 phân.

Các vị tán bột hòa với chút đường đen, là chứng bạch-lỵ thời uống với nước gừng, là chứng xích-lỵ thời uống với nước cam-thảo, người lớn uống mỗi lần 3 chỉ, trẻ em từ 2 phân trở lên.

TimSách

Bài trên là bí phương ở sách Cầm-Nang chữa chứng ly thần hiệu.

2) **Hương-liên hoàn.**

Mộc-hương 4 chỉ, hoàng-liên 1 lạng (cùng sao với 1 lạng ngô-thù rồi bỏ ngô-thù đi). Hai vị tán bột lấy giấm và hồ làm thuốc hoàn to bằng hột hồ-tiêu rồi uống nước cơm.

Bài trên để chữa chứng đi ly vừa đỏ vừa trắng, đau bụng mót đi mà rặn nhiều.

3) **Đại-hoàng hoàn** :

Đại-hoàng 1 lạng rưỡi (tẩm rượu sao), bạch-thược sao 6 chỉ, trích-thảo 3 chỉ, binh-lang bổi khô 4 chỉ, mộc-hương 1 chỉ, chỉ-xác sao 4 chỉ.

Cùng tán hột hoàn với mật, to bằng hột đậu-đỏ, mỗi lần uống từ nửa chỉ trở lên với nước củ-cải.

Bài trên để chữa chứng mới đi ly mà thực nhiệt.

4) **Đạo-khí thang** :

Bạch-thược 1 lạng, đương-quy 5 chỉ, đại-hoàng tẩm rượu sao 2 chỉ rưỡi, hoàng-liên 1 chỉ, hoàng-cầm 1 chỉ rưỡi, mộc-hương 1 chỉ, binh-lang bổi khô 1 chỉ.

Mỗi lần dùng 1 phần 4 những vị thuốc kể trên sắc nước uống trước lúc ăn.

Bài trên để chữa chứng đi ly ngày đêm không có hạn độ, đi ra máu như mủ đặc trong bụng mót đi mà phải rặn nhiều.

Tìm sách

5) **Liên-khương phương**:

Hoàng-liên nửa cân cùng sao với 4 lạng gừng sống thái ra, khi miếng gừng vàng sẩm thời bỏ gừng lấy Hoàng-liên, thồi cơm gạo để lâu năm nghiền với thuốc bột mà viên lại, to bằng hột ngô, mỗi lần uống từ nửa viên trở lên, nếu đi lỵ đỏ thời uống với nước gạo để lâu năm đun sắc lên, đi lỵ trắng thời uống với nước trần-bì, vừa đỏ vừa trắng thời sắc cả gạo lâu năm với trần bì lấy nước mà cho uống.

Bài trên để chữa chứng đi lỵ cấm khẩu.

6) **Thạch-liên nhục thang**:

Thạch-liên-nhục bồi khô tán bột, mỗi lần uống 1 chỉ trở lên với nước gạo lâu năm, đã muốn bú hay muốn ăn thời lấy vị Quất-bì tẩm với nước đất vách rồi sao tán dập ra sắc với gừng táo mà cho uống.

Bài này cũng chữa chứng *Cấm-khẩu-lỵ*.

Bài dưới đây *để chữa chứng đi lỵ Hoạt-tràng*:

Rễ cây thung (đào lấy những rễ về phía đông ngâm nước một đêm rồi cạo phấn vàng mà chỉ lấy bì trắng) cứ mỗi lạng thời thêm 1 lạng sâm với 2 chỉ Mộc-hương (nướng đi) 3 chỉ gạo tẻ, sắc lấy nước cho uống.

Chú-giải: Bài thuốc này nói 2 vị đều 1 lạng nhưng trẻ em có lẽ phải rút đi mà cả Mộc-hương với gạo cũng rút đi. Cây « thung » không rõ là cây gì?

19.— TIỆN-HUYẾT (đi cầu ra huyết)

Căn bệnh.

Cũng có đứa mới sanh mấy ngày mà đã tiện huyết,

Tìm sách

là vì người mẹ lúc có thai uống rượu và ăn nhiều thức nóng thức nướng, cho nên đẻ con gái thời nhiệt độc vào tạng tâm, mà đi đái ra huyết, đẻ con trai thời nhiệt độc vào tạng phế mà đi cầu ra huyết.

Đã lớn mà tiện-huyết là vì người hư yếu, có đứa vì thấp nhiệt vào tràng-vị, có đứa vì tạng tâm tạng phế nóng đã lâu truyền xuống đại-tràng.

Phép chữa.

Chứng này cũng phân ra hàn-nhiệt, phong-thấp, bệnh mới phát hay đã lâu.

Phép chữa không nên chỉ dùng thuốc lạnh hay mát, lại không nên chỉ dùng thuốc cho thông đi, hay là cho vít lại, là vì lạnh thời huyết dừng, cho thông đi thời không khỏi, mà vít ngay lại cũng không được.

Nếu dùng thuốc mát cũng phải thêm vị hơi có tính chất cay, đã lâu không khỏi thời dùng vị ôn như gừng sao đen và sâm, truật, quy, thược v.v... để huyết về tạng tỳ và thêm chút ít vị để liễm lại. Chứng này nhiều vị phải sao với rượu là để đem trở lên.

BÀI THUỐC.

1) **Hòe-hoa tán.**

Thương-truật, đương-quy, hậu-phác, chỉ-xác đều 1 lạng, trần-bì 8 chỉ, hoa-hòe sao 2 lạng, cam-thảo chích, ô-mai đều 5 chỉ.

Các vị tán bột mỗi lần uống nửa chỉ hay 1 chỉ với nước sôi vào lúc đói.

Tìm sách

Bài trên để chữa chứng tràng-vị có thấp khí, bụng đầy chướng mà đi cầu ra huyết.

2) Tụ-kim hoàn.

Hoàng-liên 4 lạng (1 lạng tẩm rượu sao, 1 lạng tẩm với nước gừng sao, 1 lạng gói vào giấy tẩm nước rồi đem nướng, 1 lạng để sống, hoàng-cầm sao, phòng-phong đều 1 lạng.

Đều tán bột lấy hồ viên lại bằng hột ngô, mỗi lần uống từ 1 viên trở lên, lấy vị Chỉ-xác tẩm nước gạo sao rồi đem sắc lấy nước để uống thuốc viên.

Bài trên để chữa chứng tràng-vị có nhiệt hay là uống rượu đi cầu ra huyết, cả người lớn cũng dùng được.

3) Thược-liên thang.

Bạch-thược sao gần đen, hoàng-liên sao, đương-quy sao khô, 3 vị đều 5 chỉ, đạm-quế (thứ quế nhạt, không cay, không ngọt, không chát cho lắm) 5 phân, trích-thảo 2 chỉ, đại-hoàng tẩm rượu sao 1 chỉ.

Lấy 1 phần 4 thuốc kể trên sắc nước cho uống.

Nếu đau bụng nhiều thêm mộc-hương, binh-lang. Trẻ em đã lớn thời sắc nhiều lên.

Bài trên để chữa chứng đi cầu ra phân rồi lại ra huyết, trong bụng đau, đó là có nhiệt độc.

4) Tiên-hồng-hoàn.

Trắc-bách-diệp sao gần đen, lộc-nhung tẩm chút giấm quấn giấy hơ trên than, phụ-tử chế, tục-đoạn, chinh a-

TimSách

giao (tán cáp-phấn thành bột rồi cùng sao vị a-giao phồng lên), hoàng-kỳ tẩm mật sao, đương-quy tẩm rượu bồi khô, các vị đều 1 lạng, phèn-phi 3 chỉ.

Các vị đều tán bột, lấy giấm đun gạo cho nhừ ra làm hồ để viên lại, mỗi lần uống 1, 2 viên trở lên bằng nước cơm vào lúc đói.

Chứng này vì hỏa phần nhiều, nên gọi là hư yếu thời được mà gọi là hàn thời không được. Nếu lâu thời hỏa kém đi mới thành hư hàn.

Bài trên để chữa chứng tạng phủ hư hàn, đi cầu ra huyết không ngừng người gầy mặt vàng.

Một phương nữa *chữa chứng tiện huyết không cứ mới phải hay đã lâu.*

Bạch-phàn tán bột 3 phân, điều vào trong quả trứng gà bịt quấn lại, rồi đun cho chín, uống với nước sôi trong lúc đói. Người lớn uống gấp lên, trẻ em uống 1 phần trở lên.

Bài trên để chữa chứng đi tiện-huyết dù mới phải hay đã lâu.

20.— THOÁT GIANG (lòi tĩ)

Căn bệnh và chứng bệnh

Chỗ giang-môn là cửa mở của đại-tràng mà đại-tràng với tạng phế tương thông với nhau, khí của tạng phế hư yếu thì không giữ lại được mà đầu đại-tràng lòi ra.

Nhưng tạng tỳ là hành thổ lại sinh ra tạng phế là hành kim, tạng tỳ có yếu thì tạng phế mới yếu.

Người đi lỵ hay đi tả lâu hay có chứng này, người già yếu hay trẻ em còn ít khí lực cũng vậy.

Tìm sách

Nếu thoát-giang lâu mà vi trùng ăn chỗ đi cầu mà chân răng không có huyết sắc, trên lưỡi mọc trắng, tay chân mỏi mệt, nhổ ra huyết như hột tấm, hạt gạo, trong bụng não-nùng là nguy chứng.

Phép chữa.

Nếu vì người yếu mà vô cớ thoát ra, thì nên ôn bổ cho tỳ-vị, lại thêm những vị thuốc để đem lên và giữ lại, ngoài dùng thuốc để xông hay bôi vào.

Chỗ đầu ruột thoát ra mà thấy ngứa là trùng ăn chỗ giang-môn, nên dùng bài *Hóa-thấc-đan.* Ngoài lấy lá ngải-cứu và rễ cây xuyên-luyện sắc nước mà rửa. Nếu trùng ăn vào trong là không chữa được.

Ông Đan-Khê nói: « Chứng này có nhiều vì chân khí hay chân huyết hư yếu, nhưng cũng có người vì chân khí hay chân huyết nóng, vậy phải căn cứ về mạch.

« Nếu là chân khí hư thì uống những vị như: Sâm, Kỳ, Truật, Thăng-ma v.v... chân huyết hư thì uống bài *Tứ-vật*, chân huyết nóng thì uống bài *Tứ-vật* thêm vị Hoàng-bá, chân khí nóng thì cũng uống bài *Tứ-vật* thêm vị Hoàng-cầm mà thêm những vị để đem lên.

Theo tôi (tác giả quyển này) thì người nhiệt ít khi có, chỉ là ghi lại cho đủ.

PHƯƠNG THUỐC

1) Long-cốt tán.

Long-cốt 2 chỉ rưỡi (nung vào lửa cho chín đi), kha-tử (nướng bỏ hột), một thạch-tử 2 cái, xích-thạch-chỉ, cồ-túc-xác (tẩm giấm sao) 3 vị đều 2 chỉ.

Tìm sách

Các vị cùng tán bột uống với nước gạo sắc lên trước lúc ăn, mỗi lần 5 phân trở lên.

Bài trên để chữa chứng trẻ em vì đại-tràng yếu mà thoát-giang.

2) Phục-long-can tán.

Phục-long-can (đất ở giữa chỗ bếp đun bằng rơm rạ hay củi) sao khô 1 lạng, xương đầu con ba-ba đốt thành than 5 chỉ, bách-dược-tiên 2 chỉ rưỡi.

Các vị cùng tán bột, lấy lá Tử-tô sắc lấy nước đặc, ngay lúc nước còn ấm hòa thuốc bột thêm chút dầu vừng mà bôi. Bài trên để chữa chứng trẻ em chân âm hư yếu mà thoát giang.

Còn 4 phương nữa.

1) Vị Ngũ-bội-tử tán bột mỗi lần 1 chỉ hòa với nước phèn mà rửa.

2) Vị Mộc-tặc đốt cháy nhưng chưa thành than, sát vào chỗ giang-môn mà đẩy lên là khỏi ngay.

3) Cánh Bèo rửa sạch, phơi khô, tán bột mà bôi vào hay là lấy đất vách lâu năm sắc nước vừa xông, rồi gạn lấy nước trong mà rửa.

4) Hoa Hòe và vỏ cây Hòe, hai thứ bằng nhau sao vàng tán bột, lấy thịt dê nướng chín chấm với thuốc ấy mà ăn, hay là lấy thịt thăn lợn để thay cho thịt dê cũng được.

Tìm sách

21.— BỆNH TRĨ.

Căn bệnh và chứng bệnh.

Trẻ em có bệnh trĩ là bị nóng từ lúc thụ thai, hay là sanh rồi tạng tâm có nhiệt chuyển sang tạng phế mà đi xuống Đại-tràng.

Chứng này là bên chỗ đi cầu mọc nhọt mà sưng đau, có khi nhọt có lỗ thủng mà nước hôi rỉ ra không ráo.

Phép chữa.

Thấy chỗ đi cầu đau mà ngứa là có trùng mà thành chứng *trĩ-lũ*, phải lấy vị hồng-hoàng tán với lá ngải-cứu khô tán bột quấn thành mồi đốt lên mà xông, hay là dùng 1 cân lá đào đun thật sôi, cho một cái ống ở trên vung, ngồi lên trên mà xông là sâu chết.

Sở dĩ gọi là *trĩ-lậu*, là trĩ mà rỉ nước vàng.

Gọi là *trĩ-lũ*, là trĩ mà có lỗ như tổ sâu.

Chứng trĩ-lậu mới phát, nên dùng những vị như : hoàng-cầm, hoàng-liên để mát đại-tràng, vị chỉ-xác để rộng cho đại-tràng ; Vít lỗ lại thời như những vị : xích-bạch, thạch-chi, phèn phi, hoàng-đơn.

BÀI THUỐC.

1) Hòe-giác-hoàn.

Hòe-giác, qui-thân, hoàng-kỳ đều 2 lạng, xuyên-khung a-giao (sao phồng lên), bạch-chỉ đều 1 chỉ, hoàng-liên, phòng-phong, điều-cầm, liên-kiều, chỉ-xác, địa-du, tần-bông, thăng-ma đều 1 lạng.

Tìm sách

Các vị tầm sao rồi tán bột hoàn với mật to bằng hột ngô, mỗi lần uống từ 3 viên trở lên, người lớn uống từ 50 viên trở lên với rượu hay nước gạo sắc lên vào lúc đói.

Bài trên thông dụng để chữa chứng *trĩ-lậu* và cả chứng đại-tràng vi phong mà đi ra huyết (tràng-phong hạ-huyết).

2) Một con ốc nhồi ngâm nước cho nhả đất ra, rồi cho vào 1 phân long-não để cách 1 đêm, lấy nước ở trong con ốc nhồi ấy mà bôi vào chỗ trĩ, nhưng dùng quả bí đao sắc nước rửa sạch rồi mới bôi thuốc, bài trên để chữa chứng *trĩ-lậu*.

3) **Một phương nữa cũng chữa chứng trĩ-lậu.**

Nước mật của con gà trắng 2, 3 cái, mật gấu 2 phân rưỡi, long-não nửa phân. Hòa chung để vào cái lọ, đừng để hả hơi, rồi chấm thuốc mà bôi vào là hiệu nghiệm.

Thuốc để hun và rửa.

Hoa hòe, chỉ-xác, hoa kinh-giới, lá ngải-cứu. 4 vị bằng nhau sắc nước cho thêm phèn-chua để xông, lúc nguội đem rửa.

22.— CHỨNG NỀ-CHƯỚNG

Căn bệnh.

Trẻ em tạng phủ còn yếu, bú hay ăn không có tiết độ thời tạng tỳ thụ thương, không chế được thận-thủy, rồi tràn ra bì-phu mà thành nề, ở trong đầy lên là chướng.

Tìm sách

Tóm lại : Tạng thận yếu thời không thông hành được thủy, tạng tỳ yếu thời không dẹp được thủy, thủy lưu ở tạng phủ thời là đầy chương, mà dềnh ra bì-phu thời là phù-sũng. Vì thủy vì thấp thời ở dưới nề trước, vì hỏa vì phong thời ở trên nề trước, là dương-thủy thời mạch « trầm xác », là âm-thủy thời mạch « trầm trì ».

Chứng bệnh.

— Chứng *cam-thủy* : (nước vì cam), là tạng tâm, tạng tỳ hư yếu thời mặt vàng, chân nề.

— Chứng *tích-thủy* : thời ngũ-tích ở bụng, kết mà hóa ra nước.

— Chứng *kinh-thủy* : thời nhiều lần gặp kinh sợ, hỏa ở tạng tâm ráo khát, uống nước nhiều mà ngừng lại.

Ngoài ra, còn có 9 nguyên-nhân :

1) *Thấp-sũng* : là tỳ-vị gặp thấp khí không vận hóa được, dềnh ra chân tay đầu mặt mà phù-sũng.

2) *Độc-khí-sũng* : là thức ăn có chất độc, lưu ở dạ-dầy rồi vào bụng mà sũng chướng.

3) *Thương-hàn-sũng* : là bệnh thương-hàn uống lầm thuốc hạ rồi tà khí vào bụng mà thành sũng chướng.

4) *Hư-sũng* : sau khi đại bệnh, khí ở trong không được vững, vượt ra ngoài mà thành phù sũng, cho nên sáng sớm thời mặt phù, quá trưa thời chân sũng.

5) *Thủy-sũng* : tạng tỳ gặp thấp khí, khí ấy xông lên mà mặt phù sũng, bụng to, mắt nhợt rồi ống chân cũng nề, lấy tay ấn trũng xuống, rồi lại phồng lên ngay.

TimSách

6) *Lang-sũng* : là khí tụ ở bàng-quang mà 2 hòn dái sưng lèn.

7) *Cổ-chướng* : là bụng trên, bụng dưới đầy chướng, buổi sáng ăn được, mà buổi chiều ăn không được, bụng như cái trống, người xanh và vàng, gân ở bụng nổi lên, ở ngoài tuy dầy dắn mà ở trong không có gì.

8) Chứng *Chướng-mãn* : là trên dưới đầy chướng, ợ hơi, kém ăn, đoản khí, phiền khát, mặt vàng, da nhợt, tứ chi gầy, ho, đái ít, đi cầu bế, chứng này là tạng-tỳ hư yếu lắm.

9) *Phù-chướng* : là tỳ-vị thụ hương, vì phong hàn thấp đi khắp người ma trên dưới phù sũng, bụng ấn tay xuống mà không lên được, ngại nói, biếng ăn, lợm lòng, nuốt nước chua.

Mạch sống hay chết.

Chứng này mà mạch « phù-đại, hoạt-thực » là sống, vì bệnh còn ở ngoài biểu mà chưa hư yếu lắm.

Mạch « trầm, tế, hư, vi » là chết, vì bệnh đã vào trong lý mà hư yếu lắm, dương đã hư thời không hóa sinh được âm huyết.

Chứng chết.

Chứng phù-sũng ở bụng trước rồi tản ra tứ chi là chữa được, từ tứ chi mà dẫn về đến bụng là khó chữa (tứ chi quy phục).

Ngoài ra :

1) Chướng vì có trùng mà bụng có gân xanh, đầy chướng mà đại-tiện hoạt, mặt xanh, phát suyễn.

Tìm sách

2) Chỉ có bụng chướng lên, mà mặt, mắt, chân tay dẫn,

3) Con trai nề từ chân trở lên, con gái nề từ trên người trở xuống, (nam kỵ túc, nữ kỵ mục).

4) Môi đen mà sũng là hại tạng can, chỗ khuyết-hồn phẳng là hại tạng tâm, rốn lồi mà phẳng là hại tang tỳ. Lòng bàn chân phẳng là hại tạng thận, lưng phẳng là hại tạng phế.

5) Nề mà thịt rắn, hay là lòng bàn tay phẳng (không rõ vẫn), hòn dái to lên, ngọc- hành sưng mà loét ra, rốn xanh hay đen, suyễn xúc phiền khát, người phù nề mà xanh hay tía; hay là vàng như nước sơn-chi (hột dành-dành). Bì-phu mọc ban, đi cầu lỏng mà ghét thức ăn, môi co lên mà khô, đi đái nhiều, phát ban, lấm chấm tía hay đen rồi như đám mày, những chứng trên đều không chữa được.

Phép chữa.

Về chứng đầy-chướng và phù-sũng, nếu là tạng tỳ hư yếu, bụng chướng lên mà không nề, không suyễn, thời dùng thuốc bổ để tiêu đi, hay là dùng thuốc tiêu để mà bổ, cần để tạng tỳ mạnh mà vận hành mà tạng thận tàng nạp được.

Nếu không chữa ngay, thời thủy khí nề cả mặt, mắt chân tay, là vì trông về chi-tiết tựa như chứng hữu-dư, mà xét về căn bản thực là chứng bất-túc. (hữu-dư là dư ra, bất túc là người yếu).

Phù sũng về hư chứng (hư sũng) mà nguyên khí chưa háo, nên điều bổ gấp cho tỳ vị, thời không chữa phù sũng mà bệnh tự khỏi.

TimSách

Chứng nề những nước (thủy-sũng) mà chữa lầm, thời ngoài da nứt rạn mà nước chảy ra. Chứng nề mà người có nhọt lở thời dễ chữa, dẹp đi rồi lại nề ra là hư hàn (vì yếu mà dẹp đi) thời khó chữa.

Khi đi đến đâu mà nước dềnh đến đấy, rồi phù sũng thời trước hết phải thêm chân khí, bổ cho trung-tiêu mà đừng dùng thuốc lợi tiểu-tiện.

Bụng đầy chướng thời phải đại bổ khí lực ở trung-tiêu mà thêm vị hành-thấp, hoặc dùng bài *Bổ-trung ích-khí*, bài *Kim-quĩ thận khí* uống xen với nhau.

Ngoài bì-phu đầy chướng thời nên ráo thấp khí, hòa trung-tiêu.

Tóm lại, từ ngang lưng trở lên mà phù-sũng nên uống thuốc cho ra mồ hôi, ngang lưng trở xuống mà phù sũng nên uống thuốc cho lợi tiểu-tiện, người nóng sốt là bệnh ở ngoài biểu thời nên phát hãn, người không nóng sốt là bệnh ở trong lý thời nên hạ, đó là chứng thường để chữa , nhưng không nên dùng những vị mạnh quá như vị Đại-kích, và Cam-toại.

Chứng đầy chướng phù-nề, nếu vì tích-tụ mà phát bệnh, đã chữa tích tụ mà nề lại phát lên, đi đái không lợi. Chứng ấy nếu lại dùng thuốc cho đi đái nhiều thời thêm bế vít lại, thầy thuốc phần nhiều bó tay, vì bệnh đó là khí ở trung-tiêu không thăng giáng được, phải hàn khí ngăn-cách, thời tiểu-tiện bế mà không đi, chỉ nên uống những bài như *Trầm-phụ thang* thời tiểu-tiện tự thông, mà dầy suyễn tự lui.

Tìm sách

PHƯƠNG THUỐC :

Kim-quĩ thận-khí hoàn.

Thục-địa 4 lạng chưng với rượu, hoài-sơn 1 lạng chưng trên nồi cơm, sơn-thù 1 lạng tẩm rượu sao, mẫu-đơn 1 lạng tẩm rượu sao, phục-linh 3 lạng tẩm nước sữa, trạch-tả một lạng tẩm rượu sao, phụ-tử 5 chỉ, ngưu-tất 1 lạng tẩm rượu sao, nhục-quế 1 lạng.

Các vị tán bột hoàn với mật bằng hột ngô, người lớn uống 4, 5 chỉ, trẻ em 1 chỉ trở lên với nước sôi lúc đói.

Bài trên để chữa chứng tỳ, phế, thận hư yếu, bụng chướng, người nề, thở suyễn, có đàm, đi đái không được nhiều, chứng ấy không có bài này không cứu được.

Vũ-công-tán.

Hắc-khiên-ngưu 4 lạng sao, hồi-hương 1 lạng sao, cùng tán bột, mỗi lần uống nửa chỉ trở lên với nước gừng.

Bài trên để chữa chứng vì hàn thấp mà thành chứng *thủy-sũng*, hòn dái sưng lên, đại-tiểu-tiện khó đi.

Một phương nữa chữa chứng thủy-sũng (nề những nước).

Con vịt đầu biếc, hay là vịt trắng, thái thịt nhỏ nấu cháo ăn vào lúc đói, hay là con cá chép to nặng độ 1 cân luộc lên cho thêm bí-đao và hành củ mà ăn.

Ngũ-linh-tán.

Bạch-truật sao, chư-linh, phục-linh, trạch-tả, nhục-quế, 5 vị bằng nhau, thêm ít mộc hương, nhân-trần tán bột hòa với nước sôi cho uống từ 1 chỉ trở lên.

Tìm sách

Bài trên để chữa chứng từ ngang lưng trở xuống nề ra.

Bí phương ở sách Cẩm-nang *để chữa chứng đái sưng lên thần hiệu.*

21 củ hành trắng cả rễ, xuyên-tiêu 1 lạng, mạch-nha 1 lạng sao vàng, địa-phụ-tử 1 lạng.

4 vị đem sắc nước mà rửa một lúc lâu, hôm sau lại rửa cho đến khi khỏi.

Cao dán vào rốn để chữa chứng tiểu-tiện ít.

Chư-linh, châm-sát (?) tầm giấm đồ lên, địa-long không sao, cam-toại đều bằng nhau.

Cùng tán bột, nghiền với củ hành cho thành cao, rịt thật dầy ở trên rốn, rồi lấy vải buộc lại, mỗi ngày thay 2 miếng thời nước nề sẽ đi đái ra.

Nhân-sâm bạch-truật thang.

Nhân-sâm 2 chỉ rưỡi, bạch-truật, phục-linh, binh-lang, hoàng-kỳ, đương-qui, sinh-địa (đều 2 chỉ), sắc nước uống trước lúc ăn.

Bài trên để chữa chứng cổ-chướng, 3 vị đều bổ, chỉ có 1 vị để vợi nhẹ đi, không mấy người không ứng nghiệm. (trẻ em nhỏ quá thì chỉ dùng một nửa).

23.— VÃI ĐÁI HAY ĐÁI RỒI LẠI SÓN RA

(gồm cả chứng đi đái nước trắng hay đỏ)

Căn bệnh.

Trẻ em đi đái vãi ra (không kịp đi) là tạng thận với bàng-quang đều yếu, mà khí lạnh lấn vào.

Tìm sách

Cũng có đứa vì bẩm sinh dương khí kém, mà bàng-quang không giữ lại được.

Cũng có đứa vì thấp nhiệt mà đi đái vãi ra.

Bệnh chứng.

Chứng này đi đái đỏ là huyết nhiệt, đi đái trắng là chân khí hư.

Cũng có đứa lúc ngủ mà đi đái không biết, là vì thận với bàng-quang lạnh, đêm thuộc về âm phận, cho nên lúc ngủ đi đái mà không biết, (đi đái đỏ mà có cấn là xích-trọc, đi đái trắng mà có cấn là bạch-trọc).

Đi đái trắng như nước gạo (bạch-trọc) là vì bú và ăn không tiết độ, cho nên lâu ngày thành ra chứng cam, nếu trước đỏ rồi một lát mới trắng là tạng tâm nóng.

Trẻ em đã lớn, dù đi ra nước đái đỏ có cấn (xích-trọc) hay nước đái trắng có cấn (bạch-trọc) cũng đều là có hỏa.

Xích-trọc là thấp nhiệt ở huyết phận, mà bạch-trọc là thấp đờm đi trở xuống.

Lại có đứa vì khí của tạng thận hư hàn mà đi đái trắng như dầu, đông lại như cao hay hồ, để lâu thời tạng thận bại mà thành chứng lao.

Phép chữa.

— Vì hư yếu mà nhiệt thời thuốc uống phải phân thanh-trọc.

— Vì hư yếu mà hàn thời chỉ nên bồi bổ, như vậy phải xét về mạch.

Tìm sách

BÀI THUỐC.

Kê-tràng-tán.

Ruột gà 1 cỗ (con trai dùng ruột của gà mái, con gái dùng ruột của gà trống, đều rửa sạch, phơi khô, đốt cháy nhưng chưa thành than), mẫu-lệ nung cho chín, phục-linh, tang.. phiên-tiêu sao, các vị đều 5 chỉ ; nhục-quế, long-cốt (nung chín) đều 1 chỉ rưỡi.

Các vị cùng tán bột lại lấy thêm 1 cỗ mề-gà cũng đốt cháy nhưng chưa thành than (cũng tán bột), mỗi lần uống từ 1 chỉ trở lên với chút rượu và nước.

Bài trên để chữa chứng vãi đái hay đái rồi lại són ra.

24.— TRÚNG HÀN

Căn bệnh.

Mùa đông rét lắm, và những lúc mưa gió có khí lạnh, hay là ăn uống thức lạnh đều là trúng hàn.

Sách Linh-Khu nói : « Trẻ em xương thịt còn yếu dễ bị chứng hàn hay nhiệt ».

Chứng bệnh.

Chứng này tay chân giá lạnh, rét run, cấm-khẩu, thổ ra nước bọt nước dãi.

Cũng có đứa vì lúc thụ thai đã hàn, thời sanh ra mặt xanh hay trắng, 4 chân tay lạnh, cấm khẩu không khóc được, thời gọi là chứng *thai-hàn*.

TìmSách

Nhưng chứng hàn, giống như chứng nhiệt, vì dương-khí bốc ra ngoài thì nóng.

— Nếu mạch vội, phiền khát, uống nước nguội mà người lay động là nhiệt.

— Nếu đi đái nhiều, tay chân lạnh, đi cầu ra cả thức ăn, người mát, không khát, mà mạch chậm thời đều là hàn chứng.

— Cũng có đứa vì nhiệt nhiều quá mà lạnh chân cũng nhiều, nếu chữa lầm thời chóng chết.

Phép chữa.

Ông Đan-Khê chữa chứng hàn vẫn dùng thuốc nhiệt, nhưng trong thuốc nhiệt có thêm 1 chút vị mát, hay là thuốc nóng cho uống nguội.

BÀI THUỐC.

1) **Lý-trung-thang** :

— Nhân-sâm, bạch-truật, trích-thảo, gừng sao vàng, các vị sắc uống.

Bài này thêm vị phụ-tử gọi là bài *Phụ-tử lý-trung thang* để chữa chứng trúng hàn mà tay chân ngay ra.

2)

Can-khương sao, hậu-phác, quất-bì sao, phục-linh, bán-hạ chế sao, quế-tâm, bạch-truật sao vàng, trích-thảo.

Các vị sắc nước uống để chữa chứng tạng phủ trúng hàn.

Tìm sách

Một phương lấy muối ăn cùng sao với vị Ngô-thù gói vào vải chườm lên rốn và bụng đứa trẻ.

25.— TRÚNG THỬ

Căn bệnh.

Nắng làm háo chân khí, khi đã háo thời mạch « hư tán » vô lực.

Khí nóng vào tạng tâm, thời người sốt váng đầu, bụng phiền, miệng khát, suyễn hay là đầy. Vào tạng can thời choáng váng, vào tạng tỳ thời hay nằm, vào tạng phế thời đầy suyễn, vào tạng thận thời tiêu khát (khát mà đi đái nhiều).

— Lại có đứa mặt sạm, mỏi mệt, sởn chân lông, ghê rét, phiền khát, thổ hay đi cầu, nhức đầu, người sốt, chân tay giá lạnh, chỉ khác chứng thương hàn là không đau mình.

— Lại có đứa cảm thử, mà ngực và lòng bàn tay, bàn chân đều nóng, đầu trán cũng ấm, tiểu-tiện vàng hay đỏ, muốn nằm xuống đất, vì khí nắng hại tạng tâm cho nên không tỉnh, chân tay co giật và uốn ván, người nóng, tay chân lạnh, tựa như chứng kinh, thời gọi là *thử-phong*.

— Có đứa vì thương-thử mà đi tả như rót nước.

— Có đứa vì thương-thử mà oẹ thổ ra nước chua.

Nội-kinh nói: Những chứng như thế đều thuộc về nhiệt.

Tìm sách

BÀI THUỐC.

1) **Lục-hòa thang**:

Sa-nhân sao, bán-hạ tẩm nước gừng sao vàng sẫm, hạnh-nhân bỏ đầu nhọn và màng rồi sao, sa-sâm, trích-thảo, xích-phục-linh, hoắc-hương, biển-đậu sao vàng sẫm, mộc-qua, hương-nhu, hậu-phác, thêm gừng, táo, sắc uống.

Bài trên để chữa chứng vì trúng-thử khí không thăng giáng, mà đau hoắc-loạn, chuột rút, thổ-oẹ, đi tả, vừa nóng vừa rét.

2) **Thanh-cách-ẩm** :

Hương-nhu, trúc-diệp, sa-sâm các vị đều 2 chỉ, bán-hạ tẩm gừng sao vàng sẫm, bạch-đậu-hương đều 1 chỉ rưỡi ; cam-thảo 1 chỉ, phục linh 3 chỉ, gạo tẻ 5 chỉ, thêm gừng, táo, sắc uống nguội sau lúc ăn đã lâu.

Bài trên để chữa chứng trẻ em có nóng ngấm ngầm mà phiền khát, nôn oẹ, ngực và lòng bàn chân bàn tay nóng, tiểu-tiện đỏ mà ít.

3) **Lục-nhất tán** :

Hoạt-thạch 6 lạng (tán hòa với nước rồi chắt nước trong đi), cam-thảo 1 lạng, cùng tán bột uống với nước bắc đèn (thắp dầu lạc) mà để nguội.

Bài trên chủ chữa chứng cảm-thử.

4) **Tứ-linh tán** :

Bạch-truật sao, phục-linh, chư-linh đều 5 chỉ, trạch tả 7 chỉ, tán bột lấy hột sa-tiền sao và bắc (thắp đèn dầu lạc) cùng sắc lấy nước mà uống, nếu thổ không ngừng thêm nước gừng sống.

Tìm sách

Bài trên để chữa chứng trẻ em vì nóng âm mà khát và đi cầu, đái không được nhiều.

26.— TRÚNG THẤP

Căn bệnh.

Tạng tỳ khó chịu về ẩm thấp, mà lại dễ trúng thấp.

Chứng thấp sinh bởi hỏa nhiệt, cho nên mùa hạ mùa thu hay có chứng ấy nên gọi là thấp-nhiệt.

Chứng bệnh.

— Ở thượng-bộ gặp thấp khí thời sanh đàm,

— Ở hạ-bộ gặp thấp khí thời thành ly.

Trẻ em nằm chỗ ẩm thấp, hay là gặp khí ẩm thấp, thời cảm phải là chứng thấp, thế là chứng thấp về ngoại-cảm.

Còn ăn các thứ quả, thức sống thức lạnh mà phát bệnh là chứng thấp về nội-thương. Người béo hay bị chứng thấp, chứng thấp phải nặng mình và lạnh chân.

Phép chữa.

Nên cho đi đái nhiều mà không nên cho ra mồ-hôi, lại nên kiêng gần lửa.

PHƯƠNG THUỐC.

1) **Tiểu-trừ-thấp thang** :

Bạch-truật sao vàng, bán-hạ tẩm nước gừng sao vàng sẫm, cam-thảo chích, trần-bì sao, hậu-phác, xương-truật sao, thang gừng. Sắc uống.

Tìm sách

Bài trên thông trị chứng thấp vì ngoại cảm.

2) **Sâm-truật tán** :

Nhân-sâm, chư-linh, phục-linh, trạch-tả sao, mộc-thông, bạch-truật sao, bảo-khương, xa-tiến-tử sao, bấc thắp đèn dầu lạc thời cồ. Các vị bằng nhau tán bột hay sắc uống cũng được.

Bài trên để chữa chứng trẻ em cảm thấp, nhức đầu, nặng mình, phát sốt, sợ gió, nhiều mồ hôi mà nặng mặt, ọe, đi đái không được nhiều.

3) **Trừ-thấp thang** :

Nhân-sâm, đại-phúc-bì, quất-hồng-bì sao, phục-linh, hoắc-hương, bán-hạ tẩm nước gừng sao, xương-truật sao vàng, bạch-truật sao vàng, trạch-tả. Các vị đều 4 chỉ, sắc uống.

Bài trên để trừ thấp giúp tạng tỳ, chữa những chứng trúng thấp mà thổ hay đi cầu, vì thấp khí thương cân mà tay chân mềm yếu, đau nhiều khó cử động.

27.— NHỌT LỞ (sang độc)

Căn bệnh và chứng bệnh.

Chứng này cũng bởi thấp nhiệt và phong, có đứa mọc khắp người nổi lên từng đám đỏ, ngoài ra, nhiều thứ nhọt lở (ngoại trừ đậu sởi).

Dưới đây là nói mấy chứng sang nhọt lâu khỏi.

1.— Nhọt lở ở chỗ lông-mi là tạng tỳ nóng.

Tìm sách

2.— Khắp người nổi lên từng mụn nhỏ là *phong sang*, cũng gọi là « tiên » (癬)

3.— Tóc mọc ít mà đầu có mụn trắng.

4.— Thứ nhọt như con kiến mà từng chòm như tổ sâu, (chứng này thụ độc từ lúc thụ thai).

5.— Đầu trắng mà không mọc tóc là vì tạng thận suy tổn, gọi là *Não-can-sang*, (tức là sang lở vì trong óc cam).

6.— Sang nhọt ở chân tay, là vì tạng tỳ hư yếu mà thấp khí cảm vào.

Phép chữa.

Chứng nhọt lở mà đau ngứa không chịu nổi, xét thấy người đen, tinh nóng là chân huyết nhiệt, mới nên dùng những vị đắng mà lạnh như : hoàng-cầm, hoàng-liên, tri-mẫu, hoàng-bá và khổ-sâm v.v...

Ngoài ra, chỉ trừ phong, ráo thấp khí và nhẹ chân hỏa. Ốm rồi mà nhọt lở lại phải dùng thuốc bổ để đẩy nọc độc ra ngoài, mà dùng ít những vị tiêu độc.

Chứng này phần nhiều bởi tạng tâm nóng (huyết nóng) nhưng dùng thuốc mát quá thì lại ngừng lại, chỉ hòa chân huyết, giúp chân âm, thêm những vị giải độc thì phong hỏa dẹp đi mà đau ngứa tự khỏi.

Sau khi mọc đậu sởi mà lại nhọt lở là dư độc chưa hết, cũng nên điều hòa chân huyết thêm ít vị để tiêu độc. Mọi chứng thai-độc cũng chỉ nên mát chân huyết và giải độc.

Tìm sách

Trước lúc nhọt lở mà kinh giật hay là nhọt lở rồi mà kinh giật, cũng chỉ chữa về nhọt lở.

Ta nên rõ nếu chỉ chữa ở ngoài mà không cho uống thuốc trong, thì nhiệt độc chạy trở vào.

Chứng chết.

1) Mụn nhọt lở thấy khô khan, rốn và bụng xanh hay đen.

2) Nhọt lở không có nước mủ, hay là khắp người đều nhọt lở.

3) Nhọt lở mọc ở cổ (sưng cao lên) hay ở bụng dưới hoặc ở gân.

Những chứng trên đều không chữa được.

Những phương thuốc để uống trong :

1) **Liệu-độc thang.**

Hồ-ma-tử sao, kinh-giới-hoa, uy-linh-tiên, xương-bồ, hà-thủ-ô, phòng-phong, khổ-sâm, độc-hoạt, cam-thảo. Sắc với nước và một chút rượu cho uống (các vị bằng nhau).

Bài trên để chữa chứng nhọt lở đau ngứa quá mà lâu ngày không khỏi.

2) **Bài Liên-kiều giải-độc thang.**

Đan-bì (tầm rượu sao), liên-kiều, ngưu-tất, thiên-hoa-phấn, mộc-qua, đất của vị cam-thảo, kim-ngân-hoa, con tằm bủng (cương tàm) rửa bằng rượu cho sạch rồi sao, đào-nhân (bỏ màng ở ngoài), y-dĩ (sao phồng lên). Các vị bằng nhau sắc nước uống.

TimSách

Bài trên để chữa chứng nhọt lở ở bốn tay chân sưng mà có nước.

Những phương thuốc bôi ở ngoài :

1) Lấy vị binh-lang mài với dầu vừng hay dầu lạc thêm vào một lai lưu-hoàng mà bôi.

Bài trên để chữa chứng mụn mà có mủ.

2) Đại-phong-tử 49 hột đập bỏ vỏ, thủy-ngân chế 2 chỉ, hùng-hoàng 5 phân, hải-phiêu-tiêu (mai-mực) sao khô 5 phân, phèn phi 3 chỉ, mộc miết-tử (hạt gấc) đập bỏ vỏ lấy nhân 3 chỉ, xuyên-tiêu 3 chỉ. Các vị đều tán bột nghiền với dầu của vị Hồ-đào mà bôi.

Bài trên để chữa chứng Sa-sang (mụn mọc như hạt sỏi) và chứng dạng-sang (lở mà ngứa nhiều).

Chú giải : Bản chữ Hán nói thuốc hoàn với dầu của vị Hồ-đào, nhưng không nói để uống, chắc là vì có thủy-ngân và hột Đại-phong thì không thể uống được. Nhưng dùng chữ « lỏi » (捼) thì cũng không có nghĩa là bôi, mà thuốc viên đem bôi thì lại phải mài ra, vì vậy tôi dịch như trên.

3) Thủy-ngân chế 2 chỉ, hột đại-phong bỏ vỏ 4 chỉ, chương-não 3 chỉ, kinh-phấn 3 chỉ, phèn-phi 3 chỉ, phấn của chì cạo ra 3 chỉ, hùng-hoàng 4 chỉ, hoàng đơn 2 chỉ. Các vị cùng tán hoà với dầu vừng hay dầu lạc thêm chút nến (đèn cầy) rồi mài ra mà bôi.

Bài trên cũng để chữa chứng như bài thứ 2.

Chú giải : Bài này bản chữ Hán có vị Đồng-đen nhưng thuốc chỉ có vị hoàng-đơn.

Tìm sách

4) Hồ-phấn, khinh-phấn, nhựa thông cùng tán bột lấy lòng đỏ trứng gà đun lên lấy dầu để hòa với thuốc mà bôi.

Bài trên để chữa chứng trên mặt nhọt lở.

5) Hoàng liên, phèn-phi, cùng tán bột để sát vào hay là hòa với dầu mà bôi. Bài trên để chữa chứng sau tai lở ra (nần tai).

6) Tóc của con dê-đực, kinh-giới, táo tầu bỏ hột, các vị trên đều đốt cháy nhưng chưa thật thành than, rồi nghiền ra cho thêm vào 5 phân Nhị-phấn (?) mỗi lần hòa một chút với dầu mà bôi, nhưng phải lấy nước sôi để ấm rửa sạch chấm khô rồi mới bôi thuốc.

Bài trên để chữa chứng trên mặt hay bên tai lở chảy nước vàng không khỏi.

7) Đất ở chỗ đun bếp (bằng rơm hay củi) 4 lạng sao cho đỏ lên, muội nồi hay chảo (bách-thảo-xương) 1 lạng đảm phàn 6 chỉ, du-bì (vỏ cây du) 3 chỉ, kinh-phấn 1 chỉ. Các vị cùng tán bột điều với mật lợn, hớt tóc rồi sát thuốc vào rất hiệu.

Bài trên để chữa chứng lở đầu không mọc tóc mà đầu trắng ra (bạch-ngốc-sang).

8) Nhựa-thông (đựng vào cái bát cho mấy cái dọc hành vào rồi để trên nồi cơm, để nhựa thông chảy ra, khi nguội bỏ hành dùng nhựa-thông) vị này 2 chỉ, phấn của chì cạo ra 2 chỉ, phèn-phi 1 chỉ, hoàng-đơn 8 phân. Tán bột đun dầu thơm (dầu vừng hay dầu lạc) mà bôi.

Bài này để chữa chứng phi-sang (phải chăng là mụn nhọt mọng ra).

Tìm sách

9) Lá quỳ đun chín thêm tỏi và lá hẹ vào mà ăn (không rõ lá Quỳ là lá gì ? vì nhiều thứ quỳ).

Bài trên để chữa chứng ban lở vì thời khí, chỉ chốc lát là khắp người mọc mụn có nước trắng đó là chứng ác-khí.

10) Lấy thuốc bột *Thông-thánh-tán* và đất đun đùn (sao khô) trộn lại với nhau rồi điều với mật mà bôi rất hay.

Bài trên để chữa chứng « *Thiên-hảo-song* » (mụn lở có nước vàng từng bộc một).

11) Lấy củ cây chuối gọt kỹ rửa sạch giã vắt lấy nước mà bôi cũng chữa chứng như trên.

12) Lấy vị Tiểu-mạch (một thứ thóc vẫn để làm thuốc) sao khô tán bột, hòa với dầu của cây Đồng mà bôi rất hay.

Chú giải : Bản chữ hán có chữ sinh là sống (không nấu) thì có lẽ là nhựa, còn Đồng không rõ có phải là cây Ngô-đồng, nếu cây ấy có nhựa thì đúng.

13) Lấy màng vàng ở chân con ngan, (làm thịt thường tuốt bỏ đi), đốt cháy nhưng chưa thành than, mà chấm vào.

Bài trên để chữa chứng khe ngón chân lở thối.

14) Lấy phân ở trong mề con gà mà gẩy vào, còn thừa lấy đá đè đi là nghiệm ngay.

Bài trên để chữa chứng mụn lở trông như mắt con gà (kê-nhãn-song).

Tìm Sách

15) Lấy phân người và vị Hùng-hoàng (tán bột) trộn lẫn buộc vào chỗ đau.

Bài trên để chữa chứng mụn nhọt có 2 miệng tách ra như đầu con rắn (thiên-xà-đầu-sang).

Những phương thuốc kể ở trên đều để chữa những mụn nhọt khó chữa.

TìmSách

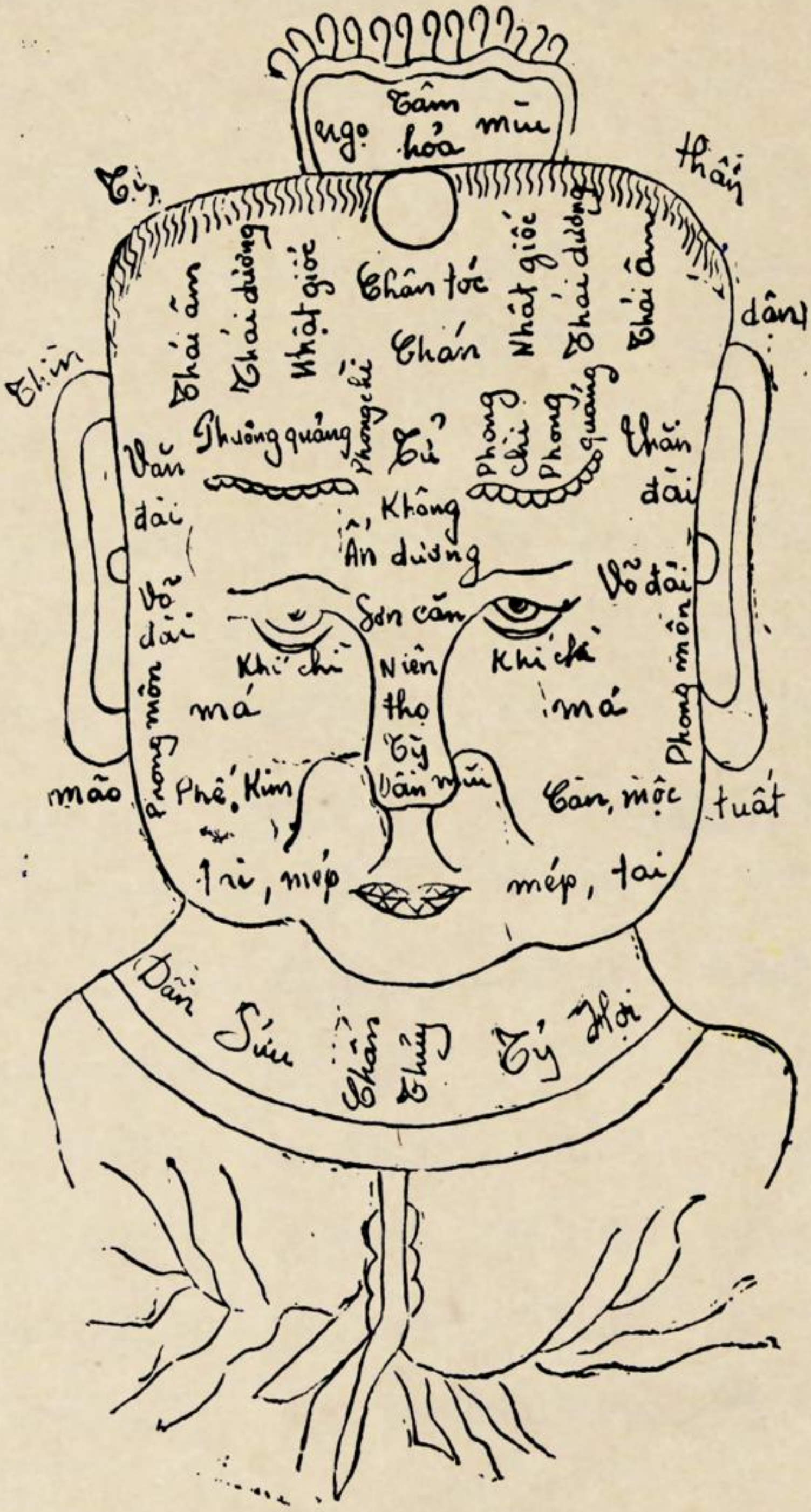
Tâm
ngọ hỏa mũ
thân
Thái âm
Thái dương
Nhật giác
Thân tóc
Thái dương
Nhật giác
Thái âm
dậu
thìn
Thiên
Chán
Phong
Phong
Thường quảng
Phong
Phong
Thân
đại
đại
Không
Ấn đường
Vô đại
Vô đại
Sơn căn
Khí chí
Niên
thọ
Khí chí
má
má
Phong môn đại
Phong môn đại
mão
Phế, Kim
Vân mũ
Can, mộc
tuất
Tai, miệng
mép, tai
Dần
Sửu
Thân
Thủy
Tý
Hợi

TìmSách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập VẬN-KHÍ BÍ-ĐIỂN

TìmSách

TìmSách

Lời dịch giả

Bệnh hoạn của nhân loại có một phần do ở vận-khí. Ta hãy xem những lúc đương mưa mà nắng hay đương nắng mà mưa, và những lúc đổi gió những lúc mùa nọ bước sang mùa kia, hoặc tiết này chuyển sang tiết khác, (mỗi năm có 24 tiết), thì người nào thiếu sức khỏe thường sanh ra bệnh hoạn là đủ rõ.

Vì thế, các bộ sách thuốc đều có nói về vận-khí để người làm thuốc tinh biết trước là năm ấy tốt hay xấu mà sẽ sanh ra nhiều chứng bệnh gì để phòng khi điều trị, cũng có bệnh nên chữa theo về vận-khí (sả chứng tòng thời).

Xem vận-khí là trông gió mây ngay hôm mồng một tháng giêng âm-lịch, rồi lấy âm dương, ngũ hành, bát quái, 10 can, 12 chi, hợp lại để suy đoán là năm ấy người ta ít bệnh hay là nhiều bệnh, và có những chứng bệnh gì, ngoài ra đoán cả về động-vật hay thực vật.

Lê-tiên-sinh thâu góp ở các sách cổ truyền, lại làm những hình đồ lập thành, để độc giả đỡ công suy tinh thật là kỹ càng, tuy trong quyển có chỗ đi sâu vào như thể xem thiên-văn, nhưng lại kết thúc về tật bệnh của từng năm. Ở cuối quyển lại kết luận bằng những câu : « có khi người làm thuốc không nên chấp nệ cả vào vận-khí mà phải chữa theo về chứng-bệnh. » (sả thời tòng chứng).

TimSách

Tôi dịch sau đây là theo đúng với nguyên bản chữ Hán, còn danh-từ riêng thì không thể dịch sang Việt văn được, lại có chỗ chính tôi cũng chưa thấu triệt, nhưng vẫn phải nghiên cứu dịch cho thật đúng, để hoàn tất bộ sách, và để những bậc cao minh thường xem về vận khí khảo sát thêm. Còn những bản đồ thời đành số thứ tự mà đính ở cuối quyển cho tiện.

Viết tại Sàigòn, tháng Giêng năm 1971
Đinh-Thụ HOÀNG-VĂN-HOÈ

TìmSách

Tiểu-dẫn của soạn giả

Theo về Thiên-đạo, thời trước là một khối Thái-cực rồi mới sinh ra âm dương (lưỡng nghi). Người ta bởi hỏa ở mệnh-môn sinh ra hai quả thận, rồi mới sinh ra tạng phủ hình hài, cả đến muôn vật cũng nhờ một điểm thái-cực mà thành ra thai, ra trứng, ra hình thể. Trời có tinh tượng và âm dương thăng giáng, người có xương đốt và kinh-lạc chu lưu, không gì không ứng với khí trời.

Vì thế, mà người ta đau ốm là cảm ở khí vận bất chính. Tôi lúc ít tuổi gặp nạn di cư vào Châu-Hoan (1) ở huyện Hương-San, học thuốc đã 6, 7 năm, sau vì cảm nhiễm chướng-khí mới nghĩ rằng, nếu học thuốc mà không học đến vận-khí thì mơ màng như người đi đêm, lại xem ông Trương-Tử-Hoà có bản : « không thông ngũ-vận lục khí thời không làm được thuốc », tôi mới đem những cuốn sách *Thất-Chính Đại-Thống* và *Lịch-Số* cùng bài phú *Chiêm Vận Tam-Tài* của họ Cam, học mà suy ra, từ đấy mới hiểu rõ vận-khí là quan trọng cho người làm thuốc. Tôi mới đem những bài ca về vận-khí cùng các sách đã học, và chính mình đã chiêm nghiệm, chia ra từng mục và lập thành hình đồ, mà gọi là tập « **Vận-Khí Bí-Điển** »

Tìm sách

nhưng không muốn để làm của riêng, mà muốn cho mọi người cùng biết.

Tuy thế, trong cuốn này nếu có chỗ nào thiếu sót còn mong bậc cao-minh cải chính để làm của báu chung (2).

Trung-tuần tháng Giêng, niên hiệu Cảnh-Hưng thứ 47
Triều Lê.
Lê-Hữu-Trác biệt hiệu Hải-Thượng Lãn-Ông
làm bài Tiểu-Dẫn trên đây

CHÚ GIẢI : (1) Soạn giả Lê-tiên-sinh trước ở xã Liêu-Thượng, huyện Đường-Hào, tỉnh Hải-Dương (vì thế tên hiệu mới có hai chữ Hải-Thượng, sau di cư vào quê mẹ ở Châu-Hoan tức là tỉnh Nghệ-An, Hà-Tĩnh về Trung-phần, mà sang triều Nguyễn thời đổi huyện Đường-Hào là Mỹ-Hào, mà thuộc về tỉnh Hưng-Yên.

(2) Bài Tiểu-dẫn nói rất man mác tôi dịch trên đây là chỉ lấy những ý chính.

TìmSách

MỤC LỤC TẬP «VẬN-KHÍ»

1— Bàn về câu có học kinh Dịch mới học được thuốc
2— Thể lệ đọc cuốn này
3— Nói về trông mây
4— Quy-thức làm cờ để đong gió
5— Phương vị bản đồ Thiên-nghi
6— Đài Kinh-thiên (hình đồ)
7— Phép làm theo hình đồ « Kinh-thiên »
8— Phép đoán
9— Xem giờ tốt xấu
10— Hình đồ số 4 để xem tứ thời bát phong
11— Phép xem
12— Xem tám chiều gió về 4 mùa
13— Xem về bát phong, theo sách Linh-Khu
14— Xem về tặc-phong « gió độc »
15— Phép xem cửu-cung, bát-phong
16— Hình đồ xem cửu-cung bát-phong
17— Nói về chủ-vận
18— Phép lập chủ-vận
19— Phép đoán chủ-vận
20— Hình đồ chủ-khí
21— Nói về chủ-khí
21 bis— Phép lập chủ-khí
22— Phép đoán chủ-khí
23— Hình đồ chủ vận 60 năm (11 bản)
24— Nói về khách-vận
25— Phép lập khách-vận.
26— Pháp đoán khách-vận
27— Hình đồ lập thành khách khí hàng năm trong 60năm giáp tý xem năm Tý-ngọ
28— Hình đồ xem năm Tỵ-Hợi
29— Hình đồ xem năm Sửu, Mùi.
30— Hình đồ xem năm Dần, Thân.
31— Hình đồ xem năm Mão, Dậu.
32— Hình đồ xem năm Thìn, Tuất
33— Nói về khách-khí

Tìm Sách

34— Phép đoán khách-khí

35— Phép Tổng đoán về vận-khí

36— Bí quyết xem khách khí

37— Hình đồ lập thành 60 năm số 24-25-26.

38— Các sao tốt xấu thế nào ?

39— Căn bệnh về ngũ vận

40— Bệnh căn thuộc về sáu khí

41— Nói về chính hóa và đối hóa.

42— Hình đồ lục-luật lục-lã số 27-28-29 (xem cuối tập)

43— Vận và khí tương lâm mà đồng hóa

44— Bàn về Nam-chính và Bắc-chính

45— Hình đồ Nam-chính, Bắc chính

46— Bài ca Nam-chính, Bắc-chính

47— Hình đồ số 30-31-32-33

48— Bàn về vận khí. (Kết luận)

Đính theo 33 hình đồ

TìmSách

Vận-khí bí-điển

Mục 1.– BÀN VỀ CÂU CÓ HỌC KINH DỊCH MỚI HỌC ĐƯỢC THUỐC

Cổ-thư có nói : « Có học Kinh-Dịch mới học được thuốc », như thế thời đạo trong Kinh Dịch và phương pháp làm thuốc có tương quan với nhau.

Câu nói trên không phải là bảo chúng ta phải học những lời ở mọi quẻ mọi hào trong Kinh-Dịch, mà chỉ học về lý âm dương, về lẽ một bên tiêu mòn thời một bên lớn lên (tiêu-trưởng), bằng không sao rõ được tượng bĩ và thái.

Ta hãy xem đồ tiên thiên hậu-thiên trong Kinh-Dịch, thời lúc trước chỉ là « vô cực » là một cái khuyên tròn, rồi sau mới chia ra âm dương tức là «Thái-Cực, » mà trong cái khuyên ấy chia ra một nửa trắng là dương, một nửa đen là âm.

Vì thế có câu : « từ số một sinh ra hành thủy » thời ứng với quẻ kiền là 3 vạch đều liền nhau ☰. Lại có câu : « đất số 2 để thành ra » mà ứng với quẻ khôn là 3 vạch đều đứt làm đôi. Số của dương lẻ, cho nên quẻ kiền ở phương tây-bắc, số của âm chẵn cho nên quẻ khôn ký cư ở phương Đông-Nam, thế là số về tiên-thiên. Rồi hai quẻ *kiền* và *khôn* nhân với nhau thành 64 quẻ, 64 quẻ nhân với nhau thành 384 hào, (mỗi quẻ có 6 hào).

TìmSách

Số của quẻ kiền chu lưu 116 dương-hào lẻ 9 số, thời tiếp đến quẻ Ly, vì quẻ Ly là số 9.

Số của quẻ khôn chu-lưu 76 âm hào lẻ 9, số mà ứng với quẻ Khảm.

Quẻ Ly ở chính Nam, quẻ Khảm ở chính Bắc, là số của hậu-thiên.

Nói về người, thời con trai mới sinh thuộc về dương mà về hình thể quẻ kiền. Con gái mới sinh thuộc về âm, về hình thể quẻ khôn đều là tiên-thiên.

Sau khi âm-dương giao-hợp thì quẻ kiền biến thành quẻ ly, quẻ khôn biến thành quẻ khảm. Quẻ ly ở giữa rỗng là 2 hào dương giữ lấy 1 hào âm mà hào âm đứt làm 2. Quẻ khảm ở giữa đặc là 2 hào âm giữ lấy 1 hào dương mà hào dương liền, như thế là hậu-thiên:

Trời bọc lấy đất tức là khí dương bao lấy khí âm. Số của dương nhiều mà của âm ít, cho nên khí dương thường dư mà khí âm thường thiếu.

Người ta bách bệnh phần nhiều bởi chân âm thiếu, thủy không dẹp được hỏa mà quân-hỏa, tướng-hỏa, tam-tiêu-hỏa, tâm-hào-hỏa với ngũ-chí-hỏa rông trở lên, hỏa ấy khiến cho thủy không bốc lên mà thành ra hình tượng quẻ *hỏa-thủy vi-tế*.

Vì thế, muốn dưỡng sinh để dài tuổi thọ, nên xem hình tượng quẻ kiền biến thành quẻ Ly thời tự nhiên tỉnh ngộ, mà bớt tức giận, bớt tình-dục, để thủy thăng lên, hỏa giáng xuống, cho hợp với hình tượng của quẻ *thủy-hỏa ký-tế*, thời khí âm hòa bình khí dương bí vít. Hỏa yên ở

Tìm sách

địa vị, mà trong người được thái nhiên. Thế mới biết đạo của Kinh-Dịch và lý của nhà làm thuốc có ám hợp với nhau.

Mục 2.— THỂ LỆ ĐỌC QUYỂN SÁCH NÀY

1) Bản nói về trông khí của trời, theo bộ Y-học thời cho ngũ khí là khí vàng, khí trắng, khí đen, khí xanh, khí đỏ, lâm vào phương nào để định về phong-tà, nhiệt tà, táo-tà, thấp-tà, hàn-tà, nhưng nói rất tóm lược, là vì lý của âm dương mà gọi là chữ Dịch tức là nghĩa biến đổi, cho nên còn có câu: « không biến đổi thời không linh », vậy theo phép dạy của bộ Y-học để xem đoán thời là lý nhất định. Tôi đem phép xem mây, xem gió của họ Cam. Và y theo đồ bản *phương vị hỗn-thiên* (1), lại đem ngũ hành sinh khắc chế hóa, lập ra phép xem để định tốt xấu.

2) Xem đồ bản phong giác (2) là phép khẩu yếu về bốn mùa, vì rằng dịch lệ, tai ách đều bởi gió độc, khí độc mà thành ra, cho nên tôi lập ra *đồ-phong-giác* để chiêm đoán về bốn mùa, lại phụ thêm đồ bản về phép xem cửu-cung, bát-phong.

3) Đồ bản về chủ-vận chủ-khí (3) là phép bất dịch từ trước, nên tôi lập ra một cục, trên nói về ngũ-vận lục khí, dưới chia ra 24 khí, để người xem được thông hiểu.

4) Về đồ bản khách-vận và khách-khí, là mỗi năm thay đổi, thời tôi giải thành 60 cục mà biên rõ cả Can Chi.

TimSách

5) Chủ-vận và Khách-vận, Chủ-khí và Khách-khí là số âm dương tạo hóa sinh thành, cho nên tôi lập ra mọi thuyết có từng mục để người xem hiểu thấu chí lý vô cùng của trơi đất.

6) Mọi lập pháp về chủ-vận, khách-vận, chủ-khí, khách-khí, vì mọi sách chưa được khúc chiết, cho nên tôi đều đặt ra phép lập thành để người học biết bí ẩn của âm dương.

7) Về phép đoán chủ-vận, khách-vận, chủ-khí, khách-khí, thì tôi tập hợp cả mọi sách mà chia làm 4 điều-mục.

8) Trong 4 điều-mục ấy có chỗ nào chưa nói hết, thời tôi lại thêm 1 mục nữa cho đủ.

9) Bí quyết về vận-khí tôi bắt chước ở cuốn « *Thất-chính-vận* » và *bài phú chiêm đoán về tam tài*, lập làm một mục mà chia lam từng đoạn.

10) Đồ bản hoàn toàn nói về 60 giáp-tý, thời tôi cũng chiều phép đoán của mọi nhà, mà chia làm 6 cục để đủ xem về năm tháng ngày giờ.

11) Đồ bản hoàn toàn về 60 giáp-tý thời phép đoán tôi y theo lệ xem ở cuốn *thất-chính* và phép tổng đoán ở trong cuốn *Tam-tài đại-thống* của họ Cam.

12) Ngũ vận chủ những bệnh gì? Lục khí chủ những bệnh gì? tôi đều theo phép ở trong cuốn *Thọ-Thế*, ý nghĩa rất là thâm thúy.

CHÚ GIẢI :

(1) Hỗn-thiên tức là đồ *hỗn-thiên-nghi* để xem Thiên văn.

(2) Phong-giác là gió khởi từ góc nào.

(3) Chủ-vận, chủ-khí tức là vận làm chủ và khí làm chủ về năm ấy. Chữ « Chủ » cũng nghĩa như chữ Chính. Còn chữ khách-vận, khách-khí là vận và khí phụ thêm vào.

Tìm Sách

Mục 3.— NÓI VỀ TRÔNG KHÍ MÂY

Bậc thánh nhân đời xưa xem ngũ sắc của mây, thấy vàng, trắng, đen, xanh, đỏ, qua năm phương mà lâm vào địa vị nào trong thập can, mới lập ra *ngũ vân*. Lại xét ngũ khí kể trên đi qua 28 vì sao, dưới ứng với 28 phương vị mà lập ra lục-khí.

Cho nên cổ nhân trông khí mây, nếu có điềm lành, điềm dữ về phương nào là biết ngay. Khí của núi bốc làm mây, khí của nước tụ lại làm gió, mây bốc lên thời có gió theo, mà mây là khí thăng giáng của âm dương.

Ta hãy xem đương lúc oi bức, âm khí bốc lên, dương khí đem xuống, mà thành mây thành gió, khi có mưa mới thôi. Cho nên mưa rồi ở nơi núi trầm, mây khói bốc lên, chả phải là âm khí phát tiết hay sao ?

Gió là khí âm-dương va chạm, cuối mùa xuân đầu mùa hè, phong và hỏa va chạm nhau, xoay chuyển mà bốc lên mà ta gọi là gió lốc, như thế không phải là khí âm dương va chạm hay sao ?

Lại xem loài chim bay là đè khí mà đi lên, lá rụng mà đảo đi đảo lại rồi mới rơi xuống, cũng bởi khí vướng lại. Cho nên xem mây phải xem đến gió, xem gió không thể bỏ qua được khí của mây, mỗi khi xem khí của mây lại xem gió ứng về phương nào, là những phương tốt thì có sao Thiên-đức, nguyệt-đức, chi-đức, can-đức, sinh-khí. Là những phương xấu thì có hung-thần, tử-khí, tam-bình, lục-bại, là những phương tam-hợp, lục-hợp, sinh, khắc, suy, vượng, thái-tuế, không-vong để hiểu hết chứng triệu tốt hay xấu.

Tìm sách

Mục 4.— QUY-THỨC CỜ ĐONG GIÓ

(Hình vẽ số 1 đính cuối quyển)

Mục 5.— PHƯƠNG VỊ ĐỒ BẢN « THIÊN-NGHI »

(Hình vẽ số 2 đính cuối quyển)

Mục 6.— ĐÀI « KÍNH-THIÊN »

(Hình vẽ số 3 đính cuối quyển)

Mục 7.— PHÉP XEM

Theo đồ « KINH-THIÊN »

Phép kiến trúc kinh-thiên-đài : đắp một cái đài ở chỗ tịch mịch cao 12 trượng (theo về 12 Chi), chung quanh rộng 4 thước (theo 24 khí), trên đài đặt bàn thắp hương theo về Bắc-thần, ngảnh lưng về chữ Tý, mà ngảnh mặt về chữ Ngọ.

Ở giữa lập một tòa cẩm cờ để xem gió, cán cờ xem mùa xuân, mùa hạ cao 15 thước (mùa xuân, mùa hạ thời khí của gió trở đi trở lại) ; cán cờ để xem về mùa thu cao 20 thước (khí gió của mùa thu đi cao) ; cán cờ xem về mùa đông cao 10 thước (khí gió mùa đông đi thấp), ở dưới cán cờ đặt một cây kim để định phương hướng. Trên mặt đài, chung quanh cẩm biển 12 giờ để rõ từng khu vực.

Hàng năm, cứ giờ dần ngày mồng một tháng Giêng, người xem ăn chay tắm gội trèo lên đài đốt hương rồi lùi ra đứng ở giữa xem khí mây ở năm phương, thấy mây ở phương nào ? hoặc nhiều về phương nào ? đầu về phương nào ? đuôi về phương nào ? (chỗ mây to mà

Tìm Sách

dầy là đầu, chỗ mây nhỏ mà thưa là đuôi). Lại xem khí sắc như thế nào mây thưa mà nhẹ hay là mây kín đặc.

Rồi xem đến cờ đong gió bay xuôi về phương nào ? là gió từ phương kia lại , gió ấy là phương đức-hợp khí hay là phương hình, hại, xung, khắc, hoặc về phương thái-tuế, rồi hợp với phương khí mây bốc lên là sinh, khắc, suy, vượng như thế nào ? để xem tốt xấu, hoặc trong tốt mà có xấu, hay là trong xấu mà có tốt, hoặc tốt là sinh hợp mà lại tốt hơn, xấu là hình khắc mà lại xấu hơn, ứng với xa gần, xem xong thắp hương mà lui xuống.

Mục 8.— PHÉP ĐOÁN

Trông mây thấy khí xanh là phong, thấy khi đỏ là nhiệt, thấy khí vàng là thấp, thấy khi đen là hàn, thấy khí trắng là ráo, nếu khí nọ lại có kèm khí kia thời nên xem khí nào nhiều hơn và khí nào kém, như thế là đại-cương mà thôi.

— Trước hết ta xem khí của mây hiện ở phương nào và mầu sắc gì để rõ sinh và khắc (như sắc vàng mà hiện ở phương tý là khí khác với phương, nghĩa là sắc vàng là thổ mà phương tý là thủy, như vậy phương ấy có nhiều tật dịch).

— Thứ hai xem đến phương ấy xấu tốt thế nào để chế hóa (như phương ấy được sinh khí lại gặp *thừa, vượng, tướng*) thời sao thiên-đức là tốt ở trong xấu thì tai ách ấy sẽ lui. Nếu phương ấy có bệnh-thần, tử-thần thì là trong xấu lại gặp xấu, thời tật dịch càng nhiều.

— Thứ ba xem đến trong giờ ấy có gió từ phương

Tìm sách

nào lại để giải cứu đi không ? (nếu giờ ấy thấy gió từ phương ngọ đến thì là hỏa-phong, hỏa sinh ra thổ, Ngọ lại xung Tý thời là xấu thêm. Nếu gió từ trung-ương lại thời là phong của hành kim. là vợi khí của mây đi, ma sinh ở phương tý là thân và tý hợp nhau. thời tật dịch sẽ giải đi.

— Thứ tư xem đến thái-tuế (là năm ấy) cùng với khí mây ở phương ấy thời sinh khắc tốt xấu như thế nào ? (như xem về năm mão thời tý là hành thủy sinh ra mão là hành mộc, thế là phương ấy đã có chứng triệu hao tán rồi, tuy mão là mộc khắc hoàng sắc là hành thổ, nhưng mão với tý có tam-hình,thời không giải được hung, dù có ý đến giải nhưng không thực tâm lại cứu. Như xem vào năm Dậu, thời thái-tuế tiết mất khí mây mà sinh phương tý, thế là cứu được tai ương trong phương ấy.

— Thứ năm xem xa hay gần mà về phương nào, tháng nào, ngay nào, giờ nao, (như sắc vàng ứng về phương thổ, tháng thổ, ngày thổ, giờ thổ, nếu phương tý suy thời phương tý thụ hại về tháng thủy, ngày thủy, giờ thủy, xa thời ứng ở 12 khu vực, gần thời ứng ở trong vòng nghìn dặm hoặc ứng về ngày, về giờ).

— Sau cùng lại xem ngày hôm ấy mà suốt ngày gió mát, trời quang, thời là điềm hay thôi không phải truy cứu. Trái lại, trên trời có sắc đỏ nhờ, sắc vàng nhờ hay là hơi có dáng thì cũng là điềm tốt vì có mây lành thời năm ấy không những vạn vật được yên lại thêm cảnh được mùa.

Nếu hôm xem ấy mà suốt ngày gió lạnh, mưa rầm,

Tìm sách

thời là điềm xấu, dẫu có sao thiên-đức, nguyệt-đức hay là thái-tuế hợp cũng là vô dụng.

Hơn nữa, về sắc mây xạm như màu của sắc (?), thời năm ấy không những dịch lệ, tai ương mà còn có binh đao.

Như trên thời tốt hay xấu phải tiềm tâm suy nghĩ, nếu trong 3 ngày cũng tựa như ngày mình xem thời tốt xấu thực nghiệm. Trái lại trong 3 ngày mà có 1 trận mưa to gió lớn, thời tốt không ra tốt, xấu không ra xấu, mà thành ra không-vong.

Mục 9.— XEM GIỜ TỐT XẤU

Sao Thiên-đức : Ngày giáp, ngày ất thời ở giờ Hợi, ngày bính, ngày đinh thời ở giờ Dần, ngày mậu, ngày kỷ thời ở giờ Tỵ, ngày nhâm, ngày quý thời ở giờ Thân, ngày canh, ngày tân thời ở giờ Thìn, giờ Tuất, giờ Sửu, giờ Mùi.

Sao Niên-đức : Ngày Tý, ngày Hợi thời ở giờ Dần, giờ Mão ; ngày Dần, ngày Mão thời ở giờ Tý giờ Hợi ; ngày Tỵ, ngày Ngọ thời ở giờ Thân giờ Dậu ; ngày Thân, ngay Dậu thời ở giờ Tỵ, giờ Ngọ ; ngày Thìn ; ngày Tuất thời ở giờ Sửu, giờ Mùi, ngày Sửu ngày Mùi thời ở giờ Thìn, giờ Tuất,

Sao Can-đức : Ngày giáp, ngày kỷ thời ở giờ Dần, ngày ất, ngày canh thời ở giờ Thân, ngày mậu, ngày quý thời ở giờ Thìn, ngày bính, ngày tân thời ở giờ Tỵ, ngày đinh, ngày nhâm thời ở giờ Hợi.

Tìm sách

Sao Chi-đức : Ngày Tý thời ở giờ Giáp, ngày Sửu thời ở giờ Tỵ, ngày Dần thời ở giờ Bính, ngày Mão thời ở giờ Quý, ngày Thìn thời ở giờ Mậu, ngày Tỵ thời ở giờ Đinh, ngày Ngọ thời ở giờ Canh, ngày Mùi thời ở giờ Ất, ngày Thân thời ở giờ Nhâm, ngày Dậu thời ở giờ Tân, ngày Tuất thời ở giờ Canh, ngày Hợi thời ở giờ Kỷ.

Sao Sinh-khí Ngày giáp ngày ất thời ở giờ hợi, ngày bính, ngày đinh thời ở giờ dần, ngày canh, ngày tân ở giờ sửu, ngày mậu, ngày kỷ, ngày nhâm, ngày qúy thời ở giờ thân.

Ngày tam-hợp: Ngày thân, ngày tý, ngày thìn thì hợp với nhau, ngày dần, ngày ngọ, ngày tuất thì hợp với nhau, ngày tỵ, ngày dậu, ngày sửu thì hợp với nhau, ngày hợi, ngày mão, ngày mùi thì hợp với nhau.

Ngày lục-hợp: Tý hợp với sửu, hợi hợp với dần, tuất hợp với mão, dậu hợp với thìn, thân hợp với tỵ, ngọ hợp với mùi.

Ngày bệnh-thần : Ngày giáp, ngày ất thời ở giờ ngọ, ngày bính ngày đinh thời ở giờ thân, ngày canh ngày tân thời ở giờ hợi, ngày mậu, ngày kỷ, ngày nhâm, ngày quý thời ở giờ dần.

Ngày tử-khí : Ngày giáp, ngày ất thời ở giờ mùi, ngày bính, ngày đinh thời ở giờ dậu, ngày canh, ngày tân thời ở giờ tý, ngày mậu, ngày kỷ, ngày nhâm, ngày qúy thời ở giờ mão.

Tam-hình: Dần thời hình tỵ, tỵ thời hình thân, giáp thời hình canh, tý thời hình mão, mão thời hình tý, sửu

Tìm Sách

thời hình tuất, tuất thời hình mùi, thìn ngọ dậu hợi là tự hình (hình là giết nhau tệ hơn khác và hại, đây là kể cả ngày và giờ).

Sinh và khắc: Hành kim sinh hành thủy, hành thủy sinh hành mộc, hành mộc sinh hành hỏa, hành hỏa sinh hành thổ, hành thổ sinh hành kim. Hành kim khắc hành mộc, hành mộc khắc hành thổ, hành thổ khắc hành thủy, hành thủy khắc hành hỏa, hành hỏa khắc hành kim.

Suy vượng: Giữ nguyên thời gọi là vượng, mất quyền thì gọi là suy, như mùa xuân thời hành mộc đương quyền là vượng, hành thủy sinh hành mộc là suy, ngoài ra lấy thế mà suy.

Ví như năm giáp-tý là hành kim, tháng giêng là tháng bính-dần là hành hỏa, ngày mồng một là ngày ất-mão là hành mộc, giờ mậu-dần là hành thổ, mà chợt thấy phương mão là hành mộc, có một đám mây đầu về phương tý là hành thủy mà đuôi về phương ngọ là hành hỏa, mây ấy sắc trắng là hành kim, lại kèm sắc xanh là có sát khí.

Bấy giờ trên trời lại thấy gió từ phương dậu đến, tiếng gió gào gầm bi thảm làm sởn cả lông, tóc, thì ta đoán rằng: phương mão dù có sao thiên-đức và niên-vượng (năm tý sao đức ở hành mão, năm tý thời hành thủy vượng) thái-tuế thời sinh ra mão-mộc là có ba điềm tốt, nhưng khí mây là hình hành thổ, sắc trắng mà kèm xanh mà về tháng bính thời bệnh-thần ở thân, tử khí ở dậu (sắc trắng thuộc về thân, dậu) đến khắc phương mão, thêm có chứng triệu ai thảm, mà thái-tuế hình khắc đến phương mão, những điềm xấu như thế thời dù có ba điềm

TimSách

tốt cũng không cứu được, như thế đủ rõ là mất mùa, mà tật dịch chết nhiều.

Còn như mùa Hạ hành hỏa vượng hành mộc suy thời gần ra cũng ứng trong nghìn dặm, các năm, tháng, ngày giờ khác cũng đem thế mà suy ra. Sách « Kính-thiên » nói : « Kín lại mới là mây mà thưa là khí, dù mây thưa mà bay cũng gọi là du-vân, mây kín lại mà thanh đạm cũng gọi là khí (thanh đạm là không tối tăm mà nhẹ).

Mục 10.— HÌNH ĐỒ SỐ 4 ĐỂ XEM TỨ THỜI BÁT PHONG

— Phương nam là quẻ ly, phương bắc là quẻ kiền quẻ khảm

— Phương đông là quẻ cấn, quẻ chấn, phương tây là quẻ khôn quẻ đoài.

(Hình vẽ số 4 đính cuối quyển)

Mục 11.— PHÉP XEM

Xem gió ở tám phương mà gọi là phong-giác vì chữ giác là về góc nào. Nếu góc nào chợt có gió trái mùa, tiếng gió có sát khí, lông tóc rởn lên, thời xem gió ấy khởi lên từ phương nào, không cứ năm, tháng, ngày, giờ, trước hết xem bấy giờ khí mây ở trên trời thế nào, dù đêm hay ngày trời quang mà gió tốt là trùng-cát (tốt gấp lên) thời dù gặp gió dữ cũng có thể cứu được.

Nếu bấy giờ mà khí trời râm tối ảm-đạm, thời dù gặp gió tốt cũng xấu.

TimSách

Còn như mưa thời không cứ phương nào, không thấy có vẻ mây mưa mà chợt có gió, gió to ầm ầm bay cả cát sỏi, thời gọi là *quỷ-sầu-phong* hướng về phương nào là có đao-binh dịch-lệ, người gặp gió ấy phần nhiều chợt ngã ra mà chết ngay.

Nếu tiếng gió như có vẻ múa-may đàn-hát, hoặc như tiếng xe ngựa, hoặc như vẻ thương khóc, hoặc như tiếng giận dữ quát mắng, hoặc như tiếng đấu tranh, nhân đó mà luận cát hung. Đến như gió đi nhanh hay chậm, đi xa hay gần, thời đoán về nhật kỳ xa gần lại khắc là xấu, tương sinh là tốt, và gió ấy đến nơi nào hay hướng về phương nào thời phương ấy nơi ấy đều gặp họa.

Phép đoán : Bài « phú phong-giác » có câu : « Phải biết sự biến hóa của trời đất và xem kỹ sách dạy về gió ». Lại có câu : « Nếu biết chiêm nghiệm về gió, có thể đem quân đánh giặc giúp nước yên dân, kém ra thời biết tốt xấu để lui tới ». Lại nói : « cần biết hợp hay trái về bốn mùa để định gió mây về tám phương ».

Mục 12.— XEM TÁM CHIỀU GIÓ VỀ BỐN MÙA

Mùa Xuân : Gió từ phương kiền thời nhân dân ốm, gió từ phương khảm lại tệ hơn, gió từ phương cấn có tai biến, gió từ phương chấn hoa cỏ tốt, gió từ phương tốn thời được mùa, gió từ phương ly thời mất mùa, gió từ phương khôn thời mưa thuận, gió từ phương đoài thời làm ruộng vất vả.

Mùa Hạ : Gió từ phương kiền thời lục súc tổn, gió từ phương khảm thời đau ốm, gió từ phương cấn thời

TimSách

đại hạn, gió từ phương chấn thời tật dịch, gió từ phương tốn thì hoa quả tốt, gió từ phương ly thời tật ách nhiều, gió từ phương khôn thì hoa quả ít, gió từ phương đoài thì mất mùa.

Mùa Thu : Gió từ phương kiền thời cây cỏ tốt, gió từ phương khảm thì lục súc hại, gió từ phương cấn thời loài chim bị hại, gió từ phương chấn thời lục súc bị hại, gió từ phương tốn thời tật dịch, gió từ phương ly thời bất tường, gió từ phương khôn thời tật dịch dữ dội, gió từ phương đoài thời cỏ cây chết.

Mùa Đông : Gió từ phương kiền thời được mùa, gió từ phương khảm thời tật dịch, gió từ phương cấn thời trâu dê chết, gió từ phương chấn thời dịch lệ, gió từ phương tốn thời trâu dê chết, gió từ phương ly thời tật dịch, gió từ phương khôn thời lục súc chết, gió từ phương đoài thời sương tuyết nhiều.

CHÚ GIẢI : Trên đây là thơ 5 chữ một can, nhưng tôi dịch ra văn xuôi cho được dễ hiểu hơn.

Mục 13.— XEM VỀ BÁT PHONG

(Theo sách Linh-Khu)

Ngày hạ-chí : Gió từ phương nam là gió của quẻ ly thời gọi là *thái-nhược-phong* sinh ra những bệnh ở tạng tâm, và ở mạch, mà khí thời nhiệt (thái nhược nghĩa là yếu lắm).

Ngày lập-thu : Gió từ tây-nam là ở cung khôn, thời gọi là *môi-phong*, thành những bệnh ở tạng tỳ ở cơ-nhục mà về khí thơi yếu (môi-phong là gió liên lạc).

Tìm sách

Ngày thu-phân : Gió từ phương tây lại là gió ở cung đoài, thời gọi là *cương-phong*, phát ra những bệnh về tạng phế và bì-phu, mà về khí thời ráo (cương-phong là gió cương cưởng).

Ngày lập-đông : Gió từ phương tây-bắc lại là gió từ cung kiền, gọi là *chiết-phong* phát ra những bệnh ở tiểu-tràng, ở tay, mạch kinh thái-dương mạnh thời rản ra, hay là mạch kết thời không thông, mà thành những bệnh chóng chết (chiết-phong là gió bẻ gẫy).

Ngày đông-chí : Gió từ đông-bắc lại là từ cung khảm, thời gọi là *thái-cương-phong*, phát ra những bệnh ở xương, ở vai, lưng và gần cánh tay, mà khí thời hàn (thái cương là cương lắm).

Ngày lập-xuân : Gió từ phương đông-bắc lại là gió ở cung cấn, gọi là *hung-phong*, phát ra những bệnh ở đại-tràng, ở cạnh-sườn, ở dưới xương nách và đốt xương (hung phong là gió xấu).

Ngày lập-Hạ : Gió từ phương đông-nam lại tức là gió ở cung tốn gọi là *nhược-phong*, phát ra những bệnh ở dạ-dày, ở thớ thịt, mà khí thời nặng mình (nhược phong là gió yếu).

Ngày xuân-phân : Gió từ phương đông lại là gió ở cung chấn, gọi là *anh-nhi-phong*, phát ra những bệnh ở tạng can ở gân, mà khí thời hàn.

Như trên là bát phong, bậc thánh-nhân tránh đi như thể tên đạn (anh-nhi phong nghĩa là gió non nớt như thể trẻ em).

Tìm sách

Mục 14.— XEM VỀ TẶC-PHONG (gió làm hại)

Thí dụ: Là tháng dần hay mão thuộc hành mộc, mà gió từ phương tây lại (thuộc hành kim), thế là hành kim xung đối mà khắc hành mộc.

Là tháng tỵ và tháng ngọ thuộc về hành hỏa, mà gió từ phương bắc đến (thuộc hành thủy), thế là thủy xung đối mà khắc hành hỏa.

Là tháng thân hay tháng dậu thuộc hành kim, mà gió từ phương nam lại thuộc hành hỏa, thế là hành hỏa xung đối khắc hành kim.

Là tháng thìn, tháng tuất, tháng sửu, tháng mùi thuộc về hành thổ, mà gió từ phương đông lại, (thuộc hành mộc), thế là hành mộc xung đối khắc hành thổ.

Là tháng hợi, tháng tý thuộc hành thủy, mà gió từ phương nam lại, (thuộc hành hỏa), thế là hành thủy xung đối khắc hành hỏa mà hành hỏa lại thắng.

Là tháng dậu thuộc hành kim, mà gió từ phương đông lại, (thuộc hành mộc), là hành kim xung đối khắc hành mộc, mà hành mộc lại thắng.

Như trên đều là gió có hại, ta phải nên tránh.

Mục 15.— PHÉP XEM CỬU-CUNG VÀ BÁT-PHONG

Thiên bát phong ở sách *Kim-Quỹ* có nói: « Sao Thái-nhất hàng năm cứ ngày đông-chí là ở cung hiệp-trập, cách 46 ngày thời ngày hôm sau ở cung thiên-lưu, lại cách 46 ngày thời ngày hôm sau ở cung thương-môn, lại cách

Tìm sách

46 ngày thời ngày hôm sau ở cung âm-lạc, lại cách 45 ngày thời ngày hôm sau ở vào thiên-cung, lại cách 46 ngày thời ngày hôm sau ở cung huyền-ủy, lại cách 46 ngày thời hôm sau ở cung tân-lạc, lại cách 45 ngày thời hôm sau ở cung hiệp-trập là hôm đông-chí. Thế là hết lượt lại trở lại.

Những ngày sao Thái-nhất ở cung nọ sang cung kia, thời trời có gió mưa. Ngày hôm ấy mà có gió mưa thời tốt, năm ấy dân yên ít đau ốm, nếu trước hôm ấy mà có gió mưa thời năm ấy nhiều gió, sau hôm ấy mới có gió mưa thời năm ấy đại hạn nhiều.

Sao Thái-nhất vào hôm đông-chí mà có biến là vua có việc gì, vào hôm xuân-phân mà có biến là tướng có việc gì. Vào ngày cung-trung (1) mà có biến là bách quan có việc gì. Vào ngày thu (2) mà có biến là quan tướng võ có việc gì, vào ngày hạ-chí mà có biến là dân chúng có việc gì — có biến là ngày hôm ấy gió to gẫy cây, bay sỏi cát.

CHÚ-GIẢI :

(1) Ngày cung-trung không rõ là nghĩa gì.

(2) Ngày thu không rõ là ngày lập thu hay thu-phân vì bản chính viết mất chữ.

Lại lấy sở chủ để xem quý hay hèn, xem gió từ phương nào đến, gió từ chỗ sở cứ mà đến là thực-phong, chủ sinh dưỡng được muôn vật. Gió từ chỗ xung mà đến là hư-phong thời hại người chủ về sát và hại.

Tôi xét phép xem cửu cung ở sách *đại-thống-lịch* phối hợp với số *cửu-diệu* và sách *thái-ất* để thành phép tính

Tìm sách

ngày *kỷ-môn đôn-giáp* từ chỗ khởi và siêu-tiếp (?) thời việc xem là ứng rất có hệ trọng. Như sao thái-nhất là nhật tuần của mặt trời thái-dương, nhà lục-nhâm cho là ngày tuyệt-tương, từ trước tiết đông-chí một hôm, bắt đầu di hành 9 cung, từ cung hiệp-trập đến cung tâm-lạc, đi khắp 24 khí hậu để khắp một năm, rồi cũng lại khởi từ ngày đông-chí. Ngày nào khởi từ cung nọ sang cung kia, không những trong nước có điềm lành điềm dữ, hành quân đánh giặc rất có linh nghiệm. Như sao thái-nhất ở năm cung cần về những ngày đông-chí, xuân-phân, thu phân, hạ-chí, nhà làm lịch cho là tứ tuyệt, vì là giờ âm dương giao hội là chứng triệu tốt xấu.

Mục 16.— XEM VỀ CỬU CUNG, BÁT PHONG

Hình đồ số 5, số 6 (đính cuối quyển)

Mục 17.— NÓI VỀ CHỦ-VẬN

Ngũ-vận tức là ngũ hành, ngũ vận là thể mà ngũ hành là dụng. Hành mộc nghĩa là chạm vào, khí dương chạm xuống đất mà sinh ra, về quẻ thời thuộc về khúc-trực (cây cong hay thẳng).

— Hành hỏa nghĩa là hóa, có nóng mới hóa sinh được vạn vật, về quẻ thời thuộc về viêm-thượng (bốc trở lên).

— Hành kim nghĩa là cấm để chính cho muôn vật, về quẻ thời thuộc về tùng-cách (theo cũ hay đổi cũ).

— Hành thủy nghĩa là nhuận để nuôi muôn vật, về quẻ thời thuộc về nhuận-hạ (nhuận trở xuống).

— Hành thổ nghĩa là thổ ra để ngậm hay thổ ra muôn

Tìm sách

vật, muôn vật sắp sinh thời ra, sắp chết thời về, về quẻ thời thuộc về giá-sắc (cày cấy).

Vì trời đem ngũ hành để dùng 5 thức ăn rồi sinh ra rét, nắng, ráo, ướt, gió. Người ta có ngũ tạng để hóa ngũ khí mà sinh ra mừng, giận, lo, nghĩ, sợ, thế mới biết không gì ở ngoài lý của ngũ hành.

Mục 18.— PHÉP LẬP CHỦ-VẬN

— Tiết đại-hàn là vận hành mộc

— Trước thanh-minh ba hôm là vận hành hỏa

— Sau tiết mang-thực ba hôm là vận hành thổ

— Sau tiết lập-thu sáu hôm là vận hành kim

— Sau tiết lập-đông chín hôm là vận hành thủy

Như trên hết rồi lại vòng trở lại.

— Hàng năm tiết đại-hàn là mộc vận thứ nhất

— Trước tiết thanh-minh ba hôm trở đi là hỏa vận thứ hai.

— Sau tiết mang-thực ba hôm là thổ vận thứ ba.

— Sau tiết lập-thu sáu hôm trở đi là kim vận thứ tư.

— Sau tiết lập-đông chín hôm trở đi là thủy vận thứ năm, năm nào cũng vậy.

Mục 19.— PHÉP ĐOÁN CHỦ VẬN

Tóm lại, ngũ vận là lẽ bất dịch, mùa xuân ấm, mùa hạ nắng, mùa thu mát, mùa đông lạnh. Phong thời động,

TimSách

hỏa thời ôn, nắng thời bốc lên, ẩm-thấp thời nhuận xuống, ráo thời khô đi, rét thời rắn lại, thế là chính khí của trời đất. Nhưng khách-khí lại thêm vào trên chủ khí (như khách-khí là vận hành hỏa, chủ khí là vận hành mộc, thế là chủ-khí sinh ra khách-khí) như vậy là khí trời bất tề mà người nhiều tật bệnh.

Nếu thấy tư-thiên lại khắc chủ-vận là thuận, mà khách-khí lại khắc chủ-vận thời không thuận. Phép chữa bệnh thuận thời theo, nghịch là trái thời dẹp đi, đừng hại đến hỏa khí của trời mới là chính đạo, ví như : chủ-vận là hành mộc ở năm mão mà xem năm mão là tư-thiên táo-kim, thế là tư-thiên khắc chủ-vận.

Nếu chủ-vận là hành mộc mà xem về năm mùi, thời mùi là tư-thiên thấp-thổ, thế là chủ-vận khắc tư-thiên. Nếu chủ-vận là hành mộc mà xem về năm dậu, thời dậu là khách-khí táo-kim, thế là khách-khí khắc chủ-vận. Nếu chủ vận là hành thủy mà xem về năm sửu, thời sửu là khách-khí thấp-thổ, thế là chủ-vận khắc khách-khí, các năm khác cũng theo như thế.

Mục 20.— ĐỒ BẢN CHỦ-KHÍ SỐ 7 (đính cuối quyển)

Mục 21.— NÓI VỀ CHỦ-KHÍ

Chủ khí tức là lục khí. Người ta có lục phủ để ứng với lục khí. Chính-khí của người suy kém thời tà-khí vượng lên. Lục khí là phong, hàn, thử, thấp, táo hỏa. Hành mộc hóa ra phong chủ về mùa xuân, có khí dương cổ võ. Quân-hỏa hoa ra nhiệt chủ về cuối mùa xuân đầu mùa hạ. Tướng-hỏa chủ về mùa hạ mà oi bức nhiều.

Tìm sách

Hành kim hóa ra táo là bình phụ (?) vì có hỏa khí cho nên táo. Hành thủy hóa ra hàn, hành thổ hóa ra thấp, vì thấp thời hành thổ mới sinh mà hàn thời hành thổ chết. Suối ở trong đất là thấp hóa ra phong. Cho nên thần ở trời là phong, ở đất là thủy, ở người là giận dữ. Thần ở trời là nhiệt, ở đất là hỏa, ở người là mừng. Thần ở trời là thấp khí, ở đất là thổ, ở người là nghĩ ngợi. Thần ở trời là táo, ở đất là kim, ở người là lo. Thần ở trời là hàn, ở đất là thủy, ở người là sợ. Hàn thử đều có nơi, phải địa vị thời là chính, không phải địa vị thời là tà.

Mục 21bis.— PHÉP LẬP CHỦ-KHÍ

Tiết đại-hàn thuộc kinh quyết-âm là *khí bắt đầu*. Tiết xuân-phân là quân-hỏa đứng vào *thứ hai*. Tiết tiểu-mãn là kinh thiếu-dương đứng vào *thứ ba*. Tiết đại-thử là kinh thái-âm đứng vào *thứ tư*. Tiết thu-phân là kinh dương-minh đứng vào *thứ năm*. Tiết tiểu-tuyết là kinh thái-dương đứng vào *thứ sáu*.

Hàng năm từ tiết đại-hàn đến tiết kinh-trập là *mộc khí thứ nhất*. Từ tiết xuân-phân trở đi là *hỏa khí thứ* hai. Từ tiết tiểu-mãn trở đi là *hỏa khí thứ ba*. Từ tiết đại-thử trở đi là *thổ khí thứ tư*. Từ tiết thu-phân trở đi là *kim khí thứ năm*. Từ tiết tiểu-tuyết trở đi là *thủy khí thứ sáu*, rồi lại vòng trở lại, năm nào cũng như thế.

Mục 22.— PHÉP ĐOÁN CHỦ-KHÍ

Chủ-khí để phụng cho khách-khí, khách-khí hơn chủ thời là tòng, chủ hơn khách thời là nghịch, hai điều ấy chỉ có thắng mà không có phục (phục là phục thù).

Tìm sách

Chủ thắng thì dẹp chủ đi mà bồi bổ cho khách, khách thắng thì dẹp khách đi mà bồi bổ cho chủ, vì thế chủ khí lâm vào dưới khách-khí thì thời tiết không được quân bình mà người sanh tật bệnh.

Ví như năm thìn năm tuất, khách-khí lúc đầu là thiếu dương tướng-hỏa, thêm chủ-khí là kinh quyết-âm phong mộc. Khách-khí thứ hai là kinh dương-minh lại ráo mà thuộc về hành kim, thêm chủ-khí là kinh thiếu-âm quân-hỏa. Khách khí thứ ba là kinh thái-dương lại hàn thuộc về hành thủy, thêm chủ-khí là kinh thiếu-dương tướng-hỏa. Khách-khí thứ tư là kinh quyết-âm phong-mộc, thêm chủ-khi là kinh thái-âm thấp-thổ. Xem 2 năm để suy ra năm khác.

Chữ lâm là lâm vào, là con ở trên, mẹ ở dưới, như là hành mộc sinh ra hành hỏa, cha lại ở trên mà con lại ở dưới.

Chủ thắng thì nghịch, khách thắng thời tòng, bệnh nghịch thời chữa đường thẳng, tòng thì chữa trái đi, chữa theo đường thẳng là chính-trị, theo với bệnh mà chữa là nhản-trị.

Không phục thù là « vô phục », là nghĩa mạnh quá thì hại, thừa để dẹp đi.

CHÚ GIẢI: hai chữ chính-trị và phản trị đã giải rõ ở quyển Nội-kinh và quyển quan-miện, đại khái bệnh nhiệt mà chữa bằng thuốc hàn hay bệnh hàn mà chữa bằng thuốc nhiệt là chữa ngược đi tức là nghịch-trị, chữa như vậy là đường thẳng nên cũng gọi là chính-trị. Còn như bệnh nhiệt mà lại chữa bằng thuốc nhiệt, bệnh hàn mà

Tìm sách

lại chữa bằng thuốc hàn, thế là tòng-trị nghĩa là lựa theo với bệnh mà chữa. Như vậy là chữa phản lại với lối thường nên cũng gọi là phản-trị.

Mục 23.— HÌNH-ĐỒ CHỦ-VẬN 60 NĂM

(xem từ bản đồ số 8 đến số 17 đính cuối quyển)

Mục 24.— NÓI VỀ KHÁCH VẬN

Âm dương ngũ hành tính lưu đi là thập can, cho nên mỗi năm thay đổi vận theo thứ tự là khách-vận. Thiên can có mười phối hợp với nhau mà chia ra ngũ vận. Nói về phương vị anh em và âm dương của thập can, thời giáp là dương là anh, ất là âm là em, địa vị ở về phương đông thuộc quẻ chấn, quẻ tốn, và hành mộc. Bính là dương là anh, đinh là âm là em, địa vị ở về phương nam thuộc về quẻ ly, hành hỏa. Mậu là dương là anh, kỷ là âm là em, địa vị ở về trung-ương thuộc về quẻ cấn quẻ khôn và hành thổ. Canh là dương là anh, tân là âm là em, địa vị ở về phương tây, thuộc quẻ kiền, quẻ đoài và hành kim. Nhâm là dương là anh, quý là âm là em, địa vị ở về phương bắc là quẻ khảm và hành thủy.

Gọi là giáp là đầu mùa xuân cỏ cây mới mọc mầm, gọi là ất là khí dương còn ẩn khuất, gọi là bính là vạn vật đã rõ ràng, gọi là đinh là dương mà mạnh, gọi là mậu là dương-thổ, vạn vật sinh ra và hoại đi, gọi là kỷ là âm thổ không làm gì để mà được riêng cho mình, gọi là canh là dương canh mà bao gồm, gọi là tân là khí âm cực mà sắp đổi mới, gọi là nhâm là khí dương đã sinh như người có

TimSách

nhâm-thần (có thai), gọi là quý là vạn vật chứa lại rồi sắp phát sinh, như trên là huyền bí của trời đất.

Mục 25.— PHÉP LẬP KHÁCH-VẬN

(Trích ở thiên Âm-Dương trong sách « *Tam-Tài bt-chỉ* »)

Giáp và kỷ hợp nhau mà hóa hành thổ. Ất và canh hợp nhau mà hóa hành kim. Bính và tân hợp nhau mà hóa hành thủy. Đinh và nhâm hợp nhau mà hóa hành mộc. Mậu và quý hợp nhau mà hóa hành hỏa. Nhà làm lịch cũng lấy vượng số của sinh thành mà cho số trưởng-nam là nguyệt-kiến, vì thế thơ « ngũ-hồ » cho số trưởng nam là chính nguyệt kiến (tháng giêng).

CHÚ THÍCH: Soạn giả theo nghĩa vợ chồng phối hợp, con cháu sinh thành thời giáp là chồng, kỷ là vợ, vượng ở dần mới sinh ra dương-hỏa là bính, bính là trưởng-nam, hỏa sinh ra thổ, thổ là trưởng-tôn, cho nên thổ thành ra khách-vận giáp-kỷ, thế là giáp và kỷ hợp mà hóa hành thổ.

Canh là chồng mà ất là vợ, vượng ở kỷ, mới sinh ra dương-thổ là Mậu, Mậu là trưởng-nam, thổ sinh ra kim, kim là trưởng-tôn, cho nên hành kim thành ra vận Ất Canh, đó là Ất và Canh hợp mà hóa hành kim.

Bính là chồng mà tân là vợ, vượng ở Sửu, mới sinh ra dương-kim là Canh, canh là trưởng-nam, kim sinh ra thủy, thủy là trưởng-tôn, cho nên thủy thành ra vận bính-tân, thế là Bính và Tân hợp là hóa hành thủy.

Đinh là chồng, nhâm là vợ, vượng ở hợi, mới sinh ra dương-mộc là Giáp, Giáp là trưởng-nam, hành mộc sinh

TimSách

ra hành hỏa thời hành hỏa là trưởng-tôn, cho nên hỏa thành ra vận đinh-nhâm, thế là Đinh và Nhâm, hợp mà hóa hành mộc.

Mậu là chồng quý là vợ, vượng ở mùi, mới sinh ra dương-thủy là nhâm, nhâm là trưởng-nam, thủy sinh ra mộc, thời mộc là trưởng-tôn, cho nên mộc thành ra vận mậu-quý, thế mậu và quý hợp lại mà hóa hành hỏa.

Ví như năm Giáp và năm Kỷ, tháng giêng là tháng bính-dần, bính hỏa sinh ra thổ, cho nên thổ-vận là Ất-Canh. Năm nào tháng giêng là mậu-dần, thời mậu thổ sinh ra kim, cho nên kim vận là bính-tân. Năm nào tháng giêng là Canh-dần thời canh kim sinh ra thủy, cho nên thủy vận là đinh-nhâm. Năm nào tháng giêng là nhâm-dần, thời nhâm thủy sinh ra mộc, cho nên mộc vận là Mậu-Quý. Năm nào tháng giêng là Giáp-Dần thời Giáp-mộc sinh ra hỏa, cho nên hỏa vận là... (chữ hán thiếu hai chữ).

Thơ ngũ hóa 4 câu như sau:

Giáp-kỷ hóa Thổ Ất-canh kim
Đinh, nhâm mộc vị tậu thành lâm,
Bính, Tân tiên thị tràng-lưu-thủy
Mậu, Quý ly cung hiệu viễn tâm.

Nghĩa là: Giáp-kỷ là hành thổ, Ất-canh là hành kim, Đinh-nhâm là hành mộc, Bính-tân là hành thủy, Mậu-quý là hành hỏa...

Năm Giáp và năm Kỷ là thổ-vận, năm Ất và năm Canh là kim-vận, năm Bính và năm Tân là thủy-vận, năm Đinh và năm Nhâm là mộc-vận, năm Mậu và năm Quý là hỏa-vận.

Trong một năm mỗi vận 72 ngày lẻ 5 khắc.

TimSách

Mục 26.— PHÉP ĐOÁN KHÁCH-VẬN

Phép này lấy Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm làm ngũ dương, mà Can là năm thái quá, gọi là tiên-thiên. Trước tiết đại-hàn 13 ngày tương giao về khí trong một năm. Lấy Ất, Đinh, Kỷ, Tân và Qúy làm ngũ Âm, mà Can là năm âm bất cập, gọi là hậu-thiên, sau tiết đại-hàn 13 ngày thời vận trong một năm tương giao.

Sáu năm có chữ Giáp : Vận của hành thổ thái quá thời mưa và thấp khí nhiều, chứng thấp sinh ra mà tạng thận là hành thủy chịu tà khí, phép chữa nên trừ thấp, bổ thận, ứng với người thời là bệnh trước hại tạng thận sau hại đến tỳ-vị, mạch suy, hành thổ thắng khắc hành thủy, nên nhiều chứng đau bụng, nặng mình, lạnh chân, bí-kết, người vàng, chân mỏi, chân tay kém cử động.

Sáu năm có chữ Ất : Kim vận bất cập thời hỏa khí lấn đi thành ra bệnh nhiệt, nên thanh phế giáng hỏa. Ứng với người thời là bệnh hành kim chịu tà khí của hành hỏa, hắt hơi, tiện huyết, đi cầu. Lại bệnh nhân về âm thịnh mà cách dưỡng trở lên, là hỏa không về chỗ thời đầu, óc, miệng, lưỡi thụ bệnh, và đau ở ngực.

Sáu năm Bính : Thủy vận thái quá thời hàn khí nhiều mà sinh ra bệnh hàn. Tạng tâm là hành hỏa chịu tà-khí, phép chữa phải trục hàn bổ tạng tâm. Ứng với người thời thành những bệnh người nóng, bụng phiền, kinh sợ, âm mạnh mà lạnh chân, nói mê, đau ở ngực, hơn nữa hành thủy tự sinh ra bệnh như bụng to ra, ống chân nề, suyễn ho, mồ-hôi trộm, sợ gió, âm thịnh thời dương suy, khắc đến tỳ thổ mà thành những chứng sôi bụng, đi cầu lỏng,

Tìm sách

ăn không tiêu, nếu hành thủy lấn hành thổ thời tạng tâm mất chức vụ ma thành chứng khát, chứng mụ người, bệnh về tạng tâm tạng phế yếu.

Sáu năm Đinh : Vận hành mộc bất cập thời khí hành kim lấn đi, hóa ra rào mà thành bệnh táo (là ráo). Phép chữa nên thanh táo bổ tạng can. Ứng với người thời thành những bệnh khắc hành mộc mà đau gân, đau bụng dưới, hành mộc mất chức vụ, không sinh ra hỏa mà thành những chứng như sôi bụng, đi cầu. Người hay ốm về các chứng chân tay liệt, chứng ung thư, chứng nề sũng.

Sáu năm Mậu : Vận hành hỏa thái quá thời khí nhiệt thịnh hành, mà sinh ra bệnh nhiệt, tạng phế là hành kim chịu tả khí, phép chữa nên giáng hỏa thanh phế. Ứng với người thành những bệnh sốt rét mà ho, đau bụng nhiệt, đau cạnh-sườn, vai lưng đau, người sốt đau xương. Năm ấy tạng tỳ hại trước, tạng tâm hại sau.

Sáu năm Kỷ : Vận của hành thổ bất cập thời khí của hành mộc lấn đi, mà bệnh về phong nhiều, phép chữa nên thêm tạng tỳ mà bình can mộc. Ứng với người thời thành những bệnh nặng mình, đầy ở ruột, thịt hay máy, người hay giận dữ, hành thổ yếu thời hành thủy không còn sợ gì.

Sáu năm Canh : Vận hành kim thái quá thời khí ráo lưu hành mà thành ra bệnh ráo. Tạng can là hành mộc chịu tả-khí, phép chữa phải nhuận ráo, bộ tạng can. Ứng với người thời thành những bệnh về gân, đau mắt, người ngứa, tai điếc, hơn nữa hại đến tạng phế mà thành chứng

Tìm sách

ho ngược lên, hay là đau ở vai mà hạ bộ dễ thụ bệnh. Tạng can hại trước, tạng tỳ hại sau.

Sáu năm Tân: Vận hành thủy bất cập thời khí của hành thổ vượng, hóa ra thấp khí mà thành ra thấp, phép chữa nên bổ thận trừ thấp. Ứng với người thời thành những bệnh về hạ-bộ hay là sắc mặt biến đổi, gân cốt co quắp, thịt máy, mắt mờ, phong ngứa, và đau bụng trên, bụng dưới.

Sáu năm Nhâm: Vận hành mộc thái quá thời phong khí nhiều, mà sinh ra chứng phong gió, tạng tỳ gặp tà-khí, phép chữa nên dẹp can-mộc để bổ tỳ. Ứng với người thời thành những bệnh tạng tỳ yếu, giận dữ nhiều và đau bụng, nửa năm sau mạch tạng tỳ « vi » thời bệnh càng tiến. Tạng tỳ hại trước, tạng can hại sau.

Sáu năm Quý: Vận hành hỏa bất cập thời khí hành thủy lấn mà vượng lên, mà thành ra chứng hàn, phép chữa nên bổ tạng tâm để trục hàn. Ứng với người thời thành những bệnh âm-tà mạnh mà khí tạng tâm thụ thương, gân không được nhẹ nhàng, vai lưng đau, mắt mờ, ngực và bụng không được nhẹ, cạnh-sườn với ngang lưng đau. Ứng với người thời thành những chứng lỏng phân, đầy bụng, không ăn, chân tay chợt co vào hay là mỏi và tê, chân không đứng vững.

Có sách nói như trên là khách-khí của tư-thiên đến khắc khách vận, thời năm ấy khí vận đều thuận, người và vạn vật an ninh ít bệnh. Nếu thấy khách-vận đến khắc khách-khí của tư-thiên, thời năm ấy khí vận trái nhau, người và vạn vật không yên mà nhiều bệnh, thuận

Tìm sách

thời ta theo, trái thời dẹp đi, chớ để hại hòa khí của trời.

Ví như năm Tý thời quân-hỏa (hỏa của tạng tâm) tư thiên, khắc vận của canh-kim, năm thìn thời khách khí là hàn thủy, khắc vận của mậu-hỏa, thế là vận của giáp-thổ khắc hàn-thủy tư-thiên của năm thìn, năm khác cũng vậy.

Mục 27.— HÌNH ĐỒ LẬP THÀNH KHÁCH-KHÍ HÀNG NĂM TRONG 60 NĂM GIÁP-TÝ

(Hình đồ số 18 đính cuối quyển)

(Xem năm Tý-Ngọ)

Năm Tý Ngọ: Thiếu-âm quân-hỏa tư thiên.
Dương-minh táo-kim tại tuyền.

Về mạch — hai bộ thốn không ứng với nam-chính, hai bộ xích không ứng với bắc-chính.

Về khí — thời vượng trong 60 ngày linh 87 khắc.

Năm Giáp-tý: Hành thổ thái quá, mưa nhiều, hành thủy thịnh, hành mộc lấn đi, thời gió to dữ dội.

Năm Canh-tý: Tam kim hợp, hành kim thái quá, mà quân-hỏa tư thiên đến hành phạt.

Năm Giáp-ngọ: Hành thổ chủ về thấp khí và mưa, hành thổ thái quá, thời phong mộc lấn đi, tiên thiên thái-cung.

Năm Canh-ngọ: Hành kim thịnh, hành mộc suy, cỏ cây khô héo, hành kim thịnh thời hành hỏa lấn đi. Tử thiên thái-dương.

Tìm sách

Năm Bính-tý : Thủy hàn làm chủ, tết nhiều, nửa năm về sau thời hành thủy khắc hành hỏa, người nhiều chứng nóng ở trong.

Năm Mậu-tý :

Năm Bính-ngọ : Tiên-thiên là thái-vũ, nửa năm về sau hành thủy khắc hành hỏa, người nhiều chứng nóng ở trong.

Năm Mậu-ngọ : Tiên-thiên là Thái-trung.

Năm Nhâm-tý :

Năm Nhâm-ngọ : Tiên-thiên là Thái-dốc.

Những năm trên về Sơ-khí : Năm đầu là kỷ-hợi, từ tiết đại-hàn trở về trước thời ấm, bấy giờ mới hàn, sâu ở dưới đất trước ấm mà bò lên thời bây giờ lại ẩn lấp xuống, bằng sương giáng xuống mà gió. Dương khí uất, sinh nhiều chứng về hàn. Cơ nhục, răng và ngang lưng đau. Đến đầu tháng ba sắp nóng bức, thành nhiều sang nhọt. Năm ấy thiên-âm quân-hỏa tư thiên, lại gặp chủ-khí thứ hai, mới thành những chứng ấy.

Khí thứ hai : Phong-mộc là khách mà thêm phong-hỏa là chủ, khí dương đi khắp mà nhiều gió, khi mùa xuân sinh mà vạn vật tươi tốt, quân hỏa chưa thịnh thì hàn khí thường đến, mộc và hỏa ưng với mùa mà dân khí hòa, thường có bệnh đái rắt, mắt mờ, mắt đỏ, vì khí uất ở trên mà nhiệt, quân-hỏa làm ra bệnh.

Khí thứ ba : Khách khí là quân-hỏa tư-thiên, thêm tướng-hỏa làm chủ, hỏa của trời lan rộng mà mọi loài nhiều và tốt, hỏa cực thời hành thủy phục thù. Nhiệt cực sinh ra hàn, hàn khí thường đến, hai hỏa rông rỡ mà thành

Tìm sách

chứng vì khí mà lạnh chân, đau bụng, nóng lạnh, ho suyễn, mắt đỏ.

Khí thứ tư : Thấp thổ thịnh quá mà nung nấu, thường mưa to, lúc rét lúc nóng, mà thành những chứng nóng lạnh, cuống họng khô, hoàng-đảm, lục huyết hay khát.

Khí thứ năm : Nắng đến hóa ra dương, muôn vật đều tốt mà người khoẻ, có lúc hàn, có lúc dương tà thắng lên mà thành ôn-bệnh.

Khí sau cùng : Kim là khách-khí thiên thủy, thủy là chủ, kim là chủ, thời tiết ráo, dư hỏa của ngũ hành cách ở trong, hàn khí đem lên thời mờ tối, thành chứng nề, chứng ho suyễn, chứng huyết và chứng về xương cốt.

Mục 28.— HÌNH ĐỒ SỐ 19 (đính sau quyển)

(xem năm Tỵ-Hợi)

Quyết-âm *phong-mộc tư thiên.*
Thiếu-dương tướng-hỏa tại tuyền.

Về mạch : bộ thốn bên phải không ứng với nam-chính, bộ xích bên trái không ứng với lẳ -chính.

Về khí : Chủ vượng 60 ngày linh 87 khắc rưỡi.

Năm Kỷ-tỵ : Ít mưa nhiều gió, hành kim phục thù. Năm ấy hành thổ yếu, hành mộc lấn đi, phong hỏa thịnh hành, hành mộc thịnh thời cỏ cây tốt nhưng ít quả, hành hỏa ở dưới. cho nên nước không thành băng.

Năm Kỷ-hợi : Sâu ở dưới đất trở lên, hỏa lấp ở dưới đất, cho nên không dùng được việc, mà khí hành

Tìm sách

kim không phục thù được, hành mộc chuyên chính — Hậu-thiên thiếu-cung.

Năm Tân-tỵ : Chủ hàn, hành thổ thắng thời mưa nhiều, hành mộc phục thù, chủ về gió.

Năm Tân-hợi : Hậu-thiên-thiếu-vũ.

Năm Quý-tỵ : Tam hỏa hợp, chủ về nhiệt, hành thủy thắng chủ về hàn.

Năm Quý-hợi : Hành thổ phục thù, chủ về mưa. Hậu thiên thiếu chưng.

Năm Ất-tỵ : Hành kim yếu, hành hỏa lấn đi, hành hỏa bốc lên, hành kim không thắng hành mộc, cỏ cây xanh tốt, đến khi có khí mùa thu, thời không được mùa, hành hỏa vượng, hành thủy phục thù thời mưa rét nhiều, vạn vật tai ương, thêm băng tuyết, mưa đá, hành hỏa phục thù thời chủ về nhiệt, hành thủy phục thù thời chủ về hàn. Hậu-thiên thiếu-vũ.

Năm Ất-hợi :

Năm Đinh-tỵ : Hành mộc hành thủy hợp, chủ về nhiều gió, hành kim thắng chủ về mát.

Năm Đinh-hợi : Hậu-thiên thiếu-dốc.

Những năm trên **về sơ khí** thời hành kim làm việc, rét nhiều, có sát khí, hành kim vượng thời hại về gan, nên có chứng gân co lại.

Về khí thứ hai : Hành thủy làm việc, có tuyết, nước thành băng, sát khí nhiều, sương xuống, thường mưa rét, nhưng thủy là khách thêm hỏa là chủ, thời khí ứng, khí dương phục thù mà hóa ra khách hàn, ngoài thêm hành hỏa ứng thời bệnh về trúng nhiệt.

Tìm Sách

Về khí thứ ba: Hành mộc tư-thiên mà làm việc, thường có gió và mưa nhẹ, có những bệnh về phong mộc như : ra huyết, ù tai, co giật, choáng váng.

Về khí thứ tư: Hành hỏa khách thêm hành thổ chủ thấp nhiệt nhiều, thành chứng hoàng-đảm và sưng ở đùi.

Về khí thứ năm: Khách là hành thổ sinh ra hành kim là táo, và thấp khí thắng mà khí mát nhiều, thường cảm hàn khí, thường có gió mưa nhưng ít bệnh.

Về khí sau cùng: Tướng-hỏa ở dưới suối mà hóa ra dương-hỏa, sâu lấp ở dưới bò lên, nước không thành băng, khí đất nhiều, cỏ mới mọc, người dễ chịu, mùa hàn mà khí nóng có chứng ôn-dịch.

Mục 29.— HÌNH ĐỒ SỐ 20 đính dưới cuốn

(Xem năm Sửu . Mùi)

Thái-âm *thấp-thổ tư thiên*
Thái-dương hàn-thủy tại tuyền

— *Về mạch*: Bộ thốn bên trái không ứng với nam-chính.

Bộ xích bên phải không ứng với bắc-chính.

— *Về khí*: Chủ vượng trong 60 ngày linh 87 khắc.

Năm Ất-sửu: Lúc rét, lúc nóng, khí âm chuyên chính, trời có thấp khí mà đất có hàn khí, khí âm thịnh khí dương suy, hành thổ bất cập thời phong mộc thắng, thường gió to, âm ngưng ở trên, hàn tích ở dưới, thủy thắng hỏa.

Năm Ất-mùi: Thường mưa đá, có sát khí, hậu-thiên thiếu-thương.

Tìm sách

Năm Đinh-sửu : Hành-mộc bất cập, hành kim thắng, hành kim khắc hành mộc, hành hỏa phục thù, chủ về nhiệt. Năm ấy thường mát trời mà mưa, hành mộc yếu hành kim lấn. Cây cỏ ít tốt.

Năm Đinh-mùi : Tư-thiên thiếu-đốc (chữ Hán viết lầm là đồng thiên).

Năm Kỷ-sửu : Tam thổ hợp với thổ, chủ về mưa, hành thổ bất cập, sao Thái-ất va Thiên-phù được mạnh về tư-thiên.

Năm Kỷ-mùi : Tư-thiên thiếu-cung (bản chữ hán viết là đồng thiên).

Năm Tân-sửu : Hành thủy bất cập, tư-thiên thắng lên. Hành thổ yếu, hành thủy lấn, nhiều thấp khí. Hỏa và thổ đồng hóa, thời hỏa khí làm việc, nắng mưa luôn luôn. Thái-âm đại hàn thường đến, đất có băng.

Năm Tân mùi : Hành thủy bất cập, hành thổ làm chủ, mờ tối, mưa dầm, sinh trưởng trái mùa, không được tươi sáng, tư-thiên thiếu-vũ.

Năm Quý-sửu : Hỏa bất cập mà thủy thắng, chủ về hàn, hành thổ phục thù cho hành mộc thời mưa nhiều, năm ấy hỏa kém thủy lấn đi, hàn khí nhiều, vạn vật không tốt ở trên mà chỉ tốt ở dưới.

Năm Quý-mùi : Rét lắm, khí dương suy. Hậu-thiên thiếu-thương.

Những năm trên **về sơ khí,** khách và chủ đều là phong hàn khi khí mùa xuân đến thời gió mới lại, vạn vật tốt, thấp thổ là tư thiên, phong thấp chạm nhau, phong thắng

Tìm Sách

thấp, mưa rồi có gió, hại tạng can, sinh những bệnh huyết ràn ra, gân lại co vào hay ngay ra, xương đốt không được mạnh, nặng mình yếu gân.

Về khí thứ hai : Chủ khách đều là quân-hỏa khí nóng, thái-âm tư thiên, thấp và nhiệt và chạm nhau thời hay mưa, hỏa thịnh khí nóng thường sinh chứng ôn-dịch.

Về khí thứ ba : Khách chủ sinh ra hỏa, thấp khí giáng, khí đất bốc lên mà thường mưa, mưa rồi lại rét vì thái-dương ở dưới nước sâu trở lên mà làm việc, cảm về hàn thấp, cho nên người nặng mình, bắp tay nề, hay ngực và bụng đầy.

Về khí thứ tư : Chủ khách là tướng-hỏa sinh ra thấp-thổ, thổ và hỏa hợp thời khí nắng bốc lên, khí trời bí cách, nhưng thái-dương ở dưới đáy nước thời rét và gió thường phát ra về sáng hay chiều, cỏ cây ngừng tốt và thấp gặp hỏa, duy sau tiết bạch-lộ thời thấp nhiệt đều thịnh hành mà thành những bệnh thớ thịt nóng, huyết đãn ra, sốt rét, bụng trên bụng dưới đầy, nhiệt nhiều thời bắp tay nề ra.

Về khí thứ năm : Khách và chủ đều là hành kim, sau tiết hàn-lộ thời sương xuống nhiều, cỏ cây vàng rụng, vì khí lạnh bức bách mà thành chứng ở ngoài bì-phu.

Về khí sau cùng : Khách và chủ đều là hàn thủy, hàn thấp nhiều mà dương tích lại, âm ngừng lại, nước thành băng, thành bệnh cảm hàn.

Mục 30.— HÌNH ĐỒ SỐ 21 đính dưới cuốn

(Xem năm Dần-Thân)

TimSách

Thiếu-dương *tướng-hỏa tư thiên*
Quyết-âm phong-mộc tại tuyền.

— *Về mạch* : bộ xích bên trái không ứng với nam-chính.

Bộ xích bên phải không ứng với bắc-chính.

— *Về khí* : Chủ vượng 68 ngày linh 87 khắc rưỡi.

Năm Bính-dần : Hành thủy sinh ra khí.

Năm Bính-thân : Tiên-thiên thái-vũ.

Năm Mậu-dần : Hỏa khí tam hợp, hỏa sinh ra thử mà nóng nhiều.

Năm Mậu-thân : Tiên-thiên thái-chung.

Năm Canh-dần : Hành kim chủ về mát, mưa và sương lộ, mùa xuân mà có sát khí, tướng-hỏa tư thiên dẹp đi, hành kim thái quá.

Năm Canh-thân : Tư thiên thái-thương.

Năm Nhâm-dần : Tam thủy hợp, mộc chủ về phong, hành kim lấn đi mà sinh biến, chủ về tồi tàn.

Năm Nhâm-thân : Tiên-thiên thái-đốc.

Năm Giáp-dần : Hành thổ thắng, khắc hành thủy, thấp khí nhiều, nước sông to, hành mộc lấn đi, gió mưa nhiều, đất lở.

Năm Giáp-thân : Tiên-thiên thái-cung.

Những năm trên, **về sơ khí** quân-hỏa tư-thiên, thêm tướng-hỏa, phong thắng, qua tiết lạnh, thời khí hậu rất ôn, cỏ cây tốt sớm, quân, tướng 2 hỏa hợp nhau thành ra ôn-bệnh, khí bồng lên, huyết rản ra, mắt đỏ, ho ngược lên, nhức đầu, băng huyết, gân không được nhẹ, bì phu hay nhọt lở.

Tìm sách

Về khí thứ hai: Thấp thổ làm việc, chủ-khí là quân-hỏa lại uất, bụi trắng bốc lên mà mây mưa, phong không thắng được thấp nên mưa nhiều, vì chủ khách tương sinh cho nên người mạnh, chỉ có chứng thấp nhiệt, khí uất lên trên, oẹ ngược, ngực đầy không nhẹ nhàng, nhức đầu người nóng, nhọt mủ.

Về khí thứ ba: Chủ khách đều là tướng-hỏa, nắng oi, mưa nhiều, hai hỏa gặp nhau mà thành bệnh nhiệt, tai điếc, huyết ràn ra hay chứng lục huyết mà khát, chứng nghẹn, ngáp, cuống-họng tê, mắt đỏ, thốt nhiên chết.

Về khí thứ tư: Khách là kim, chủ là thổ, khí trời mát, lúc nóng lúc không, kim và thổ tương sinh thời táo khí thắng, bệnh về phổi mà ngực đầy, thấp khí thắng lên thời bệnh về tỳ vị mà nặng mình.

Về khí thứ năm: Chủ khách thêm hành kim, chủ về hành thủy thời lạnh, hành kim thời khuyết, khí dương đi mà khí rét đến, mưa giáng, khí bế lại, nước cạn, người phải tránh bàn tà.

Về khí sau cùng: Hành mộc làm việc, hành thủy sinh ra, khí của đất hòa bình, có gió và sương lộ, gió là dương nên thành bệnh đau ở ngực, dương khí không tàng được mà ho.

Mục 31.— HÌNH ĐỒ SỐ 22 (đính dưới cuốn)

(Xem về năm Mão-Dậu)

Dương-minh *táo-kim tự thiên*
Thiếu-âm quân-hỏa tại tuyền.

— *Về mạch*: hai bộ xích không ứng với nam-chính, hai bộ thốn không ứng với bắc-chính.

Tìm sách

— *Về khí :* Chủ vượng 60 ngày linh 87 khắc rưỡi.

Năm Đinh-mão : hành mộc bất cập thời gió nhẹ, hành kim thắng, hành hỏa phục thù, thời chủ về nhiệt. Năm ấy hành mộc kém, hành kim vượng, hành hỏa phục thù, thời oi nắng, cây cỏ khô héo, khí hành thổ hành hỏa vượng, hành thổ không có gì đẹp đi, thời sang mùa thu cây cỏ lại sinh. Đồng-thiên thiếu-dốc.

Năm Đinh-dậu : Thổ bất cập, ít mưa, nhiều gió, hành mộc khắc hành thổ thời gió to, cây cỏ nhiều sâu, được hành thủy thời cỏ cây xanh tốt, nhưng hành thổ không đầy đủ dù tốt mà ít quả, hậu-thiên thiếu-cung.

Kỷ-mão, Kỷ-dậu, Tân-mão : Kim khí tam hợp.

Năm Tân-dậu : Đồng-thiên thiếu-thương.

Năm Quý-mão : Hành thủy không đủ, hành thổ thắng thời hành mộc phục thù, chủ về gió và rét.

Năm Quý-dậu : Hậu-thiên thiếu-vũ.

Năm Ất-mão : Tam hỏa hợp, hỏa chủ về nhiệt, hỏa bất cập mà thủy thắng, thời chủ về hàn, thổ phục thù thời chủ về mưa.

Năm Ất-dậu : Hành thủy bất cập, tư-thiên được cứu trợ. Đồng-thiên thiếu-chưng.

Về sơ khí : Thái-âm làm việc, mùa lạnh mà khí ẩm, lại táo-kim tư thiên, vì khí túc sát mà nước thành băng, vì khí ngưng mà rét và mưa, hành mộc khắc hành thổ, hành thổ khắc hành thủy, thế là tỳ vị thụ thương mà thành bệnh về nhiệt, như đầy trướng, mặt mắt phù nề, lục huyết, hắt hơi, ọe, tiểu-tiện vàng hay là đái rắt.

TìmSách

Về khí thứ hai : Tướng-hỏa làm việc, sau tiết xuân phản chủ về quân-hỏa, âm mới đồi, dương mới thư thái, vạn vật mới tốt, hai hành hỏa rông rỡ, bề tôi lấn ngôi vua, tật dịch nhiều và thốt nhiên chết.

Về khí thứ ba : Hành kim làm việc, cho nên mát nhưng táo và nhiệt giao hợp, đến cuối khí thứ ba, thời chủ là thái-âm, khách là thái-dương, táo cực rồi nhuận, theo thời-lệnh hành kim nên nhiều chứng nóng lạnh.

Về khí thứ tư : Hành thủy làm việc, khí thấp-thổ vượng, thời rét và mưa nhiều, sau khí thứ tư thời thủy hỏa cùng phạm mà thành bệnh chợt ngã ra, run sợ nói mê, ít hơi, cuống-họng khô và đau bụng, ung sùng nhọt lở, sốt rét, mỏi xương, tiện huyết, đều là bệnh về hai tạng tâm, thận.

Về khí thứ năm : Phong mộc làm việc, hỏa ở dưới nước ôn mà thi hành khí tiết mùa xuân, cây cỏ tốt, người vô bệnh.

Về khí sau cùng : Quân-hỏa làm việc, dương khí ôn hòa, sâu ở dưới đất bỏ lên, nước không thành băng, người có chứng ôn dịch.

Mục 32.— HÌNH ĐỒ SỐ 23 (đính dưới cuốn)

(Xem về năm Thìn, Tuất)

Thái-dương *hàn thủy tư-thiên*
Thái-âm thấp thổ tạt tuyền.

— *Về mạch* : Bộ xích bên phải không ứng với nam-chính.

Bộ thốn bên trái không ứng với bắc-chính.

— *Về khí :* Chủ vượng 60 ngày linh 87 khắc.

Tìm Sách

Năm Mậu-thìn: Nắng và nóng, hành hỏa vượng, hành thủy lấn đi, khí nước bốc lên, hành hỏa thái quá, tư thiên thủy dẹp đi.

Năm Mậu-tuất: Đồng-thiên thái-chưng

Năm Canh-thìn: Hành kim chủ về mát và rét, mưa và sương lộ.

Năm Canh-tuất: Tiên-thiên thái-thương.

Năm Nhâm-thìn: Hành-mộc chủ về phong, hành mộc vượng, hành kim lấn đi, chủ về tới tàn.

Năm Mậu-tuất: Tiên-thiên thái-đốc.

Năm Giáp-thìn: Hành thổ thắng, hành thủy suy, thấp khí nhiều, sông nhiều nước, thấp nhiều thời hành mộc lấn đi, cho nên gió mưa nhiều, đất lở.

Năm Giáp-tuất: Tiên-thiên thái-cung.

Năm Bính-thìn: Thủy khí hợp thủy, chủ về rét và băng tuyết.

Năm Bính-tuất: Tiên-thiên thái-vũ.

Sơ khí: Tướng-hỏa làm việc, đầu năm quân-hỏa, tướng-hỏa tương giao, thời ấm nhiều, cỏ cây tốt sớm, khách hỏa chủ hành mộc, phong hỏa chạm nhau thành ra ôn chứng, người sốt nhức đầu, nôn oẹ, lở ngứa, ban sởi.

Về khí thứ hai: Hành kim làm việc, mát nhiều mà hỏa khí lấn đi, hàn trệ ở trong, dương khí không vận hành, nên thành ra bệnh khí uất hay ở trong bụng đầy.

Về khí thứ ba: Hành thủy làm việc, khí lạnh nhiều mà hay mưa, hàn khí xuống dưới, khí của tạng tàm đem

TimSách

lên, người thành bệnh ngoài lạnh trong nóng, ung thư, nóng ở ngực mà buồn, nếu không chữa thời chết.

Về khí thứ tư: Hành mộc là khách, thêm hành thủy là chủ, phong thấp giao tranh, phong hỏa làm mưa, gặp tiết đại-thử, hành mộc sinh hành hỏa thành bệnh nóng nhiều, vì khách thắng chủ, cho nên tỳ-thổ thụ thương thành bệnh ít hơi, chân mỏi, đi cầu đỏ và trắng.

Về khí thứ năm: Khí dương hóa mà cỏ cây lớn, nhân dân được thư thái.

Về khí sau cùng: Thổ nhiều ở dưới, thấp khí lưu hành, khí âm ngưng mà hư yếu, gió và lạnh nhiều, phong thắng được thấp, sâu trùng từ dưới đất hóa ra, phong mộc trái mùa, nên thành chứng thai-tiền và sản-hậu.

Mục 33.— NÓI VỀ KHÁCH-KHÍ

Âm dương tạo hóa, thiên-can (can thuộc về trời) là theo về âm, địa-chi (chi theo về đất) là theo về khí.

Âm dương đối thiên-can thành ra năm vận, địa-chr thành ra sáu khí, cho nên khí trời trước từ giáp, khí đất trước từ tý, hai dương hợp nhau là giáp-tý là đầu của can chi.

Khí của trời đến Quý là hết. Khí của đất đến hợi là hết. Hai âm tương hợp mà thành ra Quý-hợi là cuối của can-chi.

Âm dương cách với nhau, cương nhu giáp lẫn nhau, cho nên sau giáp-tý thời hai âm là ất-sửu kế tiếp, hai dương là bính-dần kế tiếp, hai âm là đinh-mão kế tiếp,

Tìm sách

hai dương là mậu-thìn kế tiếp, hai âm là kỷ-tỵ kế tiếp, hai dương là canh-ngọ kế tiếp, hai âm là ất-sửu kế tiếp, hai dương là nhâm-thân kế tiếp, hai âm là quý-dậu kế tiếp, mười năm là một kỷ, 60 năm là một thế, 12 thế là một vận, 12 vận là một hội, 12 hội là một nguyên.

Nói về thế vận thịnh suy: Khắp một thế là trời đất có tiểu biến, khắp một vận thời trời đất đại biến, khắp một hội thời trời đất cực biến, khắp ba nguyên thời dương khí không giáng, âm khí không thăng, trời đất hỗn hợp mà thành khí vô cực.

Là vì thế vận trị hay loạn, đời người thuần-hậu hay điêu bạc, cho đến thọ yểu, tật dịch, đều bởi trời đất tiểu biến hay đại biến mà người ứng theo vậy.

Như là sáu khách-khí, lấy 12 địa-chi đối sung mà chia ra, thời ứng với phong, hàn thử, thấp, táo, hỏa mà chu lưu ở trên chủ-khí chủ-vận, như thế là khách-khí, rồi nghịch hay tòng, hay thắng, mà mùa xuân lại có gió lạnh, mùa hạ lại có khí ẩm ngấm ngầm, mùa thu lại mưa nhiều, mùa đông lại có khí dương trái tiết, phong thắng lên thời đất động, hỏa thắng lên thời đất vững chắc, thử thắng lên thời đất nóng, thấp thắng lên thời đất nhuận, táo thắng thời đất khô, hàn thắng thời đất nứt ra, khí hậu bất tề mà thành ra dịch lệ.

Nói về thứ tự 12 Chi đi vòng quanh: Dần-mão thuộc mùa xuân là hành mộc, tỵ-ngọ thuộc mùa hạ là hành hỏa, thìn, tuất, sửu, mùi là 4 tháng cuối mùa thuộc hành thổ, thân-dậu thuộc mùa thu là hành kim, tỵ-hợi thuộc mùa đông là hành thủy.

Cho nên tý đối với ngọ mà là thiếu-âm quân-hỏa. Sửu đối

TìmSách

với mùi mà là thái-âm **thấp-thổ, dần đối với thân mà là thiếu-dương tướng-hỏa, mão đối với dậu mà là dương-minh táo-kim, thìn đối với tuất mà là thái-dương hàn-thủy, tỵ đối với hợi mà là quyết-âm phong-mộc.**

Nói về tam âm, tam dương: Quân-hỏa giữ về ngọ, ngọ về bản thời nhiệt mà khí ở đầu lúc khí âm sinh, cho nên về tiêu là hàn mà thuộc kinh thiếu-âm.

Thủy là phương bắc, địa vị của tý, thủy về bản thời hàn, mà khi thời đương vào lúc đầu khi dương sinh, cho nên về trên là nhiệt mà thuộc kinh thái-dương.

— Hành thổ ứng vào giữa mùa hạ là địa vị của mùi, mùi là thứ nhì của ngọ mà là kinh thái-âm.

— Tướng-hỏa giữ ở dần, dần là thứ hai của sửu mà là kinh thái-dương.

— Mộc ở về phương đông, địa vị của quẻ chấn, ở thân người thời chủ về tạng can mà ở dưới cách-môn, vào địa vị của âm, mộc phải đợi âm mới sinh được, cho nên gọi là quyết-âm.

— Kim ở về phương tây, địa vị của quẻ đoài, ở người thời chủ về tạng phế, ở dương vị trên cách mô, kim phải đợi dương mới phát ra được, cho nên thuộc về kinh dương-minh.

Sáu câu thơ về khách-khí dịch ra văn xuôi:

Năm tý, năm ngọ.

Thiếu-âm quan-hỏa tư thiên, dương-minh táo-kim tại tuyền.

Tìm sách

Năm sửu, năm mùi.

Thái-âm thấp-thổ tư thiên, thái-dương hàn-thủy tại tuyền.

Năm dần, năm thân.

Thiếu-dương tướng-hỏa tư thiên, quyết-âm phong-mộc tại tuyền.

Năm mão, năm dậu.

Dương-minh táo-kim tư thiên, thái-âm quân-hỏa tại tuyền.

Năm thìn, năm tuất.

Thái-dương hàn-thủy tư thiên, thái-âm thấp-thổ tại tuyền.

Năm tỵ, năm hợi.

Quyết-âm phong-mộc tư thiên, thiếu-dương tướng-hỏa tại tuyền.

Mỗi khi chủ vượng 60 ngày linh 87 khắc rưỡi.

Ví như xem về năm tý thời địa vị của tý là Thiếu-âm quân-hỏa tư thiên, mà ngảnh về đàng-nam là ngọ. Địa vị của sửu là thái-âm thấp-thổ là tả gian của trời, địa vi của dần là thiếu-dương tương-hỏa là hữu gian của đất. Địa vị của hợi là quyết-âm phong-mộc là hữu gian của trời. Địa vị của Tuất là thái-dương hàn-thủy là tả gian của đất. Thế là nhị khí ở bên phải để giữ việc trời và muôn vật.

Nhất khí ở trên là ngọ, nhất khí ở dưới là tý. Sau 3 vị là dậu là dương-minh táo-kim giữ về đất. Sau 2 vị là tuất là thái-âm hàn-thủy là khách-khí ở đầu, đi thuận đến hợi là quyết-âm phong-mộc là khách-khí thứ hai, đến

Tìm sách

tý là thiếu-âm quân-hỏa là khách-khí thứ ba, đến sửu là thái-âm thấp-thổ là khách-khí thứ tư, đến dần là thiếu dương tương-hỏa là khách khí thứ năm, đến mão là dương minh táo-kim là khách-khí thứ sáu, rồi suy ra các năm khác.

Mục 34.— PHÉP ĐOÁN KHÁCH-KHÍ

(Dưới đây chia làm 6 đoạn gồm 60 năm, trên nói về khí vận, dưới nói phép chữa)

(Khách-khí mà ở trên chủ khí, chủ-vận là thời tiết xấu mà nhân dân ốm nhiều).

ĐOẠN I

Năm Giáp-tý và Giáp-ngọ.

Nhiều người chứng đầy bụng, trước hại tạng thêm sau hại tạng tỳ, hành thổ thắng khắc hành thủy mà thành chứng đau ruột, chân giá lạnh, nặng mình, người mệt chân mỏi tay chân kém cử động.

Năm Canh-tý và Canh-ngọ:

Nhiều chứng đi cầu, trước hại tạng can, sau đau đến bụng dưới, đau mắt, nặng tai, hơn nữa tạng phế tự yếu, ho ngược lên, đau vai, hành kim thụ bệnh không sinh được hành thủy.

Năm Mậu-tý, Mậu-ngọ:

Nhiều chứng nóng ở trên, huyết ràn ra, hay ho và sốt rét. Vai, lưng đau, người nóng, trước hại tạng phế sau hại tạng tâm, hạ bộ đều thụ bệnh.

TimSách

Năm Nhâm-tý, Nhâm-ngọ:

Nhiều bệnh về tứ chi, giận nhiều thời hại tạng can, trước hại tạng tỳ, sau hại tạng can.

Năm Bính-tý, Bính-ngọ:

Nhiều bệnh về chứng nóng ở trong và chân giá lạnh, hơn bữa thời hành thủy tự sinh ra bệnh, bụng to mà ngọc-hành sưng, trước hại tạng tâm, sau hại dạ-dày.

Mười năm trên là quân-hỏa làm tư-thiên thời hành kim uất, táo-kim tại tuyền thời hành mộc uất, dùng thuốc mặn cho mềm ra để chữa quân-hỏa ở trên, hơn nữa dùng thuốc đắng để phát dương cho hành hỏa, dùng thuốc chua để thu vít cho hành kim. Quân-hỏa vừa phải thời táo-kim được yên, nhưng hỏa nóng, kim ráo, không có thuốc đắng và lạnh để vợi đi thời không được, hành hỏa khắc hành kim ứng về năm ấy, nhiều chứng sốt, chứng ung nhọt và bệnh dịch.

Phép chữa:

Quân-hỏa ở trên thời chữa bằng vị thuốc mặn mà hàn. Ở giữa là giáp-thấp-thổ và canh-táo-kim, thời chữa bằng vị thuốc đắng mà nhiệt, cay mà ôn để nhẹ đi và ôn. Ở dưới là táo-kim nên chữa bằng những vị thuốc chua mà ôn, nửa năm về trước nên tránh vị thuốc nhiệt, nửa năm về sau nên tránh vị thuốc hàn. Chữa ở thượng-bộ nên tránh vị thuốc nhiệt, ở trung-bộ và hạ-bộ nên tránh vị thuốc hàn, riêng năm mậu-ngọ không tránh vì hàn.

Năm Tý và năm Ngọ:

Hỏa ở trên nên đem thuốc nhiệt để hóa đi, mùa xuân

Tìm sách

nhiều khí lạnh, gió to không mưa là vận gió ở năm kỷ hợi chưa lui, thời tả nhẹ kinh quyết-âm. Nhưng đến tiết xuân-phân, hỏa đã ở địa vị, hành mộc dù hữu dư cũng không vượt lên được. Táo ở dưới thời vật ẩm thấp không thành ra, sâu khí trời yên tĩnh — Hành kim còn ở thời hành mộc suy kém, thử trùng có lông dù có chửa mà không thành. Kim và hỏa bất hòa thời thử trùng có cánh cũng không thành.

Năm Canh-tý, Canh-ngọ.

Hành kim lấn vào vận hành kim, thời thử trùng có lông càng hại.

ĐOẠN 2

Năm Ất-sửu, Ất-mùi

Thành chứng nóng lạnh.

Năm Đinh-sửu, Đinh-mùi :

Thành ra chứng đau ở trung-tiêu và đau ở bụng dưới vì hành kim khắc hành mộc, sôi bụng và tiết tả vì hành thủy không sinh hành hỏa.

Năm Kỷ-sửu và Kỷ-mùi :

Nhiều bạo bệnh.

Năm Tân-sửu và Tân-mùi :

Nhiều bệnh ở hạ-bộ. Hàn nhiều thời đau bụng mà đầy.

Năm Quý-sửu và Quý-mùi :

Hành hỏa bất cập, âm-tà mạnh và khí tạng tâm thụ

TìmSách

thương, đau ruột, mất mỡ, bụng to, hành thổ bất cập thời đi cầu, đầy bụng, ăn ít, tê mà co quắp, chân không đứng vững.

Mười năm trên đây là thấp thổ ở trên trời, hành thổ khắc, hành thủy ứng, tâm hỏa thu bệnh, hàn thủy ở dưới, hành thủy lấn hành hỏa mà nhiều bệnh ở bụng dưới. Năm ất-sửu và ất-mùi hành kim tuy sinh hàn thủy, lại gặp hành thủy vượng mà hàn nhiều, sâu trùng không tổn hại, nhưng khí của thủy thổ bất hòa, dù có sinh cũng không nuôi được, loại trùng có vẩy thời nhiều, hành thủy thịnh hành hỏa suy thời loại trùng có cánh chửa nhiều mà không thành. Năm tân-sửu tân-mùi, hành thủy lấn vào thủy vận thời hại nhiều.

Phép chữa :

Ở trên là thấp-thổ thời có chứng bệnh mà nôn, ở giữa là ất mà táo kim là đinh và phong-mộc, thời chữa hành kim bằng những vị cay mà ôn, chữa hành mộc bằng những vị cay mà hàn, chữa hành thủy bằng những vị đắng mà hòa, chữa chứng hàn bằng vị nhiệt, nếu bất cập thì nên ôn bổ, bệnh ở dưới nên dùng vị thuốc ngọt và nóng. Năm tân nên dùng vị thuốc đắng mà nhiệt, năm sửu, năm mùi hành thổ ở trên mà nhiệt khí nhiều, là hỏa khí của năm tỷ năm ngọ dư ra mà chưa lui, thì nên tả hỏa, thấp khí sinh ở mùa xuân. Năm tỷ là kinh thiếu-âm chưa lui địa vị, mà khí hành thổ chưa được chính vị, người hay mắc chứng về tỳ vị, bấy giờ nhiệt mà nhiều mưa, đến trước hay sau tiết tiểu-mãn mới có mưa là hành hỏa lui mà hành hỏa hợp. Khi gặp tiết tiểu-thử thì hành hỏa không hợp, mà hỏa bốc lên.

Tìm sách

ĐOẠN 3

Năm Bính dần, năm Bính-thân :

Nhiều bệnh nhiệt ở ngoài bì phu.

Năm Mậu-dần và Mậu-thân :

Nhiều chứng thấp.

Năm Canh-dần và Canh-thân :

Nhiều chứng ở lưng và ngực.

Năm Nhâm-dần và Nhâm-thân :

Nhiều chứng kinh sợ, co giật, choáng váng, hành hỏa tư thiên là con ở trên mẹ, có chứng nghịch khí và nôn oẹ.

Năm Giáp-dần và Giáp-thân :

Có chứng nặng mình, nề chân, bĩ đầy, trước hại tạng thận, sau hại tạng tỳ, đau bụng, yếu chân, tứ chi kém cử động.

Mười năm kể ở trên, hành hỏa ở trên mà khắc hành kim, nặng nhiều hại tạng phế, cho nên nhiều bệnh nhiệt, hành mộc khắc hành thổ cho nên nửa năm về sau nhiều gió mà hại về tỳ-vị, dương được địa vị, khí trời chính, gió động ở dưới, khí đất nhiều mối thành gió to, khí âm bị khí dương lấn nên nửa năm về trước mưa là ứng với khí thứ hai.

Phép chữa tổng hợp :

Ở trên là tướng-hỏa, chữa bằng những vị thuốc có chất chua (lấy thủy chữa hỏa), ở giữa bính là mộc, mậu là hỏa, chữa bằng vị thuốc mặn mà ôn, canh là kim,

Tìm sách

nhâm là mộc, giáp là thổ, thời chữa bằng những vị thuốc cay mà ôn, để tồn về chỗ thái quá. Về dưới thì chữa bằng những vị tân ôn là lấy hành kim trị hành mộc. Năm mậu dùng những vị cay và ôn, để phòng hành hỏa thái quá. Năm dần, năm thân tướng-hỏa tư-thiên cũng dùng phép chữa như trên, mưa và thấp khí còn nhiều, lại là thổ vận của năm sửu năm mùi có dư mà chưa lui hết. Hành thổ bĩ thì nhẹ ở trung-tiêu là phải, nhưng thái-âm không thoát vị, rét nắng ở bốn tháng cuối bốn mùa không phải thời, mùa hạ lại mát, mùa thu lại nóng, việc thu hoạch về mùa màng đều muộn, như tiết tiểu-mãn, tiết tiểu-thử là mùa nóng lắm, theo về chính lệnh hành hỏa, nếu không thời tai vạ. Phong-mộc ở dưới cho nên loại trùng có lông hợp với khí đất mà sinh dục nhiều. Hành mộc uất ở dưới, hành hỏa mất địa vị thì loại sinh trùng tuy không sinh hóa thêm, nhưng được khí trời an tĩnh, nên cũng không tổn hại. Hành mộc khắc hành thổ thì loại khỏa-trùng (?) hao tổn, năm dần, năm thân hành mộc lại lấn vị của hành mộc thì tổn hại càng nhiều.

ĐOẠN 4

Năm Đinh-mão, Đinh-dậu :

Nhiều bệnh sốt và đau nhọt.

Năm Kỷ-mão và Kỷ dậu :

Ăn ít không biết ngon.

Năm Tân-mão và Tân-dậu :

Nhiều chứng dịch về hàn.

Năm Quý-mão và Quý-dậu :

Nhiều chứng nóng lạnh.

Tìm sách

Năm Kỷ-mão và Kỷ-dậu :

Nhiều bệnh về phổi.

Mười năm trên đây, tiết bạch-lộ sớm, tiết hàn sớm, mưa rét hại muôn vật, nhưng hành kim thịnh, hành hỏa suy mà hành thổ cũng yếu, nhưng thứ vị ngọt sắc vàng, tất nhiên sinh trùng, ứng với người thì tỳ-vị thụ tà khí, nửa năm sau, thứ lúa trắng lại thu hoạch kém, lúa đỏ được mùa vừa, Quân-hỏa ở dưới lạnh, thì loài có cánh hợp với khí đất mà sinh dục nhiều, cùng với khí trời cũng vô tổn, nhưng đất khác trời thì loại trùng ăn thịt được cũng bất thành, năm Quý-mão và Quý-dậu hỏa lấn vào hỏa, vận thì loại sâu ăn thịt được cũng hại.

Phép chữa :

Ở trên nên dùng vị thuốc đắng mà ôn vừa, ở giữa là đinh-mộc nên dùng vị thuốc cay mà hòa, là tỵ-thổ nên dùng vị thuốc cam mà hòa, là quý-hỏa nên dùng vị thuốc mặn và ôn, là ất-kim nên dùng vị thuốc đắng mà hòa, ở dưới nên dùng vị thuốc mặn mà hòa, mặn để chữa về quân-hỏa, đắng để chữa về táo-kim, nhưng phải thêm vị cay, năm ấy hỏa thịnh, kim thịnh, vị cay hóa ra kim để cầu hòa-bình. Nửa năm về trước táo-kim khí liễm lại nên dùng thuốc phát tán để ra mồ-hôi, nửa năm về sau, quân-hỏa nhiệt quá thì nên thanh hỏa. Năm mão, năm dậu kim ở trên trời, thì nên dùng thuốc cho thanh đi. Mà nắng nóng vẫn nhiều, mùa xuân mà nhiệt nhiều là hỏa của dần, thân hữu dư mà chưa lui, hỏa tra tai thì nên nhẹ tướng-hỏa là phải. Đầu năm thiên-dương không thoái vị, tất nhiên sau mùa thu có nhiệt, trận có gió tây thì thụ bệnh về hành kim suy, vì khí hành

Tìm sách

kim ở trước hành mộc bị khắc, nên loại sâu có lông bị chết, ứng với nửa năm trước hỏa khí ở đằng sau hành kim bị khắc mà loại sâu ăn thịt được bị hại vậy. Ứng với người thì nửa năm về trước -- vì mát nhiều mà có bệnh về gân, nửa năm về sau nhiều chứng nóng lạnh.

ĐOẠN 5

Năm Mậu-thìn và Mậu-tuất :

Nhiều chứng hàn uất.

Năm Canh-thìn và Canh-tuất :

Bệnh về táo, đau bụng và ruột.

Năm Nhâm-thìn và Nhâm-tuất :

Bệnh co giật và choáng váng, mắt mờ.

Năm Giáp-thìn, Giáp-tuất :

Bệnh thấp, nửa người ở dưới nặng.

Năm Bính-thìn và Bính-tuất :

Bệnh về hàn.

Mười năm trên đây, hàn ở trên trời, thủy khắc hỏa, ứng về thời tiết rét nhiều, thành nhiều chứng hắt hơi, đất có thấp khí, hành thổ khắc hành thủy, ứng về năm thì nhiều bệnh thấp, hay tê và nặng mình.

Phép chữa:

Ở trên chữa thủy bằng thuốc đắng mà ôn. Ở giữa là mậu-hỏa thì ôn hỏa, là canh kim (trên dùng thuốc đắng mà nhiệt, giữa dùng thuốc cay mà ôn, dưới dùng thuốc ngọt mà nóng) giáp-thổ thì dùng thuốc đắng mà ôn, bính

Tìm sách

thủy thì dùng thuốc mặn mà ôn. Ở dưới là thổ nên chữa bằng vị thuốc ngọt mà ôn, là thấp thì nên táo để chữa dưới, là hàn thì nên ôn để chữa trên. Vị thuốc mà dùng đắng là theo về hỏa để chữa chứng hàn. Năm canh mà ở trên ở dưới chữa khác nhau là hành kim mát nên dùng thuốc ôn và nhiệt để phòng mát quá.

Mùa xuân mát mà không quá lạnh, là khí của mão, dậu, dương-minh không thoái vị. Táo thời thực, nên là hành kim, giống khỏa-trùng (?) hợp với thấp khí của đất nên sinh dục được nhiều, thứ trùng có vẫy vì bị ngăn chế cho nên bớt thành, nhưng cùng với thiên-khí cho nên được yên tĩnh. Năm giáp-thìn và giáp-tuất hành thổ lấn thổ vận, nên loài có vẫy thụ thương nhiều.

ĐOẠN 5

Năm Kỷ-tỵ và Kỷ-hợi:

Bệnh khát nhiều hay nặng mình.

Năm Tân-hợi và Tân-tỵ:

Nhiều chứng về phong gió.

Năm Quý-tỵ và Quý-hợi:

Nhiều bệnh sốt.

Năm Ất-tỵ và Ất-hợi.

Vì hỏa tà nên nhiều chứng hắt hơi, chứng lạnh chân, chứng cách dương lên trên, chứng huyết ngược lên, và đầu, óc, miệng lưỡi đều thụ bệnh.

Năm Đinh-tỵ và Đinh-hợi:

Nhiều chứng sốt.

TìmSách

Mười năm trên đây hành mộc ở trên trời, hành thủy khắc hành thổ, ứng với người nhiều chứng nặng mình, mỏi sương, mắt chuyển (?), tai ù, lại hành hỏa khắc hành kim nên nhiều chứng sốt.

Phép chữa :

Ở trên thuộc hành mộc chữa bằng những vị cay mà mát. Ở giữa là kỷ thổ chữa bằng những vị ngọt mà hòa hoãn, là tân-thủy thì chữa bằng những vị đắng mà hòa hoãn, là quý-hỏa thì chữa bằng những vị mặn mà hòa hoãn, là ất kim thì chữa bằng những vị ngọt mà hòa hoãn, là đinh-mộc thì chữa bằng những vị cay mà hòa hoãn, dùng vị cay là đem hành kim để trị hành thủy, vị hòa hoãn để bổ chỗ không đầy đủ, vị mặn để điều ở dưới mà chữa về hỏa, vì tướng-hỏa hư yếu hay là mạnh, rất khó phân biệt.

Năm kỷ-hợi hành mộc ở trên trời nên lấy gió để hóa đi, mà hàn khí còn nhiều là hàn khí của năm thìn, năm tuất dư ra mà chưa lui, hành mộc muốn giữ quyền mà hàn-thủy chưa hết, nên mùa xuân rét là trái với mùa xuân, hành mộc không chính vị thì người hay sinh chứng bệnh về tạng can mà gân co lại. Nếu trong 3 tháng xuân hết rét mà có gió là trời bĩ mà có tai ương, hỏa ở dưới đất thì không sinh ra loại trùng sâu, nhưng không tổn hại vì đồng với khí trời. Loại trùng có cánh thì đồng với địa khí mà sinh dục nhiều. Hành hỏa chế đi để hóa hành kim thì loại trùng để ăn thịt bất thành. Có sách nói : « khí đã tương đắc thì hòa, là khách-khí sinh ra chủ-khí, không tương đắc thì sinh bệnh là khách-khí khắc chủ-khí », vì rằng chủ-khí địa vị ở dưới mà khách-khí địa vị ở trên, nay

Tìm sách

chủ sinh ra khách thì chủ lại ở trên là trái ngược mà người sinh ra bệnh.

Mục 35.— PHÉP TỔNG ĐOÁN VỀ VẬN-KHÍ

Nội-kinh có nói: « Mỗi năm phải lập trước vận khí để xem thái quá hay bất cập, rồi đem chủ-khí của đất là « bản », khách khí của trời lâm ở trên là « tiêu » để tìm về biến của « lục-hóa ». Nếu khách-khí khắc chủ-khí, khắc vừa phải thời theo, hơn lên thời dẹp đi, dữ dội thời công phạt cho được quân bình », thế là khách hơn chủ thời theo, mà chủ hơn khách thời dùng thuốc để trái đi, chủ hơn thời tả chủ mà bồ khách, khách hơn thời tả khách bồ chủ. Năm dương khí thời tiên-thiên hợp với mùa thời người mạnh (chủ khắc khách) cho nên về bên bất thắng thời thụ tả khí. Năm âm-khí thời hậu-thiên hợp với mùa thời người yếu (khách khắc chủ) cho nên về phía khắc mình mới đến khắc được.

Mục 36.— BÍ-QUYẾT XEM VẬN-KHÍ

Dưới đây là tham khảo sách *Thất-Chính Đại-Hội Vận-Khí và* phép Tiểu-vận ở *bài phú tam tài.*

Theo phép này thời chủ-vận không bằng khách-vận, chủ-khí không bằng khách-khí. Nhưng xét *hình-đồ chiêm-vận kinh-thiên của họ Cam* có nói: « vận trời, vận đất, là số thủ thường mà không hết được biến hóa của trời đất, về khí của trời khí của đất còn thăng giáng để tóm lấy âm dương, vì rằng chủ-vận, chủ-khí theo địa vị đã ở dưới, cũng như mùa xuân ấm, mùa hạ nóng, mùa thu mát, mùa đông rét, còn khách-vận khách-khí thời chu lưu ở

TimSách

trên, nếu phải địa vị thời trời đất thái hòa mà người được hòa, nếu mất địa vị thời trời đất bĩ mà sinh tật bệnh.

Hàng năm xem về vận khí :

1) Phải lập chủ-vận năm ấy làm một cục (1).

2) Lập khách-vận năm ấy làm một cục (2) để rõ năm ấy thái quá hay bất cập. Lại xem 5 khách-vận và 5 chủ-vận, đinh hay khắc hay là tỵ-hòa để biết thuận, nghịch vi, hòa (3). *Về vận thái quá*, thuận thời theo, mà nghịch thời dẹp (chế) đi, vi thời dẫn đi, hòa thời giải đi (4). *Về vận bất cập* thuận thời cướp đi, trái thời lấy, nhẹ thời dẹp xuống, hòa thời giải đi (5).

2) Lại đem vận trời vận đất để tham đoán, rất cần là lấy vận trời vận đất làm gốc.

3) Lập chủ-khí năm ấy làm một cục (6).

4) Lập khách-khí năm ấy làm một cục. Lại xét chủ cho khí ấy tại năm ấy (7), lại suy năm ấy sáu khách-khí, 6 chủ-khí ấy về năm đó. Lại xem năm ấy chủ về khí gì (như năm tý, năm ngọ quân-hỏa làm chủ thì nên dùng những vị thuốc mặn và lạnh vân vân). Lại suy năm ấy 6 khách-khí, 6 chủ-khí, và sinh khắc tỵ, hòa như thế nào (8). Trên sinh ra dưới là tương đắc (9), dưới sinh ra trên dù có tương đắc, mà là bất tề (10), trên khắc dưới, dưới khắc trên đều là bất tương đắc (11). Cho nên tương đắc là thuận bất tương đắc là nghịch, thuận mà vừa thời ta theo, nghịch mà quá thời dẹp đi.

Lại lấy khách-vận lục khí, thêm vào như thế nào mà đoán, thí dụ : tư-thiên khắc khách-vận thời thuận (12),

Tìm sách

khách-vận khắc tư-thiên thời nghịch (13), khách-khí khắc khách-vận thời thuận (14) khách-vận khắc khách-khí thời nghịch (15), khách vận cùng khách-khí tương đồng gọi là thiên-phù (16), thiên-khí sinh ra khách-vận gọi là thuận-hóa (17), thiên-khí khắc khách-vận gọi là thiên-hình (18), khách-vận sinh thiên-khí gọi là tiểu-nghịch (19), khách-vận khắc thiên-khí gọi là bất hòa (20), khách-khí lâm vào địa vị của thủy khí gọi là tuế-hội (21), thiên-phù và tuế-hội tương hội thời gọi là Thái-Ất Thiên-phù (22), khách-vận cùng tháng đầu trong bốn mùa tương hợp thời gọi là Chi-đức-phù (23), khách vận cùng với ngày giao tý tương hợp gọi là can-đức-phù (24). Vận thái quá mà thêm địa khí thời gọi là đồng-thiên-phù (25), vận bất cập mà thêm địa khí thời gọi là đồng-tuế-hội (26).

Vận khí kể trên là lấy thiên khí tương gia mà đoán. Lại xem hình-đồ 60 năm giáp-tý cho đủ các năm để rõ tốt xấu, như trên là bí quyết vẹn toàn của vận-khí.

Chú giải của tác giả.

1) Để biết năm ấy tự tiết nào đến tiết nào là vận nào.

2) Để biết năm ấy tự tháng nào đến tháng nào là vận nào.

3) Khách-vận sinh chủ-vận là thuận, khách-vận khắc chủ-vận là nghịch, chủ sinh khách là hòa, chủ khắc khách là vi, chủ khách tương đồng (không sinh cũng không khắc là tỷ-hỏa).

4) Dù phía bên kia có mạnh, nhưng sinh ra ta là đã tiết khí thì theo mà chữa bệnh, thế là thuận thì theo. Dù phía bên kia có mạnh, nhưng lại chữa trái đi, dẹp đi, là để giúp cho ta, thế là trái thì dẹp đi.

TimSách

Bên kia mạnh nhưng ta thắng thì khí phải nhẹ đi, thế là vi (nhẹ) thì dẫn đi.

Bên kia dù mạnh nhưng đồng khí với ta, cũng không làm hại nổi, thế là hòa thì giải đi.

5) Bên kia đã yếu mà khí lại suy, phép chữa nên lấn đi, thế là thuận thì đoạt đi.

Bên kia đã yếu mà chưa lấn ta, là thế lực phải tàn, phép chữa nên công, thế là trái thì lấy đi.

Bên kia đã yếu mà ta thắng, thì dẹp đi để phục xuống, thế là vi thì bắt phục xuống.

Bên kia dù mạnh nhưng đồng khí với ta thì chỉ hòa mà giải đi.

6) Để rõ năm ấy từ tiết ấy đến tiết ấy là khí ấy.

7) Để rõ địa-chi ấy là tư-thiên, chi ấy là tư-địa, chi ấy là sơ khí khởi từ đâu cho đến lục-khí.

8) Xem về năm tý thì năm tý là tư-thiên, dậu là tư địa, khách-khí thứ 1 : tuất là hàn-thủy thêm chủ-khí là phong-mộc là trên sinh ra dưới. Khách-khí thứ 2 : hợi là phong-mộc thêm chủ-khí là quân-hỏa, thế là trên sinh xuống dưới. Khách-khí thứ 3 : tý là quân-hỏa thêm chủ khí là tướng-hỏa là trên dưới tỵ-hòa. Khách-khí thứ 4 : sửu là thấp-thổ thêm chú-khí cũng là thấp-thổ, thế là trên dưới tỵ-hòa. Khách-khí thứ 5 : dần là tướng-hỏa thêm chủ-khí là táo-kim là trên khắc dưới. Khách khí thứ 6 : mão là táo-kim thêm chủ-khí là hàn-thủy là trên sinh xuống dưới.

Tìm sách

9) Khí tương đắc là hòa như hành thổ lâm vào hành hỏa.

10) Nghĩa là không đáng về địa-vị, như con trên cha dưới.

Có sách nói : chủ-khí lâm vào dưới khách-khí, thì thời tiết bất tề mà người ốm.

11) Khí bất tương đắc thì người ốm.

12) Như năm canh-tý, quân-hỏa tư-thiên là khắc khách vận là kim.

13) Như năm giáp-thìn thì giáp là thổ-vận khắc thìn là hàn-thủy tư-thiên.

14) 6 khách-khí khắc 3 khách-vận như khách-khí là quân-hỏa mà khách-vận là thủy.

15) 5 khách vận khắc 6 khách-khí như khách-vận là thổ khắc khách-khí là hàn-thủy.

16) Như năm mậu-tý là mậu-hỏa mà tý cũng là quân-hỏa.

17) Như năm giáp-tý thiên-khí là tý là quân-hỏa sinh ra giáp là thổ-vận.

18) Như năm canh-tý thiên-khí là tý là quân-hỏa khắc vận canh-kim.

19) Như năm nhâm-tý thì nhâm là mộc vận, sinh ra thiên-khí là tý là quân-hỏa.

20) Như năm bính-tý, bính là thủy vận khắc thiên khí là tý là quân-hỏa.

21) Như năm bính-tý, tý là thủy vận thế là hai thủy, năm bính-ngọ chủ về hỏa mà lục khí là quân hỏa thế

Tìm sách

là hai hỏa, hai thủy và hai hỏa tương hội gọi là tuế-hội, xem ngày xem tháng cũng như vậy, có bệnh mà gặp tuế-hội thì bệnh càng mạnh thêm.

22) Như năm kỷ-mùi, kỷ là thổ-vận, mùi là thiên-khí thấp-thổ, khí và vận tương đồng thì gọi là thiên-phù. Lại như kỷ là can là thổ, mùi là chi là thổ, vận ấy bản khí là tuế-hội nếu được thiên-phù, tuế-hội tương hợp.

23) Như năm nhâm-dần tháng giêng (mệnh-xuân) là chi-đức-phù, vì nhâm là mộc-vận, dần là chi thuộc hành mộc, mệnh-xuân là tháng dần cũng thuộc hành mộc, vì thế gọi là chi-đức-phù.

24) Như năm giáp, năm kỷ, giáp và kỷ hợp, ngày mồng 1 tháng giêng là ngày giao-ty-thiên, nếu hôm ấy lại được kỷ là vận với giao-ty tương hợp, thì gọi là ngày can-đức-phù, năm ấy cũng là năm bình-khí (khí hòa-bình).

25) Như năm canh-tý, canh là dương-can, là năm thái quá, lại canh là kim-vận, nếu xem vào năm tý thì dương minh tư địa, là vận và tư địa hai bên đều là kim, hai kim tương hợp thì gọi là đồng-thiên-phù.

26) Như năm tân-sửu, sửu là âm can là năm bất cập tân là thủy-vận, xem về năm sửu thì hàn-thủy tư-địa, thế là vận với địa khí là hai thủy tương hợp cho nên gọi là đồng-tuế-hội.

Mục 37.— HÌNH-ĐỒ LẬP THÀNH 60 NĂM

(số 24, 25, và 26, xem cuối quyển)

Hình đồ dưới đây để xem hàng năm chỗ có ngày « giao-ty-hợp » và ngày « can-đức-phù » là không ghi vào được.

TimSách

Còn ngày tuế-hội thiên-phù cùng ngày thái-ất thiên-phù đều xem được.

Mục 38.— CÁC SAO TỐT XẤU THẾ NÀO

Thiên-phù :

Gọi là thiên-phù là vận và khí phù hợp với nhau, không những xem về năm mà xem cả ngày tháng, người ốm vào hôm ấy thời nguy khốn, lại gặp năm ấy là thiên-phù hay tuế-hội là bệnh nặng thời khó khỏi. Như ngày mậu-tý năm bính-tuất thời năm và ngày đều là thiên phù. Ngày đinh-hợi năm quý-mão thời năm là tuế-hội mà ngày là thiên-phù, các năm khác theo như vậy.

Thuận-hóa :

Gọi là thuận-hóa là khí sinh ra vận, thời thuận lý, dù là năm thái quá mà gặp thuận-hóa thời cũng không thái quá cho lắm mà giải được xấu. Năm bất cập mà gặp thuận-hóa thời chữa bệnh nên theo đường lối thẳng (chính-trị).

Thiên-hình :

Gọi là thiên-hình là khí khắc vận, có thể hình sát gặp năm ấy không những thái quá bất cập đều là xấu, người phụ bệnh mà gặp thiên-hình thời ác chứng rất nhiều.

Tiểu-nghịch :

Gọi là tiểu-nghịch là vận sinh ra khí, dưới sinh ra trên, như con mà lấn lên trên cha, là không đáng vị. Gặp năm ấy nếu là năm thái quá thời xấu hơn lên mà năm bất cập cũng xấu.

Tìm Sách

Bất-hòa :

Gọi là bất-hòa là vận khắc khí, dưới làm hại trên, khí không được hòa mà có tai ương.

Tuế-hội

Gọi là tuế-hội là vận và khí giống nhau, can chi của vận cũng giống nhau, không những xem về năm mà còn xem cả ngày tháng. Người ốm mà gặp tuế-hội dù không chết cũng chậm khỏi. Nếu lại gặp năm tuế-hội, ngày tháng tuế-hội thời bệnh cũng nặng như ngày đinh mão mà lại gặp năm giáp-thìn, tháng giáp-thìn.

Thái-ất thiên-phù :

Gọi như trên là thiên-phù tuế-hội gặp nhau, vì sao thái-ất là thần chí tôn ở trên trời, giữ quyền sinh sát, mỗi khi gặp thiên-phù và tuế-hội thời có ý nghĩa sát bệnh, gặp năm tháng ngày có thái-ất thiên-phù là chết.

Chi-đức-phù :

Giáp-lộc ở dần mà bính-lộc ở tỵ, canh-lộc ở thân, nhâm-lộc ở hợi, nếu gặp vận mộc-chi, mộc-nguyệt thời là chi-đức-phù, hỏa và kim-thủy cũng thế. Khi xem mà gặp sao ấy là trên tốt gặp xấu hay dưới xấu mà có tốt.

Can-đức-phù :

Giáp và kỷ hợp nhau, ất và canh hợp nhau, bính và tân hợp nhau, đinh và nhâm hợp nhau, mậu và quý hợp nhau. Nếu xem về niên-can cùng mồng một tháng giêng tương hợp, thời gọi là can-đức-phù, gặp sao ấy thời tốt lại tốt thêm mà xấu thì được cứu trợ.

Tìm sách

Đồng-thiên-phù:

Vận trời và vận đất đều là kim là tương-phù với nhau, cho nên gọi là đồng-thiên-phù, phép đoán cũng như sao thiên phù, mà xấu giảm được một vài phần.

Đồng-tuế-hội:

Thiên-vận và thiên-khí cũng tương-phù như đồng-thiên phù, nhưng dương vận là đồng-thiên-phù, âm vận là đồng tuế-hội, phép đoán cũng giảm được phần xấu.

Chính-hóa:

Gọi là chính-hóa là số can và chi quân đều nhau ngũ hành đều được địa vị, xem về nhân sự cũng « thực » (chín chắn).

Đối-hóa:

Gọi là đối-hóa là can và chi xung nhau, ngũ hành cũng tương xung, xem về nhân sự thời « hư » (không hành).

Thiên-kim-phù:

Gọi là thiên-kim-phù là năm vận kim lại gặp chi là Tý hay Ngọ, xem bệnh gặp sao ấy thời khó chữa, hợ Cam có nói: nếu được gặp cung đối mới giải được.

Thiên-mộc-phù:

Gọi là thiên-mộc-phù là năm mộc vận, mà năm ấy về chi là dần hay thân, xem bệnh gặp sao ấy thời không chữa được.

Tuế-thủy-hội:

Xem về bát cung ở sách *Đại-thống lịch* mới có sao ấy, chỉ có năm tân-mùi là can chi mới có sao ấy, xem tốt xấu cũng như tuế-hội.

Tìm sách

Mục 39.— CĂN BỆNH THUỘC VỀ NGŨ VẬN

— Vận mộc thuộc về tạng can gồm những phong mà co giật hay choáng váng, v.v...

— Hỏa-vận thuộc về tạng tâm, gồm những chứng đau ngứa, sang nhọt, v.v...

— Thổ-vận thuộc về tạng tỳ, gồm những chứng thấp, nề và đầy, v.v...

— Thủy-vận thuộc về tạng thận, gồm những chứng chân tay co quắp, v.v...

— Kim-vận thuộc về tạng phế, gồm những chứng khí nất, hắt hơi, v.v...

Mục 40.— BỆNH CĂN THUỘC VỀ LỤC KHÍ

— Quyết-âm phong-mộc chủ về khí ở gan và mật, gồm những chứng bạo bệnh hay người ngay ra tứ chi mềm yếu, gân co, trong bụng vội đi cầu.

— Thiếu-âm quân-hỏa chủ về khí ở tạng tâm và tiểu-tràng, gồm những chứng thở suyễn, nôn ọe, đi cầu, bức trở xuống, chuột rút, tiểu-tiện đỏ, phiền khát, đầy chướng, ung-thư, nhọt-sởi, phù nề, các chứng thấp huyết hay huyết bế, người sốt sợ rét, nói mê, bồ-sôi ra đỏ như huyết.

— Thái-âm thấp thổ chủ về tỳ, vị, gồm những chứng phù-nề, bĩ-đầy, thổ ra giun, đau óc, đau hoắc loạn, nặng mình, v.v...

— Thiếu-dương tương-hỏa chủ về khí của tâm-bào-lạc và tam-tiêu, gồm những chứng điên cuồng, hay là sợ hãi, cuống họng tê, tai ù hay là điếc, nôn oẹ, mắt mờ, v.v...

Tìm sách

— Dương-minh táo-kim chủ về khí của phổi và đại tràng, gồm những chứng khô ráo, ho khát và mọi chứng vít lại, v.v...

— Thái-dương hàn-thủy chủ về khí của thận và bàng-quang, gồm những chứng trưng-hà hay sán-khí, chứng bụng đầy thổ vội, đi ỵ, lạnh chân, thổ tả, v. v...

Mục 41.— NÓI VỀ CHÍNH-HÓA VÀ ĐỐI-HÓA

(Dưới đây là trích ở sách *Vận-khí tầm-nguyên*).

Xét sách Vận-khí tổng-luận có nói: « Những năm *chính-hóa* là Ngọ, Mùi, Dần, Thìn, Dậu, Hợi. Những năm *đối-hóa* là Tý, Sửu, Thân, Tuất, Mão, Tỵ. »

Tôi tên Ngọ là phương chính-nam là hành hỏa vượng, Mùi là phương tây-nam hành thổ vượng, Dần là phương bắc hành hỏa vượng, Thìn là phương đông-nam là kho tàng của thủy, Dậu là chính-tây hành kim vượng, Hợi là tây-bắc hành mộc vượng, thế là những năm chính-hóa. Tý đối với Ngọ được khí của hành hỏa, Sửu đối với Mùi được khí của hành thổ, Thân đối với Dần được khí của hành hỏa, Tuất đối với Thìn được khí của hành thủy, Mão đối với Dậu được khí của hành kim, Tỵ đối với Hợi được khí của hành thủy, thế là những năm đối-hóa.

Chính-hóa là: Ngọ nguyên là hỏa, Mùi nguyên là hành thổ, Dần nguyên là hành hỏa, Thìn nguyên là hành thủy, Dậu nguyên là hành kim, Hợi nguyên là hành mộc, thế mà đương vào lục dần của bên tả bên hữu về tư-thiên hay tại-tuyền là thời lệnh thực. Tham khảo với số 1, 2, 3, 4, 5, ở tầng trong của hà-đồ theo bản chất mà sinh là số sinh của trời đất, phép chữa nên theo về « bản »

Tìm Sách

Đối-hóa là : Tý không phải là hỏa, Sửu không phải là thổ, Thân không phải là hỏa, Tuất không phải là thủy, Mão không phải là kim, Tỵ không phải là mộc, thế mà sánh với lục khí trên dưới trước sau là thời lệnh hư, tham khảo với số 6, 7, 8, 9, 10 ở tầng ngoài của hà-đồ là theo khi thắng dư mà thành, thuộc về thành số của trời đất, phép chữa nên theo về « tiêu ».

Chú giải : Thực là mạnh, hư là yếu.

Mục 42.— HÌNH ĐỒ LỤC-LUẬT, LỤC-LÃ

(bản đồ số 27, cuối quyển)

— 3 phân thêm bớt, cách 8 lại tương sinh, vòng quanh lại tiếng cung.

— Luật là vợ, lã là con, 2 lần tiếng thành 84 điệu.

(bản đồ số 28, cuối quyển)

(bản đồ số 29, cuối quyển)

— Từ ngọ đến hợi có 6 vị là « tiêu ».

— Từ Tý đến Tỵ có 6 vị là « tức » (tiêu, tức là tên riêng về lục-khí).

— Thánh nhân đời xưa trong ngày đông-chí thấy khí xanh ở phương đông đi tắt qua trên hay dưới sao quỷ, sao liễu, sao nguy, sao thất, mà lập *đinh-nhâm làm mộc vận.*

— Thấy khí đỏ ở phương nam đi tắt qua trên hay dưới sao khuê, sao bích, sao ngưu, sao nữ, thời lập *tuất-hợi làm hỏa-vận.*

Tìm sách

— Thấy khí vàng ở giữa trời đi tắt qua trên hay dưới sao tâm, sao vĩ, sao chẩn, sao giốc, mà lập *giáp kỷ làm thổ-vận.*

— Thấy khí trắng ở phương tây đi tắt qua trên hay dưới sao cang, sao chi, sao tất, sao chủy, mà lập *ất canh làm kim vận.*

— Thấy khí đen ở phương bắc đi tắt qua trên hay dưới sao trương, sao dực, sao lâu, sao vị, mà lập *bính tân làm thủy vận* (trích ở sách Loại tu-chú).

Có người hỏi : giáp không phải là mộc, cùng với âm-thổ-kỷ đều hóa mà là hành thổ ; ất không phải là mộc, cùng với dương-kim-canh đều hóa mà là hành kim ; bính không phải là hỏa, tân không phải là kim vì đồng hóa mà là hành thủy ; đinh không phải là hỏa, nhâm không phải là thủy vì đồng hóa mà là hành mộc ; mậu không phải là thổ, quý không phải là thủy vì đồng hóa mà là hành hỏa, là nghĩa làm sao ?

Tôi xin trả lời : 12 chi tính từ cung tý trở đi thêm giáp, bính, mậu, canh, nhâm năm dương can ở trên, tính thuận 5 vị ấy đến can nào mà mình định xem mà gặp can nào thì là hành ấy.

Như câu : *giáp, kỷ hoàn gia giáp,* nghĩa là năm giáp và năm kỷ thì tính giáp ở cung tý, tính thuận đến chỗ ấy mà lâm vào mậu, mậu thuộc hành thổ là giáp-kỷ hóa ra hành thổ.

Câu : *ất, canh bính táo sơ,* nghĩa là năm ất và năm canh thì khởi bính từ cung tý tính thuận đến chữ ấy

Tìm sách

mà làm vào canh, canh thuộc về hành kim thế là ất-canh hóa ra hành kim.

Câu : *bính, tân tầm mậu khởi*, nghĩa là năm bính, năm tân tính mậu ở cung tý, rồi tính thuận đến chữ ấy lâm vào chữ nhâm, nhâm thuộc về hành thủy thì bính-tân hóa ra hành thủy.

Câu : *đinh, nhâm canh tý vi* nghĩa là năm đinh và năm nhâm thì tính canh từ tý rồi tính thuận đến chữ ấy lâm vào chữ giáp, giáp thuộc về mộc thế là đinh-nhâm thuộc về hành mộc.

Câu : *mậu, quý tầm nhâm-tý*, nghĩa là năm mậu, và quý thì tính chữ nhâm ở cung tý, tính thuận đến chữ ấy lâm vào bính mà bính thuộc về hỏa, thế là mậu quý hóa ra hỏa.

Số của thập can phải đến thời vị mới hóa ngũ hành thời cung thìn về tượng là long mà long là rồng thời biến hóa được (đoạn trên là ghi ở sách *Loại-tu-chú*).

Mục 43.— VẬN VÀ KHÍ TƯƠNG LÂM MÀ ĐỒNG HÓA

Vận ấy, khí ấy là thái hay thiếu, nếu gặp giờ về chủ năm mà lại thịnh lạc suy thời gọi là *vận khí tương lâm đồng hóa*, đặt lên trên trời thời có năm sao giảm đi nhiều, ứng ở dưới đất thời có lúc khí hao tổn hay sinh dục nhiều.

Vì rằng ngũ hành cùng đi mà khi hóa ra lại có *hưu tù vượng tướng* không giống nhau, gặp năm dương thời khí vượng mà thái quá, gặp năm âm thời khí suy

Tìm sách

mà bất cập. Thái quá đã thắng thời muốn sở thắng được bằng nhau, bất cập đã yếu thời bèn sở thắng lại kiêu về hóa.

Năm thái quá là nội mộc-nhâm bằng kim thời hóa ra kim, canh bằng thời hóa ra hỏa, tuất bằng thời hóa ra thủy, bính bằng thời hóa ra thổ, thổ bằng thời hóa ra mộc.

Năm bất cập là mộc đinh kiêm, kim mà đồng hóa. Kim ất kiêm hỏa mà đồng hỏa, hóa quý kiêm thủy mà đồng hóa, thủy tân kiêm thổ mà đồng hóa, thổ kỷ kiêm mộc mà đồng hóa.

Về tư thiên và khách-khí khách-vận tương lâm cũng có thuận, nghịch, tương hình và tương thù, vận đồng với thiên (vận đồng là tỵ-hỏa) thời cũng là chính, thiên ức chế vận (ức là khắc hay chế) thời trái với hòa bình, như thế là 5 khí bình chính mà không thường phản.

Về năm thái quá thời ngũ vận đều chủ 6 năm là 5 lần 6 là 30 dương-niên. Thái giốc là 6 năm nhâm (dương-mộc) gặp tý, ngọ là quản-hỏa, dần, thân là tương hỏa tư thiên (nhâm-tý, nhâm-ngọ, nhâm-dần, nhâm-thân) thời mộc vận là nghịch, vì hỏa ở trên (con ở địa vị của cha, ở trên là nghịch).

Thái trung là 6 năm mậu (dương-hỏa) hoặc gặp thìn, tuất là hàn-thủy tư-thiên chính ức hỏa đi mà là năm bình khí (hỏa có thủy khắc gọi là bình-khí).

Thượng vũ (khí ở trên hàn-thủy tư thiên, cũng như chính trung là năm mậu-ngọ và cũng như mậu-thìn mậu tuất).

Tìm sách

Thái-cung là 6 năm giáp (dương thổ). Thái-thương là 6 năm canh (dương kim) trong đó gặp tý, ngọ, dần, thân, có nhị hỏa tư thiên, thế là chính dẹp bành kim đi gọi là năm bình-khí. (Kim có hỏa khắc gọi là bình-khí).

Thượng trung (thượng khí quân-hỏa, tướng-hỏa tư thiên) và chính-thương cũng như năm ất-dậu. Năm canh tý, canh-ngọ, canh-dần, canh-thân gặp thìn, tuất hàn-thủy tư-thiên là nghịch, năm canh-thìn, canh-tuất thủy là con của kim mà ở trên là nghịch.

Thái-vũ là 6 năm bính thuộc về dương-thủy bất cập, ngũ vận đều chủ 6 năm, 5 lần 6 thành 30 âm về năm niên.

Thiếu-giốc là 6 năm đinh (âm mộc) gặp kỷ-hợi (phong mộc) tư thiên, là vận được trợ giúp, vì cả thương-giốc (khí ở trên) cùng chính-giốc (đinh-mão) năm đinh-hợi, đinh-tỵ.

Gặp mão, dậu táo-kim tư-thiên cùng với vận kiêm hỏa là cả thượng-thương (khí ở trên thấy táo kim tư thiên) cùng với chính-thương ất dậu cũng như năm đinh-mão, đinh-dậu gặp sửu, mùi thấp-thổ tư thiên, vì mộc bất cập mà hành kim kiêm hóa là hóa là hành thổ được chính thương cung (thượng khí thấy thấp thổ tư thiên cùng với chính cung là năm kỷ-sửu, kỷ mùi chính cung cũng như năm đinh-sửu, đinh-mùi.

Thiếu-trung là 6 năm quý (âm hỏa) trong đó gặp mão, dậu táo-kim tư-thiên là hỏa bất cập mà thủy kiêm hóa, là hành kim được chính quyền thượng-thương khí trên thấy táo-kim tư-thiên cùng với chính thương là năm ất-dậu cũng như năm quý-mão, quý-dậu.

Tìm sách

Thiếu-cung gọi là 6 năm kỷ, (âm thổ) trong đó gặp sửu, mùi là thấp-thổ tư-thiên là vận được trợ giúp, thương-cung (thượng-khí thấy thấp-thổ tư-thiên) cùng với chính cung là năm kỷ-sửu, kỷ-mùi, cũng như năm đinh-sửu, đinh-mùi.

Nếu gặp kỷ-hợi là phong-mộc tư-thiên cùng với vận kiêm hóa là thượng-giốc (thượng-khí thấy phong-mộc tư-thiên) cùng với vận kiêm hóa là thượng-giốc (thượng khí thấy phong-mộc tư-thiên) cũng với chính-giốc là năm đinh-sửu, đinh-mùi cũng như năm kỷ-sửu, kỷ-hợi.

Thiếu-thương 6 năm ất (âm kim) trong đó gặp mão, dậu là táo-kim tư-thiên là vận được trợ giúp, thượng-thương (thượng-khí thấy táo-kim tư-thiên) cùng với chính-thương là năm ất-dậu, cũng như năm ất-mão, ất-dậu.

Nếu gặp kỷ-hợi phong-mộc tư-thiên, là hành kim bất túc mà hành hỏa kiêm hóa, thời hành mộc được chính quyền, vi thượng-giốc (thượng khí thấy phong-mộc tư-thiên) cùng với chính giốc là năm đinh-mão cũng như năm ất-tỵ, ất-hợi.

Thiếu-vũ là 6 năm tân (âm thủy) trong đó gặp sửu, mùi thấp-thổ tư-thiên, cùng với vận kiêm hóa là thượng cung (thượng khí thấy thấp-thổ tư-thiên) cùng với chính cung là năm kỷ-sửu kỷ-mùi cũng như năm tân-sửu và tân-mùi. Nói như trên là lệnh tư-thiên, còn năm thái năm thiếu mà hàng năm ghi chép, là bất đồng vì gặp hay không gặp mà thôi.

Như tư-thiên quân-hỏa là năm tỷ, năm ngọ, tướng-

Tìm sách

hỏa là năm dần, năm thân, hàn-thủy là năm thìn, năm tuất, thường là năm dương tư-thiên, thấp-thổ là sửu, mùi, táo-kim là mão, dậu, phong-mộc là kỷ, hợi thường là năm âm. Nhưng trong 60 năm đều có trên dưới và lâm hay ngộ như tư-thiên thắng vận (thiên hình), vận thắng tư-thiên (bất hòa) hay là vận đương thái quá mà dâm tà thắng hay là vận đương bất cập mà tránh chỗ sở thắng, lại không kiêm về hóa như sao thái-ất, sao thiên-phù, sao tuế-hội, sao đồng-thiên-phù, sao đồng-tuế-hội đã nói đủ ở trên.

Mục 44.— BÀN VỀ NAM-CHÍNH, BẮC-CHÍNH

Vận mà khởi từ thập-can là quân hỏa không đương về vận ấy. Lục-khí lấy quân-hỏa làm tôn (tý, ngọ thiếu dương quân-hỏa tư-thiên), ngũ vận lấy thấp-thổ làm chủ (giáp kỷ hỏa hành thổ khởi từ sơ vận). Cho nên giáp kỷ thổ vận là nam-chính, bính, mậu, canh, nhâm, ất, đinh, tân, quý, là bắc-chính.

Vì hành thổ thành về số ngũ đi suốt cả hành kim (số 4), hành mộc (số 3), hành thủy (số 2), hành hỏa (số 1), địa vị ở về trung ương như vua ngảnh mặt về phương nam mà bốn vị bề tôi phụng thờ. Bốn vị đều ngảnh mặt về phương bắc mà chịu mệnh lệnh. Ứng với mạch của người thời năm giáp kỷ là thổ vận, ngảnh mặt phương nam mà luận mạch thời nam là trên mà bắc là dưới, bộ thốn ở phương nam bộ xích ở phương bắc. Ngảnh mặt về phương bắc mà luận mạch thời bắc là trên mà nam là dưới, bộ thốn ở phương bắc mà bộ xích ở phương nam.

Tìm sách

Về năm có nam-chính thời thiếu-âm tư-thiên không ứng với hai bộ thốn vì thế cho phương nam là trên phương bắc là dưới. Những năm bắc-chính thời thiếu-âm tại tuyền không ứng với hai bộ xích nên mới cho phương bắc là trên mà phương nam là dưới.

Về năm nam-chính ngảnh mặt phương nam để ra chính lệnh thời khí ở phương nam, nên mới cho phương nam là trên mà phương bắc là dưới. Tư-thiên ở trên, tại-tuyền ở dưới ứng với khí người, bộ thốn ở trên mà bộ xích ở dưới, tay trái tay phải như nhau.

Về năm bắc-chính thời mỗi vị ngảnh mặt phương bắc để theo mệnh lệnh thời khí ở phương bắc, vì thế cho phương bắc là trên mà phương nam là dưới. Tại-tuyền ứng lên trên, tư-thiên ứng ở dưới, cho nên ứng với mạch thời bộ xích ứng ở trên mà bộ thốn ứng ở dưới.

Tư-thiên ứng hai bộ xích, tại-truyền ứng hai bộ thốn, hữu-gian của đất là bộ thốn bên phải, tả-gian là bộ thốn bên trái, gian đàng tả của trời là bộ xích bên trái, gian đàng hữu là bộ xích bên phải, con trai ngảnh mặt phương nam để thụ khí của trời thời mạch bộ thốn thường yếu (khí hợp ở phương nam thời bộ thốn yếu). Con gái ngảnh mặt phương bắc để thụ khí của trời thời mạch bộ xích thường mạnh (khí hợp ở phương bắc thời bộ xích mạnh) vì là âm trầm ở dưới cho nên không ứng.

Mạch không ứng là trong tam âm chỗ kinh thiếu-âm ở mà lại chia ra nam-chính và bắc-chính để định trên dưới. Địa vị của lục khí thời thiếu-âm ở giữa (trong đất và trong trời) mà quyết-âm ở bên phải (bên phải

TimSách

của đất, bên phải của trời), thái âm ở đàng tả (bên trái của đất, bên trái của trời) không thể thay đổi được.

Còn kinh thiếu-âm thời chủ về hai bộ thốn và xích (nam-chính thiếu-dương tư- h ên) tư thiên thời hai bộ thốn bất ứng, tại-tuyền thời hai bộ xích bất ứng bắc-chính quyết-âm tại tuyền thời hai bộ thốn bất ứng, tư-thiên thời hai bộ xích bất ứng, quyết-âm tư-thiên thời tại-tuyền nên ở bên phải cho nên bên phải không ứng. Thái âm tư-thiên thời tại tuyền nên ở bên trái, cho nên bên trái bất ứng. Như trên là theo nam bắc mà 'u in bộ xích bộ thốn. Nếu lấy tay mà chẩn mạch thời âm trầm ở dưới, (trái với « trầm » thời là « thù tế và đại ».)

Nội-kinh nói : « bộ xích bộ thốn trái nhau là chết, mạch thấy âm-dương-giao là chết », trước hết xem về năm để biết về khí bên trái bên phải ứng hiện mới nói được thuận nghịch của chết sống. Lại chủ ở mạch để phân biệt về tương phản, để xét kỹ về tương giao mới biết được tinh vi của sống chết.

Âm-dương-giao là người ít tuổi âm ở bên trái thời mạch bên trái bất ứng, mà nay lại thấy ở bên phải — Dương mạch vốn ở bên phải mà tương giao sang bên trái thế là địa vị kinh thiếu-âm đổi đi không phải là mạch kinh thiếu dương mà là mạch kinh thái-dương, cho nên nói là âm dương-giao là chết. Chỉ có 8 năm như vậy là Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, Dần, Thân, Tỵ, Hợi là có (5 lần 8 là 40).

Bộ xích, bộ thốn trái nhau, là năm ấy thiếu-dương ở bộ xích thời bộ xích nên bất ứng mà lại thấy ở bộ thốn. Năm dương ở bộ thốn mà lại đi sang bộ xích, cho nên nói là bộ xích, bộ thốn trái nhau mà trái là

Tìm sách

chết, chỉ ứng với 4 năm, Tý, Ngọ, Mão, Dậu (4 lần 5 là 20).

Nhưng phải là âm dương đều giao nhau mới gọi là « giao », bộ xích, bộ thốn đều phản nhau mới gọi là « phản ». Nếu chỉ ở bản vị nên ứng mà bất ứng thời lại là âm khi bất ứng, chỉ ốm mà thôi chứ không phải là âm-dương tương-giao và xích thốn tương-phản.

Mục 45.— HÌNH ĐỒ NAM-CHÍNH, BẮC-CHÍNH

6 giáp và 6 kỷ cộng là 12 năm là nam-chính, tính từ đầu ngón tay giữa ngược đi 6 bính, 6 tuất, 6 canh, 6 nhâm, 6 đinh, 6 ất, 6 tân, 6 quý cộng 48 năm, là bắc chính tính từ dưới ngón tay giữa ngược đi.

Nam-chính thời năm tý khởi từ đầu ngón tay giữa, bắc-chính thời năm tý khởi từ dưới ngón tay giữa, đều tính ngược đi. Năm nào mùa nào gặp vào địa vị bất ứng, như nam-chính mà năm tý khởi từ đầu ngón tay giữa tức là 2 bộ thốn bất ứng. Năm sửu bộ thốn bên trái, năm dần bộ xích bên trái tính sang bên phải cho đến cùng, đều là địa vị nam-chính bất ứng. Bắc-chính năm tý khởi dưới ngón tay giữa, tức là 2 bộ xích bất ứng, năm sửu bộ xích bên phải, năm dần bộ thốn bên phải, cũng tính từ bên phải cho đến cùng đều là địa vị bắc-chính bất ứng.

Ngón tay vô danh bên phải (tỵ và hợi) thiếu-dương là bộ thốn, bên phải « quan », thiếu-âm là bộ xích bên phải (cung thìn và tuất).

Tìm sách

Đầu ngón tay giữa (tý, ngọ) thiếu-âm là 2 bộ thốn, « nam » là 2 bộ xích, thiếu-âm (mão và dậu).

Ngón tay trỏ bên trái (sửu và mùi), thiếu âm là bộ thốn bên trái « quan », bộ xích bên trái là thiếu-âm (dần thân).

Dần, thân là thiếu-âm bộ thốn bên phải. Thiếu-âm là bộ xích bên phải (sửu và mùi), ngón tay vô danh bên phải.

Mão, dậu thiếu-âm 2 bộ thốn, bắc thiếu-âm 2 bộ xích (tý và ngọ) ở dưới ngón tay giữa.

Thìn, tuất thiếu-âm bộ thốn bên trái, thiếu-âm bộ xích bên trái, (tỵ hợi) ngón tay trỏ bên trái.

Chú giải : Sáu đoạn trên dịch đúng nguyên văn chữ hán, nhưng nghĩa rất tốt.

Mục 46.— BÀI CA NAM BẮC CHÍNH

Thái-âm tư thiên, thiếu-âm ở bên trái

Quyết-âm tư thiên, thiếu-âm ở bên phải

Bài ca thứ 1.—

— *Nam-chính tý ngọ lưỡng tốn trầm*, (thiếu âm tư thiên). *Sửu, mùi* (tả thốn) *tý, hợi* (hữu thốn) *tả hữu tâm* (bộ thốn bên tả bên hữu).

— *Mão, dậu* (thiếu âm tại tuyền) *lưỡng xích dần, thân tả*, (quyết âm tại tuyền, thiếu-dương cư tả bộ xích bên tả).

Tìm sách

— *Thìn, tuất hữu xích* (thái âm tại tuyền) thiếu dương cư hữu) *trực phân minh.*

Bài ca thứ 2.—

— *Bắc-chính dương-minh* (mão, dậu thiếu âm tại tuyền) *trầm lưỡng thốn,* (thìn, tuất thái âm tại tuyền, thiếu âm cư tả, dần, thân quyết âm tại tuyền, thiếu âm cư hữu).

— *Thái-dương* (bộ thốn bên trái) *thiếu-dương* (bộ thốn bên phải) *tả hữu ứng,* (bộ thốn tả và hữu).

— *Thiếu âm lưỡng xích quyết âm tả* (bộ xích bên tả).

— *Thái âm hữu xích* (tý, ngọ, thiếu âm tư thiên), tỵ hợi quyết âm tư thiên, thiếu dương cư tả, sửu, mùi thái âm tư thiên, thiếu âm cư hữu *hà thu vấn.*

CHÚ GIẢI:

Hai bài ca trên đều 4 câu, mỗi câu 7 chữ phân biệt bằng những chữ có gạch ở dưới là câu ca, những chữ có mở ngoặc, đóng ngoặc là lời chú của tác giả, lời chú ở chỗ nào thì tôi để nguyên ở chỗ ấy. Nên tôi phải đánh dấu để phân biệt như vừa nói ở trên.

Mục 47.— Bản đồ số 30, 31, 32, 33

Tính thuận đến: địa vị của thìn gặp mậu-thổ, địa vị của thìn gặp canh-kim, địa vị của thìn gặp tân-thủy, địa vị của thìn gặp giáp-mộc, địa vị của thìn gặp bính-hỏa. Thìn là rồng, rồng có thể biến hóa.

Trời có thập can phối hợp làm 5 vận như giáp-kỷ hóa ra thổ, ất-canh hóa ra kim, bính-tân hóa ra thủy,

TimSách

đinh-nhâm hóa ra mộc, mậu-quý hóa ra hỏa, phải lấy 6 khí của đất làm tiết độ như là giáp, bính, mậu, canh, nhâm (năm dương can) phải đặt lên trên tý, dần, thìn, ngọ, thân, tuất là 6 dương chi, 5 lần 6 thành 30.

Ất, đinh, kỷ, tân, quý, (5 âm-cung) đều đặt lên trên sửu, mão, tỵ, mùi, hợi, dậu là 6 âm-chi thời 6 lần 5 cũng là 30.

Vận còn theo khí mà biến đi, giáp là 6 giáp, ất là 6 ất, bính là 6 bính, đinh là 6 đinh, mậu là 6 mậu, kỷ là 6 kỷ, canh là 6 canh, tân là 6 tân, nhâm là 6 nhâm, quý là 6 quý. Dưới 5 vận, mỗi vận lại đủ 6 khí tức là lục-dâm (phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa) thế là tiết độ với ngũ hóa của ngũ hành không phải là 6 để tiết độ cho 5 hay sao ?

Sau về địa-kỷ (kỷ cương của đất) cứ 5 năm là 1 vòng.

(Xem Hình đồ số 33)

— Tý, ngọ là Thiếu-âm quân-hỏa

— Sửu, mùi là Thái-âm thấp-thổ

— Dần, thân là Thiếu-dương tướng-hỏa

— Mão, dậu là dương-minh táo-kim

— Thìn, tuất là Thái-dương hàn-thủy

— Tỵ, hợi là Quyết-âm phong-mộc.

Đất có 12 chi đối-xung thời thành 6 khí, như tý và ngọ là thiếu-âm quân-hỏa, sửu và mùi là thái-âm thấp thổ, dần và thân là thiếu-dương tướng-hỏa, mão và dậu là dương-minh táo-kim, thìn và tuất là thái-âm hàn-thủy, nhưng phải lấy 5 vận của trời để chế đi, như là tý,

Tìm sách

dần, thìn, ngọ, thân, tuất, 6 dương-chi ấy đều ở dưới giáp, bính, mậu, canh, nhâm là 5 dương-can, 5 lần 6 thành ra 30.

Sửu, mão, tỵ, mùi, dậu, hợi, 6 âm chi ấy đều ở dưới ất, đinh, kỷ, tân, quý là 5 âm can, 6 lần 5 cũng là 30.

Khí còn theo vận mà hóa như: tý là 5 tý, sửu là 5 sửu, dần là 5 dần, mão là 5 mão, thìn là 5 thìn, tỵ là 5 tỵ, ngọ là 5 ngọ, mùi là 5 mùi, thân là 5 thân, dậu là 5 dậu, tuất là 5 tuất, hợi là 5 hợi. Ở trên 6 khí mỗi khí lại gồm 5 vận là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, tức là ngũ-hóa vận-hành để phân biệt với phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa là lục-dâm, không phải là lấy 5 vận để chế 6 khí hay sao ?

Khắp khí của trời thời 6 năm là đủ.

Mục 48.— BÀN VỀ VẬN KHÍ

Trong 5 vận có thái quá có bất cập. Thái quá là Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm, (5 dương-can), bất cập là Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý (5 âm-can), nếu không biết năm ấy ở đâu về khí thịnh hay suy hư hay thực thời không thể làm được thày thuốc giỏi.

Tuy thế, về lẽ vận và khí cũng không nên câu nệ lắm có chứng nội nhân, chứng ngoại nhân dù đương vào vận thái quá mà cũng có chứng bệnh bất túc, đương vào vận bất cập mà cũng có chứng bệnh hữu dư, nếu chỉ chấp nệ về vận, khí thời không tránh khỏi làm tổn hại cho chứng bất túc hay là thêm cho chứng hữu dư.

Huống chi mùa đông cũng có khi ấm, mùa hạ cũng

Tìm sách

có khi rét, mùa xuân cũng có khi ráo, mùa thu cũng có khi ấm, thế là khí hậu trái mùa, nếu phạm vào là thụ bệnh.

Lại như khí mùa xuân, lại đi sang phương tây, khí mùa thu lại đi sang phương đông, khí mùa hạ lại đi sang phương bắc, khí mùa đông lại đi sang phương nam về chỗ đất thấp mà vẫn như khí mùa xuân, về chỗ đất cao mà vẫn như khí mùa đông, trời thiếu ở phương tây-bắc mà nhiều gió, đất thiếu ở phương đông-nam mà nhiều thấp khí. Trong 100 dặm mà có nơi tạnh chỗ mưa, ngoài 1.000 dặm mà chỗ rét chỗ ấm, như thế thời bệnh cũng khác nhau dù ở phương-tây bắc cũng không chắc người nào cũng là khỏe, dù ở phương đông-nam mà không chắc người nào cũng là yếu.

Lại như nắng lâu thời khí dương vượng, mưa lâu thời khí âm vượng. Người khí dương mạnh thời ưa mùa thu, mà đông mà không ưa mùa xuân, mùa hạ. Người khí âm thịnh thời ưa mà xuân, mùa hạ, mà không ưa mùa thu mùa đông.

Cho nên làm thuốc phải tùy cơ ứng biến, mà câu nói : « Chữa bệnh phải xem trước về khí trong năm ấy », là chỉ nói đại khái năm ấy nhiều mưa dầm, thời phần nhiều thụ bệnh về chứng ôn, phải dùng thuốc để thắng thấp mà thôi, chứng khác cũng vậy.

Câu nói : « Đừng trái đến mùa của trời » tức là mùa xuân mùa hạ thời nên dưỡng chân âm, mùa thu, mùa đông thời nên dưỡng chân dương, như mùa xuân, mùa hạ cấm dùng những vị ma-hoàng, quế chi, mùa thu, mùa

Tìm sách

đông cấm dùng những vị thạch-cao, tri-mẫu, hoàng-cầm, hoàng-liên, bạch-thược, thế là không trái với mùa của trời mà thôi, chứ không phải là cứ theo về mùa mà không theo về bệnh, vậy ta có nhiều khi còn phải bỏ thời tiết mà chữa theo về chứng bệnh mà vận số của trời cũng không nên theo về can, chi, năm, tháng đã nhất định như trên để đối phó với những bệnh biến hóa vô cùng.

TìmSách

PHÉP CỜ XEM GIÓ

Hình đồ số 1

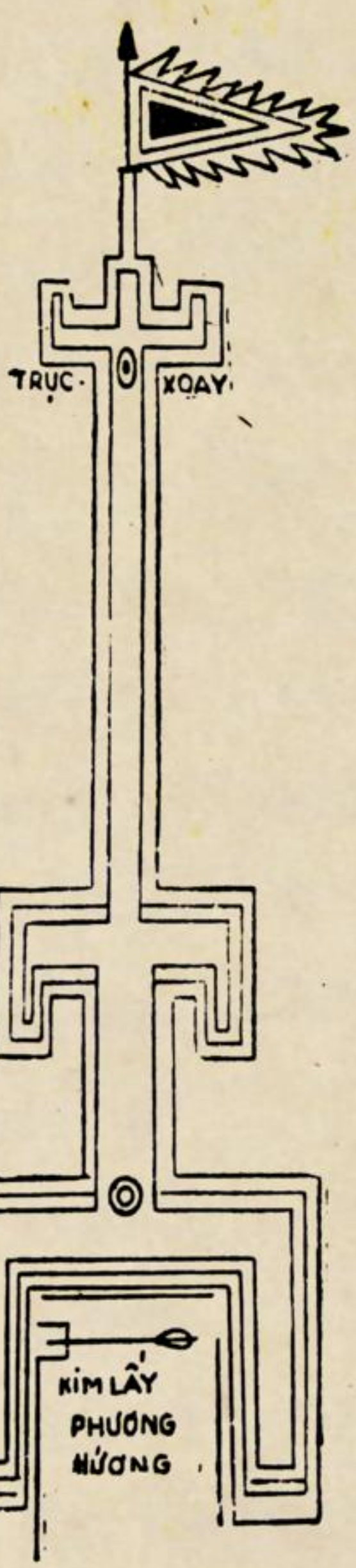

TìmSách

PHƯƠNG VỊ HỒN THIÊN NGHI
(hình đồ xem mây)

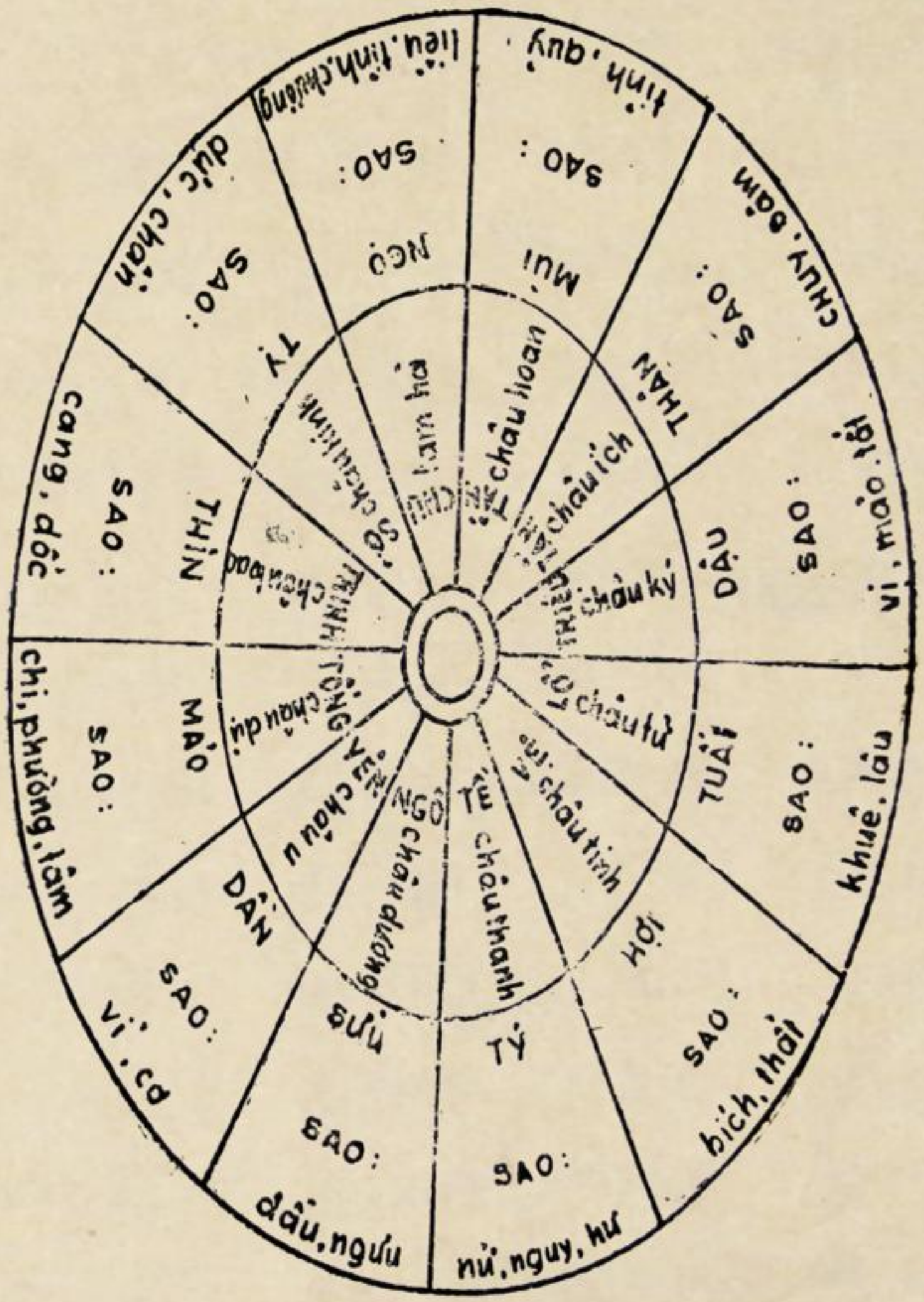

TimSách

Hình đồ số 3

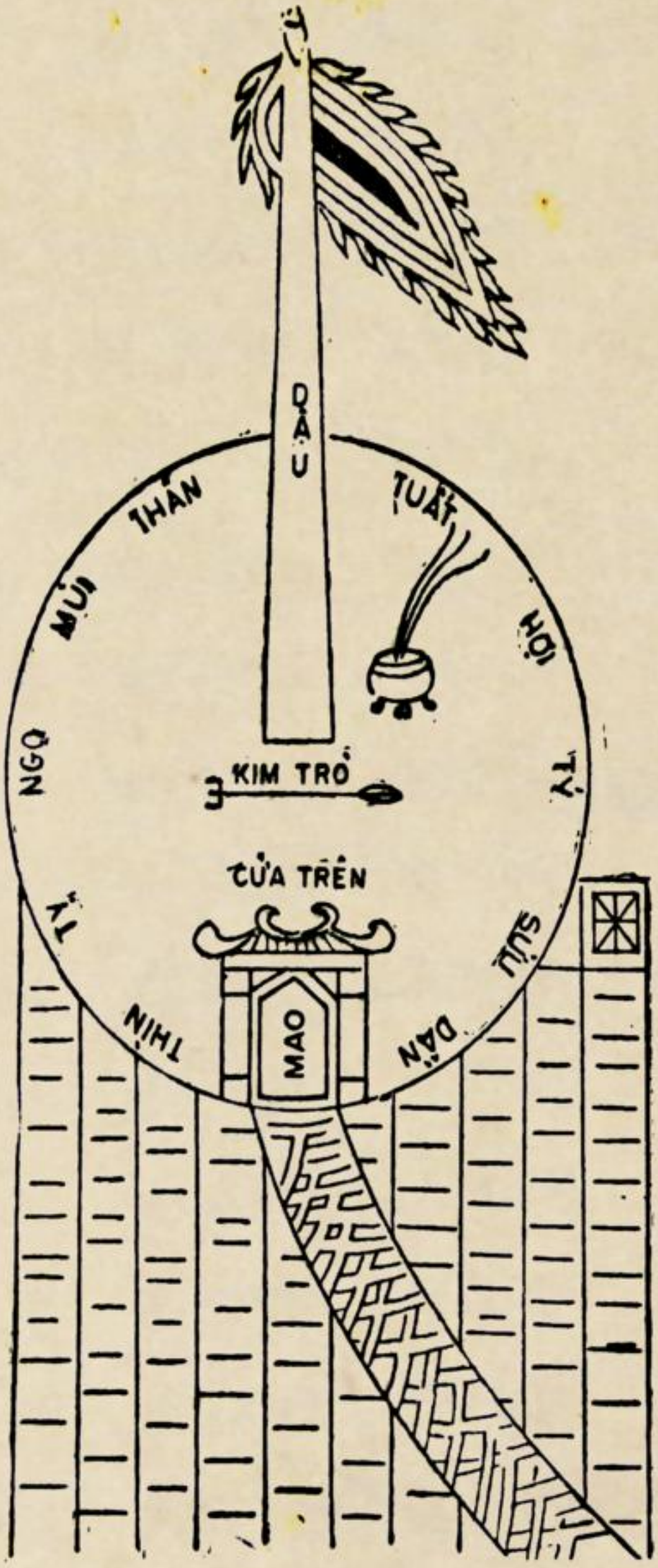
DẬU
THÂN
TUẤT
MÙI
HỢI
NGỌ
TÝ
KIM TRÔ
CỬA TRÊN
TỴ
THÌN
MÃO
DẦN
SỬU

Hình đồ số 4

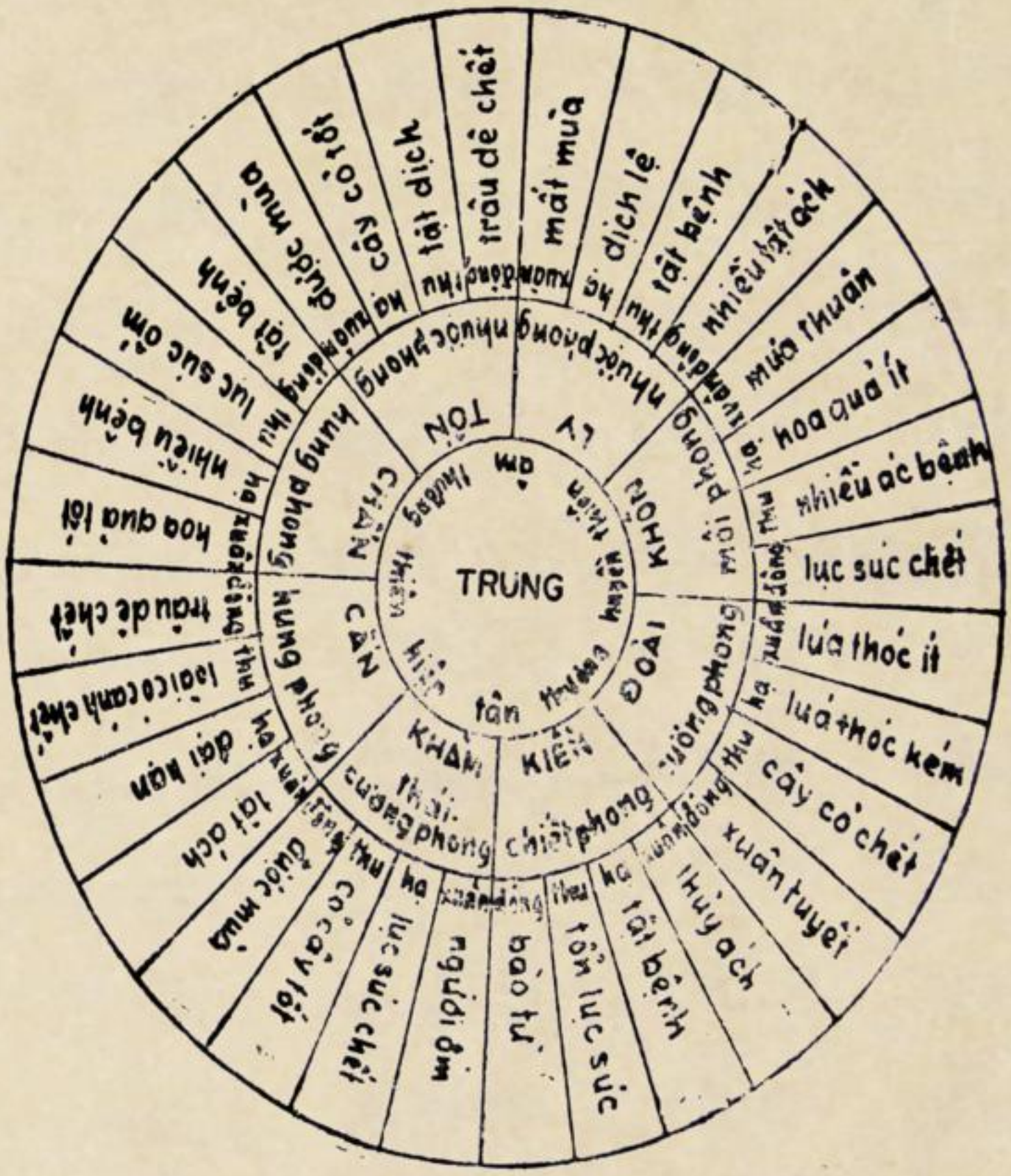
TRUNG
tân thương hiên
CÀN
KHẢM
CẤN
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
KIỀN
thái cương phong
thiếu cương phong
dương minh phong
thái dương hàn thủy
thiếu dương thủy hỏa
dương minh燥金
thái âm湿土
thiếu âm君火
厥陰風木
少陽相火
hoa quả tốt
nhiều bệnh
lục súc ốm
tật bệnh
cây cỏ tốt
mưa nước
trâu dê chết
tật dịch
cây cỏ tốt
mất mùa
dịch lệ
tật bệnh
nhiều tật ách
mưa thuận
hoa quả ít
nhiều ác bệnh
lục súc chết
lúa thóc ít
lúa thóc kém
cây cỏ chết
xuân tuyết
thủy ách
tật bệnh
tổn lục súc
bão tố
người đi
lục súc chết
cỏ cây tốt
được mùa
tật ách
đại hạn
loài côn trùng chết
trâu dê chết
hoa quả tốt

số 5

HÌNH ĐỒ CHỦ VẬN

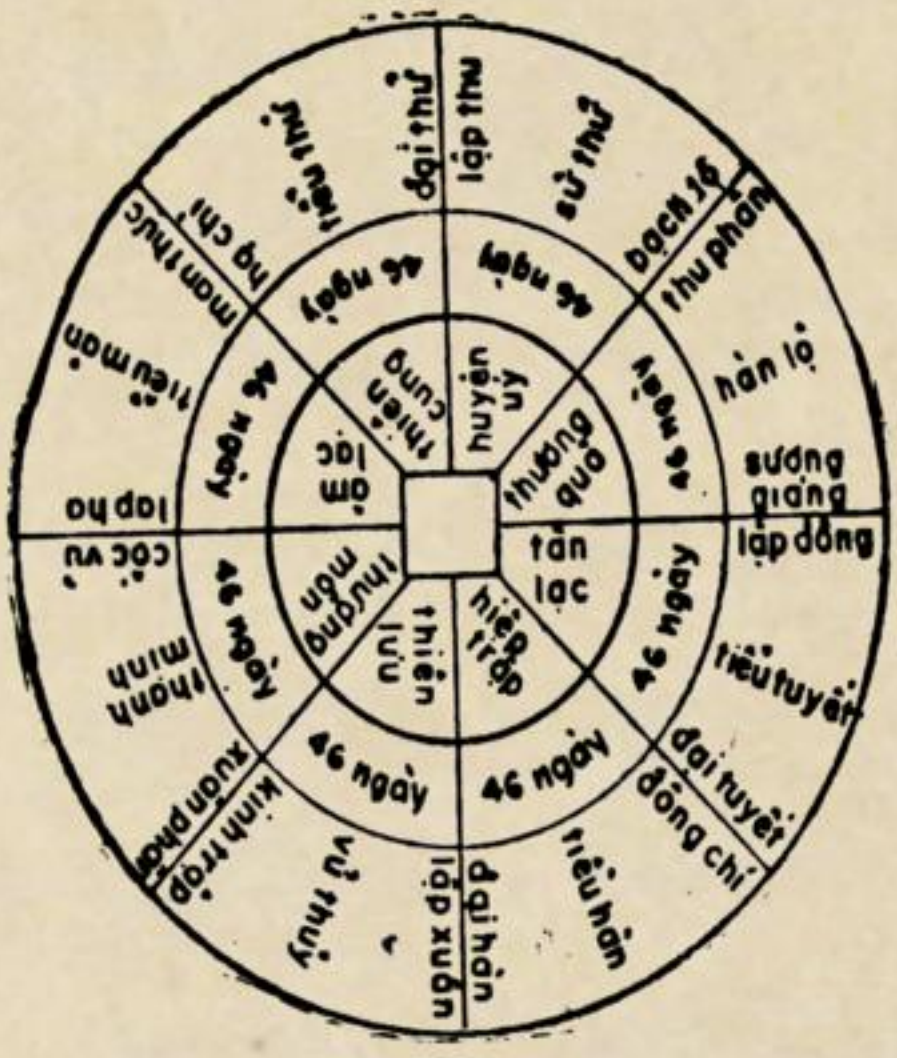
lập thu
sử thử
bạch lộ
thu phân
hàn lộ
sương giáng
lập đông
tiểu tuyết
đại tuyết
đông chí
tiểu hàn
đại hàn
lập xuân
vũ thủy
kinh trập
xuân phân
thanh minh
cốc vũ
lập hạ
tiểu mãn
mang chủng
đại thử
tiểu thử
lập thu
sử thử
bạch lộ
thu phân
hàn lộ
sương giáng
lập đông
tiểu tuyết
đại tuyết
đông chí
tiểu hàn
đại hàn
lập xuân
vũ thủy
kinh trập
xuân phân
thanh minh
cốc vũ
lập hạ
tiểu mãn
mang chủng
đại thử
tiểu thử
thiên cung
thiên lực
thiên lực
thiên cung
huyền vũ
thuần dương
thuần âm
thuần âm
thuần dương
huyền vũ
thiên cung
thiên lực
thiên lực
thiên cung
huyền vũ
thuần dương
thuần âm
thuần âm
thuần dương
huyền vũ
46 ngày
46 ngày
46 ngày

số 7

HÌNH ĐỒ CHỦ KHÍ

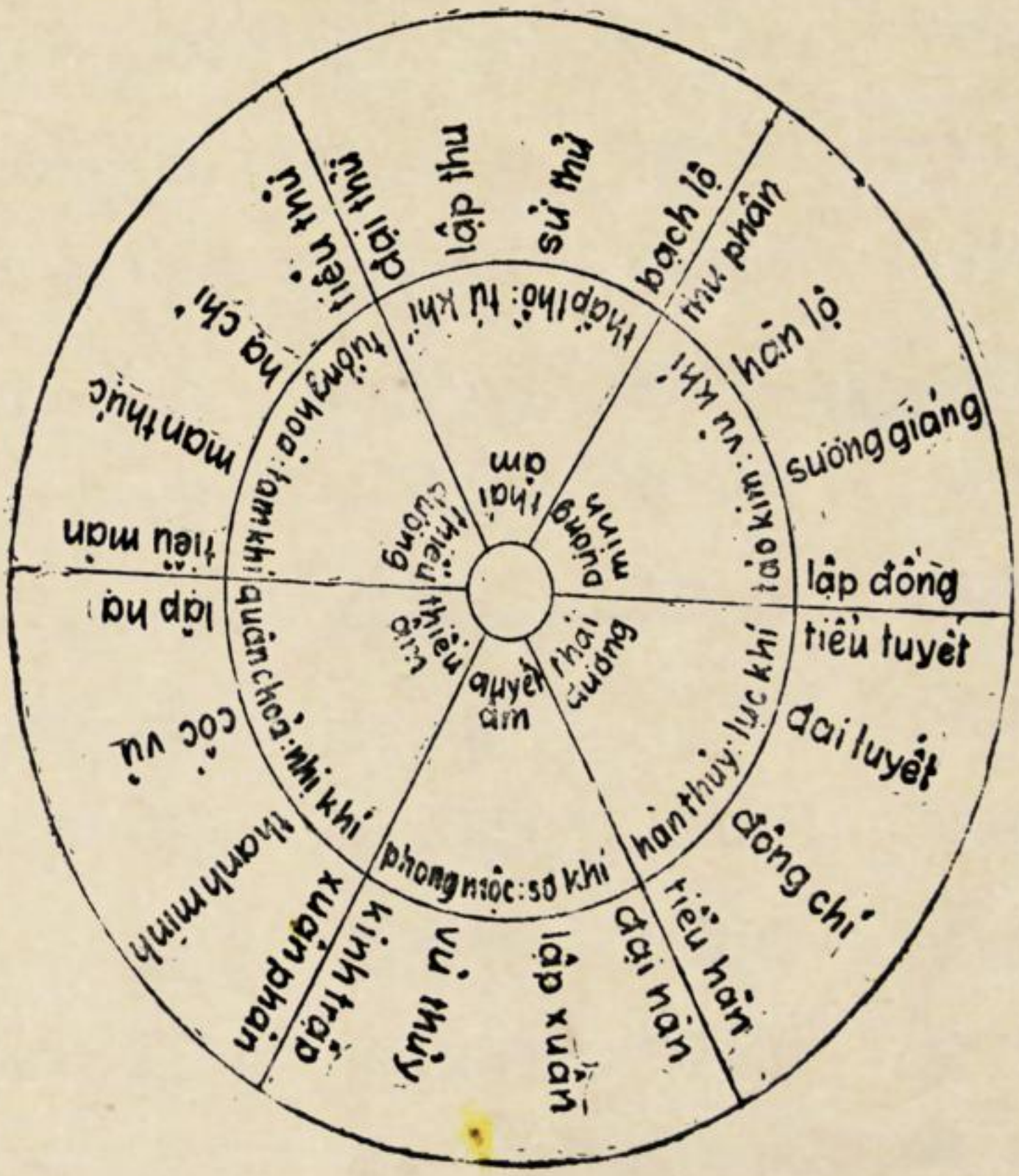
hàn lộ
sương giáng
lập đông
tiểu tuyết
đại tuyết
đông chí
tiểu hàn
đại hàn
lập xuân
vũ thủy
kinh trập
xuân phân
thanh minh
cốc vũ
lập hạ
tiểu mãn
mang chủng
hạ chí
tiểu thử
đại thử
lập thu
xử thử
bạch lộ
thu phân
hàn lộ
sương giáng
lập đông
tiểu tuyết
đại tuyết
đông chí
tiểu hàn
đại hàn
lập xuân
vũ thủy
kinh trập
xuân phân
thanh minh
cốc vũ
lập hạ
tiểu mãn
mang chủng
hạ chí
tiểu thử
đại thử
lập thu
xử thử
bạch lộ
thu phân
thái dương
thiếu dương
thái âm
thiếu âm
quyết âm

ĐỒ CHỦ VẬN 60 NĂM

số 8

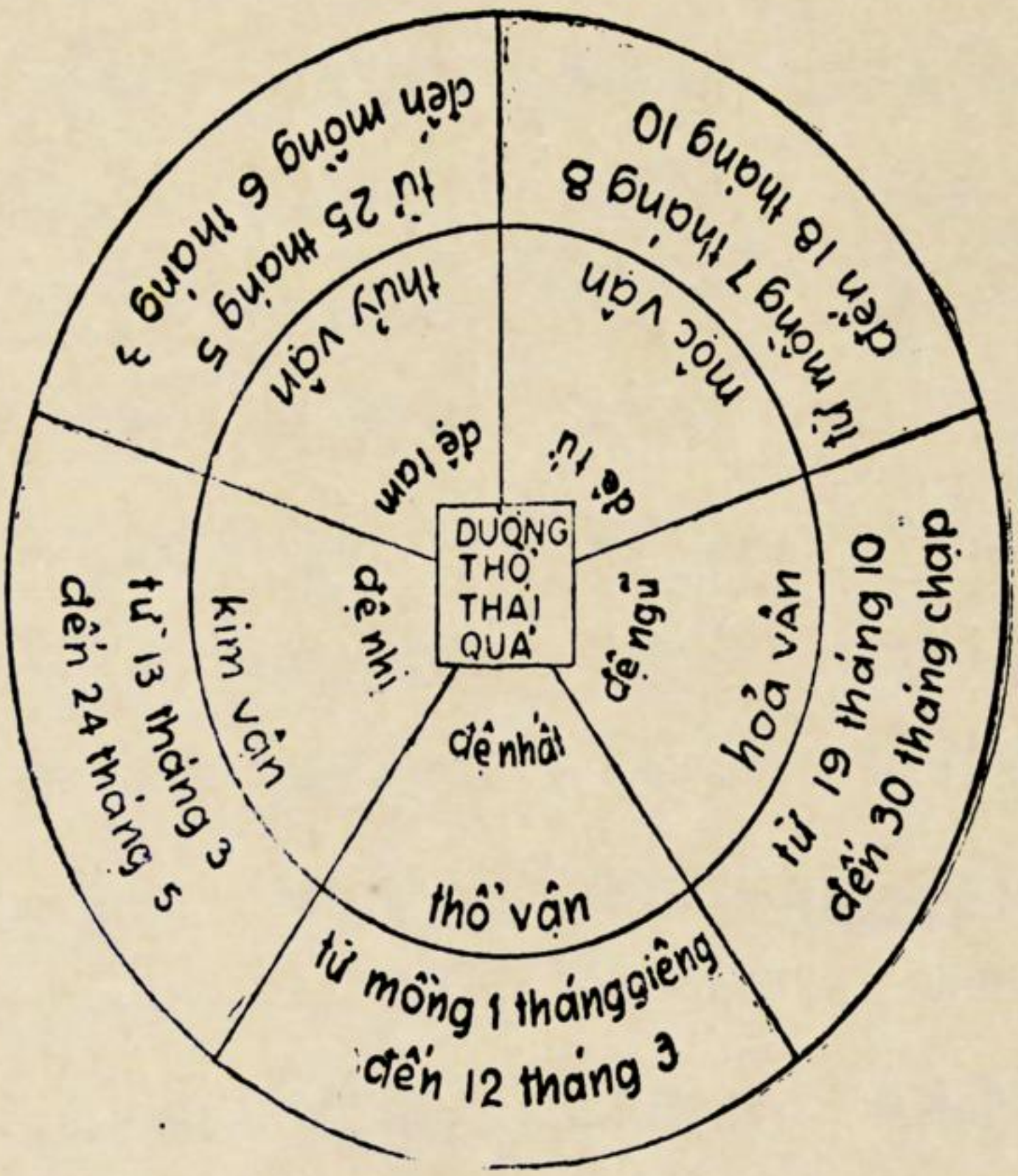

CHÚ GIẢI HÌNH ĐỒ SỐ 8

— Năm *Giáp-tý*: Hỏa, Kim hợp hành thổ
— Năm *Giáp-ngọ:* Hỏa, Kim hợp hành thổ
— Năm *Giáp-dần:* Trên và giữa mạnh, dưới yếu
— Năm *Giáp-thân*: Trên và giữa mạnh, dưới yếu
— Năm *Giáp-thìn:* Trên thịnh quá
— Năm *Giáp-tuất:* Dưới thịnh quá.

Hành thổ thắng khắc hành thủy mà khinh thường hành thủy, sắc vàng mà hơi trắng, vàng là sắc trắng hơn, trắng là mẹ sinh ra thủy, khí của mẹ con tương ứng với nhau, cho nên cùng hiện ra. Những năm ấy thấp khí nhiều, nước sông to, trầm cũng nhiều cá, thấp khí nhiều gió làn đi, gió mưa to, đất cũng sụt lở, đồng khô có cá.

TimSách

Hình đồ số 9

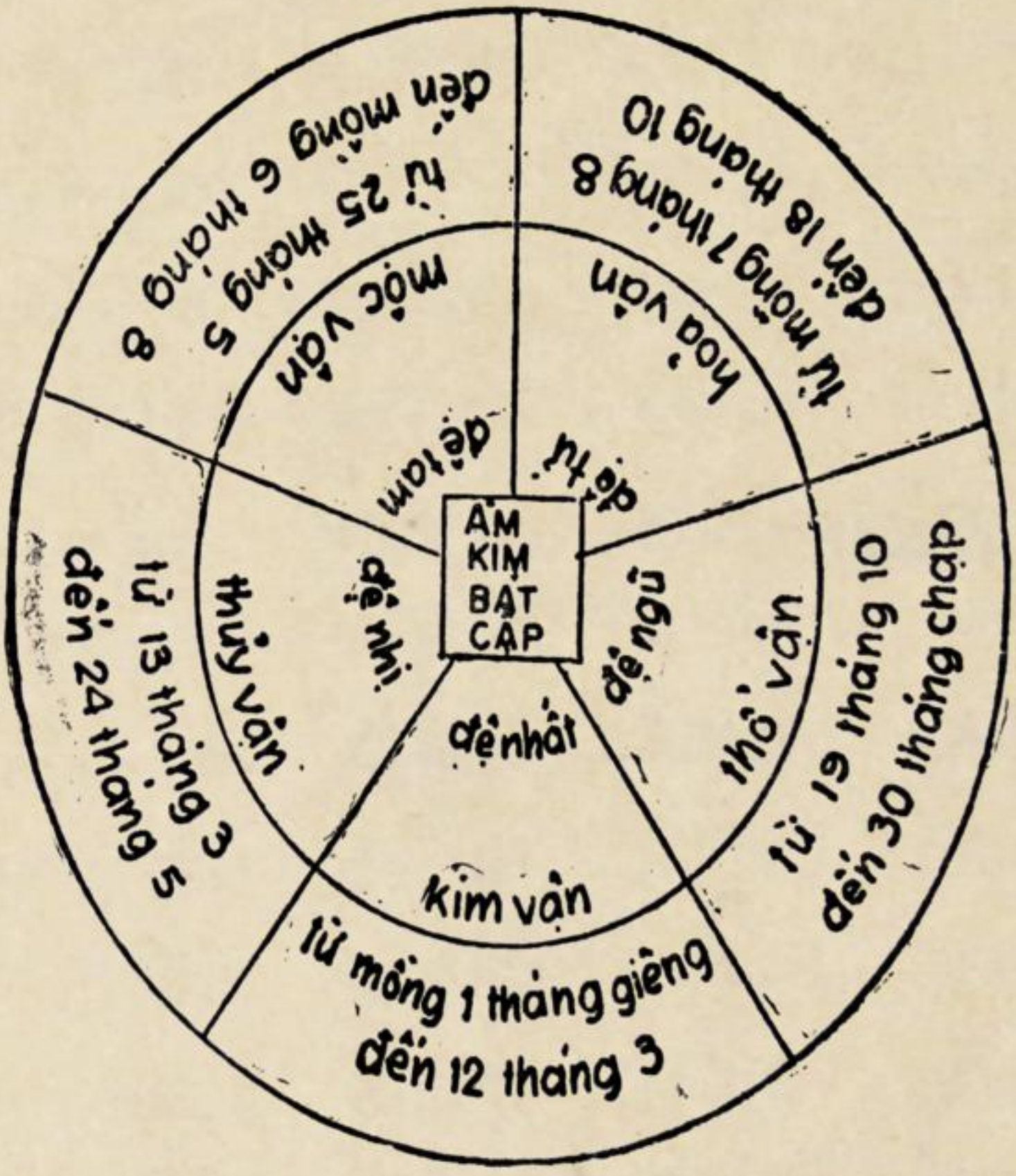

Tìm sách

CHÚ GIẢI HÌNH ĐỒ SỐ 9

— Năm *Ất sửu* : Thổ Thủy hợp với kim

— Năm *Ất mùi* : Thổ Thủy hợp với kim

— Năm *Ất mão* : Khí hành kim hợp

— Năm *Ất dậu* : Khí hành kim hợp

— Năm *Ất tỵ* : Hành kim kém, hành hỏa khắc, hành thủy thịnh.

Hành kim bất cập hành hỏa lấn đi, lửa nóng thịnh hành, hành kim không thắng được hành mộc, cỏ cây xanh tốt, khí của hỏa vượng riêng mà tiêu-thước, hành hỏa mạnh thời hành thủy phục thù mà mưa rét dữ đội.

Lại thêm băng tuyết nhiều và mưa đá, muôn vật tai ương, nhà làm ruộng mất mùa, nếu mùa hạ có biến về lửa cháy thời mùa thu bị hại về sương tuyết, mưa đá, vì không thắng thời không phục thù.

Tìm sách

Hình đồ số 10

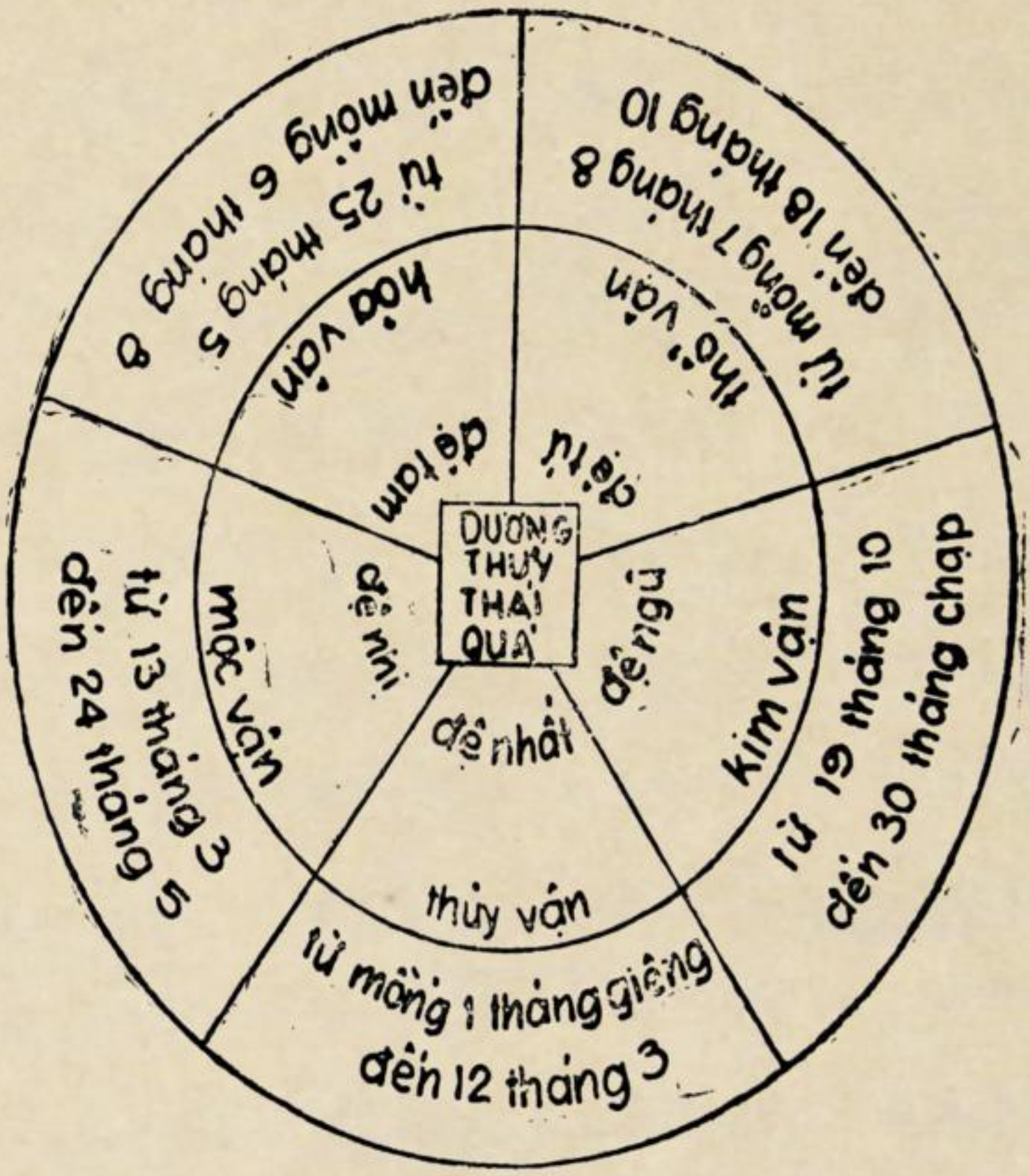

CHÚ GIẢI HÌNH ĐỒ SỐ 10

— Năm *Bính tý* : Hành thủy hợp mà khắc hành hỏa.
— Năm *Bính ngọ* : Hành thủy hợp mà khắc hành hỏa.
— Năm *Bính dần* : Kiêm cả thủy hỏa mà không rét lắm.
— Năm *Bính thân* : Kiêm cả thủy hỏa mà không rét lắm.
— Năm *Bính thin* : Hành thủy mạnh quá.
— Năm *Bính tuất* : Hành thủy mạnh quá.

Những năm trên hành thủy thắng mà khắc hành hỏa, hành thủy thắng thời hành thổ phục thù, nên có mưa to, gặp mưa là u-uất. Năm Bính thìn và Bính tuất, trên làm với thái-dương, nước mưa và sương tuyết bất thần giáng xuống, có thấp khi, khí âm thịnh khi dương suy.

TimSách

Hình đồ số 11

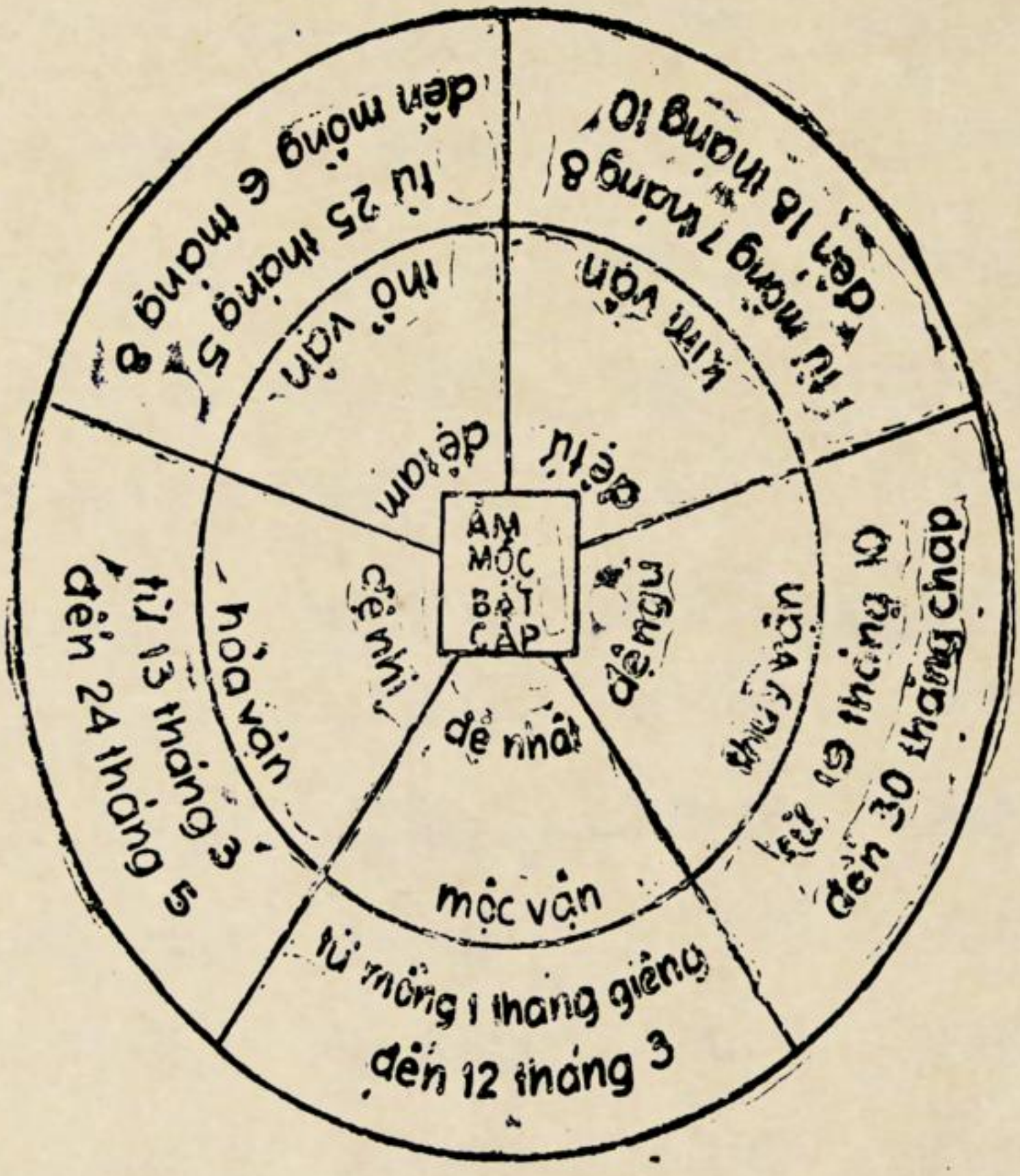
ÂM MỘC BẤT CẤP
mộc vận
đệ nhất
từ mồng 1 tháng giêng
đến 12 tháng 3
thổ vận
đệ tứ
từ 25 tháng 5
đến mồng 8 tháng 8
kim vận
đệ tam
từ mồng 7 tháng 8
đến 15 tháng 10
hỏa vận
đệ nhị
từ 13 tháng 3
đến 24 tháng 5
thủy vận
đệ ngũ
từ 16 tháng 10
đến 30 tháng chạp

CHÚ GIẢI HÌNH ĐỒ SỐ 11

— Năm *Đinh sửu* : Hành mộc bất cập lắm.

— Năm *Đinh mùi* : Hành mộc bất cập lắm.

— Năm *Đinh mão* : Hành mộc bất cập lắm.

— Năm *Đinh dậu* : Hành mộc bất cập lắm.

— Năm *Đinh tỵ* : Hành mộc bất cập lắm nhưng gặp cứu trợ.

— Năm *Đinh hợi* : Hành mộc bất cập lắm nhưng gặp cứu trợ.

Hành mộc bất cập thời hành kim lấn đi, cây cỏ tốt muộn, có cây khô héo. Những năm ấy thường có mưa lạnh, vận của hành mộc bất cập thời hành thổ không có gì chế đi, cho nên sâu trùng làm hại nhiều. Hành kim thịnh thời hành hỏa phục thù nên nhiều các thứ sâu mọt là khí của hành hỏa hóa ra, (những năm hỏa vận thời như vậy). Hành kim thắng hành mộc thời khí trời sát phạt mà hành hỏa phục thù.

Tìm sách

Hình đồ số 12

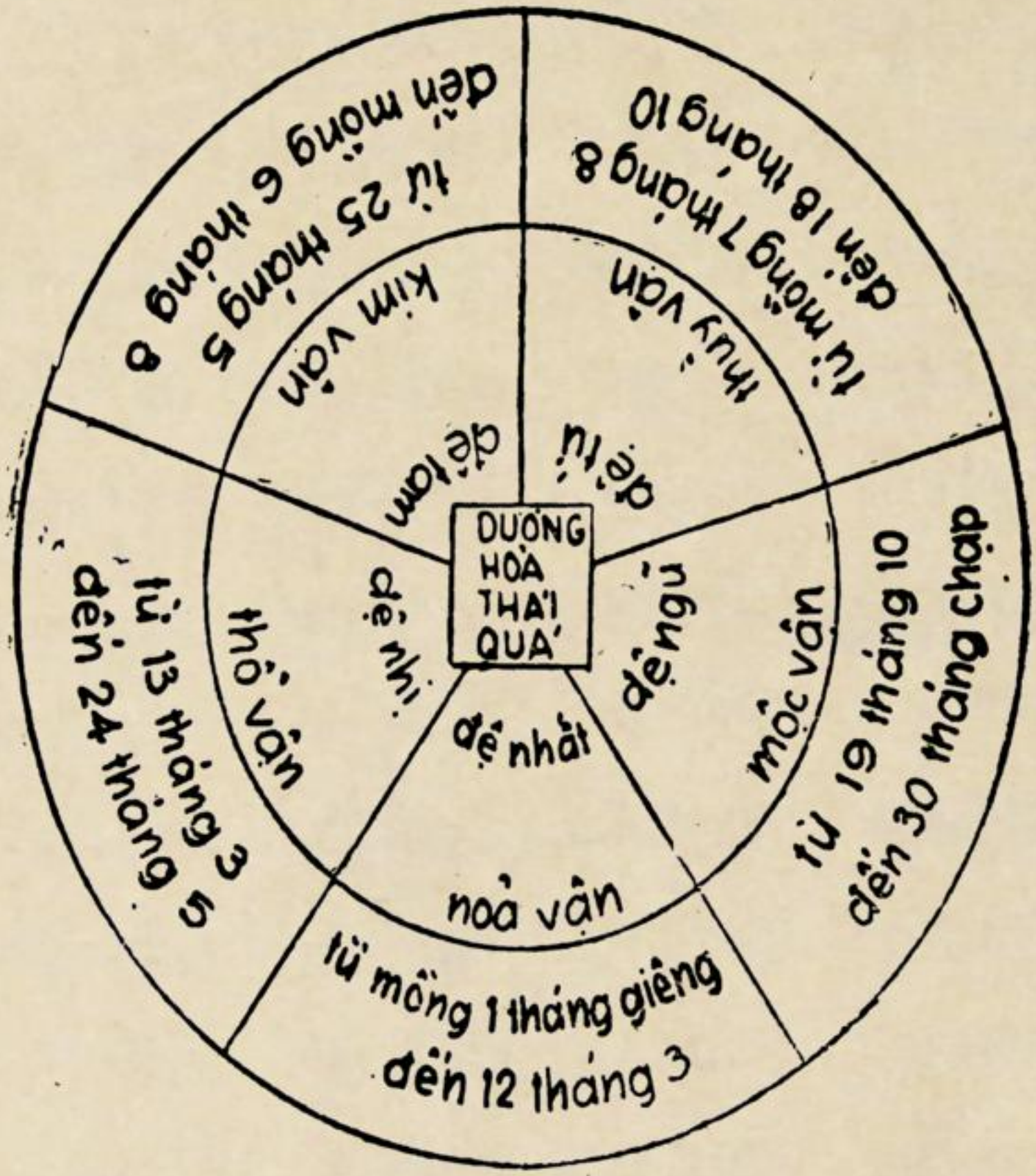
DƯƠNG HÒA THÁI QUÁ
đệ nhất
thuỷ vận
từ mồng 7 tháng 8
đến 18 tháng 10
thổ vận
từ 25 tháng 5
đến mồng 6 tháng 8
kim vận
từ 13 tháng 3
đến 24 tháng 5
mộc vận
từ 19 tháng 10
đến 30 tháng chạp
hoả vận
từ mồng 1 tháng giêng
đến 12 tháng 3
đệ nhị
đệ tam
đệ tứ
đệ ngũ

CHÚ GIẢI HÌNH ĐỒ SỐ 12

— Năm *Mậu tý* : Hỏa vượng quá không có gì dẹp đi được.

— Năm *Mậu ngọ* : Hỏa vượng quá không có gì dẹp đi được.

— Năm *Mậu dần* : Hỏa rất mạnh.

— Năm *Mậu thân* : Hỏa rất mạnh.

— Năm *Mậu thìn* : Thủy chế hỏa.

— Năm *Mậu tuất* : Thủy chế hỏa.

Hành hỏa thịnh, hành kim suy, hành thủy tất lấn đi nhiều. Năm ấy nhiều mưa và sương tuyết, hành hỏa quá thì hành kim phục thù.

TìmSách

Hình đồ số 13

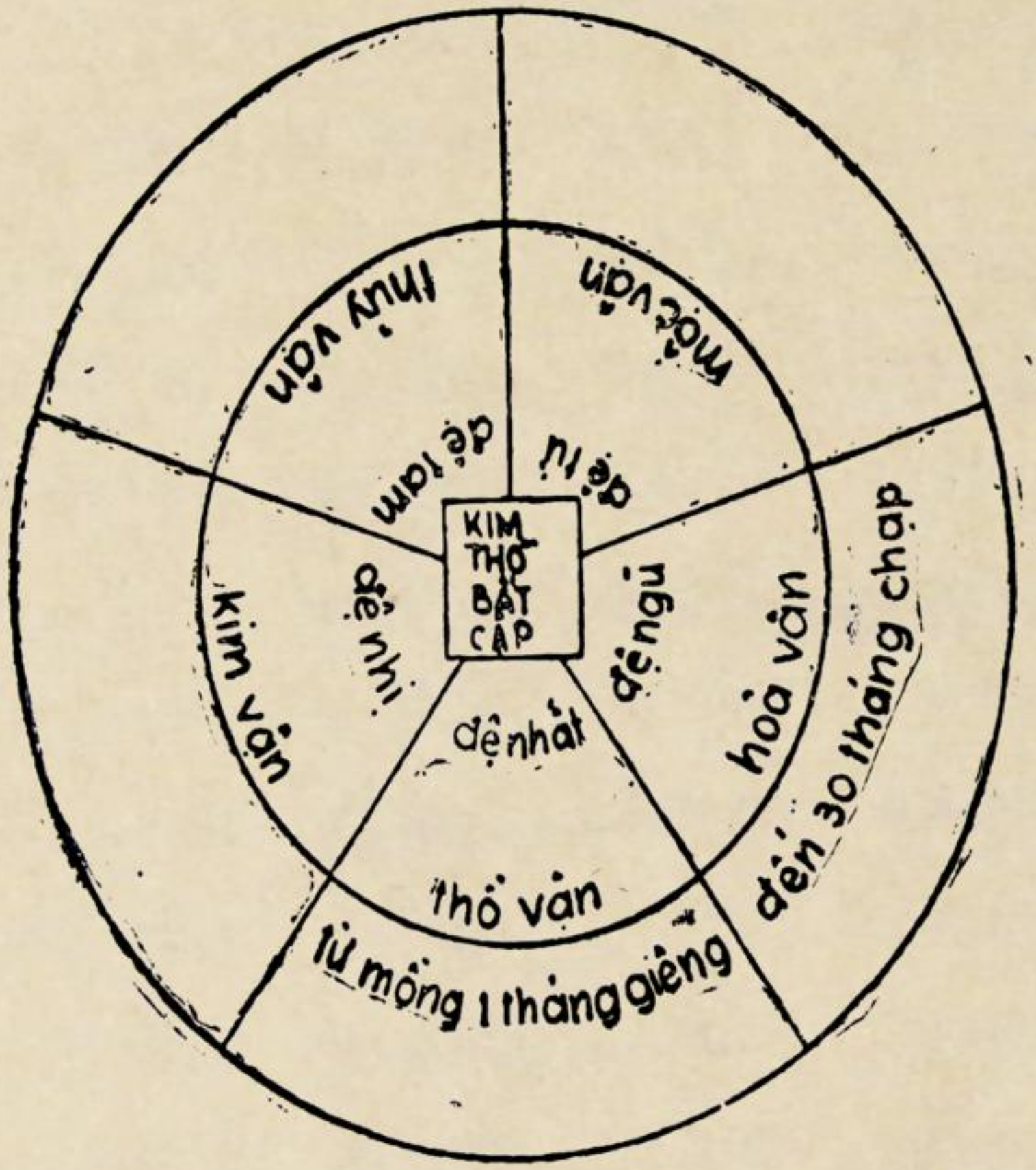
KIM THỔ BẤT CẤP
mộc vận
hỏa vận
thổ vận
kim vận
thủy vận
đệ tứ
đệ ngũ
đệ nhất
đệ nhị
đệ tam
từ mồng 1 tháng giêng
đến 30 tháng chạp

CHÚ GIẢI HÌNH ĐỒ SỐ 13

— Năm *Kỷ sửu* : Hành thổ yếu nhưng được cứu trợ.

— Năm *Kỷ mùi* : Hành thổ bất cập.

— Năm *Kỷ mão* : Hành thổ bất cập.

— Năm *Kỷ dậu* : Hành thổ bất cập.

— Năm *Kỷ tỵ* : Hành thổ và hành hỏa bất cập.
Hành thủy thắng.

Hành thổ bất cập thời hành thổ lấn đi, cho nên nhiều gió. Hành mộc thịnh thì cây cỏ tốt. Hành thổ lâm vào kinh quyết âm, ở dưới khắc tướng hỏa cho nên không được đầy đủ thì dù tốt nhưng ít quả ở trên nước không thành băng mà sâu dưới đất bò lên, hỏa lấp ở dưới đất cho nên thủy vô dụng mà khí của hành kim không phục thù được, người mạnh ít ốm, năm Mão, năm Tỵ, năm Dậu hành mộc thắng hành thổ, hành kim phục thù hành mộc, thời bệnh nhiều nhọt, bốn tháng cuối bốn mùa có gió to là hành mộc khắc hành thổ. Mùa thu mưa dầm là hành kim phục thù hành mộc.

Tìm sách

Hình đồ số 14

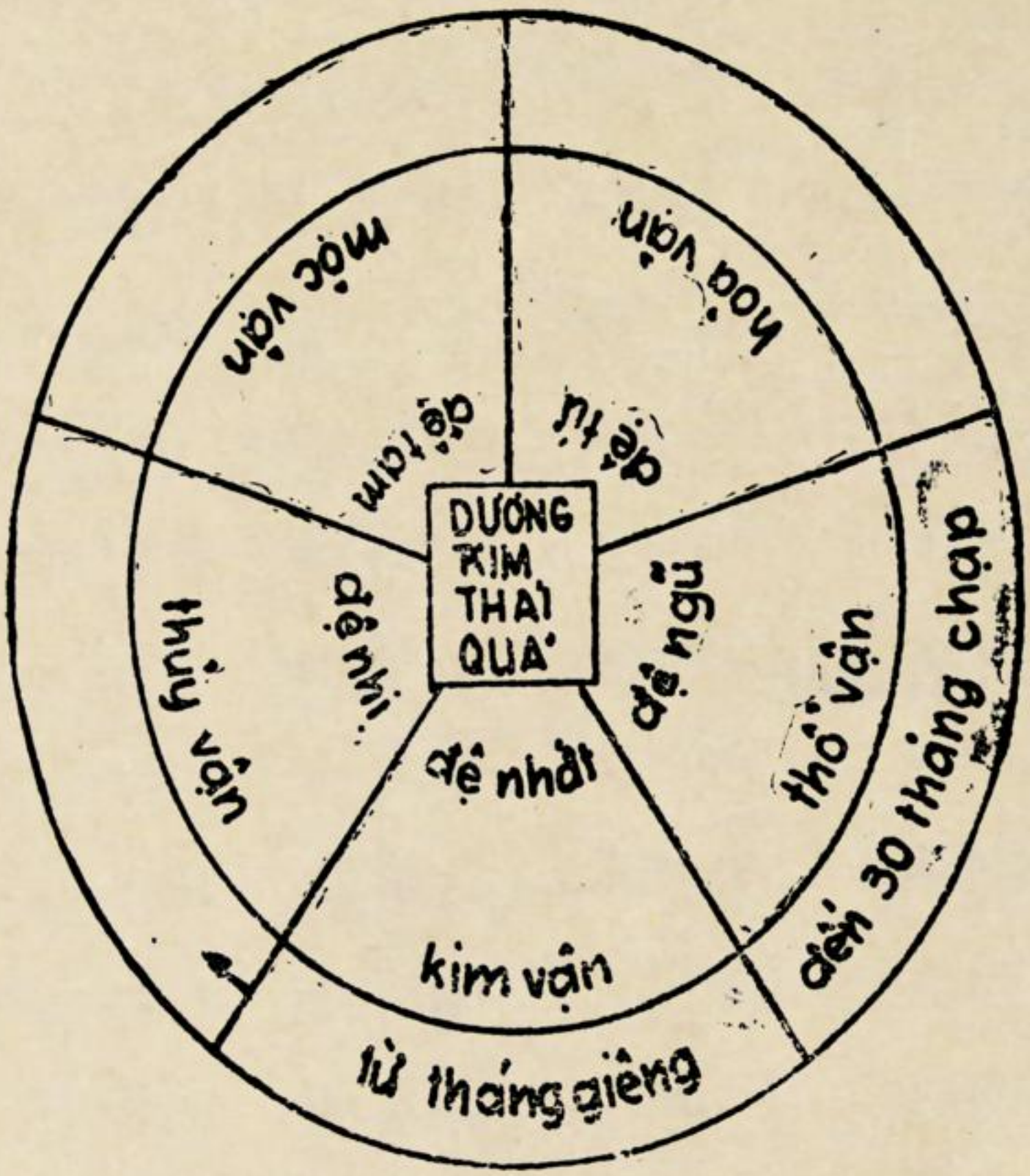
DƯƠNG KIM THÁI QUÁ
đệ nhất
đệ tứ
đệ ngũ
đệ tam
đệ nhị
mộc vận
hỏa vận
thổ vận
kim vận
thủy vận
từ tháng giêng
đến 30 tháng chạp

CHÚ GIẢI HÌNH ĐỒ SỐ 14

— Năm *Canh-tý :* Hành kim thái quá, lại được trợ giúp.

— Năm *Canh-ngọ :* Hành kim thái quá, lại được trợ giúp.

— Năm *Canh-dần :* Hành kim khắc quá, hành hỏa hại hành kim.

— Năm *Canh-thân :* Hành kim khắc quá hành hỏa thịnh, phạt hành kim.

— Năm *Canh-thìn :* Hành kim quá không hành nào dẹp đi.

— Năm *Canh tuất :* Hành kim thịnh, hành mộc suy, cỏ cây kém tươi tốt, hành kim mạnh quá, hành hỏa lại lấn đi.

TìmSách

Hình đồ số 15

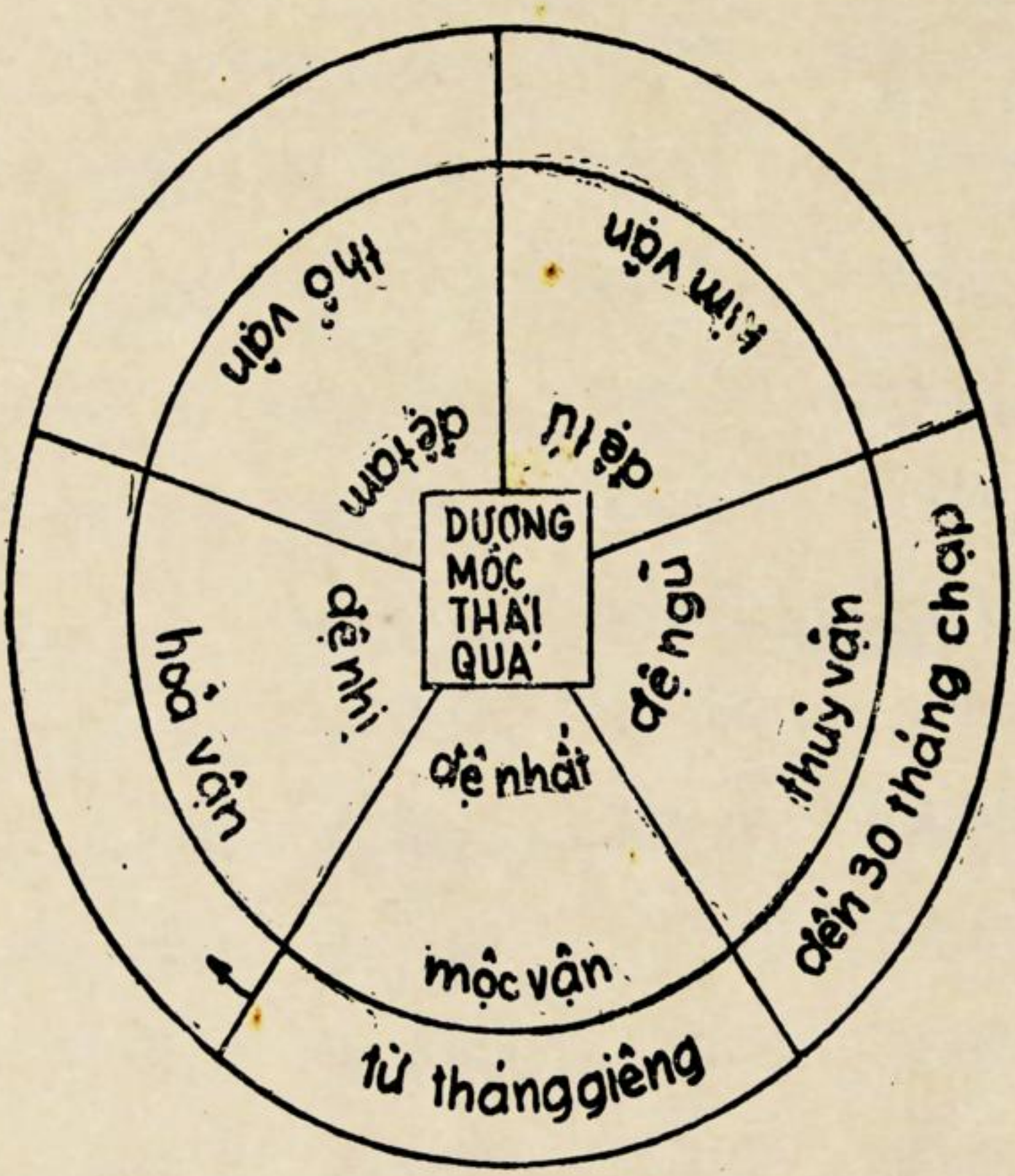
DƯƠNG MỘC THÁI QUÁ
đệ nhất
mộc vận
từ thánggiêng
đến 30 thán
thuỷ vận
đệ ngũ
hỏa vận
đệ nhị
thổ vận
đệ tam
kim vận
đệ tứ

CHÚ GIẢI HÌNH ĐỒ SỐ 15

— Năm *Tân-sửu :* Hành thủy ở trên kém, ở dưới mạnh.

— Năm *Tân-mùi* : Hành thủy ở trên kém, ở dưới mạnh.

— Năm *Tân-mão :* Hành thủy bất cập.

— Năm *Tân-dậu* : Hành thủy bất cập.

— Năm *Tân-tỵ* : Hành thủy yếu lắm.

— Năm *Tân-hợi* : Hành thủy yếu lắm.

Hành thủy bất cập thời hành thổ lấn đi, thấp khí nhiều hành thủy đã suy thời hành thổ, hành hỏa đồng hóa, cho nên khí của hành hỏa làm việc, nắng mưa luôn, ngũ cốc kém, người nhiều bệnh về hạ-bộ, hành thổ mạnh hành mộc phục thù, chợt có gió to, cây gẫy, cỏ lướt, muôn vật không tươi sáng, nhà làm ruộng mất mùa.

TimSách

Hình đồ số 16

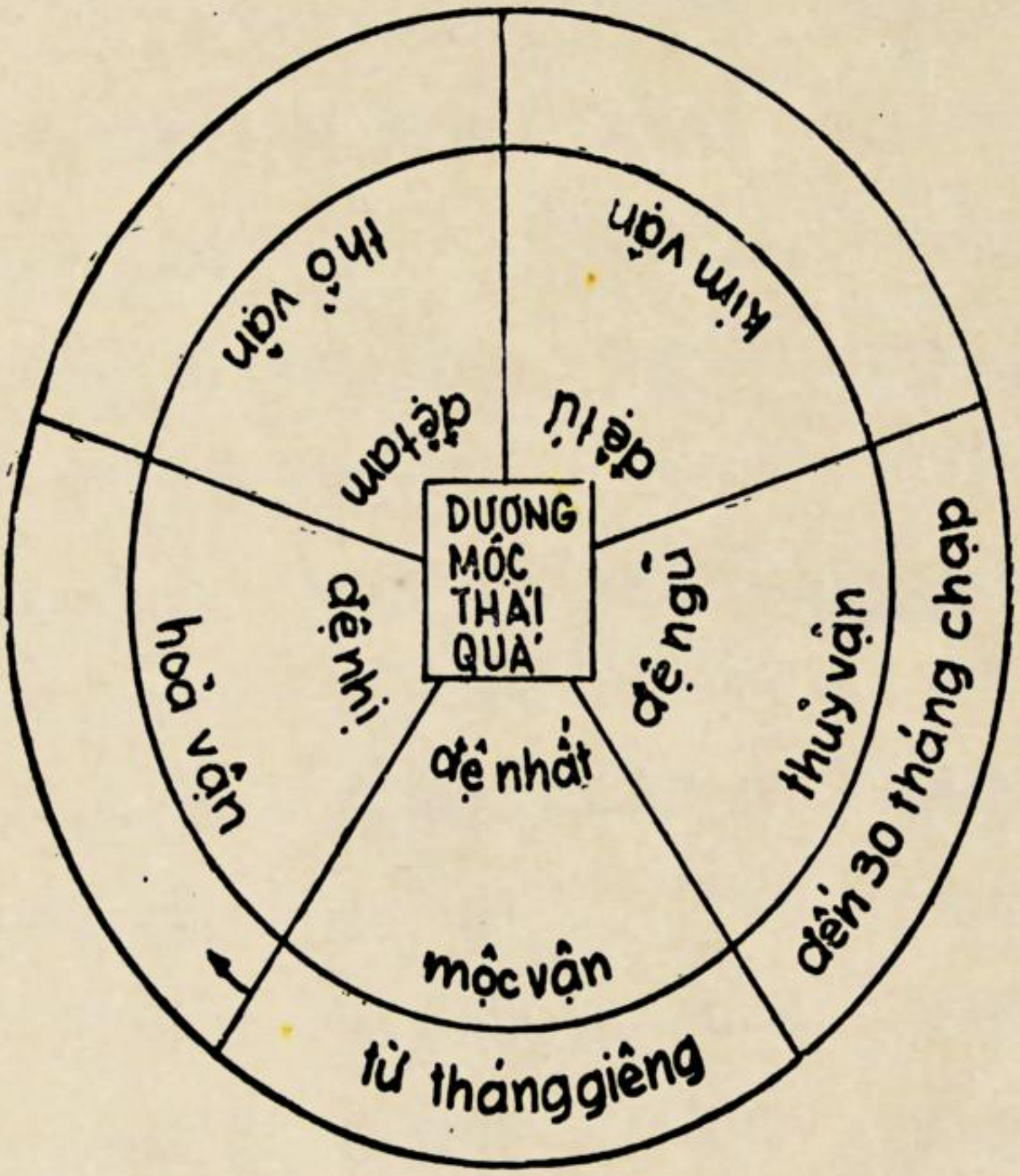
DƯƠNG MỘC THÁI QUÁ
đệ nhất
đệ nhị
đệ tam
đệ tứ
đệ ngũ
kim vận
thổ vận
hoả vận
mộc vận
thuỷ vận
từ thánggiêng
đến 30 tháng chạ

CHÚ GIẢI HÌNH ĐỒ SỐ 16

— Năm *Nhâm-tý* : Hành mộc thái quá.

— Năm *Nhâm-ngọ* : Hành mộc thái quá.

— Năm *Nhâm-dần* : Hành mộc thịnh quá.

— Năm *Nhâm-thân* : Hành mộc thịnh quá.

— Năm *Nhâm-thìn* : Hành mộc thái quá không có gì dẹp đi.

— Năm *Nhâm-tuất* : Hành mộc thái quá không có gì dẹp đi.

Những năm trên, hành mộc thái quá thời nhiều gió to, hành mộc thịnh hành thổ suy, cỏ cây không được vượng, hành mộc thắng, hành kim lấn đi, thời cỏ cây héo rụng. Sao Thái-Bạch sáng tỏ thời khí của hành kim đến phục thù. Năm Tý, Ngọ, Dần, Thân hành mộc hữu dư mà hành hỏa giữ chức tư-thiên, là mẹ con nghịch khí, thời hay phát bệnh thổ.

Tìm sách

Hình đồ số 17

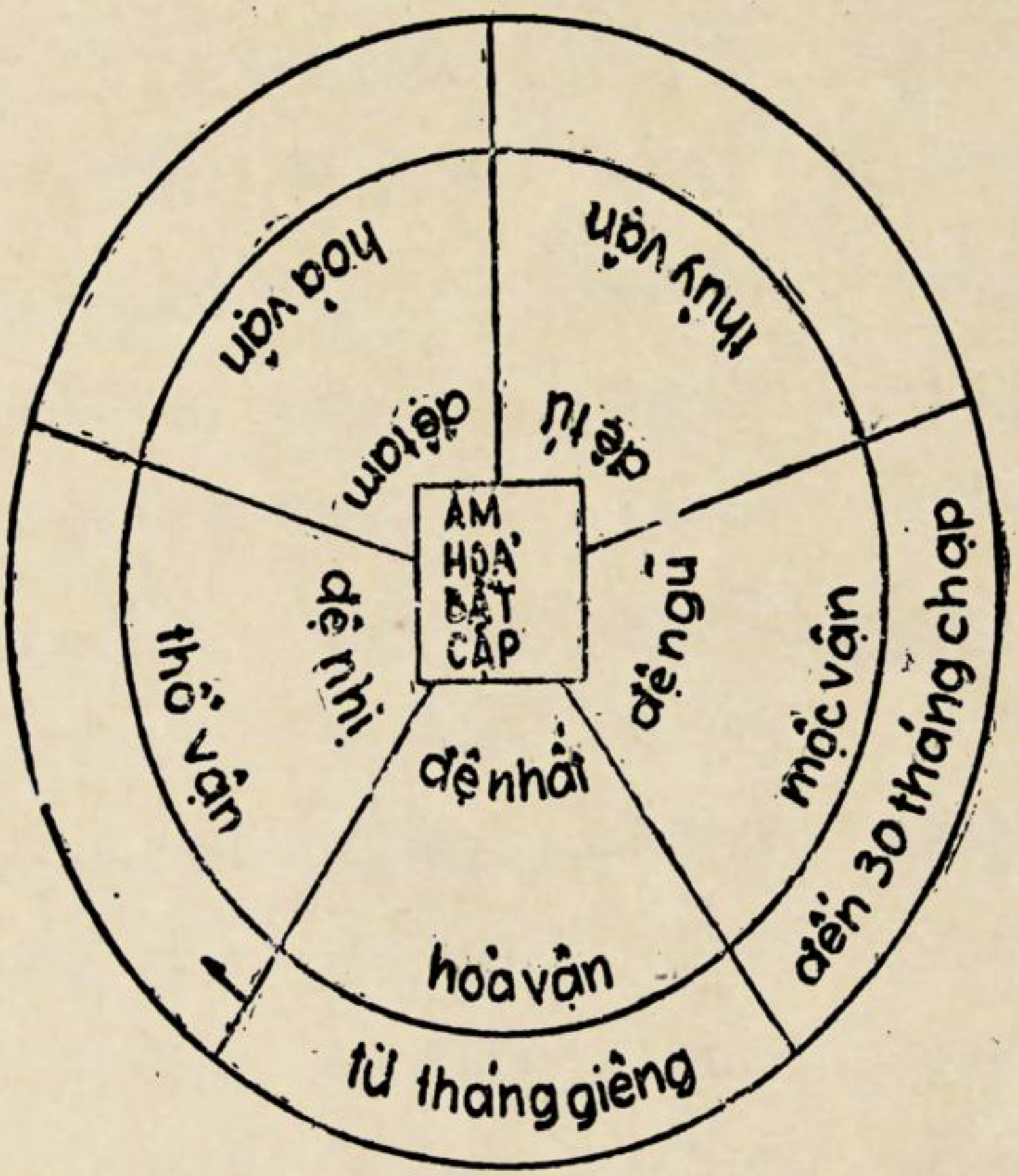
ÂM HỘA BẤT CẤP
thuỷ vận
thiếu dương
hoả vận
thái dương
thổ vận
thiếu âm
kim vận
dương minh
mộc vận
quyết âm
từ tháng giêng
đến 30 tháng chạp
hoà vận
đệ nhất
đệ nhị
đệ tam
đệ tứ
đệ ngũ

CHÚ GIẢI HÌNH ĐỒ SỐ 17

— Năm *Quý-sửu* : Hành hỏa và hành mộc bất cập.

— Năm *Quý-mùi* : Hành hỏa và hành mộc bất cập.

— Năm *Quý-mão* : Hành hỏa hợp với sao Tuế-Hội.

— Năm *Quý-dậu* : Hành hỏa hợp với sao Tuế-Hội.

— Năm *Quý-Tỵ* : Hành hỏa kém, có trợ giúp.

— Năm *Quý-hợi* : Hành hỏa kém có trợ giúp.

Hành hỏa bất cập hành thủy lấn đi, khi lạnh nhiều, vạn vật không tốt ở trên chỉ tốt ở dưới rét lắm mà khí dương suy, cây cối tốt đẹp mà gẫy, hành thủy vượng hành thổ phục thù, uất lên mà mưa to, hành thủy thắng thời hành hỏa ngưng mà thảm đạm, hành thổ phục thù thời mưa to hay mưa dầm, hành hỏa uất thời sấm sét nhiều khiến cho mùa hạ cũng lạnh, như sau khi mưa to thời phục thù, không thắng thời không phục thù.

TimSách

Hình đồ số 18

XEM NĂM TÝ, NGỌ

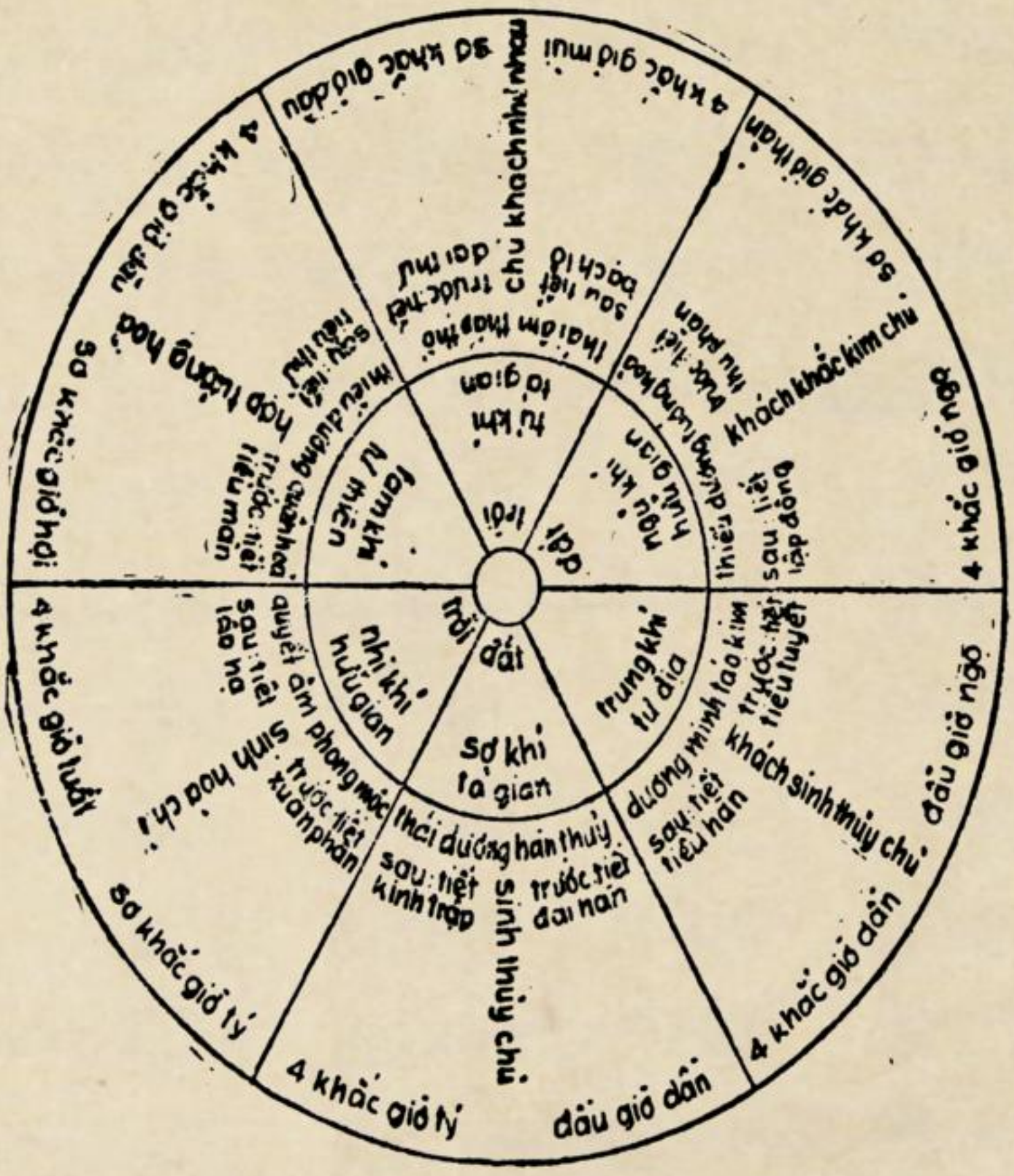

Hình đồ số 19

KEM NĂM KỶ HỢI

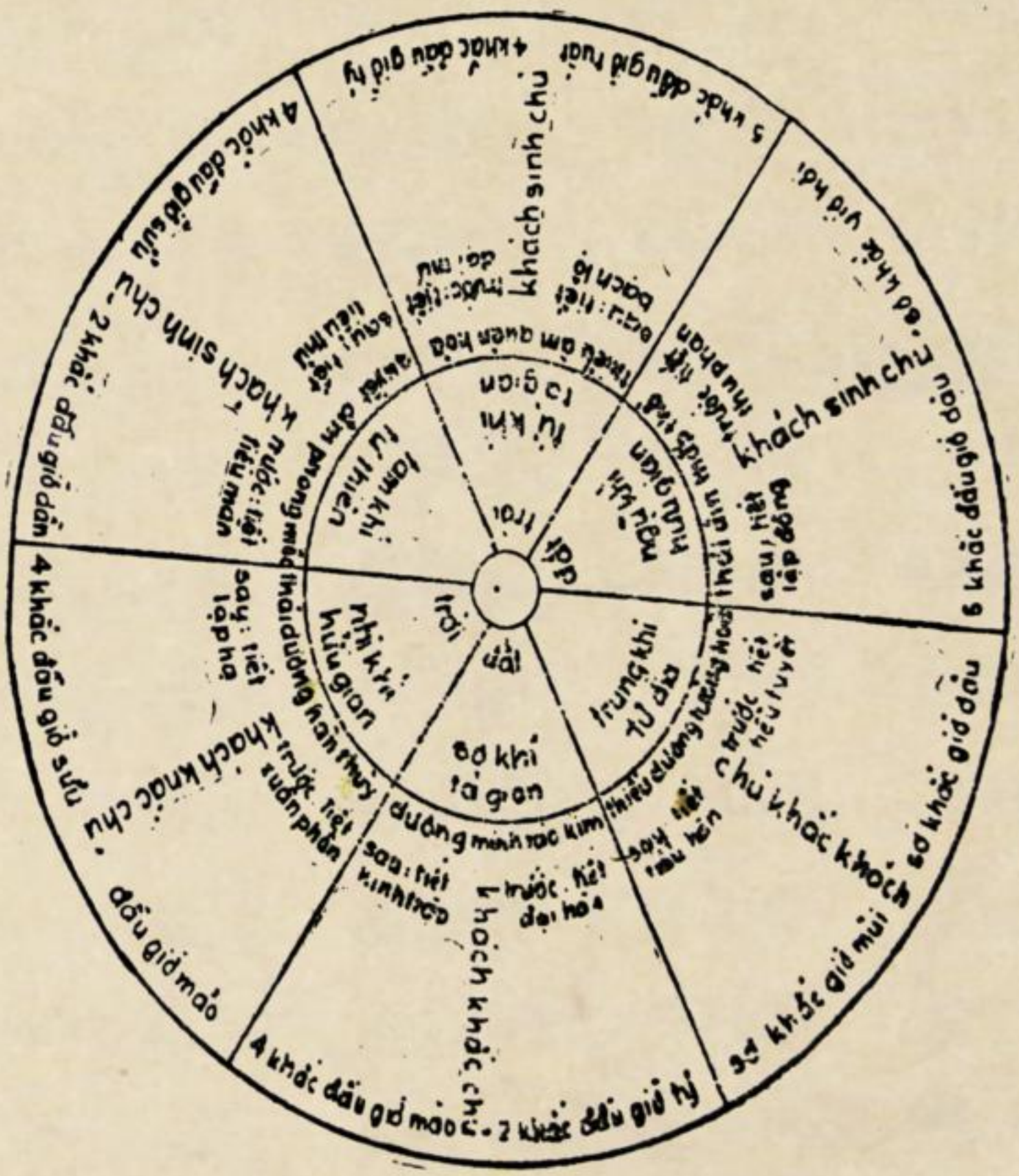

Hình đồ số 20

XEM NAM SỬU. Mùi

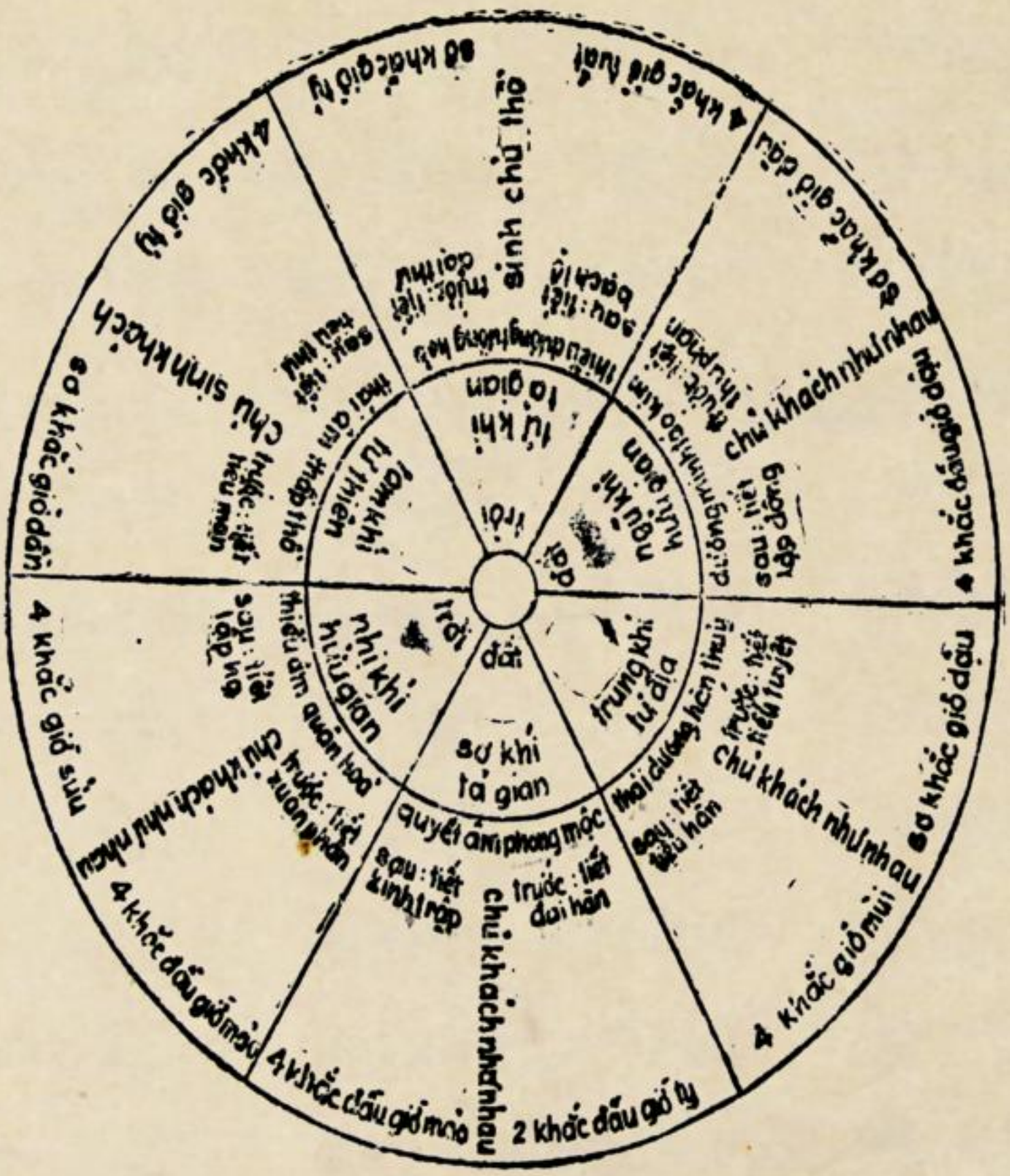
Tí khí
to gian
Thiếu dương hỏa
Sau: tiết
Trước: tiết đại hàn
Thái dương thủy
Sau: tiết
Trước: tiết
Thiếu âm quân hỏa
nhị khí
hữu gian
Thái dương thủy
Sau: tiết
Trước: tiết
Thiếu âm quân hỏa
Sau: tiết
Trước: tiết
Chủ sinh khách
Thái dương thủy
Sau: tiết
Trước: tiết
Chủ khách như nhau

Hình đồ số 21

XEM NĂM DẦN. THÂN

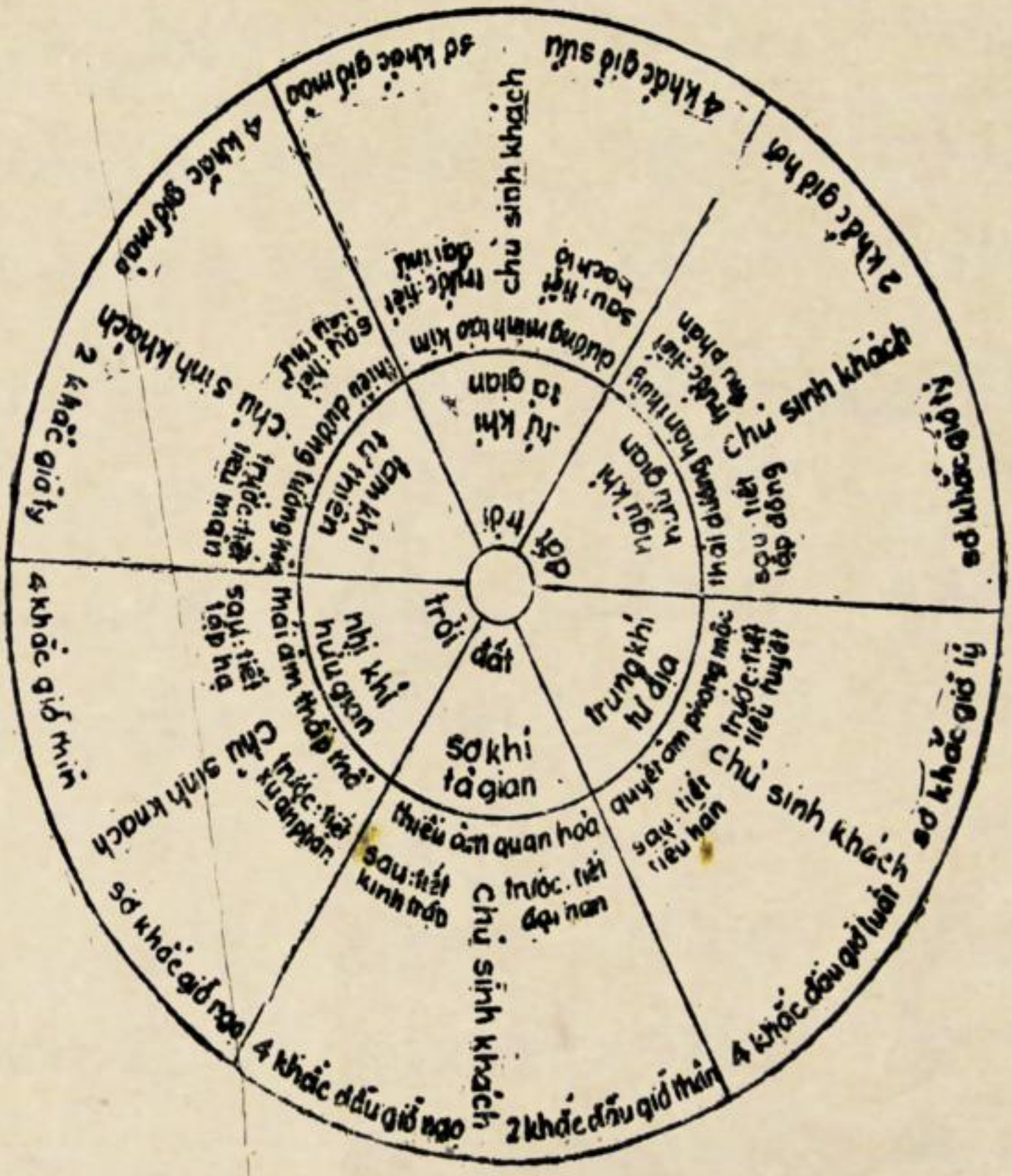

Hình đồ số 22

XEM NĂM MÃO, DẬU

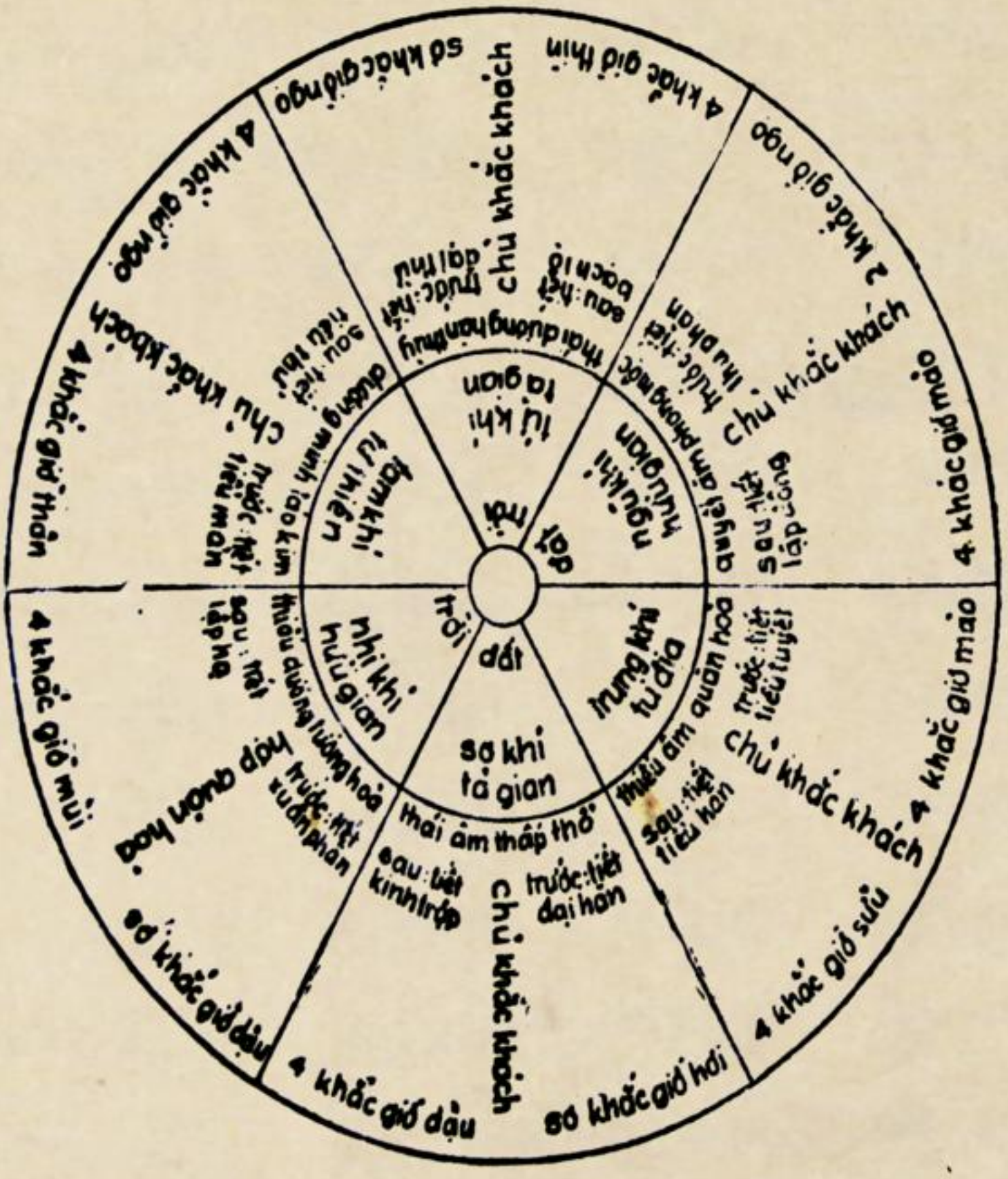
4 khắc giờ mão
chủ khắc khách
2 khắc giờ ngọ
4 khắc giờ thân
chủ khắc khách
4 khắc giờ dậu
4 khắc giờ tuất
chủ khắc khách
4 khắc giờ tý
chủ khắc khách
4 khắc giờ sửu
4 khắc giờ dần
chủ khắc khách
4 khắc giờ thìn
chủ khắc khách
4 khắc giờ tỵ
4 khắc giờ ngọ
chủ khắc khách
4 khắc giờ mùi
4 khắc giờ dậu
4 khắc giờ hợi
thái dương hàn thủy
thái âm thấp thổ
thiếu dương lưu hỏa
thiếu âm quân hỏa
thiếu dương tướng hỏa
thái âm thấp thổ
thiếu dương tướng hỏa
thiếu âm quân hỏa
thái dương hàn thủy
thái âm thấp thổ
thái dương hàn thủy

Hình đồ số 23

XEM NĂM THÌN, TUẤT

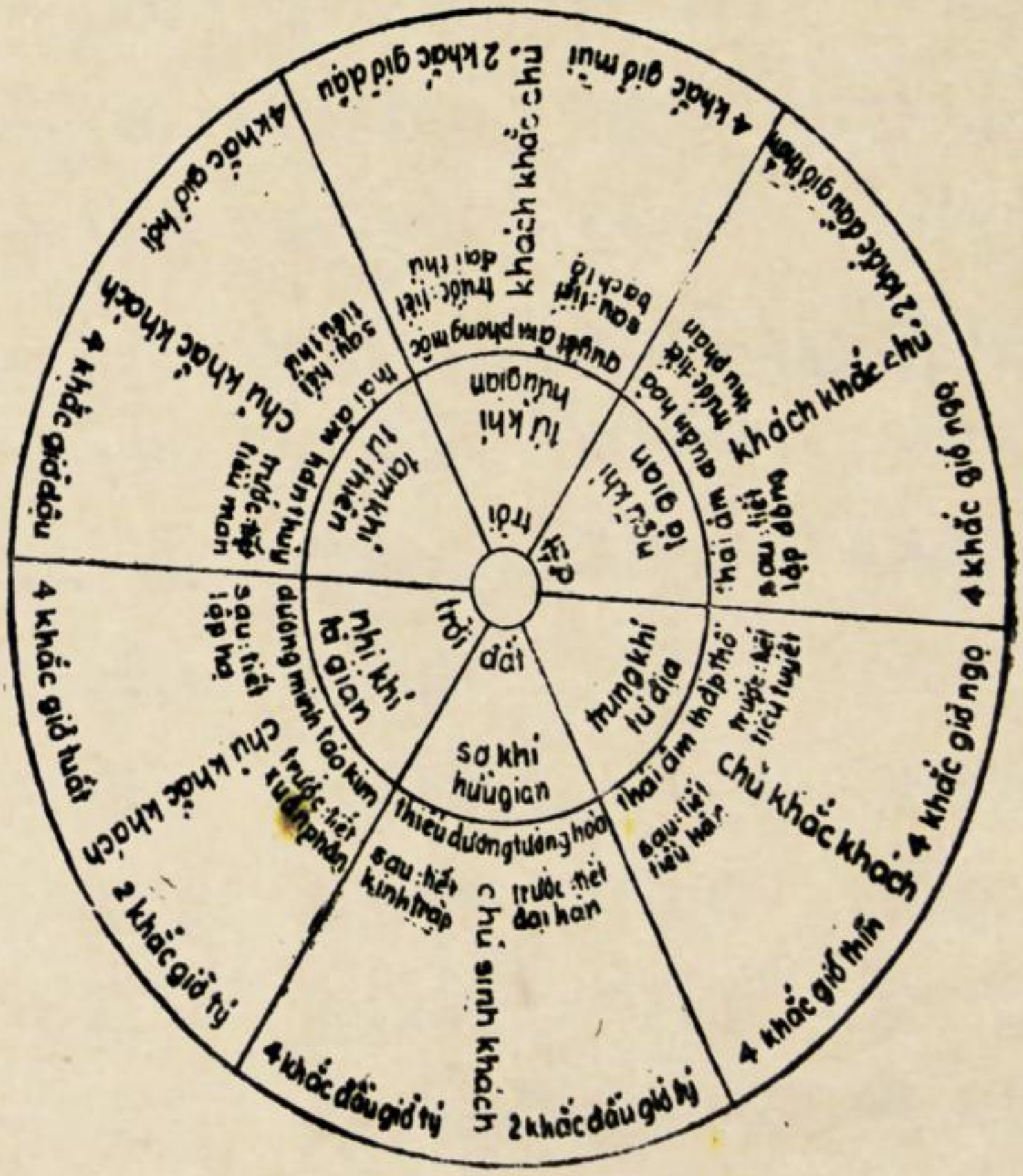
khách khắc chủ
4 khắc giờ ngọ
4 khắc giờ thìn
2 khắc đầu giờ tỵ
chủ sinh khách
4 khắc đầu giờ tỵ
2 khắc giờ tỵ
chủ khắc khách
4 khắc giờ tuất
4 khắc giờ dậu
chủ khắc khách
4 khắc giờ hợi
2 khắc đầu giờ thân
khách khắc chủ
4 khắc giờ thân
4 khắc giờ mùi
2 khắc đầu giờ mùi
khách khắc chủ
4 khắc giờ thân
4 khắc giờ mùi
2 khắc đầu giờ mùi
chủ khắc khách
4 khắc giờ hợi
4 khắc giờ dậu
chủ khắc khách
4 khắc giờ tuất
2 khắc giờ tỵ
chủ sinh khách
4 khắc đầu giờ tỵ
2 khắc đầu giờ tỵ
khách khắc chủ
4 khắc giờ ngọ
4 khắc giờ thìn
2 khắc đầu giờ thìn
Trời
Đất
Tứ khí
thuộc thổ
thuộc kim
thuộc hỏa
thuộc thủy
thuộc mộc
Thái âm thổ
Thái dương kim
Thiếu âm hỏa
Thiếu dương tướng hỏa

Hình đồ số 24

MINH ĐỒ LẬP THÀNH 60 NĂM

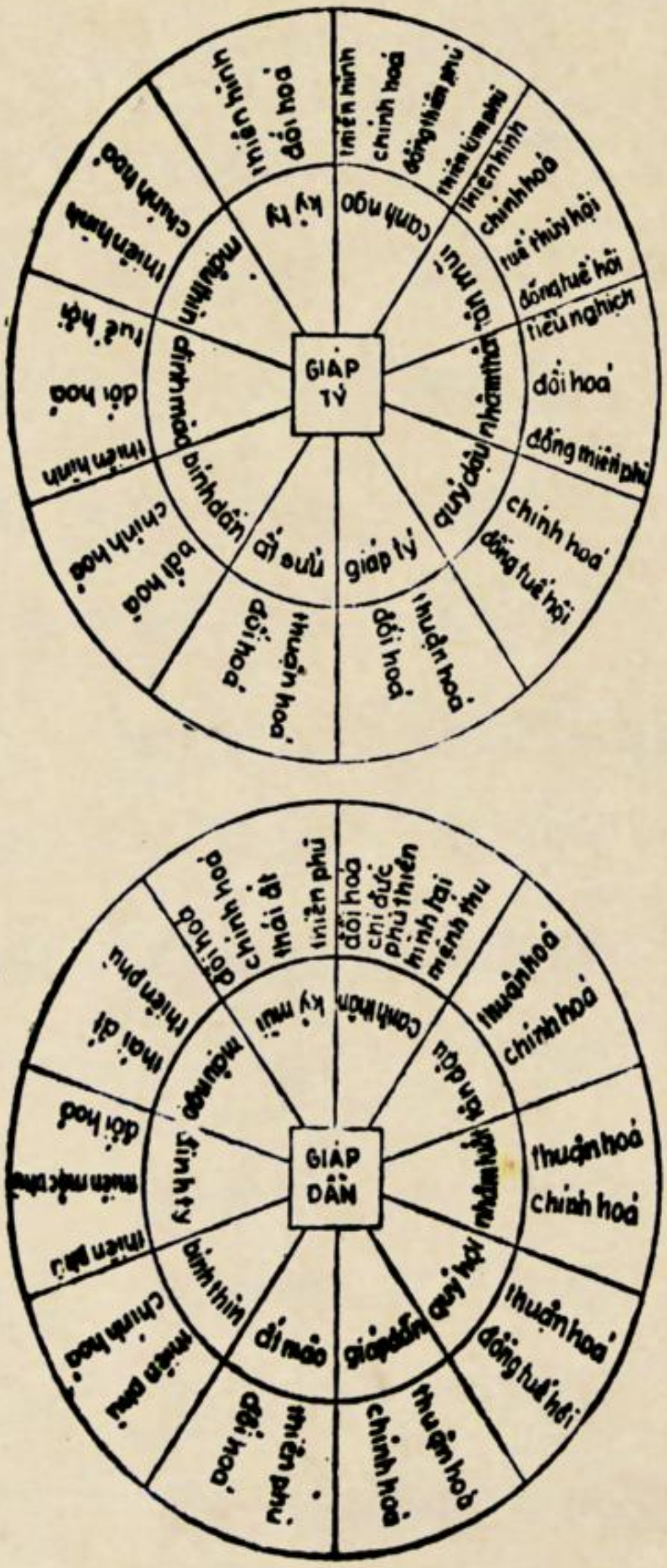

TìmSách

Hình đồ số 25

HÌNH ĐỒ XEM 60 NĂM

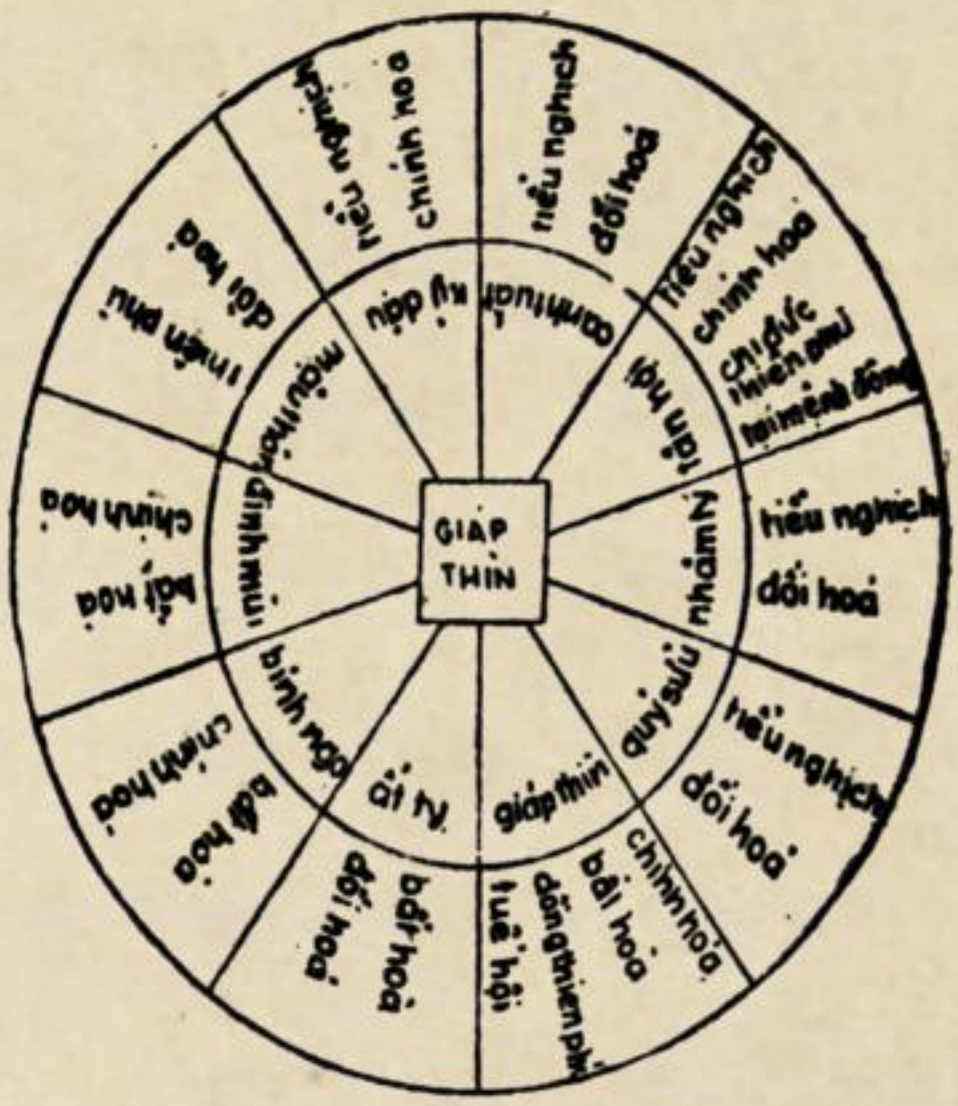

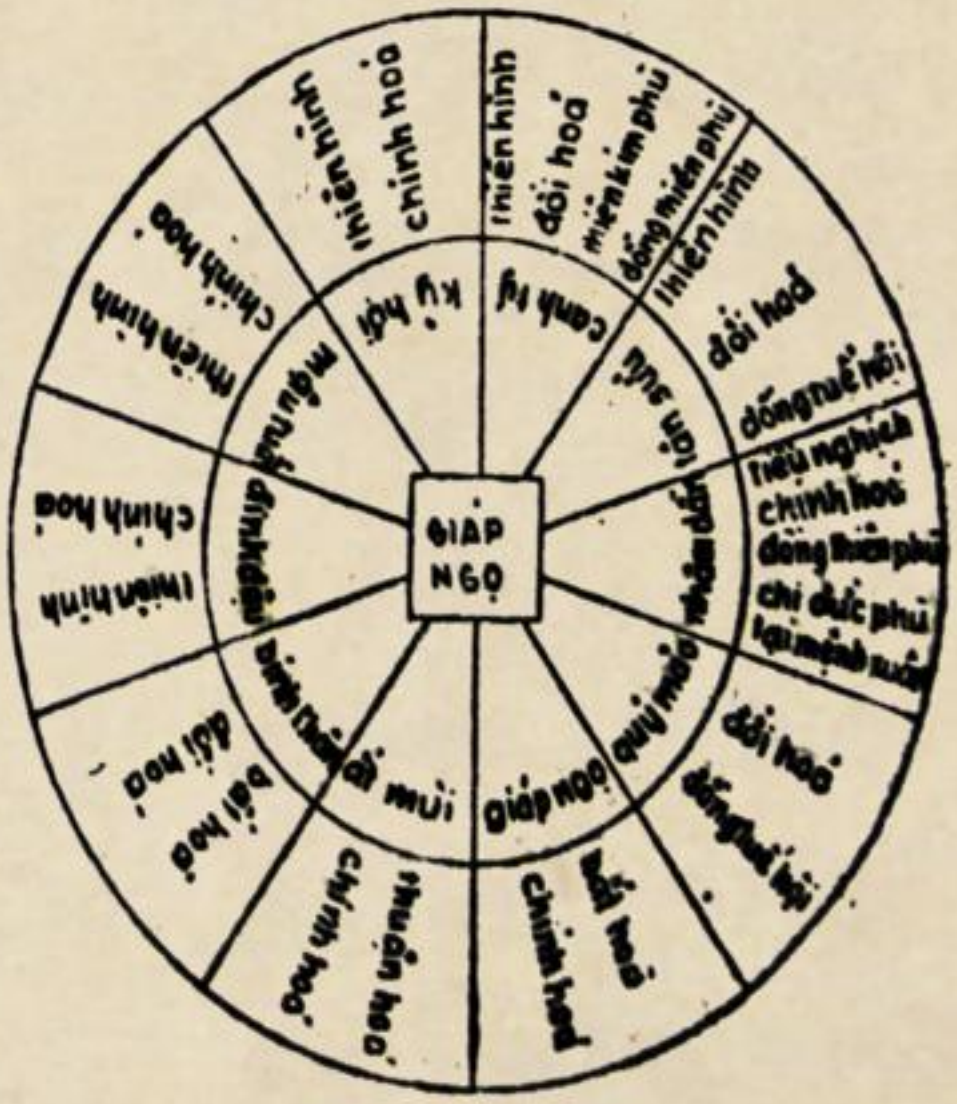

Hình đồ số 26

BẢNG ĐỒ LẬP THÀNH 60 NĂM

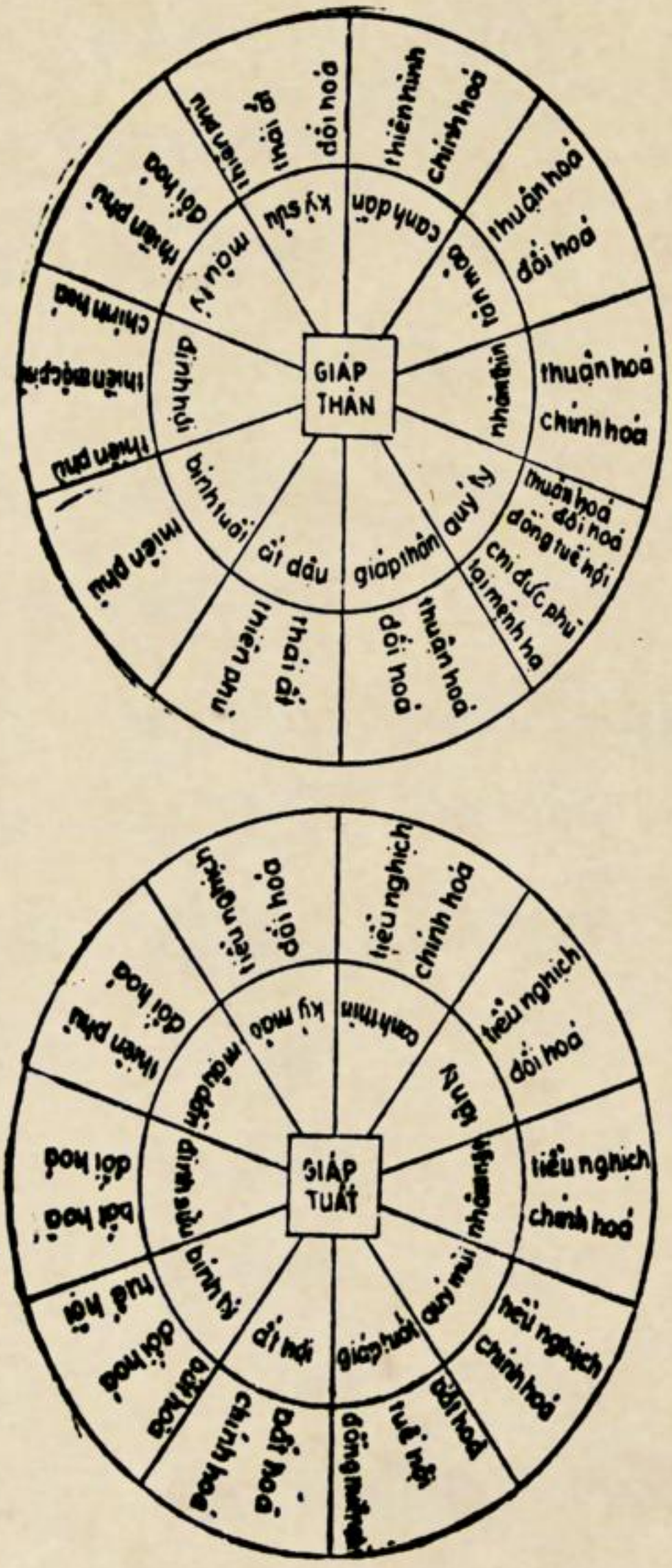
GIÁP THÂN
GIÁP TUẤT
Canh dần
Kỷ sửu
Tân mão
Nhâm thìn
Quý tỵ
Giáp ngọ
Ất mùi
Bính thân
Đinh dậu
Mậu tuất
Kỷ hợi
Canh tý
Tân sửu
Nhâm dần
Quý mão
Giáp thìn
Ất tỵ
Bính ngọ
Đinh mùi
Mậu thân
Kỷ dậu
Canh tuất
Tân hợi
Nhâm tý
Quý sửu
Giáp dần
Ất mão
Bính thìn
Đinh tỵ
Mậu ngọ
Kỷ mùi
Canh thân
Tân dậu
Nhâm tuất
Quý hợi
Giáp tý
Ất sửu
Bính dần
Đinh mão
Mậu thìn
Kỷ tỵ
Canh ngọ
Tân mùi
Nhâm thân
Quý dậu
Giáp tuất
Ất hợi
Bính tý
Đinh sửu
Mậu dần
Kỷ mão
Canh thìn
Tân tỵ
Nhâm ngọ
Quý mùi
Giáp thân
Ất dậu
Bính tuất
Đinh hợi
Mậu tý
Kỷ sửu
Canh dần

Hình đồ số 27

HÌNH ĐỒ LỤC LUẬT, LỤC LÃ

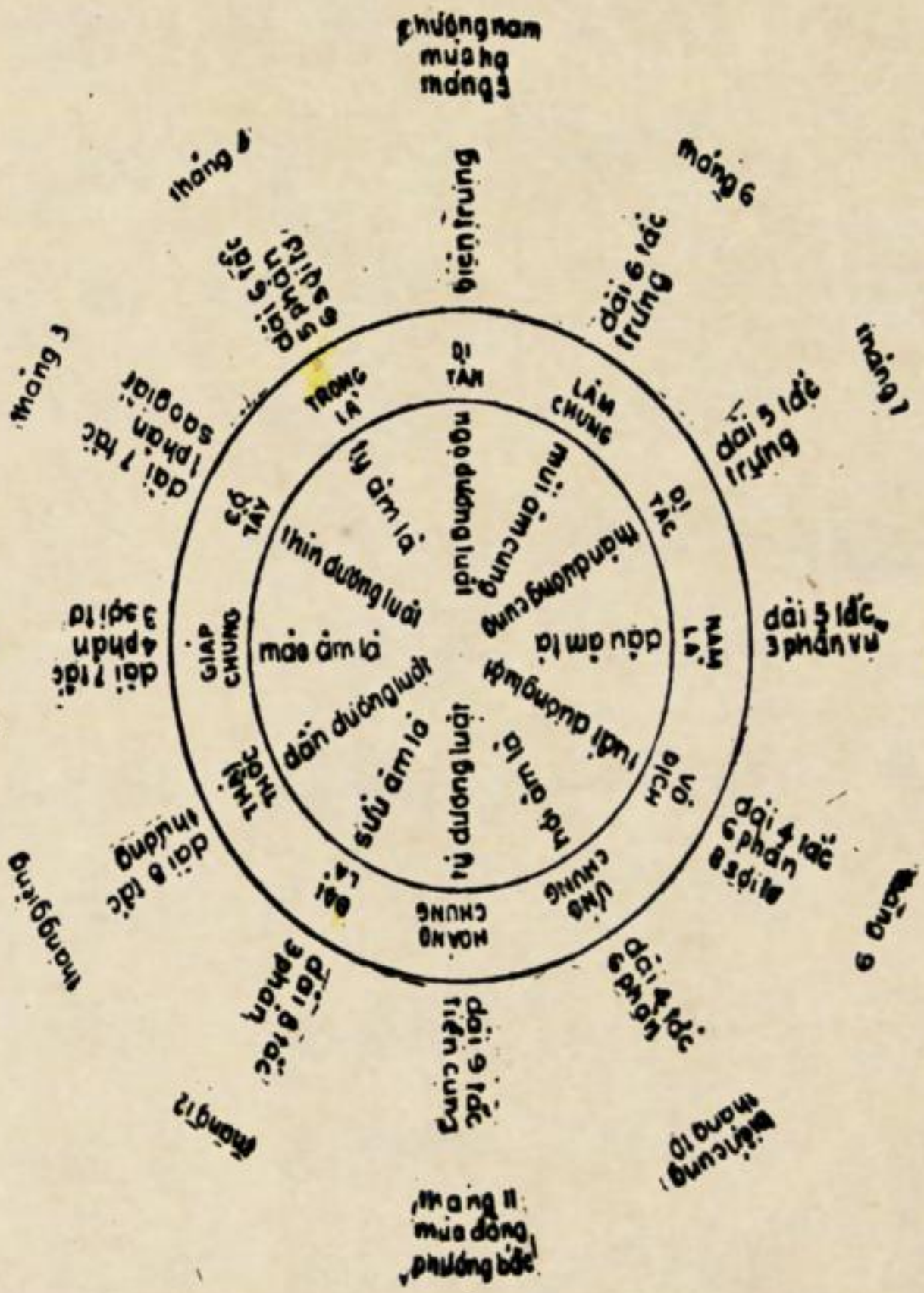

Hình đồ số 28

HÌNH ĐỒ 8 THỨ TIẾNG

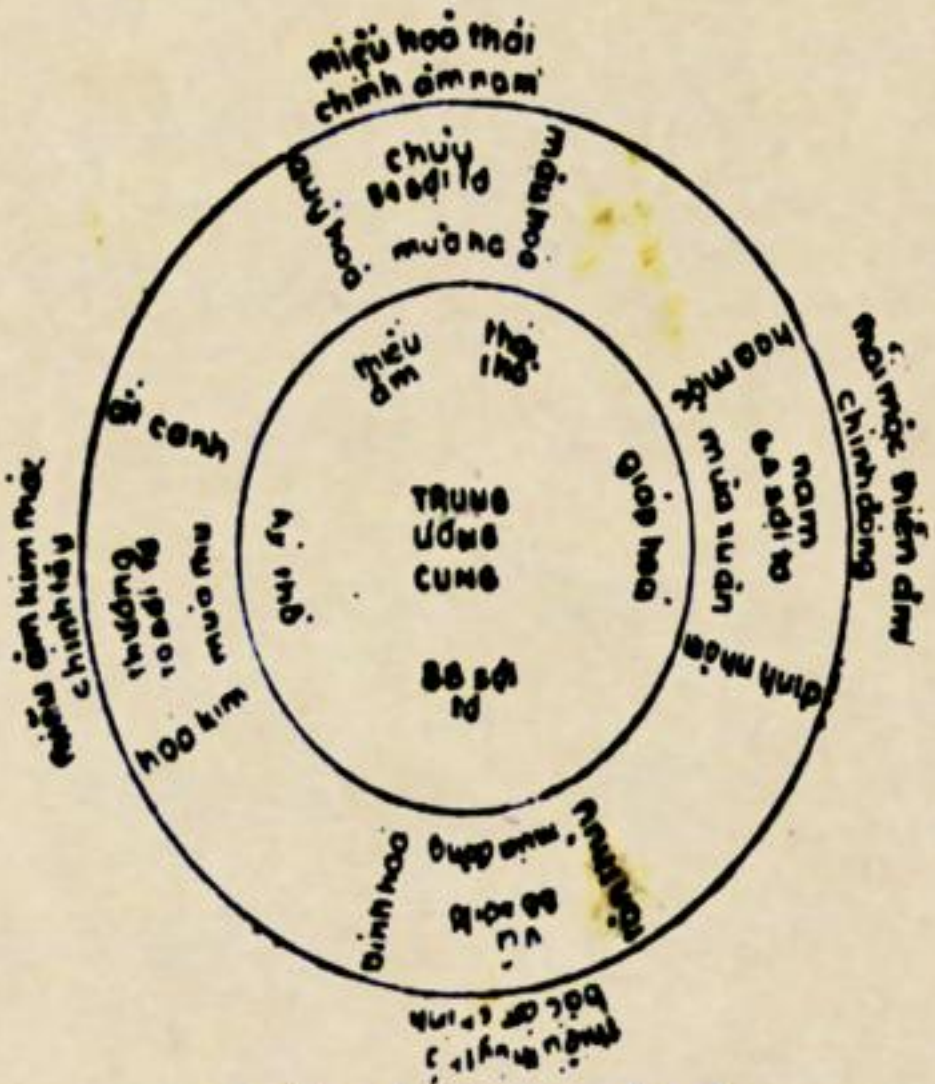

HÌNH CỔ NGŨ LƯỢNG NGŨ KHÍ

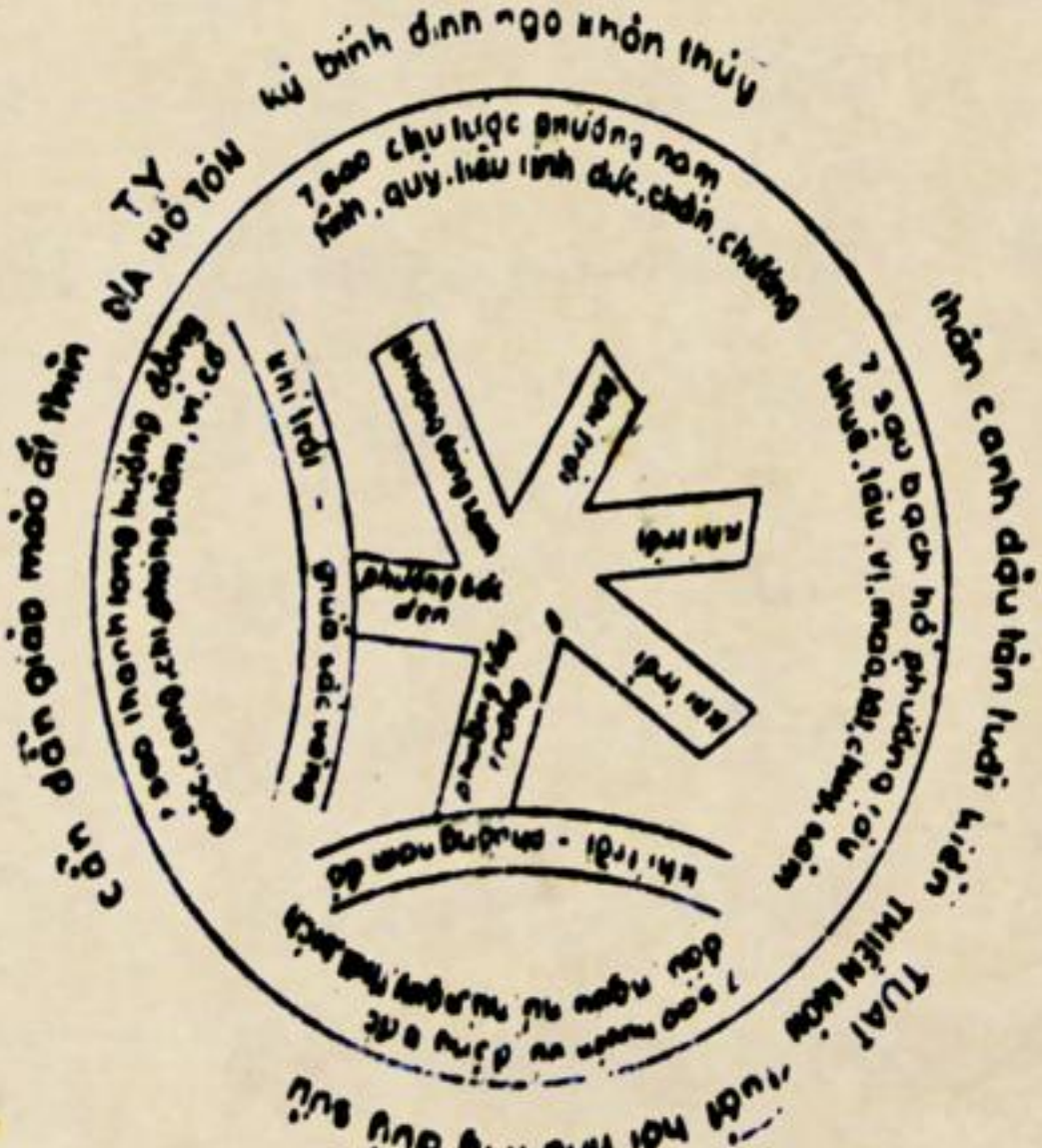

TimSách

Hình đồ số 29

HÌNH ĐỒ CHÍNH HOÁ, KHẮC HOÁ

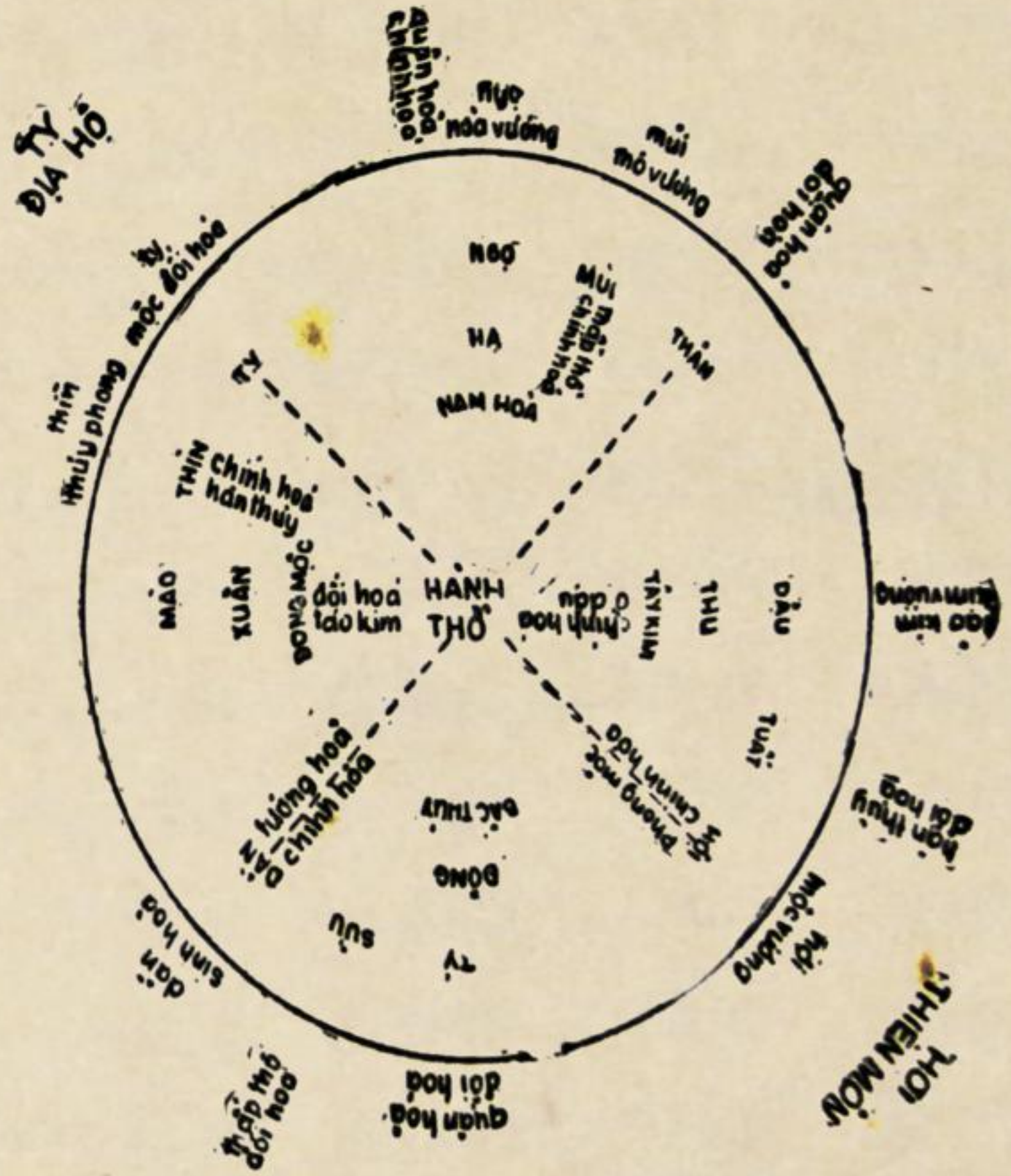

Hình đồ số 30

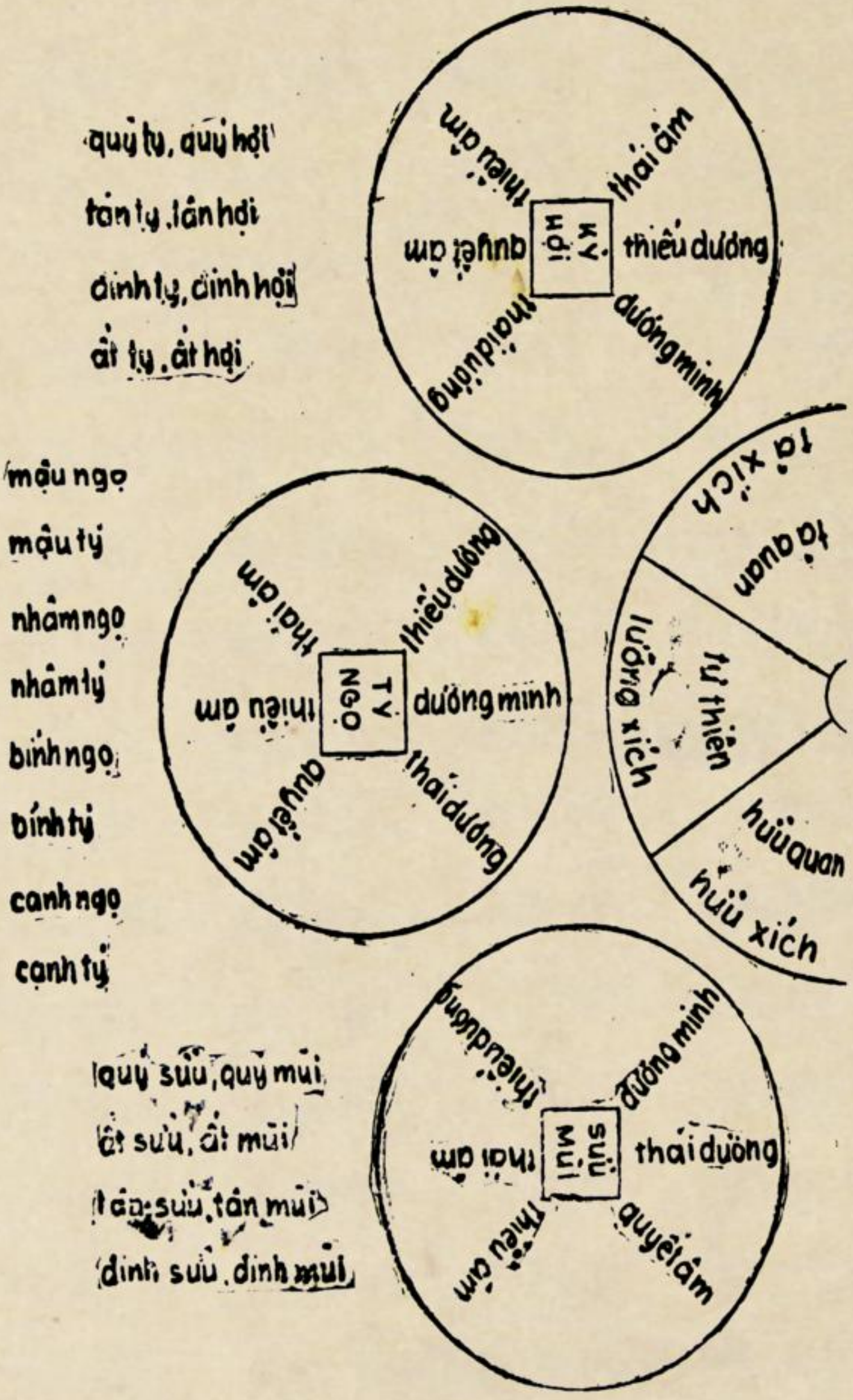
quý tỵ, quý hợi
tân tỵ, tân hợi
đinh tỵ, đinh hợi
ất tỵ, ất hợi
MÙI
thái âm
thiếu dương
quyết âm
thái dương
dương minh
mậu ngọ
mậu tý
nhâm ngọ
nhâm tý
bính ngọ
bính tý
canh ngọ
canh tý
TỴ NGỌ
thái âm
thiếu dương
thiếu âm
dương minh
quyết âm
thái dương
tả xích
tả quan
tử thiên
lưỡng xích
hữu quan
hữu xích
quý sửu, quý mùi
ất sửu, ất mùi
tân sửu, tân mùi
đinh sửu, đinh mùi
SỬU MÙI
thái âm
thiếu dương
thiếu âm
dương minh
quyết âm
thái dương

HÌNH ĐỒ NĂM BẮC CHÍNH MẠCH KHỔNG ỨNG

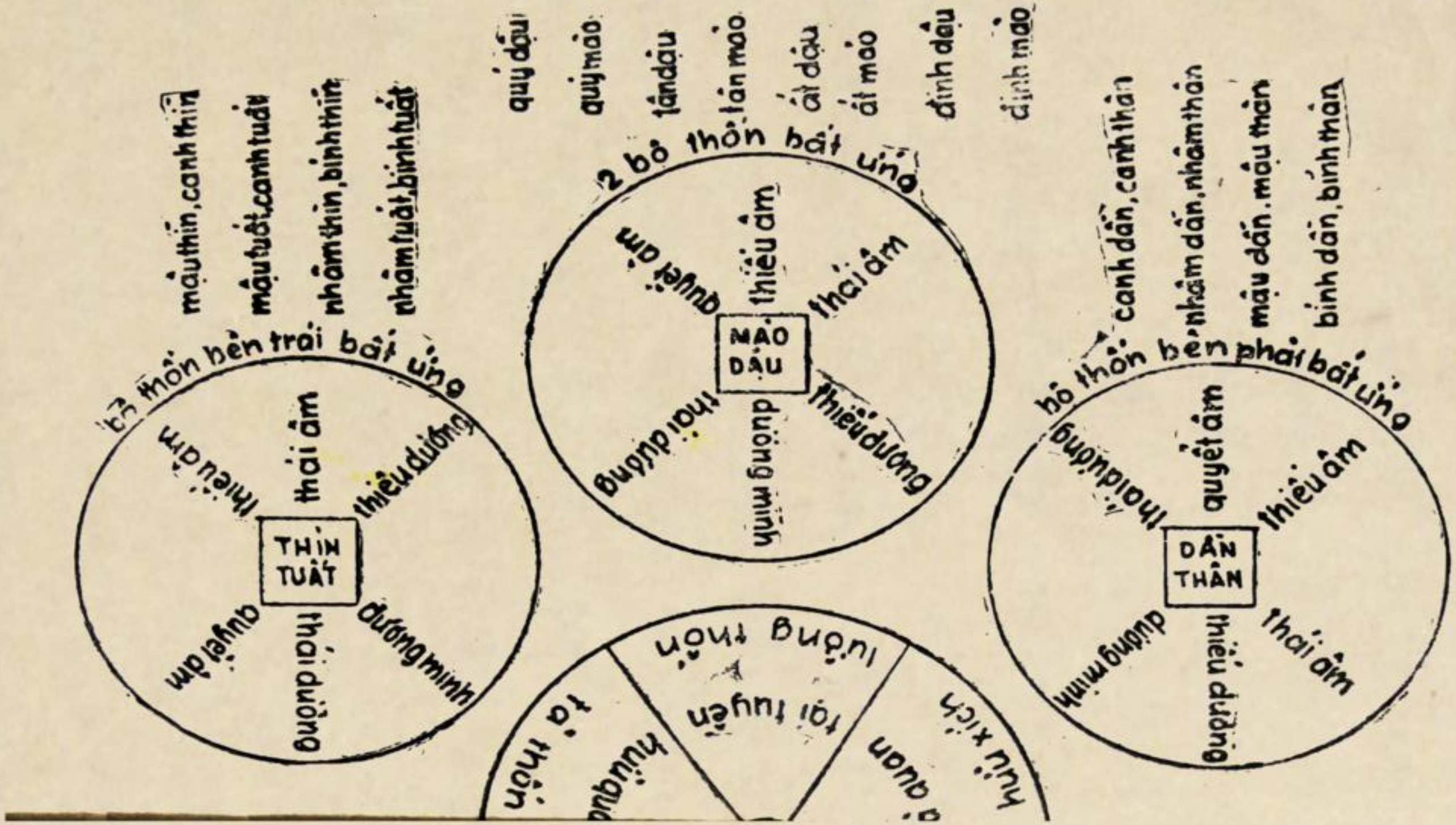

Tìm Sách

Hình đồ số 31

HÌNH ĐỒ NĂM NAM CHÍNH BẤT ỨNG

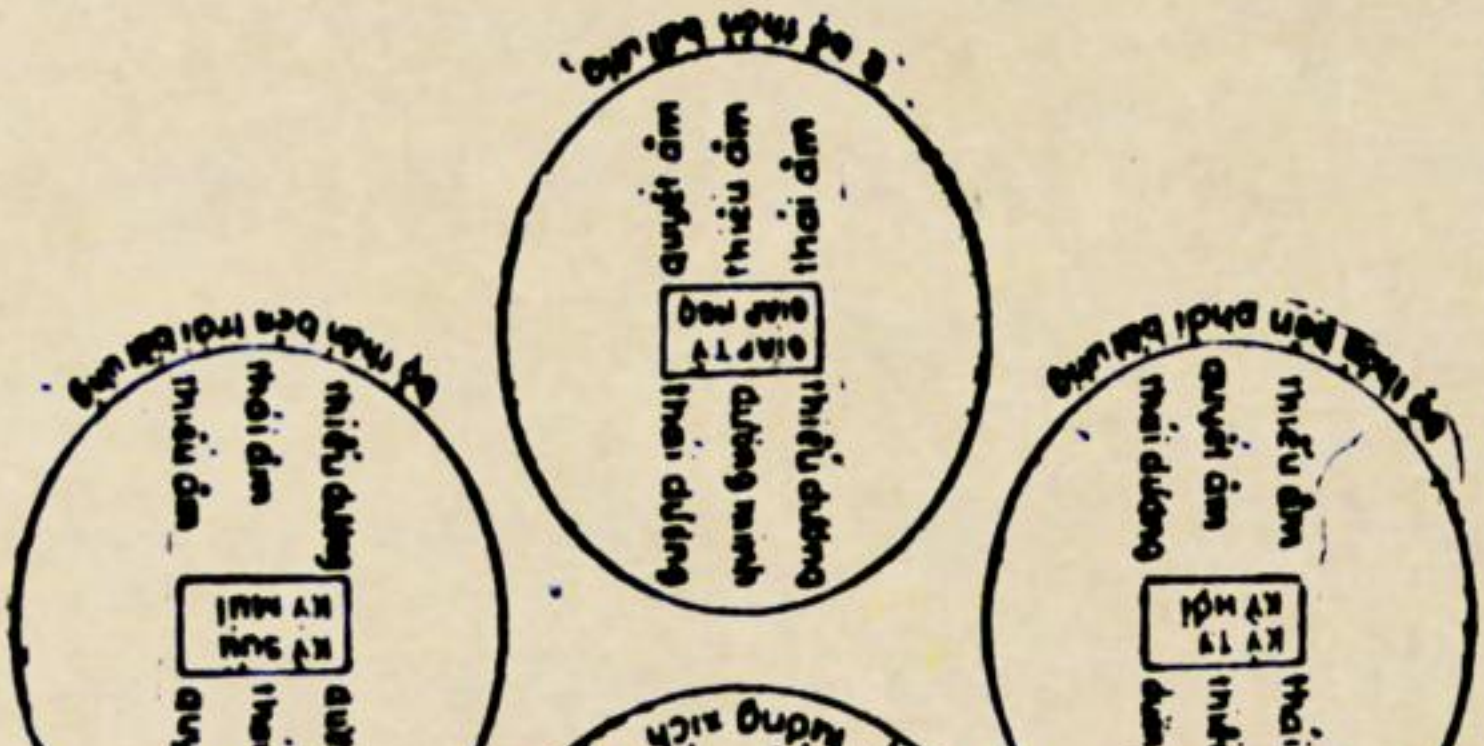

TìmSách

Hình đồ số 32

MINH ĐỒ 6 THÁI TIẾT

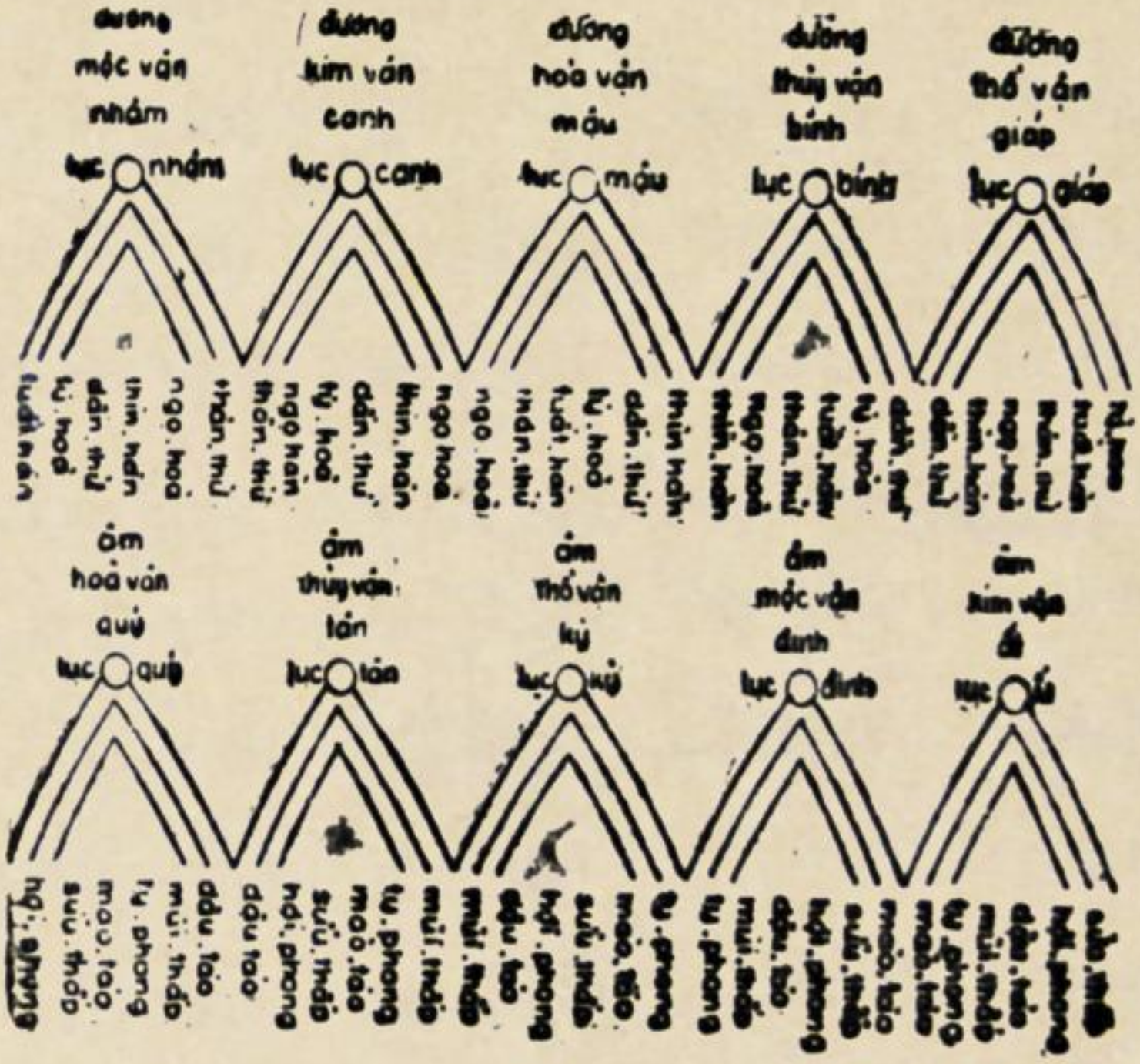

giáp kỷ hoá thổ
ất canh hoá kim
bính tân hoá thuỷ
đinh nhâm hoá mộc
mậu quý hoá hoả

giáp kỷ hoán giả giáp
ất canh bính tác sở
bính tân tấm mậu vi
đinh nhâm canh tỷ cư
mậu quý tâm nhâm quỷ

TimSách

Hình đồ số 33

HÌNH ĐỒ LỤC CHẾ CỦA ĐẤT

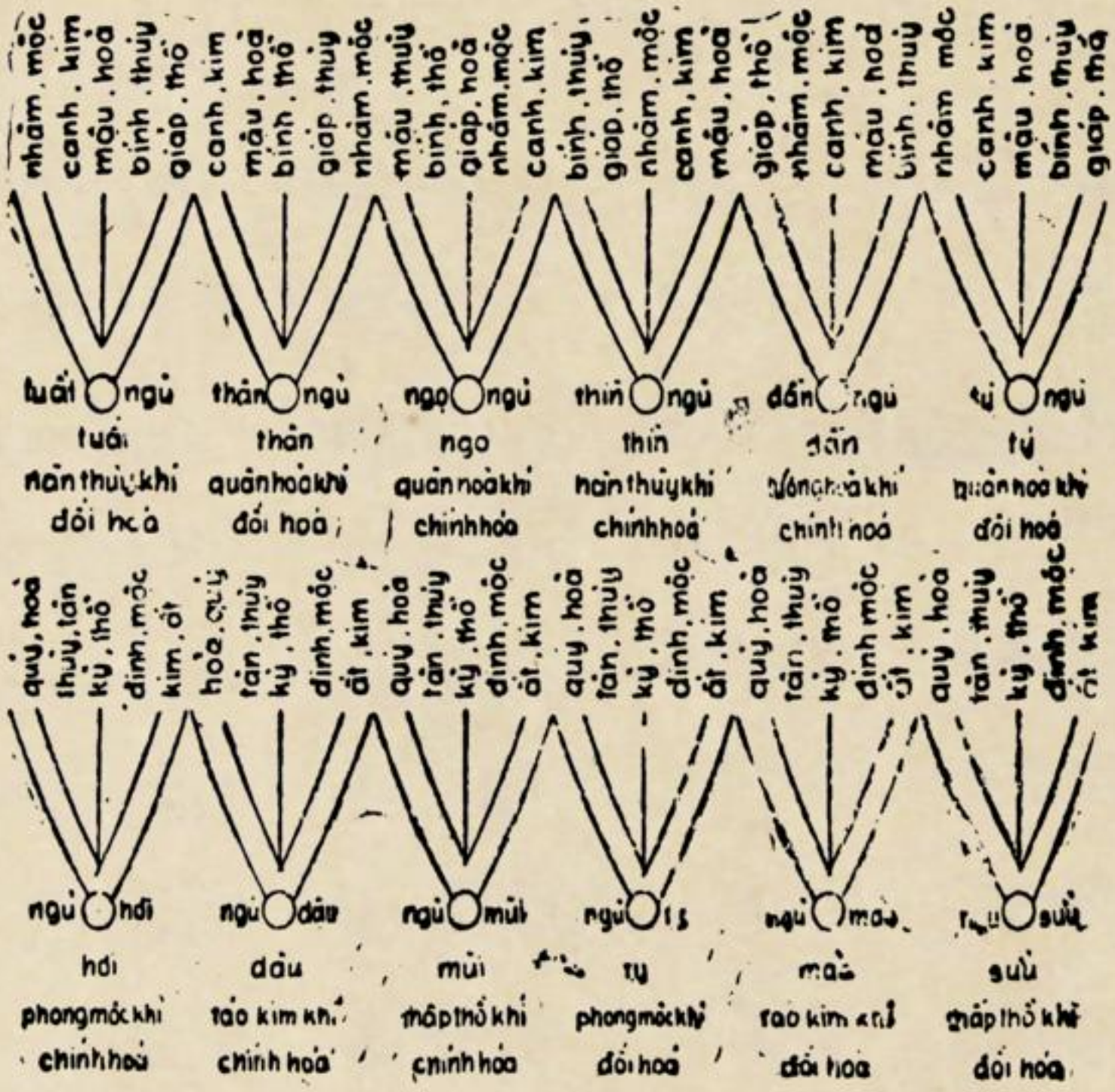

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập VĨ

(Ghi việc đi Thăng-Long)

TìmSách

TìmSách

Lời dịch giả

Quyển VI này, tức là quyển « THƯỢNG-KINH KÝ SỰ » Lê tiên sinh ghi chép những việc ông được lệnh vua Lê triệu ra Thăng-Long để chữa bệnh cho Thế-Tử, nhưng vì bọn ngự y gièm pha nên mấy tháng vẫn chưa dùng thuốc của Tiên sinh. Đến khi tin dùng thời chứng bệnh nặng quá mà không thể khỏi.

Sau Tiên sinh có chữa bệnh cho vua Lê-Hiển-Tôn nhưng nhà vua già yếu quá nên cũng không được khỏi. Tiên sinh không ham phú quý nên không nhận tước lộc.

Trong thời gian Tiên sinh ở Kinh, chữa rất nhiều bệnh nặng cho các vị quan và bè bạn.

Vì Tiên sinh có tài về làm thơ, nên gần một năm ở Kinh, có trước tác đến hơn 40 bài (ngoại trừ những bài họa lại) vì thơ văn không mật thiết đến việc làm thuốc, nên tôi để lại chưa dịch, cũng như những bài thơ ở tập Thủ mà tôi còn để lại.

Dù tập này Tiên sinh chép việc riêng trong khi đi Kinh-đô mà trong đó cũng nói nhiều bệnh chứng và phép chữa. Ngoài ra, cũng nên dịch đủ để đời sau hiểu biết phần nào về nơi cung điện và cảnh tôn nghiêm của đế vương thời trước, nên tôi dịch cả mà còn nêu từng đoạn để đọc giả dễ hiểu.

Viết tại Sàigòn, tháng 02 năm 1971 (Tân-Hợi)

Dịch giả

Đình-Thụ HOÀNG-VĂN-HOÈ

TìmSách

Bài tựa

Trời sinh ra người, ít khi gặp khí hậu tốt mà phần nhiều gặp khí hậu xấu, nên y dược không bỏ qua được.

Tôi muốn hiểu rõ về việc làm thuốc mà chưa đến được nguồn gốc, nhân có người bạn đưa cho tôi bộ sách *Lãn-Ông Tâm-Lĩnh*, tôi mới thấu hiểu được phần nào, mà quyển cuối thời Lê tiên sinh ghi chép về việc đi đến kinh đô Thăng-Long để chữa bệnh cho vua Lê và Thế-Tử.

Lê tiên-sinh ẩn-cư để học thuốc đến 20 năm, chưa từng đặt gót chân đến thành-thị, vì thế mới đặt hiệu là Lãn-Ông (Ông Lười).

Đầu năm Nhâm-Dần, nhân có một vị quan cũ ở trấn Nghệ-an tiến cử với vua Lê, rồi nhà vua chỉ truyền quan tỉnh Nghệ-an cho binh lính hộ tống ông lên kinh đô để chữa thuốc, hàng năm mới được trở về.

Người thường có một tài gì nhỏ mọn đã khoe khoang rồi ghi lại, huống chi ông đến kinh-đô gần với nhà vua thật là gặp gỡ khác người, mà ông cáo từ cả tước lộc để ngoài sự phú quí, chúng ta không đáng khen ngợi hay sao ?

Còn như lúc nhàn rỗi mà ông làm một số thơ để tự vui, đem so với những tập-thơ Lý-Bạch, Đỗ-Phủ thời nhà Đường bên Tầu cũng không kém gì. Tiên-sinh còn ghi cả những thơ họa lại của anh em và bè bạn dù là quá khen hay là lời còn qnê, cũng là để ghi đủ trước sau sự việc đến kinh đô vậy.

Thượng-tuần tháng 7 năm Giáp-Thìn,
niên hiệu Cảnh-Hưng Triều Lê.
Học trò ở núi Tiên-Sơn biệt hiệu là Tiểu-Trúc-Trai
kính cẩn làm bài tựa trên đây.

TimSách

VUA LÊ TUYÊN TRIỆU

Đầu tháng giêng năm Nhâm-Dần niên hiệu Cảnh-Hưng thứ 43, hàng ngày tôi xem sách ở Quảng-đình hay là hành lạc ở một nhà riêng, đến đêm uống rượu say mới về nghỉ.

Ngày 12 tháng giêng, thấy quan Thự trấn ở xứ tôi (Tổng-đốc tỉnh Nghệ-an) sai 2 người xuất-đội đến đưa cho tôi 2 bức văn thư, tôi mở ra xem.

Một văn thư sao lời chỉ truyền của nhà vua : « Sai tước hầu Trạch-Trung ở bộ binh vâng chỉ-dụ, truyền cho quan trấn xứ Nghệ-an là tước hầu Côn-lĩnh tìm Lê-Hữu-Trác tục hiệu là Chiêu Bảy là con quan Thượng-thư tiền triều, xã Liên-xá huyện Đường-Hào tỉnh Hải-dương, thiên cư vào quê mẹ ở xã Tình-diễm huyện Dương-sơn rồi sai lính ở trấn ấy tức khắc hộ vệ đưa đến kinh-sư để đợi mệnh lệnh hay lời chỉ truyền ».

Ngày 29 tháng 11 năm 42
niên hiệu Cảnh-Hưng.

Một văn thư chính tay quan trấn tỉnh Nghệ-an viết, đại lược nói . « là học trò ở thôn quê mà tiếng hay nghe đến tai nhà vua, dù đường xa muôn dặm vui mừng không kể hết được ». Lại nói tiếp phải tức khắc lên đường đến đồn Vĩnh-hưng đã có lính ở đấy đón sẵn để đưa đi.

Người cầm thơ lại nói riêng với tôi rằng : « Việc này là quan chánh-đường để bạt để chữa bệnh cho Đông-cung

TìmSách

Vương-Thế-Tử, vì Thế-Tử yếu nặng đã lâu, thời không cứ ngày đêm, phải đi gấp mới được ».

Tôi xem văn thư xong sợ hãi như thể người ngây, trong nhà có người lo cho tôi, có người mừng cho tôi.

Nguyên quan chánh-đường mấy năm về trước, có làm quan trấn tỉnh Nghệ-an, mời tôi đến chữa thuốc mà đãi tôi là thương khách. Sao ông có công dẹp giặc bể, được triệu về kinh làm quan đến chức Tam-Công mà nhà vua tin dùng. Nay ông đề bạt cho tôi để tiến kinh, tôi đi xa thời phụ với hoa cỏ nơi đây, nhưng ông đãi kẻ sĩ vẫn là khiêm-cung cứ gì một mình ta.

Bọn học trò tôi có kẻ giải buồn cho tôi mà rằng : « Thầy hiểu rõ về học tính mạng, làm thầy thuốc giỏi cũng như làm quan tướng giỏi, nay cửu-trùng tri ngộ, bốn bể nghe tiếng chả phải là việc của trượng-phu hay sao ? ». Tôi trả lời rằng « Người ta vì tiếng hão mà thu lụy khác nào hoa vì mầu sắc mà bị người hái, vậy sao bằng trốn được tiếng hay là hơn », vì thế tôi suốt đêm không ngủ, tự nghĩ lúc bé đã đọc sách mài gương mà không được việc gì, mới gác bỏ ngoài công danh, đến quê mẹ ở Hương-sơn để thờ mẹ và học thuốc, biết đâu lại phải luỵ về tiếng hão, rồi tôi lại tự an-ủi rằng ta khổ tâm về học thuốc hàng 30 năm, soạn thành bộ Y-tôn tâm-lĩnh, muốn được ấn hành nhưng không đủ phương-tiện, thời chuyến đi này được thành công cũng chưa biết chừng ?

LỄ TIỄN SINH KHỞI HÀNH

Rồi tôi làm một phong thư để trả lời quan bản Trấn, nhờ quan bản Trấn tâu lên nhà vua được miễn cho vì

đã tuổi già. Nhưng chỉ vài hôm, quan bản Trấn lại đưa văn thư nói là đã dự bị thuyền đợi ở bờ sông, nên khẩn cấp ra đi nếu chậm trễ sợ có liên lụy. Tôi biết là không được miễn, mới báo tin cho học trò tế hội, hôm 14 sửa lễ tiên thánh, tiên hiền và hát một chầu, đến hôm 16 học trò mở tiệc ca hát để tiễn tôi ; sang hôm 17, tôi sắm sửa sách vở đồ dùng để xuống thuyền đi đến đồn Vĩnh-Doanh tôi ngồi trong thuyền có làm một bài thơ ngũ ngôn và cùng học trò tùy hành uống rượu để giải buồn lại ngâm tám câu thơ ngũ ngôn.

Gà gáy hôm 18, đến đồn Vĩnh-Doanh, vào yết kiến quan Thự-Trấn. Quan Thự-Trấn mấy hôm đợi tôi, nhưng vì có kỵ phải về quê, sai quan văn thư (tức quan phủ) đem 20 người lính để theo tôi cùng đi, và biếu tôi 5 quan tiền. Ngày 20, tôi cùng quan văn thư ra đi, buổi chiều dừng lại ở xã Kinh-Khê, quan văn-thư làm lễ ở miếu xã ấy và đặt tiệc hát múa có mời tôi đến dự. Sáng sớm ngày 21 ra đi gặp trời mưa dầm, trước mặt ngàn ngọn núi đứng dựng như tường, đường xá khấp khểnh, tôi thấy đường đi khó khăn, lại ngâm to mấy câu thơ, tôi nghĩ lại hàng 30 năm lánh ở chốn lâm tuyền tưởng là đắc sách, ngờ đâu lại không trốn khỏi, có làm một bài thơ cảm hoài (có nhiều vị họa vần của bài thơ này).

Chiều hôm ấy đến chợ Đông-lũy, tôi sắp nằm nghỉ, thấy một người khăn áo chỉnh tề bưng đến một mâm cua bể và vái chào, tôi hỏi là việc gì ? thời người ấy thưa rằng : « Tôi là lính hầu thân cận của quan Thự-Trấn, vợ tôi ở đây, có đứa con trai 8 tuổi, gặp chứng nóng lạnh vài tháng nay đã đỡ, đêm vừa rồi nhân đi cầu rồi mụ người không biết gì, mọi thầy thuốc chữa về chứng trùng

Tìm sách

phong nhưng nóng nhiều mà càng mê, giương mắt, chúm mồm, nay mong tôn công cứu vãn ».

Tôi biết rằng các thầy chỉ dùng thuốc chữa phong thời chân âm càng ráo mà hỏa càng bốc lên, mắt giương lên cũng là gần khô, tôi mới cho uống bài « *lục vị thang* » bỏ trạch-tả thêm cao ban-long và mạch-môn, đến sáng sớm người ấy đến nói : con y uống hết thang thuốc thời nóng nhẹ một nửa đã tỉnh biết mà đòi ăn, tôi mới cho uống phương thuốc để giữ lấy khí của tì vị, rồi cho người đến báo quan văn-thư cứ đi trước, mà cùng gặp ở chợ Hoàng-mai.

Ngày 22, tôi lại đi một quãng đường núi, khi đến núi Long-sơn thấy khu ấy đá phẳng mà có cây âm-u, tôi có dừng lại để du ngoạn và đề một bài thơ ngũ ngôn ở tường chùa, rồi đi gấp đến chợ Hoàng-mai.

Sáng sớm ngày 23, đi qua ngôi đền ở gần bể, quan văn-thư có nói : « Đền này thờ vị thần có linh ứng bậc nhất thuộc tỉnh Nghệ-an, nhưng tôi không rõ sự-tích. Tôi trả lời, trước tôi đã đi qua và hỏi người địa phương, họ nói cũng có câu sai lầm, nhưng xem sử nhà Tống bên Tầu, quân nhà Tống đánh nhau với quân nước Kim, nhưng bị thua vua nhà Tống tên là Bính chạy ra bể bị sóng mà chết đuối, vợ vua cùng hai con gái bám vào thứ gì đó rồi giạt đến bờ bể, người gần đấy trông thấy liều mình cứu thoát cả 3 mạng, người ấy lại chực tư thông nhưng hoàng-hậu cự lại, người ấy thẹn mà đâm đầu xuống bể, hoàng-hậu than thở rồi cũng đâm đầu xuống bể mà chết, sau 2 con gái cũng chết theo, rồi nơi gần bể lập đền thờ rất là linh hiển. Quan văn-thư khen ngợi. Tôi có đọc một đôi câu đối rồi ra đi. Bấy giờ vì lòng nhớ quê hương lại làm một bài thơ ngũ ngôn để tự tình.

TimSách

Chiều hôm ấy dừng chân ở chợ Thổ-sơn.

Sáng sớm ngày 24 lại ra đi đến bờ bể Thổ-hào, trông thấy sóng bể mênh mông lại đọc một bài thơ ngũ ngôn.

Hôm ấy quan văn-thư sai lính dọn 3 chiếc thuyền bể đến cửa bể Cửu-nham thời lên bờ nghỉ chân. Ngay 25 đi qua cửa bể Thần-phù, gặp mấy chỗ láng-tầm đều xuống cáng đi bộ rồi nghỉ lại. Sáng sớm ngay 26 ra đi, đến quá chiều nghỉ ở chợ huyện, gặp một người mặc áo dài chống gậy tre đi qua, tôi bỏi chủ hàng cơm thời y cho biết người ấy là vị sư trụ-trì ở chùa đây, tinh về bói toán. Tôi sai mời vào trong hàng mà hỏi rằng : « Tôi nghe trụ-trì hiểu về lý-kinh-dịch, nhờ bói cho một quẻ ». Vị sư ấy hỏi tôi bao nhiêu tuổi, muốn xem việc gì thời nên thành tâm, tôi nói tuổi xong, vị sư nghĩ một lát rồi nói to lên rằng : « Tốt lắm, tốt lắm, ông đi đây là việc phi thường » và nói tiếp « quẻ này là quẻ « nguyên thủ » ứng vào việc được mời đi là điềm rất tốt, chỉ đáng lo là lai kinh bị yếu. » Tôi kể rõ đầu đuôi cho vị sư nghe và hỏi : « Khi nào được về, vị sư ấy nói « phú quí làm mê đường người khác mà không làm mê được tôn công ! » Tôi thở dài và đưa biếu tiền đặt quẻ, nhưng vị sư không nhận, lại cười mà rằng : « Tôi chỉ muốn uống mấy chén rượu ở kinh-đô mà thôi ». Tôi sai mua rượu về thời vị sư hai tay nâng lấy, chỉ uống một hơi là hết rồi cáo biệt ra về.

Chiều hôm ấy, trong khi ở nhà trọ, quan văn-thư đến bảo tôi rằng : « Chúng ta mỗi ngày chỉ đi được 50 dặm đường, trước kia người ở kinh mà nhà vua sai đi chỉ 10 ngày đã đến đồn Vĩnh-doanh, 11 ngày đã đến nhà tôn-công. Nay chúng ta còn 6, 7 hôm nữa mới đến

Tìm Sách

kinh thời tôi sơ là tri-trệ. Vậy tôi chọn người khỏe đi theo mà đến đêm mới nghỉ. »

Tôi cười mà rằng : « Quan văn-thư không phải quá lo, nếu chậm ra là vì khi người ở kinh đến nhà tôi thời tôi còn chữa bịnh nơi khác phải tìm mới về được, mà lúc đi thời mưa gió ngăn trở, chúng ta cũng có thể giải thuyết được ».

Quan văn-thư cười mà rằng : « Nếu cần cũng phải nói như vậy ».

Sáng sớm ngày 27 lại khởi hành, thời toàn là đường núi máy mù, người đi đường ướt cả áo quần phải đốt lửa hơ và sưởi, lại quét những chỗ đá phẳng để đun nước thổi cơm, rồi mới quan văn-thư cùng uống rượu trong khi trèo cao trông xa, tôi có đọc 2 câu thơ cổ để tiêu khiển, quan văn-thư thấy tôi có vẻ buồn, cười mà nói rằng : « Hoa cỏ trăm thứ, trời đất một bầu, nơi đây cũng như phong cảnh ở Hương-san ». Ông lại nói tiếp : « Người quân tử ở đời có 2 đường lối, ở nhà thời vui đạo mà ra thời giúp đời, tôn công ở lâu chỗ thâm-san, nhất đán nhà vua biết tiếng đãi như bậc đại thần, thật là nghìn năm mới có một cơ hội ».

Tôi cười mà rằng : « Quan văn-thư khen quá khiến tôi thêm thẹn, tôi đây học kém tài hèn phải tìm nghề nhỏ mọn để dung thân, như bây giờ là áo mặc không tương xứng với đức của mình mà không phải là việc may ».

Quan văn-thư lại nói « Tôn công chí vững như sắt đá tôi không dám nói nhiều, nay tôn công ngâm vịnh khá nhiều tôi xin nghe mấy bài rồi bọn lại để giải buồn. »

TimSách

Tôi sai ngay người đi theo mang giấy bút lại, rồi làm một bài thơ thất ngôn đưa quan văn-thư xem, quan văn-thư khất lại mấy hôm mới họa được vần.

Chiều hôm ấy, đến chợ Vân-Sàng nghỉ chân. Ngày 28 đến cầu Khương nghỉ chân.

Ngày 30, đến cầu Tinh-liệt nghỉ chân, quan văn-thư bàn với tôi, trong tờ tâu nói ngày nào được nghe mệnh lệnh nhà vua, ngày nào ra đi, ngày nào đến kinh, bẹn chiều ngày mai đến dinh quan Chánh-đường để đợi lệnh. Bàn định xong rồi đi nghỉ.

Sáng hôm sau, quan văn-thư đi qua làng Nhân-mục, rồi theo đường làng Hoàng-mai theo Cầu giấy để tiến vào kinh thành. Bấy giờ có người học trò theo tôi đi tên là Tổng Thuần thưa với tôi rằng : « Trước y có người bạn thân tên là Sự, con một người tầu buôn ở Hiến-Nam (tỉnh Nam-định), nay di cư ở làng Khương-đình để làm thuốc, y thấy tên ấy thành thực, hiếu thảo có cho bộ sách Tâm-lĩnh của tôi, tên Sự xem suốt ngày đêm, nghề làm thuốc rất tiến, vẫn muốn đến chỗ tôi ở để xin yết kiến nhưng có mẹ già không đi được xa, nay muốn cho tên Sự được tiếp, vì từ nhà tên Sự đến kinh thành chỉ có một đoạn đường », rồi xin với tôi để báo tin cho tên Sự. Tôi bằng lòng mà đi về đường bên trái, đi một đoạn đã thấy tên Sự ra đón, bên đường thấy tôi khôn xiết vui mừng mời ở lại một đêm để khoản đãi, nhưng tôi bảo rằng tôi đã hẹn với quan văn-thư ngày hôm nay cùng đến dinh quan Chánh-đường thời không thể thay đổi được, nhưng ta không biết đường đi thời ngươi nên hướng dẫn.

Tìm sách

ĐẾN THĂNG-LONG

Tên Sự dẫn lối vào đến cổng thành, trông thấy thành đất không cao lắm nhưng trên mặt thành đi ngựa được, bên ngoài trồng tre rất kín, dưới có hào sâu, trong hào rải chông thật là kiên cố, 3 tầng cổng đều có lính vác giáo cầm dao đề canh phòng, lính canh cổng thấy tôi có người đi theo cũng cầm binh khí, nên xét hỏi cẩn thận mới cho đi vào, khi đó tôi có làm một bài thơ cảm hoài.

Đọc thơ xong, lại lên cáng đi vào cửa cung Khánh-Thụy, qua Quản-Minh-Đình và cửa Đại-Hưng, đi sang đường bên phải độ nửa dặm thời đến dinh quan Chánh-đường. Tôi nghỉ lại chỗ nhà hàng rồi áo mũ tiến vào sảnh đường, tôi đứng đợi hồi lâu, hỏi người gác cổng thời người ấy hỏi rằng : « ông có phải là thầy thuốc ở huyện Hương-sơn tên là Lãn-Ông không ? » tôi trả lời là phải. Người gác cổng nói : « Thường thấy quan nhà tôi nói đến ông, lại nghe có chiếu chỉ triệu ông, vậy ông hãy đợi, quan tôi vào chầu đi qua đây thời ông yết kiến là hơn ».

Một lát, quan Chánh-đường đi ra, ngoài đã để một cỗ kiệu và nghi-trượng 2 bên, tôi bước ra để bái yết, thời quan Chánh-đường cười mà rằng : « Tôn ông đi từ hôm nào ? và đến đây hôm nào ? » Tôi thưa đầu đuôi thời quan Chánh-đường bảo nhỏ một vị quan hầu ít tuổi, rồi quan Chánh-đường lên kiệu để vào chầu.

Vị quan trẻ tuổi mời tôi về tư thất, tôi mới biết vị quan ấy là con cả của quan Chánh đường, tướng mạo đàng hoàng, mời tôi cùng ngồi, tôi 2, 3 lần từ chối để ngồi riêng nhưng vị quan ấy không nghe rồi bắt đầu hỏi rằng :

TimSách

« Nghe tôn-công ở chốn lâm tuyền cắt thuốc để tế độ, thân phụ tôi thường khen là người làm thuốc hiện thời không có ai hơn được ». Tôi tử tạ mà rằng : « Tôi là người khoáng đãng ở lâm tuyền có đâu xứng đáng được lời khen của quận-hầu ». Rồi vị quận-hầu mời tôi đến nhà một người chú vừa rộng vừa tĩnh. Người chú ấy công cán ở tỉnh Sơn-tây mà chỉ để nhà không. Khi đến nhà, vị quận-hầu cùng ngồi nói chuyện với tôi. Tôi thấy là bậc công tử mà học rộng hiểu đời lại rất khiên kính, như vị quận-hầu này thật là ít có, nên tôi rất kính phục.

VÀO VƯƠNG PHỦ

Gần tối, vị quận-hầu cáo biệt, tôi sai người đi theo đem hành lý vào tòa nhà ấy xếp đặt đâu vào đấy. Sáng ngày mồng 1 tháng 2, nghe tiếng gõ cửa rất gấp, tôi mời vào thời người ấy nói : « Tôi là người hầu của quan Chánh-đường, nay có vị quan truyền-lệnh của nhà vua đứng đợi nói là có chỉ nhà vua mời tôn công đi ngay ». Ngoài sân đã đem cáng đến đợi, tôi mũ áo lên cáng vào cửa Vương-phủ, theo vị quan truyền-mệnh đi qua 2 tầng cửa rồi rẽ về bên trái, tôi nghển trông thấy bốn phương đều có cây cối rườm rà hoa nở chim hót, hai dãy hành-lang đối nhau, người canh cửa truyền báo đi lại như mắc cửi ra vào phải có tín-phù. Tôi nhớ lại trong khi trọ học ở đây, kinh-thành chỗ nào cũng biết, duy có sự thể ở trong cung điện thời bây giờ mới được coi. Mới biết chỗ vua ở khác hẳn với mọi nơi, tôi mới ngâm một bài thơ thất ngôn để ghi nhớ.

Đi độ vài trăm bước qua mấy tầng cửa vừa mới

Tìm sách

đến điếm Túc-trực cửa cánh quan hậu-mã. Điếm ấy ở bên hồ lớn, quanh hồ thấy đá đẹp cây lạ, điếm ấy thời ngoài biên cong gấy thể-chế khéo mà lạ, quan Chánh-đường mỗi khi vào chầu xong thời ra nghỉ ở đấy. Quan Chánh-đường thấy tôi đến bảo quan truyền-chỉ rằng Thánh thượng cho vị thầy thuốc vào hầu Đông-cung Thế-tử để coi mạch, rồi cùng quan truyền-chỉ đi vào mà bảo tôi đi theo, cùng với mấy người tiểu-hoàng-môn bước đến một cửa lớn. Vệ-sĩ thấy tôi áo mặc hơi khác giữ lại chưa cho đi, nhưng quan truyền-chỉ bảo rằng có chỉ của nhà vua triệu đến, vệ sĩ mới cho tôi đi qua. Đến một tòa nhà lớn thật là cao rộng, hai bên để hai cỗ kiệu của nhà vua, đồ nghi vệ đều sơn son thếp vàng, gian giữa có kê cao chiếc kệ của nhà vua cũng sơn son thếp vàng, trên kệ có chiếc giường êm màn đỏ, ở trước mặt cùng với bàn án, ghế ngồi bên trái bên phải bầy các đồ dùng đều là dân gian chưa từng có bao giờ. Tôi chỉ đưa mắt trông qua rồi cúi đầu mà đi, lại đi qua cửa bích-môn đến một gác cao rộng, trong gác ấy giường cột đều sơn mầu son như cánh gián, tôi hỏi nhỏ thời quan Truyền-chỉ bảo rằng « chỗ nhà to vừa đi qua gọi là gác-tía, còn chỗ này là phòng trà, Thế-tử ngự đến để uống trà » (uống trà tức là uống thuốc vì kiêng chữ thuốc nên gọi là trà).

Bấy giờ trong phòng trà có 8, 9 người ngồi hầu, thấy quan Chánh-đường tới mọi người đều đứng dậy, quan Chánh-đường ngồi trên, cho tôi và mọi người ấy ngồi ở hàng giữa. Trước tôi chưa hiểu sau mới biết những vị ấy đều là ngự-y ở lục-cung, lưỡng-viện, có vị phải ngày đêm túc trực để hầu trà.

Các vị ấy thấy tôi đến, người nọ trông người kia,

Tìm sách

hoặc cúi đầu nói nhỏ với nhau, quan Chánh-đường cười mà rằng : « Ông này là người làng Liên-xá huyện Đường-hào tỉnh Hải-dương, di-cư vào huyện Hương-san, có tiếng là hay thuốc ở thời bây giờ, nay vâng thánh chỉ triệu đến ».

Bấy giờ trong hàng ngồi có một vị đội khăn mặc áo sa tầu cười bảo tôi rằng : « Thầy thuốc già có biết tôi hay không ? » Tôi trả lời : « Tôi ở thôn quê xa xôi biết đâu được các vị quan trong triều ». Người ấy nói rằng : « Tôi là người Yên-việt ở huyện La-sơn, lúc ở nhà có nghe tiếng thơm của tôn công nhưng chưa được tiếp kiến ». Tôi mới biết vị ấy là quan giáo huyện Yên-việt nhân có quan trấn họ Nguyễn đề cử vào hầu thuốc nhà vua rồi được làm thuộc viên ở bộ binh giữ chức Tham-đồng. Tôi nói rằng : « Chỗ tôn công ở và chỗ tôi ở không cách xa mấy, nhưng chưa lúc nào đến tiếp kiến được tôn công ».

Sau đó quan truyền-mệnh đến nói nhỏ với quan Chánh-đường, rồi quan Chánh-đường đứng dậy bảo tôi hãy lui ra để ăn cơm trưa, tôi theo quan Chánh-đường đi đến điếm hậu-má, quan Chánh-đường bảo rằng : « Thánh-thượng có ngự ra phòng ấy nhưng cung-phi đương đứng hầu, vì thế chúng ta chưa dám tiến vào mà phải ăn cơm tạm ở đây ».

Tôi ăn cơm thấy chén vàng mâm bạc, thức ăn ngon lạ mới rõ phong vị của nhà vua. Ăn vừa xong thấy vị quan hầu đi rảo chân triệu vào, quan Chánh-đường cho tôi đi theo đến chỗ phòng trà trước kia, mở màn gấm đi trở vào, thời ở trong không được sáng lắm, không biết cửa đi thế nào ? màn che hết tầng này đến tầng khác, mỗi tầng thắp một cây nến để rõ biết đi, qua năm tầng màn gấm như thế đến một tòa nhà rộng, thấy một

Tìm sách

cỗ giường sơn son, người ngồi trên giường với 5, 6 tuổi mặc áo lụa màu hồng, 2 bên mấy viên quan hầu, một cây nến to thắp lên cắm ở trên giá bằng đồng, bên giường để một cỗ ghế chạm rồng sơn son thếp vàng, trên ghế trải cái thảm bằng gấm, một bức mi-môn đằng trước bằng dạ gấm, người trong cung đứng từng hàng, ánh sáng của cây nến ở trong cái đèn lồng, bằng sa mỏng, chiếu ra mầu áo đỏ, mà hoa thơm sực nhà.

COI MẠCH CHO THẾ-TỬ

Bấy giờ, tôi nín hơi đứng chờ đợi mệnh-lệnh ở một chỗ hơi xa, quan Chánh-đường truyền mệnh, tôi mới cúi mình đứng về phía trước lậy bốn lậy, Thế-tử cười mà rằng : « Người này lậy khéo ». Quan Chánh-đường lại truyền mệnh cho tôi ngồi trước ngự sàng để xem mạch.

Xem xong, nghe trong màn có tiếng nói nhỏ rằng : « Cho xem hình trạng » một viên quan hầu đến bên ngự sàng tâu như thế, Thế-tử mới đứng dậy cởi áo, đứng bên ngự sàng cho tôi xem, tôi xem kỹ cả lưng bụng chân tay một lượt.

Quan Chánh-đường lại truyền mệnh lễ tạ mà đi ra, tôi tức khắc đứng lên lậy 4 lậy, rồi thấy truyền mệnh một người tiểu-hoàng-môn dẫn tôi ra ngồi ở phòng trà, một lát quan Chánh-đường mới ra bảo tôi rằng : « Tôn công xem mạch như thế nào ? và nên dùng phương thuốc gì ? thời làm tờ khai để dâng lên, lại nói tiếp : « Thế-tử ốm đã nửa năm, kỳ trước còn gầy hơn, bây giờ đã hơi có thịt ».

Tìm sách

Tôi tự nghĩ, Thế-tử ốm lâu không có thuốc bổ, nay cho uống thuốc bổ dương thời nóng lên mà uống bổ âm thời càng ngừng trệ, mới bảo vị tả quan lấy những toa thuốc đã dùng cho xem.

Nguyên vì quan Chánh-đường tiến cử tôi, nên ngài mới ân cần dặn dò. Quan Chánh-đường cũng có học thuốc nhưng chưa được thuần-túy, tôi thường thấy ngài bàn luận thời ưa dùng những vị công phạt, mà nói rằng bệnh khỏi mới nên bổ. Nhưng tôi nghĩ Thế-tử vốn ở chỗ màn the kín đáo, ăn uống không thiếu gì, thời tạng phủ không được mạnh, lại thêm ốm lâu háo-kiệt, sắc mặt không quang nhuận, rốn to nổi gân xanh lên, bốn chân tay gầy còm, mà mọi thày thuốc chỉ thiên về thuốc công phạt hay thông lợi, thời nay bổ còn không kịp. Chỉ có điều là nếu chữa cho chóng khỏi, tất nhiên nhà vua giữ ta ở lâu, chi bằng dùng thuốc hòa hoãn là hơn. Sau tôi lại nghĩ rằng, ông cha nhà mình kể thế chịu ơn nhà vua, thời ta nên hết lòng để nối chữ trung cho Tổ-phụ.

Tôi nghĩ kỹ mới trả lời quan Chánh-đường rằng: « Tôi thấy Thế-tử gầy còm, mạch « tế, sác », âm dương đều kém, thời nên bổ mạnh tỳ, thận, giữ vững tiên-nhiên để giúp cho hậu-thiên, chính khí đã đầy đủ thời bệnh tự nhiên tiêu đi ».

Bấy giờ quan Chánh-đường vẫn nói đi nói lại về bệnh của Thế-tử, mà tôi cũng hiểu ý quan chưa muốn cho dùng thuốc bổ, nhưng tôi giữ vững lập trường, thời quan bảo tôi rằng: « Tôn công không đổi ý kiến thời lập phương thuốc để dâng lên ».

Tìm sách

Tôi theo lời và viết tờ khai như sau :

« Tiểu thần vâng lệnh xem mạch thấy sáu bộ mạch « tế-sác » và vô lực, bộ « quan » bên phải tệ hơn, bộ « xích » bên phải bị yếu, thế là âm phận của tạng tỳ hư yếu, hỏa của dạ-dầy vượng lên, không tăng nạp được dương khí, vì hỏa ngấm ngầm đó, cho nên thành chứng cổ chướng là hình tượng trong không có gì mà ngoài phù lên, thời nên bổ tạng tỳ là hành thổ thời chứng bịnh « cổ-chướng » sẽ dẹp xuống, nay xin dùng 1 lạng bạch-truật (sao với gạo 3 lần đừng để cháy đen, để giúp khí lực cho tạng tỳ).

3 chỉ thục-địa (bỏ trên than cho khô để mùi thơm vào tạng tỳ giúp âm phận cho tạng ấy).

2 chỉ can-khương (sao đen để giúp sự vận hành).

1 chỉ ngũ-vị (để đem khí của tạng phế trở xuống).

Các vị đều sắc thành cao lỏng, mỗi lần dâng lên một chén nhỏ, lấy vị thần-thảo sắc nước đặc hòa mà uống vào lúc còn no vừa. Tiểu-thần là Lê-Hữu-Trác vâng lệnh kê nạp ».

Tôi viết xong đệ lên quan Chánh-đường, quan xem hồi lâu tựa như có ý ngần ngại, khi đó mấy thầy thuốc ngồi đấy, đứng lên xem cười mà nói rằng : « Ông nầy lập luận khác xa với chúng ta ».

Khi quan xem xong, sai vị nội-thần đem tờ khai tiến nạp. Một lát, quan Chánh-đường đứng dậy bảo tôi đi theo về nghỉ ở điếm Hậu-mã mà bảo tôi rằng : « Tôn công đi xa khó nhọc hãy tạm về nghỉ, dù có thân bằng

Tìm sách

mời cũng không nên đi đâu để đợi thánh chỉ ». Tôi lên cáng về chỗ ở trước.

SAU KHI CHẨN MẠCH KÊ TOA

Từ hôm đó, quan Chánh-đường ở trong phủ không thấy về nhà, tôi cũng chẳng biết phương thuốc ấy Thế-Tử đã uống hay chưa ? Còn vị Quận-Hầu thời hàng ngày đến chỗ tôi ở nói chuyện có khi đêm khuya mới về.

Một hôm, tôi thấy người lính của quan Chánh-đường đến chỗ tôi ở, truyền lệnh : « Có Thánh-chỉ sai triệu tôn công phải tức khắc vào hầu ». Tôi đến ngay dinh quan Quận-Hầu, lấy 4 tên lính đi cáng để vào hầu, đến điếm Hậu-Mã để chờ lệnh. Một lát, thấy vị Tiểu-hoàng-môn là gia-nhân của quan Chánh-đường cầm đèn cầy từ cung-cấm đến, sai nhà bếp làm cơm chiều mà cũng ăn với tôi và bảo rằng : « Quan tôi bảo tôn công hãy về, sáng mai lại đến », lại bảo nhỏ tôi rằng : « Kính cẩn mừng cho tôn-công ! Thánh Thượng đã chuẩn ban cho Tôn-Công hai mươi người lính và bổng lộc theo lệ của chức Câu-Kê ở Hộ-Phiên. Ngày mai được nghe bệnh của vua ». Tôi nghe chuyện than thở một mình.

Ăn cơm xong, người Tiểu-hoàng-môn đem « quân-phù » (đi đêm ở trong cung cấm) đưa cho tôi, (quân-phù dài chừng 5 thước, hai đầu bịt bạc có khắc chữ nội-sai).

Tôi ra về, đêm đó không chợp được mắt, và nghĩ rằng như vậy chắc không cho ta trở về, nếu ta vâng lệnh thời sau này khó phần từ chối, không bằng ta thác bịnh mà ngày mai không vào.

Tìm Sách

LÊ TIÊN SINH CÁO TỪ TƯỚC LỘC

Sáng mai, tôi sai người nhà đem bức thư viết tay đến nhờ vị Quận-Hầu để sai người đưa vào trong phủ bẩm với quan Chánh-đường. Bức thư nói : « Đêm qua tôi cảm hàn nhức đầu, người sốt, đứng ngồi loạng-choạng không thể vào hầu được ». Một lát vị Quận-Hầu đến hỏi thăm mà rằng « Thư của Tôn-Công, tôi đã sai người vào trong phủ đưa cho phụ-thân tôi, Tôn công không phải bận lòng, chỉ giữ sức khỏe để vào hầu, sau tất có đặc cách được lộc tước ». Tôi nói : « Sao Quận-Hầu được biết », thời vị Quận-Hầu bảo rằng : « Tôi mới có công-sự vào trong phủ, thấy phụ-thân tôi nói : « Tôn-Công kê tâu phương thuốc thời thầy thuốc ở hai viện đều bàn tán ngăn trở nên chưa dâng lên Thế-Tử, nhưng Thánh-Thượng đã xem khen là rất thông y-lý, đã chuẩn-định ban cho tước-lộc ». Tôi nghe chuyện có vẻ lo nghĩ, vị Quận-Hầu vẫn biết tôi có ý về, cười và nói rằng : « Tôn-Công có đại tài, ngựa kỳ ngựa ký không bao giờ chịu kéo xe muối, vậy có phải vì thế mà Tôn-Công không được đẹp lòng hay sao ? » Tôi đứng dậy chực vái lạy, thời Quận-Hầu vội vàng đứng lên ngăn tôi mà rằng : « Tôn-Công từ khi đến kinh, tôi được ngày đêm hầu chuyện, có việc gì xin cứ nói thực tôi sẽ hết lòng tính giúp ».

Tôi nói : « Tôi lúc nhỏ cũng có đại chí, nhưng vì kiển-vận phải ở chỗ lâm-tuyền để cầu nhàn, nay đã sáu mươi tuổi, đâu còn có chí tiến thân. Phương chi vì ốm nhiều mà học thuốc, không ngờ quan nhà ta tiến cử đến đây, nếu Quận-Hầu thương tôi, giúp tôi, thời dù chưa được trở về cũng khỏi bị ràng buộc về danh lợi ». Quận-Hầu cười nói : « Bệnh của Tôn-Công không thuốc nào chữa khỏi,

Tìm sách

phải dùng một chén nước ở Hương-San uống ở trong, một đám mây ở Hương-San để đồ ở ngoài thời khỏi ngay ». Tôi cười mà rằng : « Vị Quận-Hầu uống nước ở Thượng-Chi hay sao, mà thấu suốt tới tạng-phủ của tôi được như thế ?. » Nói xong, vị Quận-Hầu cáo biệt.

Sáng hôm sau, vị Quận-Hầu sai người đưa lại một bức thư riêng nhỏ bảo tôi rằng : « Việc đó đã nói với phụ-thân tôi, nhưng phụ-thân tôi cười không trả lời », lại bảo kín tôi phải cáo ốm đừng cùng tân-khách đi lại. Tôi vâng lời.

Mấy hôm sau, vị Quận-Hầu lại chơi, nét mặt tươi cười, tôi biết là đã giúp xong việc ấy. Vị Quận-Hầu bảo : « Tôi đã mấy lần nói thực với phụ-thân tôi và cố xin bộ Tôn-Công, phụ-thân tôi có bảo, ta không ngờ người ấy không có chí ở công danh, nên khi ta ở trước Thánh-Thượng có nói khả-năng về thuốc của người ấy, thời nay ta khó nói khác đi (cải khẩu) chỉ có bảo người ấy phải từ chối là già yếu và bảo y ngày mai đến phủ để đợi lệnh ».

Tôi nghe nói rất mừng, Quận-Hầu lại bảo tôi rằng : « Tôi xem lời nói của phụ-thân tôi thời không để Tôn-Công phụ lời ước với vượn-hạc ở Hương-San ». Tôi nói : « Mọi việc nhờ Quận-Hầu cứu viện tưởng cũng không khó ».

Hôm sau, tôi vào phủ để đợi lệnh, người canh cổng đến nói, Thánh-Thượng ngự ra chỗ ở của Thế-Tử thời quan Chánh-Đường ở đấy, tôi bảo một người lính dẫn đường đi về cửa Hữu, vòng quanh độ một dặm, trông thấy lâu đài các cột thếp vàng, mành giát ngọc ánh đến mây nước, mà bên đường thời cây xanh hoa đẹp phảng-

Tìm Sách

phất mùi thơm, lại thêm chim bay thú nhảy, nước biếc đá hoa, tôi vừa đi vừa xem không khác gì bãi tiên ở trần thế.

Khi mới đến cửa Đông-cung, tôi gặp quan Chánh-đường đã vào chầu lui về, bảo tôi đến trụ sở rồi quan cười mà rằng : « Tôn-công từ lúc tiến kinh, ngày đêm khó nhọc ». Tôi đứng dậy thưa rằng : « Tôi nhiều tuổi hay ốm mong đại nhân xét tình giải cứu cho ». Quan Chánh-đường nói : « Tôi biết rõ ý Tôn công mà đã xin cho ở ngoài để đợi lệnh, được Thánh-Thượng chuẩn y, thời Tôn-công nên ở trụ-sở mà không nên đi chơi xa, sợ bất thần Thánh-Thượng tuyên triệu ». Nói chưa dứt lời thấy vị nội thần đến triệu quan Chánh-đường, tôi mới cáo tạ về chỗ trọ, vị Quận-Hầu đến hỏi tôi kể rõ đầu đuôi và nói tiếp : « Biết bụng cho tôi là vị Quận-Hầu mà cứu cho tôi cũng là Quận-Hầu », rồi cùng nói chuyện. Một lúc vị Quận-Hầu cáo biệt.

Sau vài hôm, quan Chánh-đường vào chầu xong lui về, tôi vào tạ ơn, có mấy viên quan cùng ngồi ở gian giữa, quan Chánh-đường nói về việc của tôi, một viên quan cười mà rằng : « Mọi người cho việc được quan chức là mừng, mà ông này lại cho việc không làm quan là may, sao khác người như vậy ? người đời xưa có câu : « Lâm-tuyền không phải là chỗ ở của vương hầu, là vì phong-lưu ở Lâm-tuyền cũng không kém phú qui của vương hầu ». Tôi nghe nói thưa lại rằng : « Tôi là học trò hèn ở chỗ thôn dã, may nhờ đại nhân đây tiến cử được nhà vua triệu đến thật là gặp gỡ ít có, chỉ vì già yếu đi đứng đều ngại, cho nên không dám hưởng lộc của trời, tự biết là phúc kém, hối tiếc không để đâu

TìmSách

hết ». Một viên quan nói : « Tôn-công dáng dấp như cây tòng, cây bách, coi thường cả sương, tuyết thời hẳn là tu dưỡng từ trước, mến tiếc thanh nhàn mà chán chỗ phồn hoa ». Lại một viên quan nói : « Người ta đều là ông Y-Doãn, ông Chu-Công thời còn ai là ông Sào-Phủ, ông Hứa-Do ». (Ông Y-Doãn và ông Chu-Công thời ra làm quan, mà ông Sào-Phủ, ông Hứa-Do thời đi ẩn). Quan Chánh-đường cười mà nói rằng : « Kẻ sĩ đều có chí riêng ». Một lát tôi cáo từ về chỗ trọ.

ĐỔI CHỖ Ở ĐỂ TIỆN BÈ BẠN ĐI LẠI VÀ CẤT THUỐC

Bấy giờ, tôi ở dinh quan Trung-Kiên, đã hơn một tháng, bạn thân đến thăm cũng nhiều, mà quân lính gác dinh của quan Chánh-đường đều ngăn lại để xét hỏi, ai đến phải có người trong nhà nhận lãnh mới được đi qua. Tôi tự nghĩ ra vào trong dinh đã khó như thế mà người đi theo đến hơn 10 tên, thời gạo và củi không kế tiếp được mãi, vị Quận-Hầu đã hỏi tôi người đi theo nhiều hay ít để quan Chánh-đường cấp lương, nhưng ta vì không chịu ràng buộc, mà cố ý cáo từ, thời nay nên tìm chỗ ở bên ngoài dinh để thân bằng đi lại cho tiện, mà cất thuốc để tiêu dùng hàng ngày.

Tôi tính toán xong, mới nói với vị Quận-Hầu rằng : « Tôi lưu lạc giang hồ hơn 30 năm, một khi đến kinh-đô thời thân bằng thăm hỏi là thường tình, nay xin trọ ở ngoài dinh để tiện đi lại, xin Quận-Hầu bẩm với quan Chánh-đường để tôi được tiện xử trí ».

Quận-Hầu lúc trước không nghe, tôi nói đi nói lại

TìmSách

mới được. Tôi sai người nhà đi tìm chỗ ở, thời tên Biện ở quân dinh đội Kính-hữu, y chưa có con đến tận nơi để mời tôi sang ở. Tôi mới sai người chuyên vận hành lý tới ở nhà tên Biện, vợ chồng y mừng rỡ, phụng dưỡng không thiếu gì, từ dinh quan Chánh-đường đến đây chỉ có một đoạn đường, vị Quận-Hầu hoặc 3 hay 5 hôm đến thăm tôi một lần. Tôi ở đấy khoảng nửa tháng, thời quan viên, binh-lính, phố phường có nhiều người biết, hoặc lấy thuốc, hoặc mời xem mạch xin toa, ngày đêm huyên náo, tôi tự nghĩ lúc trước chỉ mong đủ ăn, mà bây giờ lại được gấp bội, nhưng vì ứng tiếp mà quên ăn, ít ngủ lại muốn chuyển cư mà chưa tìm được.

Bấy giờ có quan Tả-cơ là tước Hầu Hàn-Xuyên, trước đi thi đã đỗ tú-tài, sau theo cha đánh giặc có công được làm quan Tả-cơ, nhưng vì người hay ốm thường đến chỗ tôi lấy thuốc, thấy tôi phần nhiều không chữa đến bệnh mà bệnh khỏi, lại bệnh nguy cũng chữa được, mới xin nhập môn để học thuốc, tôi thấy y chân thành mà ưng cho học.

Vị quan ấy thấy tôi không muốn ở chỗ phiền nhiễu, mới dọn một nơi dinh cũ (ở mé ngoài hồ chỗ dinh y đương ở), có đủ nhà trong nhà ngoài, phòng khách, bếp đun rất là nhàn tĩnh, mới mời tôi sang ở, tôi mừng mà dọn sang. Chỗ ở này với mé sau nhà tên Biện chỉ cách vài trăm bước, tên Biện mở một cửa hậu, sớm chiều khoản đãi tôi vẫn chăm chỉ như trước.

Tôi đến ở chỗ này trong bụng được thư thái hơn. Một tối, tôi đã đi ngủ, thấy bên hồ có tiếng véo von, tôi hoảng hốt tỉnh dậy, hỏi ra mới biết rằng dinh phía

Tìm Sách

Tây có người thổi sáo, thật là buồn sầu cũ chưa dứt đã tiếp thêm cái buồn mới, tôi mới ngâm m bài thơ ngũ ngôn để tả lòng của mình. Ngâm xong đem khuya lại đi ngủ, sáng hôm sau dậy muộn, người đi theo gọi dậy mà thưa rằng : « Vị Quận Hầu đứng đợi ngoài cổng đã lâu », tôi vội dậy ra đón mời vào trong nhà, vị Quận-Hầu nói : « Tôn công ở đây thanh nhàn, có thể được tĩnh dưỡng hơn ». Tôi nói : « Phần nhiều nhờ hậu ý của chủ nhân ». Bấy giờ Tước Hầu Hàn-Xuyên biết là Quận-Hầu đến chơi cũng ra hầu tiếp. Tôi đưa ra bài thơ lúc đêm nghe tiếng sáo để bình luận, thời hai vị đều khen là hay, một chốc 2 tước hầu đều ra về, hôm sau thấy người xuất-đội của vị Quận-Hầu đem đến 5 người lính khỏe mà nói rằng : « Quan tôi thấy chỗ ở mới của tôn-công rất nhiều trộm cắp, đã bẩm với quan Chánh-đường lấy 5 tên lính ở bản doanh, ngày thời giúp việc đêm thời canh giữ ». Tôi nói : « Tôi được Quận-Hầu để ý mọi việc không dám quên ơn ».

Bấy giờ, trong kinh-đô nghe tiếng của tôi mà đến lấy thuốc rất đông, mà mọi người nho học cũng phần nhiều đến thăm, nào bàn chuyện cổ kim, nào nói về y-lý.

Một hôm, quan Bộ Hình là Bật-Chực, vị giám-sinh là Hằng, hai quan Huấn-đạo là Dự và Vụ cùng mấy người học trò giỏi, và vị giám-sinh tỉnh Sơn-tây hiệu là Thanh-Hồ người ở thị-xã tỉnh Sơn-nam hiệu là Thúy-Anh, cùng đem rượu và thức nhắm lại chỗ trọ của tôi cùng uống, và bảo tôi rằng : « Chúng tôi nghe tiên sinh đã thâm thúy về y-học mà tài làm thơ cũng như Lý-Bạch, Đỗ-Phủ chắc là có nhiều bài để lại, vậy có thể cho chúng tôi được xem không ? » Tôi nói rằng : « Thơ để nói chí của

Tìm Sách

mình, dù tôi có tập nào để lại cũng là lời quê mùa đâu dám múa rìu qua mắt thợ ». Các vị ấy nói rằng :« Tiên sinh không nên quá khiêm, chúng ta đồng đạo hà tất phân biệt ». Tôi mới đưa ra một bài thơ Cảm-hoài trong khi vâng chỉ nhà vua đi đường để tiến kinh, để các vị cùng xem.

Vị quan ở Bộ Hình nói rằng : « Thơ này ý rất thanh đạm, nói phú mà không nói quí thật là ý ở ngoài câu nói ». Các vị giám định nói : « Thơ này là về phái ẩn-giả ». Đến chiều các vị tan về.

Hôm sau, các vị kể trên đều sai người nhà đưa phong thư lại. Tôi mở ra xem đều là thơ để họa lại.

1) Bài thơ họa lại của vị quan Hình Bộ.

2) Bài thơ họa của vị Giám-sinh ở Nộn-Liễu.

3) Bài thơ họa của quan Huấn-Đạo (vị này là anh).

4) Bài thơ họa của quan Huấn-Đạo (vị này là em),

5) Bài thơ họa của vị Giám-sinh tỉnh Sơn-Tây.

6) Bài thơ họa của một vị ở Thị-xã.

Tôi xem xong tự nghĩ rằng thơ của viên quan Hình-Bộ có phong vị nhà làm thơ, 2 Giám-Sinh ở Nộn-Liễu và Sơn-Tây và 2 quan Huấn-Đạo có khí vị nhà nho, còn thơ của Thúy-Anh thời nói không thiết-thực đáng cười, phưng tôi đều ghi lại. Ngoài ra, còn có bài thơ họa lại của quan Huyện Cẩm-Giàng, bài thơ họa lại của vị Giám-Sinh Nam-Sơn, bài thơ họa lại của quan Cựu-Thiêm bộ-binh, bài thơ họa lại của quan Huấn-Đạo phủ Tam-Đái, bài thơ họa lại của người làng Thổ-Khối, bài thơ họa lại

Tìm sách

của quan Châu Vạn-Linh.

Trên đây là tôi chỉ ghi lại những bài thơ có ý-vị mà thôi, ngoài ra không thể ghi hết.

Một hôm, vị Tả-quan-hầu trong Nội-điện đi chầu về đến chỗ trọ của tôi mà nói rằng : « Tôn-công ở đây không những có tiếng về làm thuốc, mà các bậc văn-thân nhiều người ngưỡng mộ muốn yết-kiến. Tôi dù là nhà binh ít học cũng xin họa một bài. Tôi xem đi xem lại rồi nói : « Không ngờ thơ của Tước hầu tinh diệu đến như thế » kế thấy vị Hùng-tả-quan đẩy cửa đi vào cười mà nói rằng : « Tôi cũng họa một bài vụng về, đem lại đây để các vị làm trò cười ». Rồi đưa bài thơ ra.

Vị Hùng-tả-quan là người ở Lai-thạch, là con nuôi quan Hoàng-giáp làm Trấn thủ tỉnh Lạng-sơn, vị ấy ở Châu-hoan (Nghệ-an) mấy lần đưa thư đến tôi, nhưng tôi chưa được tiếp, vị ấy thi đậu Quốc-tử giám-sinh được nhà vua cách cho giữ chức Hùng-tả-quan, khi tôi đến kinh ông bắt đầu đến thăm, vì có việc rồi lại tương biệt, đến bây giờ tôi mới được tiếp.

Tôi xem bài thơ của ông kinh lên mà nói rằng : « Quan thấy thơ của tôi ở đâu mà họa lại ». Vị Hùng-tả-quan cười mà rằng : « Tiếng to của tiện sinh cả kinh thành đều biết, sao tôi lại không được biết ». Tôi nghĩ ra rằng người này vẫn có tiếng là hay thơ, tôi xem thơ quả nhiên ý mới lời đẹp.

Một hôm, có người gần quê tôi ở, hiện làm Huấn-Đạo đến chơi với tôi, rồi cáo biệt về huyện Hương-Sơn, tôi tiện gửi thư về thăm nhà.

Quan Huấn-đạo lại nói : « Ở kinh làm chức quan nhỏ

Tìm Sách

lâu ngày hết tiền ». Tôi có cho mượn vài chục quan tiền. Chiều hôm ấy tôi ngồi một mình nghĩ đến quê nhà mà sầu buồn, đêm khuya ngủ không yên giấc, tỉnh dậy dạo bước ngoài sân, có ngâm hai bài thơ ngũ ngôn rồi lại đi nằm, thấy một người lính vào báo tin, ngoài cổng có hai cái đèn lồng và một vị ngồi trên cáng không biết là vị quan gì ? tôi vội đứng dậy đợi, thời là viên Quận-Hầu đến chơi nói rằng: « Hôm qua có người xem bài thuốc của tiên sinh kê lên, không rõ vị thần-thảo như thế nào ? mà tìm ở sách tính-dược cũng không thấy, cho nên sai tôi đến hỏi ». Tôi lấy bút kê rõ rồi đưa cho Quận-Hầu, xong Quận-Hầu về ngay.

Tôi tự nghĩ rằng hỏi vị thuốc là việc thường, mà quan Chánh-đường sai con đến kính trọng như thế, thời ta chưa biết ngày nào được về. Tôi mới đem 2 bài thơ vừa làm gửi cho vị Quận-Hầu để ông biết rằng mình có ý mong về, mà nói với phụ-thân cho, sau tôi được biết quan Chánh-đường có xem đến thơ chỉ mỉm cười mà thôi.

Sang tháng 5, tôi có kỵ Nhật-đức tiên-quân, tôi làm tờ tâu để xin về nhưng nhà vua không cho, là vì dù không dùng đến bài thuốc của tôi, nhưng thường hỏi tính chất của từng vị thuốc. Bấy giờ, Thế tử bệnh nặng tôi không dám ra khỏi nhà trọ, mới sửa đèn hương lễ giỗ ngay ở nhà trọ.

Một hôm, có vị Quận-Chúa (con gái vua) bị chứng bệnh lậu thai, người chồng là quan phụ-mã tên là Cung, sai người đến mời tôi mà nói ông là người cùng huyện. Tôi đến xem mạch, quan phụ-mã muốn giữ tôi ở lại mấy hôm để cắt thuốc. Tôi có nói quan Chánh-đường dặn tôi không được đi ra ngoài chỗ trọ, để phòng khi Thánh-chỉ triệu đến. Ngờ đâu Quận-Chúa sai người đến ngay trong

Tìm Sách

cung, tâu xin giữ tôi lại để cắt thuốc, nhưng vua phán bảo rằng : « Người ấy già ốm không tiện dùng » mà sai riêng ông Tán là người đứng đầu ở y-viện đến chữa, quan phụ-mã nói thực với tôi như vậy, tôi mới biết là quan Chánh-đường đã tâu lên nhà vua về ý của tôi, chỉ vì vị quan ấy hay ốm cho nên không muốn để tôi về.

Tôi đến ngay nhà vị Quận-Hầu nói về ý của mình. Vị Quận-Hầu nói rằng : « Phụ-thân tôi với người ngoài rất thành thực, không có ý gì khác, đối với Tôn-công vẫn 10 phần kính yêu, không muốn xa cách mà thôi, Tôn công đã không muốn ở lại lâu, thời sao phụ thân tôi lại không theo ý, bài thơ của Tôn công làm hôm trước, phụ thân tôi đã xem, thời không mấy bữa nữa, Tôn-công sẽ được toại nguyện trở về ». Tôi mừng mà rằng : « Người đời xưa ngâm thơ kinh được quỷ thần, thơ của tôi cũng cảm được tước vương, tước hầu, tôi lại đọc bài thơ cảm-hoài khi ở nhà trọ gặp mưa và bài thơ cùng làm với quan Bộ-hình, bài thơ đọc sách lúc đêm trăng, để vị Quận-Hầu nghe mà nói tiếp rằng : « Trong bụng thế nào, thời hình hiện ra thơ văn, tôi nay như say, như ngây, Quận-Hầu không thương lại hay sao ? » Quận-Hầu nói : « Tôn công nên viết rõ 2 bài thơ vừa đọc để tôi sai người đệ trình với phụ-thân tôi ». Tôi cáo biệt về nhà trọ viết 2 bài thơ đưa sang nhà Quận-Hầu.

Hiện thời, người anh ruột tôi làm quan Trấn-thủ tỉnh Lạng-sơn, người em thúc bá của tôi làm quan Đốc-đồng tỉnh Lạng-sơn, có về quê để tu lý nhà thờ, lâu không thấy tôi về, mới đến kinh-đô để hỏi tôi, mà anh em con cháu thúc bá cũng thấy cùng đến. Anh tôi thấy trên mặt bàn có nhiều tập thơ rồi cùng xem với vị Đốc-đồng,

Tìm sách

một lát bảo tôi rằng, có lẽ nào chúng ta lại không họa lại mà các người cháu cũng xin họa. Rồi cùng về trọ mấy hôm đều đưa thơ đã họa đến cho tôi. Tôi xem lấy làm hân hạnh có ghi lại sau đây :

1) Bài thơ họa của quan Trấn-thủ tỉnh Lạng-sơn.
2) Bài thơ họa của quan Đốc-đồng tỉnh Lạng-sơn.
3) Bài thơ họa của Tước công viên hình.
4) Bài thơ họa của người em thúc bá.
5) Bài thơ họa của quan huyện ngự-thiên.
6) Bài thơ họa của giám-sinh họ Trần là cháu gọi tôi bằng cậu.

Nói về vợ người Quận-Hầu bị ốm mời tôi đến xem mạch, tôi biết là thai con trai mà đã chưa được ba tháng, tôi cho uống mấy thang thuốc mà bệnh khỏi. Rồi một nhà quan Chánh-đường không ai là không xin thuốc của tôi. Trong đó có quan Trấn Tỉnh Quảng-yên chơi thân với tôi, quan có người mẹ và em gái bị ốm. Tôi cũng hết lòng chữa giúp. Một hôm, tôi hỏi vị Quận-Hầu rằng : « Tôi bao giờ được về ». Vị Quận-Hầu trả lời : « Sắp có thể ». Tôi lại hỏi : « Hai bài thơ hôm trước tôi đệ lên quan Chánh-đường ngài có thương tình tôi không ? ». Quận-Hầu nói : « Phụ-thân tôi xem hai, ba lượt có nói ông này không muốn phụ ước cũ ở chốn lâm tuyền, thời ta cũng không nên cưỡng để ta liệu việc giúp cho ». Tôi nghe nói mừng như người được của báu, Quận-Hầu mới pha trà cùng uống.

Chợt có một người khăn áo ra đứng bên tôi, lấy tay tự trỏ vào mình, rồi trỏ đến vị Quận-Hầu, rồi trỏ đến tôi. Quận-hầu nói : « Đây là một người vừa điếc vừa câm ».

Tìm sách

Quan Tri huyện cựu ở huyện Cẩm-giàng bảo tôi làm một bài thơ tức cảnh về người ấy, tôi nhân mừng về việc của mình mới viết ngay một bài thơ thất-ngộn, quan huyện Cẩm-giàng nói rằng : « Tôn công tài làm thơ mẫn tiệp ít có người bằng ».

Một lát, người tùy hành của tôi đi đến nói nhỏ : « Có một vị đến chỗ trọ có hơn 10 người hầu, nói là quan Tri-phủ mà đứng đợi đã lâu ». Tôi mới cáo từ ra về, nhận thấy là người quen mời vào cùng ngồi, người ấy nói có bệnh đã lâu đến xin thuốc, tôi cắt cho vài thang thuốc mà bảo rằng : « Bệnh còn biến chuyển hãy uống vài thang nếu đỡ mới dùng được thuốc bổ », đến chiều vị quan ấy mới về.

Nguyên vị quan ấy là người cậu họ vợ tôi, người làng Nguyễn-xã, huyện Hoài-an, trước làm tri-phủ Tuyên-hưng, đối với tôi vẫn có lòng kính mến.

Hôm sau, quan Phủ sai người nhà đến đưa cho tôi một bài thơ và nói « Uống hết một chén mọi chứng bệnh đỡ tám, chín phần, duy ăn uống chưa tiến ». Tôi cho thêm thuốc cao và thuốc hoàn.

Một hôm, thấy hai quân-nhân đến chỗ tôi trọ, hỏi người quân-nhân ở chỗ tôi rằng : « Nghe nói có thầy thuốc ở Nghệ-an vâng chỉ nhà vua đến đây, hiện ở chỗ nào ? ». Tôi gọi vào hỏi : « Ngươi là lính ở đâu ? hỏi vị thầy thuốc có việc gì ? » Người quân-nhân ấy thưa rằng : « Tôi là quân-sĩ ở vệ Cẩm-y, vâng lời quan tôi tìm hỏi vị thầy thuốc để lấy thuốc hay là mời đi xem bệnh thời chúng tôi không được biết. » Tôi cười mà rằng : « Vị thầy thuốc là tôi, không biết vị quan

Tìm sách

ấy đã tìm tôi mấy hôm ? ». Người quân-nhân thưa rằng « đã năm hôm rồi ». Tôi nói : « Các ngươi về báo tin là vị thầy thuốc ấy xin quan nhà lại chơi ngay ».

Nguyên vị quan ấy là bạn của tôi từ lúc còn nhỏ, tương biệt đã 30 uăm, tôi đến kinh đã cho người đi hỏi, nhưng vị quan ấy công cán chưa về, nay trở về biết tôi đến đây, mới cho người tìm hỏi khắp nơi.

Quân-nhân ấy về một lát, quả nhiên vị quan ấy đến chơi. Tôi đón về nhà, cùng nói những chuyện năm trước. Rồi tôi đưa ra những thơ đề vịnh trong khi tiến kinh và bè bạn họa lại cùng bàn luận để giải buồn. Vị quan ấy ngủ đêm với tôi cho đến sáng mới về. Đến chiều vị quan ấy đem thức nhắm và phong thư lại. Tôi mở xem cũng là họa bài thơ của tôi. Từ đấy, có hôm vị quan ấy lại chỗ tôi trọ, có khi tôi đến dinh vị quan ấy.

Một hôm, thấy quan huyện Cẩm-giàng đem nhiều người đi theo đến chỗ tôi trọ mà nói rằng : « Có quan Án-sát trấn Kinh-Bắc nhân về kinh, nghe tiếng của Tôn-công muốn lại yết kiến, nhưng sai trước người nhà đưa lại một bài thơ ». Tôi xem thơ xong, quan huyện Cẩm-giàng lại nói : « Vị quan ấy có nói xin Tôn-công nghĩ tình đồng quận mà dời gót lại chơi ».

Tôi mới cùng quan huyện Cẩm-giàng cùng đi, đến cổng đã thấy vị quan ấy đón ở trước sân. Khi an tọa, vị quan ấy nói rằng : « Tôi có bệnh đã lâu, nhiều thầy chữa không khỏi, tôi với Tôn công là người đồng quận, chỉ nghe tiếng mà chưa được gặp, ngờ đâu trời cho phương tiện mà lần nầy được gặp Tôn-công ». Tôi xem mạch thấy 6 bộ đều nhỏ như sợi tơ mà 2 bộ xích lại không có,

Tìm Sách

tự nghĩ là ông này khó lòng được thọ. Tôi theo mạch nói bệnh, vị quan ấy than thở mà rằng: « Tiếng hay thật không phải là hão huyền ». Vị quan ấy xin thuốc, tôi khất đến ngày mai. Quan huyện Cẩm-giàng cũng nói: « Hôm trước tôi xin thuốc, Tôn-công đây cũng hồi lâu mới cho, cẩn thận như vậy đâu có lẽ không khỏi ».

Một lát, quan Cai-đạo Nam-Sơn là vị Hoàng-giáp họ Đỗ chợt đến. Vị Hoàng-giáp họ Đỗ hỏi: « Ông này là ai? » Quan Án-sát đùa mà nói rằng: « Người này là ẩn-giả ở huyện Hương-sơn ». Vị Hoàng-giáp họ Đỗ cười mà rằng: « Có phải là Hải-Thượng Lãn-Ông không? » Quan Án-sát trả lời: « Phải ». Quan Hoàng-giáp họ Đỗ nói rằng: « Tôi nghe tiếng thơm đã lâu nhưng chưa được tiếp, nay tôi có chứng bệnh nguy mà may được gặp Tôn-công, xin làm ơn cho thuốc ». Rồi quan Hoàng-giáp họ Đỗ kể kỹ đầu đuôi. Tôi cho một thang và một tễ thuốc.

Khi ấy quan huyện Cẩm-giàng cũng nói: « Phụ-thân tôi cũng yếu đã lâu mà nhà tôi ở gần, xin Tôn-công hạ cố cho thuốc ». Rồi mọi người từ biệt.

Nguyên thân-phụ của quan huyện Cẩm-giàng là vị quan ở Binh-bộ đã nghỉ việc, nhưng còn ở lại kinh-đô. Tôi đến xem mạch cho thuốc, rồi quan huyện mời tôi đi chơi ở bên hồ. Tôi thấy phong cảnh thanh-u mới cầm bút đề một bài thơ ngũ ngôn. Vị quan đã nghỉ việc sai cầm thơ lại đề ngài xem, có khen rằng: « Ý hay lời đẹp ». Mà sai con là quan huyện dán ở vánh chỗ Thủy-tạ mà quan huyện Cẩm-giàng cũng họa, đến chiều tôi mới cáo biệt.

Một hôm, quan Trung-bùng sai người đến xin thơ

Tìm sách

ở tôi và nói : « Quan nhà tôi có một chiếc thuyền nhẹ, đi trên mặt nước nhanh như ngựa, lúc trèo lên thuyền thời nghiêng ngả như người say rượu, nên quan nhà tôi đặt tên là « Túy-ông-thuyền » (thuyền ông say), có một nhà văn đề vịnh một bài, nay xin Tôn công một bài. » Nói xong đưa luôn bài thơ trước trình lên. Tôi xem xong có hỏi : « Người nào làm bài thơ này ? » Thời người đưa thơ nói rằng : « Quan Giám-sinh họ Đỗ tỉnh Kinh-Bắc. » Tôi nói « Bài thơ này chưa tả được cái thuyền ». Người đưa thơ cũng bảo : « Không tả được tên thuyền thế là lạc đề ». « Người về trả lời, hôm nào tôi rỗi việc sẽ họa đề đưa sang ». Cách vài hôm tôi sai người nhà đưa sang bài thơ họa của tôi.

Sau đó có tiểu thư họ Đặng đến chơi chỗ tôi trọ xem 2 bài thơ ở trên bàn, nói rằng : « Thơ của bác mới được sát đề mà câu kết rất là thanh tân ». Tôi nói : « Cháu có thể họa được không ? » Một lát tiểu-thơ làm xong đưa cho tôi xem. Tôi nói « Cháu làm thơ rất nhanh, thật là con nhà gia thế ». Nguyên tiểu-thư họ Đặng là con tước công Hậu-Mã, tước công với quan Trung-Chánh và tôi ba người kết làm anh em khác họ. Quan Trung-Chánh bị chết trận khi đem quân sang Bình-Nam, quan Hậu-Mã cũng ốm vẫn ở kinh-bắc. Khi tôi đến kinh có đến chỗ nhà cũ của quan Trung-Chánh để làm lễ viếng, vì thế tiểu-thư coi tôi như cha đẻ, hằng ngày đi lại thăm hỏi.

Một hôm, tướng hầu Hàm-Xuyên đến chỗ tôi ở có ý muốn nói điều gì mà còn ngại lời. Tôi hỏi thời Tước-hầu Hàm-Xuyên trả lời : « Chỗ này là nhà riêng của anh tôi, có việc về quê hương nên tôi xin Tôn-công ở

Tìm sách

tạm mà cũng tiện đường để vào chầu. Bất nhật nhà vua ban cho Tôn công tước lọc binh lính thời nên tìm nơi để lập dinh, vì thế nên tôi đã tìm khu đất trống ở bên hồ, muốn làm nhà riêng ở đấy để Tôn công tạm nghỉ. Ngờ đâu, tôi phải vâng lệnh giám khảo việc tập bắn của binh lính, không có thời giờ rỗi để trông nom việc kiến trúc, nay nhà ngoài của tôi có phần rộng rãi, hay là dinh của quan An-Quản cũng được nhàn tĩnh, tôi muốn Tôn công chọn 1 trong 2 chỗ ấy để ở tạm, không biết của ý kiến Tôn-công thế nào ? » Tôi cười mà rằng : « Để tôi sẽ tính, mà Tước-Hầu không phải để tâm ». Vị quan ấy nghe tôi nói mừng rỡ. Tôi nghĩ rằng nhà ngoài của vị quan ấy thời binh lính đi lại rất nhiều, còn dinh của quan An-Quản thời bốn bề không có tường vách, trộm đạo lại nhiều cũng không được thuận tiện.

Tôi có vị quan Hậu-Trạch ở bên hồ, mấy tòa nhà liền nhau, đất cao nước trong, ta nên báo tin để vị quan ấy cho ở một nơi. Tôi đưa thư xong, viết thư cáo biệt tước hầu Hàm-Xuyên. Tước hầu đưa thư trả lời : « Tôn-công hãy ở tạm 1 trong 2 chỗ tôi đã nói, tôi làm xong chỗ nhà riêng, xin mời tiên sinh đến ở cũng chưa muộn gì ». Dưới thư có đính một bài thơ họa vần bài thơ của tôi, tôi xem thơ và thơ họa biết là có thể cáo biệt, nên viết một bức thơ để trả lời và đính thêm một bài thơ luật Đường cũng theo vần của bài thơ trước.

Bấy giờ có 1 vị quan ở liền chỗ tôi đương ở, vị ấy có chứng đau bụng, tôi cho thuốc đã khỏi một nửa, người vợ có bệnh lậu đã 10 năm nhờ tôi chữa 2 tháng được khỏi, vị ấy biết tôi tìm chỗ trọ mới dọn một tòa nhà 3 gian, nhà ngói tường gạch, trước sân có vườn hoa, bề

TimSách

đá. Ba gian ngoài là nhà khách còn gian trong là bếp. Y xếp đặt đâu ra đấy và mở thêm cửa để đi lại, xếp đặt xong, sang mời tôi đến, trước tôi ngần ngại nhưng vì vợ chồng nói mãi, tôi mới dọn đồ sang ở. Tước Hầu Hàm-xuyên được biết cũng mừng rỡ lại chơi.

Nguyên vị quan ấy là ông chú của Tước Hầu Hàm-xuyên, thiên triều cho ở một khu đất công, vì thế người họ cùng ở với nhau. Vị quan ấy còn mở riêng một cái cổng nhỏ để tiện cho Tước Hầu Hàm-xuyên đến chơi, mà dặn người nhà không được qua lại chỗ tôi ở trọ.

Tôi đến chỗ ở mới rất được vừa ý. Một buổi tối, tôi ra chỗ vườn cảnh trước nhà, lại gặp quan Bộ-hình đến chơi uống rượu, quan Bộ-hình nói : « Đêm nay trăng trong gió mát, có vẻ chiều người ». Tôi nói : « Chúng ta nên làm một bài thơ đề tài « Đêm trăng uống trà nói chuyện cũ » mà lấy chữ « *Thanh* » chữ « *Vanh* » chữ « *Kinh* » làm vần, nghĩa là vần trong bài thơ có 3 chữ ấy. Tôi đọc trước một bài rồi quan Bộ-hình họa lại, đến sáng hôm sau quan Bộ-hình mới cáo biệt.

Hôm ấy, vị quan Giám-sinh ở Nộn-Liễu nhân về quê ở Nghệ-an, đến chỗ tôi ở để cáo biệt. Tôi nói : « Tôi với ông đều là khách ở kinh-đô, ông thời tự-do muốn đi đâu cũng được, mà tôi thời là chim ở trong lồng, lúc đi lúc ở không theo được ý mình ». Rồi tôi ngâm một bài thơ ngũ ngôn, vị Giám-sinh cũng lấy giấy bút đáp lại và họa bài thơ của tôi. Bấy giờ, tôi chỉ gượng nói, gượng cười mà lo buồn ra nét mặt.

Một hôm, quan Bộ-binh đến chỗ tôi ở có nói : « Bài thơ tôi họa hôm nọ, nhân lúc người yếu không

Tìm Sách

có hứng làm thơ ». Tôi nói : « Thơ của Tôn-công mạch lạc không đứt, sáng tỏ như mặt trăng, thật là diệu bút ». Nhưng vị quan Bộ-binh xin làm một bài khác. Tôi nói : « Đề xin lấy ý trong bài Tôn-công họa hôm trước mà tôi nguyên xướng để làm đề-tài ». Rồi tôi làm trước, đưa Tước công viên hình xem.

Bấy giờ, có một người học trò đẹp dáng, áo mặc thanh khiết, người đi theo đem một gói phẩm vật cùng một bài thơ đưa lên tôi, tôi hỏi thời người ấy nói là con của quan Tri-phủ Hạ-Hồng người huyện Đông-ngạn phủ Từ-sơn trấn Kinh Bắc, rồi nói tiếp : « Thân-phụ của tôi vì ốm phải từ quan để học thuốc, có được xem một quyển Tâm lĩnh của Tôn-công, nay nghe Tôn công đến kinh-đô không xiết vui mừng, đã vài lần toan đi yết kiến, không ngờ tổ-mẫu tôi mắc bệnh nên không dám đi xa, vậy sai tôi đem biếu phẩm vật này, và xin yết kiến sau ».

Tôi nghĩ rằng : « Ta với người ấy không quen biết mà chỗ ở cách xa ngàn dặm, không biết sách của ta soạn ra, từ đâu mà đến tay vị tri-phủ ấy, điều đó phải đợi gặp mặt mới biết. Tôi mở bức thư ra xem và đưa cả Tước Công Viên-hình cùng xem, thời lời lẽ cũng như vị nho-sinh vừa nói, và đính theo 1 bài thơ, Tước Công Viên-hình xem xong chỉ cười mà không nói. Tôi nói rằng : « Bài thơ này ý tứ cao xa, tôn huynh cho là thế nào ? » thời Tước Công Viên-hình trả lời : « Đẹp lời và rõ ý ». Tôi biết Tước Công có ý chê, rồi hai người cùng cười. Xong tôi bảo vị nho-sinh hãy về, ngày mai lại đến chơi, tôi sẽ xin phúc đáp.

Đến ngày mai, vị nho-sinh lại đến, tôi viết thư cám

TimSách

ơn và gửi một bài thơ họa lại. Sau mấy hôm, lại thấy vị nho-sinh đến nói là thân-phụ khát vọng, nếu rỗi việc sẽ xin diện tiếp. Rồi lại đưa tôi một bài thơ mà tôi lại họa lại.

Một hôm, thấy hai người đem nhiều binh sĩ đi theo, tôi hỏi thời một người là chức Trợ-giáo nhà Quốc-tử-giám, một người là quan Cựu tri-phủ phủ Tiên-Hưng, nói với tôi rằng : « Vâng lệnh quan Hành-tham-nghị Tả-binh-quan sai chúng tôi đến mời Tôn công ». Tôi mới ngồi thời hai người nói tiếp : « Quan của chúng tôi có bệnh nặng đã hàng tháng, nhiều thầy thuốc chữa vô hiệu, xin Tôn-công nghĩ tình quan Trấn tỉnh Lạng-sơn nhà ta và quan của chúng tôi là nghĩa đậu Đồng khoa, mà không ngại đến cứu chữa ». Tôi nói : « Quan nhà ta với anh tôi là nghĩa đồng khoa thời tôi đâu dám trễ nải ». Xong tôi lên võng ra đi, đến nhà ngoài đã thấy quan Tham-nghị tỉnh Hải-dương đứng đón vào trong nhà. Tôi xem mạch vị Tả binh quan, thời ở bộ bên trái rất vi (nhỏ), bộ xích bên phải như sắp tuyệt, 3 bộ bên phải còn vượng nhưng ấn tay mạnh thời tản đi, ấn tay mạnh nữa thời không thấy, ngồi gần đặ thấy nóng, mà sờ thời hơi ấm, từ gối trở xuống lại lạnh, thỉnh thoảng ợ hơi. Hỏi bệnh thời nói: người như ngồi trong khói mờ, mắt cay lắm mà phải nhắm, chỗ ngực nóng nhiều, cho nên phải ợ hơi, đại-tiện táo, tiểu-tiện đỏ và xẻn, chỗ ngực cách lên mà không ăn được. Vị quan ấy nói tiếp : « Nếu tôi được sống lại thời ơn Tôn công xin ghi nhớ không quên. »

Quan Tham-nghị hỏi tôi chứng bệnh thế nào ? Tôi trả lời rằng : « Chân âm kiệt ở trong, dương không dựa vào đâu mà muốn thoát nốt ». Thời quan Tham-nghị đưa

Tìm sách

sổ biên những bài thuốc đã uống cho tôi xem, tôi thấy đều là những vị thanh hỏa hóa đờm và trừ thấp, tôi nghĩ rằng vị quan ấy đã nhiều tuổi mà nhiều nang hầu, thời chân âm háo mà tinh kiệt, nhưng mạch còn hòa hoãn mà khí của dạ-dầy chưa tuyệt, thế là hại vì thuốc mà không phải vì bệnh, mới bảo nhà có bệnh rằng : « Bệnh đã nguy cấp hãy uống một thang thời khó hay dễ mới rõ, nhưng tôi có một việc nếu quan nhà ưng cho thời tôi mới dám cắt thuốc ».

Người nhà nói : « Có việc gì xin Tôn công cho biết, quan chúng tôi có đâu không theo ý ». Tôi nói « Tôi vì gia yếu thường tâu lên để xin về quê hưởng, thời chỉ được ở ngoài để vâng lệnh hầu thuốc nhà vua, vì thế mà mọi nhà quan quí tìm đến chữa, tôi vẫn cáo từ là tuổi già, duy quan nhà ta cùng đâu với anh tôi, nên tôi không dám từ chối, hiện nay Thánh Thượng không ngày nào không sai quân đến hỏi có được mạnh hay không ?». Quan Tham-nghi đem lời của tôi vào kêu với quan Tả-binh, thời vị trợ-giáo đến bảo với tôi rằng : « xin Tôn công cứ để tâm cứu chữa, việc vừa nói tôi xin để ý giúp ». Rồi tôi chế một phương thuốc dùng thục-địa và cao-ban-long đều 3 lạng sắc đặc uống luôn rồi tôi cáo từ ra về.

Tờ mờ sáng hôm sau, vị trợ-giáo đến chỗ tôi vui cười mà nói rằng : « Quan chúng tôi chỉ uống 1 nước thuốc là mát, uống hết thang thời các chứng bệnh đỡ được non nửa. » Tôi lại theo phương thuốc ấy thêm sâm và phụ, hôm sau người nhà lại mời tôi đến xem mạch, tôi hỏi thời bệnh 10 phần đã đỡ được bảy, tám. Vị Tả-quan cầm tay tôi mà thưa rằng : « Tôi bị các thầy thuốc

TimSách

khác chữa nhầm, đến nay mới gặp Tôn công, nhưng chỉ ân hận là quan trấn tỉnh Lạng-sơn đến hỏi thăm tôi mà không nói đến Tôn công ». Tôi thưa rằng : « Xin quan Tả-binh đừng ngờ điều đó, vì không lẽ anh lại đề cử đến em ». Tôi thấy bệnh của quan Tả-binh hư hỏa còn bốc lên, mới dùng thuốc bổ Hỏa dẫn hỏa và thêm thuốc giúp cho tì vị rồi tôi từ tạ về trọ.

Mới hơn 10 hôm các chứng bệnh của quan Tả-binh lại phát ra, lại đến ngay mời tôi. Tôi hỏi người đến mời thời nói đích xác là phạm phòng, khi tôi đến có bảo quan Tả-binh rằng : « Những bệnh nặng hay bệnh đã lâu thời khí huyết đều kém, chỉ một chút không cẩn thận là khó chữa ». Rồi tôi cho thuốc thời các bệnh lại lui. Tôi về trọ có người bảo tôi rằng : « Với vị Tả-quan, Tôn-công không nên chữa giúp, nếu được khỏi lại tổn đến âm công. » Trong bốn, năm hôm, mấy người bảo tôi như thế nhưng tôi không tin.

Được nửa tháng, bệnh của quan Tả binh lại phát như cũ mà lại đến mời, có nói là vì ăn cơm nếp. Quan Trợ-giáo nói rjêng với tôi rằng : « Chưa chắc đã phải vì ăn cơm nếp, khi phải lại không mời ngay Tôn công, tin lời người ngoài, bảo có thày này hay thời uống thử 1 thang, có người bảo thày kia hay cũng uống thử 1 thang, trong 1 ngày đêm thay đổi bốn năm thày thuốc, thời tôi ngờ là nhầm thuốc, xin tôn công để ý. Tôi chữa mấy hôm dù bệnh đỡ một, hai phần nhưng thành chứng đi cầu, tôi lại phải dùng thuốc để giữ lấy tì vị thời lại thành chứng phiền táo. Tôi về trọ năm, sáu hôm không thấy người đến lấy thuốc, mà được tin vua sai ngự-y đến chữa, biện nay thì mời nhiều thày để cùng chữa. Tôi than

Tìm sách

rằng vị quan ấy đem thân để thử thuốc, mà thầy thuốc lập vị để tranh công, thời vị Tả-binh-quan sẽ nguy.

Đến hôm sau, lại thấy vị Trợ-giáo đến mời tôi mà quan Tham-nghị cũng sai quan đến mời, tạ lỗi vì quá nghe người ngoài mà tìm nhiều thày. Tôi nghĩ rằng : « Khí của tì vị đã bại thời không thể chữa được, nên tôi không chịu đi, nhưng vì nhà có bệnh cố nài nên tôi cắt cho một thang « cứu-dương », rồi chỉ mấy hôm nữa là vị Tả-binh-quan tạ thế. Tôi than thở không ngừng, mà làm một bài thơ bốn câu để ký sự.

Lại nói, con gái quan Án-trấn tỉnh Thái-nguyên phải bệnh ung-thư không mọc lên được, huyết khô không thành mủ mà các thày còn dùng thuốc công phạt tiêu độc. Tôi cho uống thuốc bổ mạnh tinh huyết mới được sống.

Một người trước phải chứng bụng lạnh ngực cách lên, đầu nóng như lửa, mắt đỏ, tai ù, gân máy. Tôi hỏi thời các thày sợ hỏa bốc trở lên mà không dám dùng quế, phụ. Tôi cho uống thuốc bổ thủy, bổ hỏa thêm những vị để liễm trở xuống, thời bệnh nặng mấy năm chỉ 1 tháng là khỏi.

Em vợ quan Trung-hãn cũng phải chứng người lạnh, sợ gió, chân mỏi, tai điếc, đại-tiện táo, uống nước luôn. Tôi hỏi thời các thày sợ bụng đầy không cho uống thục-địa. Tôi cho uống bài Bát-vị gia giảm và thuốc để bổ âm cho tạng tỳ, thời bệnh hàng 10 năm chỉ vài thang là khỏi.

Lại vợ quan huyện Cẩm-giàng phải chứng hư-yếu lắm, khi bệnh phát lên thời ngực đầy, mặt đỏ, nước dãi trào ra, đờm suyễn lên, chân lạnh, tai ù, đoản khí mất tiếng

Tìm sách

chực chết. Rồi một ngày hay nửa ngày mới tỉnh. Mọi thày thuốc chữa về thấp đờm và phong hỏa, đã hai năm mà bệnh càng tăng. Tôi cho uống bài Bát-vị thêm thuốc để giáng hỏa, chỉ bốn, năm tháng là khỏi. Ngoài ra, không kể hết được.

Khi tôi ở Hương-san, vẫn tưởng rằng các bậc ngu-y ở Đế-Đô, học thuật quán-thông. Tôi thường than thở ta vô duyên không được gặp những vị ấy. Nay tôi đến kinh, thời thấy những vị ấy chữa bệnh chỉ cho là phong hỏa hay thấp đờm, mà bệnh hư yếu phải bổ, thời chỉ dùng thuốc bổ khí huyết, còn căn bản để lập bệnh là chân thủy và chân hỏa thời không vị nào để ý. Đường lối làm thuốc sao khó như thế ?

Tôi nhớ bậc tiên-hiền ở nước Tầu ngày xưa có nói : « Nước ta những người làm thuốc mà không được tinh thông là có 2 lẽ, một là người trong nho học đọc sách thuốc từ đầu quyển đến cuối quyển không chỗ nào là nghi ngờ, thời lúc chữa bệnh lại khinh thường ; hai là người ít chữ xem sách thuốc chỉ hiểu lờ-mờ, khác nào không đủ sức giương cái nỏ mà cho là cái nỏ cứng quá ». Câu nói trên đây thật là chí đáng.

Than ôi ! người học kém, cố nhiên không chữa được bệnh mà người có học lực cũng không chữa được bệnh, thế có phải là khó không ? Nhân thế tôi ngâm một bài thơ ngũ ngôn.

Một hôm gần tối, tôi thấy một vị võ-tạo-sĩ mới đâu, họ Vũ người ở Hà-Hòa đến chỗ tôi trọ. Nguyên vị thân sinh ra ông là chức quan Hiến-phó, khi tôi đến kinh vị đạo-sĩ coi mình như người cháu nuôi. Tôi hỏi rằng : « Quí

Tìm sách

vị đến muộn có việc gì ». Thời vị tạo-sĩ thưa rằng : « Quốc-sư là Quận-công họ Tào phải chứng lý sai tôi lại mời tôn công ».

Đương lúc nói chuyện, thời vợ quan phủ Duy-tiên là người họ Ngoại tôi cũng đến mời tôi mà nói rằng : « Phu nhân của quan Thượng-Thư họ Nguyễn là vị Quốc-sư, bệnh đã lâu sai tôi đến mới Tôn công ». Tôi bảo hai người rằng : « Hai vị đều là đại thần đời bây giờ, đồng thời đến tìm tôi, tôi không biết đến nhà nào trước nhà nào sau xin quí ông, quí bà xử trí hộ ». Thời người nào cũng giữ về phần mình. Tôi bảo rằng : « Nhà làm thuốc thời cho là bệnh cần nên đi trước, bệnh hoãn nên đi sau, nay Quận-công họ Tào bệnh nặng theo lẽ tôi phải đi trước, còn phu-nhân của vị Quốc-sư họ Nguyễn đã ốm lâu thời có thể thong thả, tôi xin ngày mai đến chỗ Quận-Công họ Tào, rồi hôm sau mới đến chỗ Quốc-sư họ Nguyễn. »

Tôi mới bảo vợ quan Tri-phủ rằng : « Nhờ quý bà về bẩm cho như thế, chứ tôi không dám trễ nải ». Rồi tôi bảo vị tạo-sĩ rằng : « Dinh của Quốc-sư cũng xa, thời tôi phải đi từ gà gáy ». Đến sáng vị tạo-sĩ đã sai người đến đón, tôi ra đi đến đền Chấn-Võ, rồi đi theo bên trái hồ gần trưa mới đến nơi. Tôi xem bệnh của Quốc-sư là vì ăn phải thức lạnh. Tôi kê toa thuốc, quan Quốc-sư xem xong than rằng : « Tôn công nói thật hợp bệnh, mà cho toa rất đúng ». Vì Quốc-sư cũng có làm thuốc, rồi sai con cũng là vị Hữu-quan mời tôi đến nhà riêng hậu đãi và đề cho về.

Bấy giờ, em quan Quốc-sư là Bàn-Quận-Công hỏi tôi : « Bệnh của Quốc-sư như thế nào ? » Tôi nói la mạch không

TimSách

thấy có khí của tỳ-vị thời thọ không được lâu. Lúc tôi về có nói với Bản-Quận-Công cho mượn một chiếc thuyền để đi được nhanh chóng. Tôi đi thuyền trên hồ tây thấy hai bên có nhiều cảnh đẹp, mà ở xa có một điện các nguy nga. Tôi đến nơi mới biết là chùa Trấn-Quốc, ghé thuyền lên bờ ngồi ở phiến đá dưới cây cổ thụ, rồi nhỏ hai hàng nước mắt, học trò hỏi tôi vì lẽ gì? Tôi nói rằng: « Lúc ta ít tuổi trọ học ở kinh-sư, cùng mấy người họp làm thị xã (làng làm thơ), có hẹn hằng năm mùa xuân và mùa thu thời đến Hồ-Tây này để uống rượu ngâm thơ, đêm khuya thời nghỉ ở chùa Trấn-Võ, nay bè bạn nhiều người đã chết, nên ta trông cảnh ma nhớ đến người xưa. Xong tôi gạt lệ xuống thuyền mà về, mới ngâm một bai thơ thất-ngôn để tả tình cảm nhớ bạn.

Đi đến quán Trấn-Võ lên bờ đi bộ để về trọ. Tờ mờ ngày hôm sau đã thấy người nhà quan Quốc-sư họ Nguyễn đến đón tôi. Tôi đi qua chỗ đồn binh trước của phụ thân tôi và chú tôi, tôi xuống cáng trông theo hồ, núi vẫn như cũ mà hoa cỏ thời trước đã thuộc về người khác, mới lam bốn câu thơ ngũ-ngôn để hoài cổ. Đi thêm một đoạn đường đến dinh quan Quốc-sư. Quốc-sư cho con là một vị quan binh ra đón vào chỗ nhà riêng của phu-nhân xem mạch xong ra tiếp kiến Quốc-sư, tôi luận bệnh cho toa rồi đi về.

Một hôm, quan trấn An-Quản lại chỗ trọ mời tôi đến nhà để xem bệnh cho người mẹ. Vị quan ấy với tôi vẫn có tình nghĩa, trước đã mời tôi, nhưng tôi vì có cháu vợ ở kinh-đô bị chứng sản hậu nên không thể đi được, nay vị quan ấy lại đến mời, tôi bảo rằng: « Tôi đi thời được nhưng sợ có việc khác thời chưa chắc

Tìm sách

đã được ». Vị quan ấy hỏi là việc gì ? tôi trả lời rằng : « Quan Chánh-đường dặn tôi không được đi xa, vì thế tôi đến đây đã quá năm tháng. Từ đây đến quê cũ của tôi (làng Liễu-xá), chỉ có nửa ngày đường mà cũng không về thăm được, huống chi đi đến nhà của Tôn-công phải bốn, năm ngày ? »

Quan trấn An-Quảng mới đến ngay chỗ ở quan Chánh-đường xin phép cho tôi được đi. Quan Chánh-đường chỉ cho phép đi về có bốn ngày, tôi mới sai người nhà và học trò coi nhà, mà cùng quan An-Quảng ra đi. Sang đò ngang sông Nhị-Hà đến bến làng Bát-Tràng, thời giờ đã gần tối, trống canh hai đến làng Kiêu-Kị nghỉ lại, tờ mờ sáng lại ra đi, buổi trưa đến nha-thôn, tôi trông thoáng tựa như mình đã hiểu biết, mới nghỉ lại chống gậy đi xem chung quanh, thời thấy phía trước Vọng-lâu có một chỗ đường trống to, là nơi đại quân thời trước đóng đồn, qua cầu trên cái cừ, thời nơi đây là đồn lũy thời trước, hỏi người già ở đây cũng nói như thế.

Nguyên hồi trước có giặc Tầu, người bạn thân của tôi vâng lệnh đóng quân ở đấy, quân giặc đến vây, mà quân số lại nhiều, ông mới chia quân bốn mặt đương đêm ra đột kích, hai bên tử thương rất nhiều.

Tôi nhớ lại trước kia nơi đây là bãi cỏ, mà bây giờ chùa miếu rực rỡ, vết thương sao chóng lại như vậy. Nhân thế mà tôi nhớ đến quê hương cũ của tôi là làng Liễu-xá.

Trước kia hai mươi năm binh hỏa, nhân dân ly tán, bây giờ đông đúc hơn trước. Tôi lại ngậm ngùi mà làm một bài thơ cảm-hoài.

Tìm Sách

Hôm ấy, tôi đi gấp đến trống canh tư đã đến dinh quan Trấn Hàm-Giang, sáng hôm sau mới vào dinh xem mạch cho tôn-phu-nhân. Tôn-phu-nhân muốn giữ tôi lại, nhưng tôi nói lần đi này có kỳ hạn không thể ở lại được, mới cáo biệt ra về.

Chợt có em thúc bá của quan Trấn Hưng-Hóa, trước kia ở đồn Vĩnh-doanh tôi có quen biết, nay được gặp mừng rỡ, đem tôi lại nhà nghỉ mà không để ở nhà trọ. Hôm sau tôi mới cáo biệt về kinh, hơn hai ngày đến chỗ trọ.

Vị quan An-quảng nghe tôi nói tôn phu-nhân mạch vẫn điều hòa, thời không mấy sẽ khỏi. Vị quan ấy mừng mà nói rằng: « Nếu mẫu-thân tôi được khỏi thời tôi xin ghi lòng tạc dạ ».

Một hôm, tôi thấy trong cặp của Đặng-tiểu-thư có tập thơ tiếng nôm. Tôi xem đều là thơ cung-oán mà có ba mươi bài. Tôi hỏi người nào trước tác, thời tiểu-thư thưa là của quan Tiền-ninh. Tôi lại hỏi cháu cho tập thơ này thế nào? thời tiểu-thư thưa rằng: « Lời và điệu thanh kỳ, nhưng chưa được khéo lắm ». Tôi nói rằng: « Ý của thơ cần ở xa xôi để người xem phải nghĩ mới hiểu, mới là thượng cách của nhà làm thơ ». Tiểu thư nói: « Thế mà tập thơ này trong kinh nhiều người truyền tụng, lại tuyển vào nhạc-phủ nhà vua ». Rồi tiểu-thư làm bài thơ để bình phẩm tập thơ ấy mà tôi có họa lại. Tiểu-thư nói: « Thơ của tôn bá (bác) đáng là khuôn phép cho người học làm thơ ». Tôi nói: « Trước tiên-huynh (thân phụ của tiểu-thư) từ quan chức để về làm ruộng, du ngoạn chỗ lâm tuyền, tôi có làm mấy thể thơ

TìmSách

để đưa cho tiên-huynh (1 bài thất ngôn, bốn bài ngũ ngôn) ». Rồi tôi đưa bản nháp cho tiểu thư xem.

GẶP VỢ SƯ NỮ MÀ TRƯỚC ĐÃ ĐÍNH HÔN

Trong khi đương bình phẩm về thơ, chợt thấy người nhà quan Hiến-phó đưa một bức thư lại. Tôi bảo người đưa thư rằng : « Quan Hiến-phó là bực nhà nho nổi tiếng ở Châu hoan, con thứ tư mới đỗ Tạo-sĩ. Vì quan Hiến-phó còn ở kinh, cho nên vị Tạo-sĩ chưa kịp vinh qui. Quan Hiến-phó vẫn quen với quan Chánh-đường mà thường ngồi chơi với Quận-hầu, vì thế tôi làm một bài thơ đưa cho quan Hiến-phó nói về ý tôi muốn được về quê ở Hương-sơn, nhờ quan Hiến-phó chuyển đạt sang Quận-hầu.

Một hôm, tôi ở trọ, thấy hai vị sư ni già đến chơi, nói là chùa Hoa-cầu đúc chuông đi phổ khuyến để thêm công quả. Một vị tự xưng là trụ-trì ở chùa núi Yên-tử, một vị tự xưng là trụ-trì ở chùa Hoa-cầu mà là con gái quan cựu Tả-Thừa-Tư ở trấn Sơn-nam. Tôi tự nghĩ rằng những vị này biết hay không biết ta ở đây mà lại đến phổ khuyến, ta nên nên nói họ tên của mình để thăm dò ý của vị trụ trì. Rồi tôi nói rằng : « Tôi là người xã Liên-Xã, huyện Dương-hào, vì tránh loạn phải di-cư vào quê mẹ ở huyện Hương-sơn Châu-hoan. Nay có chiếu-chỉ nhà vua triệu đến kinh, dù có hằng tâm nhưng không có hằng sản ». Thời vị trụ-trì ở chùa Châu-cầu có ý bẽn lẽn, mới bảo vị trụ-trì ở núi Yên-tử : « chúng ta nên đi », tôi giữ lại không chịu ở, tôi mới đưa ra một chút tiền để cúng giàng, và nói tiếp : « Hai vị trụ-trì nghỉ chân ở đâu ? » thời

Tìm Sách

hai vị ấy trả lời : « chưa nhất định chỗ nào ». Xong tôi sai một người nhanh nhẹn đi theo, thời y về trả lời, hai vị sư ở chùa Liên-tôn mới ở đấy mấy hôm để phổ khuyến ở kinh-đô.

Hôm sau, tôi bảo 1 tên học trò là Tài rằng : « Tôi lúc ít tuổi, bố mẹ có giạm cho tôi người con gái quan Thừa-tư tham-chánh ở Trấn-sơn nam là người xã Xuân-cầu, đã sửa lễ ăn hỏi, sau vì tôi di cư vào huyện Hương-sơn nên việc cưới trung chỉ. Cách sáu, bầy năm, tôi đến kinh đô, nghe nói vị quan ấy đã mất, mà có người bảo tôi rằng : « người con gái ấy có 1 vị công-tử đã đủ lễ giạm hỏi nhưng duyên số không hợp, rồi sau người khác hỏi thời người con gái ấy nói tôi đã có chồng mà thề nguyền không lấy ai nữa, sau ở chùa tu hành. Khi ấy tôi đã đi đến xã Hoa-cầu thời mọi người đều nói như thế, và còn nói thêm khi phụ-thân của vị sư ấy qua đời, thời người anh muốn gả em cho một người học trò trong làng để lấy tiền làm ma cho cha, nhưng người em gái không nghe. » Tôi nghe câu chuyện kể sau, mới được yên tâm là không phải lỗi của mình, nhưng lại về Hương-sơn, đến bây giờ lại gặp mà người ấy vẫn cô độc, chả phải là ở ta hay sao ? Bây giờ chỉ còn cách giúp đỡ cho người ấy để trọn tuổi trời mà mình chuộc lấy tội lỗi. Nhưng còn ở kinh-đô đây thời chu cấp không khó, một khi ta về Hương-sơn thời đường xá xa cách nếu vị sư ấy chịu về Hương-sơn thời trong khu đất ta ở, người anh ta đã làm một ngôi chùa nhỏ, giao cho vị sư ấy hương đăng vừa để báo đền cao tiết của vị sư ấy, vừa để chuộc tội lỗi cho thân mình, ngươi nên đem ý-kiến của ta nói đủ cho vị sư ấy biết để ta được liệu việc xử trí. Tôi lại mua ít quà giao cho người học trò đến biếu.

Tìm sách

Đến chiều, người học trò tôi trở về nói rằng : « Tôi đến chùa Liên-tôn nhân lúc vắng nói như trên với vị sư ấy, thời vị sư ấy nhỏ nước mắt mà nói rằng : « Tôi không gặp vị quan của nhà ngươi mà suốt đời cô độc cũng là mệnh trời, đâu có oán trách gì ? Tôi chỉ nghĩ rằng phần mộ của cha tôi không còn ai để trông nom, ngươi nên về nói với quan thày ngươi, nếu tôi được bốc mả cho cha tôi thời lương tâm tôi được yên ủi mà thôi ». Khi ấy tôi ân hận không để đâu hết, có làm một bài thơ thất-ngôn để cảm hoài.

Từ đấy, tôi thường cho người đến chùa Liên-tôn để hỏi thăm, thời vị sư ấy có nói : « Tôi nghe tỉnh Nghệ-an có nhiều gỗ tốt đóng được tiểu để bốc mả, tôi chỉ cầu xin quan thày anh một cỗ tiểu gỗ tốt để bốc mả cho cha tôi mà thôi ». Từ đó tôi muốn mua cận tiên ở gần đây nhưng chưa được gỗ thật tốt, vậy lúc nào tôi cũng để trữ năm quan tiền đồng để khi về Hương-sơn, mua cỗ tiểu tốt gửi ra để tặng vị sư ấy cho tròn việc hiếu.

Một buổi tối, trên trời trăng tỏ, trước sân hoa thơm, tôi với học trò cùng uống rượu nóng mặt. Tôi ra một đề thơ, đề-tài là « uống rượu đêm để trông trăng mùa thu », mà lấy vần « ngân », lại chỉ lo nói việc ở kinh-đô mà không đề-cập đến cảnh vật quê hương để mất hứng. Tôi ngâm trước một bài ngũ ngôn và một bài thất-ngôn, học trò cũng có tên họa lại.

Một hôm, quan Hiến-phó họ Vũ thấy người con là vị Tạo-sĩ mới đậu, chưa được ban cho vinh qui mà còn phải ở kinh, ông không thể đợi được lâu, mới xếp hành lý để về trước, có làm hai bài thơ, (một bài ngũ-ngôn

Tìm sách

trường thiên, một bài thất ngôn bát cú) để đưa cho tôi. Tôi xem thơ tự nghĩ vị ấy cũng ở quê mình, nay kẻ về người ở, không biết bao giờ ta mới khỏi vòng ràng buộc, rồi tôi đem bài thơ của quan Hiến-phó đưa cho vị quận-hầu xem.

Một hôm, gặp tết Trung-Thu, tôi nghĩ rằng ta là người đi ở trọ, dù có sửa lễ Trung-Thu cũng không có nơi thờ cúng, mới sai người cháu tên là Hào, sửa cỗ bàn ở nhà y bên chùa Quán-sứ, rồi tôi đến nhà y đèn hương khấn gia-tiên, có mời người thân và học trò mới nhập học đến hơn hai mươi người cùng uống rượu. Tôi ra đề thơ là « uống rượu đêm tết Trung-Thu » rồi tôi đọc trước một bài thơ Thất ngôn, trong bữa tiệc cũng có người họa lại.

Uống rượu xong, mọi người đều ngủ, riêng tôi vẫn đi lại trước chùa, lại làm ba bài thơ Thất ngôn Tứ tuyệt. Đến sáng tôi về lại biên những bài thơ ấy đưa cho vị Quận-hầu xem để tỏ ý mong về.

Khi ấy, thân bằng có người khuyên tôi trốn về, nhưng tôi nghĩ rằng vị Chánh-đường là đại thần bấy giờ, nếu ta trốn về, thời vị ấy chỉ đưa một mảnh giấy là quan Bản trấn truy hỏi ngay. Vì thế phải nén lại để kêu nài, bạn thân cũng cho là phải.

Một hôm, vị Quận-hầu có làm một nhà khách ở ngoài chỗ Thủy-tạ (nhà chơi ở bên nước gọi là Thủy-tạ) đến xin tôi mấy câu đối bản ý vị Quận-hầu muốn tả cảnh phồn hoa mà ta lại quen vị yên-hà, đương sợ làm câu đối không được đúng cảnh. Chợt có người anh tôi làm quan trấn tỉnh Lạng-sơn vâng mạng đi du tế, tiện đường về kinh chơi với tôi, tôi nhờ người anh tôi

Tìm sách

làm giúp, cách mấy hôm, anh tôi sai người đưa đến, mười hai đôi câu đối ở nhà Thủy-tạ và hai mươi câu đối ở nhà khách. Tôi cầm ngay đến đưa cho vị Quận-hầu Vi Quận-hầu khen văn như gấm vóc. Tôi cười mà rằng. « Những câu này không phải tôi làm ». Vị Quận-hầu kinh mà hỏi rằng : « Còn có người nào nữa ». Tôi nói rằng : « Đây là người anh tôi làm cho ». Vị Quận-hầu nói : « Người ấy đương làm quan chức gì ? » Tôi nói : đương trấn ở xứ Lạng-sơn nhưng sau vua triệu về Kinh, thời lúc rỗi chỉ bảo học trò. Vị Quận-hầu nói : « Nhà vua cần ở dùng được người giỏi, phụ-thân tôi được vâng chỉ cử người hiền tài như thế thời rất dễ ». Tôi nói : « Anh tôi vì tuổi già muốn nghỉ chứ không phải chậm được thăng chức ».

Sau này, người anh tôi hỏi về việc câu đối. Tôi thưa thực như vừa nói ở trên, thời anh tôi bảo rằng : « Nhà ta kế thế khoa giáp, từ đời trước vẫn dặn lại là không nên xu phụ với người có quyền thế, những đôi câu đối ấy tôi chỉ biết là làm hộ chú, mà nay chú lại nói là tôi làm, ai không cho là mình khoe tài để tiến thân ». Tôi biết là nói nhầm nhưng không làm gì được.

VỀ THĂM QUÊ CŨ Ở LIÊN-XÁ

Một hôm, anh tôi và các người họ ở kinh-đô bàn việc cải táng ngôi mộ của phụ-thân tôi ở làng Liễu-xá. Tôi đến nói với quan Chánh-đường để xin về quê làng Liễu-xá. Quan cho là tôi xin về Liễu-xá, rồi tiện đường về hẳn Hương-sơn, nên không cho tôi yết kiến. Vị Quận-hầu hỏi : « Đã không được gặp phụ-thân tôi ở nhà thời phải yết

Tìm Sách

kiến ở trong phủ ». Tôi đến trụ sở ở Hậu Mã ở trong phủ ngồi đợi nửa ngày mới trông thấy quan Chánh-đường ở trong cung ra, tôi có nói nhưng quan không cho. Tôi thưa rằng : « Tôi bỏ quê nhà xa mồ mả gần ba mươi năm không được về thăm, nay đến kinh đã quá nửa năm mà không được về để cải tang sửa mả phụ-thân thời không phải đạo làm con, xin Đại-nhân thương hại ». Quan Chánh-đường bảo rằng : « Nếu thánh chỉ triệu đến thời làm thế nào ? » tôi thưa rằng « Từ quê Liễu-xá của tôi đến kinh-đô đây chỉ có nửa ngày đường, nếu có việc cần thời đi về chỉ trong một ngày ». Quan Chánh-đường bảo : « Tôn công phải viết tờ tâu xin gia hạn về quê trong mười lăm ngày để về Liễu-xá cải táng, rồi lại lên kinh-đô hầu thuốc. » Tôi xin một tháng, nhưng nói mãi quan Chánh-đường mới gia hạn cho hai mươi ngày. Tôi làm tờ tâu rồi khởi hành từ hôm 10/9, vì có đem quân phù nên mới được đi sớm, đi đến bến đò Thanh-trì thời trời mới sáng rõ. Tôi xuống thuyền sang đò ngay, ngồi trong thuyền có làm một bài thơ thất-ngôn, đến bến làng Bát-tràng ở bên kia sông Nhị-hà mới lên bờ đi bộ. Hai bên đường thấy nào đền, nào chùa, nào hàng cơm, hàng nước. Tôi đi một quãng lại nghỉ, sắp đến làng Liên-xá, đi qua cái cầu gạch, nghỉ lại chỗ dinh cũ của phụ-thân tôi.

Bấy giờ anh tôi là quan trấn Lạng-sơn đã có dinh khác ở trong làng, thời chỗ dinh cũ này chỉ có người chị dâu cả tôi (vợ quan Thống-nhất đã mất) để thờ cúng, chị tôi ngoại bầy chục tuổi, thấy tôi vừa thương vừa mừng, gạt nước mắt mà nói chuyện.

Hôm sau tôi chơi xem trong vườn và chỗ cơ chỉ cũ, nào chỗ nhà nghỉ của thân-phụ, nào chỗ nhà khách, nào nhà học ở bên phải, nào nhà bếp ở bên trái, có chỗ

Tìm sách

chỉ còn nền nhà, đến đâu cũng dừng chân cảm nhớ. Xong tôi đi chơi mọi nhà trong họ và giết lợn sửa lễ từ dương, trong làng cũng có người đem quà đến cho tôi rồi làm rượu cùng uống. Có người tôi quen mặt mà phải nói tên mới nhớ ra. Tôi tự nghĩ xa quê hương gần ba mươi năm, lúc về thăm đã nhiều thay đổi, mới làm bài thơ ngũ-ngôn để cảm hoài.

Hôm sau, tôi sửa đèn hương tiền giấy ra lễ phần mộ của phụ-thân tôi và từ đường các họ cùng lễ yên vị thành hoàng bản cảnh. Xong tôi ra cầu làng để du ngoạn cùng với mọi em thúc bá và các cháu nói chuyện.

Nguyên làng tôi có một cái cừ nhỏ, chỗ dân cư đống như quả bầu mà chia làm hai thôn, một thôn ở trong quả bầu, một thôn ở ngoài quả bầu, có cái cầu gỗ qua cừ để hai thôn đi lại với nhau, bên cầu có quán ngói để qua lại nghỉ mát, trong quán các bà bán rượu và nước chè. Tôi lúc nhỏ không mấy ngày không ra chơi cầu.

Tôi kể chuyện cũ để các hàng cháu cùng nghe, có làm một bài thơ ngũ ngôn để cảm hoài. Các công tử ấy bảo tôi rằng: « Thôn ta có chùa Từ-Vân do quan Đốc-Đồng tỉnh Lạng-sơn tự xuất tiền ra làm rất to và đẹp, phía trước chùa có cái hồ, năm trước không biết từ đâu bay đến mà trong hồ mọc mấy khóm sen đỏ đến bây giờ kín khắp hồ, hoa lá xanh đẹp. Chúng tôi tưởng trong làng hẳn có người đậu to, nay ông vâng chiếu lai Kinh có lẽ ứng về điềm ấy ». Tôi cười mà rằng: « Tôi là một người thừa, việc lai kinh là ăn may, tôi tự xấu hổ, đâu mà ứng vào điềm hoa sen ». Các công

Tìm sách

tử lại cùng đi với tôi lên lầu chuông và đòi tôi ngâm thơ. Tôi có ngâm một bài ngũ ngôn, rồi tôi cùng các vị công tử lại chơi chùa Liễu-Xuyên, vị sư chùa ấy trước có quen tôi, nay được gặp rất mừng, mời vào tăng phòng mà nói rằng: « Tôi được nghe Tôn công ở chỗ Hương-sơn, núi xanh nước biếc, tôi muốn đến chơi nhưng chưa có phương tiện ». Tôi nói: « Anh tôi có làm riêng một ngôi chùa trong vườn, chung quanh nhiều cây bóng mát, ngoài xây gác chuông để sớm tối thỉnh chuông thời đỡ được lòng trần ». Người sư nghe nói vỗ tay mà thưa rằng: « Thanh nhàn như thế dù đỉnh-chung cũng không đổi lấy được ». Bấy giờ mặt trời gác núi tôi có đề một bài thơ ngũ-ngôn ở tăng phòng rồi cáo biệt ra về.

Một hôm, gặp húy nhật của quan Thượng-thư là người chú tôi, quan Đốc-đồng cũng về lễ giỗ. Hôm sau quan Đốc-đồng ra chùa Tứ-Vân chơi, bảo tôi cùng đi, rồi các công tử đặt tiệc vào buổi chiều đem những thơ đề vịnh của tôi đưa cho quan Đốc-đồng coi quan cũng có làm hai bài là thơ về thăm nhà và thơ đề ở cầu mà đưa tôi họa lại.

Quan Đốc-đồng bảo các cháu rằng: « Lũ ngươi còn bé, không biết mặt cụ tổ là Thượng-thư, thời xem mặt tôi là biết », tôi cười mà thưa rằng: « Tôi lông mày rậm, râu nhiều, sao được giống hẳn với cụ Thượng-Thư nhà ».

Tôi về quê hương không lấy gì làm vui. Quan Đốc-đồng mới đưa thư bảo người em rể là quan Viên-binh dự bị chiếc thuyền và hẹn cả quan Trấn Lạng-sơn dự bị rượu và thức ăn cùng với tôi, chèo thuyền ở sông Hồ-Lô để thưởng trăng làm thơ mà hẹn trong một tuần. Trong làng

Tìm sách

cũng đến nói, đình làng mới làm xong có mở một tiệc hát, mời tôi đính ngày để dự tiệc, tôi có cúng ba quan tiền để mua vàng nhang. Lại có quan phủ Thừa-thiên đến xin tôi xem mạch, nguyên lúc tôi ở Kinh vị quan ấy sai người đến xin thuốc nay nghe tôi về Liên-xá, lại theo về để xin thuốc. Tôi cho thuốc cao và thuốc hoàn, quan ấy có đưa bài thơ để tạ ơn.

Ở LIÊN-XÁ LẠI VỀ KINH ĐÔ THĂNG-LONG

Đúng hẹn, quan Viên-hình sai người nha chèo hai chiếc thuyền đến. Quan Đốc-đồng dự bị phẩm vật xuống thuyền để cùng đi. Trưa hôm sau thấy người nhà quan Chánh-đường đem sáu người lính ở bản dinh đến. Tôi hỏi thời những người lính thưa rằng : « Nửa đêm, vâng thánh chỉ truyền triệu tôn công, đại quan diện truyền chúng tôi gà gáy phải sang đó, xin Tôn công đến Kinh ngay ».

Bấy giờ, tôi chỉ cáo biệt với người chị dâu cả, mà phải đi gấp, ăn cơm chiều rồi đi cả đêm. Trống canh hai đến Bát-tràng mà sóng gió lại nhiều, phải nghỉ lại đến sáng mới sang đò. Buổi trưa, đến dinh quan Chánh-đường, tôi mũ áo vào cửa phu bấy giờ Thánh-Thượng ngự ra Đông-cung. Quan Chánh-đường trông thấy tôi mừng mà nói rằng : « Sao đi được nhanh như vậy » ? quan Chánh-đường đuổi mọi người đứng xa ra mà bảo nhỏ tôi rằng: « Tuần trước Thánh-Thượng ngự ra cung Vọng-Hà để xem thủy quan chèo thuyền, rồi bị cảm gió. Trước đây mấy năm, Thánh-Thượng đã có chứng ấy, cho nên bây giờ mới cam ma đã nặng, tôn công nên ở đây để đợi lệnh ».

Tìm sách

Quan Chánh-đường nói xong đi trở vào, tôi đợi đến chiều hôm, quan Chánh-đường ra bảo nhỏ tôi rằng: « Bây giờ Thánh-Thượng đương sốt âm, thời tôn-công hãy đợi ở đây đến sáng mai hãy vào hầu. » Tôi xin về trọ để lời mờ sáng vào sớm.

CHỮA BỆNH CHO VUA HIỂN TÔN

Sáng mai, tôi đi vào, giữa đường đã thấy ba chặng người đến triệu, binh lính cán tôi đi rảo chân hết sức. Tôi đến cổng phủ đi vào, đã thấy quan Chánh-đường đến cửa cấm bảo tôi đợi lại. Quan Chánh-đường vừa đi vào thời quan Nội-sai là Tước hầu Trạch-Trung đến truyền mệnh dẫn tôi vào một dãy nhà vắt ngang, đi chừng mười bước lên một tòa nhà cao, sau tòa nhà ấy là một tòa nhà rộng, chính là chỗ vua ngự, quan Nội-sai dắt vạt áo tôi mở màn gấm, lại đi qua mấy từng màn nữa, thấy ở gian giữa một chiếc võng mầu đỏ, căng ngang trên sập ngự thếp vàng mà sập rải nệm gấm, bên phải sập ngự là giường ngự tẩm (vua nằm), trên giường căng màn sa mỏng thêu kim tuyến. Quan Chánh-đường cùng quan Tham-đồng ngồi hầu ở bên trái sập ngự, bề tôi chỉ có tước-hầu Trạch-Trung đứng hầu. Chỗ sập ngự căng ngang một cái màn, trong màn nghe tiếng nói nhỏ, trước sập ngự thắp một cây sáp lớn để trên giá bằng đồng. Bấy giờ, tôi đứng trước sập ngự chỉ cách hơn mươi bước, tôi giơ tay lên trán chực lậy. Quan Chánh-đường truyền mệnh miễn cho. Thánh-thượng trông thấy tôi ngoảnh lại bảo quan Chánh-đường rằng: « Thày thuốc này giống mặt thày Lưu lắm ». Quan Chánh-đường bảo tôi đến bên vua để coi mạch. Tôi cúi mình bước vào. Quan Chánh-đường và

Tìm Sách

quan Tham-đồng ngồi hai bên mà tôi ngồi giữa. Thánh-Thượng ở võng bước xuống ngồi trên nệm gấm nghiêng về bên trái để tay lên chiếc gối bằng gấm cho quan Chánh-đường xem mạch trước, rồi đưa tay cho tôi xem sau cho quan tham-đồng xem.

Bấy giờ chúng tôi ngồi trước mặt Thánh-thương chỉ có vài thước, tôi cúi đầu không dám trông trở lên, Quan Chánh-đường bảo tôi rằng : « Coi mạch như thế nào phải tâu thực ». Tôi tâu rằng : « Tiểu-thần cẩn thận xem mạch thời bộ Thốn, bộ Quan bên trái bên phải đều « Hồng xác mà Huyền », bộ Xích bên trái « Trầm xác », bộ Xích bên phải « Tế xác » mà ấn tay mạnh đều vô lực. Thánh-thượng lại hỏi « còn hai người kia sở kiến dị đồng thế nào ? » thời hai vị đều tâu « Tiểu thần chúng tôi sở kiến cũng như vị thầy thuốc đã nói, chỉ khác là không thấy mạch huyền ». Thánh-thượng mới cho ra nhà ngoài để kê đơn thuốc để nạp.

Tôi ra ngoài cửa cung đến điếm thị-kỵ với hai vị quan cùng ngồi. Quan Chánh đường nói rõ căn bệnh và hiện chứng cho tôi được rõ, lại hỏi tôi là chứng bệnh của Thánh-Thượng thế nào? tôi tự nghĩ Thánh-Thượng gầy còm, da xe, đi đái vàng, đi cầu ra cả cơm, bụng đầy hay ợ, lại sốt từng cơn, miệng khát lưỡi lở, ho đàm thất thanh, đều là chứng tinh khô huyết kiệt, mà mạch lại huyền cấp chỉ sợ khí của tì vị yếu quá, nếu vì lẽ các thầy chưa dùng thuốc bổ mà không phải vì bệnh thì mới có thể vãn hồi được. Tôi nghĩ như vậy rồi trả lời quan Chánh-đường rằng : « Bệnh dễ chữa hay khó tôi chưa dám quyết, đợi uống một ít thuốc nếu sáu bộ mạch trở lại hòa hoãn mới không phải lo nghĩ ».

Tìm Sách

Hai vị quan giục tôi kê đơn thuốc, tôi kê rằng : « Tiểu-thần là Lê-hữu-Trác cẩn thận tâu kê : xin dùng bài Bát-vị hoàn gia giảm mà sắc thành cao. Thục-địa tốt 5 lạng, hoài-sơn chưng trên nồi cơm lại sao hai lần 3 lạng, sơn-thù chưng với rượu và bồ hột 2 lạng, mẫu-đơn sao khô 1 lạng 5 chỉ, bạch-phục-linh tẩm nước sữa 1 lạng rưỡi, mạch-môn bỏ lõi 1 lạng 2 chỉ, ngũ-vị 8 chỉ, phụ-tử chế 5 chỉ, nhục-quế 5 chỉ, các vị bỏ vào trong nồi đất sắc lấy nước rồi đun kỹ thành cao, cho thêm vào 2 lạng cao lộc-nhung, 1 lạng cao ký-tử đem đun cho đều rồi bắc ra, mới cho nhục-quế tán bột vào đậy kỹ dâng vua uống một chén trà nhỏ (sắc đặc nước thần-thảo cho tan ra) nay cẩn thận xin tâu ».

Gần tối, lại thấy Tước-hầu Trạch-Trung đến triệu tôi, quan Chánh-đường và quan Tham-đồng với tôi cùng vào để xem lại mạch. Thánh-Thượng hỏi tôi « Mạch đã «hồng-xác» sao ngươi lại dùng quế và phụ ? ». Tôi tâu rằng : « Hạ-thần thấy mạch nhà vua vô lực dù có nóng sốt cũng là giả nhiệt, nay hạ-thần xem lại quả nhiên là chứng ở trên đầy đủ mà ở dưới hư tổn, thời phương thuốc ấy có thể ổn đáng. Vua lại hỏi rằng : « Trẫm đã nóng sốt cớ sao ngực cách lên mà ăn không tiêu ? » tôi tâu rằng : « tiểu-thần thấy trong sách thuốc có nói mạch không có thần, cho nên hỏa phù-du ra ngoài biểu thời ngoài nóng mà trong lạnh, trên đầy đủ mà dưới hư tổn, cho nên bụng đầy mà ăn không tiêu ». Vua lại hỏi rằng : « Ở trong lạnh cớ sao lại đi đái vàng mà đục ? » Tôi tâu rằng : « Hạ-thần thấy sách Nội-kinh có nói : « Khí lực ở trong không đầy đủ thời nước giải biến sắc đi, thời không phải nước giải vàng và đục mà là nhiệt ». Thánh-Thượng nói : « Ngươi nói như thế là sở kiến nhất định, nhưng

TimSách

theo phương thuốc đó hãy sắc chén nhỏ để uống thử ». Hai vị quan kia cũng tâu rằng : « Bài thuốc anh Trác dâng lên có thể ổn đáng.»

Xong chúng tôi cùng đi ra điếm Thị-Kỵ, quan Chánh-đường có ý ngần ngại bảo tôi rằng : « Mạch nhà vua « hồng-xác » mà Tôn-công dùng Quế và Phụ để giúp nóng, nếu không phải là chứng hỏa hư thời thật là đáng sợ ». Quan Tham-đồng nói rằng : « Trên ngọn lửa lại đổ thêm dầu, nếu sở kiến không nhất định có đâu dám chữa liều ». Tôi nói rằng : « Riu búa ở trước mặt tôi không biết sợ hay sao ?». Trước kia các thầy đã dâng thuốc mát cho nhà vua dùng thế mà nóng sốt không nhẹ, lại tăng thêm chứng đầy thời ngoài nóng mà trong lạnh còn nghi ngờ gì nữa ? Quan Tham-đồng khen rằng : « Như thế là có chứng cớ ». Quan Chánh-đường cười mà rằng : « vậy thời phải chế thuốc ngay », mới sai quan Thủ-phiên ở Hữu-viện đem thuốc đến cân đúng từng vị, rồi giao cho quan Hầu thuốc đem sắc. Rồi hai vị quan đều về trụ sở.

Sau đó, tôi cùng quan thầy thuốc ở Hữu-viện nói chuyện, thấy một vị quan đứng ở trước tòa nhà rộng cách chỗ tôi ngồi độ vài chục bước, lấy tay vẫy tôi. Tôi đến thời vị quan ấy bảo rằng : « Vàng chỉ của Thánh-mẫu triệu thầy đến hỏi xem mạch của thánh thượng thấy như thế nào ? » Tôi nghĩ mà nói rằng : « Đợi uống xong thang thuốc này mới có thể tâu rõ được ». Vị quan ấy đi vào trong cung, hỏi ra mới biết vị ấy là Tước Hầu Thản-Trung ở ban mậu-sai. Tôi lại cung thập-tự để xin về trọ. Quan Chánh-đường bảo sớm mai phải lại. Vừa trống canh năm tôi đến thì cửa phủ còn đóng. Tôi đợi

Tìm sách

mở cửa mới vào. Tôi thấy quan Chánh-đường nét mặt vui mừng. Tôi cũng mừng thầm là Quế, Phụ không nóng rồi. Quan Chánh-đường cho tôi biết thuốc ấy dâng lên nhà vua, uống lần thứ nhất đỡ ho, gà gáy lại sắc thang nữa. Uống hết thời tiểu tiện đi nhiều mà đỡ vàng, rồi quan sai tôi đi theo vào ngoài cửa cấm đứng đợi mà quan đi vào trước, một lát thấy truyền mệnh cho tôi vào xem lại mạch. Thánh-Thượng hỏi rằng : « Uống thuốc ấy cũng được nhẹ nhàng và muốn ăn ». Tôi tâu rằng : « Sức thuốc còn ít cho nên chưa được công hiệu, xin chế làm thuốc cao mới có thể điều bổ được. » Vua sai chế ngay thuốc cao, quan chánh-đường và tôi đi ra điếm Thị ky ăn sáng, rồi sai tôi chọn thuốc để nấu cao : lộc-nhung tốt 10 lạng đun thành cao chỉ còn 2 lạng, nhân-sâm 1 cân (hạng 4,5 chi một lạng), hai vị ấy định giá là một ngàn một trăm quan, hợp với các vị thuốc khác nấu thành cao xong, giao cho vị quan hầu trà coi giữ để dâng lên.

Song thấy tước-hầu Thản-Trung bảo tôi rằng : « Vâng chỉ của Thánh-mẫu truyền cho thày thuốc già được biết, Thánh-Thượng dùng 14 phương thuốc ấy người rất nhẹ nhàng, Thánh-mẫu mừng lắm, sai tôi hỏi vị thày thuốc già rằng, Thánh-mẫu có chứng đau cạnh-sườn đã một năm, chữa có được chóng khỏi hay không ? » Tôi thưa rằng : « Phải đợi xem mạch mới biết chóng hay chậm khỏi ». Rồi, Tước-hầu Thản-Trung đi trở vào.

Liền thấy tước hầu Trạch-Trung đến điếm Thị-ky nói rằng : « Vâng chỉ nhà vua, ban cho vị thày già ». Quan Chánh-đường sai tôi quỳ xuống, tước-hầu Trạch-Trung đứng lên xướng rằng : « Kính vâng Thánh chỉ khen vị thày thuốc già, tâu đối được rõ ràng và hiểu lẽ mạch, vậy thưởng

Tìm sách

cho một con Thái-Ngưu và ban cho áo mát và áo dầy để trịnh trọng lúc vào chầu ». Quan Chánh-đường sai tôi đứng dậy nói với tước-hầu Trạch-Trung rằng : « Xin chiếu theo lệ thường ». Tước-hầu Trạch-Trung không biết là thế nào, hỏi nhỏ quan Thủ-Phiên ở Nội-Viện, thời quan Thủ-Phiên bảo : « Một con Thái-Ngưu giá mười quan tiền, » thế là tôi được số tiền và hai thứ áo.

Bấy giờ, có nhà buôn người tầu tên là chú Bầy, thấy tôi chế thuốc cho nhà vua với giá tiền rất nhiều, y mới nói rằng : « Trong mấy năm nay, mỗi thang thuốc của vua uống không ngoài 3, 4 tiền (ba hay bốn phần mười của quan) nay vị thày thuốc già cắt một thang thuốc cho vua đến hơn một ngàn quan, thế mới xứng đáng là thuốc của nhà vua.

Nguyên vợ chồng chú Bầy được nhà vua yêu thương, cho nên nói dông dài như thế mà không kiêng kỵ. Từ đấy, tôi với chú Bầy quen biết, trong cung đã nói đùa là hai lần bầy là mười bốn, (vì người khách ấy tên là Bầy mà tôi là người con thứ bầy). Chú Bầy nguyên có biết thuốc, trước chỉ thấy nhà vua uống thuốc hàn-lương hay là tiêu đi, thường tâu xin nhà vua nên uống thuốc bổ, nhưng vì khác với ý kiến của các vị thày thuốc kia, cho nên lời tâu vô hiệu. Nay thấy tôi dùng thuốc bổ, y cho là ý hợp nên đối với tôi rất hậu, có khi mời tôi nghỉ ở nhà y hay mời ăn cơm.

Một hôm, quan Chánh-đường bảo tôi rằng : « Tôn công phải về ngay, sắm sửa mũ áo để đến mai vào hầu, vì việc nhà vua ban cho không phải là khinh thường. Nếu ngày mai vào hầu mà ăn mặc như hôm nay là coi thường

Tìm sách

mệnh nhà vua, mà phạm vào tội chết ». Tôi sắp ra về, quan Chánh-đường lại dặn đi, dặn lại, tôi hiểu rằng: « Quan biết bụng ta, không cho ban lộc làm vinh, vả lại, quan tiến cử cho ta cho nên để ý giúp đỡ ». Chiều hôm ấy, thấy binh lính của quan Chánh-đường đem mười quan tiền đến chỗ trọ của tôi. Đến trống canh hai lại thấy lính hầu bếp đệ thức ăn của nhà vua đến ban cho.

Sáng hôm sau, tôi mặc mũ áo đến Phủ, quan Chánh-đường thấy tôi ăn mặc có vẻ quan dạng thời nét mặt vui mừng, rồi bảo tôi rằng: « Thánh-Thượng đêm hôm qua đã khỏi sốt mà tiểu-tiện đã trong, chỗ ngực cách lên đã thấy nhẹ. Đêm nay đã dâng ba lần thuốc cao. Tôi nghe nói mừng thầm mà cùng vào để xem mạch. Bấy giờ, Thánh-Thượng đang ngự trên võng, ngồi xuống nệm gấm cười bảo quan Chánh-đường và quan Tham-đồng rằng: « Trẫm hôm nay cử động đã thấy nhẹ nhàng, phải chăng là sức của Quế, Phụ, hơn nữa bụng đã thấy đói, nếu như trước dùng mãi thuốc mát chả phải nhầm lắm hay sao? » Quan Chánh-đường tâu rằng: « Lũ tiểu-thần thấy dùng Quế và Phụ cũng lấy làm sợ hãi, biết đâu giả nhiệt được quế mới mát ». Thánh-Thượng nói: « Thày thuốc ấy cũng đã kinh nghiệm mới dám dùng như vậy ». Quan Chánh-đường lại tâu: « Tiểu-thần nhiều bệnh, trong nhà cắt thuốc lấy và nhờ nhiều thày đều vô hiệu. Đến khi tiểu-thần vâng lệnh vào trấn Châu-hoan mới biết người thày thuốc này, ăn nói thô xuất nhưng lẽ làm thuốc rất tinh, thiết tưởng thày thuốc trong thiên-hạ không ai hơn được người này. » Tôi nghe nói tự nghĩ là ta có lẽ không được về nhà.

Xong đều ra điếm Thị-kỵ. Có vị quan ở Binh-bộ

Tìm sách

cầm tay tôi và nói : « Nhà vua nhẹ bệnh lòng tôi mới được khoan thai ». Vị quan ở Bộ Hộ thời trách quan Chánh-đường rằng : « Có thày thuốc giỏi như thế sao bây giờ mới tiến cử ? » Quan chánh-đường cười mà rằng : « Tôi tiến cử từ tháng hai để vào hầu thuốc Thế-Tử nhưng trong cung không dùng » Xong. mọi người đều đến ngồi ở điếm Thị-ky.

Cách 9 tháng Thế tử mới dùng đến toa thuốc của Lê tiên sinh

Bấy giờ, trong phủ đều biết tiếng của tôi, lúc tôi ngồi thường thấy người trông trộm. Quá trưa, thấy quan Nội-sai truyền chỉ nhà vua cho tôi vao hầu thuốc Thế-tử, lại truyền cho quan Chánh-đường rằng : « Từ nay chỉ cho vị thầy thuốc giả hầu thuốc, mà không cho uống một chút thuốc nào khác ». Quan Chánh-đường mới đem tôi đến chỗ nhà Thế-Tử nằm nghỉ. Tôi thấy lầu các hết tầng nọ đến từng kia. Nhà của Thế-Tử nghỉ ở bên phải, chỗ vua nghỉ, ở phía trái. Tôi theo quan Chánh-đường vào xem mạch, thời lần này thấy Thế-tử hình thể gầy còm nhiều quá, da bạc, bụng to, gân xanh, rốn lồi lên hàng tấc, thở suyễn khó chịu, mà mạch thời « trầm-tế » không có thần. Tôi nghĩ rằng : « Lần trước thấy Thế-Tử còn có da thịt, mạch còn hồng huyền, nay đã thế này thời không thể chữa được. Cổ nhân cho chứng cổ-chướng là một trong bốn chứng khó chữa, nhưng tôi chỉ dám nói là chứng cam mà không dám nói là cổ chướng. » Tôi xem xong lậy tạ mà đi ra, quan Chánh-đường sai tôi đến nhà thập-tự ghé tai tôi hỏi nhỏ rằng : « Tôn công thấy bệnh như thế nào ? ». Tôi nói rằng : « Hình thể và tinh thần đều kiệt thời không thể khỏi được ». Quan Chánh-

đường nghe tôi nói thời thở dài một tiếng, nằm ngả ra trên giường. Lại hỏi tôi rằng : « Nếu tôn-công hết sức có thể hy vọng không ? ». Tôi trả lời rằng : « Hoặc giả vì uống lâu thuốc công phạt đến nỗi tinh khiết khô kiệt mà không phải vì bệnh nay dùng thuốc bổ cũng như nắng lâu gặp mưa, thời trong mấy hôm mới biết được tốt xấu. » Quan Chánh-đường nói : « Như vậy phải chế thuốc ngay ». Tôi đem phương thuốc kê hồi trước mà dùng gấp lên, lại thêm chút Trầm-hương. Phương thuốc dùng những vị : bạch-truật 4 lạng tẩm mật sao, thục-địa 1 lạng trích khô, can-khương 6 chỉ sao đen, ngũ-vị 4 chỉ, trầm-hương 2 chỉ đều nấu thành cao, gần đặc mà sắc nước sâm để uống.

Quan Chánh-đường đưa cho quan Phó-A-bảo để chế thuốc. Gần tối tôi xin về, để học trò là Hồ-Thỏa trông việc chế thuốc. Sáng hôm sau tôi lại đến, từ đấy mỗi khi vào hầu, tôi xem mạch của Thánh-Thượng, rồi lại xem mạch của Thế-Tử. Nhưng vì có người nói với Chánh-cung (tức Hoàng-hậu thân sinh ra Thế-Tử) rằng : « Từ trước thuốc của Thế-Tử uống không dám dùng bạch-truật và thục-địa, vị truật vít khí lại, mà thục-địa ngưng trệ tỳ-vị, thế mà thuốc này dùng đến ba, bốn lạng thật là kinh sợ, nếu uống thời đại-tiểu-tiện đều bí ». Chánh cung gọi chú Bảy đến hỏi. Y tâu rằng : « Uống nhiều thuốc tiêu mà chứng cổ chướng vẫn tăng lên, nay dùng thuốc bổ để tiêu đi thời không nghi ngại gì, nếu vạn nhất thế nào cả nhà tiểu-thần xin chịu tội ».

Chú Bảy đem việc ấy nói cho tôi biết khi vào phủ tôi nói to để các thầy thuốc ở trong viện cùng biết rằng : « Thế-tử gan ruột như sắt đá, thật là người trời,

Tìm sách

khoảng một năm nay uống bao nhiêu thuốc công phạt mà thần sắc vẫn còn, nếu là con nhà dân thời một ngày không chịu nổi, là vì chứng bệnh không thực thời hư, thuốc chữa không công thời bổ, đã dùng mãi thuốc công mà bệnh không lui, thời đúng là chứng hư, hư thời phải bổ, công phạt đã vô hiệu mà thuốc bổ cũng không dùng thời còn làm thế nào? Vả lại đã một năm chầy sức mình không chữa nổi, thời sao còn ghen tài tranh công, lại thêm ngăn trở gièm pha, thời lòng trung của thần tử ở đâu ? ». Mọi thầy thuốc nghe tôi nói cũng đều cười nhạt mà thôi.

Nguyên bọn gièm pha ấy, cậy nhà vua tin dùng thời khinh miệt lời của tôi. Hơn nữa, trước kia tự cho là « Mục hạ vô nhân » nay thấy tôi có chút tài, thời ghen ghét để tôi không được thi thố. Còn người Tàu là chú Bảy thời cho tôi biết rằng : « tôi được nghe Thánh-thượng hỏi hận về uống nhầm thuốc Hàn lương, một khi thuốc bổ của tôn công có hiệu, thời những thầy thuốc cho nhà vua dùng thuốc Hàn lương công phạt phải đền tội chết ». Tôi trả lời chú Bảy là : « Cũng có lẽ thế ».

Trong vài hôm, Thế-Tử uống thuốc cao ấy, đại tiểu tiện đều được thông, bụng mềm muốn ăn. Người Tàu là chú Bảy đắc ý, nói chạm đến các thầy thuốc kia, thời bọn ấy rất thẹn, có người cáo bệnh không đến. Chú Bảy nói nhỏ với tôi rằng : « Chánh-Cung (mẹ đẻ Thế-Tử) rất mừng, muốn trọng thưởng cho tôi ». Tôi còn e bệnh chưa đỡ nhiều thời chưa chắc đã thành công, nên tôi khẩn khoản nói với chú Bảy rằng : « Tôn công tâu giúp tôi là chưa thật thành công thời không dám nhận thưởng ».

Tìm sách

Vua Lê quá già yếu nên phương thuốc của Lê tiên sinh cũng vô hiệu

Thánh-thượng uống thuốc cao trong sáu, bảy hôm, các bệnh như không còn nữa, nhưng ăn uống không tiến, chân tay mỏi mệt, nhọc không muốn nói. Quan Chánh-đường hỏi kín tôi rằng : « Sao bệnh đã lui mà tinh thần lại kém ». Tôi không dám nói, quan hỏi hai, ba lần, tôi mới thưa rằng : « bệnh giảm mà nguyên khí lại kém, là khí của tỳ vị đã bại thời thuốc gì cũng không lấy lại được ». Quan Chánh-đường bảo tôi bây giờ nên như thế nào ? Tôi thưa rằng : « Phải cứu ngay lấy khí của tỳ-vị ». Rồi tôi kê toa dùng 2 lạng Sâm Bắc, 1 lạng rưỡi bạch-truật, 8 chỉ phụ tử, sắc đặc uống luôn, uống như thế trong hai hôm mà bệnh vẫn như cũ, lại cách hai hôm nữa là ngày 11-9 âm-lịch thời Thánh-Thượng băng hà.

Thế tử cũng nặng bệnh bị cảm, tiên sinh cáo ốm không vào

Tôi theo như trước, hàng ngày đến Đông-cung để hầu thuốc. Sau hôm Thánh-Thượng mất, thời Thế-Tử lên ngôi. Các quan văn-võ đến lễ mừng. Tôi vẫn phải điều trị bệnh của Thế-Tử, ngờ đâu Thế-Tử ra ngoài cảm gió, về trong cung thời nóng-lạnh. Triệu tôi vào xem mạch, tôi cho uống bài Bát-vị bỏ mẫu đơn bớt trạch-tả thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất. Thời các chứng bệnh có đỡ mà khí đem lên như người suyễn, rồi chứng bệnh trước lại hiện ra. Tôi tự nghĩ sức mình không chữa nổi, mới cáo bệnh không vào hầu. Ngày thứ ba, lại sai vị quan ra hỏi thuốc.

Tìm sách

LÊ TIÊN SINH XIN VỀ HƯƠNG SƠN

Bấy giờ, may được người thày thuốc tỉnh Sơn-tây vào hầu thuốc tôi mới được thư nhàn. Tôi tự nghĩ lúc này ta nên trông cơ hội mà lui. Rồi tôi đến quan Chánh-đường nói dối là người nhà có bệnh cần cấp, tôi thường tiếp thư nhưng trước chưa dám nói, nay xin đại nhân thương cho. Nhưng quan Chánh-đường ngần ngại. Tôi lại thưa xin về tạm để xem bệnh mà lại xin đến sau, quan Chánh-đường bảo rằng : « Nay sự thế lại khác, tôn công nên vào trong phủ nói với các quan Thụ-mệnh và bái tạ Thế-Tử mới được ». Tôi theo lời xin với các vị quan, thời có vị cho, có vị không cho. Tôi nghĩ rằng : « Người ưng cho quá nửa, thời ta có thể đi được, » mới đến trong cung bái tạ, khi đến cửa cung gặp chú Bầy là người Tầu, y cầm tay tôi mà nói rằng :

« Tôn công đi xa, tôi ngày đêm không lấy gì nguôi buồn, y lại nói tiếp các thày thuốc thường đâu có chữa được. Chúng ta nên cố sức may ra mới lấy lại được. » Tôi trả lời rằng : « Tôi về nhưng bất nhật lại đến, » thời chú Bầy cười mà rằng : « Đâu có lẽ thế ». Tôi cười mà rằng : « Tôn huynh sao lại nói như vậy ? ». Rồi hai người dắt tay nhau vào cung.

Bấy giờ, con Phó-A-bảo bế Tiểu-vương ở trong lòng. Tôi lậy bốn lạy, Tiểu-vương có nói : « Chè của thày thuốc già này ngọt dễ uống, ta muốn uống mãi ». Tôi tự than rằng : uống mãi thuốc đắng và lạnh di hại đến thế nào ? tôi rảo chân ra, cáo biệt quan Chánh-đường, quan phát cho năm mươi quan tiền hành lý. Tôi chỉ lãnh mười quan, rồi tôi đến cáo biệt vị quận-hầu,

Tìm sách

vị quận hầu trả tiền thuốc và tặng tôi ít quà. Tôi đứng dậy cáo biệt, thời vị quận-hầu đi bộ trong đoạn đường bùn lầy tiễn tôi ra khỏi cổng dinh. Vị quận-hầu cầm tay tôi mà nói: « Tôi bao giờ lại gặp được tôn-công ? » rồi hai người cùng rỏ nước mắt.

Tôi sợ lúc về có ngăn trở, mới cáo biệt chủ nhà rồi cất lẻn đi đến nhà người cháu để sắm sửa hành lý, và mượn binh lính của bạn thân để giúp việc, viết thư gửi đến các người quen nói dối là đi đường bộ mà sai người thuê đò để đi đường thủy. Bạn thân có ai biết, như các vị quan Hữu-Trạch-ưu và Tả-nhuệ, v. v... đều đến tận nơi để tiễn chân.

Sáng ngày 12-10, tôi đi bộ đến Hoành-đình, quan Thị-nội-tả đóng quân ở đấy có tặng tôi một bao trà và một bài thơ. Tôi đến bến Tràng-Tín, bước xuống thuyền đi xuôi. Tôi ở trong thuyền hớn-hở như chim được thoát lồng, có ngâm một bài thơ Thất ngôn để cảm hoài. Quá trưa đến bến đò Lảnh Tô lên đò để đi bộ, có vào chơi chùa Nguyệt-đường, thấy nhiều phong cảnh thiên-nhiên có đề một bài thơ thất ngôn ở tường chùa.

Tôi ra đi đến dinh Hiếu-nam vào thăm quan Thư-ký, vì quan ấy là người Châu-hoan với tôi có quen biết, tôi nghỉ lại vài hôm để mua ít thuốc Bắc, lúc đi có mượn sáu người lính ở trấn ấy để giúp việc.

Ngày 18 tôi đến làng Nguyễn-xá để thăm hỏi họ vợ, có sửa lễ để cáo yết nhà thờ. Bây giờ, quan Tri-phủ Tiên-Hưng cũng ở nhà, thấy tôi mừng rỡ và kể bệnh xin thuốc. Tôi cho toa thuốc bổ và biếu nửa lạng nhục-quế.

Tìm Sách

Khi ấy, cả người nhà và binh lính giúp việc đông đến hai mươi người. Hơn nữa, từ kinh đến chỗ ấy, lẽ ra chỉ đi trong 2 ngày đường vì sợ có ngăn trở mà đi đến 7, 8 ngày, thời tiền lương gần hết, cho nên ngày 19 tôi lại cáo biệt lên đường, có mượn thuyền của quan Tri-phủ đi từ bến sông Viễn-xá xuôi dòng nước đến đình Hà-xá là quê họ ngoại của phụ-thân tôi. Nhưng vì con cháu nhà họ ngoại suy bại, dù có đến cũng không nói chuyện với ai được. Tôi mới buộc thuyền ở bên đình trông về phần mộ nhà họ ngoại lậy mấy lậy rồi lại xuống thuyền ra đi. Đến xã Trinh-tiết và xã Phù-viên là những nơi du ngoạn trong khi tôi ít tuổi, thời quang cảnh có khác, lại nhớ người quen lúc trước, ai còn ai mất, mới ngâm một bài thơ cảm hoài.

Về đến quê Hương sơn

Từ đấy, ngày đi đêm nghỉ chỉ mấy hôm sau đến đồn Vĩnh-Doanh. Tôi vào yết kiến quan Thự-Trấn, mượn mấy người binh lính khác để thay cho người cũ. Ngày 02-11 về đến nhà. Hôm sau, cho những người binh lính giúp việc tùy tiện về nhà hay về kinh và sửa biện xôi, lợn để cáo yết từ đường.

Cách mấy hôm, tôi nghe tin quan Chánh-đường bị hại, mà mọi người nhà đều bị sụp đổ. Tôi than rằng : « Phú quí như đám mây bay, bao nhiêu lâu đài phút chốc thành ra hoang tàn ». Lại mừng thầm rằng : « Ta ẩn mình chỗ lâm tuyền, một khi bị triệu đến Kinh, gần tới một năm kêu xin bao nhiêu lần mới được ra về, nếu không vững tâm mà nhận một chức quan, thời chưa thành danh mà

TimSách

thân đã bị nhục, may sao không mê về danh lợi mà về chỗ cố san, lúc nào cũng mừng thầm ta không bị người chê cười chỉ là không tham mà thôi.

Vì thế lúc nhàn rỗi tôi ghi chép một thiên ký sự này để con cháu về sau biết lấy 2 chữ « không tham » làm của báu.

Bài ký này làm tại tháng 11 năm Qui-Mão
là năm thứ 44 niên-hiệu Cảnh Hưng triều Lê.

TìmSách

MỤC-LỤC

HẢI THƯỢNG Y TÔN

Quyển V

Trang

Tập PHỤ ĐẠO XÁN NHIÊN

Lời dịch giả 2342

Bài tiểu dẫn của tác giả 2343

Thể lệ đọc cuốn sách này 2344

Phụ Đạo Xán Nhiên gồm 2 tập :
tập Tiền và tập Hậu 2345

Tập TIỀN

Nguyệt kinh (gồm 5 điều). 2351

1) Căn bệnh. 2352

2) Phân biệt chứng bệnh. 2353

3) Phép chữa. 2355

4) Những phương thuốc thường dùng. 2356

5) Những vị thuốc thường dùng. 2362

Chứng băng huyết và lậu huyết (gồm 3 điều) 2363

1) Căn bệnh. 2363

2) Phân biệt chứng bệnh. 2363

3) Những phương thuốc thường dùng về chứng băng-huyết và lậu-huyết. 2365

Tìm sách

Chứng đái-hạ (gồm 4 điều) 2368

1) Căn bệnh. 2369
2) Phép chữa. 2369
3) Những phương thuốc thường dùng về chứng đái-hạ 2370
4) Những vị thuốc thường dùng về chứng đái-hạ. 2373

Tạp chứng (gồm 18 điều) 2374

1) Nhiệt vào trong huyết. 2374
2) Chứng huyết-phận và khí-phận. 2374
3) Chứng chích-nhục mai-hạch. 2374
4) Chứng trưng, hà, huyễn tích. 2375
5) Chứng chỗ kín sưng lên. 2376
6) Chứng chỗ kín ngứa hay là mọc nhọt. 2377
7) Chứng chỗ kín lạnh. 2378
8) Chứng chỗ kín lòi ra. 2378
9) Chứng chỗ kín mọc thịt. 2378
10) Chứng mới lấy chồng mà cửa-mình đau. 2378
11) Chứng giao hợp với đàn ông mà ra huyết. 2378
12) Chứng chỗ kín như có tiếng thổi. 2379
13) Chứng bụng dưới sưng và đau (do-hiền). 2379
14) Chứng gót chân sưng đau. 2379
15) Chứng ngón chân nóng. 2380
16) Chứng trên đùi có nhọt (liêm sang) 2380
17) Chứng huyết-phong-sáng. 2381
18) Chứng giao hợp với ma quỷ. 2381

Mục cầu tự (gồm 6 điều). 2382

1) Căn bệnh. 2382
2) Về điểm không có con. 2384
3) Những phương thuốc cầu tự. 2385
4) Bàn về thụ thai. 2386
5) Mạch như thế nào mà có thai. 2387
6) Phân biệt trai hay gái. 2388

Tìm sách

Lúc có thai (thai tiền) (gồm 5 điều). 2391

1) Căn bệnh 2391
2) Phân biệt chứng bệnh 2392
3) Phép chữa. 2394
4) Những phương thuốc thường dùng 2395
5) Những vị thuốc thường dùng 2398

Những chứng bệnh trong khi có thai (gồm 31 điều) 2399

1) Nôn ọe (ố trở) 2399
2) Buồn phiền (tử-phiền) 2399
3) Phiền táo. 2400
4) Tử huyền. 2400
4 bis) Tử mãn, tử sũng, tử khí. 2400
5) Đau bụng. 2401
6) Đau ngang lưng. 2402
7) Lậu thai ra huyết. 2403
8) Đi cầu ra huyết. 2405
9) Đái rắt (tử lâm). 2405
10) Chuyển dạ con (chuyển bào) 2406
11) Không nói được (tử câm) 2407
12) Đi đái són ra. 2408
13) Trúng phong. 2408
14) Sốt thương hàn. 2409
15) Sốt rét (tử ngược). 2410
16) Đi lỵ. 2410
17) Đau bụng (hoắc-loạn). 2411
18) Đi tả. 2411
19) Thương thực. 2412
20) Thổ huyết. 2412
21) Suyễn xúc. 2412
22) Lo thương. 2413

Tìm Sách

23) Thai khóc trong bụng. 2413
24) Động thai, lậu thai. 2413
25) Thai chết trong bụng. 2414
26) Trụy thai. 2415
27) Thai không lớn lên được. 2417
28) Quỷ thai. 2418
29) Chứng tràng đàm tựa như có thai. 2418
30) Huyết tích tựa như có thai. 2419
31) Có thai khác thường. 2419

Sản-hậu (gồm có 4 điều). 2420

1) Căn bệnh. 2420
2) Những chứng về sản hậu. 2421
3) Phép chữa. 2422
4) Những vị thuốc thường dùng về chứng sản hậu. 2423

Tạp chứng về sản hậu (gồm 45 điều) 2424

1) Huyết vậng 2424
2) Huyết xấu không ra hết. 2425
3) Huyết hôi ra mãi không ngừng. 2425
4) Nhức đầu 2426
5) Đau ngực. 2426
6) Đau bụng. 2427
7) Đau bụng dưới. 2429
8) Đau ngang lưng. 2429
9) Đau cạnh-sườn. 2430
10) Chứng tích-tụ (trưng, hà) 2430
11) Nôn, ọe. 2431
12) Đi tả. 2432
13) Đi lỵ. 2432
14) Nấc ngược lên. 2433
15) Thở suyễn. 2433
16) Phù-nề. 2434

Tìm Sách

17) Đau mình và tay chân. 2434
18) Phát sốt. 2435
19) Thương thực mà phát sốt. 2436
20) Ra mồ-hôi vì hư yếu. 2436
21) Mồ-hôi ra ở đầu mà người uất và mụ đi. 2437
22) Trúng phong. 2437
23) Người ngay ra. 2438
24) Cấm khẩu. 2438
25) Uốn ván. 2438
26) Gân co vào hay là thượt ra. 2439
27) Kinh sợ. 2439
28) Phát cuồng. 2439
29) Miệng mũi đen mà mửa ra máu 2440
30) Ho đàm. 2440
31) Sốt rét. 2440
32) Lao mòn. 2440
33) Băng huyết. 2441
34) Đại tiện khó. 2442
35) Đái rắt. 2442
36) Đại tiểu-tiện đều không thông. 2442
37) Tiểu-tiện đi nhiều. 2443
38) Đại tiểu-tiện ra huyết. 2443
39) Ung nhọt. 2443
40) Kinh nguyệt không thông. 2444
41) Không có sữa. 2444
42) Sữa tự nhiên ra. 2445
43) Chỗ kín thoát ra. 2445
44) Cửa mình không hẹp lại. 2445
45) Nhũ ung và nhũ nham. 2446

Tập TỌA THẢO LƯƠNG-MÔ

Lời dịch giả 2453
— Lời dặn về lúc sanh. 2456

TimSách

— Nói về nguyên nhân khó sanh. 2458
— Những điểm cần cho người khó sanh. 2459
— Gần đến tháng sanh. 2459
— Những bài thuốc để thôi sanh. 2466
— Những bài thuốc ít vị để thôi sanh. 2470
— Nói về chứng sanh ngang đẻ ngược. 2473
— Chứng thai chết trong bụng và bài thuốc chữa. 2478
— Chứng nhau không ra và bài thuốc chữa 2486
— Các chứng hiểm sau khi sanh. 2493
— Những bài thuốc để dự-bị. 2496

Tập ẤU ẤU TU TRI

Lời dịch giả 2511
Bài tiểu dẫn của tác giả 2512
Thể lệ xem cuốn sách này 2514

Tập KIM

1) Bốn điều thiết yếu 2517
2) Hình đồ mặt người 2517
3) Trông bình sắc 2517
4) Xem tổng quát về mặt 2527
5) Nghe tiếng nói 2529
6) Hỏi chứng bệnh 2529
7) Xem mạch 2529
8) Tướng thọ hay yểu 2535
9) Những chứng sống hay chết 2536
10) Nghịch chứng và tuyệt-chứng 2538
11) Hư-chứng hay thực-chứng 2539
12) Tóm lược về gốc bệnh 2541
13) Điều trị lúc mới sanh 2543
14) Phép nuôi trẻ em 2545
15) Sơ sanh không khóc được 2548
16) Ngọc hành co lên 2548

TimSách

17) Mụn mọc như nước 2549
18) Sơ sanh không có da 2549
19) Chứng huyền-ung 2549
20) Chỗ đi cầu không có lỗ 2549
21) Sơ sanh không đi đái 2550
22) Sơ sanh gầy quá 2550
23) Sơ sanh béo quá 2551
24) Sơ sanh tạng hàn 2552
25) Sơ sanh tạng nhiệt 2554
26) Sơ sanh người vàng 2555
27) Sơ sanh nhắm mắt 2557
28) Nháy mắt (đảo lia con ngươi) 2559
29) Chỗ đi cầu vít lại 2559
30) Khóc không ra tiếng 2560
31) Cắn vú 2560
32) Quỷ-thai 2561
33) Chứng Bạch-hổ 2561
34) Bệnh chú 2562
35) Trúng phải ác khí 2562
36) Vì thất vọng mà thành bệnh 2563
37) Chứng khóc đêm 2564
38) Sơ sanh kinh sợ 2569
39) Sơ sanh mà kinh giản 2570
40) Sơ sanh trúng phong 2571
41) Sơ sanh gió vào rốn 2572
42) Sơ sanh chúm miệng 2575
43) Cấm khẩu 2578
44) Chứng Thiên-Điếu 2580
45) Chứng Nội-điếu 2582
46) Chứng Bàn-tràng 2585
47) Chứng Đẹn 2588
48) Thốt nhiên kinh sợ 2589

Tìm sách

49) Đêm ngủ hay giật mình và khóc, 2589

Tập MỘC

1) Kinh-phong 2593
2) Cấp-kinh-phong 2606
3) Mạn-kinh-phong 2613
4) Mạn-tỳ 2620
5) Mạn-tỳ-phong 2624
6) Chứng co-giật 2625
7) Bú phải sữa người mẹ có thai 2630
8) Chứng nóng tận xương 2631
9) Gầy, vàng 2632
10) Nhiều mồ-hôi 2634
11) Đi đái trắng 2637
12) Sơ sanh tiểu-tiện không thông 2639
13) Đại-tiện không thông 2640
14) Đại-tiểu-tiện đều không thông 2641
15) Bụng đầy lên 2642
16) Hai tầng lưỡi 2642
17) Lưỡi thè ra 2643
18) Lưỡi mọc mụn 2644
19) Lưỡi ngay ra 2646
20) Chứng mã-nha 2647
21) Miệng lưỡi mọc tựa trắng 2647
22) Miệng nhọt lở 2648
22 bis) Chứng ung nhọt lủng lẳng 2649
23) Lở mép 2650
24) Ớc lạnh hay nóng 2651
25) Biến chứng 2652
26) Xương sọ không liền 2658
27) Thóp sưng lên 2659
28) Thóp trũng xuống 2661
29) Xương cổ mềm mà nghẹo đi 2662

Tìm sách

30) Ngựa rùa 2663
31) Lưng rùa 2664
32) Năm chứng mềm yếu 2665
33) Năm chứng rắn chắc lại 2669
34) Chậm mọc răng 2670
35) Chậm mọc tóc 2671
36) Chậm biết nói 2672

Tập THỔ

1) Chứng thất thanh 2676
2) Chứng chậm biết đi 2677
3) Chứng bạc tất 2677
4) Chứng cam 2678
5) Chứng đơn độc 2699
6) Chứng sốt 2703
7) Chứng nôn ọe 2711
8) Chứng đi cầu lỏng 2717
9) Chứng thổ và tả 2722
10) Chứng đình tích 2727
11) Chứng hòn kbối 2729
12) Chứng đầy bụng 2731
13) Chứng hoàng đảm 2733
14) Chứng sưng hòn dái 2734

Tập THỦY

1) Chứng sản-khí 2738
2) Chứng đau bụng 2739
3) Chứng ho đàm 2740
4) Chứng thở suyễn 2744
5) Chứng gầm gào 2748
6) Chứng kinh-giản 2750
7) Điên-cuồng 2759
8) Phép cho thôi trẻ bú 2760
9) Chứng thấp-tê 2761

Tìm sách

10) Chứng lở đầu 2762
11) Bệnh về mắt 2763
12) Bệnh về tai 2768
13) Bệnh về mũi 2774
14) Bệnh miệng và môi 2778
15) Bệnh cổ-họng 2780
16) Bệnh về răng 2783
17) Thổ huyết 2785
18) Chứng ly 2787
19) Tiện huyết 2793
20) Thoát giang 2796
21) Bệnh trĩ 2799
22) Chứng nề chướng 2800
23) Vãi đái hay đái rồi lại són ra 2806
24) Trúng hàn 2808
25) Trúng thử 2810
26) Trúng thấp 2812
27) Nhọt lở 2813

TẬP VẬN KHÍ BÍ ĐIỂN

Lời dịch giả 2823
Tiểu dẫn của soạn giả 2825
1) Bàn về câu có học kinh Dịch mới học được thuốc 2829
2) Thể lệ đọc cuốn này 2831
3) Nói về trông khí mây 2833
4) Quy-thức làm cờ để đong gió 2834
5) Phương vị bản đồ Thiên-nghi 2834
6) Đài Kính-thiên (hình đồ) 2834
7) Phép xem theo đồ bản « Kính-thiên » 2835
8) Phép đoán 2835
9) Xem giờ tốt xấu 2837
10) Hình đồ số 4 để xem tứ thời bát phong 2840
11) Phép xem 2840

Tìm sách

12) Xem tám chiều gió về 4 mùa 2841
13) Xem về bát phong, theo sách Linh-Khu 2842
14) Xem về tặc-phong « gió độc » 2844
15) Phép xem cửu-cung, bát-phong 2844
16) Hình đồ xem cửu-cung, bát-phong 2816
17) Nói về chủ-vận 2846
18) Phép lập chủ-vận 2847
19) Phép đoán chủ-vận 2847
20) Hình đồ chủ-khí 2848
21) Nói về chủ-khí 2848
21 bis) Phép lập chủ-khí 2849
22) Phép đoán chủ-khí 2849
23) Hình đồ chủ vận 60 năm (11 bản) 2851
24) Nói về khách-vận 2851
25) Phép lập khách-vận 2852
26) Phép đoán khách-vận 2854
27) Hình đồ lập thành khách khí hàng năm trong 60 giáp tý xem năm Tý-ngọ 2857
28) Hình đồ xem năm Tỵ, Hợi 2859
29) Hình đồ xem năm Sửu, Mùi 2861
30) Hình đồ xem năm Dần, Thân. 2863
31) Hình đồ xem năm Mão, Dậu 2865
32) Hình đồ xem năm Thìn, Tuất 2867
33) Nói về khách-khí 2869
34) Phép đoán khách-khí 2873
35) Phép Tổng đoán về vận-khí 2883
36) Bí quyết xem khách khí 2883
37) Hình đồ lập thành 60 năm số 24-25-26. 2888
38) Các sao tốt xấu thế nào ? 2889
39) Căn bệnh về ngũ vận 2892
40) Bệnh căn thuộc về sáu khí 2892
41) Nói về chính hóa và đối hóa. 2893

TimSách

42) Hình đồ lục-luật lục-lã số 27-28-29 2894
43) Vận và khí tương lâm mà đồng hóa 2896
44) Bàn về Nam-chính và Bắc-chính 2900
45) Hình đồ Nam-chính, Bắc-chính 2903
46) Bài ca Nam-chính, Bắc-chính 2904
47) Hình đồ số 30-31-32-33 2905
48) Bàn về vận khí, (Kết luận) 2907
Đính theo 33 hình đồ 2910

Tập VĨ

Lời dịch giả 2953
Bài tựa 2954
Vua Lê tuyên triệu 2955
Lê tiên-sinh khởi hành 2956
Đến Thăng-long 2962
Vào Vương phủ 2963
Coi mạch cho Thế Tử 2966
Sau khi chẩn mạch kê toa 2969
Lê tiên-sinh cáo từ tước lộc 2970
Đổi chỗ ở để tiện bè bạn đi lại và cắt thuốc 2973
Gặp vợ sư nô mà trước đã đính hôn. 2997
Về thăm quê cũ ở Liên-xá 3001
Lại về kinh đô Thăng-long 3005
Chữa bệnh cho vua Hiền Tôn 3006
Cách 9 tháng Thế-tử mới dùng đến toa thuốc của Lê tiên-sinh 3013
Vua Lê quá già yếu nên phương thuốc của Lê tiên-sinh cũng vô hiệu 3016
Thế-tử cũng nặng bệnh cảm, tiên sinh cáo ốm không vào 3016
Lê tiên-sinh xin về Hương sơn 3017
Về đến quê Hương-sơn 3019

Tìm sách

TìmSách

HẢI-THƯỢNG Y-TÔN TÂM-LĨNH (Quyển V)
của LÃN-ÔNG LÊ-HỮU-TRÁC
do ĐÌNH-THỤ HOÀNG-VĂN-HÒE
và HOÀNG-ĐÌNH-KHOA dịch
Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Lê Lợi Sài-gòn
xuất bản

In tại nhà in VĂN-HỮU 43/1 Chi-Lăng G.Đ.
Phát hành ngày 14-3-75 – 2.000 cuốn
GPKD số 576/75 BDVCH/NBCNT/ALP/TP ngày 7-3-75

Tìm sách

TìmSách

Loại sách HỌC LÀM NGƯỜI

TRÌNH BÀY NHỮNG LOẠI SÁCH GIÁ TRỊ XỨNG ĐÁNG
NẰM TRONG TỦ SÁCH GIA ĐÌNH CỦA QUÝ NGÀI

1. Bắp thịt trước đã
2. Bí quyết làm cho đời vui tươi
3. Muốn học giỏi
4. Con đường hạnh phúc
5. Sống vui
6. Người lịch sự
7. Tâm lý bạn trai
8. Tâm lý bạn gái
9. Thuật yêu đương
10. Cái dũng của thánh-nhân
11. Óc sáng suốt
12. Tôi tự học
13. Người con trai nên biết về vấn-đề nam-nữ
14. Xã giao hằng ngày
15. Người chí-khí
16. Muốn nên người
17. Vợ chồng
18. Quẳng gánh lo đi và vui sống
19. Thuật tư-tưởng
20. Làm lại sức khỏe
21. Thuật nói chuyện
22. Một nghệ-thuật sống
23. Người con gái sắp lấy chồng nên biết
24. Đông-lai bác-nghị
25. Rèn nhân-cách
26. Thuật xử thế của người xưa
27. Tổ chức gia-đình
28. Hạnh phúc gia-đình
29. Gương nghị lực
30. Làm bếp giỏi
31. Dạy con
32. Tôi có thể nói thẳng với anh
33. Thể dục phụ nữ
34. Túi khôn của loài người
35. Ái-tình và hôn-nhân
36. Đức tự-chủ
37. Ngón thần để luyện tâm
38. Nghệ-thuật nói trước công chúng
39. Tinh-thần tháo vát
40. Một nghệ thuật đọc sách báo
41. Đời sống lứa đôi
42. Huấn luyện tình-cảm
43. Sống lạc quan
44. Trau giồi ý chí
45. Muốn thành-công trên đường đời
46. Luyện trí nhớ
47. Tâm-lý ái-tình
48. Đức điềm tĩnh
49. Sống đơn giản
50. Chiến thuật chiếm một chỗ làm
51. Tình bằng-hữu
52. Bảy bước đến thành công
53. Tâm-lý quần-chúng
54. Biết người
55. Đời đang lên
56. Nghệ thuật làm đẹp cuộc đời
57. Giáo dục sinh lý trẻ em
58. Gương thành công
59. Thuật chỉ huy
60. Xã giao mới và các nghi lễ
61. Nghệ thuật làm vợ
62. Gia đình giáo dục
63. Người hữu dụng
64. Người phi thường

Những sách trên đều có bán tại :

Nhà sách KHAI-TRÍ 62, Lê-Lợi — SAIGON

Nhà in VĂN-HỮU 43/1 Chi-Lăng G.Đ. — 2.000 ấn bản
GPKD số 576/75 BDVCH/PHBCNT/ALP/TP ngày 7-3-75 — Phát hành ngày 14

Tìm sách
Librairie KHAI TRÍ
62, Rd. Lê-Lợi SAIGON

1500